

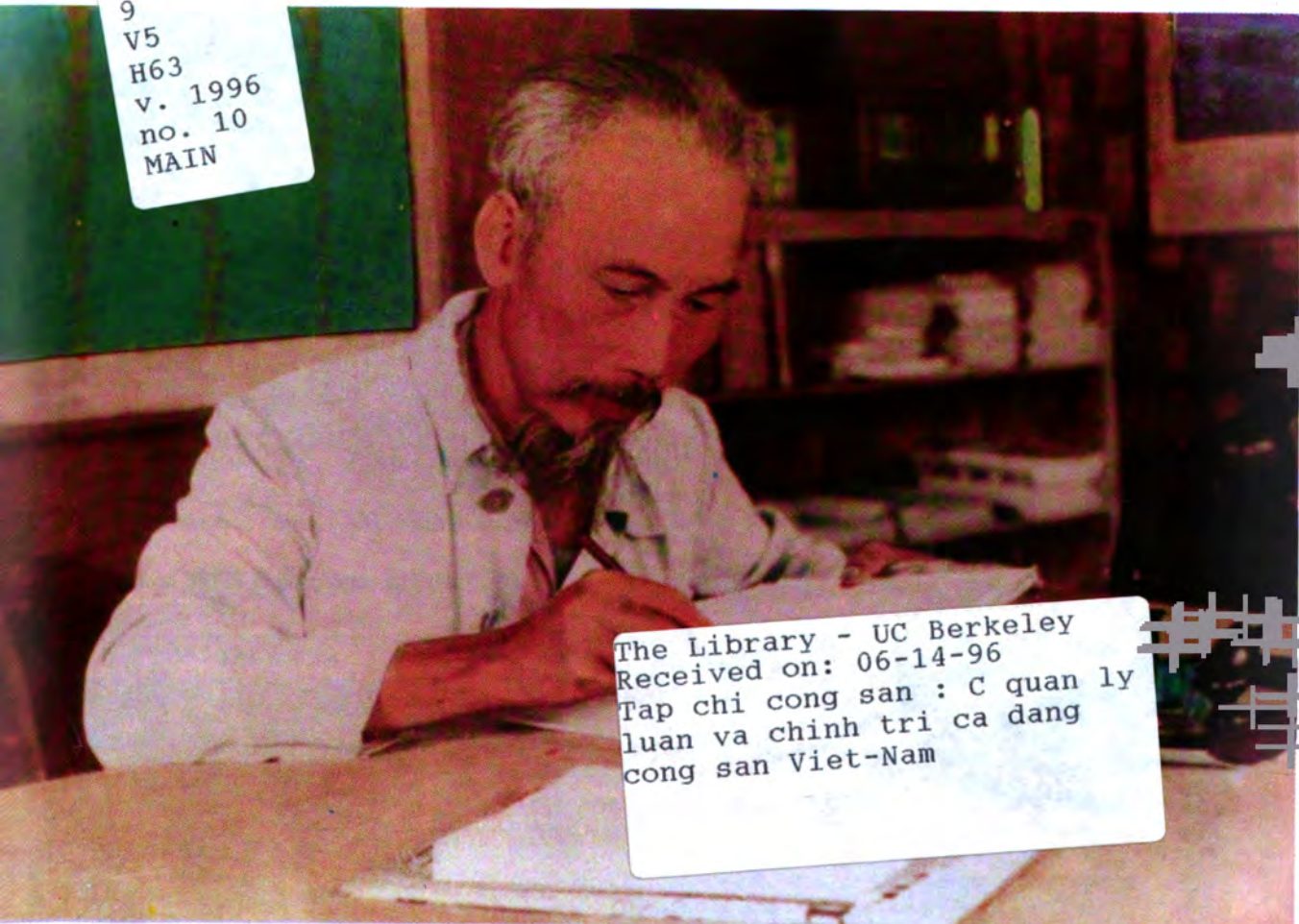
UC-NRLF



B 4 955 653

Tạp chí Công sản

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 10
MAIN



The Library - UC Berkeley
Received on: 06-14-96
Tạp chí công sản : C quan lý
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

10
5-1996

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ PETEC



TRỤ SỞ CHÍNH : 194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, Q3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : 8 299299/8 293633. Fax : 84-8-299686/225991. Tlx : 811251/811241 PET VT.
CHI NHÁNH HÀ NỘI : 26 TẦNG BÁT HỒ, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI.
Tel : 8 259839/8 256157. Fax : 84-4-266873. Tlx : 412411 PET HN.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

XUẤT KHẨU :

- **GAO** : Xuất khẩu trực tiếp các loại gạo có chất lượng cao (từ 5% đến 25% tằm). Công ty có hệ thống các xí nghiệp chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hoàn chỉnh tại Cần thơ, Long an và thành phố Hồ Chí Minh.
- **CÀ PHÊ** : Xuất khẩu trực tiếp các loại cà phê hạt. Nhận ủy thác, góp vốn đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị sản xuất và xuất khẩu cà phê trong cả nước trên lĩnh vực : trồng, chế biến và xuất khẩu cà phê.
- Các hàng hóa nông sản và hàng tiêu dùng khác.

NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI TRÊN TOÀN QUỐC:

- Các loại xăng dầu đạt tiêu chuẩn quốc gia : xăng (MOGAS 92RON, 83RON), dầu DO, dầu FO (hàm lượng lưu huỳnh thấp), dầu hỏa, dầu nhớt, khí đốt.
- Xi măng, sắt thép, phân bón, các sản phẩm hóa chất công nghiệp.
- Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ các ngành kinh tế.
- Công ty có hệ thống kho chứa (hóa chất, sản phẩm xăng dầu) và cầu cảng hoàn chỉnh có thể tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 tấn tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải phòng.

ĐẦU TƯ :

- Góp vốn đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong nước về các lĩnh vực : Bảo hiểm, ngân hàng, vận chuyển hàng khách, vận chuyển xăng dầu...



Trụ sở chính công ty PETEC tại TP. HCM

Xí nghiệp xăng dầu Cát Lái (thuộc công ty PETEC) tại TP.HCM.



PHƯƠNG CHÂM
KINH DOANH
HỢP TÁC
CHẤT LƯỢNG
HIỆU QUẢ



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 496

BỘ BIÊN TẬP : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

TIỀN TỐI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Phần đấu vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ công tác tư tưởng trong thời kỳ mới	3
	LÊ XUÂN LỰU - Về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới	7
	NGUYỄN VĂN LỘC - Xây dựng Đảng phải gắn liền với bảo vệ Đảng	11
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 106 NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	NGUYỄN DUY GIA - Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới	15
	NGUYỄN KHÁNH BẬT - Nói thêm về vấn đề cách mạng và đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh	21
	NGUYỄN AM - Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc bảo vệ môi trường sinh thái	23
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHAN THANH PHỐ và AN NHƯ HẢI - Định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam - sự lựa chọn tất yếu	27
	HOÀNG ĐẠT - Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa	30
	CHU VĂN CẤP - Về việc giảng dạy các khoa học kinh tế trong hệ thống các trường ở nước ta	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÊ NHƯ HÙNG - Bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp và vùng mỏ	37
	VŨ LÂN - Đòn bẩy cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở đồng bằng sông Cửu long	40
	LƯƠNG KIM CHUNG - Một phương thức tích cực bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người	43
ĐIỀU TRA	ĐỖ MINH NGHĨA và VŨ NGỌC LÂN - Thực trạng lao động Việt nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	46
ĐỌC SÁCH	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH - Một sự nghiệp văn học lớn, phong phú, đa dạng (Nhân đọc <i>Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh</i>)	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - Từ chủ biến thành khách	56
THỂ GIỚI ; VĂN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN DUY HÙNG - Kinh nghiệm quản lý kinh tế vĩ mô ở các nước ASEAN	57

СОДЕРЖАНИЕ

К 8^{ому} Всенациональному Съезду Партийных Представителей. НГУЕН ДЫК БИНЬ - Быть на уровне идеологических задач в новой стадии развития. ЛЕ СУАН ЛЫУ - Об отношении между строительством и защитой страны в новый период революции. НГУЕН ВАН ЛОК - Партийное строительство должно быть тесно связанным с её защитой. НГУЕН ЗУЙ ЗА - Некоторые идеи Президента Хо Ши Мина о создании государства нового типа. НГУЕН ХАНЬ БАТЬ - О проблеме революции и коммунистической партии в идеологии Хо Ши Мина. НГУЕН АМ - Президент Хо Ши Мин и проблема защиты экологической среды. Исследование - Обмен мнениями ФАН ТХАНЬ ФО и АН НЫИ ХАЙ - Социалистическая ориентация во Вьетнаме неизбежный выбор. ХОАНГ ДАТЬ - Дальнейшее обновление организации и операции торговли по пути социалистической ориентации. ТЬУ ВАН КАП - О преподавании экономических наук в школах и вузах нашей страны. Инспекция ДО МИНЬ НГИЯ - Состояние вьетнамских рабочих в предприятиях с иностранной инвестицией. Мир : Проблемы, события НГУЕН ЗУЙ ХУНГ - Опыт макроэкономического управления в странах ASEAN

CONTENTS

Towards the VIII National Delegate Congress of the Party. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Striving to meet the standards of the ideological tasks in the new era. LÊ XUÂN LUY - About relation between building and defending the Motherland in the new stage of revolution. NGUYỄN VĂN LỘC - Expanding the Party must be closely connected with its protection. *On the occasion of the 106 th birthday of President Ho Chi Minh* NGUYỄN DUY GIA - Some ideas of President Ho Chi Minh on building the new kind of State. NGUYỄN KHÁNH BẬT - Further about the problems of revolution and the communist party in the ideology of President Ho Chi Minh. NGUYỄN AM - President Ho Chi Minh and the problem of ecological environment protection. *Research and exchange of opinion* PHAN THANH PHỒ and AN NHU HẢI - Socialist orientation in Vietnam - a necessary choice. HOÀNG ĐẠT - Continual renovation of trade organization and operation in accordance with socialist orientation. CHU VĂN CẤP - About teaching economic sciences in colleges in our country. *Survey* ĐỖ MINH NGHĨA and VŨ NGỌC LÂN - Situation of Vietnamese labour in foreign investment capital enterprises *World : Problem and Events* NGUYỄN DUY HÙNG - Experiences in macroeconomic management of ASEAN countries

SOMMAIRE

Vers le VIII^e Congrès national du Parti. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Nous efforçons de nous élever à la hauteur des tâches du travail idéologique dans la nouvelle étape. LÊ XUÂN LUY - Sur le rapport entre l'édification et la défense de la Patrie dans la nouvelle étape de la révolution. NGUYỄN VĂN LỘC - L'édification du Parti doit être étroitement liée à sa défense. *A l'occasion du 106^e anniversaire du Président Ho Chi Minh.* NGUYỄN DUY GIA - Quelques points de vue du Président Ho Chi Minh sur l'édification d'un Etat de type nouveau. NGUYỄN KHÁNH BẬT - Quelques propos sur la révolution et le parti communiste dans la pensée de Ho Chi Minh. NGUYỄN AM - Le Président Ho Chi Minh et la protection de l'environnement. *Etudes - Echange de vues.* PHAN THANH PHỒ et AN NHU HẢI - L'orientation socialiste au Vietnam - un choix inévitable. HOÀNG ĐẠT - Continuer de renouveler l'organisation et l'activité commerciales selon l'orientation socialiste. CHU VĂN CẤP - Sur l'enseignement des sciences économiques dans nos écoles. *Enquête.* ĐỖ MINH NGHĨA et VŨ NGỌC LÂN - L'état réel des travailleurs vietnamiens dans les entreprises à capital étranger. *Le monde : Problèmes, Evénements.* NGUYỄN DUY HÙNG - L'expérience de gestion macro-économique des pays de l'ANSEA.

SUMARIO

Hacia el VIII Congreso Nacional del Partido NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Grandes esfuerzos por alcanzar la altura de los trabajos ideológicos en la nueva etapa. LÊ XUÂN LUY - Acerca de la relación entre la edificación y defensa de la Patria en el nuevo período revolucionario. NGUYỄN VĂN LỘC - La construcción del Partido debe ligarse a la protección del Partido. *Con motivo del 106^o Natalicio del Presidente Ho Chi Minh* NGUYỄN DUY GIA - Algunos criterios del Presidente Ho Chi Minh sobre la edificación del Estado al nuevo tipo. NGUYỄN KHÁNH BẬT - Más opiniones sobre el problema revolucionario y el partido comunista en el pensamiento de Ho Chi Minh. NGUYỄN AM - El Presidente Ho Chi Minh y la protección del medio ecológico. *Estudios-intercambios* PHAN THANH PHỒ y AN NHU HẢI - La orientación socialista en Vietnam - la inevitable escogida. HOÀNG ĐẠT - Continuación de la renovación en la organización y la actividad comercial a la orientación socialista. CHU VĂN CẤP - Enseñanza de las ciencias económicas en el sistema escolar en Vietnam. *Encuestas* ĐỖ MINH NGHĨA y VŨ NGỌC LÂN - El real estado de la mano de obra vietnamita en las empresas de capitales extranjeros. *El mundo : problemas y acontecimientos* NGUYỄN DUY HÙNG - Experiencias de la macrogestión económica en los países de ASEAN.

目錄

• 迎接黨的第八次全國代表大會 *** 阮德平：為趕上新時期的思想工作任務而奮鬥 • 黎春榴：在新的革命階段中建設和保衛祖國之間的關係 • 阮文祿：建設黨必須和保衛黨緊密結合 • 紀念胡志明主席106周年誕辰 *** 阮維嘉：胡志明主席關於按新模式建設國家的觀點 • 阮慶弼：再論胡志明思想中革命和共產黨問題 • 阮庵：胡志明主席與環境生態保護 • 研究——討論 *** 潘清鋪和安如海：在越南的社會主義定向——必要的選擇 • 黃達：按社會主義定向繼續進行組織和商業活動方面的革新 • 朱文級：關於在我國學校系統中經濟科學教學的問題 • 調查 *** 杜明義和武玉麟：勞動者在外資企業中的實狀 • 世界：問題事件 *** 阮維雄：東盟各國在經濟宏觀管理上的經驗

PHẦN ĐẦU VƯƠN LÊN NGANG TẦM NHỮNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG TRONG THỜI KỲ MỚI *

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

DẠI HỘI chúng ta có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với các cơ quan trung ương làm công tác tư tưởng - văn hóa, mà còn đối với toàn bộ đời sống tư tưởng, văn hóa nói chung trong cả nước những năm sắp tới.

Đại hội đảng bộ khối lần này được tiến hành vào thời điểm đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc; toàn đảng đang tiến sát đến Đại hội VIII đưa đất nước bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ khối trước Đại hội đã kiểm điểm toàn diện hoạt động của Đảng bộ nhiệm kỳ vừa qua, nêu rõ những thành tựu và tồn tại, rút ra các bài học kinh nghiệm. Báo cáo đã xác định những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trên các lĩnh vực công tác thuộc khối xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị chung của đất nước 5 năm 1996 - 2000. Điều cần đi sâu phân tích là làm rõ nguyên nhân của những thành tựu và yếu kém, rút ra những bài học cần thiết, đồng thời chỉ ra cho được những nhiệm vụ và giải pháp đúng, trúng và khả thi để phát huy thành tích và ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và yếu kém, phần đầu vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Ở đây tôi muốn gợi ý với các đồng chí một đôi điều nhằm góp phần vào suy nghĩ chung của Đại hội.

1 - Năm năm qua, trước những diễn biến quốc tế phức tạp, đất nước có lúc đứng trước tình thế hiểm nghèo tưởng chừng không vượt nổi, song với bản lĩnh chính trị vững vàng, Đảng ta đã kiên định đường lối đúng đắn, lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên giành những thành tựu to lớn.

Hoạt động tư tưởng đã được triển khai sâu rộng trên tất cả các hướng: lý luận, tuyên truyền, thông tin, cổ động, văn hóa, văn nghệ... Đã huy động ngày càng hiệu quả các công cụ báo chí, xuất bản, đài, các lực lượng báo cáo viên, giảng viên và cán bộ lý luận, nhiều kênh nội bộ đảng cũng như các đoàn thể nhân dân...

Những cố gắng to lớn đó của các binh chủng trên mặt trận tư tưởng đã góp phần giữ vững trận địa tư tưởng cách mạng, giữ vững ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi những quan điểm tư tưởng sai trái, làm thất bại một bước sự tấn công của kẻ thù về tư tưởng. Chúng ta đã quyết tâm bảo vệ và ra sức phát huy những giá trị văn hóa dân tộc cùng với việc hấp thụ những tinh hoa văn hóa thế giới. Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống anh hùng của dân tộc, truyền thống cách mạng được phát huy mạnh mẽ, qua đó, khơi dậy được tiềm năng tinh thần to lớn trong nhân dân, biến thành một động lực quan trọng thúc

* Bài phát biểu tại Đại hội đảng bộ khối các cơ quan trung ương về công tác tư tưởng

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng



đẩy sự nghiệp đổi mới tiến lên giành nhiều thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh. Tất cả những kết quả ấy đã góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đó là mặt cơ bản của tình hình. Tuy nhiên, những khuyết điểm và yếu kém đang tồn tại không ít trên mặt trận tư tưởng. Công tác tư tưởng đang đứng trước hàng loạt vấn đề mới mẻ, phức tạp do cuộc sống đặt ra và không phải mọi vấn đề đều đã có câu trả lời đủ sáng tỏ. Công tác tư tưởng nhìn chung thiếu sắc bén, nhanh nhạy, kịp thời. Tính chủ động, tính chiến đấu chưa cao. Bên cạnh chiều hướng tốt, tích cực là dòng chính, cần thấy hết những khó khăn khách quan và chủ quan đang ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tư tưởng và tâm trạng xã hội. Đó là tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường và việc mở cửa với bên ngoài; là 4 nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ nêu lên. Tình hình kinh tế nhìn chung đáng phấn khởi, song cũng còn tiềm ẩn không ít khó khăn. Đời sống nói chung

tuy được cải thiện rõ song chưa bền vững và một bộ phận nhân dân còn sống rất thiếu thốn. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng doãng ra giữa các tầng lớp, không phải bao giờ cũng tốt yếu, nhất là giữa đa số nhân dân với số giàu lên một cách bất chính và phi pháp. Tệ tham nhũng còn phổ biến, nghiêm trọng làm mọi người bất bình. Tệ nạn xã hội không giảm. Văn hóa độc hại, lối sống xa hoa trụy lạc chưa được ngăn chặn. Sự chống phá của các thế lực mưu toan thực hiện "diễn biến hòa bình", đặc biệt trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa ngày càng tinh vi và ráo riết.

2 - Tình hình trên đặt ra những nhiệm vụ nặng nề cho công tác tư tưởng. Hơn nữa, và điều này càng phải đặc biệt nhấn mạnh, bước chuyển sang thời kỳ mới trong sự phát triển đất nước càng đặt ra cho mặt trận tư tưởng những nhiệm vụ lớn với những đòi hỏi hết sức cao. Đó là những nhiệm vụ gì ?

a) Trước hết, cần làm sáng tỏ về mặt lý luận con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ định hướng, đến những bước đi, đến những giải pháp lớn. Nhiệm vụ này rất không đơn giản.

Không đơn giản bởi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta không phải công nghiệp hóa,

hiện đại hóa bất kỳ, mà là công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm mục đích chủ nghĩa xã hội.

Không đơn giản bởi theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng trong một thế giới đã khác nhiều so với trước đây khi còn hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới có tổ chức, có Hội đồng tương trợ kinh tế^{*}, có "bao cấp quốc tế". Dĩ nhiên đây là tổn thất lớn lao nhưng nếu chúng ta biết rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết thì điều xấu có thể biến thành điều tốt.

Không đơn giản còn vì sự hội nhập một thế giới được quốc tế hóa ngày càng cao về lực lượng sản xuất, về giao lưu kinh tế, trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra như vũ bão, nếu tất cả điều này đem lại cho ta những thuận lợi rất lớn, một vận hội mới, thì đồng thời đó cũng chính là một thách thức lớn đối với chúng ta - thách thức về khả năng tận dụng thời cơ, về khả năng lựa chọn, tranh thủ, "tiêu hóa" những cái thật sự ích lợi với ta mà thế giới đưa lại, lựa chọn trên cơ sở độc lập tự chủ, bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và điều này đến lượt nó lại phụ thuộc một cách quyết định vào những yếu tố chủ quan được tạo từ bên trong.

Và như vậy có nghĩa là *bản thân sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi trước hết phải làm sáng tỏ một cách toàn diện lý luận về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.*

Xây dựng cho được lý luận ấy chính là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng trong 5 năm tới nhằm luận chứng khoa học cho đường lối chính sách của Đảng và đem lại cho công tác tư tưởng cơ sở vững chắc và có sức thuyết phục để tạo ra và củng cố niềm tin của nhân dân đối với con đường đi lên của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

b) Nhiệm vụ công tác tư tưởng không dừng lại ở bản thân tư tưởng mà phải biến tư tưởng thành hiện thực, thành hành động thực tiễn. Muốn thế *phải làm cho tư tưởng, quan điểm, đường lối chính sách của Đảng thâm nhập sâu rộng vào quảng đại nhân dân.* Đây là nhiệm vụ của toàn đảng, của tất cả các cấp, các ngành. Trên mặt trận chúng ta thì đây là nhiệm vụ trước hết của đội ngũ báo cáo viên, của báo, đài, của tất cả phương tiện thông tin đại chúng, những lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng. Phải mở rộng mạng lưới báo cáo viên,

thường xuyên bồi dưỡng, cung cấp "dầu vào" cho họ, phát huy tối đa năng lực, sở trường của họ. Phải nắm thật chắc và sử dụng ngày càng thành thạo sức mạnh của báo, đài, không ngừng mài sắc các vũ khí cực kỳ lợi hại này. Báo, đài phải thông tin nhanh, nhạy, kịp thời, có tính chiến đấu cao, có sức hấp dẫn lớn. Điều đặc biệt quan trọng là báo, đài phải luôn bám chắc định hướng tuyên truyền, có thể có khuyết điểm khó tránh nhưng dứt khoát không được đi chệch hướng chính trị.

c) Thực trạng văn hóa - văn nghệ hiện nay và những yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới đang đặt ra cho lĩnh vực này những trách nhiệm thật to lớn, nặng nề.

Văn hóa - văn nghệ phải gắn chặt hơn nữa với đời sống, với vận mệnh và sự nghiệp lớn của dân tộc, của nhân dân, của đất nước. Không những phải kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa mà phải làm quán triệt sâu sắc và thể hiện cho được trong thực tế quan niệm mới về văn hóa như là nền tảng tinh thần của xã hội, là một yếu tố nội sinh của phát triển, vừa là một động lực vừa là một mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội. Kiên trì đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Ra sức tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới nhưng kiên quyết chống khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc, chống sự xâm nhập của mọi thứ văn hóa độc hại. Đoàn kết rộng rãi và động viên mọi lực lượng văn hóa văn nghệ dân tộc, mọi tài năng sáng tạo để có những tác phẩm, những công trình văn hóa có giá trị, tư tưởng và nghệ thuật cao, đáp ứng những nhu cầu tinh thần đa dạng, phong phú và ngày càng tăng lên của nhân dân. Kiên quyết chống những khuynh hướng phủ nhận thành tựu quá khứ, bôi đen lịch sử, hạ bệ anh hùng, những khuynh hướng tự do hóa tuyệt đối, đối lập giả tạo văn nghệ với chính trị.

d) Nói tư tưởng không thể không nói *dấu tranh tư tưởng.* Bởi, trên lĩnh vực tư tưởng bao giờ cũng diễn ra những mâu thuẫn giữa cái đúng với cái sai, giữa cái mới với cái cũ, giữa tiên tiến và lạc hậu, giữa cái tiến bộ với cái phản động. Chúng ta lại đang sống trong một thế giới đầy rẫy những mâu thuẫn giai cấp và

* Viết tắt của tiếng Nga là СЭБ, của tiếng Anh là COMECON, của tiếng Pháp là CAEM

mâu thuẫn dân tộc, giữa tăng trưởng với phát triển, và trong một xã hội quá độ theo định hướng xã hội chủ nghĩa với một nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, mở cửa với bên ngoài. Trong những điều kiện ấy, những mâu thuẫn hiện thực cực kỳ phức tạp không thể không phản ánh lên hệ tư tưởng và các hình thái ý thức. Do vậy cuộc đấu tranh tư tưởng là tất yếu, không tránh khỏi. Điều quan trọng là phải biết cách đấu tranh, đấu tranh có hiệu quả và thích hợp với tình hình chính trị chung. Phải nhận rõ tính chất và những đặc điểm khác nhau giữa các loại mâu thuẫn trên từng lĩnh vực khác nhau, trong từng hoàn cảnh cụ thể, để có cách xử lý đúng đắn, nhất là không lẫn lộn những mâu thuẫn có tính chất khác nhau dẫn đến những tổn thương cho sự nghiệp lớn, đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết nhằm mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

3 - Cuối cùng tôi muốn đề cập một vấn đề mà tôi nghĩ có thể là *rất máu chốt* cần giải quyết hiện nay nếu không thì chúng ta sẽ không hoàn thành nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Tôi muốn nói đến vấn đề *xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, trình độ, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Đây cũng chính là một nhiệm vụ then chốt trong xây dựng đảng bộ.*

Phải chăng chúng ta đang đứng trước một *mâu thuẫn lớn* - mâu thuẫn giữa yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao với trình độ và khả năng đáp ứng của đội ngũ chúng ta về nhiều mặt còn chưa ngang tầm ? Nhìn vào bất cứ lĩnh vực công tác nào trong khối chúng ta cũng thấy có tình hình như vậy. Thật ra những nỗ lực và cái được là lớn, những tiến bộ, thành tích là không thể phủ nhận. Nhưng bên cạnh đó, còn nhiều cái chưa được, chưa thể tự hài lòng nếu so với yêu cầu của nhiệm vụ và nếu chúng ta có tinh thần tự đòi hỏi cao. Trong trường đảng nổi lên vấn đề chất lượng bài giảng. Ở viện cũng như ở trường đều có vấn đề chất lượng các công trình nghiên cứu. Ở các tạp chí lý luận cũng vậy. Còn báo, đài thì đó là chất lượng thông tin, các bài bình luận, phóng sự, các tiết mục và chương trình, v.v.. Trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, các tác phẩm hay còn ít, những đỉnh cao sáng tạo rất hiếm. Càng đáng lo không những là chất lượng các sản

phẩm thấp, những cán bộ đầu đàn, những nhà báo, nhà văn, nhà lý luận, nhà phê bình giỏi, có tài còn hiếm ; mà ngay cả số lượng cán bộ cũng thiếu, có nơi hổng hụt nghiêm trọng về lớp cán bộ kế cận.

Mặt xây đã yếu, mặt chống cũng có những chỗ bất cập ; chưa nói xây đã yếu thì lấy gì để chống, để ngăn, để thay thế những thứ độc hại phải loại trừ.

Rốt cuộc lại, tất cả là ở con người, là ở vấn đề cán bộ. Mà cán bộ ở khối ta là cán bộ tư tưởng, tuy có nhiều loại chuyên môn khác nhau đòi hỏi những yêu cầu, tiêu chuẩn khác nhau. Ở đây tôi chỉ muốn đề cập trên bình diện chung của đội ngũ cốt cán trên lĩnh vực tư tưởng nói chung.

Là cán bộ tư tưởng, điều tự nhiên là *phải có những tiêu chuẩn đòi hỏi cao về phẩm chất tư tưởng, trình độ tư tưởng.* Không thể làm công tác tư tưởng cho người khác một khi bản thân mình thiếu kiên định về chính trị, tư tưởng không thông suốt, có lệch lạc về tư tưởng. Các Mác nói : "Bản thân nhà giáo dục phải được giáo dục". Tư tưởng là nhận thức, là hiểu biết, là tình cảm, là niềm tin. Điều gì mình chưa tin thì đừng hòng thuyết phục người khác. Một niềm tin sâu sắc phải dựa vững chắc trên cơ sở khoa học. Vì vậy, là cán bộ tư tưởng không thể không thường xuyên học tập, nâng cao trình độ nhận thức lý luận, khoa học, sự hiểu biết về chính trị, về quan điểm đường lối của Đảng, về thực tiễn, về thời cuộc trong nước và thế giới. Cán bộ tư tưởng thật sự có bản lĩnh là phải hết sức mẫn cảm về chính trị, phải có khả năng nhận thức, nắm bắt và phản ứng nhạy bén, đúng định hướng chính trị, trước mỗi một sự kiện, mỗi một động thái ít nhiều quan trọng của thời cuộc. Thế mà chúng ta đang sống trong một thế giới đầy những diễn biến phức tạp, bất trắc, khôn lường. Vì vậy, những đòi hỏi trên đây về phẩm chất, năng lực, bản lĩnh, đối với cán bộ tư tưởng chúng ta là vô cùng cần thiết.

Mong rằng điều nói trên được Đại hội quan tâm như một nhiệm vụ then chốt trong công tác xây dựng Đảng, khiến đảng bộ chúng ta thật sự là một thành trì tư tưởng cách mạng với những pháo đài kiên cố, có sức chiến đấu, hiệu suất và hiệu quả chiến đấu cao nhất trên toàn bộ mặt trận tư tưởng - văn hóa □

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

LÊ XUÂN LỰU *

ĐẢNG ta đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ với nhau của cách mạng nước ta hiện nay là : xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Tìm hiểu mối quan hệ giữa *xây dựng* và *bảo vệ* để thực hiện tốt hai nhiệm vụ đó đang là một đòi hỏi khách quan.

Trước hết, hãy xem các nhà kinh điển đã nói gì về vấn đề này và thực tiễn đã diễn ra trong cuộc cách mạng ở các nước xã hội chủ nghĩa như thế nào ?

Hoạt động *trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh*, xuất phát từ luận điểm cho rằng trong thời kỳ ấy chủ nghĩa xã hội có thể thắng trong cùng một thời gian ở tất cả các nước văn minh, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, Mác và Ăng-ghen, chưa đặt ra cho mình nhiệm vụ trực tiếp trả lời các vấn đề của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ. Tuy vậy, hai ông cũng đã đề ra những tư tưởng làm nền tảng cho việc tổ chức vũ trang của giai cấp vô sản chiến thắng, cho việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hoạt động trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin đã phân tích chủ nghĩa đế quốc, phát hiện quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản và đã kết luận về khả năng giành thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một số nước, thậm chí ở ngay một nước. Từ đó Người đã nêu ra tư tưởng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, coi đó là một tất yếu khách quan. Người chỉ ra rằng : bất cứ

cuộc cách mạng nào cũng vậy, nó chỉ có thể thắng lợi khi giữ được chính quyền.

Tư tưởng bảo vệ Tổ quốc của Lê-nin đã trở thành nền tảng lý luận của công cuộc bảo vệ Tổ quốc xô viết trong suốt lịch sử tồn tại của nó.

Là sản phẩm của điều kiện lịch sử trước đây, *khí chủ nghĩa đế quốc lấy chiến tranh để lật đổ chủ nghĩa xã hội*, lý luận bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa phải lấy *vũ trang bảo vệ Tổ quốc* làm *nội dung chủ yếu*.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, nhưng kinh tế và khoa học kỹ thuật ở nước Nga xô viết lúc đó còn thấp kém hơn nhiều so với các nước đế quốc. Trong bối cảnh ấy, trước âm mưu thủ đoạn vũ trang xâm lược của các thế lực phản động phương Tây, muốn bảo vệ Tổ quốc, Chính quyền xô viết không có con đường nào khác là phải tập trung sức xây dựng đất nước, tạo ra tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng chống xâm lược bằng vũ trang để sống còn.

Quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lúc đó là kết hợp quá trình *xây dựng các mặt của đất nước* với quá trình *xây dựng tiềm lực quốc phòng* nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh chống xâm lược.

Ngày nay đã khác, chủ nghĩa đế quốc không còn có thể dễ dàng sử dụng chiến tranh để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội. Chiến tranh không chỉ hao người tốn của, mà còn tạo cơ hội cho các đối thủ cạnh tranh vượt lên trước. Hơn nữa, chiến tranh còn bị nhân dân trong

* Giáo sư triết học

nước phản đối, loài người tiến bộ lên án, và cũng không dễ dàng giành thắng lợi. Vì thế, các thế lực đế quốc đầu sỏ buộc phải tìm con đường khác để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội, đó là "diễn biến hòa bình".

Khởi đầu, "diễn biến hòa bình" chỉ là một tư tưởng chỉ đạo trong chính sách đối ngoại của các nước đế quốc; dần dần nó trở thành một chiến lược hoàn chỉnh, từ mục tiêu, lực lượng đến biện pháp, bước đi để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội. Chiến lược "diễn biến hòa bình" lấy *lực lượng quân sự làm công cụ rắn đe*, thông qua các biện pháp *chính trị, tư tưởng, tâm lý, kinh tế, văn hóa ngoại giao*, đưa các nhân tố chống chủ nghĩa xã hội vào trong các nước xã hội chủ nghĩa, tạo ra sự chuyển hóa nhiều mặt, mà trước hết là ý thức hệ, từ đó tạo ra lực lượng ngay trong các nước xã hội chủ nghĩa để làm cuộc thay đổi chế độ mà không cần chiến tranh. Vì vậy nó còn được gọi là cuộc "*chiến tranh không có khói súng*".

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Việt nam trở thành một trọng điểm "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc. Kịch bản "diễn biến hòa bình" mà chủ nghĩa đế quốc thực hiện ở Việt nam cũng có những điểm chung như chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện ở các nước, nhưng khi vào Việt nam nó có cái khác bắt nguồn từ đặc điểm của Việt nam. Dân tộc Việt nam đã được thử thách và rèn luyện trong cuộc đấu tranh lâu dài chống xâm lược, kẻ thù không dễ gì lừa mị. Mặt khác, trong cuộc chiến tranh xâm lược trước đây, chủ nghĩa đế quốc đã tạo ra được một số lực lượng tay sai phản động nay còn ở lại trong nước hoặc đã di tản ra nước ngoài mà nó có thể sử dụng vào những âm mưu đen tối. Vì những nguyên nhân trên, "diễn biến hòa bình" ở Việt nam còn được kết hợp với *bạo loạn lật đổ, phối hợp với hoạt động quân sự*.

Do âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc mà nội hàm khái niệm "bảo vệ Tổ quốc" có sự phát triển. Lý luận về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước đây vẫn đúng, nhưng *không còn đầy đủ*. Nó có những điểm khác nhau sau đây:

1 - Ngày nay, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ vùng đất, vùng trời, vùng biển, mà

còn là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã chọn.

Bằng phương tiện kỹ thuật hiện đại, bằng luận điểm bịp bợm, các thế lực đế quốc đang hằng ngày hằng giờ tiến công vào ý thức hệ của nhân dân ta, gieo rắc chủ nghĩa thực dụng, đề cao các "giá trị" của chủ nghĩa tư bản như tự do, dân chủ, nhân quyền, đa đảng...; đề cao những thành tựu kinh tế, kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản như những ưu việt thuộc bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, chúng bôi nhọ, xuyên tạc những thành tựu lịch sử của chủ nghĩa xã hội, thổi phồng những yếu kém, những khó khăn của chủ nghĩa xã hội, cho đó là những cái thuộc bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ sự lãnh đạo của đảng cộng sản; lấy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu để chứng minh cho sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sai lầm. Chúng dựng lên tấm gương tương phản giữa hai chế độ, khơi dậy sự so sánh khắp khiêng, gieo rắc mầm mống bất mãn, kích động đấu tranh đòi từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản, từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chúng tìm cách phát triển các nhân tố chống chủ nghĩa xã hội trong lòng xã hội ta; tạo ra lực lượng chống đối bên trong bằng cách lôi kéo những kẻ thực dụng chạy theo đồng tiền, những kẻ tham nhũng, buôn lậu, sa đọa, những kẻ cơ hội, bất mãn, rồi "quốc tế hóa" nó để dễ bề ủng hộ nó từ ngoài. Chúng còn tìm cách tiếp cận, lôi kéo những người mơ hồ trong cán bộ cao cấp, trong giới trí thức để tạo dựng ngọn cờ chống lại chế độ ta...

Trong cuộc tiến công nhằm làm thay đổi ý thức hệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, các thế lực đế quốc gặp không ít khó khăn, nhưng không phải chúng không làm được gì. Chúng ta đều biết, trước âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" nói trên của các thế lực đế quốc, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, đã có không ít người dao động, hoài nghi về tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về sự lãnh đạo của

Đảng và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở ta, có người đã muốn từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để đi theo "một tấm biển chỉ đường" khác. Có người chỉ muốn nói ta xây dựng một xã hội "dân chủ và phát triển" là đủ, không cần nói "định hướng xã hội chủ nghĩa". Đã có ý kiến chỉ coi Đảng là "một tổ chức tiến bộ" trong hệ thống chính trị của đất nước, không muốn khẳng định Đảng là lực lượng lãnh đạo xã hội ta. Cũng có người muốn thay nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, bằng công thức "dân chủ tuyệt đối và kỷ luật nghiêm minh", v.v..

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là giới lãnh đạo không nhận ra kẻ thù đã thay đổi chiến lược, lấy "diễn biến hòa bình" để thủ tiêu chủ nghĩa xã hội, nên chỉ hướng vào chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình và chuẩn bị lực lượng quốc phòng đối phó với chiến tranh mà không chống lại các thủ đoạn "diễn biến hòa bình", để cho kẻ địch tạo ra sự chuyển hóa về ý thức hệ, tạo ra lực lượng chống phá từ trong đảng thủ tiêu chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, nói bảo vệ Tổ quốc mà không chống "diễn biến hòa bình", không bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì đó chỉ là nói suông và dối trá.

2 - Khi kẻ địch lấy "diễn biến hòa bình" làm thủ đoạn thủ tiêu chủ nghĩa xã hội thì mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng khác trước.

Trước đây, khi kẻ địch lấy chiến tranh làm thủ đoạn thủ tiêu chủ nghĩa xã hội thì mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là mối quan hệ *kết hợp* giữa xây dựng các mặt hợp thành của xã hội mới với tiềm lực quốc phòng, để có thể nhanh chóng sử dụng được tiềm lực đó bảo vệ Tổ quốc khi chiến tranh xâm lược diễn ra. Nói cách khác, đây là *sự kết hợp giữa xây dựng Tổ quốc với chuẩn bị điều kiện để bảo vệ Tổ quốc* lúc có chiến tranh. Ở đây, quá trình bảo vệ *không diễn ra cùng một lúc* với quá trình xây dựng.

Ngày nay, khi kẻ địch lấy "diễn biến hòa bình" làm thủ đoạn thủ tiêu chủ nghĩa xã hội thì mối quan hệ đó đã thay đổi. *Bảo vệ diễn ra ngay trong quá trình xây dựng. Xây dựng và bảo vệ gắn bó với nhau trong từng chủ trương, từng hành động xây dựng, trong mọi thời điểm, mọi không gian và thời gian và trên mọi lĩnh vực* : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, ngoại giao... Ở bất cứ lĩnh vực nào, *xây dựng cũng đều gắn với bảo vệ*. Không thể xây dựng đúng, có hiệu quả nếu trước hết không xóa bỏ những sai lầm trong nội bộ, vô hiệu hóa sự chống đối của các phần tử xấu bên trong, đập tan các âm mưu của các thế lực bên ngoài. Thiếu bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách ngay trong từng việc làm, thì khó mà giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước. Ngày nay, khi cuộc tiến công của chủ nghĩa đế quốc chống chủ nghĩa xã hội đã chuyển trọng tâm từ lĩnh vực chính trị - quân sự sang lĩnh vực kinh tế, thì kinh tế được sử dụng như một công cụ để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Đầu tư, viện trợ, chuyển giao công nghệ, thường được gắn với "dân chủ", "nhân quyền", "đa đảng", "tư hữu hóa", "thị trường tự do"...

Nhu cầu về vốn để xây dựng đất nước buộc các nước như nước ta phải tranh thủ mọi nguồn viện trợ và cho vay (của các chính phủ, của các tổ chức phi chính phủ, của các tổ chức kinh tế quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á...). Không có nước và tổ chức nào cho vay mà lại không kèm theo những điều kiện nhất định. Những điều kiện này đương nhiên không chỉ mang tính kinh tế. Vì vậy, cần phải biết lựa chọn để không bị ràng buộc vào những điều kiện có hại cho ta. Đừng quên có những thế lực kinh tế đang muốn đóng vai trò "nhà nước thế giới", muốn "giải phóng" các nước xã hội chủ nghĩa còn lại bằng con đường "tư hữu hóa" và "thị trường tự do".

Có vay thì phải có trả. Vay được vốn rồi, phải biết sử dụng cho đúng hướng để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bảo đảm khả năng trả nợ. Không thể dung dưỡng tình trạng tham nhũng mà hậu quả là nhân dân phải è ra trả nợ.

Ta tăng cường hợp tác, liên doanh với các nước không chỉ để có vốn, mà còn để đổi mới công nghệ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện nay, đi đôi với việc tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ để chiến thắng trong cạnh tranh, các nước tư bản phát triển có xu hướng điều chỉnh công nghệ, chuyển dần các công nghệ thứ cấp, công nghệ bán sang cho các nước nhận viện trợ, đầu tư. Nếu không tỉnh táo trong việc nhập công nghệ thì chẳng những không đạt được mục tiêu đã định mà còn làm cho đất nước trở thành bãi rác công nghiệp của các nước phát triển.

Để phát triển kinh tế, cần phải học các nước tư bản về khoa học, công nghệ, và cả về tổ chức sản xuất và quản lý. Nhưng học các nước đó về tổ chức sản xuất và quản lý thì phải biết lựa chọn. Đúng là trong lĩnh vực này, ta và họ có nhiều điểm chung giống nhau, bắt nguồn từ yêu cầu của tổ chức sản xuất và quản lý nền kinh tế hiện đại. Nhưng không thể không thấy : quá trình kinh tế của nước ta trong thời kỳ quá độ khác về bản chất với quá trình kinh tế của các nước tư bản phát triển.

Việc mở rộng các loại hình dịch vụ như hợp tác lao động, cung cấp chuyên gia, làm các dịch vụ về ngân hàng, thông tin, quảng cáo, bưu điện, du lịch... là những hoạt động cần thiết để mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài và là những hoạt động có khả năng thu ngoại tệ về cho đất nước. Tuy nhiên, các hoạt động đó phải đúng hướng, không gây tổn thất cho nền kinh tế và văn hóa của đất nước.

Sản xuất gắn với tiêu thụ, nên cần có tín dụng. Nhưng tín dụng trước hết phải tập trung vào tín dụng sản xuất. Tín dụng thương mại thì phải hướng vào phục vụ cho tiêu dùng hàng hóa trong nước chứ không phải hàng hóa nước ngoài.

Quảng cáo gắn với nền kinh tế thị trường, nhưng không thể vì đồng tiền mà các phương tiện thông tin đại chúng quảng cáo cho bất cứ cái gì, bất cứ hàng hóa nào, mà không cần biết đến chất lượng hàng hóa và cách thức quảng cáo ra sao.

Không thể vì tiền mà cho thuê đất để rồi mọc lên những ca-si-nô trên đất nước ta, vì tiền mà mở các sân gôn, không tính gì đến diện

tích đất trồng trọt bị thu hẹp và sinh thái bị phá hoại.

Hoạt động du lịch là hoạt động của xã hội văn minh, có khả năng thu nhiều ngoại tệ, nhưng phải là du lịch văn hóa. Tuyệt đối không để cho những kẻ lợi dụng hoạt động đó, biến nước ta thành nơi ăn chơi sa đọa (du lịch sex) với những hậu quả nặng nề về xã hội và đạo đức.

Cần mở rộng thông tin liên lạc trong nước và quốc tế để tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, nhưng không vì thế mà buông lỏng quản lý, để cho những kẻ xấu hoặc kẻ thù lợi dụng phương tiện thông tin đưa bí mật kinh tế và quân sự ra ngoài hoặc chỉ đạo các hoạt động buôn lậu, phá hoại...

Mở cửa về văn hóa là để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Không để cho kẻ địch lợi dụng giao lưu văn hóa gây hỗn loạn, làm mất đi bản sắc dân tộc của nền văn hóa. Trong mở cửa, thua thiệt về kinh tế còn có thể bù đắp, chứ để mất bản sắc văn hóa dân tộc thì sẽ mất tất cả. Vì vậy, để bảo vệ nền văn hóa dân tộc, chúng ta không thể để cho các thế lực thù địch bên ngoài tự do đưa vào ta những quan điểm thâm mỹ lỗi thời, các loại văn hóa phẩm phản động, đồi trụy hòng làm băng hoại tâm hồn, đạo đức, lối sống và lễ sống của người Việt nam chúng ta ; không thể để cho bọn buôn lậu quốc tế tự do tung tiền vợ vét những cổ vật quý hiếm đặc trưng cho các thời đại phát triển của dân tộc ta ; không thể để cho kẻ xấu lợi dụng chính sách bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hóa, làm sống lại những phong tục tập quán lạc hậu cần bài trừ. Mặt khác, trong hoạt động văn hóa nghệ thuật, chúng ta cần đề cao chức năng của văn hóa nghệ thuật là giáo dục, xây dựng con người, không để lọt vào những gì có hại, đi ngược với chức năng ấy.

3 - Ngày nay, trong đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", vai trò của các lực lượng cũng thay đổi so với thời kỳ còn chiến tranh chống xâm lược. Dù chiến tranh của chúng ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng đã là chiến tranh thì lực lượng chủ yếu để đương đầu với quân địch là lực lượng quốc

(Xem tiếp trang 14)

XÂY DỰNG ĐẢNG PHẢI GẮN LIỀN VỚI BẢO VỆ ĐẢNG

NGUYỄN VĂN LỘC

TỪ thực tế đấu tranh cách mạng của nước ta cũng như của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, chúng ta có thể rút ra một bài học kinh nghiệm có tính quy luật là : công tác xây dựng đảng nhất thiết phải luôn luôn gắn liền với công tác bảo vệ đảng. Không phải chỉ Đảng ta, nhân dân ta khẳng định sự lãnh đạo của đảng cộng sản là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng mà chính các thế lực thù địch cũng phải thừa nhận điều đó. Bởi vậy trong mọi thời kỳ cách mạng, lúc cách mạng gặp khó khăn cũng như khi thuận lợi, các thế lực thù địch luôn tìm cách đàn áp, hãm hại hoặc mua chuộc những người cộng sản làm tay sai cho chúng nhằm phá hoại, tiêu diệt đảng cộng sản.

Nói đúng ra ở nước ta, ngay từ khi đảng cộng sản chưa ra đời, chính quyền thực dân phong kiến đã khủng bố rất dã man những người yêu nước, những người có tư tưởng cộng sản. Từ phong trào yêu nước này đến phong trào yêu nước khác, từ tổ chức cách mạng này đến tổ chức chính trị khác hễ có khuynh hướng cộng sản đều bị chúng thẳng tay đàn áp. Đặc biệt từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời (3 - 2 - 1930) thì sự chống đối, phá hoại của kẻ thù càng trở nên tàn bạo, điên cuồng. Bằng những thủ đoạn "khủng bố trắng" của chúng qua phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh do Đảng ta phát động năm 1930 - 1931, hàng nghìn hàng vạn người yêu nước và chiến sĩ cộng sản đã bị chúng bắt bớ, giam cầm, đầy đi biệt xứ hoặc chém đầu. Chúng hy vọng với những thủ đoạn tàn bạo ấy chúng có thể tiêu diệt được hết những người cộng sản và tư tưởng cộng sản. Mặt

khác chúng vừa khủng bố vừa mua chuộc những người dao động, cài những phần tử AB (ăngtibôn-sê-vích, tức phần tử chống cộng) vào các tổ chức cộng sản, tổ chức yêu nước khác của nhân dân ta để làm nội ứng, làm tay sai cho chúng phá hoại cách mạng ngay từ trong lòng cách mạng. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến của chúng ta, phải là người hết sức dày dạn kinh nghiệm, khôn khéo, lại được sự đùm bọc che chở của bạn bè quốc tế mới thoát khỏi được nanh vuốt độc ác của kẻ thù, mặc dù chúng đã tìm đủ mọi cách để hãm hại đồng chí. Liên tiếp những năm sau đó, kể từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân ta đã giành được chính quyền, rồi trải qua những năm chiến đấu chống lại sự xâm lược của đế quốc Pháp, đế quốc Mỹ, đặc biệt là dưới thời Mỹ - ngụy, Đảng cộng sản Việt nam và những người cộng sản Việt nam vẫn luôn luôn là mục tiêu hãm hại, khủng bố, tìm diệt hoặc mua chuộc của các thế lực thù địch để phá hoại cách mạng nước ta.

Nhìn rộng ra, một số đảng cộng sản và công nhân trên thế giới do sự phá hoại của các thế lực thù địch nên đã bị tiêu diệt, bị tan rã về tổ chức hoặc đã biến chất trở thành các đảng xã hội dân chủ. Liên xô vĩ đại và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã tồn tại và phát triển trong mấy chục năm dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và đã thu được nhiều thành tựu rất đáng kể về xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước nhưng rồi bị sụp đổ, gây nên sự xúc động sâu sắc cho hàng trăm triệu người có tình cảm cách mạng trên thế giới. Sự sụp đổ, sự tan rã của Đảng cộng sản Liên xô và đảng cộng sản ở

các nước Đông Âu có những nguyên nhân phức tạp nhưng trong đó phải kể đến sự phá hoại hết sức thâm độc, ác liệt của các thế lực chống cộng từ nước ngoài và trong nước đã câu kết chặt chẽ với nhau.

*

* *

Do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng ta, công cuộc cách mạng của nhân dân ta trong mười năm qua đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Chúng ta giữ vững được ổn định chính trị, kinh tế tăng trưởng, xã hội phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng an ninh được củng cố, uy tín của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đất nước ta đã bước sang thời kỳ phát triển mới : thời kỳ đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa nước nhà từ nghèo nàn lạc hậu hiện nay tiến lên thành một nước công nghiệp phát triển.

Đảng ta, nhân dân ta tự hào về những thành tựu đã đạt được, song chúng ta biết rõ rằng một trong những nguy cơ và thách thức đối với cách mạng nước ta hiện nay là các thế lực thù địch vẫn đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta. Nhiều kẻ đang lợi dụng việc nước ta đã có quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ, với một số nước phát triển khác ; đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế và đang mở rộng việc giao lưu kinh tế, văn hóa, coi đó là cơ hội thuận lợi mới để dễ bề thâm nhập, tiến hành những hoạt động phá hoại. Một mục tiêu phá hoại rất cơ bản, rất thâm độc của kẻ thù hiện nay là phá hoại Đảng ta nhằm làm cho Đảng ta biến chất, không còn là một đảng mác xít lê nin nít chân chính, chỉ còn cái "mác" cộng sản rồi từng bước hoặc nhanh chóng xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, đưa nhân dân ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng đang thực hiện âm mưu này bằng nhiều thủ đoạn rất nham hiểm, như : xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin là lỗi thời ; xuyên tạc, hạ thấp vai trò lãnh đạo và

đường lối lãnh đạo của Đảng, cho rằng sau khi đất nước đã giành được độc lập tự do thì đảng cộng sản đã hết vai trò lịch sử. Bằng những tài liệu, báo chí phản động đưa từ nước ngoài vào, kết hợp với số tài liệu do một số phần tử bất mãn viết ở trong nước, chúng giả danh cách mạng, tung ra nhiều luận điệu : nào là kiên nghị này, cương lĩnh nọ, nêu chủ trương đa nguyên đa đảng, nêu những tin đồn thất thiệt vu cáo Đảng ta, Nhà nước ta nhằm gây hoang mang, nghi ngờ trong Đảng và trong nhân dân.

Cùng với những hoạt động xuyên tạc, vu cáo, chúng còn tìm cách kích động, chia rẽ phá hoại sự đoàn kết nhất trí của Đảng, hòng làm cho nội bộ nghi ngờ, chống đối lẫn nhau, nhằm thực hiện mưu đồ lấy cán bộ trẻ chống lại cán bộ già, lấy "cộng sản con" chống lại "cộng sản bố". Chúng dành sự ưu tiên, ưu đãi đặc biệt cho một số người, kể cả người trong gia đình cán bộ trung cao cấp của ta để lôi kéo họ. Chúng dùng đô la, gái đẹp và những lợi ích khác để mua chuộc, hủ hóa những người thiếu vững vàng, những phần tử bất mãn, nhằm từng bước hình thành những phe nhóm đối địch trong tổ chức đảng và các tổ chức khác để chống lại đường lối của Đảng. Trên thực tế ở một số nơi đã có người sa vào cạm bẫy của chúng...

Bởi vậy, lúc này hơn lúc nào hết chúng ta cần nắm vững và thực hiện đúng phương châm công tác xây dựng đảng phải thật sự gắn liền với công tác bảo vệ đảng. Một mặt cần tiếp tục chăm lo xây dựng đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức đáp ứng những yêu cầu đang đặt ra trong tình hình hiện nay ; mặt khác phải thật sự nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tỉnh táo trước những âm mưu thủ đoạn phá hoại đảng của các thế lực thù địch.

Công tác xây dựng đảng phải kết hợp chặt chẽ với công tác bảo vệ đảng và phải được tiến hành bằng nhiều biện pháp đồng bộ ở tất cả các ngành, các cấp một cách thường xuyên chứ không thể giải quyết một cách đơn giản, phiến diện hoặc chỉ khi nào cấp trên nhắc nhở thì cấp dưới mới quan tâm. Trước mắt cần tiến hành tốt một số biện pháp cơ bản sau đây :

- *Trước hết, cần bảo vệ đường lối của Đảng.* Đường lối của Đảng là sự vận dụng đúng đắn sáng tạo tinh thần cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cụ thể của cách mạng nước ta hiện nay. Đường lối của Đảng là sinh mệnh chính trị của Đảng, là ngọn đèn soi đường chỉ lối cho cách mạng nước ta đi tới thắng lợi. Chính vì vậy mà kẻ thù nhằm trước hết vào việc xuyên tạc vu cáo, phá hoại đường lối của Đảng. Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi người đảng viên phải nhất trí cao với đường lối của Đảng, có lập trường kiên định trong việc thực hiện đường lối của Đảng, có lòng tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng. Thường xuyên coi trọng việc giáo dục, bồi dưỡng những vấn đề về đường lối, quan điểm của Đảng cho cán bộ đảng viên, nhất là những cán bộ chủ chốt ở các ngành, các cấp để đội ngũ ta kiên định và chủ động đấu tranh chống lại những luận điệu vu cáo, xuyên tạc của kẻ thù. Phê phán nghiêm khắc những hiện tượng nói năng tùy tiện, vô nguyên tắc về đường lối của Đảng và có biện pháp xử lý kiên quyết những trường hợp nghiêm trọng.

- *Chăm lo bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của Đảng.* Cần luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên" ⁽¹⁾. "Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình" ⁽²⁾. Sự đoàn kết trong Đảng phải dựa trên cơ sở đường lối của Đảng, trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình và trên tinh thần đồng chí thương yêu nhau, chứ không phải là "dĩ hòa vi quý" một cách tầm thường. Cần tỉnh táo cảnh giác với những mưu đồ chia rẽ phá hoại của kẻ thù. Một mặt, cần đề cao tính đảng, sự tin cậy, thương yêu quý mến nhau, cố gắng giải quyết tốt một số mâu thuẫn đang tồn tại ở nơi này, nơi khác. Mặt khác, cần xử lý thật nghiêm những hoạt động có tính bè phái gây chia rẽ nội bộ.

- *Chăm lo nâng cao phẩm chất của cán bộ đảng viên.* Chúng ta đều biết trong mọi thời kỳ cách mạng, chất lượng đảng viên, phẩm chất đảng viên luôn luôn là một yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc tới vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Phải nhận rằng nhiều năm gần đây, trong một bộ phận cán bộ đảng viên đã bộc lộ rất rõ những biểu hiện sa sút, không lành mạnh về đạo đức phẩm chất, nhất là những tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, làm ăn bất chính. Điều đó đã ảnh hưởng rất xấu tới vai trò lãnh đạo của Đảng, tới chức năng quản lý của Nhà nước và lòng tin của nhân dân. Chính kẻ thù đang nhằm vào tình hình ấy để thực hiện mưu đồ phá hoại Đảng ta. Chúng vừa chú ý làm tha hóa thêm cán bộ đảng viên ta, vừa cố ý gây nên sự bất bình trong dư luận xã hội, gây chia rẽ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Trong bài phát biểu tại kỳ họp thứ chín của Quốc hội ngày 12-3-1996 vừa qua, đồng chí Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhấn mạnh: "Nhiều đồng chí đã nhận xét rất đúng là trên phương diện đối nội, tình trạng tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy nhà nước là nguy cơ lớn nhất đe dọa mọi thành quả cách mạng của chúng ta". Bởi vậy cần thực hiện thật nghiêm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với mọi cán bộ đảng viên và công chức nhà nước. Mọi cán bộ sai phạm, bất kể ở cương vị công tác nào, đều phải tùy theo tính chất, mức độ và tác hại của sai lầm mà xử lý nghiêm minh. Đối với những người không còn đủ tư cách đảng viên thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng.

- *Làm tốt việc lựa chọn nhân sự qua đại hội đảng bộ các cấp.* Từ trước tới nay Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt ở các ngành, các cấp. Trong tình hình mới hiện nay, vấn đề này càng cần được coi trọng hơn nữa. Cần nắm vững những yêu cầu về công tác cán bộ như đã nói trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. II, tr 211

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr 541

Đảng (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Yêu cầu rất quan trọng hiện nay là cần xem xét lựa chọn, sắp xếp cho được những cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các ngành các cấp có phẩm chất chính trị vững vàng, thật sự trung thành với sự nghiệp cách mạng và đường lối của Đảng và có đủ năng lực, đủ kiến thức để thực hiện nhiệm vụ nặng nề trước yêu cầu mới của cách mạng hiện nay. Những cán bộ chưa thật tin cậy thì không nên để làm công tác lãnh đạo, quản lý. Đề phòng và kiên quyết ngăn chặn những phần tử cơ hội tìm cách len lỏi vào Đảng hoặc chiếm giữ những vị trí công tác quan trọng.

- *Tăng cường hơn nữa công tác quản lý cán bộ, đảng viên* bằng những biện pháp tích cực và chặt chẽ, nhất là số cán bộ đảng viên ở các cơ quan đơn vị có tầm quan trọng đặc biệt, những người có nhiệm vụ thường xuyên quan hệ, tiếp xúc với người nước ngoài. Phải nhận rằng một thiếu sót lớn của

ta vừa qua là công tác quản lý cán bộ rất lỏng lẻo. Nhiều trường hợp cán bộ đi công tác nước ngoài, người có trách nhiệm cũng không biết. Nếu không chú ý khắc phục khuyết điểm này thì kẻ thù sẽ lợi dụng để thực hiện mưu đồ phá hoại. Đồng thời các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước cần rà soát lại các chế độ, chính sách cán bộ, các quy chế về công tác của cán bộ, sửa đổi bổ sung những điều cần thiết nhằm bảo đảm cho công tác quản lý cán bộ, việc kiểm tra công tác của cán bộ được chặt chẽ và đi vào nền nếp.

Những biện pháp nói trên tuy chưa phải là tất cả nhưng là những vấn đề có ý nghĩa cấp bách và thiết thực đối với công tác xây dựng đảng gắn liền với bảo vệ đảng hiện nay nhằm bảo đảm cho Đảng ta vững mạnh để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đất nước tiến lên hơn nữa □

VỀ MỐI QUAN HỆ ...

(Tiếp theo trang 10)

phòng. Còn trong đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", khi nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì các lực lượng *chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao* lại là những lực lượng chủ chốt, vì chính các lực lượng này đề ra chủ trương và định hướng công việc hằng ngày. Tuy nhiên, lực lượng quốc phòng vẫn có nhiệm vụ đối với các nội dung bảo vệ trên, và là lực lượng chủ chốt trong chống bạo loạn lật đổ, cũng như khi chiến tranh xâm lược xảy ra.

Cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" hiện nay ở nước ta phức tạp hơn trước đây, khi còn Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Chủ nghĩa đế quốc đứng ngoài "bức màn sắt" đã phá "bức màn sắt". Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu đã bị sụp đổ. Kẻ thù đang hy vọng thông qua chính sách của Đảng và Nhà nước ta mở cửa và hội

nhập kinh tế nước ta với kinh tế thế giới để đẩy mạnh hơn nữa chiến lược "diễn biến hòa bình". Thực tế cho thấy, nó có thể trực tiếp tác động vào cán bộ, đảng viên và nhân dân ta bằng các cuộc hội thảo ; nếu ta sơ hở, nó có thể nắm được những bí mật quốc gia. Bằng hàng hóa, bằng đô la, nó đã và đang tìm cách tiếp cận, lôi kéo, mua chuộc những phần tử bất mãn, tham nhũng, sa đọa, mơ hồ, những tên cơ hội, chống đối.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay đòi hỏi chúng ta phải nhận rõ âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc ; thấy được nội dung bảo vệ Tổ quốc ngày nay có những điểm mới, khác trước; giải quyết tốt mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ, nâng cao ý thức bảo vệ trong mọi chủ trương và mọi hoạt động ; bảo đảm đúng vai trò của các lực lượng trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình". Chỉ có như vậy, chúng ta mới thực hiện được tốt hai nhiệm vụ chiến lược, bảo đảm cho nước nhà phát triển theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn □

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIỂU MỚI

NGUYỄN DUY GIA *

Để công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước của ta tiếp tục phát triển đúng hướng, chúng ta cần hiểu rõ thêm và quán triệt sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước kiểu mới. Đó là những quan điểm *lợi ích*, quan điểm *làm chủ* và quan điểm *quyền lực* của nhân dân trong quá trình xây dựng Nhà nước ta. Đây là cơ sở lý luận và tư tưởng cách mạng quan trọng, đã và đang làm kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng mới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

I

"NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ"

1 - Khi nói "nước ta là nước dân chủ", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra nội dung cốt lõi của nó là : lợi ích và quyền lực thuộc về nhân dân, dựa trên nền tảng của sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là cơ sở chủ yếu để phân biệt nền dân chủ của Nhà nước ta so với các nền dân chủ khác. "Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động". "Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động" (1).

Tư tưởng "vì dân, do dân" của khối đại đoàn kết dân tộc vì lợi ích dân tộc, để giữ nước và xây dựng nước đã được Người quán triệt trong quá trình lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước ta suốt hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

2 - Nhà nước dân chủ chỉ có thể mạnh khi dựa hẳn vào dân, quán triệt tư tưởng "nước lấy dân làm gốc, chính quyền là của nhân dân".

Dân là gốc của nước, nước lấy dân làm gốc, "gốc có vững, cây mới bền", dân có giàu nước mới mạnh trên cơ sở "*thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân*" (2). Dân là lực lượng vô tận để dựng nước và giữ nước, để sáng tạo ra mọi của cải vật chất và văn hóa của xã hội.

Thực tiễn cách mạng nước ta và một số nước xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới đã chứng minh rằng : cách mạng chỉ có thể thắng lợi khi tập hợp được quần chúng và được quần chúng ủng hộ ; trái lại, nếu để mất quần chúng sẽ mất chính quyền.

* GS. TS. Giám đốc Học viện hành chính quốc gia

(1) Hồ Chí Minh : *Nhà nước và pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà nội, 1985, tr 187

(2) *Hiến pháp Việt nam* (năm 1946, 1959, 1980, 1992), Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 8

3 - Dân là chủ : chủ nhà nước, chủ xã hội, chủ vận mệnh của chính mình. "Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra", "đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên". Nguồn trí tuệ của nhà nước là dân. Dân là sáng tạo, nhà nước có trách nhiệm phát hiện, hoàn chỉnh, nâng cao thành pháp luật và chính sách để thúc đẩy xã hội phát triển.

Dân là chủ, chứ không phải nô dân, thần dân, thú dân... như trong các xã hội cũ, cũng không phải công dân như trong xã hội tư bản, vì công dân ở đây cũng không bao giờ là người chủ.

4 - Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nước dân chủ là trong đó dân phải thực sự là chủ. "Bao nhiêu quyền hạn đều của dân". Đặc trưng của quản lý nhà nước là bằng pháp luật, đồng thời nhà nước quản lý bằng biện pháp hành chính cũng như bằng toàn bộ các biện pháp hoạt động cách mạng, nhất là bằng vận động quần chúng.

Người đã nhiều lần nêu lên : "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ" ⁽³⁾. Mặt khác, Người đã chỉ rõ: "Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ". "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ" ⁽⁴⁾. Vì vậy, phải tăng cường chính quyền nhân dân, nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù. Dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ, xây dựng nhà nước gần dân, sát dân, dựa vào dân và phục vụ dân.

5 - Công cuộc đổi mới đất nước, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mưu cầu lợi ích ngày càng cao cho nhân dân ta như là mục tiêu hàng đầu đã được Đảng xác định trong Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nó phụ thuộc chủ

yếu vào việc thực hiện thành công những nhiệm vụ bức xúc nói trên. Đấu tranh chống thói quan liêu, xa rời lợi ích quần chúng, xa hoa lãng phí, tham nhũng cũng như sự yếu kém về trình độ quản lý và chuyên môn được xem là trọng tâm trong công tác giáo dục và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay để nhanh chóng hình thành một đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực, suốt đời phụng sự cho sự nghiệp vì lợi ích của nhân dân.

II

"BAO NHIÊU LỢI ÍCH ĐỀU VÌ DÂN"

1 - Một nhà nước dân chủ, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là :

"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân" ⁽⁵⁾.

Dân làm chủ, vì dân có lợi ích. Đặt lợi ích lên hàng đầu là thể hiện rõ quan điểm triết học duy vật lịch sử, rất đúng với lý luận và có ý nghĩa thực tiễn cao, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới hiện nay. Gắn với công cuộc cải cách một bước nền hành chính, cải cách bộ máy nhà nước, chúng ta càng thấy sự cần thiết nhận thức, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về một kiểu chính quyền, một kiểu nhà nước mà nhân viên của nó thực sự trở thành nô bộc của nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ.

2 - Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt nam, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quán triệt tư tưởng đó trong việc hoạch định chiến lược và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng một xã hội mới, một cuộc sống mới.

(3) *Sđd*, t 6, tr 286

(4) *Sđd*, t 4, tr 282 - 283

(5) *Sđd*, t 5, tr 299

Quan điểm lợi ích đều vì nhân dân đã được Đảng và Nhà nước ta phát triển cụ thể hóa trong Hiến pháp và các quan điểm "lấy dân làm gốc", "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" hay lấy "con người là mục tiêu và động lực chính của sự phát triển kinh tế xã hội", thực hiện một "chiến lược vì dân và do dân"... đều phù hợp với những mục tiêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra như:

1. *Làm cho dân có ăn.*
2. *Làm cho dân có mặc*
3. *Làm cho dân có chỗ ở*
4. *Làm cho dân có học hành" (6).*

3 - Vấn đề mấu chốt trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lợi ích là *tất cả lợi ích đều vì dân*. Điều đó đòi hỏi tất cả sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước, sự tác động của các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải lấy việc đem lại lợi ích cho nhân dân làm mục tiêu tối cao. Tránh những khuynh hướng lệch lạc như khoa trương hình thức, hành động không vì lợi ích nhân dân.

Khi nhấn mạnh tất cả lợi ích đều vì dân, "không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên", Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đồng thời cảnh tỉnh cho tất cả cán bộ, đảng viên về nguy cơ thoát ly lợi ích của nhân dân, làm biến chất và mất nguồn sức mạnh của Đảng và Nhà nước ta : "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh".

4 - Nhà nước dân chủ nhân dân hay nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng chỉ là nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Một nhà nước như vậy phải là một nhà nước trong sạch. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Người đã chỉ ra nguy cơ các bệnh của nhà nước do một đảng cầm quyền và của

cán bộ, đảng viên có chức có quyền trong bộ máy nhà nước và dạy rằng : "... các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật".

5 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước là chống chủ nghĩa quan liêu, vì quan liêu sinh ra tham ô, lãng phí. Chúng là kẻ thù nguy hiểm của nhân dân, của bộ đội và Chính phủ. Vì chúng không mang gươm, mang súng, lại nằm ngay trong các tổ chức của ta để làm hỏng công việc của ta.

Hiện nay, bệnh quan liêu, nạn tham nhũng, tệ xa hoa, lãng phí phát triển đến mức hết sức nguy hại, trở thành "quốc nạn", trái với bản chất nhà nước và đạo đức của dân tộc, của đảng viên và cán bộ, công chức nhà nước. Thực trạng đó, tự nó không biện minh được, không lời tuyên truyền, giải thích, thanh minh nào thay thế được ! Chỉ có hết lòng vì lợi ích của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy thì mới có thể khắc phục được những căn bệnh trầm trọng ấy.

6 - Trong quan điểm lợi ích, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nêu gương sáng giữa lời nói và việc làm. Đối với Người, "bao nhiêu lợi ích đều vì dân", không dừng ở lời nói, khẩu hiệu suông, mà phải được thể hiện trong chương trình hoạt động cụ thể của Đảng, Nhà nước và tất cả cán bộ, đảng viên. Và khi mọi người dân thấy và hiểu được điều đó "là lợi ích của họ và nhiệm vụ của họ cũng như của Nhà nước", thì sẽ tạo nên một động lực mạnh mẽ, phát huy tiềm năng của mỗi người, của các tập thể lao động và cả cộng đồng dân tộc trong thực hiện Cương

(6) *Sđd*, t 4, tr 87-88

lĩnh xây dựng đất nước, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước.

Do đó, thực hiện quan điểm lợi ích của nhân dân trong hoạt động thực tiễn của Đảng và Nhà nước, đòi hỏi tất cả cán bộ, đảng viên phải không ngừng phát huy được bản chất tốt đẹp và sức mạnh của Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Đi chệch quan điểm này trong hoạt động thực tiễn sẽ làm mất lòng tin của nhân dân và sẽ không tạo nên sức mạnh của cộng đồng dân tộc trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

7 - Để thực hiện quan điểm "bao nhiêu lợi ích đều vì dân", phải tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng thực sự vững mạnh, trong sạch, nhằm nâng cao vai trò và chất lượng lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với nhà nước và xã hội. Đổi mới và tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhà nước, đặc biệt là đổi mới quản lý hành chính nhà nước. Xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức vừa có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, vừa có trình độ lãnh đạo, quản lý và chuyên môn cao để "người công chức phải đem hết tất cả sức lực và tâm trí theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc".

III

"CÔNG VIỆC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DÂN"

1 - Nhà nước ta là một Nhà nước dân chủ, trong đó *nhân dân thực sự làm chủ* vận mệnh của đất nước. Quan điểm này của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nền tảng quan trọng để tổ chức và hoạt động của nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ đất nước, xã hội và cuộc sống của mình bằng nhà nước

và các tổ chức quần chúng, xã hội do mình lập ra và quản lý.

Đã là chủ, dân phải có trách nhiệm của người chủ. Dân phải lựa người mà mình tin cậy để ủy thác quyền lực, đồng thời thường xuyên kiểm soát, giúp đỡ cơ quan đảng, nhà nước thực thi quyền lực đúng thẩm quyền. Vì vậy, để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, thì vấn đề cốt tử là làm sao cho nhân dân *thực sự* quyết định vận mệnh của đất nước, của bản thân, hay nói cách khác là thực thi một nền dân chủ thực sự với những hình thức thích hợp. Chừng nào chúng ta chưa tìm ra và thực thi những hình thức dân chủ hữu hiệu, với nguyên tắc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ "quyền hạn đều của dân", không phải ở bộ máy và cũng không phải ở những người có chức quyền, thì chừng đó quyền làm chủ của nhân dân chưa thực sự được thực hiện.

2 - Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền làm chủ của nhân dân, Đảng ta đã đúc kết thành *cơ chế tổng thể* trong điều hành đất nước ta là "nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý, đảng lãnh đạo". Đảng và Nhà nước cũng đã thực hiện những biện pháp thiết thực nhằm tạo điều kiện cho nhân dân ngày càng phát huy quyền làm chủ của mình, như trưng cầu ý kiến toàn dân về xây dựng Hiến pháp, đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình các đại hội toàn quốc của Đảng, các đạo luật và các quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước, mở rộng quyền tự do lựa chọn các đại biểu của nhân dân trong các cấp chính quyền, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân thông qua các tổ chức nhà nước và đoàn thể v.v.. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khác nhau, trong thực tế ở nơi này, nơi khác chúng ta chưa làm tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên chưa tạo

được và chưa tạo đủ điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Tình trạng dân chủ hình thức trong việc thăm dò, lấy ý kiến của nhân dân ; tình trạng dân chủ cực đoan, dân chủ quá trốn vẫn còn xảy ra làm cản trở quyền làm chủ của nhân dân.

3 - Vai trò của người chủ đất nước, đòi hỏi dân phải nâng cao trình độ để xứng đáng là người chủ. Dân phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo đúng đắn thì mới phát huy được lực lượng vô tận của mình. Nếu dân không được giác ngộ, lãnh đạo thì không biết mình phải làm gì, đi theo hướng nào, và như vậy lực lượng dù đông đảo cũng không thành sức mạnh.

Vì vậy, phải có sự lãnh đạo của Đảng, có sự quản lý của Nhà nước, có công tác giáo dục, vận động quần chúng, dựa vào giác ngộ quần chúng, tạo khí thế cách mạng và ý thức làm chủ của nhân dân. "Đảng cộng sản là người lãnh đạo, nhưng cũng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Lãnh đạo có nghĩa là làm đầy tớ, dân mới là người chủ".

IV

"QUYỀN HÀNH VÀ LỰC LƯỢNG ĐỀU Ở NƠI DÂN, QUYỀN HẠN ĐỀU CỦA DÂN"

1 - Một quan điểm quan trọng gắn liền với quan điểm lợi ích và quan điểm làm chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là : "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân", "quyền hạn đều của dân" (7). Tất cả sự nghiệp là của nhân dân, do nhân dân quyết định. Người còn chỉ rõ phải thực hiện *nguyên tắc hợp hiến* : "trăm điều phải có thần linh pháp quyền". Đó là cốt lõi của Nhà nước pháp quyền mà hệ thống cơ quan hành pháp phải hoạt động trên cơ sở pháp luật. Pháp luật là nền tảng

của hoạt động hành chính để bộ máy nhà nước được điều hành bằng pháp luật và theo pháp luật.

2 - Như chúng ta đã biết, vấn đề mấu chốt của nhà nước và thực chất của nhà nước là vấn đề quyền lực và tổ chức quyền lực. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã đem lại một thể chế nhà nước mà tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhà nước ta ra đời sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945 là Nhà nước dân chủ nhân dân, mà thực chất là Nhà nước chuyên chính vô sản. Lần đầu tiên, nhân dân ta làm chủ đất nước, thực hiện quyền lực tuyệt đối của mình thông qua nhà nước.

3 - Quan điểm quyền lực thuộc về nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là luận điểm cơ bản trong quá trình xây dựng và phát triển nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á ! Quyền lực đó, trước hết được thể hiện ở chỗ dân cử ra chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương, tức là quyền xây dựng và tổ chức quản lý của bộ máy nhà nước. Nhân dân vừa là người cử ra chính quyền các cấp, vừa là người quản lý, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của bộ máy quyền lực đó. Nhân dân bầu ra Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất, và Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan quyền lực đại diện cho mình ở các địa phương. Vì vậy, quyền lực nhà nước là quyền lực của nhân dân trao cho nhà nước để thay mặt nhân dân quản lý toàn diện xã hội.

4 - Xét về mặt quản lý, hệ thống các cơ quan nhà nước và công chức lãnh đạo nhà nước là chủ thể quản lý xã hội, còn xét về mặt chính trị - xã hội, thì nhân dân là chủ thể quản lý đất nước, thể hiện quyền lực của

(7) *Sđđ*, t 5, tr 299

mình thông qua việc bầu ra và kiểm soát Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và tất cả các hệ thống nhà nước khác.

Vì vậy, xét về bản chất, tất cả quyền lực nhà nước ta đều từ nhân dân. Nhà nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, không phân chia, nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp.

5 - Quan điểm quyền lực của nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân quyết định. Do đó, quyền lực này phải gắn liền với một nền dân chủ, một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn dạy chúng ta : quản lý gắn liền với lợi ích, với quyền làm chủ và quyền lực của nhân dân trong tổ chức và hoạt động nhà nước.

V

Để thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước, Đảng và Nhà nước ta đang giải quyết hàng loạt vấn đề, trong đó đáng chú ý là :

1 - Vấn đề chính quyền - điều cơ bản của cách mạng. Đây là điều không chỉ có ý nghĩa khi tập hợp quần chúng đứng lên giành chính quyền, mà ngay cả khi đã có chính quyền trong tay. Chính quyền của nhà nước xã hội chủ nghĩa phải thực sự của dân, do dân và vì dân, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội vì lợi ích của toàn dân và của dân tộc.

2 - Mở rộng quyền dân chủ để nhân dân thực sự thực hiện quyền lực và quyền làm chủ đất nước của mình, để nhân dân thực sự quyết định những vấn đề trọng đại của

đất nước và để huy động được sức mạnh của từng công dân và cả cộng đồng đất nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

3 - Nâng cao chất lượng hoạt động và đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, nhằm đáp ứng được lợi ích, nguyện vọng, quyền làm chủ và quyền lực của nhân dân.

4 - Nâng cao quyền lực nhà nước và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành pháp và hành chính nhà nước, thể hiện đầy đủ ý chí và lợi ích, quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc quản lý và điều hành đất nước, phục vụ tốt xã hội và công dân. Chống chủ nghĩa quan liêu, nạn tham nhũng và các tệ nạn khác. "Chính phủ phải hết sức làm gương. Nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ hối lộ, đã trị, đang trị và sẽ trị cho kỳ hết".

5 - Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp (hệ thống Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân) nhằm thực thi quyền lực tối cao của nhà nước và của nhân dân. Thực hiện sự xét xử độc lập, công minh theo pháp luật của hệ thống tòa án và thực hiện quyền kiểm sát và công tố của Viện kiểm sát nhân dân nhằm thực thi quyền lực của nhân dân và thiết lập kỷ cương, trật tự xã hội.

6 - Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, công chức, viên chức về phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách và năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, đáp ứng được những đòi hỏi của công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và để thực sự là đầy tớ trung thành của nhân dân, toàn tâm toàn ý phục vụ cho lợi ích của nhân dân □

Nói thêm về VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN KHÁNH BẬT *

TÁC phẩm *Làm gì ?* của Lê-nin được viết vào những năm đầu tiên của thế kỷ XX. Trong tác phẩm này, Lê-nin nêu bật mối quan hệ khăng khít giữa ba yếu tố : *Lý luận cách mạng, Đảng cách mạng và phong trào cách mạng*. Người viết : "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng... chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong" (1).

Một phần tư thế kỷ sau, Hồ Chí Minh viết *Đường cách mệnh* - tác phẩm có ý nghĩa lịch sử to lớn trong việc vạch đường lối cho cách mạng Việt nam, đặc biệt là việc xây dựng Đảng ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đọc Hồ Chí Minh, ta gặp lại tư tưởng Lê-nin. Ngay trang bìa cuốn *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh dẫn *Làm gì ?* của Lê-nin : "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong."

Sự vĩ đại của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ, trong tác phẩm viết cách đây 70 năm, Người đã luận chứng sâu sắc mối liên hệ giữa phong trào cách mạng, Đảng cách mạng với nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của đảng đó.

Hồ Chí Minh hiểu rằng, người dân một nước thuộc địa như Việt nam, đến với cách mạng gặp rất nhiều trở ngại. Bởi vì : "Tội tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến hai chữ *cách mệnh* thì sợ rùng mình" (2). Chính sự thống trị của thực dân Pháp (Hồ Chí Minh nhấn mạnh) đã đưa hơn hai mươi triệu đồng bào Việt nam đến tình trạng "hấp hối trong vòng tử địa". Vấn đề cấp bách nhất lúc này là phải nhanh chóng cứu lấy giống nòi Việt nam. Sự tàn bạo của thực dân Pháp ; các phong trào chống Pháp ở nước ta đến những năm 20

của thế kỷ này đều thất bại, là thực tế để những người yêu nước Việt nam hiểu ra rằng "*muốn sống thì phải cách mệnh*".

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phá bỏ chế độ xã hội cũ tồn tại đã mấy nghìn năm, xây dựng xã hội mới, là cách mạng. Đó là việc rất khó. Vì vậy muốn cách mạng thành công, theo Hồ Chí Minh, không chỉ làm hết sức mình mà còn phải biết cách làm. Hồ Chí Minh đặt câu hỏi : *cách mạng trước hết phải có cái gì ?* Người tự trả lời : "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi" (3).

Hồ Chí Minh nhìn nhận Đảng, dưới nhiều góc độ và những cách khác nhau. Ở cách nào, góc độ nào, Đảng vẫn là trước hết, là lực lượng dẫn đường chỉ lối, "ví như cái máy phát điện" (4). Tư tưởng này trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, vẫn được Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Trước hết nói về Đảng".

Muốn có phong trào cách mạng và đưa cách mạng đến thành công, trước hết phải có một đảng cách mạng vững mạnh. Đảng cách mạng chỉ vững mạnh khi có lý luận tiên phong dẫn đường, có chủ nghĩa mang bản chất cách mạng và khoa học làm nền tảng. Hồ Chí Minh đòi hỏi một đảng "phải có chủ nghĩa làm cốt". Theo Hồ Chí Minh, "Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

* PTS, Quyền trưởng Khoa tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1975, t 6, tr 30 - 32

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 2, tr 267

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 267 - 268

(4) Hồ Chí Minh : Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t 5, tr 184

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 1995, t 2, tr 268

Trong những năm tháng hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu nhiều chủ nghĩa, nhiều học thuyết trên thế giới. Thành tựu có ý nghĩa nhất của quá trình hoạt động, học tập và nghiên cứu đó, là Người đã đưa đến cho Đảng cộng sản và cách mạng Việt nam một nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam duy nhất đúng đắn. Từ giữa những năm 20, Hồ Chí Minh đã kết luận: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin" (5). Sau này, Người nhấn mạnh thêm: chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất mà còn là khoa học nhất (6).

Như vậy, trong thời đại hiện nay sự sống còn của dân tộc ta đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Việc Hồ Chí Minh lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của Đảng trước hết là "để cứu lấy giống nòi". Sự lựa chọn đó không phải chủ yếu vì lợi ích của giai cấp công nhân, càng không phải chỉ vì quyền lợi của những người cộng sản, mà rõ ràng là xuất phát từ lợi ích của toàn dân tộc.

Hồ Chí Minh nhiều lần chỉ rõ: việc Đảng cộng sản Việt nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin với bản chất cách mạng nhất, khoa học nhất làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tất yếu đưa Đảng trở thành lực lượng tiên phong của dân tộc trên mọi lĩnh vực. Người cho rằng, "Đảng ta là con nòi, xuất thân từ giai cấp lao động". Hồ Chí Minh không chỉ nói "Đảng ta là đạo đức, là văn minh", mà Người còn khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng ta, vì vậy mà Đảng ta trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm Việt nam (7).

Những phẩm chất tiêu biểu nêu trên của Đảng cộng sản Việt nam đã được Hồ Chí Minh luận chứng sâu sắc, và thực tế đã trở thành hiện thực sinh động trên đất nước ta hơn 6 thập kỷ qua. Vậy mà đến hôm nay vẫn có người chưa nhận thức được hoặc cố tình xuyên tạc điều đó; họ cho rằng đất nước cần đặt dưới sự lãnh đạo của một lực lượng khác, có trí tuệ hơn (?). Thử hỏi đạo đức và văn minh, lương tâm và trí tuệ của dân tộc ta thể hiện tập trung ở đâu nếu không phải trong Đảng cộng sản Việt nam, đội tiên phong của giai cấp và của dân tộc, như Đảng ta khẳng định, được cả dân tộc thừa nhận và lịch sử chứng minh.

Hơn 60 năm qua, nhân dân Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến thắng đế quốc,

phong kiến, ngày nay thông qua sự nghiệp đổi mới đang từng bước chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Nguồn gốc của sự chiến thắng đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chúng tôi là những kẻ chiến thắng hiện tại cũng như trong tương lai, vì con đường đi của chúng tôi được học thuyết vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi sáng" (8).

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cơ sở chủ yếu nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trước hết là chủ nghĩa yêu nước Việt nam, những tinh hoa văn hóa nhân loại đã được tổng hợp lại qua trí tuệ sáng suốt và nhân cách vĩ đại Hồ Chí Minh, góp phần hình thành nên tư tưởng của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện Việt nam. Hồ Chí Minh có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đặc biệt là lý luận về Đảng cộng sản, về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước thuộc địa, phụ thuộc. Vì vậy Đảng cộng sản Việt nam khẳng định: "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta".

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là hai bộ phận không thể tách rời tạo nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt nam. Để làm cho nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng vững chắc, cách mạng Việt nam phát triển đúng hướng, chúng ta cần nghiên cứu học tập, vận dụng và phát triển, cũng như phải đấu tranh để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc Đảng ta nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định đó là bộ phận hợp thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt nam là hoàn toàn đúng đắn. Điều đó phù hợp với những đóng góp vĩ đại và tấm gương đạo đức trong sáng của Hồ Chí Minh, đáp ứng nguyện vọng, tình cảm mà nhân dân Việt nam dành cho Người. Sự ghi nhận đó cũng có ý nghĩa đối với đồng

(Xem tiếp trang 26)

(6) Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 253

(7) Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 207

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 183

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

NGUYỄN AM *

VÀO những năm 60 của thế kỷ XX, vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái mới thực sự trở thành vấn đề cấp bách, gay gắt và có tính chất toàn cầu. Nhưng ngay từ những năm 20 đến những năm 60 của thế kỷ XX, trong quá trình hoạt động và lãnh đạo cách mạng, vấn đề này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra và giải quyết. Điều đó được thể hiện ở những nội dung sau :

I - Về đấu tranh bảo vệ môi trường sinh thái

Từ những năm 20 trong thời kỳ còn hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ, chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc chiến tranh. Người lên án mạnh mẽ các cuộc chiến tranh của bọn đế quốc, thực dân, vì các cuộc chiến tranh này làm cho nhân dân thế giới đau thương, khổ cực, hủy diệt sự sống trên trái đất. Người thường xuyên tố cáo những tội ác dã man, tàn bạo của đế quốc thực dân trong các cuộc chiến tranh chinh phục, cướp bóc ở các nước thuộc địa. Chúng đã dùng vũ lực trắng trợn cướp thuộc địa và thi hành chính sách "đốt sạch, phá sạch, giết sạch" đối với nhân dân các nước đó.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Người lên án tội ác của bọn "quỷ sứ Mỹ" đã dùng thuốc độc và vi trùng gây bệnh đậu mùa cho bộ đội và nhân dân Triều tiên ; dùng máy bay từ Tây Đức sang rải "trùng sâu bọ" phá hoại mùa màng của Tiệp khắc. Người lên án đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt ở Việt nam. Chúng đã dùng "những chất độc hóa học, hơi độc, những bom na pan, bom bi..." để tàn phá miền Nam. "Chúng bắn phá các đường giao thông, các khu công nghiệp, các vùng đông dân cư ở thành thị và nông thôn,

các nhà thương, trường học, nhà thờ, đền chùa, đền đập v.v. " (1) ở miền Bắc.

Trong nhiều bài báo, trong các bức điện gửi các Hội nghị hòa bình quốc tế chống bom nguyên tử, bom khinh khí, Người lên án mạnh mẽ các nước đế quốc, đứng đầu là Mỹ, đã sử dụng bom nguyên tử và đang ra sức sản xuất và thí nghiệm các vũ khí hóa học, nguyên tử, gây ô nhiễm và phá hủy môi trường sống ở nhiều khu vực trên trái đất. Người tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và Anh (25-4-1962) đã thử bom hạt nhân ở khu vực Thái bình dương, làm cho những đợt "mưa phóng xạ" sẽ tràn về phương Nam đến In-đô-nê-xi-a, Ấn độ, Nam Việt nam, châu Phi, châu Nam Mỹ..." (2) gây ô nhiễm môi trường và rất nguy hại đối với con người.

Hậu quả của chiến tranh hạt nhân là loài người và mọi sự sống trên trái đất bị hủy diệt. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta và nhân dân thế giới phải kiên quyết đấu tranh chống việc thử bom nguyên tử và bom khinh khí, kiên quyết đấu tranh đòi giải trừ quân bị toàn bộ và triệt để, "để cho những tội ác kinh khủng do đế quốc Mỹ gây ra ở Hi-rô-si-ma và Na-ga-da-ki không bao giờ còn diễn lại..." (3).

Với chính sách khai thác, vơ vét tài nguyên khoáng sản của các nước thuộc địa để làm giàu, bọn đế quốc, thực dân đã phá hủy nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và môi trường sống lành mạnh ở các nước thuộc địa. Người sớm vạch trần điều đó trước dư luận. Người chỉ rõ : Ở Đông dương, thực dân

* Giảng viên trường Đại học sư phạm 1 Hà nội

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 10, tr 602, 603

(2) *Sđd*, t 9, tr 358

(3) Xem *Sđd*, t 9, tr 143

Pháp ra sức vơ vét, cướp bóc những nguồn tài nguyên khoáng sản quý (than, sắt, von-phơ-ram, vàng...), nguồn nông, lâm sản (lúa, chè, cao su, cà phê...) xuất khẩu kiếm lời. Việc khai mỏ ở đây "rất tồi", vì chúng không đầu tư vốn và kỹ thuật. Chúng "chỉ vơ vét những cái gì dễ vơ vét, như một kẻ vội khoắng sạch những cái gì tiện tay để chuồn đi cho nhanh" (4). Trong nông nghiệp, bọn thực dân khai thác theo kiểu "sống chết mặc bay", không đầu tư kỹ thuật canh tác mới nên năng suất rất thấp. Rừng cây ở Đông dương rộng lớn "xanh tươi nổi tiếng", có nhiều gỗ, cây công nghiệp quý và có vai trò rất quan trọng đối với môi trường sống, nhưng bị bọn thực dân chiếm và chặt phá bừa bãi. "Chúng chặt gỗ bán, nhét tiền vào túi, rồi về Pháp dâng hoàng nghi ngơi ở thôn quê, chẳng cần chú ý gây lại các rừng chúng đã phá phách" (5). Ở châu Phi, bọn đế quốc, thực dân Anh, Pháp, Ý, Bồ - đào - nha, Bỉ, Đức v.v. tranh nhau khai thác, cướp bóc các nước thuộc địa, đã làm cạn nguồn tài nguyên thiên nhiên, phá hủy môi trường sống, làm cho "nạn đói và dịch bệnh thường xuyên xảy ra tàn phá các thuộc địa". Các nguồn động, thực vật trù phú của châu Phi đã bị đẩy vào thảm họa diệt vong. "Những vùng ven sông, trù phú và đông đúc dân cư, chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải trắng các ốc đảo và làng mạc bị tàn phá". "Nền văn minh" của các bộ tộc châu Phi cũng đã bị "tiêu tan".

Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo bọn thực dân Anh đã "thi hành một cách kiên quyết một "chính sách bóc lột" ở châu Phi. Họ sẽ biến Xu-đăng thành một đồn điền rộng lớn, và để thực hiện mục đích đó, họ sẽ chuyển hướng dòng sông Nin ở miền thượng lưu. Đồn điền được tưới nước như vậy sẽ đem lại một năng suất kỳ diệu ; nhưng nông nghiệp miền hạ lưu sông Nin sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng, vì dòng nước màu mỡ tốt tươi đã bị đổi đi hướng khác" (6).

Khoa học kỹ thuật ngày càng tiến bộ, đã thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, đem lại những món lợi nhuận kếch sù cho các nhà tư bản. Nhưng vì chỉ nhằm phục vụ lợi ích của các nhà tư bản, nên nhà nước tư sản không có chính sách và sự quan tâm bảo vệ, cải thiện môi trường sống. Sự phát triển khoa học kỹ thuật và công nghiệp của các nước tư bản đã làm ô nhiễm môi trường

sinh thái, đe dọa nghiêm trọng đến sinh mạng, đời sống con người, nhất là đối với sự sống của nhân dân lao động nghèo khổ.

Trong nhiều bài báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê phán tình trạng ô nhiễm môi trường sống ở nhiều nơi, ngay cả ở thủ đô của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Ngày nay, vấn đề môi trường sinh thái đang là sự thách thức nghiêm trọng có tính toàn cầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn rõ hậu quả tai hại này cách đây mấy chục năm. Và nguyên nhân một phần lớn trách nhiệm thuộc về chủ nghĩa tư bản.

II - Về xây dựng, cải thiện môi trường sinh thái

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến cải thiện, xây dựng môi trường sinh thái, cụ thể là vấn đề bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng; phát triển thủy lợi và cải tạo đất đai ; xây dựng đời sống mới.

• Bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng :

Rừng là một yếu tố tự nhiên quan trọng trong tổng thể tự nhiên, một bộ phận cơ bản của môi trường sống, chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố khác như địa hình, khí hậu, thủy văn, đất trồng v.v.. Đồng thời rừng tác động trở lại rất quan trọng đối với các yếu tố trên. Rừng giữ vai trò điều hòa đặc biệt quan trọng để lập lại thể cân bằng môi trường sinh thái, đảm bảo sự sống trên trái đất.

Với tầm nhìn chiến lược đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động, trực tiếp chỉ đạo "Tết trồng cây", làm cho việc trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng trở thành phong trào của quần chúng, đạt được kết quả tốt.

Người luôn luôn nhấn mạnh ý nghĩa, tác dụng to lớn, nhiều mặt của việc trồng cây gây rừng. Việc làm này "*tốn kém ít mà lợi ích rất nhiều*". Nó "*chẳng những có ý nghĩa kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị*" và "*quốc phòng*" to lớn. Người thường nhấn mạnh ý nghĩa, tác dụng to lớn của trồng cây gây rừng đối với việc cải tạo thiên nhiên, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống và cải thiện đời sống của nhân dân.

Người chủ trương trồng cây nào phải tốt cây ấy. Trồng cây gây rừng đi đôi với việc bảo

(4) *Sđd*, t 2, tr 56

(5) *Sđd*, t 2, tr 57

(6) *Sđd*, t 2, tr 14

vệ rừng ; phải "bảo vệ rừng như bảo vệ nhà cửa" của mình. Người phê phán và phân tích sâu sắc tác hại to lớn của việc chặt phá rừng bừa bãi, làm tổn hại đến nguồn lợi to lớn của đất nước và phá hủy môi trường sinh thái, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đến đời sống nhân dân. Người thường nói ; "Rừng vàng bể bạc", phá rừng thì dễ, nhưng gây lại rừng thì phải mất hàng chục năm. Phá rừng nhiều sẽ ảnh hưởng đến khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống rất nhiều. Nếu rừng kiệt thì không còn gỗ, và mất nguồn nước thì ruộng nương mất màu, gây ra lụt lội và hạn hán. Không chỉ trên lời nói mà cả trên hành động, Người luôn gương mẫu tích cực trồng cây và chăm sóc cây tươi tốt, nêu một tấm gương sáng cho chúng ta noi theo.

• *Phát triển thủy lợi và cải tạo đất đai :*

Cũng như rừng, đất và nước là những yếu tố tự nhiên, là bộ phận cơ bản của môi trường sinh thái, có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống con người. Đối với nước ta, kinh tế nông nghiệp lúa nước giữ vai trò chủ yếu, lại phụ thuộc vào thiên nhiên, khí hậu thất thường ; bão lụt, úng hạn sâu bệnh... liên tiếp xảy ra, cho nên giải quyết vấn đề nước và đất có tầm quan trọng đặc biệt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đất, nước đối với các mặt kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường sinh thái ở nước ta. Người nói : "Việt nam ta có hai tiếng Tổ quốc, ta cũng gọi *Tổ quốc là đất nước* ; có đất và có nước, thì mới thành *Tổ quốc*. Có đất lại có nước thì dân giàu nước mạnh... Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho đất và nước điều hòa với nhau để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội" (7). Để có đủ nước, điều hòa nước, để bảo vệ, phát triển sản xuất, cải thiện môi trường sông, phòng chống và giảm nhẹ tác hại do thiên tai gây ra, công tác thủy lợi là vô cùng quan trọng và luôn được Người quan tâm.

Hằng năm Người thường xuyên viết báo, thư, điện, hoặc đi về các địa phương trực tiếp tham gia, nhắc nhở, động viên, kiểm tra việc đắp đê, xây dựng kè, công, đào sông, khơi ngòi, trồng cây, chống bão lụt, úng, hạn...

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường vận động nhân dân ta vận dụng những kinh nghiệm làm thủy lợi của dân tộc trước đây, đồng thời chú ý theo dõi những kinh nghiệm làm thủy lợi của các nước để phổ biến cho cán bộ và nhân

dân ta vận dụng. Người chú ý nhắc nhở và theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thời tiết, khí hậu trên thế giới và trong vùng Đông - Nam Á để chỉ đạo công tác phòng chống thiên tai ở nước ta.

Người nhấn mạnh phương châm : "*giữ nước là chính, thủy lợi hạng nhỏ là chính và nhân dân tự làm là chính...*" Trên cơ sở thủy lợi hạng nhỏ là chính, cần giúp đỡ địa phương làm những công trình thủy lợi hàng vừa, tận dụng những công trình lớn sẵn có. Nhà nước sẽ làm thêm một ít công trình hạng lớn ở những nơi thật cần thiết" (8). Người còn lưu ý nhân dân không quá lạm dụng phân hóa học làm ảnh hưởng đến môi trường đất đai trong canh tác.

• *Xây dựng đời sống mới :*

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên giáo dục, động viên cán bộ đấu tranh bài trừ những hủ tục, lễ thói cũ, lạc hậu, thi đua xây dựng và thực hiện "*Đời sống mới*". Theo quan niệm của Người, nội dung đời sống mới rất phong phú, đầy đủ về mọi phương diện, trong đó có sức khỏe và môi trường sống.

Người nhắc nhở : sống không những chỉ đầy đủ về điều kiện vật chất mà còn có cuộc sống tinh thần, văn hóa cao. Sống gắn bó với thiên nhiên, sạch sẽ, lành mạnh, có đủ sức khỏe để học tập, lao động, công tác, chiến đấu, xây dựng quê hương đất nước.

Người luôn quan tâm, chăm sóc đến môi trường sống, điều kiện làm việc của nhân dân, nhắc nhở mọi người giữ gìn vệ sinh, sức khỏe tốt ; phải ăn sạch, ở sạch, uống sạch, mặc sạch. Khi tới thăm các cơ quan, trường học, bệnh viện, hợp tác xã, đơn vị bộ đội hoặc đến công tác ở một địa phương, Người thường kiểm tra, góp ý về công tác vệ sinh, giữ gìn sức khỏe, nơi ăn ở, làm việc, v.v. rất cụ thể chu đáo.

Đối với nhân dân thành phố, Người nhắc phải biết giữ gìn vệ sinh, chấm dứt thói xấu vứt rác ở đường phố, vườn hoa. Với nông thôn, Người giải thích : Con người muốn mạnh khỏe sống lâu để lao động sản xuất tốt, phải ăn ở vệ hợp sinh. Muốn có vệ sinh phải có nước sạch, muốn có nước sạch phải đào giếng, đào nhiều giếng sẽ có nhiều nước sạch. Với nhà máy, hầm mỏ, công trường, Người chú ý đến việc giữ gìn vệ sinh công nghiệp, đảm bảo sức

(7) *Sđd*, t 8, tr 482

(8) *Sđd*, t 8, tr 261 - 262

khỏe, an toàn lao động cho người lao động, vì "người lao động là vốn quý nhất"; đồng thời nhắc nhở phải chống gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân bên ngoài nhà máy. Ngay sau khi miền Bắc được giải phóng, tới thăm và nói chuyện với cán bộ, công nhân nhà máy điện Yên phụ, nhà máy đèn Bờ hồ (1954), Người căn dặn lãnh đạo và công nhân nhà máy cần nghiên cứu hạn chế bụi than bay tỏa ra các vùng chung quanh nhà máy, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Nói chuyện với cán bộ công nhân nhà máy sứ Hải dương (1962), Người nhắc nhở anh chị em trong sản xuất phải đeo khẩu trang chống bụi, nếu không sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

Người cũng rất quan tâm, chăm sóc đến môi trường sống và lao động, sức khỏe của các chuyên gia nước ngoài lao động và công tác tại nước ta.

*
* *

Những ý kiến và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lĩnh vực xây dựng, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái

đều xuất phát từ lòng yêu thiết tha, chân thành đối với con người và thiên nhiên, được nảy nở, phát triển từ chủ nghĩa nhân văn cao cả của người chiến sĩ cộng sản. Điều đó càng thể hiện rõ Người không chỉ là một vị anh hùng giải phóng dân tộc mà còn là một nhà văn hóa lớn.

Ngày nay, mầm mống chiến tranh đế quốc và chiến tranh hạt nhân chưa phải đã hết. Tài nguyên thiên nhiên, rừng vẫn đang bị khai thác bừa bãi. Vấn đề ô nhiễm môi sinh, và các thiên tai (lũ lụt, sạt lở, động đất, sa mạc hóa...) do sự biến đổi đột ngột, to lớn của khí hậu thời tiết gây ra, cũng đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Do đó, bảo vệ môi trường sinh thái đã và đang trở thành vấn đề cấp bách, có tính toàn cầu và trở thành một trong những chính sách hàng đầu của các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Vì vậy, những ý kiến và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc xây dựng, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái càng có giá trị lý luận và thực tiễn hết sức to lớn và có ý nghĩa thời đại vô cùng sâu sắc □

Nói thêm ...

(Tiếp theo trang 22)

đạo nhân dân và bầu bạn trên thế giới. Bởi vì tư tưởng Hồ Chí Minh không những có giá trị bền vững với dân tộc Việt nam mà còn lan tỏa ra cả thế giới.

Nhận định về những di sản của Mác, ngay từ năm 1908, Lê-nin đã viết: "người ta chỉ có thể rút ra một kết luận duy nhất là: đi theo con đường mà lý luận của Mác vạch ra thì chúng ta ngày càng đi đến chân lý khách quan (tuy không bao giờ có thể nắm hết được); nếu đi theo bất cứ một con đường nào khác, chúng ta chỉ có thể đi đến sự lẫn lộn và đối trá" (9).

Sự phân tích, nhận định của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa Mác - Lê-nin thật sâu sắc, toàn diện. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng những di sản của Lê-nin, trước hết là những vấn đề về dân tộc và thuộc địa. Với Lê-nin và những di sản của Người, cách đây hơn 70 năm Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Khi còn sống, Lê-nin là người thầy, người cha của nhân dân bị áp bức. Sau khi mất, Người là ngôi sao sáng chỉ đường tiến tới sự nghiệp giải phóng vĩ đại của nhân dân bị áp bức" (10).

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh Việt nam. Phương pháp đánh giá của Lê-nin về những di sản tư tưởng do Mác để lại và của Hồ Chí Minh về những di sản tư tưởng của Lê-nin, là hết sức khoa học, đúng đắn và khách quan. Với phương pháp ấy những người Việt nam hôm nay và các thế hệ tiếp theo cũng có thể nói về Hồ Chí Minh như sau: Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng, Mặt trận, Quân đội, Nhà nước cách mạng ở Việt nam. Khi còn sống Hồ Chí Minh là người cha của cách mạng nước ta. Ngày nay tư tưởng Hồ Chí Minh là ngôi sao chỉ đường cho chúng ta trong công cuộc đổi mới đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đó chính là con đường mà Hồ Chí Minh đã chọn. Nếu đi theo bất cứ một con đường nào khác thì sẽ bị lẫn lộn và đối trá □

(9) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 18, tr 168

(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sự thật, Hà nội, 1982, t 2, tr 30

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM - SỰ LỰA CHỌN TẤT YẾU

PHAN THANH PHỐ* và AN NHƯ HẢI**

HIỆN nay, công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản Việt nam khởi xướng và lãnh đạo đã và đang đạt được những thành quả bước đầu đáng khích lệ. Tuy nhiên, đây đó không phải không có những tư tưởng hoài nghi sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vấn đề được đặt ra là sự lựa chọn đó có phải là tất yếu không và nếu là tất yếu thì luận giải và thực hiện nó bằng cách nào? Nội dung sau đây sẽ góp phần trả lời các vấn đề nêu trên.

I - CƠ SỞ CỦA SỰ LỰA CHỌN ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM.

1- Theo lý thuyết hình thái kinh tế-xã hội của C. Mác, xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội ra đời và phát triển trên cơ sở thay thế, kế tiếp xã hội tư bản chủ nghĩa. Việc nghiên cứu sự ra đời và phát triển của xã hội đó phải được tiếp cận như là một quá trình biện chứng, vừa phủ định xã hội cũ, phủ định chế độ người bóc lột người và phủ định sự tha hóa con người; vừa kế thừa những tinh hoa và những giá trị của nhân loại dựa vào đặc trưng của xã hội mới. Đó là sự kế thừa những mặt tích cực và những tiến bộ của kinh tế thị trường hiện đại, của những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, của xu hướng khu vực hóa, toàn cầu hóa... mà nhân loại đạt được trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Cũng theo lý thuyết này và có tính đến lý thuyết phát triển nền văn minh thì chủ nghĩa hội phải là một xã hội hàm chứa trong nó những nhân tố kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội gắn với ba mục tiêu: *giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người*. Vì thế, phải xem xét toàn diện các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội không chỉ trên các khía cạnh kinh tế, chính trị, mà còn chú ý cả về mặt xã hội và nhân văn, cho dù điều kiện

kinh tế phát triển còn chưa cao, để nghiên cứu sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Cần lưu ý rằng xã hội xã hội chủ nghĩa, theo C. Mác, lẽ ra phải ra đời từ các "nước tư bản văn minh" có nền kinh tế đã phát triển cao. Song, xã hội đó do những điều kiện lịch sử đặc biệt và do sự lựa chọn của Đảng và nhân dân ta, lại xuất hiện ở Việt nam, một nước kinh tế chưa phát triển, nền sản xuất nhỏ còn chiếm ưu thế. Chính vì thế chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng nêu trên chỉ có thể được hình thành từng bước ở nước ta trên cơ sở được xây dựng theo hướng những đặc trưng đã định mà ta gọi là định hướng xã hội chủ nghĩa. Để có được đây đủ các đặc trưng của một xã hội xã hội chủ nghĩa đích thực, nước ta đương nhiên phải trải qua những bước quá độ lịch sử đặc biệt, với mô hình tổ chức quá độ, với các hình thức kinh tế quá độ, với các khâu và bước đi trung gian quá độ, để có thể rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện các trật tự phát triển tự nhiên và đạt những mục tiêu theo định hướng đã chọn.

Cũng cần ý thức sâu sắc rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa đích thực mà ta hướng tới không phải đã có sẵn "hình mẫu". Toàn bộ mô hình về một xã hội như vậy đang trong quá trình hình thành. Việc cụ thể hóa mô hình đó hoàn toàn không đơn giản, nó chỉ có thể làm dần từng bước. Vì vậy, trong nội dung của mô hình chủ nghĩa xã hội, chỉ nên xác định những thuộc tính *khái quát nhất, cơ bản nhất*. Trên cơ sở đó, ta sẽ làm thử, tổng kết và từng bước bổ sung, hoàn chỉnh dần mô hình chủ nghĩa xã hội cần lựa chọn. Chỉ với phương pháp tiếp cận như vậy, ta mới không xa rời phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mới làm phong phú và sống động chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thực tiễn.

* PGS, PTS kinh tế, Trường đại học kinh tế quốc dân

** Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2- Không phải ngẫu nhiên nước ta lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, và cũng không phải như một số ý kiến cho rằng "sự lựa chọn đó mới chỉ mang tính tất yếu về chính trị chứ chưa phải tất yếu về kinh tế"; rằng "không thể định hướng cái chưa có", không thể phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa bằng kinh tế thị trường vì "khắc nào như "lửa với nước", kinh tế thị trường làm sao có thể dung nạp chủ nghĩa xã hội được (!)"...

Thật ra, nếu dựa vào *những phương pháp tiếp cận khoa học*, thì vấn đề không phải như vậy. Bởi vì :

Thứ nhất, không thể có "tất yếu về chính trị" nếu chưa có "tất yếu về kinh tế". Hơn nữa, không thể quan niệm tiền đề kinh tế gắn với tính tất yếu về kinh tế theo kiểu khép kín và theo cơ chế bao cấp quốc tế như trước đây, mà phải đặt nó trong điều kiện mới của cộng đồng quốc tế. Các nước, trong đó có nước ta, có thể thông qua chính sách kinh tế đối ngoại hữu hiệu để tiếp nhận những nhân tố của thời đại, sử dụng quy luật lợi thế so sánh và lợi thế của nước phát triển muộn, qua đó sử dụng những tiền đề kinh tế mà nhân loại đã đạt được, để rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, về mặt lịch sử, nước ta đã từng trải qua hơn một thế kỷ dưới sự thống trị của chủ nghĩa tư bản Pháp và Mỹ. Nếu theo quy luật phổ biến của sự phát triển thì nước ta ắt đã phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng thực tế đã không diễn ra như vậy. Điều này khiến ta càng vững tin hơn vào định hướng xã hội chủ nghĩa đã chọn khi thấy hàng trăm nước trên thế giới từng chịu sự thống trị của chủ nghĩa tư bản và đi theo chủ nghĩa tư bản, nhưng trừ một số rất ít nước do hoàn cảnh đặc biệt, còn hầu hết vẫn là những nước kinh tế chậm phát triển như cũ.

Sau thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, đất nước được độc lập, xã hội ta đứng trước những thử thách cực kỳ gay gắt. Một trong những thách thức đó là mâu thuẫn giữa xu hướng vận động *tự phát* theo con đường tư bản chủ nghĩa và xu hướng vận động *tự giác* đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng ta kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, con đường mà Đảng và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn từ năm 1930. Bởi lẽ, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực sự giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, mới thực sự đưa nhân dân ta tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tất nhiên, khi chọn con đường xã hội

chủ nghĩa, chúng ta không quan niệm chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn xấu. Thực tế, trên con đường đó, chúng ta đã và đang tự giác sử dụng những nhân tố tiến bộ mà nhân loại đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản (những thành tựu về khoa học - công nghệ, kinh tế thị trường hiện đại, xu hướng quốc tế hóa...) để rút ngắn đáng kể thời gian đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ ba, mọi người đều biết rằng kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản, mà là thành quả chung của quá trình phát triển văn minh của nhân loại tồn tại qua nhiều phương thức sản xuất xã hội khác nhau. Bên cạnh những phạm trù, quy luật kinh tế chung, kinh tế thị trường còn có những đặc điểm riêng gắn liền với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, với bản chất của chế độ xã hội trong đó nó tồn tại qua mỗi giai đoạn lịch sử. Đúng là kinh tế thị trường đã đạt tới đỉnh cao dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng cho đến nay giữa các nước tư bản phát triển nhất cũng không có mô hình kinh tế thị trường giống nhau. Về bản chất, kinh tế thị trường không phải chỉ toàn là tiêu cực, "xấu xa" như người ta lầm tưởng. Nó có những yếu tố tiến bộ và tích cực mà không ai có thể phủ nhận. Kinh tế thị trường tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển, đẩy nhanh quá trình xã hội hóa sản xuất. Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực chất là một kiểu tổ chức nền kinh tế vừa phát huy được nhân tố động lực thúc đẩy sản xuất xã hội, vừa phát huy được nhân tố mở đường, hướng dẫn và chế định sự vận động của nền kinh tế theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã chọn. Quan điểm coi kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội như "nước với lửa", chỉ có giá trị như một lời nhắc nhở phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa khi phát triển kinh tế thị trường ; nó hoàn toàn không có nghĩa là coi chúng như hai cái gì đó hoàn toàn "đối lập" với nhau.

Thứ tư, không thể lấy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô cũng như việc nước ta từ bỏ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp cũ để chứng minh sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội là sai lầm. Thật ra, hai sự việc trên chỉ chứng tỏ sai lầm của sự nhận thức giản đơn, thậm chí lệch lạc về chủ nghĩa xã hội. Công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là bằng chứng đầy sức thuyết phục về khả năng tạo ra những tiền đề cần thiết để có thể thực sự rút ngắn quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

II - NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN ĐỂ HIỆN THỰC HÓA ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Như trên đã nói, định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử ở nước ta. Tuy nhiên, để hiện thực hóa định hướng trên, không thể không xác định nội dung và giải pháp chủ yếu để thực hiện nó.

1- Về nội dung chủ yếu để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Từ đặc điểm một nước phát triển muộn cả về kinh tế thị trường lẫn công nghiệp hóa, việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đương nhiên không thể đi theo mô hình "cổ điển" : *phát triển tuần tự*, như thường thấy ở các nước đi trước ; mà phải đi theo mô hình khác, gần với những điều kiện mới của thời đại : *phát triển rút ngắn*, như thường thấy ở các nước đi sau, "Phát triển rút ngắn" không phải là một thuật ngữ mới mẻ. Nó đã từng được Mác và Ăng-ghe-nê đề cập khi luận giải về những điều kiện cần thiết để các nước lạc hậu có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội" (1).

"Phát triển rút ngắn" không có nghĩa là "cắt bỏ" hay "bỏ qua" một hoặc một số giai đoạn phát triển lịch sử tự nhiên. Nó là quá trình thực hiện *đúng*, các giai đoạn phát triển tự nhiên *nhưng với khoảng thời gian ngắn hơn*, tức là *rút ngắn đáng kể thời gian để thực hiện các giai đoạn phát triển theo trình tự tự nhiên*.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, chỉ có mô hình phát triển rút ngắn mới sớm đưa nền kinh tế thoát khỏi sự tụt hậu so với khu vực và thế giới ; mới có điều kiện khắc phục nguy cơ "diễn biến hòa bình" ... ; mới thực hiện được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" như con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn.

Có thể khái quát *nội dung chủ yếu của mô hình phát triển rút ngắn ở nước ta* như sau :

- Kết hợp hài hòa giữa quy luật phát triển "nhảy vọt" với quy luật phát triển "tuần tự", tìm ra con đường phát triển "trung gian" giữa hai quy luật đó để rút ngắn đáng kể thời gian đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Vận dụng tư tưởng trong "Chính sách kinh tế mới" (NEP) của Lê-nin để đi từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó đặc biệt coi trọng các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Sáng tạo nhiều hình thức kinh tế trung gian, quá độ, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước. Qua đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa tổ chức quá trình hình thành và

chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn từng bước vững chắc.

2- Về những giải pháp chủ yếu để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo những nội dung nói trên, cần tiến hành đồng bộ những giải pháp chủ yếu sau :

Một là, phải đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển, thực hiện có hiệu quả quốc sách giáo dục, đào tạo ; thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.

Hai là, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh tế cần thiết để nhân dân từng bước làm chủ về kinh tế, chính trị và văn hóa.

Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo) vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Đây không chỉ là giải pháp mà còn là điều kiện chính trị tiên quyết để đất nước có một bộ tham mưu có khả năng lãnh đạo, tổ chức giải quyết các mâu thuẫn của thời kỳ quá độ, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, Đảng phải thật sự trong sạch, đảng viên và nhất là cán bộ phải thật sự có trí tuệ và năng lực.

Năm là, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà quyền lực của nó thể hiện ở sự điều tiết kinh tế thị trường bằng pháp luật, với tính chất thật sự là của dân, do dân và vì dân. Muốn vậy, phải đẩy mạnh cải cách nhà nước về hành chính, xây dựng đồng bộ hệ thống luật pháp, tăng cường năng lực và sự nghiêm minh của các cơ quan tài phán.

Sáu là, phát triển một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Bảy là, tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả các quan hệ đối ngoại, bổ sung và hoàn thiện chính sách và cơ chế kinh tế đối ngoại, tạo sự năng động để đưa đất nước sớm hòa nhập với cộng đồng thế giới, khai thác có hiệu quả nhân tố thời đại phục vụ cho định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta □

(1) Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nê : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 4, tr 451

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HOÀNG ĐẠT *

I

Nghị quyết 12 (ngày 3-1-1996) của Bộ chính trị khẳng định, trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta, ngành thương mại cùng các ngành và địa phương đã đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng ở lĩnh vực lưu thông hàng hóa và dịch vụ, góp phần tạo nên những biến đổi sâu sắc trên thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

Trong những cái được mà cơ chế thị trường mang lại, có lẽ cái được lớn nhất là về cơ bản đã xóa bỏ được cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong hoạt động thương mại dịch vụ, thực hiện được việc mua bán tự do theo quan hệ cung - cầu, hình thành được giá cả trên cơ sở giá trị, quan hệ hàng - tiền, quan hệ cung cầu và sức mua trên thị trường. Nhờ thực hiện cơ chế thị trường có sự định hướng, quản lý và điều tiết của nhà nước, chúng ta đã có thể phát huy tiềm năng sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trong lưu thông hàng hóa, phát huy được vai trò tự điều tiết của thị trường, làm cho hàng hóa trên thị trường ngày một phong phú, giá cả tương đối ổn định, làm cho nước ta ngày càng có nhiều mặt hàng đứng vững được trên thị trường thế giới.

Thực tiễn 10 năm qua cũng cho thấy, giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước có sự gắn bó hữu cơ. Địa phương nào, khu vực nào thực hiện đúng đường lối đa phương hóa và đa dạng hóa của Đảng về kinh tế đối ngoại,

thì ở địa phương đó, khu vực đó, thị trường có sự phát triển vượt bậc; hoạt động xuất nhập khẩu tác động rõ đến quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất, phân công lại lao động xã hội, thúc đẩy việc thay đổi công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm. TP Hồ Chí Minh, Hà nội, An giang, Sông bé, Đồng nai... là những điển hình về mặt này. Ở những nơi này, cùng với sự tăng trưởng nhanh về xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư với nước ngoài, thị trường có mức tăng lưu chuyển gần gấp đôi so với mức trung bình của cả nước.

Những năm qua, cùng với sự phát triển bùng ra của các chủ thể tham gia thị trường, thương nghiệp nhà nước có sự điều chỉnh lớn về tổ chức, từng bước đổi mới phương thức kinh doanh nhằm thích ứng với cơ chế mới và hoạt động có hiệu quả trong điều kiện ngày càng mất đi những ưu đãi của nhà nước. Vấn đề lớn đặt ra hiện nay không phải là có cần thương nghiệp nhà nước không (như một số người trước đây còn băn khoăn) mà là làm thế nào để thương nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn, xứng đáng với vai trò là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa cho nhà nước trong ổn định và định hướng thị trường.

Nói đến kết quả về quản lý và điều hành giá cả thị trường trong 10 năm qua, không thể không nói đến những tiến bộ và cố gắng của Nhà nước ta trong quản lý thị trường và hoạt động thương mại. Dù còn thiếu Luật thương mại, song môi trường pháp lý cho hoạt động thị trường phải nói là đã tốt hơn. Các nghị định quan trọng của Chính phủ ban hành trong hai năm 1994 và 1995 như nghị định về mặt hàng cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, về tổ chức và quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu v.v. thực tế đã tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh và quản lý thị trường đi vào nền nếp. Nhờ có Nghị định 33-CP của Chính phủ, hoạt động mua bán

* Giáo sư, Bộ thương mại

phục vụ xuất khẩu ở ta đã bớt đi cảnh hỗn loạn, tranh mua, tranh bán...

Dù chính sách và cơ chế quản lý hiện nay còn xa mới đạt tới chỗ đáp ứng được yêu cầu của một cơ chế thị trường đích thực, nhưng nó đã mạnh dạn xóa đi những gì đã lỗi thời, chỉ tạm giữ lại những phương sách quá độ còn cần thiết để bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội chung của hoạt động thương mại.

II

Tuy vậy, tám huân chương thị trường cũng có mặt trái khá rõ. Sự bung ra nhanh của thương mại dịch vụ tuy là xu hướng có tính quy luật của một thị trường sau nhiều năm xơ cứng bởi sự phân định duy ý chí về "thị trường có tổ chức" và "thị trường tự do", nhưng tính tự phát, manh mún, đôi lúc còn mang tính "chụp giật" của một nền thương nghiệp nhỏ lại không sớm được ngăn chặn có hiệu quả bằng khuôn khổ pháp lý và tổ chức quản lý, giám sát thị trường thích hợp. Đó chính là mảnh đất cho nạn buôn lậu, buôn bán hàng giả diễn ra nghiêm trọng, tác động xấu đến sản xuất và đời sống.

Với một thị trường trên 70 triệu dân, trong đó hơn 80% là dân nông thôn, trị giá lương thực thực phẩm còn chiếm 1/3 tổng mức bán lẻ và hàng nông - lâm - thủy sản còn chiếm tới 50% trị giá kim ngạch xuất khẩu, mà nền thương mại lại quá tập trung ở thành thị, mở ra chưa đủ rộng đối với khu vực nông thôn, thì đó là một khiếm khuyết cần lưu ý.

Một thời gian khá dài sau khi chuyển sang cơ chế kinh tế mới, tư tưởng "phi thương bất phú" chi phối khá rõ. Phải thừa nhận rằng hoạt động thương mại những năm qua đã đem lại giá trị gia tăng đáng kể cho nền kinh tế. Nhưng giờ đây, nếu nhìn xa về chiến lược kinh tế với mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững, thì vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được đặt lên hàng đầu. Điều đó đòi hỏi ngành thương nghiệp nước ta, nhất là thương nghiệp thuộc khu vực nhà nước, phải có sự đổi mới cả về nội dung và hình thức hoạt động.

Mười năm qua, bên cạnh bức tranh phong phú, đầy màu sắc về nền thương nghiệp nhiều thành phần, với thương nghiệp tư nhân chiếm

trên 70% tỷ trọng lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trên thị trường xã hội, ta cũng thấy rõ sự chuyển biến còn chậm chạp của thương nghiệp nhà nước, đúng như Nghị quyết 12 của Bộ chính trị đã đánh giá: "Hiệu quả kinh doanh của thương nghiệp nhà nước còn thấp, tổ chức phân tán, thiếu vốn nghiêm trọng. Quốc doanh sản xuất chưa liên kết được với quốc doanh thương nghiệp, thương nghiệp nhà nước trung ương chưa liên kết được với thương nghiệp nhà nước địa phương. Do đó, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của kinh tế quốc doanh trong việc điều hòa cung - cầu, ổn định giá cả, hướng dẫn, tổ chức và liên kết các thành phẩm kinh tế khác, hạn chế tính tự phát của tư thương".⁽¹⁾

Mặc dù có nhiều cố gắng và tiến bộ, nhưng công tác quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém. Chính sách và cơ chế quản lý, quản lý hành chính và công tác cán bộ còn không ít khe hở dễ phát sinh tiêu cực.

Đáng chú ý là do thiếu sự phối hợp đồng bộ, kịp thời giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về lưu thông hàng hóa, nên hầu như năm nào cũng diễn ra những cơn sốt về giá đối với một số hàng hóa quan trọng. Cũng còn phải phấn đấu nhiều mới đi tới được một cơ chế xuất nhập khẩu vừa hướng tới quá trình tự do hóa ngoại thương ngày càng đầy đủ, vừa thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu và bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

Quản lý hành chính nhà nước quá phân tán cũng dẫn đến quan liêu, cửa quyền và kém hiệu lực.

III

Phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết phải bám sát mục tiêu định hướng trong từng giai đoạn chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thông qua việc tổ chức tốt thị trường và lưu thông hàng hóa, mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động xã hội, góp

(1) Nghị quyết của Bộ chính trị về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa

phần ổn định giá cả, kiềm chế lạm phát, tạo nhiều giá trị gia tăng cho nền kinh tế, đáp ứng tốt các nhu cầu ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân. Đó là mục tiêu vừa cấp bách, vừa mang tầm chiến lược của 15 - 20 năm tới trong hoạt động thị trường và thương nghiệp.

Một thị trường được tổ chức tốt là một thị trường lành mạnh, trật tự và kỷ cương, hoạt động thương mại sống động, cạnh tranh nhưng theo đúng pháp luật. Một thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải là một thị trường văn minh, hiện đại, phát triển theo các quy luật kinh tế khách quan, có khả năng hội nhập với thị trường khu vực và thế giới, nhưng không phải là thứ thị trường phân hóa và cách biệt quá đáng giữa một bên là những đô thị sôi động đến nghẹt thở và bên kia là khu vực nông thôn nghèo nàn, chậm phát triển.

Để thị trường phát triển theo các mục tiêu nêu trên, cần tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của thương mại dịch vụ, khai thác mọi khả năng và tính tích cực của mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, kinh tế nhà nước nói chung và thương nghiệp nhà nước nói riêng, là lực lượng kinh tế quan trọng nhất trong việc thực hiện các chủ trương kinh tế - xã hội của Đảng. Do vậy, cần phải xây dựng và tổ chức tốt thương nghiệp nhà nước và hợp tác xã mua bán (mà mục tiêu và phương thức hoạt động có nhiều khả năng liên kết với thương nghiệp nhà nước) nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của thương nghiệp nhà nước trên những lĩnh vực, địa bàn và mặt hàng quan trọng. Điều này đòi hỏi phải cải cách mạnh mẽ hơn nữa thương nghiệp nhà nước, bám sát các tiêu chí "nhu cầu" và "hiệu quả" mà tổ chức lại thương nghiệp nhà nước, thực hiện đa dạng hóa sở hữu, mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa thương nghiệp nhà nước với sản xuất, với các thành phần kinh tế khác trong và ngoài nước dưới các hình thức thích hợp của kinh tế tư bản nhà nước.

Bên cạnh mục tiêu hình thành các tập đoàn kinh doanh mạnh có khả năng đối tác với nước ngoài, chúng ta cần đặt mục tiêu rõ cho các doanh nghiệp ấy ở thị trường trong nước. Tạo cho các doanh nghiệp ấy những điều kiện cần

thiết để có thể vừa buôn bán đối ngoại tốt, vừa đóng vai trò nòng cốt, có sức mạnh chi phối cung - cầu, giá cả những mặt hàng thiết yếu trên thị trường nội địa.

Thương nghiệp nhà nước phải tổ chức và mở rộng mạng lưới đại lý với các đại lý cho ra đại lý (số lượng, phương thức kinh doanh, giá cả... theo sự chỉ đạo của *công ty giao hàng*), qua đó thương nghiệp nhà nước thực hiện chức năng hướng dẫn thị trường, hỗ trợ, liên kết với các thành phần kinh tế khác.

Phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải tổ chức lại thị trường trên các địa bàn theo hướng phát huy vai trò chi phối của thị trường đô thị đối với thị trường cả nước hoặc khu vực, làm cho mạng lưới thương mại ở thị trường nông thôn phát triển đa dạng, phù hợp với nhu cầu mở rộng giao lưu hàng hóa, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn. Cần coi trọng các cụm kinh tế thương mại dịch vụ với nhiều loại hình sơ chế, chế biến, bảo quản, đóng gói, mua bán vật tư hàng hóa... thuộc các thành phần kinh tế như là mô hình chủ yếu. Mở rộng mạng lưới đại lý thương nghiệp nhà nước ở trung ương, tỉnh và huyện. Đối với miền núi, bên cạnh việc củng cố và phát triển các công ty quốc doanh, cần coi trọng việc phát triển chợ và chợ phiên, các phương thức kinh doanh mang tính chất khơi luồng lưu thông hàng hóa ở vùng cao.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách thương mại và cơ chế quản lý thương mại dịch vụ theo hướng tiến dần tới cơ chế thị trường đích thực, bảo đảm tự do kinh doanh theo pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, với hệ thống chính sách và định chế thích hợp về thương nhân, về mặt hàng, giá cả, về quản lý doanh nghiệp.

Gắn liền với cơ chế chính sách, phải tiếp tục xây dựng đồng bộ bộ máy quản lý nhà nước theo hướng đề cao chức năng quản lý ngành của Bộ thương mại, trên cơ sở phối hợp tốt hơn giữa các bộ, ngành về hoạch định chính sách, về thông tin kinh tế, về tổ chức và giám sát thị trường □

TỪ sau khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô cũ sụp đổ, nhiều người cho rằng học thuyết Mác - Lê-nin trong đó có kinh tế chính trị (KTCT) Mác - Lê-nin đã lỗi thời và không còn giá trị. Cũng có thể nói rằng, kể từ đó, vị trí, vai trò của khoa học KTCT Mác - Lê-nin đã và đang "bị đe dọa" từ nhiều phía với mức độ và phạm vi khác nhau :

VỀ VIỆC GIẢNG DẠY CÁC KHOA HỌC KINH TẾ TRONG HỆ THỐNG CÁC TRƯỜNG Ở NƯỚC TA

CHU VĂN CẤP *

- Ở các trường đại học, cũng như ở hệ trường Đảng, bộ môn KTCT bị thu hẹp cả về thời gian lẫn nội dung.

- Có nhiều người ngại biện rằng "KTCT Mác - Lê-nin" chỉ nên giảng dạy những cái gì của Mác, Lê-nin thôi. Và trong thực tế đã có một số trường đại học (kể cả các trường kinh tế) người ta đưa môn KTCT Mác - Lê-nin vào chương trình đào tạo nhưng nội dung của môn học này chỉ bao gồm lịch sử các học thuyết kinh tế và KTCT tư bản chủ nghĩa của Mác và Lê-nin mà thôi.

- Theo cách phân loại của Bộ giáo dục và đào tạo thì KTCT Mác - Lê-nin, và kinh tế học (vĩ mô, vi mô, phát triển...) là những môn khác nhau, độc lập với nhau. Từ đó môn kinh tế học (KTH) (vĩ mô, vi mô) được đưa vào nội dung chương trình học ngày càng "lấn át" môn KTCT Mác - Lê-nin. Bên cạnh đó có hàng chục cuốn sách giáo khoa KTH nước ngoài, vốn là môn học cơ sở trong hệ thống đào tạo các chuyên gia kinh tế ở các trường đại học

phương Tây, được dịch và xuất bản với số lượng lớn, được các nhà nghiên cứu kinh tế và giảng viên ở các trường truyền bá cho người học một cách hời hợt. Tình hình đó càng làm cho vấn đề trở nên phức tạp, làm cho cả người dạy lẫn người học phân vân. Nhiều cơ sở đào tạo đặt thành sự lựa chọn trong việc giảng dạy và học môn nào giữa KTCT và KTH, thậm chí giữa kinh tế chính trị Mác - Lê-nin hay kinh tế vĩ mô.

Nguyên nhân của tình hình trên có thể có nhiều, ở đây tôi chỉ xin nêu hai điểm :

Thứ nhất, chưa xác định rõ ranh giới các môn khoa học KTCT Mác - Lê-nin với KTH vĩ mô, KTH vi mô.

Thứ hai, mấy năm đổi mới, "mở cửa" nền kinh tế chuyển từ kinh tế hiện vật sang kinh tế hàng hóa, lý

luận KTCT Mác - Lê-nin và các khoa học kinh tế khác dường như bị "hẫng hụt" về nội dung. Trong khi đó, dòng lý luận kinh tế thị trường hiện đại, qua nhiều kênh khác nhau đã ảnh hưởng khá rộng vào nước ta ; nên đã có hiện tượng tiếp thu và đưa vào giảng dạy các lý luận kinh tế thị trường của phương Tây một cách thiếu cân nhắc về mức độ cũng như nội dung.

Như vậy, trước hết cần phải xác định ranh giới và mối quan hệ giữa KTCT Mác - Lê-nin và kinh tế học (vĩ mô, vi mô).

Về vấn đề này, hiện đang nổi lên ba loại quan điểm : *Một là* : KTH, trước hết là KTH vĩ mô, là sự bổ sung, làm phong phú thêm những nguyên lý của KTCT Mác - Lê-nin, hay nói cách khác : KTCT Mác - Lê-nin và KTH vĩ mô có những mối quan hệ nhất định có thể bổ sung cho nhau.

* PGS. PTS, Trưởng khoa KTCT Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Hai là : KTCT Mác - Lê-nin và KTH (vĩ mô, vi mô) là những môn học độc lập với nhau.

Ba là : KTH (vĩ mô, vi mô) tuyệt nhiên không phải là KTCT khoa học, càng không phải là KTCT Mác - Lê-nin, mà nó là sự tiếp nối - hình thức biến tướng của KTCT tư sản (phát sinh từ KTCT tư sản) trong thời đại ngày nay ; hay nói cách khác, nó là KTCT theo quan điểm tư sản hiện đại.

Để lý giải những quan điểm trên, chúng ta cần xem xét, so sánh quá trình hình thành, đối tượng nghiên cứu, phương pháp luận và mối quan hệ của hai môn học.

1 - Vài nét lịch sử.

- Danh từ khoa học "kinh tế chính trị" do Mông-crê-chiê (Montchrestien), nhà kinh tế học người Pháp theo chủ nghĩa trọng thương, dùng trong tác phẩm "Bàn về kinh tế chính trị". Thuật ngữ "kinh tế chính trị" được A. Xmit, Đ. Ri-các-đô và Các Mác kế thừa và sử dụng.

Nhưng Giăng Bap-tít Xay (Jean - Baptiste Say) (1766 - 1832) Nhà KTH tầm thường người Pháp, cùng thời với Đ. Ri-các-đô muốn tuyên truyền cho thuyết hòa hợp giai cấp, tố son, bào chữa cho giai cấp tư sản, đã mưu toan tách rời kinh tế với chính trị. Khuynh hướng của Xay là muốn biến khoa học KTCT thành khoa học thực hành nào đó. Ông đã phân loại một cách tầm thường KTCT và chia KTCT thành ba bộ phận (xây dựng lý luận KTCT theo trật tự) : *sản xuất, phân phối, tiêu dùng*. Sự phân chia như vậy và cách giải thích các phạm trù kinh tế của Xay đã hàm ý bỏ qua yếu tố giai cấp và xã hội trong khi nghiên cứu KTCT, lẫn tránh các mâu thuẫn đối kháng trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Đó là mầm mống xuất hiện thuật ngữ "*Economics*" mà ta dịch là "*kinh tế học*". Có lẽ vì thế mà có người quan niệm KTH có cách đây khoảng 200 năm. Ý kiến khác lại cho rằng sự ra đời, phát triển của KTH hiện đại được đánh dấu bởi lý luận kinh tế của trường phái *Tân cổ điển*, hoặc có thể tính từ khi xuất bản cuốn sách "Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ" của

J.M.Kê-in-xơ (John Maynard Keynes) tháng 2-1936.

Cần lưu ý rằng :

- Không phải tất cả các trường phái kinh tế ở các nước tư bản phát triển đều từ bỏ thuật ngữ "kinh tế chính trị".

- Không có gì để nghi ngờ rằng không ở đâu và không bao giờ có kinh tế phi chính trị và cũng không có chính trị phi kinh tế. Nhà kinh tế học Mỹ J.K.Gan-brét (John Kenneth Galbraith) cũng khẳng định rằng trên thực tế, không thể nào tách được kinh tế khỏi chính trị.

Như vậy, xét về lịch sử khoa học, KTCT hay KTH đều nằm trong dòng phát triển của lịch sử các học thuyết kinh tế. Trong dòng lịch sử đó, KTH là một nhánh (dòng phái sinh) của KTCT tư sản, nó chịu ảnh hưởng của A.Xmit, Đ. Ri-các-đô và thích ứng với yêu cầu lịch sử cụ thể của chủ nghĩa tư bản.

2 - Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác - Lê-nin và KTH (vĩ mô, vi mô).

Trong tác phẩm "Chống Duy-rinh", Ăng-ghen đã xác định : Khoa học KTCT, "theo nghĩa rộng nhất là khoa học nghiên cứu những quy luật chi phối sự sản xuất và sự trao đổi những tư liệu sinh hoạt vật chất trong xã hội loài người" ⁽¹⁾. Trong bộ "Tư bản", Các Mác đã xác định : "đối tượng nghiên cứu của tôi là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những quan hệ sản xuất và trao đổi thích ứng với phương thức ấy" ⁽²⁾. Như vậy, mặc dù nhấn mạnh quan hệ sản xuất và trao đổi, nhưng ông vẫn khẳng định đối tượng nghiên cứu của KTCT là phương thức sản xuất - sự thống nhất bản chất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất nhất định.

Chính vì vậy trong bộ "Tư bản", Mác đã đề cập rất nhiều tri thức về tăng trưởng kinh tế, về tiết kiệm các yếu tố sản xuất, về tổ chức quản lý...

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 5, tr 207.

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *SĐT*, t 3, tr 199

Nhìn vào tổng thể quá trình tái sản xuất xã hội, Mác nghiên cứu cả 4 khâu : *sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng*. Và ở đây hàng loạt vấn đề về vốn, lao động, thu nhập, thất nghiệp, lợi ích, cơ cấu kinh tế, cạnh tranh, cung - cầu hàng hóa, giá cả ... được xử lý trong mối quan hệ sản xuất rất phức tạp dưới sự tác động qua lại của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Nhiều vấn đề kinh tế thuộc tầm vĩ mô và vi mô cũng được Mác nghiên cứu.

Trước đây do nhận thức chưa đầy đủ về đối tượng của KTCT Mác - Lê-nin, nên các sách giáo khoa KTCT Mác - Lê-nin đã không khai thác hết những tri thức nói trên mà chỉ nặng về khai thác khía cạnh có lợi cho việc giáo dục tư tưởng, chính trị, đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lê-nin là tìm ra các quy luật kinh tế chi phối sự vận động của các phương thức sản xuất, qua đó vạch rõ tính chất quá độ lịch sử của các phương thức sản xuất (trực tiếp là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa) ; tìm ra các giải pháp giúp cho hoạt động thực tiễn của con người hiệu quả hơn, nhanh chóng hơn, chỉ đạo, hướng dẫn, cải tạo thực tiễn hướng tới mục đích.

Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin chứa đựng các chức năng *nhận thức, tư tưởng, phương pháp luận và thực tiễn*. Vì thế, KTCT Mác - Lê-nin là một khoa học xã hội cơ bản cung cấp những nguyên lý lý luận làm cơ sở cho các bộ môn khoa học kinh tế khác, và là cơ sở cho đường lối đối mới kinh tế - xã hội ở nước ta. KTCT Mác - Lê-nin cung cấp kiến thức mang "tầm chiến lược" để cải tạo thực tiễn kinh tế - xã hội.

Đối tượng nghiên cứu của KTH? Có nhiều quan niệm khác nhau, nhưng đều đề cập đến một vấn đề cơ bản : KTH nghiên cứu cách thức mà nền kinh tế sử dụng các nguồn tài nguyên nhằm đáp ứng nhu cầu của con người. Từ đó có thể đưa ra định nghĩa : "KTH là môn học nghiên cứu cách xã hội sử dụng nguồn tài

nguyên khan hiếm để sản xuất ra những hàng hóa cần thiết và phân phối cho các thành viên của xã hội".

Nội dung cốt lõi của KTH là nghiên cứu "cách lựa chọn" của nền kinh tế trong việc sản xuất sản phẩm, yêu cầu lựa chọn bắt nguồn từ sự khan hiếm nguồn tài nguyên. Chính do khan hiếm tài nguyên nên mới cần đến khoa học kinh tế. Có thể nói KTH là môn khoa học bắt nguồn từ sự khan hiếm. Đó cũng là một đặc trưng của KTH.

Mục tiêu cuối cùng của việc nghiên cứu kinh tế là nhằm thỏa mãn tốt nhu cầu của con người. Mục tiêu đó quy định nội dung nghiên cứu của KTH là hiệu quả, tăng trưởng, ổn định và trên hai góc độ : vĩ mô và vi mô. Một đặc trưng của KTH là nghiên cứu mặt lượng.

Tóm lại : KTH nghiên cứu kinh tế nhằm giải quyết ba vấn đề cơ bản *sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai ?*

Xem xét sự phát triển của KTH hiện đại qua các lý thuyết, ta thấy : KTH chỉ ra các giải pháp lý thuyết cho những vấn đề được đặt ra của nền kinh tế trong một thời gian nhất định. Bởi vậy, KTH cung cấp kiến thức có "tầm chiến thuật" để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong một giai đoạn cụ thể. Phải thừa nhận rằng KTH đạt được những thành tựu về lý thuyết tăng trưởng, chính sách cơ cấu, về chiến lược và kế hoạch dài hạn, trung hạn, đặc biệt về chiến lược tình thế về tài chính, tiền tệ, giá, lương, tỷ giá ...

3 - Về mặt phương pháp luận nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác - Lê-nin là phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Hay nói cách khác là "phương pháp trừu tượng hóa khoa học", phương pháp trình bày của KTCT Mác - Lê-nin là đi từ trừu tượng đến cụ thể. Do đó KTCT có ưu thế về phát hiện các quy luật kinh tế, các nguyên lý kinh tế cơ bản, bản chất các hiện tượng và quá trình kinh tế.

Cơ sở phương pháp luận của KTH là dựa trên nền tảng triết học duy tâm chủ quan, tức là họ giải thích các phạm trù, hiện tượng kinh tế dựa trên tâm lý cá biệt (cá nhân) tâm lý cộng đồng (số đông), tâm lý người sản xuất và người tiêu dùng. Hãy xem các nhà KTH tư sản giải thích phạm trù năng suất giới hạn, giá trị ích lợi sẽ rõ.

Về mối quan hệ giữa KTCT Mác - Lê-nin và KTH. KTCT Mác - Lê-nin và KTH là những khoa học kinh tế, mỗi môn khoa học ấy có ưu thế riêng của mình. Bởi vậy, thái độ khách quan, khoa học là nghiên cứu, nắm vững những nguyên lý của KTCT Mác - Lê-nin và làm giàu KTCT Mác - Lê-nin bằng cách tiếp thu những nguyên lý khoa học, những tri thức khoa học của KTH hiện đại, chứ không phải là đối lập, tách biệt và xuyên tạc chúng. Các Mác đã khẳng định học thuyết của mình là hệ thống KTCT "mở" biện chứng và phát triển không ngừng.

KTCT và KTH (vĩ mô) có đối tượng và phương pháp nghiên cứu riêng. Mục tiêu và phương pháp tiếp cận khác nhau, song KTCT Mác - Lê-nin và KTH (vĩ mô) đề cập nhiều vấn đề giống nhau, do đó hoàn toàn có thể bổ sung cho nhau. Có thể khẳng định : lý luận KTCT trở thành nền tảng (cơ sở) cho các quan điểm lý luận của KTH (vĩ mô), kinh tế học (vĩ mô) trở thành "cầu nối" để triển khai lý luận KTCT vào các ngành kinh tế cụ thể.

KTCT Mác - Lê-nin giữ vị trí không những là môn học cơ bản mà còn là môn cơ sở (đối với các trường lớp chuyên kinh tế). Là cơ sở phương pháp luận của KTH, KTCT Mác - Lê-nin khái quát mặt bản chất và nêu các quy luật của các hiện tượng và quá trình kinh tế, nhấn mạnh mặt kinh tế - xã hội của vấn đề. KTH thì cụ thể hóa bản chất các quy luật, làm phong phú các nguyên lý, quy luật kinh tế mà KTCT Mác - Lê-nin đã khái quát, KTH nêu ra các phương pháp cụ thể, các thao tác có tính chất kỹ thuật - công nghệ để nắm bắt, phân tích và xử lý các hiện tượng kinh tế thông qua các giải pháp tình thế.

Từ những điều trình bày trên, chúng tôi cho rằng :

1 - Phải lấy KTCT Mác - Lê-nin làm gốc để từ đó nghiên cứu KTH vĩ mô, kinh tế học vĩ mô, kinh tế học phát triển. Những môn học này bổ sung, làm phong phú và rõ thêm những nguyên lý của KTCT Mác - Lê-nin, chứ không phải là lần át, thậm chí thay thế KTCT Mác - Lê-nin.

2 - Không thể bỏ hoặc cắt xén chương trình giảng dạy môn KTCT Mác - Lê-nin. Phải dành cho KTCT Mác - Lê-nin thời gian thỏa đáng để có thể khắc phục những nhược điểm của việc nghiên cứu và giảng dạy KTCT Mác - Lê-nin trước đây.

3 - KTH vĩ mô và vi mô mặc dù có những hạn chế, những quan điểm "tầm thường" khi đề cập đến bản chất giai cấp - xã hội của các hiện tượng kinh tế, nhưng nó cung cấp nhiều tri thức, phương pháp phân tích các quan hệ của nền kinh tế thị trường cần thiết cho nhận thức và hoạt động (cho cả kinh doanh và quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường). Bởi vậy, không thể không học KTH vĩ mô và vi mô.

4 - Tên gọi KTH nên theo tên môn học : KTH vĩ mô, KTH vi mô, KTH phát triển... Đồng thời xây dựng một giáo trình thống nhất phù hợp với yêu cầu thực tiễn kinh tế đất nước, tránh trùng lặp không cần thiết, tránh sự đối lập với KTCT Mác - Lê-nin.

5 - Việc giảng dạy KTH vĩ mô và KTH vi mô ở các trường nên để khoa KTCT trực tiếp quản lý và giảng dạy ; giảng dạy KTH vĩ mô và vi mô sau khi giảng dạy và nghiên cứu KTCT Mác - Lê-nin ; môn KTCT Mác - Lê-nin trong hệ thống các trường đào tạo cử nhân, với vị trí và nội dung môn học phải bảo đảm từ 8 đến 10 học trình (120 - 150 tiết), môn học KTH vĩ mô và vi mô bảo đảm từ 4 - 6 học trình. Và hệ thống các trường cần thiết phải có giáo trình kinh tế vĩ mô, vi mô phù hợp với từng đối tượng □

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ VÙNG MỎ

LÊ NHƯ HÙNG *

I

Sự bùng nổ dân số thế giới, việc thiếu lương thực ở những nước đang phát triển và sự phát triển nền kinh tế công nghiệp ở các nước trên thế giới đã và đang làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, gây ra sự hủy hoại lớn tới môi trường và sức khỏe của con người. Chỉ trong năm 1990, trên thế giới đã có 16,9 triệu ha rừng bị tàn phá, 25 tỉ tấn đất đá bị xói mòn; 99 triệu tấn CO₂ thải vào không khí, 22,3 triệu thùng dầu bị đắm xuống biển, và trên 2 tỉ tấn chất rắn của các ngành công nghiệp thải vào môi trường. Tất cả những điều đó đã làm ô nhiễm nghiêm trọng không khí, nguồn đất và nguồn nước. Tầng ô dôn, như chiếc lồng kính hình cầu che chở cho sự sống trên trái đất, bị phá hoại nghiêm trọng; nhiệt độ trái đất tăng lên và mực nước biển có xu hướng dâng cao. Khí hậu toàn cầu có liên quan tới sự cân bằng hiện có của các chất khí, đặc biệt là CO₂ và hơi nước trong khí quyển. Sự cân bằng đó hiện nay đang bị phá vỡ bởi sự tích tụ các khí như CO₂, Clo-ro-flu-o-ro-các-bon, NO, ô dôn, mê tan sinh ra do hoạt động của con người.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chính là do phát triển công nghiệp và khai thác khoáng sản một cách không hợp lý, vô tổ chức, gây suy thoái môi trường nghiêm trọng. Vì vậy, *bảo vệ môi trường và phát triển lâu bền* là hai mặt của một thể thống nhất, không thể tách rời nhau. Kết hợp hài hòa giữa phát triển và bảo vệ môi trường để bảo đảm sự phát triển bền vững đã trở thành mối quan tâm của tất cả các quốc gia trên thế giới.

Việt nam là một nước có nền công nghiệp phát triển ở mức thấp. Nhưng ảnh hưởng của sự phát triển đến môi trường ở các khu công nghiệp và vùng mỏ đã ở mức báo động. Một

số vùng công nghiệp tập trung như Lâm thao - Vĩnh phú (hóa chất cơ bản là phân và các hợp chất đạm), Phả lại (nhiệt điện), Biên hòa (hóa luyện kim, thực phẩm, cơ khí), Bà rịa - Vũng tàu (hóa chất, dầu khí) và một số nhà máy lớn rải rác ở các tỉnh như xi măng Hoàng thạch, Bìm sơn, Kiên giang... hoặc công nghiệp đa ngành tập trung với mật độ cao ở các thành phố lớn như Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Hải phòng, Nam định đều gây ô nhiễm lớn. Chẳng hạn ở TP Hồ Chí Minh và Hà nội, mức ô nhiễm đã vượt tiêu chuẩn cho phép từ 3 đến 15 lần. Bụi ở quanh nhà máy xi măng Hải phòng đã vượt tiêu chuẩn 8 lần. Nguồn ô nhiễm chính là chất thải của các xí nghiệp, nhà máy thuộc các ngành công nghiệp như năng lượng, luyện kim, hóa chất và phân bón, công nghiệp thực phẩm, vật liệu xây dựng. Điện hình hiện nay là các nhà máy nhiệt điện hàng năm thải vào không khí khoảng 4 062 tấn bụi, 7 470 tấn NO, 3 040 000 tấn CO₂, 16 540 tấn SO₂, 529 tấn xỉ. Với nhịp độ công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng tăng, lượng chất độc thải vào môi trường trong thời gian tới, chắc còn tăng gấp bội. Tác động gây ô nhiễm môi trường của sản xuất công nghiệp là rất lớn, nhưng tác động của khai thác tài nguyên khoáng sản đến môi trường còn lớn hơn nhiều.

Tài nguyên khoáng sản ở nước ta rất đa dạng và phân bố rộng khắp. Ngoài một số mỏ có trữ lượng lớn như than, dầu khí, bô xít, a-pa-tít, các mỏ khác ở nước ta có trữ lượng không lớn lắm. Chúng ta đã phát hiện được hơn 5 000 mỏ, điểm quặng và các biểu hiện của hơn 60 loại khoáng sản. Hiện nay ta mới đưa vào khai thác 300 mỏ với 30 loại khoáng sản. Qua khảo sát thực tế ở một số vùng trọng điểm (Quảng ninh, Lào cai, Nghệ an, Bắc thái), chúng tôi thấy việc khai thác khoáng sản đã có

* PGS. TS. Trường đại học mỏ địa chất

những tác động tiêu cực đến môi trường cụ thể như sau :

- Nguồn nước (gồm nước ngầm và nước mặt) bị giảm trữ lượng và chất lượng bị ô nhiễm do chế độ địa chất thủy văn bị phá vỡ, do bãi thải không có các công trình xử lý, hoặc do công nghệ thải và xử lý nước thải không được thiết kế và xây dựng hoàn chỉnh. Lượng nước chứa trong các hầm lò than cũ là những nguồn gây "ô nhiễm chậm".

- Không khí bị ô nhiễm do bụi và khí độc ở các xí nghiệp khai thác than đã tới mức báo động khẩn cấp. Gần một nửa số người mắc bệnh bụi phổi ở nước ta, tập trung ở vùng khai thác than Quảng Ninh. Bụi tại các nơi khảo sát có nồng độ lớn hơn giới hạn cho phép từ 30 đến 50 lần.

- Rừng cây bị tàn phá ; lớp phủ thực vật bị suy giảm nghiêm trọng. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng trăm hecta đất ở một số vùng có đá quý bị tàn phá nặng nề. Ở Nghệ an và Hà Tĩnh, năm 1943 diện tích rừng chiếm 75%, năm 1974 giảm còn 42%, đến nay chỉ còn 10%.

- Cảnh quan thiên nhiên, tiềm năng của ngành du lịch ở nhiều nơi đã bị tổn hại nghiêm trọng do khai thác bừa bãi, vô tổ chức.

Đó là toàn cảnh tác động tiêu cực của sản xuất công nghiệp và khai thác khoáng sản đến môi trường sinh thái. Nhà nước ta cần có *chiến lược* và *giải pháp* có hiệu quả nhằm đưa đất nước đi lên theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa nhưng vẫn bảo vệ được môi trường sinh thái.

II

Để nền kinh tế nước ta phát triển bền vững, chiến lược bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp và vùng mỏ cần đạt được những mục tiêu *trước mắt* và *lâu dài*. Những mục tiêu trước mắt là :

- Xây dựng và ban hành luật mỏ, ra các văn bản dưới luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp và các vùng mỏ, có quy chế về quy hoạch, về kế hoạch hóa và quản lý môi trường ở các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ.

- Bổ sung và hoàn thiện các tiêu chuẩn về môi trường.

- Từng bước xóa bỏ tác động tiêu cực đến môi trường ở các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ lớn đang hoạt động tại các vùng trọng điểm.

- Lập lại kỷ cương trong khai thác tài nguyên khoáng sản.

Thực hiện được những mục tiêu trước mắt cũng chính là tạo tiền đề cho việc thực hiện **những mục tiêu lâu dài** :

- Đưa các luật lệ đã ban hành vào nền nếp, quản lý chặt chẽ môi trường ở các vùng công nghiệp và vùng mỏ.

- Tăng thêm các tiêu chuẩn pháp quy đối với các thành phần môi trường theo đúng công ước quốc tế, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy chế bảo vệ môi trường ở các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ.

- Cải tiến công nghệ và trang, thiết bị để giảm ô nhiễm môi trường ở các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ đang hoạt động, áp dụng công nghệ hiện đại và các trang, thiết bị ít gây ô nhiễm ở các đơn vị mới.

- Bảo vệ tốt sức khỏe của người lao động trong các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ ; hạn chế và tiến tới xóa bỏ tác động tiêu cực đối với đời sống của dân cư ở các vùng công nghiệp và vùng mỏ.

- Tiến hành công tác cải tạo đất, trồng cây gây rừng, khắc phục các tác hại lâu dài về địa chất, sinh thái ở những vùng mỏ cũ, mỏ bỏ hoang hoặc vắng chủ, khôi phục lại cảnh quan phục vụ du lịch.

Để đạt được những mục tiêu của chiến lược bảo vệ môi trường vùng công nghiệp và vùng mỏ, cần áp dụng **những giải pháp chính** sau đây :

- 1) *Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật và luật lệ*. Để có thể ngăn chặn sự ô nhiễm, việc phòng ngừa phải được tiến hành ngay từ đầu và tại nguồn tạo ra ô nhiễm. Trong công nghiệp, giải pháp cơ bản nhất là thay đổi công nghệ, bao gồm : thay đổi công nghệ và thiết bị gia công, thay đổi sản phẩm. Đối với khai khoáng, giải pháp cơ bản là cải tiến công nghệ, kỹ thuật và phương pháp khai thác cũ, lạc hậu, là những cái vừa gây ô nhiễm môi trường vừa gây lãng phí tài nguyên. Chỉ cho phép nhập các công nghệ, kỹ thuật ít gây ô nhiễm, các công nghệ kỹ thuật "sạch" đối với các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ mới xây dựng. Áp dụng các công nghệ xử lý ô nhiễm đến mức cần thiết trước khi xả các chất thải vào môi trường. Áp dụng các biện pháp để xóa bỏ, loại trừ tác động gây ô nhiễm ở các mỏ cũ, bỏ hoang hoặc không có chủ, đặc biệt chú ý các bãi thải do khai thác than và kim loại nặng.

Khi xây dựng luật mỏ, nên có một chương riêng về bảo vệ môi trường ở các mỏ và các

vùng mỏ. Đồng thời, quy định hệ thống tổ chức và cơ quan có thẩm quyền về quản lý và kiểm soát môi trường ở các vùng công nghiệp và các vùng mỏ, ở nội bộ các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ. Cần xác định trách nhiệm và quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương và các đoàn thể quần chúng đối với việc bảo vệ môi trường ở các vùng công nghiệp và vùng mỏ. Mặt khác, nghiên cứu thành lập tòa án có trách nhiệm xét xử những vụ vi phạm về bảo vệ môi trường (hoặc giao cho các tòa án kinh tế, dân sự, hình sự đảm nhiệm).

2) *Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch hóa, quản lý môi trường.*

a) Ở tầm vĩ mô : Xúc tiến việc lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết cho các vùng công nghiệp và các vùng mỏ trong cả nước, nhằm bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ sức khỏe cho dân cư các vùng công nghiệp và vùng mỏ.

b) Ở tầm vi mô : Ở các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ đang hoạt động, cần đưa vào chỉ tiêu kế hoạch vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động và dân cư ở vùng phụ cận. Đối với các xí nghiệp công nghiệp hay các mỏ sắp hoạt động, cần đưa ngay vào dự án (hoặc luận chứng kinh tế - kỹ thuật) các biện pháp về bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cho người lao động và dân cư ở vùng phụ cận. Trước khi cho phép, cơ quan được quyền cấp giấy phép phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý môi trường có liên quan.

Trong việc quản lý môi trường vùng công nghiệp và vùng mỏ, cần áp dụng các biện pháp sau đây :

+ Tổ chức các cơ quan quản lý môi trường ở vùng công nghiệp và vùng mỏ trực thuộc Bộ khoa học công nghệ và môi trường ; các cơ quan này vừa chịu sự chỉ đạo của Bộ vừa chịu sự chỉ đạo của chính quyền cấp tỉnh.

+ Tổ chức hệ thống các trạm kiểm soát môi trường, đặc biệt môi trường nước và không khí. Các trạm này cần đạt tiêu chuẩn quốc tế về trang, thiết bị cũng như trình độ và nội dung kiểm soát. Tổ chức ngay các trạm ở các khu công nghiệp tập trung và ở các vùng mỏ trọng điểm. Cùng với hệ thống các trạm kiểm soát môi trường, các phòng thí nghiệm về môi trường phải đủ mạnh để phân tích được tất cả các yếu tố cần kiểm soát.

+ Ban hành chế độ báo cáo định kỳ về môi trường ở các khu công nghiệp và các vùng mỏ, ở từng xí nghiệp và từng mỏ. Báo cáo do ban

giám đốc mỏ và trạm kiểm soát môi trường ở cơ sở gửi đến cơ quan quản lý môi trường cấp huyện và tỉnh, đồng gửi đến chính quyền các cấp.

3) *Giải pháp về tài chính.* Cùng với việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, công tác bảo vệ môi trường vùng công nghiệp và vùng mỏ cần những khoản chi lớn. Nếu chỉ trông vào ngân sách nhà nước hiện nay còn hạn chế thì không đủ. Trong việc bảo vệ môi trường, chi phí để ngăn ngừa sự cố gây ô nhiễm bao giờ cũng có hiệu quả và đỡ tốn hơn nhiều so với chi phí để khắc phục hậu quả khi sự cố đã xảy ra. Vì vậy, về bảo vệ môi trường, theo tôi, cần áp dụng các biện pháp tài chính sau đây :

+ Ban hành một khoản lệ phí bảo vệ môi trường do chính phủ quy định. Các xí nghiệp công nghiệp và các công ty mỏ (kể cả quốc doanh, tư doanh, liên doanh với nước ngoài) phải nộp khoản lệ phí này vào ngân sách nhà nước từng tháng hoặc từng quý, và được tính khoản đó vào giá thành sản phẩm. Đối với các mỏ đang hoạt động, còn phải nộp thêm một khoản lệ phí để giải quyết việc san lấp các hầm lò, xử lý các bãi thải... sau khi mỏ ngừng hoạt động.

+ Các khoản tiền phạt vi phạm luật lệ về môi trường đều nộp vào ngân sách tỉnh, huyện, xã, nơi xảy ra vi phạm (có trích tỷ lệ % nộp lên cấp trên).

+ Các xí nghiệp công nghiệp và các mỏ tự lo chi phí về quản lý môi trường nội bộ cũng như về đền bù thiệt hại cho lao động làm việc tại các xí nghiệp và dân cư ở vùng phụ cận.

+ Trích một phần quỹ 327 (trồng cây gây rừng) một phần viện trợ của quốc tế và số tiền ủng hộ của các đoàn thể quần chúng, các cá nhân trong và ngoài nước, các hội bảo vệ môi trường, các tổ chức quốc tế cho việc bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp và vùng mỏ.

+ Chi tiêu về quản lý và bảo vệ môi trường cần quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Các khoản thu, chi đều phải được quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, tham ô. Mọi khoản chi đều phải báo cáo quyết toán và nếu cần, sẽ do tổ chức kiểm toán nhà nước thẩm tra.

Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, gắn bảo vệ môi trường với phát triển lâu bền ở các khu công nghiệp và vùng mỏ, chúng ta sẽ vừa đẩy mạnh được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa bảo vệ được môi trường và tài nguyên của đất nước □

ĐỒNG bằng sông Cửu long (miền Tây Nam bộ) là nơi cư trú của hơn 16 triệu dân (trong đó có trên 1 triệu 300 ngàn bà con các dân tộc Khơ me, Chăm, Hoa...) với diện tích tự nhiên khoảng 4 triệu ha (trong đó có 2 triệu 500 ha đất nông nghiệp). Tuy chỉ chiếm 22% dân số, nhưng hằng năm đồng bằng sông Cửu long sản xuất ra 50% sản lượng thóc và 49% nông sản của cả nước, góp phần quan trọng đưa nước ta trở thành nước đứng thứ 3 trên thế giới về xuất khẩu gạo trong mấy năm qua.

Khỏi cần phải thuyết minh nhiều cũng có thể thấy rằng, với những tiềm năng to lớn (đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp) của mình, đồng bằng sông Cửu long đang trở thành một trong những trung tâm kinh tế quan trọng của đất nước ta, nhất là khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng để phát huy được tiềm năng của đồng bằng sông Cửu long, thì trước hết vùng đất này phải được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó "yếu tố nhân lực" được đặt lên hàng đầu.

Qua mấy năm đổi mới, đời sống của người dân đồng bằng sông Cửu long được cải thiện rõ rệt. "Cái ăn" của người dân đã thực sự được giải quyết. Thế nhưng, nếu đánh giá mức sống của người dân một cách toàn diện, trong đó không chỉ có "ăn" mà còn các nhu cầu cơ bản khác như: "mặc", "ở", "chữa bệnh" và nhất là "học hành" và "hưởng thụ văn hóa" thì phải thẳng thắn thừa nhận rằng đồng bằng sông Cửu long hiện đang ở mức thấp nhất nước (tương đương miền núi). Một vài số liệu sau đây về thực trạng giáo dục đào tạo ở đồng bằng sông Cửu long sẽ minh chứng điều đó.

Cả khu vực đồng bằng sông Cửu long hiện có 63 103 người có trình độ cao đẳng trở lên (trong khi cả nước có tới gần 800 000 người có trình độ đại học trở lên), lại phân bố rất không đều giữa các tỉnh, ngành. Nếu tính cả số người có trình độ trung học chuyên nghiệp thì con số này cũng chỉ chiếm 0,15% dân số ở đồng bằng sông Cửu long (tỷ lệ này trong cả nước là 0,36% dân số). Tỷ lệ người lao động có kỹ thuật so với dân số trong độ tuổi lao động ở đồng bằng sông Cửu long là 3% (năm

ĐÒN BẮY CHO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

VŨ LÂN *

1993), còn bình quân trong cả nước cùng thời kỳ là 10%.

Theo thống kê, năm 1994 ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng có 1 802 121 học sinh tiểu học nhưng học sinh trung học phổ thông có 243 570 em. Ở miền Đông Nam bộ có 1 097 482 học sinh tiểu học còn học sinh trung học phổ thông có 130 446 em. Nhưng ở đồng bằng sông Cửu long cùng thời gian này có 2 278 957 học sinh tiểu học, mà số học sinh trung học chỉ có 126 166 em. Tỷ lệ học sinh bậc trung học phổ thông bỏ học ở đồng bằng sông Cửu long năm học 1993 - 1994 là 16,3% cao hơn so với Tây nguyên (15,3%).

Cả vùng có 15 trường dạy nghề với 6 482 học sinh và 405 giáo viên (trong đó chỉ có 157 người có trình độ đại học). Ngoài ra ở đồng bằng sông Cửu long chỉ có 50% số huyện, thị xã có trung tâm dạy nghề và một số lớp dạy nghề dân lập tư nhân. Nhìn chung, các trường lớp dạy nghề bước đầu đáp ứng được một phần nhu cầu phát triển kinh tế của vùng trong giai đoạn hiện nay, song chưa đào tạo được những công nhân có tay nghề cao; chất lượng đào tạo tay nghề còn có những cách biệt khá xa giữa những trường lớp ở thành thị và nông thôn, vùng sâu và vùng biên giới, vùng có đông đồng bào dân tộc ít người; trang thiết bị máy móc còn thiếu, chất lượng kém, phương tiện dạy nghề cũng rất thiếu và không đồng bộ v.v..

Hiện nay ở đồng bằng sông Cửu long có 29 trường trung học chuyên nghiệp, với số học sinh hệ dài hạn tập trung là 9 541 em.

Yếu tố hàng đầu quyết định chất lượng giáo dục là đội ngũ giáo viên. Vậy mà, trong số 11 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu long chỉ có

* Nhà mỹ học

7 tỉnh (Cần thơ, Long an, Đồng tháp, An giang, Bến tre, Tiền giang, Vĩnh long) có trường cao đẳng sư phạm. Tổng số sinh viên hệ chính quy tập trung là 4 157 em ; các hệ khác là 12 092 em cùng với một đội ngũ giáo viên là 549 người. Điều đáng chú ý là hầu hết số giáo viên này đều chưa có bằng thạc sĩ, phó tiến sĩ (mới có trình độ sau đại học : 30 người, đại học : 282 người, số còn lại tốt nghiệp cao đẳng sư phạm). Ngoài ra, có một số giáo viên tốt nghiệp khoa sư phạm trường Đại học Cần thơ.

Chỉ tính riêng ở các trường quốc lập hiện đồng bằng sông Cửu long đang thiếu 1 496 giáo viên mẫu giáo, 11 616 giáo viên tiểu học, 532 giáo viên phổ thông trung học. Nếu tính cả những giáo viên chưa chuẩn hóa ở các bậc học thì ngành mẫu giáo còn thiếu 2 194 người, tiểu học là 27 402 người, phổ thông trung học là 413 người.

Cả khu vực đồng bằng sông Cửu long mới chỉ có một Trường đại học Cần thơ. Tổng cộng sau 20 năm (1975 - 1995), trường đã đào tạo được 14 199 kỹ sư, bác sĩ, cử nhân thuộc 30 ngành học. Nếu so sánh, ta sẽ thấy nổi lên một hiện tượng đáng lưu tâm là : Năm 1995, số sinh viên tốt nghiệp chỉ bằng 56% năm 1991 (617/1 126 sinh viên) ; kém hơn so với các năm : 1994 (800), 1993 (631), 1992 (837) và cũng ít hơn những năm từ 1980 đến 1990.

Tại sao lại có sự thụt lùi như vậy ? Ở đây tôi chỉ xin dẫn ra một vài nguyên nhân đáng chú ý :

a - Hằng năm, trường chỉ tiếp nhận được khoảng 10 - 12% số người dự thi vào học. Một mặt, do cơ sở vật chất và phương tiện đào tạo của trường thiếu, yếu. Mặt khác, do mặt bằng trình độ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (tú tài) quá thấp, đa số không đạt điểm chuẩn khi thi vào trường (mặc dù nhiều năm, Trường đại học Cần thơ đã phải hạ điểm chuẩn thu nhận sinh viên vào học ngành này hay ngành khác).

b - Một nguyên nhân nữa không kém phần quan trọng là, mặc dù đời sống kinh tế của bà con nông dân đồng bằng sông Cửu long đã được nâng lên không ít so với trước, nhưng học sinh ở các vùng sâu, vùng hải đảo, vùng kháng chiến cũ vẫn gặp nhiều khó khăn khi đi học xa nhà. Có những em (kể cả các em gia đình ở các huyện lỵ, thị trấn) thi đậu vào Đại học Cần thơ nhưng không lo nổi tiền đóng học phí hằng năm (hiện nay là 1 triệu 200 ngàn

đồng) nên đành phải bỏ học. Gia đình càng chật vật, vất vả nhiều bề khi phải lo nơi ăn, ở, chi phí cần thiết hằng tháng cho con em mình trọ học trong các thành phố trung tâm. Theo tính toán của Trường đại học Cần thơ thì hằng tháng mỗi em phải chi tiền ăn chừng 180 ngàn đồng, tiền ở 50 ngàn đồng, các sinh hoạt khác khoảng 200 ngàn đồng. Vậy mà theo hộ khẩu đăng ký khi dự thi vào Đại học Cần thơ thì trong sinh viên học ở trường hiện nay chỉ có 38% em sống ở thành thị ; số còn lại sống ở nông thôn, trong đó có tới 38% sống ở vùng nông thôn sâu và xa.

Ngoài Trường đại học Cần thơ, ở nhiều tỉnh đồng bằng sông Cửu long có Trung tâm đào tạo đại học tại chức (hiện đang có khuynh hướng chuyển thành những Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh). Sinh viên của các trung tâm này gồm các em thi vào Đại học Cần thơ hoặc các trường đại học ở TP Hồ Chí Minh không đủ điểm chuẩn và một số là cán bộ được cử đi học (hoặc tập trung, hoặc học ngoài giờ công tác ở cơ quan v.v.).

Tình hình nói trên tất yếu dẫn đến những trở lực khó vượt qua trên con đường phát triển. Đã "nghèo" về chữ, "đói" về tri thức thì làm sao có thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công được ! Và chẳng lẽ sự nghiệp ấy trong 5 - 7 năm nữa chỉ phó thác cho các gia đình giàu có, đủ tiền nuôi con cháu mình về Cần thơ "tâm sự, học nghề" ? Bản chất chế độ ta không cho phép điều đó xảy ra. Chúng ta cần phải suy nghĩ và khắc phục.

Tôi cho rằng một trong những con đường thoát ra khỏi nguy cơ ấy là ngay từ bây giờ phải thành lập những trường đại học cộng đồng ở đồng bằng sông Cửu long - một loại trường đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực, gắn chặt với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội v.v... của từng tỉnh. Trường vừa có nhiệm vụ đào tạo giai đoạn một (đại cương) cho sinh viên trước khi vào các trường đại học chính quy, đào tạo các hệ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, vừa đào tạo các nghề mà địa phương cần hiện nay cũng như trong tương lai như : nữ công gia chánh, vận hành, sửa chữa các loại máy, công nhân, thủy thủ lành nghề. Đồng thời các trường này còn đào tạo những nghề mà đồng bằng sông Cửu long đang thiếu nhiều và sẽ thiếu trầm trọng hơn khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở cả thành thị và nông thôn như : quản trị xí nghiệp, quản trị hợp tác xã, thư ký

văn phòng biết sử dụng máy vi tính, biết ngoại ngữ v.v...

Ở đây cần nhấn mạnh vai trò trung tâm của Trường đại học Cần thơ. Với một lực lượng cán bộ giảng dạy khá mạnh : 110 tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ và 435 cử nhân, bác sĩ, kỹ sư, Trường đại học Cần thơ hoàn toàn đủ khả năng đảm đương vai trò "bà đỡ" cho các trường đại học cộng đồng trong khu vực. Đó là chưa kể sự liên kết, hợp tác với các trường đại học lớn ở TP Hồ Chí Minh và Hà nội. Vì vậy, đề nghị Nhà nước sớm chính thức cho phép Trường đại học Cần thơ phối hợp cùng các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu long thành lập các trường đại học cộng đồng ở miền Tây Nam bộ.

Theo tôi, phương châm hoạt động của các trường đại học cộng đồng phải gọn nhẹ mà vẫn bảo đảm hoạt động có hiệu quả thiết thực, góp phần đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Bộ máy chỉ đạo nhất thiết nên trực thuộc Ủy ban nhân dân từng tỉnh và do phó chủ tịch phụ trách văn xã làm chủ tịch hội đồng quản trị. Trong hội đồng quản trị cần có 2 phó chủ tịch. Một là giám đốc sở giáo dục đào tạo tỉnh, hai là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng Trường đại học Cần thơ. Các ủy viên hội đồng quản trị có thể gồm hiệu trưởng trường đại học cộng đồng của tỉnh, trưởng phòng đào tạo Trường đại học Cần thơ và một số trí thức, chuyên gia ở địa phương v.v.

Hội đồng quản trị phải được Bộ giáo dục - đào tạo bổ nhiệm với nhiệm kỳ 4 hoặc 5 năm, có quyền hạn chỉ đạo mọi hoạt động về các mặt của trường đại học cộng đồng ; đồng thời cũng có trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo về những hoạt động đó.

Vấn đề tổ chức bộ máy điều hành ở các trường đại học cộng đồng là quan trọng ; nhưng quan trọng hơn là nội dung và lực lượng giảng dạy ở những trường đó.

Trước mắt, khi các trường đại học cộng đồng vừa mới thành lập, chưa có đủ cán bộ, giáo trình, kinh nghiệm v.v. cần dựa vào lực lượng của Trường đại học Cần thơ. Trường đại học Cần thơ có thể giúp đỡ các trường đại học cộng đồng ở đồng bằng sông Cửu long từng bước khắc phục các khó khăn nhằm nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo và chuyển giao công nghệ ; cung cấp giáo trình giai đoạn I đại học, gửi các giáo viên thỉnh giảng những môn học mà đại học cộng đồng chưa phụ trách

được ; cấp chứng chỉ đại học đại cương cho sinh viên các trường đại học cộng đồng, tiếp nhận vào Đại học Cần thơ các sinh viên có chứng chỉ đại học đại cương khi chọn ngành học tại Đại học Cần thơ ; đào tạo và đào tạo lại giáo viên khoa học cơ bản và dạy nghề theo thỏa thuận giữa các trường đại học cộng đồng và Trường đại học Cần thơ ; bồi dưỡng nâng cấp cán bộ quản lý, liên kết với các trường đại học cộng đồng tổ chức thi tuyển, thi giữa và cuối học kỳ cho sinh viên các trường trên v.v...

Một khó khăn không thể coi nhẹ khi nghĩ đến việc hình thành các trường đại học cộng đồng là nguồn tài chính. Cần xã hội hóa nguồn lực này, có thể là từ đầu tư của tỉnh, của Bộ giáo dục đào tạo ; từ đóng góp của nhân dân địa phương, và các cơ quan, xí nghiệp (đặc biệt là những cơ quan, xí nghiệp gửi người đến học) ; học phí của sinh viên, học sinh ; từ viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, từ học bổng do các cá nhân và đoàn thể tài trợ v.v...

Đại học cộng đồng là một loại hình đào tạo mới ở Việt nam, song đối với nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Nhật bản, Hàn quốc, Ấn độ... thì đại học cộng đồng đã phổ biến từ mấy chục năm nay và góp phần đắc lực vào công cuộc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực. Hiện nay ở châu Á có tới hàng ngàn trường đại học cộng đồng. Riêng ở Mỹ có tới 1 500 trường đại học loại này.

Tôi tin chắc rằng loại hình trường đại học cộng đồng khi được ra đời ở Việt nam trong tình hình mới của đất nước ta sẽ rất thích hợp.

Riêng với đồng bằng sông Cửu long, đây là loại hình đào tạo phù hợp với mọi tầng lớp nhân dân tạo điều kiện cho con em những gia đình còn nghèo túng ở các vùng sâu, vùng kháng chiến cũ, vùng nông thôn và hải đảo có cơ hội được học lên vì không phải vất vả, tốn kém như theo học ở Cần thơ và TP Hồ Chí Minh.

Cái lợi trên đã to lớn, song vẫn chưa to lớn bằng cái lợi là ta có thể đáp ứng kịp thời những yêu cầu mới về trí thức, về công nhân lành nghề v.v... của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa *ngay tại địa phương mình theo đúng nhu cầu của từng tỉnh.* *

* Các số liệu trong bài được lấy từ nguồn của Tiểu ban nghiên cứu chiến lược kinh tế - xã hội trung ương năm 1992, Bộ kế hoạch và đầu tư (Bảo cáo quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu long 1995), Trường đại học Cần thơ và các sở giáo dục đào tạo trong khu vực.

Một phương thức tích cực bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người

LƯƠNG KIM CHUNG *

THỂ dục thể thao là lĩnh vực nhằm hoàn thiện và sáng tạo thể chất con người. Thể dục thể thao đích thực sẽ tạo ra những chuẩn mực giá trị tinh thần không chỉ giới hạn trong giải trí, nghỉ ngơi, mà còn nâng con người lên tầm cao mới. Bất cứ quốc gia nào đều có mong muốn chuẩn mực thể chất của công dân nước mình ngày một tiến triển, làm tiền đề cho sự phát triển xã hội. Vì thế, thể dục thể thao thực sự trở thành bộ phận của chính sách kinh tế - xã hội.

Ngày nay, chúng ta tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đưa đất nước chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì thể dục thể thao càng được coi trọng như một phương thức tích cực trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người. Sản phẩm của tập luyện thể dục thể thao là sức khỏe. Quan niệm ngày nay coi sức khỏe là trạng thái hoàn toàn dễ chịu của thể chất, tinh thần và ứng xử xã hội. Những yếu tố giá trị do hoạt động thể dục thể thao đưa lại thường biểu hiện bằng sự phát triển các tố chất vận động (sức mạnh, sức nhanh, bền bỉ, khéo léo...) làm phong phú hệ thống kỹ năng cần thiết cho đời sống và lao động sản xuất; tạo ra ý chí (kiên định, sáng tạo, khắc phục khó khăn, dũng cảm, tổ chức kỷ luật...); rèn luyện phẩm chất đạo đức (trung thực, công bằng, trong sáng, đoàn kết, khiêm tốn, giúp đỡ và học hỏi nhau...); tác phong làm việc (nhanh nhạy, tháo

vát, chính xác, năng động, kỷ cương, nền nếp...). Những giá trị và chuẩn mực đó luôn biểu hiện trong mối quan hệ tổng hòa giữa con người với xã hội, giữa con người với con người như những thước đo tầm cao và độ sâu của văn hóa con người. Con người phát triển và sự phát triển của con người đều xoay quanh thang giá trị đó. Về phương diện tác động của thể dục thể thao tới xã hội, ta thấy nó góp phần thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ của con người, tạo ra môi trường xã hội lành mạnh, một khí thế vươn lên sung sức của cả cộng đồng. Những trận bóng đá hay, những động tác bay lộn trên không đẹp mắt, những bài võ thuật hấp dẫn, cho tới những cử chỉ dứt khoát, thể hiện ý chí kiên cường vượt nhau để về đích của các vận động viên xe đạp v.v. đều mang tính nhân bản hướng tới cái đẹp, cái cao cả. Hàng vạn con người trên khán đài sân vận động đều mong muốn chứng kiến những cảnh ngoạn mục của sự đua tranh tài năng và ý chí, sự công bằng và trung thực. Đồng thời, khán giả chân chính cũng sẵn sàng lên án những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức của một vận động viên hoặc cầu thủ nào đó. Sự hấp dẫn mạnh mẽ và rộng lớn của thể dục thể thao đối với con người là vô tận. Thật khó có loại hình văn hóa nghệ thuật nào sánh nổi với khả năng cuốn hút của thể dục thể thao đối với hàng triệu con người. Thiếu vắng những cuộc thi đấu thể thao, đời sống con người như thiếu hẳn một món ăn tinh thần, một nguồn giải trí bổ ích.

Cơ sở và mục tiêu của thể dục thể thao chính là phục vụ con người phát triển cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, phát triển thể dục thể thao phải trở thành sự nghiệp của đại bộ phận quần chúng nhân dân. Hiến pháp năm 1992 ở nước ta đã quy định thể dục thể thao mang tính dân tộc, khoa học và nhân dân. Thể dục thể thao phải được phát triển rộng rãi trong nhân dân, trước hết là trong thanh, thiếu niên. Tính nhân văn sâu sắc, cao cả của thể dục thể thao được thể hiện rất rõ trong "Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục" mà Bác Hồ kính yêu

* PTS, Tổng cục thể dục thể thao

đã đưa ra ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công. Trong vô vàn khó khăn của những ngày mới thành lập nước, tháng 3-1946 Bác Hồ đã dạy : "... giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công"⁽¹⁾, vì vậy, mọi người phải ra sức tập thể dục. Giờ đây, khi đất nước chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì con người cần nâng cao sức khỏe hơn nữa mới có thể lao động tốt. Nền sản xuất công nghiệp khác hẳn nền sản xuất nhỏ. Nó đòi hỏi sức khỏe của người lao động phải có sự biến đổi về chất. Có như vậy họ mới đáp ứng được những yêu cầu như : bền bỉ, dẻo dai dù phải làm việc trong môi trường đầy tiếng động ; chịu đựng được sự căng thẳng về thần kinh khi phải lặp đi lặp lại nhiều lần một động tác ; phản xạ nhanh nhạy trước bảng điều khiển cả một hệ thống máy móc tự động với hàng chục tín hiệu... Lao động công nghiệp đòi hỏi tổ chức chặt chẽ, nghiêm ngặt và đúng thời gian. Ở những ngành phải làm việc trong điều kiện môi trường khắc nghiệt (như ngành khai thác than, dầu khí, hàng không, vận tải biển, v.v.) thì yếu tố sức khỏe càng quan trọng. Để đáp ứng được những yêu cầu của nền quốc phòng hiện đại với vũ khí, phương tiện mới hết sức tinh vi, với phương thức tác chiến tổng lực đòi hỏi sức chiến đấu cao, thì thể lực ở người chiến sĩ các quân binh chủng phải hơn hẳn thời kỳ trước đây. Rõ ràng, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra cho ngành thể dục thể thao nhiệm vụ hết sức nặng nề. Thể dục thể thao thể hiện và khẳng định mình bằng sức khỏe và thể chất cường tráng của nhân dân, trước hết là của thế hệ trẻ, phù hợp với nhịp độ tăng trưởng của kinh tế và xã hội. Thế hệ trẻ thường chú ý trang bị cho mình hành trang vào đời về trí tuệ, văn hóa, mà coi nhẹ rèn luyện về thể chất. Như vậy là họ tự để mất một cơ may không bao giờ trở lại trong cuộc đời một con người. Bởi vì, chỉ có phát triển toàn diện, hài hòa giữa thể lực và tinh thần, con người mới có thể làm việc lâu dài và có hiệu quả. Tại Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khoá VII), đồng chí Tổng bí thư Đỗ

Mười đã chỉ rõ : "Trí tuệ là tài sản quý giá nhất trong mọi tài sản, nhưng chính sức khỏe là một tiền đề cần thiết để làm ra tài sản đó". Rõ ràng, thế hệ trẻ muốn vươn lên chiếm lĩnh khoa học hiện đại, càng phải rèn luyện thân thể.

Hiến pháp nước ta đã quy định công tác giáo dục thể chất trong nhà trường là chế độ bắt buộc. Thực hiện nghiêm túc chế độ đó để nâng cao thể chất và hoàn thiện kỹ năng lao động hướng nghiệp cho thế hệ trẻ, là một yêu cầu cấp bách để chuẩn bị cho nguồn lao động tương lai. Ở những nước công nghiệp phát triển, các trường chuyên nghiệp dạy nghề rất coi trọng việc giáo dục thể chất hướng nghiệp cho học sinh. Ở các trường khác, giáo dục thể chất được coi là môn học quan trọng như các môn học khác. Cơ sở vật chất cần thiết cho tập luyện thể dục thể thao (như nhà tập, sân bãi ngoài trời, bể bơi) ở các trường, từ đại học đến phổ thông, được nhà nước ưu tiên đầu tư... Gần 20 triệu học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường hiện nay, là một nguồn lực cực kỳ to lớn cho công cuộc xây dựng đất nước. Suy cho cùng, đầu tư để nâng cao thể chất cho thế hệ trẻ, chính là đầu tư để phát huy tối đa hiệu quả trí tuệ của nguồn lực nói trên cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngoài đối tượng chiến lược đó, thể dục thể thao cần trở thành thói quen rèn luyện hằng ngày của các tầng lớp nhân dân, nhất là ở độ tuổi lao động. Thể dục thể thao trong lực lượng lao động ở khu vực sản xuất kinh doanh, cần được chăm lo, khuyến khích. Đó là cách nghỉ ngơi tích cực, góp phần tái tạo sức lao động, hạn chế bệnh nghề nghiệp phát sinh và phát triển. Năng suất lao động cao là yếu tố quyết định và cũng là mục đích cao cả của sự phát triển kinh tế xã hội. Thể dục trước giờ và trong giờ nghỉ giữa ca, giữa kíp lao động, được nhiều nhà khoa học chứng minh là biện pháp nghỉ ngơi tích cực của người lao động. Nó được nhiều nhà quản lý kinh tế hiện nay quan tâm áp dụng. Không phải ngẫu nhiên trong các dự

(1) Hồ Chí Minh : *Tư vấn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 122

án đầu tư của nước ngoài xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, công ty, khách sạn ở ta, hầu hết đều có các hạng mục công trình phục vụ thể dục thể thao. Trong hoàn cảnh khó khăn chung, khá nhiều công ty, xí nghiệp ở ta hiện nay đã có kế hoạch và chủ trương chăm lo phát triển phong trào thể dục thể thao. Nhiều cụm văn hóa - thể thao ở Hà nội, Nghệ an, TP Hồ Chí Minh... đã tiến hành đều đặn các cuộc thi đấu thể thao. Chủ trương phát triển thể dục thể thao giờ đây đã trở thành một bộ phận trong chính sách và chương trình phát triển sản xuất - kinh doanh ở nhiều đơn vị.

Phát triển thể dục thể thao tự nguyện trong nhân dân là cách bồi dưỡng và tăng cường sức khỏe ít tốn kém nhất. Cùng với đời sống kinh tế được cải thiện, nhu cầu về thể dục thể thao trong nhân dân cũng ngày càng lớn. Phương pháp rèn luyện thân thể hiện nay rất đa dạng và phong phú. Tập đi bộ, tập chạy, tập thể dục dưỡng sinh, chơi cầu lông, bóng bàn, bơi lội... là những môn tập đơn giản, nhưng lại được nhân dân ưa thích. Mỗi người tự chọn một môn thể thao, một phương pháp tập luyện phù hợp với mình để rèn luyện thân thể hằng ngày, đó là biểu thị tinh thần làm chủ bản thân, làm chủ xã hội. Có sức khỏe mới có thể làm việc tốt, tăng thu nhập, bảo đảm đời sống vui tươi, hạnh phúc. Dù ở đâu, mọi người đều có thể chọn môn thể thao thích hợp với mình để rèn luyện. Tập thể dục thể thao là nghĩa vụ, nhưng cũng là quyền lợi thiết thân của mỗi người trong xã hội. Nhận thức đúng đắn để đưa thể dục thể thao vào đời sống xã hội một cách hữu ích, đó còn biểu hiện về trình độ dân trí của nhân dân.

Trong thời đại ngày nay, khi Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với thế giới và khu vực bằng một chính sách ngoại giao đa phương trong xu thế liên kết quốc tế ngày càng mạnh mẽ cùng với những thành tựu kỳ diệu của khoa học - công nghệ, đặc biệt là của vô tuyến truyền hình và thông tin viễn thông, thì tác dụng của thể dục thể thao không chỉ bó hẹp trong phạm vi một quốc gia. Thể dục thể thao có tác dụng to lớn

trong việc tăng cường giao lưu quốc tế. Những cuộc thi đấu tranh giải thể thao quốc tế, trong đó vận động viên của hàng chục, hàng trăm nước đua sức, tranh tài, được truyền hình để hàng trăm triệu con người trên thế giới cùng xem, chính là những dịp tốt để mọi người trên hành tinh có thể biểu hiện chung niềm vui hoặc nỗi lo, thêm hiểu biết về nhau, và nâng cao tính tự trọng, tự tin của con người. Thành tích của các vận động viên trong các cuộc tranh tài quốc tế chính là sự "quảng cáo" rộng rãi cho hình ảnh của mỗi dân tộc trên trường quốc tế. Các ngôi sao thể thao mang tầm quốc tế thường được chính phủ và nhân dân nước họ tôn vinh; có người được coi như một "anh hùng dân tộc", một "đại sứ danh dự"... Đóng góp của họ vào việc nâng cao uy tín nước mình trên thế giới, vào việc củng cố và tăng cường lòng tự hào dân tộc, là rất lớn. Đó là lý do vì sao chính phủ nhiều nước đã không tiếc tiền của và công sức đầu tư cho việc xây dựng các đội tuyển quốc gia, phát triển các môn thể thao có nhiều ảnh hưởng quốc tế.

Sự quan tâm đầu tư của Nhà nước ta cho đoàn vận động viên Việt nam tham dự SEA GAMES 18 tại Thái lan vừa qua cùng những thành tích rất đáng khích lệ của đoàn, là một minh chứng cho điều vừa nói.

Dương nhiên, xây dựng nền thể dục thể thao dân tộc để "dân cường thì nước thịnh", là một sự nghiệp không phải hôm nay nghĩ, ngày mai đã có. Đó là cả một quá trình vật lộn gian khổ đối với từng con người, đối với cả cộng đồng với sự chăm lo của Đảng và Nhà nước. Nó đòi hỏi mỗi quốc gia phải giao lưu, hội nhập đa phương, đa dạng với các nước trong khu vực và trên thế giới, học tập nhau, hợp tác với nhau vì mục đích cao đẹp từng được ghi trên lá cờ của mỗi thể vận hội.

Nhận thức vai trò quan trọng của thể dục thể thao đã khó; có được hành động thiết thực, đúng hướng, đầu tư có hiệu quả, tạo ra thành tích mới cao hơn các nước, càng khó. Song để có ngày hái quả, ngành thể dục thể thao, hơn ai hết, luôn ý thức được rằng, phải chăm chút, ươm mầm ngay từ hôm nay □

THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ĐỖ MINH NGHĨA - VŨ NGỌC LÂN

DOANH nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (viết tắt là DNĐTNN) là loại hình kinh tế mới hình thành ở nước ta gần chục năm nay. Nó đang có xu hướng phát triển và mở rộng. Nhưng trong các DNĐTNN cũng đang nảy sinh nhiều vấn đề nổi cộm, bức xúc. Qua nhiều đợt khảo sát, điều tra, thanh tra của Bộ lao động - thương binh và xã hội, Tổng liên đoàn lao động Việt nam, Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (nay là Bộ kế hoạch và đầu tư), chúng tôi xin nêu một số vấn đề xung quanh người lao động Việt nam trong các doanh nghiệp loại này.

Những dấu hiệu đáng mừng

Kể từ khi Nhà nước ta ban hành *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam* (tháng 12-1987) đến nay (tháng 3-1996), đã có 58 nước có doanh nghiệp tham gia đầu tư trực tiếp vào Việt nam với khoảng 1600 dự án, và tổng số vốn là 19 tỉ USD. Trong số đó có 65% tổng số dự án được cấp giấy phép đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, dầu khí, xi măng, nông - lâm nghiệp, chế biến nông sản - thực phẩm, giao thông... Số còn lại thuộc các lĩnh vực dịch vụ, ngân hàng, tài chính, dịch vụ kỹ thuật v.v.. Các DNĐTNN đã góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tạo việc làm cho hơn 10 vạn lao động Việt nam. Phần lớn các DNĐTNN được hình thành từ việc liên doanh với các cơ sở thuộc doanh nghiệp nhà nước, do vậy có tới 65% số lao động là từ các doanh nghiệp nhà nước chuyển sang, số còn lại là tuyển mới. Ở nhiều DNĐTNN, người lao động được nâng cao trình độ hiểu biết, về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, được làm việc với máy móc, công nghệ, thiết bị hiện đại. Công nhân, lao động làm việc trong các doanh nghiệp này cũng bước đầu được rèn luyện trong môi trường sản xuất công nghiệp: thời gian chính xác, lao động tỉ mỉ, khẩn trương. Ở nhiều DNĐTNN, người

lao động được tôn trọng, đối xử tử tế; đời sống vật chất, tinh thần được quan tâm, được hưởng lương và các khoản bảo hiểm, chế độ nghỉ ngơi thỏa đáng, được thăm hỏi lúc ốm đau, bệnh tật, ngày sinh nhật được chúc mừng v.v.. Một số công nhân, lao động có thu nhập cao, an tâm, hài lòng với công việc.

Ngay sau khi *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam* được ban hành và nhất là những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta rất chú ý xây dựng, ban hành các luật, các văn bản dưới luật, tạo "hành lang pháp lý" và điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, trong đó có DNĐTNN hoạt động. Năm 1990, Nhà nước ta đã ban hành Nghị định số 223/ HĐBT quy định về quy chế lao động đối với các DNĐTNN. *Bộ Luật lao động* có hiệu lực từ ngày 1-1-1995 là bộ luật rất cơ bản và quan trọng đã quy định và điều chỉnh mối quan hệ lao động trong mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Tính đến cuối năm 1995, Chính phủ đã ban hành gần 20 văn bản dưới luật hướng dẫn việc thi hành bộ luật này. Đồng thời về trách nhiệm quản lý nhà nước cũng như vai trò của tổ chức công đoàn, người đại diện bảo vệ quyền lợi của người lao động, cũng đã được xác định rõ trong *Bộ luật lao động* và *Luật công đoàn*, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam phê chuẩn năm 1990.

Những mặt trái đang nổi cộm

Tuy đã có những kết quả bước đầu đáng mừng như trên và tuy đã có nhiều thuận lợi về môi trường pháp lý để các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động, nhưng cho đến nay đang nổi lên nhiều vấn đề xung quanh người lao động Việt nam trong các DNĐTNN.

Hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt nam đều coi việc thu lợi nhuận cao là mục tiêu hàng đầu, cho nên họ triệt để lợi dụng nguồn lao động dồi dào, rẻ mạt của ta và những sơ hở, yếu kém trong quản lý, điều hành của

cán bộ, những bờ ngõ, thiếu hiểu biết của người lao động Việt nam. Nhiều DNĐTN đã thái quá trong việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận của mình, gây ra những ấn tượng xấu, những sự bất bình trong công nhân, lao động tại các doanh nghiệp nói riêng và trong xã hội nói chung. Lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước ta, nhiều doanh nghiệp vin vào những lý do như mới thành lập, chưa ổn định sản xuất, kinh doanh chưa có lãi, chưa tiêu thụ được hàng v.v. để trốn lậu thuế, không trả lương hoặc trả lương rất thấp cho người lao động Việt nam. Về mức lương tối thiểu (mối quan tâm hàng đầu của người lao động) đối với lao động giản đơn (từ tháng 5-1992) Nhà nước ta quy định là 35 USD/người/tháng, và nay đã điều chỉnh lên 45 USD. Thế nhưng cho đến nay, nhiều giới chủ vẫn trả lương dưới mức tối thiểu 35 USD cho công nhân lao động giản đơn và cho cả những lao động có kỹ thuật trong các công đoạn sản xuất. Vào năm 1993 - 1994 tại các xí nghiệp liên doanh Ree Young, Misha, Sơn quán (TP Hồ Chí Minh) hầu hết các tổ trưởng sản xuất đã làm việc được một năm trở lên mà chỉ được hưởng 20 - 30 USD/người/tháng. Ở doanh nghiệp Sài Gòn - Kim Cương (100% vốn của Hồng công), công nhân phải làm việc từ 10 - 12 giờ/ngày nhưng chỉ nhận được 20 - 25 USD/người/tháng. Một số ông chủ "lập lờ đánh lộn con đen" bằng cách cộng tất cả các khoản phụ cấp trách nhiệm, tiền ăn giữa ca, phụ cấp nặng nhọc, độc hại v.v., vào mức lương chính để báo cáo rằng "đã trả lương cho công nhân cao hơn mức quy định"! Một số doanh nghiệp dùng mảnh khỏe kéo dài thời gian thử việc (theo quy định là 60 ngày) để chỉ phải trả 70% mức lương tối thiểu trong khi người lao động đã tham gia làm sản phẩm chính. Ở Công ty Fine, năm 1994 nhiều công nhân đã làm việc 3 tháng mà chỉ được hưởng lương học việc. Ở nhiều công ty giới chủ tùy tiện chuyển hình thức trả lương, thay đổi định mức khoán, tự ý chuyển công nhân từ công đoạn này sang công đoạn khác mà không có sự bàn bạc, thông nhất ý kiến với người lao động và tổ chức công đoàn như đã quy định. Nhiều khi chủ doanh nghiệp hứa (bằng mồm, không có văn bản) rằng sẽ tăng lương, bồi dưỡng làm thêm giờ, nhưng sau đó lại không thực hiện, gây bất bình trong công nhân, lao động. Thí dụ, năm 1994 tại xí nghiệp Hà nội - Chinh hai (100% vốn của Đài loan) chủ doanh nghiệp đã đề nghị công nhân làm thêm giờ và hứa sẽ trả tiền công 250 đồng cho cộng lắp ráp 1 động cơ quạt. Khi công nhân đã lắp được

2 600 động cơ và yêu cầu thanh toán tiền công thì giới chủ hạ tiền công thanh toán xuống 180 đồng/1 động cơ. Khi công nhân đấu tranh đòi trả tiền thù lao như đã hứa thì giới chủ "chạy làng" và điều 12 công nhân từ phân xưởng lắp ráp xuống phân xưởng cơ khí.

Cuối năm 1995, Công ty Eland (100% vốn của Hàn quốc) tùy tiện chuyển hình thức trả lương theo giờ sang hình thức khoán sản phẩm, làm sụt lương của người lao động. Ở nhiều doanh nghiệp không có hệ thống thang, bảng lương hoặc giới chủ quy định đơn giá sản phẩm quá thấp so với yêu cầu chất lượng, nâng định mức cao, buộc người lao động phải kéo dài thời gian lao động như ở các Công ty Magnicon, Công ty Lạc tử, Công ty Ree Young, Công ty Triumph (TP Hồ Chí Minh) hoặc Công ty giày Quốc bảo (Quảng nam - Đà Nẵng).

Mặc dù *Bộ luật lao động* của nước ta đã quy định các quy tắc sử dụng lao động nhưng trên thực tế, nhiều DNĐTN không ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) với công nhân. Có doanh nghiệp có 642 công nhân nhưng giới chủ chỉ ký hợp đồng với 90 công nhân. Đến nay, theo điều tra chưa đầy đủ, vẫn còn từ 30 - 40% số doanh nghiệp chưa ký HĐLĐ, số công nhân gọi là "tạm tuyển", "làm theo thời vụ" vẫn còn đông. Đến cuối năm 1995, 600 lao động làm việc tại Công ty Delta (100% vốn của Hàn quốc), 1 600 công nhân đã làm việc 2 năm tại Công ty Hung chan (100% vốn của Hàn quốc và Xin-ga-po) v.v. vẫn chưa được ký HĐLĐ. Ở không ít doanh nghiệp, có tiền hành ký HĐLĐ thì nội dung hợp đồng sơ sài, không rõ ràng về công việc, tiền lương, thời gian làm việc, nghỉ ngơi, về chế độ bảo hiểm và an toàn lao động. Chỉ có 55% số DNĐTN có đóng bảo hiểm xã hội. Nói chung trong các HĐLĐ phía người lao động Việt nam luôn luôn bị thiệt thòi so với quy định.

Có hơn 10% số doanh nghiệp được kiểm tra đã vi phạm các quy định về thời gian lao động và nghỉ ngơi. Ở nhiều doanh nghiệp thuộc ngành may, ngành giày đều có hiện tượng công nhân phải làm thêm giờ nhưng lại hưởng lương khoán sản phẩm mà không trả tiền lương làm thêm giờ. Thí dụ, ở Công ty giày Quốc bảo (Quảng nam - Đà Nẵng) công nhân thường phải làm việc từ 12 đến 14 giờ/ngày; ở Công ty giày Fine, Công ty Hung-chan (ngày 4-11-1995, một số nữ công nhân phải làm việc từ 7 giờ 30 sáng đến 20 giờ vẫn chưa được nghỉ nên nhiều người đã bị ngất xỉu).

Bên cạnh tình trạng làm việc nặng nhọc, căng thẳng với đồng lương chưa tương xứng, người lao động ở nhiều doanh nghiệp còn phải chịu đựng một kỷ luật hà khắc : cấm không đi vệ sinh trong giờ làm việc ; chị em "đến tháng" không được đi thay đồ trong giờ làm việc, ai vi phạm sẽ bị ghi tên và phạt 10 000 đ ; nếu bị nhiều lần sẽ không được lên lương ; công nhân nghỉ ốm phải báo trước mới được giải quyết. Một số nơi còn dọa cắt hợp đồng đối với nữ công nhân có thai. Công nhân, lao động xin nghỉ để lo ma chay, con ốm, không được giải quyết. Điều đặc biệt nghiêm trọng là nhiều chủ doanh nghiệp đối xử thô bạo, sỉ nhục, chà đạp thể xác và nhân phẩm người lao động Việt nam.

Tình trạng trên là nguyên nhân dẫn đến các cuộc đình công của công nhân lao động xảy ra trong nhiều năm nay ở các DNĐTNN. Từ năm 1988 đến hết năm 1993, tổng cộng có 30 cuộc đình công ; năm 1994 có 28 cuộc ; năm 1995 có 24 cuộc ; 3 tháng đầu năm 1996 đã xảy ra 12 cuộc liên tiếp. Thời gian ngừng sản xuất có nơi chỉ xảy ra vài ba giờ hoặc 1 ngày ; có nơi kéo dài 3 - 4 ngày (28 công nhân của Công ty dệt len Magnicon đình công 4 ngày liên tiếp trong tháng 3-1995). Một số vụ gần đây nhất là vụ đình công xảy ra vào ngày 9-2-1996, khi một chuyên gia Hàn quốc đánh một lái xe của hãng Davitaxi. Vụ xảy ra ngày 15-3-1996 tại Xí nghiệp liên doanh bến xe Bà Rịa - Vũng tàu, nguyên nhân do một chuyên gia Hàn quốc đánh một lái xe của xí nghiệp. Cũng vào ngày 15-3-1996 có vụ đình công tại Công ty Fine Industrial (Sông bét) một chuyên gia Hàn quốc đánh và bóp cổ một nữ công nhân Việt nam. Đặc biệt vào ngày 27-3-1996, tại Công ty Sam Yang (100% vốn của Hàn quốc) (TP Hồ Chí Minh), một nữ kỹ thuật viên Hàn quốc đã gọi 15 nữ tổ trưởng sản xuất người Việt nam tại các dây chuyền may đến và bắt xếp hàng trước mặt các công nhân đang làm việc. Bà ta vừa chửi mắng vừa dùng chiếc giày may dở đánh vào đầu, vào mặt các tổ trưởng vì lý do họ đã không thực hiện đúng hướng dẫn của bà ta về sử dụng nguyên vật liệu. Một số chị bỏ chạy bị bà ta đuổi đánh. Hai nữ tổ trưởng bị đánh gây thương tích phải đưa đi bệnh viện. Vì vậy, hơn 900 công nhân đã đồng loạt đình công phản đối giới chủ. Trong 3 tháng đầu năm 1996, tại công ty này đã xảy ra 3 cuộc đình công có từ 500 đến 970 công nhân tham gia. Cho đến nay, công ty này vẫn chưa ký HĐLĐ (mặc dù đã hoạt động từ tháng 10-1995) và mức lương của công ty trả cho công nhân cũng

thấp hơn mức tối thiểu đã được Nhà nước ta quy định.

Vai trò của tổ chức công đoàn ?

Qua thực trạng trên đây, nhiều người đặt câu hỏi : vậy thì vai trò của tổ chức công đoàn, của những người Việt nam có trách nhiệm ở doanh nghiệp đó như thế nào ? Chả nhẽ cứ để công nhân, lao động Việt nam làm việc ở các DNĐTNN bị vắt kiệt sức, bị đối xử thô bạo ngay trên mảnh đất của mình hay sao ?

Đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này qua nghiên cứu chúng tôi thấy cho đến nay mới chỉ có khoảng 30% số DNĐTNN có tổ chức công đoàn. Những doanh nghiệp có xảy ra đình công hầu hết chưa có tổ chức công đoàn hoặc có nhưng chỉ là hình thức. Đến hết năm 1995, ở Hà nội có 28/182 DNĐTNN có tổ chức công đoàn, ở TP Hồ Chí Minh là 161/449. Tổng số lao động trong các DNĐTNN tham gia tổ chức công đoàn mới chỉ có từ 20 - 25%. Việc chậm thành lập tổ chức công đoàn trong các DNĐTNN có nhiều nguyên nhân. Về phía người lao động mới quan tâm đến nhu cầu bức thiết là việc làm và thụ nhập bảo đảm đời sống trước mắt mà chưa mấy quan tâm đến tổ chức của mình. Về phía tổ chức công đoàn thì lúng túng, thiếu phương pháp vận động quần chúng trong hình thức doanh nghiệp mới này. Rất ít doanh nghiệp tổ chức được sinh hoạt công đoàn để công nhân phản ánh và bày tỏ được những vấn đề bức xúc của họ. Có nơi công đoàn còn ngại đề xuất với giới chủ những kiến nghị của công nhân, lao động. Do đó công nhân, lao động thiếu tin tưởng vào tổ chức công đoàn. Họ tự tổ chức đình công như cuộc đình công của 300 công nhân Công ty Mountech (tháng 1-1993 và tháng 2-1995), của 400 công nhân Công ty Choong nam - Việt thắng (tháng 12-1993), của công nhân Công ty Eland (tháng 10-1995).

Liên quan trách nhiệm trong việc đề tỉnh hình xấu xảy ra ở nhiều DNĐTNN là những người đại diện phía Việt nam trong doanh nghiệp đó. Những nơi xảy ra tranh chấp lao động thường một phần do năng lực, trình độ, tinh thần trách nhiệm, ý thức dân tộc của một số người đại diện cho phía Việt nam yếu kém. Ngoài ra không ít người đại diện vì vụ lợi cá nhân, chạy theo đồng tiền, làm ngơ hoặc đồng tình với giới chủ nước ngoài, đi ngược lại lợi ích chính đáng của đa số công nhân, lao động. Một trong những vấn đề bức xúc, nổi cộm hiện nay trong việc hợp tác đầu tư với nước ngoài

là sự yếu kém của cán bộ Việt nam tham gia các dự án. Có thể nói đây là một khâu yếu nhất của ta hiện nay.

Về phía công nhân, lao động của chúng ta, nói chung là tốt, nhưng cũng có một số công nhân, lao động sống tự do, buông thả, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, hay vi phạm nội quy, có những biểu hiện dân chủ quá trớn. Khi vào làm việc trong các doanh nghiệp của người nước ngoài điều hành quản lý, quan hệ chủ thợ, người làm thuê rõ ràng, họ thấy gò bó, mất dân chủ và dễ dàng phản ứng. Một hạn chế rất lớn nữa là nhiều người lao động Việt nam ít quan tâm, không am hiểu pháp luật nhất là những luật có liên quan trực tiếp đến công việc và quyền lợi của họ, cho nên nhiều khi vi phạm luật pháp mà không biết hoặc khi đấu tranh, đòi hỏi cũng thiếu căn cứ pháp lý. Tình trạng bất đồng ngôn ngữ, "ông nói gà, bà nói vịt" cũng là hạn chế dễ gây sự hiểu lầm, mâu thuẫn. Vì những lý do như trên đã dẫn đến trong thời gian qua, các cuộc đình công tại các DNĐTNN đều mang tính tự phát và 100% các cuộc đình công không theo luật. Vì vậy, vấn đề đặt ra là vai trò của các tổ chức quần chúng trong các DNĐTNN, rất quan trọng, nhất là tổ chức công đoàn.

Qua tìm hiểu ở những DNĐTNN sản xuất ổn định và phát triển, người lao động được quan tâm, đời sống được cải thiện không có các cuộc đình công, ít xảy ra tranh chấp, lao động, hay có tranh chấp cũng nhanh chóng giải quyết ổn thỏa, thấy một số yếu tố chủ yếu sau đây :

- Ngay từ khi đàm phán, ký kết các hợp đồng liên doanh đều có sự phối, kết hợp các tổ chức đảng, chính quyền, công đoàn ở địa phương, cơ sở để xúc tiến nhanh các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp, xây dựng các điều khoản bảo đảm về xã hội, an ninh, góp vốn, quản lý doanh nghiệp, v.v.. Điển hình như cách làm ở công ty Lever Haso (Hà nội), hay công ty khai thác đá Pioneer Tranmesko.

- Tổ chức công đoàn có vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích người lao động ; đại diện người lao động xây dựng, ký kết thỏa ước lao động tập thể ; bàn bạc, tham gia với người sử dụng lao động giải quyết các vấn đề quan hệ lao động, xây dựng quan hệ chủ thợ ; thương lượng, thỏa thuận với chủ doanh nghiệp để giải quyết các tranh chấp lao động ; tổ chức đấu tranh, đình công đúng pháp luật. Và điều rất quan trọng là công đoàn tổ chức, tập hợp rộng rãi người lao động tuyên truyền, giáo dục người lao động thực hiện

đúng pháp luật nhà nước. Nhiều DNĐTNN đã làm khá tốt những nội dung trên đây như công ty Lever Haso, xí nghiệp Golden Vtec, Posvina, Nippovina v.v..

- Việc tuyển chọn cán bộ tham gia vào hội đồng quản trị trong các DNĐTNN cũng có vị trí rất quan trọng. Họ phải là những cán bộ có phẩm chất, năng lực quản lý, nắm vững pháp luật, vận động, quy tụ được quần chúng và phải giỏi ngoại ngữ. Có như vậy họ mới không bị chủ mua chuộc, mới góp phần giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong các DNĐTNN và bảo vệ được những lợi ích chính đáng của công nhân, lao động nước ta trên cơ sở pháp luật của nhà nước đã quy định.

Một số kiến nghị

- Các cơ quan chức năng, có thẩm quyền trong quản lý hợp tác, đầu tư với nước ngoài và quản lý lao động cần hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài về pháp luật của Nhà nước ta, liên quan đến đầu tư và lao động. Cần thẩm định kỹ các dự án đầu tư và yêu cầu các nhà đầu tư thực hiện đúng các quy trình bảo đảm các vấn đề về lao động và an toàn xã hội. Nhanh chóng hoàn chỉnh các cơ chế thực hiện luật pháp lao động, tăng cường kiểm tra kinh tế kỹ thuật, thanh tra lao động, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm luật pháp Việt nam .

- Chuẩn bị kỹ lưỡng đội ngũ cán bộ Việt nam tham gia vào các liên doanh, bảo đảm phẩm chất, năng lực. Tạo cơ chế quản lý có hiệu quả với sự tham gia của các đoàn thể (đảng, công đoàn, đoàn thanh niên v.v.)

- Cần nhanh chóng thành lập tòa án địa phương, trong đó có thành phần của công đoàn, để đàm phán, thương lượng, hòa giải khi có tranh chấp lao động. Đối với các nhà đầu tư cố tình vi phạm luật pháp hoặc có hành vi xúc phạm nhân phẩm, thân thể người lao động cần được xét xử theo luật pháp của Nhà nước ta.

- Điều quan trọng là phải thành lập ngay các tổ chức công đoàn làm người đại diện cho công nhân, lao động trong việc xây dựng các thỏa ước lao động tập thể và ký kết hợp đồng lao động. Đây chính là con đường tốt nhất để tránh những cuộc tranh chấp và đình công. Tổ chức công đoàn cần phổ biến *Luật công đoàn*, *Bộ luật lao động* đến tận người lao động và các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt nam để ai cũng biết các bộ luật đó và thực hiện □



MỘT SỰ NGHIỆP VĂN HỌC LỚN, PHONG PHÚ, ĐA DẠNG

(Nhân đọc *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*) ⁽¹⁾

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH *

NHÀ xuất bản Văn học vừa cho ra mắt bạn đọc *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*. Bộ sách gồm 3 tập : Tập I tuyển truyện và ký, tập II tuyển những bài viết có liên quan đến quan điểm của Người về văn hóa nghệ thuật, tập III tuyển sáng tác thơ. Những tác phẩm của Hồ Chí Minh được tuyển trong bộ sách thực ra đã từng được công bố rải rác trong nhiều năm. Đóng góp đáng ghi nhận của *Tuyển tập* là đã kế thừa khá nghiêm chỉnh thành tựu sưu tầm phát hiện về văn thơ Hồ Chủ tịch của nhiều người trong nhiều năm, đồng thời có công tuyển lựa, phân loại, hệ thống hóa các tác phẩm đó, giúp người đọc có cái nhìn bao quát tương đối toàn diện sự nghiệp văn học Hồ Chí Minh. Một cái nhìn như thế cho thấy sự nghiệp văn thơ của Người thật là phong phú, đa dạng từ nội dung đến hình thức.

Đối với Hồ Chí Minh, văn học trước hết phải là một vũ khí, một hoạt động cách mạng. Có nghĩa là mỗi bài văn, bài thơ viết ra phải hướng vào một đối tượng cụ thể nào đó, phải nhằm đạt tới một mục đích thiết thực nào đó. Người thường nhắc đi nhắc lại như một kinh nghiệm thiết thân của mình : trước khi cầm bút, phải trả lời hai câu hỏi *Vì ai mà mình viết ? Mục đích viết làm gì ?* Từ đó mới quyết định *Viết cái gì ?* (nội dung) và *Cách viết thế nào ?* (hình thức) ⁽²⁾. Đó là quan điểm sáng tác nhất quán của Hồ Chí Minh thể hiện ở mọi bài viết của Người. Ngay trường hợp làm thơ chỉ để "khuây khoả" trong tù (*Nhật ký trong tù*), Người cũng xác định rõ mục đích và đối tượng:

Ngâm thơ ta vốn không ham,

Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây :

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

Quan điểm sáng tác ấy đã tạo nên tinh thần nhất quán của sự nghiệp văn học của Người. Nhưng cũng quan điểm sáng tác ấy đã đem đến cho văn thơ Người tính chất phong phú, đa dạng ít thấy ở những cây bút khác. Bởi lẽ, trải qua hơn nửa thế kỷ hoạt động cách mạng, khi ở Tây Âu, khi ở Trung quốc, Thái lan, khi trên đất nước mình, yêu cầu cách mạng từng nơi, từng lúc đã đặt ra cho Người biết bao nhiệm vụ cụ thể phải giải quyết, đã khiến Người phải đối phó với biết bao kẻ thù trong những tình huống khác nhau, phải liên kết với biết bao bè bạn, phải thuyết phục nhiều người sắc tộc khác nhau, tôn giáo, giai cấp, đảng phái khác nhau, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, chính trị, đặc điểm tâm lý khác nhau... Mỗi bài viết, vì thế, tuy cùng chiến đấu cho một lý tưởng cách mạng duy nhất, nhưng phải tùy theo từng đối tượng, từng mục đích cụ thể mà lựa chọn nội dung viết và hình thức viết cho phù hợp. Ở thủ đô Pa-ri, viết cho người Pháp và những đồng bào biết tiếng Pháp thì hành văn phải rất hiện đại và "rất Pháp" (Phạm Huy Thông) như : *Pari, Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Vi hành, Varen* và *Phan Bội Châu, "Sở thích đặc biệt", Động vật học, Nói về loài cầm thú v.v..* Nhưng viết cho người du kích nông dân Việt nam thì lời

* GS. Đại học quốc gia

(1) Nhà xuất bản Văn học, Hà nội, 1995

(2) "Cách viết", *Tuyển tập Hồ Chí Minh*, Nxb Văn học, Hà nội, 1995, t 2, tr 346 - 352

vẫn lại phải hết sức giản dị, phải theo lối truyền chương hồi truyền thống cho phù hợp với thị hiếu bình dân : *Cách đánh du kích, Kinh nghiệm du kích Pháp v.v..* Về thơ ca cũng vậy. Viết cho công nông - trước Cách mạng Tháng Tám hầu hết còn mù chữ - thì phải hết sức nôm na mộc mạc, mượn lối ca, vè quen thuộc với dân gian : *Ca dân cày, Ca công nhân, Ca du kích, Ca sợi chỉ, Hòn đá v.v..* Nhưng thơ tặng cụ Đinh Chương Dương, cụ Võ Liêm Sơn, cụ Bùi Bằng Đoàn thì lời lẽ lại phải trang nhã, cổ kính, và tốt nhất là dùng thơ chữ Hán luật Đường.

Nhìn chung, đối với Hồ Chí Minh, vấn đề *Viết cho ai* luôn được đặt lên hàng đầu. Người không ngại nhắc đi nhắc lại điều đó : "Mình viết ra cốt là để giáo dục, cổ động ; nếu người xem mà không nhớ được, không hiểu được, là viết không đúng, nhằm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem hiểu được, nhớ được, làm được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem" (3). Từ khi trở về nước, Người chủ yếu viết cho đối tượng công nông binh. Người đặc biệt chú ý khai thác kho tàng thành ngữ, tục ngữ dân gian là cách diễn đạt vừa ngắn gọn, đích đáng, vừa giàu hình ảnh của quần chúng công nông. Nhưng dù đã viết rất dễ hiểu, khi viết xong, Người vẫn cẩn thận "nhờ một số đồng chí công nông binh đọc lại. Chỗ nào ngúc ngắc, chữ nào khó hiểu, họ nói ra thì phải chữa lại" (4).

Đó là quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh. Nắm được quan điểm này, có nghĩa là có được chiếc chìa khóa thứ nhất để mở vào lâu đài văn học của Người. Đối với mỗi bài văn, bài thơ của Người, phải căn cứ vào thời điểm ra đời của nó, phân tích tình hình chính trị của đất nước ở thời điểm ấy để xác định Người viết cho ai, nhằm mục đích gì. Có như vậy mới hiểu được đúng và đánh giá đúng tác phẩm của Người từ nội dung đến hình thức. Đó là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản nhất của việc nghiên cứu thơ văn Hồ Chí Minh.

*
* *

Tính đa dạng của sự nghiệp văn học Hồ Chí Minh thể hiện nổi bật ở bình diện thể loại sáng tác và phong cách nghệ thuật. Đây là một cây bút lớn, tài năng nhiều mặt, có khả năng

thể hiện trong nhiều phong cách khác nhau - có thể gọi là cây bút đa phong cách.

Trước hết tài năng ấy bộc lộ ở văn chính luận. Những người biên soạn **Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh** chắc hẳn quan niệm văn học theo nghĩa văn hình tượng nên không chú ý đến phương diện này của tài năng Hồ Chí Minh chăng ? Văn chính luận không thuyết phục người đọc bằng hình tượng nghệ thuật mà bằng lập luận lôgic. Về thể văn này, Hồ Chí Minh đã sáng tạo nên những tác phẩm có thể coi là mẫu mực và bất hủ. *Tuyên ngôn độc lập* là một ví dụ. Người ta thường đánh giá tác phẩm này như một áng "*thiên cổ hùng văn*", một "*Bình Ngô đại cáo của thời đại mới*". Nhưng *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi ra đời trong thời đại gọi là "*Văn sử bất phân*" nên chính luận chỉ là một yếu tố. Khí thế "hùng văn" của tác phẩm được truyền đến người đọc chủ yếu nhờ một hệ thống hình tượng từng từng lớp lớp và một giọng văn sôi nổi, dồn dập, đầy hứng khởi. Sức mạnh của nó là ở lý lẽ sắc bén, ở cách lập luận chặt chẽ, ở những luận cứ đích đáng (hình ảnh nếu có chẳng qua cũng chỉ là để phụ giúp cho lý lẽ thêm sắc sảo và hấp dẫn mà thôi). Nếu tìm hiểu cụ thể tình hình chính trị của đất nước ta khi Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn* để xác định cụ thể đối tượng Người hướng tới và nắm được cụ thể những luận điệu của bọn đế quốc mà Người cần bác bỏ, ta sẽ thấy cách lập luận của Người, cách đưa các luận cứ của Người thật là chặt chẽ, danh thép. Không phải ngẫu nhiên mà bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt nam đã mở đầu bằng mấy lời văn trích từ bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ và bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp. Từ quyền con người được khẳng định trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ, Người khéo léo "suy rộng ra" để khẳng định quyền độc lập tự do của các dân tộc. Luận điểm ấy có thể xem như phát súng lệnh đồng loạt mở đầu cho phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa nửa sau thế kỷ XX v.v..

Bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin* cũng là một áng văn chính luận xuất

(3) *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*, Nxb Văn học, Hà nội, 1995, t 2, tr 349

(4) *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*, Nxb Văn học, Hà nội, 1995, t 2, tr 350

sắc. Nhưng tác phẩm lại được viết theo một phong cách khác. Ở đây, độc giả là những người cộng sản trên toàn thế giới. Luận điểm căn thuyết phục là : "Chủ nghĩa Lê-nin chẳng những là cái cầm nang thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng". Với đối tượng này, Người không dùng nhiều lý lẽ, không tranh luận, không hùng biện. Người thuyết phục bằng kinh nghiệm thực tế của bản thân mình được diễn tả bằng những dòng hồi ký sinh động, tươi tắn, và một giọng văn rất mực khiêm tốn. Về mặt thể loại, có thể gọi đây là một tác phẩm *hồi ký - chính luận* rất độc đáo.

*
* *

Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tuyển truyện, ký và thơ.

Về truyện, rất tiếc chưa tìm được văn bản *Nhật ký chìm tàu* là tác phẩm có ảnh hưởng lớn trong phong trào cách mạng Việt nam. Ở thể văn này, bút pháp, phong cách của tác giả cũng rất đa dạng. Sự khác biệt về phương diện này thấy rõ nhất là giữa những truyện ngắn viết bằng tiếng Pháp và những truyện Người viết từ khi về nước.

Những truyện viết bằng tiếng Pháp như đã nói, hành văn rất hiện đại và "rất Pháp". Những truyện này nói chung đều nhằm tố cáo tội ác của bọn thực dân, tư bản, bọn phong kiến tay sai đối với nhân dân lao động các dân tộc thuộc địa, đồng thời đề cao những tấm gương yêu nước và cách mạng. Tuy vậy không truyện nào giống truyện nào, dù là những tác phẩm cùng nhằm vào một đích (chẳng hạn truyện *Vi hành* và truyện *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* cùng lên án tên vua bù nhìn Khải Định). *Vi hành* tạo ra một tình huống nhằm lẫn rất thú vị, trong đó nhân vật chính (Khải Định) không có mặt mà lại được khắc họa rất rõ nét. Tác giả dùng hình thức viết thư để có thể dễ dàng chuyển cảnh, chuyển giọng một cách linh hoạt và tự nhiên. *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* lại phát huy trí tưởng tượng để tạo ra một thế giới rừng rợn diễn tả cơn ác mộng của Khải Định bị tố tiên xỉ nhục và ruồng bỏ. *Varen* và *Phan Bội Châu* thì vận dụng tài quan sát và ký họa, tạo ra những đoạn văn tường

thuật sắc sảo hết như quay một cuốn phim tư liệu về hành trình của Varen, đồng thời khai thác triệt để thủ pháp đối lập để làm nổi bật hai nhân cách : Varen thì băng băng, ba hoa và ti tiện, Phan Bội Châu thì uy nghi, lẫm liệt. *Pari* sử dụng ngòi bút phóng sự rất linh hoạt, giọng văn thì đi từ mỉa mai chua chát đến căm giận xót xa. *Con người biết mùi hun khói*, có thể gọi là một truyện viễn tưởng chính trị, còn *Đồng tâm nhất trí* lại có dáng dấp một truyện ngụ ngôn v.v..

Những truyện tác giả viết từ khi về nước thì khác hẳn : dùng lối truyện kể, không chú ý dựng cảnh, dựng người. Sức hấp dẫn của truyện là ở tình tiết thú vị, gói gọn trong những đoạn văn ngắn tương đối độc lập được xâu chuỗi vào nhau, tựa như lối kết cấu chương hồi. Mỗi đoạn thường mở đầu và kết thúc bằng hai câu lục bát lấy Kiều hóm hỉnh. Những truyện này chủ yếu nhằm vào đối tượng công nông, binh, nên cách viết như thế là thích hợp.

Các thể ký chiếm vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh, có lẽ vì Người "*có nhiều duyên nợ với báo chí*" (5) chẳng ?

Vào những năm 20, khi hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc viết hàng loạt bài ký rất có giá trị : Tri thức uyên bác, hành văn biến hóa, dựng cảnh, dựng người gây ấn tượng đậm nét nghệ thuật châm biếm sắc sảo, tính chiến đấu mãnh liệt (*Động vật học*, *Nói về loài cầm thú*, *Viện hàn lâm thuộc địa*, *Hành hình kiểu Linsơ* v.v..).

Tác phẩm quy mô nhất là tập phóng sự điều tra *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925). Đây là cuốn sách đầy công phu và tâm huyết. Tác giả muốn cuốn sách phải là một bản án đanh thép đầy luận cứ đích đáng khiến kẻ bị lên án không thể chối cãi được. Muốn vậy phải có tư liệu phong phú và xác thực, tốt nhất là dùng tư liệu do chính người Pháp cung cấp qua những thư từ và nhật ký của họ. Nguyễn Ái Quốc rất có ý thức về điều này : "Tôi không muốn tự mình viết lấy, vì như thế không có giá trị thực sự. Tôi sẽ dùng những đoạn văn trong các sách họ viết về thực dân Pháp. Tôi sẽ cố gắng làm cho đậm nét những đoạn

(5) *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*. Nxb văn học, Hà nội 1995, t 2, tr 279

ấy" (6), đó là lời tâm sự của Nguyễn với một người bạn trong thời gian chuẩn bị cho cuốn sách từ 1920.

Sau này, nói về công tác tuyên truyền địch vận, Người cũng nhắc lại kinh nghiệm "*lấy gậy ông đập lưng ông*" đó.

Bản án chế độ thực dân Pháp gồm 12 chương tố cáo mọi mặt tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp đối với người bản xứ. Tác phẩm kết thúc bằng chương *Nô lệ thức tỉnh*, thể hiện quy luật tất yếu : tức nước vỡ bờ.

Giá trị của tác phẩm không phải chỉ do tư liệu phong phú mà còn do cách diễn ý và hành văn đầy nghệ thuật với những mệnh đề có sức khái quát lớn, với những bức ký họa sinh động về một loạt "nhà khai hóa", kèm theo những chi tiết đặc tả hành vi độc ác khủng khiếp của chúng. Tất cả được viết với một giọng châm biếm sâu cay và mãnh liệt như dùi đâm, như roi quất : "Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen "hèn hạ", những tên Annamít "hèn hạ", giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc "chiến tranh vui tươi" vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị "nhân hậu" (...). Khi đại bác đã ngáy thịch đen thịch vàng rồi, thì những lời tuyên hô "tình tứ" của các nhà cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bất như có phép màu (...): "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!".

Từ khi về nước, Hồ Chí Minh tiếp tục viết nhiều bài ký đặc sắc với nhiều bút danh khác nhau : Tân Sinh, L.T., T. Lan, Chiến sĩ... Có nhiên bút pháp phong cách có đôi khác : bớt đi tính uyên bác, thường trình bày tư liệu dưới hình thức truyện kể, thỉnh thoảng điểm xuyết mấy vần thơ lục bát lấy Kiều. Những bài ký viết ở Pháp trước kia, nhằm lên án chủ nghĩa thực dân, nên giọng châm biếm quyết liệt là âm hưởng chủ đạo. Giờ đây Người chủ yếu viết để ca ngợi nhân dân mình đánh giặc và xây dựng đất nước, nên giọng văn rất mực đôn hậu và vui. Tuy nhiên để hấp dẫn người đọc, tác giả cũng dùng nhiều thủ pháp linh hoạt và biến hóa : có khi là lối viết thư, văn thông tin báo chí xen với giọng trữ tình, đôi chỗ dùng đến cả thủ pháp đồng hiện (*Tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miên*) ; có khi mô phỏng lối

truyện chương hồi, mỗi đoạn một chuyện, mở đầu bằng hai câu có vần, kết thúc bằng mấy lời kêu gọi đọc tiếp "chương" sau.

Ở những bài ký dài (như *Vừa đi đường vừa kể chuyện*), tác giả rất chú ý đổi giọng, chuyển cảnh luôn luôn để tránh đơn điệu. Ở những bài ký ngắn có nội dung đả kích địch, Người thường hư cấu ra những màn hài kịch để nhân vật bị lên án tự mình thông báo những tội trạng và những thất bại của mình bằng đối thoại, độc thoại (*Đế quốc Mỹ bị và bị, Tổng Giôn và vụ giết chết nghị sĩ R. Kennedí...*).

Đọc những bài ký của Hồ Chí Minh, nhất là hồi ký, nhật ký có một thú vị đặc biệt là được thấy hiện hiện rõ nét cái tôi Hồ Chí Minh : một cái tôi rất đỗi trẻ trung và hồn nhiên giản dị, say mê hoạt động, ham học hỏi, thích du lịch khi có điều kiện, có năng khiếu quan sát sắc sảo mau lẹ của một ký giả có tài, ở đâu, làm gì cũng sống hết mình với công việc, với người, với cảnh, tinh thần dân chủ thâm sâu trong tác phong sinh hoạt hằng ngày, trong thái độ chân tình và yêu quý những con người bình thường vô danh, nhưng là nền tảng của dân tộc, là động lực vĩ đại của lịch sử.

*
* *

Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh dành cho *thơ Hồ Chí Minh* số trang lớn nhất để in lại toàn bộ những bài thơ, câu thơ của Người đã phát hiện được cho đến ngày nay.

Đặt những bài ca, bài về Người viết ở Việt bắc thời Mặt trận Việt minh bên cạnh những bài thơ chữ Hán của Người trong *Nhật ký trong tù* hay ra đời trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, thoạt xem, tưởng chừng như của những cây bút khác nhau.

Một đằng là những sáng tác dân gian hết sức mộc mạc chất phác :

*Trên đồi cỏ mọc xanh xanh
Một đàn cò đậu ngoài ghènh xa xa...
... Việt nam độc lập đồng minh
Có bản chương trình đánh Nhật,
đánh Tây...*

Tiếp thu và phát huy nghệ thuật dân gian, nhà thơ dân gian Hồ Chí Minh sử dụng rộng

(6) Dẫn theo *Tổng tập văn học Việt nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1980, t 36, tr 427

rãi những thủ pháp quen thuộc của ca dao, dân ca, gắn thơ với ca (Ca dân cày, Ca phụ nữ, Ca sợi chỉ, Ca du kích v.v..) nhà thơ dân gian Hồ Chí Minh muốn chính trị nhập sâu vào sinh hoạt vui chơi thoải mái của dân gian, và có thể đi theo họ véo von trên nương rẫy, réo rắt giữa cánh đồng, ngân nga nơi sườn non, bờ suối...

Với những bài thơ chữ Hán, Hồ Chí Minh lại trở thành một nhà thơ cổ điển. Một con người từng sống lâu năm ở phương Tây hiện đại, từng viết những truyện ký "như một ngôi bút phương Tây sắc sảo" (Phạm Huy Thông), khi làm thơ cảm hứng trữ tình cho mình hay những đồng chí gần gũi với mình thường thức, lại thường làm thơ chữ Hán đậm màu sắc Đường thi. Có quy luật gì ở đây chăng? Có lẽ mọi hồn thơ xưa nay đều hình thành từ tuổi thiếu niên, trong môi trường tình cảm, trong không khí văn hóa nghệ thuật được nhà thơ hít thở từ tuổi chín, mười, thậm chí từ khi còn nằm trong nôi. Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình trí thức Hán học, hồn thơ ấy, phải chăng đã hình thành một cách hồn nhiên tự nhiên từ nhỏ trong không khí sinh hoạt văn chương của những ông nghệ, ông cử, nghĩa là trong âm hưởng của thơ Đường, thơ Tống?

Người để lại cho đời tập *Nhật ký trong tù*, một thi phẩm lớn. Từ ngày bản dịch *Nhật ký trong tù* ra đời, đã có hàng trăm công trình lớn nhỏ, trong nước, ngoài nước viết về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm này. Ở đây chỉ xin nói thêm về một khía cạnh của tập thơ: tính chất phong phú, đa dạng từ nội dung đến bút pháp, phong cách. Có thể nói, tập thơ đã tạo nên một sự thống nhất hài hòa rất độc đáo của nhiều yếu tố tư tưởng và nghệ thuật tưởng như đối lập với nhau.

Chỉ điểm qua hệ thống đề tài cũng đã thấy như thế: bên cạnh những đề tài rất thi vị vốn quen thuộc với thơ ca cổ điển như phong, hoa, tuyết, nguyệt, triều cảnh, văn cảnh, đăng sơn, ước hữu... (người xưa gọi là: giai thi, mỹ cảnh, thắng sự, lương bằng), là những đề tài rất nôm na, đầy chất "văn xuôi" như của các bài *Điền đồng*, *Sơ đáo Thiên bảo ngục*, *Lại sang*, *Bào lương cầu nhục*, *Hạn chế*, *Nhân đồ ngã* v.v..

Đi vào thế giới hình tượng thì thấy bên cạnh một cái tôi trữ tình có phong thái ung dung, nhàn tản, bầu bạn với thiên nhiên, tựa

như Nguyễn Trãi ở Côn sơn, Nguyễn Bình Khiêm ở Bạch Vân am, là một cái tôi khác khao khát tự do, khao khát chiến đấu, lòng như lửa đốt hướng về Tổ quốc, về đồng chí, đồng bào đang ngóng đợi mình. Nghĩa là bên cạnh một bậc hiền triết của thuở xưa sống thanh thản ở ngoài dòng chảy của thời gian, là một chiến sĩ cách mạng luôn tính đếm từng chút quang âm qua đi một cách oan uổng bên ngoài song sắt nhà lao: "*Bốn tháng rồi*", "*Tám tháng hao mòn với xích gông*", "*Mòng chín ta vừa đến Liễu châu*, *Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng*", "*Ngày đi hạn tiền đến bên sông*, *Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng*", rồi "*Giám lâu ngày chưa được chuyển*" hay "*Tiểu ngày giờ*" v. v.. Nghĩa là sống cao độ từng giờ từng phút của mình.

Mà cả hai đều là Hồ Chí Minh, đều rất Hồ Chí Minh.

Ấy là sự thống nhất hài hòa giữa cái cổ điển và cái hiện đại trong một nhân cách thơ phong phú và độc đáo.

Ông Lê Hữu Mục trong một tâm trạng hân học và đầy ác ý đã viết cả một cuốn sách để chứng minh "Hồ Chí Minh không phải là tác giả *Ngục trung nhật ký*" (7). Trong bài *Câu chuyện tác giả Ngục trung nhật ký* in trong cuốn *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù*, Phan Ngọc đã nêu lên tám lỗi về lập luận của Lê Hữu Mục (8). Tôi cho rằng ông Mục còn mắc một tội khác nữa, ấy là cố tình không hiểu một đặc điểm của tập thơ viết trong tù: tác phẩm được viết với một phong cách phong phú, đa dạng. Ông Mục lập luận: "Sự tương phản giữa hai phong cách thơ" mà ông gọi là "phong cách khái quát của thơ Đường" (như *Tảo giải*, *Mộ Dạ lãn* v.v..) và "phong cách đối tục" (như *Bào lương cầu nhục*, *Lạc liễu nhất chích nha*, *Ngục trung sinh hoạt* v.v..) để nói rằng tập thơ không thể là tác phẩm của một người.

Nói ông Mục "cố tình không hiểu", vì trong khi cho rằng những bài thơ có phong cách Đường thi không phải của Hồ Chí Minh, ông lại thừa nhận bài *Tân xuất ngục học đăng sơn* (*Mới ra tù, tập leo núi*) là của Người. Như

(7) *Lãng Văn*, từ số 67 đến 70 ở Ca-na-đa. Sau in thành sách, do Trung tâm văn bút Việt nam hải ngoại xuất bản, *Lãng Văn* phát hành, tháng 11-1990

(8) Xem *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù*, Nxb Giáo dục, Hà nội, 1993, tr 615 - 627

vậy là tự ông đã bác bỏ lập luận của mình một cách đích đáng hơn ai hết. Vì *Mối ra tù, tập leo núi* là một trong những bài hay nhất của Hồ Chí Minh viết theo phong cách Đường thi.

Cũng cần nói thêm điều này : ông Mục cho rằng trong *Nhật ký trong tù* có một loạt bài thơ mang phong cách Đường thi. Nhận xét ấy cũng chỉ đúng một nửa. Phải thấy rằng những bài thơ ấy, một mặt rất Đường, mặt khác lại không hẳn là Đường. "*Đường*" ở chỗ khi viết về thiên nhiên, thường chỉ dùng vài nét chấm phá, để lại nhiều khoảng trống, cốt ghi lấy linh hồn của cảnh hơn là hình xác của tạo vật. "*Đường*" ở thể giới hình tượng tĩnh, có tính phi thời gian, và ở hình ảnh nhân vật trữ tình ung dung tự tại, tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên. Nhưng không hẳn là "*Đường*", vì thể giới nghệ thuật của nhà thơ cách mạng thể hiện một quan niệm khác với người xưa về không gian, thời gian, và về con người trong quan hệ với tạo vật. Nếu trong thơ xưa, thiên nhiên là chủ thể, con người thường sắm vai ngư, tiều, canh, mục ẩn dật giữa chốn thôn dã, lâm tuyền, thì trong thơ Hồ Chí Minh, con người là con người hành động. Con người không ẩn đi mà hiện ra, không phải ẩn sĩ mà là *chiến sĩ*. Con người sống cao độ với thời gian. Con người là chủ thể :

*Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng ;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*
(*Đi đường - Tẩu lộ*)

Sự đa dạng của phong cách *Nhật ký trong tù* còn có liên quan đến tính chất nhật ký của tác phẩm. Trong nhà tù, Bác Hồ ngồi ghi chép những sự thật diễn ra hằng ngày mà Người quan sát được. Cũng là một cách để giải trí, đồng thời có lẽ còn là nhu cầu của một con người hết sức năng động, không chịu để cho tâm trí mình được nghỉ ngơi chẳng ?

Có hai sự thật người tù cách mạng có thể theo dõi, quan sát và ghi chép. Một là sự thật khách quan, nghĩa là những điều mắt thấy, tai nghe ở trong nhà tù và trên đường đi đày. Đối với sự thật này, tác giả dùng lối thơ hướng ngoại là chính, một thứ thơ thiên về bút pháp tự sự - tả thực :

Hòa lò ai cũng có riêng rồi,

*Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi ;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.*
(*Sinh hoạt trong tù*)

Kết hợp những bài thơ mà Lê Hữu Mục gọi là "phong cách đối tục" này lại, ta có thể hình dung được rất cụ thể, chi tiết, như xem một cuốn phim tài liệu, bộ mặt của nhà tù và một phần xã hội Trung quốc hồi 1942, 1943.

Nhưng có một loại sự thật khác : ấy là diễn biến tư tưởng và tâm trạng của tác giả khi một mình đối diện với thiên nhiên hay với bản thân mình. Đối với sự thật này, tất nhiên phải dùng lối thơ hướng nội, bút pháp trữ tình - một thứ nhật ký tâm sự, nhật ký tư tưởng. Kết hợp những bài này lại, ta lại được chiêm ngưỡng một bức chân dung tinh thần tự họa rất rõ nét và sinh động của nhà thơ.

Ở loại bài thứ nhất, người ta thấy, trong nhà thơ Hồ Chí Minh, có nhà báo Nguyễn Ái Quốc hết sức sắc sảo trong bút pháp ký sự, phóng sự và nghệ thuật mĩa mai, châm biếm.

Ở loại bài thứ hai, ta lại thấy ở nhà thơ cách mạng, sự tiếp nối truyền thống thi ca lâu đời của phương Đông, của dân tộc, từ Lý Bạch, Đỗ Phủ... đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến v.v..

*
* *

Sự nghiệp văn học Hồ Chí Minh là một đối tượng lớn đòi hỏi được nghiên cứu lâu dài. Hiện nay vẫn còn có những ý kiến khác nhau về một số tác phẩm của Người cần được đưa ra thảo luận trên tinh thần khoa học nghiêm túc. Vì thế, xuất bản bộ **Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh** là một việc làm bổ ích. Lê ra bộ sách nên có một bài tựa nghiêm chỉnh phát biểu quan niệm của những người biên soạn về khái niệm "*Sự nghiệp văn học Hồ Chí Minh*", về các tiêu chí phân loại và tuyển chọn. Thiếu một quan điểm chỉ đạo như thế, các tác giả bộ sách không tránh khỏi lúng túng và thiếu nhất quán. Người ta thấy bộ sách có chỗ thiếu (văn chính luận), lại có chỗ thừa (phần thơ không tuyển mà in toàn bộ). Tập II (về quan điểm văn hóa văn nghệ) có vẻ tham lam và bối rối... Mong rằng, khi tái bản, bộ sách sẽ được biên soạn tốt hơn nữa □

Từ chủ biến thành khách

VŨ PHÒNG

CÁCH đây chục năm, tôi đã có dịp về thăm và làm việc với nhà máy C. Huy bạn thân của tôi là bí thư đảng ủy kiêm giám đốc nhà máy. Như thế, Huy là chủ, còn tôi là khách.

Hôm nay, nghe tin nhà máy liên doanh với nước ngoài, làm ăn khá, tôi đến tìm hiểu tình hình và tiện thể thăm Huy. Giám đốc (là người nước ngoài) và Huy (bây giờ là bí thư đảng ủy kiêm phó giám đốc) cùng tiếp tôi. Trong khi làm việc, tôi hỏi Huy điều gì, anh cũng trả lời: "Mình cũng là khách như ông thôi". Thậm chí tôi hỏi giám đốc về quan hệ của ông ta với tổ chức đảng trong nhà máy, Huy cũng liếc mắt nhìn và hích nhẹ vào vai tôi ngầm ý bảo tôi rằng đừng động đến chuyện đó. Ngược lại, giám đốc nghe tôi hỏi thì cười và chỉ tay về phía Huy mà nói: Điều đó, ông hỏi ngài Huy đây sẽ rõ... Tôi chờ Huy nói, nhưng anh lại từ chối khéo là muộn giờ rồi, ta đi xem dây chuyền sản xuất, kéo công nhân thay ca...

Buổi làm việc kết thúc, ra về tâm trí tôi có gì như hột hăng. Vì sao nhà máy của mình, công nhân của mình và Huy bạn tôi, một giám đốc không kém cỏi, một cán bộ từng trải, đã qua bao thử thách mà khi liên doanh với người nước ngoài lại phải hạ mình, tự ty đến thế! Tôi quyết định đến thăm Huy ở nhà riêng vào buổi tối. Căn nhà Huy ở một ngõ nhỏ ngoại ô, đã xây lại, phòng khách khang trang hơn trước, có sa lông, có máy lạnh. Anh mời tôi uống bia lon thay cho

nước chè xanh, thứ nước mà tôi và anh khi còn trong quân ngũ thường nói với nhau rằng đó là thứ nước giải khát hạng nhất. Sau vài câu hỏi thăm, hàn huyên gia đình và bạn bè, tôi chủ động hỏi Huy: Thu nhập độ này chắc khá hơn? Huy vừa bật nút bia, vừa trả lời: Có hơn; không hơn thì liên doanh làm quái gì? Thấy anh nói tới chuyện liên doanh, tôi hỏi luôn: Nhà máy mình liên doanh bao nhiêu năm? Huy trả lời: 20 năm. Tôi lại hỏi: Tỷ lệ góp vốn thế nào? Huy đáp: mình 40, họ 60. Tôi hỏi tiếp: mình có 40% vốn, tại sao hỏi cái gì, ông cũng nói là không biết. Huy không trả lời ngay mà hỏi lại tôi: Ông đã học thêm về kinh tế thị trường chưa? Trong làm ăn bây giờ ại nhiều tiền là người đó nắm tất cả! Tôi ngắt lời Huy: Đó là ngoài thương trường, còn trong liên doanh phải có thỏa thuận chứ. Nếu liên doanh mà mình mất chủ quyền thì liên doanh làm gì. Huy nhìn thẳng vào tôi và nói: Thế thì nghỉ khôc, nhà máy đóng cửa, việc làm không có, công nhân về cuộc vườn. Tôi im lặng, vì nghe Huy nói cũng có lý. Thấy tôi im, Huy nói tiếp: Ông không biết chứ vừa rồi mình đã phải tìm mọi cách, chạy ngược, chạy xuôi, cầu xin qua bao nhiêu cửa mới có liên doanh này đây. Có liên doanh mới có vốn, mới đổi mới được thiết bị, hàng hóa làm ra họ bao tiêu, thị trường ổn định và công nhân mới có việc làm, đời sống mới khá lên. Mà để có được những điều đó, mình phải chịu làm phó, họ làm trưởng, mình chịu làm khách để họ làm chủ. Mà

đã làm trưởng, làm chủ thì họ quyết định tất cả. Điều đó chắc ông hiểu? Tôi đáp: Mình hiểu, rất hiểu, nhưng không vì thế mà phía nhà máy mình nhún nhường mãi, chịu là khách mãi, các ông phải có trách nhiệm với 40% cổ phần của nhà nước mình trong liên doanh, có trách nhiệm với công nhân của mình chứ?

Huy trầm ngâm lúc lâu rồi thung thung nói: Ai chả biết thế, nhưng nhiều việc khó khăn lắm ông ơi! Nếu ông ở địa vị mình, ông sẽ thấy.

Biết Huy ở vào thế bí, không nỡ hỏi anh quá nhiều, tôi lảng sang chuyện khác. Ông vẫn thích đọc sách đấy chứ? Anh trả lời: vẫn còn, chẳng những thế còn đọc hơn cả trước kia. Tôi rút trong cặp ra tặng anh cuốn sách "Mẹo cạnh tranh và chiến thắng trong kinh doanh". Tôi nói: biểu ông cuốn sách này, đọc cho vui thôi. Trong này họ nói ối mẹo vặt, có cả mẹo từ khách biến thành chủ, từ chủ biến thành khách đấy...

Huy tiễn tôi ra cửa, tôi nắm chặt tay Huy và nói: Mình liên doanh nhưng nước mình là nước có chủ quyền; nhà nước có luật pháp, công nhân là của chúng ta, chúng ta lại có 40% vốn. Phía liên doanh, họ có mục tiêu lợi nhuận, họ cũng muốn làm ăn lâu dài. Dù họ có làm giám đốc, có nhiều vốn thì họ cũng làm ăn trên đất nước ta, phải tuân theo luật pháp của ta, đôi bên cùng có lợi. Trong nhà máy, ta có đảng bộ, có công đoàn, có đoàn thanh niên là hậu thuẫn rất lớn, làm gì mà phải hạ mình quá vậy. Mình nghĩ rằng Huy không phải chỉ là khách như câu nói mà là người chủ, chủ thật sự.

Huy nắm tay tôi rất lâu và rồi anh lắc lắc tay tôi rất mạnh. Huy nói, mình hiểu ý ông, ông đến thăm mình thật đúng lúc, đồng đội chúng mình lúc nào cũng có nhau phải không?



KINH NGHIỆM QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ Ở CÁC NƯỚC ASEAN

NGUYỄN DUY HÙNG *

MỘT trong những bí quyết thành công của nền kinh tế các nước ASEAN trong ba thập kỷ qua là sự quản lý có hiệu quả của nhà nước đối với quá trình kinh tế. Tuy nhiên, kết quả đạt được ở mỗi nước không giống nhau vì nó tùy thuộc vào mức độ và cách thức quản lý, sự điều tiết của nhà nước và đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của mỗi nước. Từ thực tế ở các nước ASEAN, chúng ta có thể rút ra một số vấn đề chung về sự quản lý vĩ mô của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở các nước này như sau :

1 - Định hướng chiến lược đúng đắn đóng vai trò tiên quyết đối với sự phát triển kinh tế của mỗi nước

Những năm 50 và 60, các nước ASEAN đều thực hiện chiến lược "Phát triển thay thế nhập khẩu", nhằm giảm bớt sự phụ thuộc đối với hàng nhập khẩu từ bên ngoài. Các nước này đã tìm cách hạn chế đến mức tối đa hàng thành phẩm công nghiệp nhập từ các nước công nghiệp phát triển, tập trung phát triển một số ngành công nghiệp trong nước thay thế hàng nhập, mở rộng thị trường nội địa, tận dụng tối đa vốn đầu tư từ trong nước.

Các nước này đều chú ý đầu tư xây dựng thêm nhiều ngành và cơ sở công nghiệp quốc doanh. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế thấp, vì trong điều kiện nền kinh tế "mở", hàng hóa sản xuất trong nước không thể cạnh tranh được với hàng hóa nước ngoài. Kết quả là, các nước này vẫn phải tiếp tục nhập khẩu các loại nguyên liệu, kỹ thuật, thiết bị máy móc từ bên ngoài và nền kinh tế của họ ngày càng lệ thuộc

chặt chẽ hơn vào các nước công nghiệp phát triển .

Tình trạng đó đã hạn chế sự phát triển kinh tế, làm cho các nước này (trừ Xin-ga-po) không hòa nhập được vào nền kinh tế thế giới. Đến giữa thập kỷ 60, kinh tế các nước ASEAN đã đi vào tình trạng bế tắc, lạm phát và giá cả tăng không kiểm soát được, nợ nước ngoài ngày càng nhiều. Thị trường trong nước không được mở rộng, nhiều xí nghiệp trong nước bị phá sản do kinh doanh thua lỗ. Tất cả kéo theo sự mất ổn định chính trị - xã hội ở hầu hết các nước vào cuối thập kỷ 60.

Từ năm 1969, đặc biệt là sau Hội nghị ngoại trưởng chung lần thứ tư của Ủy ban kinh tế xã hội châu Á - Thái bình dương của Liên hợp quốc (ESCAP), các nước ASEAN đã tìm ra một chiến lược mới : "Phát triển theo hướng xuất khẩu". Sự thay đổi chiến lược này nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn và công nghệ tiên tiến từ bên ngoài vào việc khai thác mọi tiềm năng của mỗi nước, tập trung phát triển những ngành công nghiệp có thể xuất khẩu được, từng bước cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường thế giới. Vì vậy, các ngành công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến hướng vào xuất khẩu có điều kiện phát triển nhanh, thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế đối ngoại. Chiến lược này phù hợp với nhu cầu của các nước đang phát triển cần nhiều vốn và công nghệ hiện đại, còn các nước phát triển lại có nhu cầu đầu tư và chuyển giao công nghệ đến các nước đang phát triển. Như vậy, mối quan hệ kinh tế giữa các nước được mở rộng trên nguyên tắc "hai bên cùng có lợi". Để thực hiện

* PTS, Ban tổ chức trung ương

chiến lược này, chính phủ các nước ASEAN đã rút kinh nghiệm trong việc điều chỉnh nền kinh tế, đã xây dựng và hoàn thiện một hệ thống điều tiết gồm các luật, chính sách kinh tế và các cơ quan nhà nước làm chức năng là công cụ điều tiết nhằm hướng dẫn, khuyến khích và kiểm soát sự phát triển của mọi thành phần kinh tế phù hợp với những mục tiêu đã đề ra.

2 - Nhà nước có chính sách thu hút vốn đầu tư từ các nguồn trong và ngoài nước, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài

Nguồn vốn đầu tư trong nước ở các nước này là khá cao chủ yếu do làm tốt việc khuyến khích tiết kiệm. Bảng dưới đây cho thấy điều đó.

**ĐẦU TƯ VÀ TIẾT KIỆM SO VỚI GDP
CỦA CÁC NƯỚC ASEAN THỜI KỲ 1971 - 1980
(trung bình hằng năm)
(Đơn vị : %)**

	Tổng số vốn đầu tư trong nước so với GDP	Tiết kiệm so với GDP
In-đô-nê-xi-a	24,8	22
Thái lan	25,9	22
Phi-líp-pin	26,7	23
Ma-lai-xi-a	20,5	28
Xin-ga-po	35,0	26

(Nguồn : *Vai trò nhà nước trong phát triển kinh tế các nước ASEAN*, Nxb Thống kê, Hà nội, 1993)

Tỷ lệ tiết kiệm đạt được như vậy là do chính phủ các nước đã có chính sách khuyến khích gửi tiền tiết kiệm, điều chỉnh lãi suất hợp lý. Nguyên tắc chung là lãi suất tiết kiệm *dương*, nghĩa là cao hơn mức lạm phát, mới khuyến khích gửi tiết kiệm cũng như sử dụng vốn vay có hiệu quả.

Tất cả các nước đều khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, kể cả xí nghiệp

vừa và nhỏ. Họ cho rằng có như vậy mới sử dụng được mọi nguồn vốn trong dân. Bởi vậy, trong tổng số vốn đầu tư cơ bản, vốn của tư nhân thường chiếm tỷ trọng lớn. Tỷ lệ đó ở Xin-ga-po năm 1968 là 58,5% ; năm 1971 : 74% ; năm 1973 : 68,6%. Ở Phi-líp-pin tỷ lệ vốn đầu tư của khu vực tư nhân năm 1965 là 92,6% ; năm 1970 : 90,9% ; năm 1988 : 82,9%.

Hình thức huy động vốn khác cũng khá phong phú và linh hoạt. Các hình thức cổ phiếu, trái phiếu, thị trường chứng khoán rất phát triển. Hoạt động của thị trường chứng khoán đã góp phần quan trọng vào việc huy động vốn, tạo điều kiện cho vốn di chuyển dễ dàng đến những khu vực kinh doanh có hiệu quả và bổ sung cho hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Nguồn vốn của tư bản nước ngoài được coi là yếu tố cơ bản để phát triển kinh tế các nước ASEAN. Nguồn vốn này bao gồm các khâu viện trợ, vốn vay để tự đầu tư và đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Các nước ASEAN cho rằng đầu tư trực tiếp có lợi hơn nên đặc biệt khuyến khích hình thức này. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào ASEAN tăng mạnh nhất là vào nửa cuối thập kỷ 70. Đầu tư trực tiếp không chỉ là nguồn bổ sung hết sức cần thiết mà còn góp phần vào quá trình chuyển giao công nghệ, giúp cho các nhà kinh doanh trong nước những kinh nghiệm quý về tổ chức quản lý.

Hình thức này cũng tạo khả năng hùn vốn nhanh hơn và giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ. Vì vậy các nước ASEAN đều có các chính sách mở cửa rộng rãi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nội dung cơ bản của chính sách đó như sau :

+ Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư bằng cách đề ra các chính sách ưu đãi bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho tư bản nước ngoài đầu tư và nhanh chóng phát huy vốn đầu tư. Các nước ASEAN đều đã sớm ban hành luật đầu tư nước ngoài, trong đó bảo đảm không quốc hữu hóa, xác định rõ quyền sở hữu kinh doanh của tư bản nước ngoài.

Nhà nước bảo hiểm đối với đầu tư nước ngoài, không hạn chế đầu tư vào các ngành

then chốt, miễn là đầu tư nhiều vốn, dùng nhiều nhân công, có kỹ thuật hiện đại và quy trình công nghệ mới, dùng nguyên liệu bản địa.

Các đối tượng kinh doanh đó còn được hưởng ưu đãi về tài chính như miễn thuế, bảo đảm cung cấp nguồn lao động ổn định và rẻ, cho phép tự do hồi hương vốn và lợi nhuận. Riêng ở Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a, nhà nước không hạn chế tỷ lệ cổ phần của nước ngoài trong các ngành sản xuất.

+ Tạo không khí ổn định chính trị, môi trường kinh doanh thuận lợi cho các hoạt động của các công ty tư bản nước ngoài. Thực hiện chế độ nhập cảnh, thậm chí cả việc cư trú dễ dàng đối với các nhà tư bản công nghiệp và chuyên môn kỹ thuật nước ngoài.

+ Xây dựng trước các cơ sở hạ tầng có sẵn hệ thống cung cấp điện nước, nhà ở, bưu điện, kho tàng, giao thông thuận lợi, cho thuê với giá rẻ, nhằm giúp các nhà đầu tư nước ngoài nhanh chóng đi vào hoạt động sản xuất, rút ngắn vòng quay vốn.

+ Lập ra các khu vực mậu dịch tự do hoặc "khu công nghiệp chế biến xuất khẩu", "khu công nghiệp tự do" để thực hiện toàn bộ các biện pháp nói trên.

3 - Nhà nước thực hiện chính sách bảo đảm ổn định tài chính - tiền tệ

Mục tiêu của chính sách tài chính - tiền tệ là bảo đảm ổn định tiền tệ và hạ thấp tỷ lệ lạm phát.

Việc thực hiện một cách linh hoạt, mềm dẻo các chính sách thuế và tín dụng như : nới lỏng hàng rào thuế quan, miễn giảm thuế và có lãi suất ưu đãi đối với hàng xuất khẩu... đã có tác dụng kích thích sản xuất và xuất khẩu. Các biện pháp mà chính phủ các nước ASEAN thường sử dụng để ổn định tiền tệ và chống lạm phát là : thực hiện có hiệu quả việc thu thuế, tăng cường xuất khẩu để tăng thu cho ngân sách, dùng quỹ phát hành để bù đắp bội chi, tăng tỷ lệ lãi suất tiền gửi và tiền vay ngân hàng, khuyến khích hạn chế chi dùng... Nhờ đó, các nước ASEAN đã kiểm soát được lạm phát và ổn định tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy

phát triển và tăng trưởng kinh tế một cách liên tục.

Chính sách và các giải pháp kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ được coi là biện pháp tổng hợp nhất của các biện pháp điều tiết vĩ mô, nó có ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Ở các nước ASEAN, lạm phát chủ yếu là do chi của ngân sách quá lớn, duy trì bao cấp, đặc biệt là qua tín dụng (lãi suất thấp hơn mức lạm phát) và do phần đầu tư của nhà nước lớn mà hoạt động kém hiệu quả. Điển hình là ở In-đô-nê-xi-a, năm 1967 mức lạm phát tới 650%. Đến nay, tuy còn lạm phát ở mức độ nhất định 3 - 5% mỗi năm, nhưng nhìn chung các nước ASEAN đã kiểm soát được lạm phát.

Ma-lai-xi-a đề ra các biện pháp chống lạm phát như : tăng tỷ lệ lãi suất tiền gửi và tiền vay ngân hàng, ấn định số lượng tiền mặt dự trữ tăng lên ở các ngân hàng thương mại và kho dự trữ, giới hạn tín dụng cao nhất đối với các ngân hàng thương mại và các công ty tài chính, khuyến khích hạn chế chi dùng...

4 - Nhà nước điều tiết thu nhập

Thực tế ở các nước ASEAN cho thấy, giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Tăng trưởng kinh tế không chỉ dẫn đến sự giàu có chung của đất nước, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để giúp các nhóm thu nhập, thực hiện việc giảm và xóa bỏ đói nghèo. Không thể có tăng trưởng kinh tế lâu dài nếu không áp dụng chính sách phân phối hợp lý ; phân phối thu nhập một cách tự phát tất yếu dẫn đến phân hóa, bất bình đẳng.

Có thể nói, các nước ASEAN có những thành công nhất định trong việc phân phối điều tiết thu nhập. Chính phủ Ma-lai-xi-a bằng việc thực hiện "chính sách kinh tế mới" và mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo đói, tiến tới xóa bỏ nghèo và cấu trúc lại nền kinh tế - xã hội, đã đưa đến kết quả là tỷ lệ người sống dưới mức nghèo khổ giảm từ 49,3% (năm 1970) xuống 17% (1990) và 13,5% (1993).

5 - Nhà nước điều tiết hợp lý các thành phần kinh tế

Mặc dầu các nước ASEAN đều nhấn mạnh đến sự cần thiết của tư nhân hóa nhưng các doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vai trò chủ yếu trong các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Ở nhiều nước, khu vực kinh tế quốc doanh đóng vai trò mở đường trong một số khâu quan trọng nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nhà kinh doanh tư nhân nhanh chóng phát huy được hiệu quả đầu tư sản xuất như : xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, đảm nhận các dịch vụ thông tin, tiếp thị, giáo dục, đào tạo và một phần nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới.

Sự đóng góp của các xí nghiệp quốc doanh không chỉ có tác dụng thúc đẩy nhanh chóng quá trình biến đổi cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh việc tiếp thu kỹ thuật mới, mà còn góp phần quan trọng vào việc giải quyết việc làm và tạo ra một phân nguồn thu cho ngân sách.

Tuy nhiên, khu vực quốc doanh ở tất cả các nước ASEAN đều hoạt động kém hiệu quả. Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này : *một là*, do cơ chế hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh chưa thích ứng với tình hình mới ; *hai là*, bộ máy quản lý công kênh, kém năng động, lại thường được hưởng các quy chế ưu đãi nên không chịu sức ép của cạnh tranh trên thị trường ; *ba là*, xí nghiệp quốc doanh ít quyền tự chủ hơn vì họ phải gắn với nhiều cấp quản lý, sự phụ thuộc này không chỉ bắt nguồn từ các nhiệm vụ kinh tế mà còn do nhà nước giao cho những trách nhiệm mang tính chất xã hội nên thường không đề cao hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, các hiện tượng tham nhũng cũng thường xảy ra, làm hạn chế kết quả của các hoạt động kinh doanh.

6 - Nhà nước có chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, nhà nước các nước ASEAN đều chú trọng thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng :

- Đầu tư thích đáng cho giáo dục đào tạo, coi đây là quốc sách quan trọng. Ngoài việc tăng kinh phí từ ngân sách cho giáo dục đào tạo, chính phủ còn huy động vốn trong xã hội, thu hút đầu tư nước ngoài thông qua đa dạng hóa giáo dục đào tạo. Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a đặc biệt chú trọng giáo dục năng khiếu, phát triển nhân tài. In-đô-nê-xi-a và Thái lan thực hiện có hiệu quả việc đa dạng hóa giáo dục đào tạo. Chi phí của Nhà nước In-đô-nê-xi-a cho giáo dục đào tạo so với tổng nguồn chi tăng từ 9% (1969 - 1974), 17,6% (1984 - 1989) lên 21% (1990 - 1995).

- Đào tạo đi trước một bước để tạo tiền đề thúc đẩy phát triển, tăng trưởng kinh tế.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn lao động được đào tạo và trả lương thích đáng cho những lao động có trình độ, bảo đảm tái sản xuất, mở rộng sức lao động.

Chính phủ Xin-ga-po đã đưa ra một hệ thống bảo đảm gia tăng tiền lương của người lao động gắn với năng suất lao động của cá nhân và kết quả hoạt động của công ty. Chính phủ chấp nhận sự chênh lệch cần thiết giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp nhằm tạo ra đòn bẩy kích thích nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng.

Bên cạnh những thành công nói trên, việc mở rộng vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường ở các nước ASEAN đôi khi cũng dẫn đến sự thất bại : nhà nước đề ra các mục tiêu quá lớn dẫn đến mất cân đối của nền kinh tế ; những quyết định không đúng của nhà nước gây thiệt hại cho nền kinh tế. Bộ máy hành chính nhà nước không trong sạch dẫn đến tệ tham nhũng làm mất hiệu quả của thị trường...

Điều đáng lưu ý là quá trình nhà nước điều tiết nền kinh tế ở In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin trong giai đoạn chuyển đổi chiến lược phát triển kinh tế là nghiêng về điều tiết nền kinh tế trong nước thích ứng với thị trường bên ngoài, chủ yếu là thị trường tư bản chủ nghĩa, hơn là thích ứng với thị trường nội địa. Do đó, khi nền kinh tế thế giới suy thoái và khủng hoảng đã tác động tiêu cực trở lại nền kinh tế ở các nước này...

QUẢNG CÁO



SAIGONTOURIST

LỚN LÊN CÙNG VIỆT NAM



HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- * 53 Khách sạn với 2549 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- * 41 nhà hàng & 4 khu du lịch, 1 sân golf.
- * Dịch vụ lữ hành chuyên nghiệp (trong và ngoài nước)
- * Xuất nhập khẩu - Vận chuyển - Xây dựng - Đầu tư & liên doanh

Xin liên hệ :

49 Lê Thánh Tôn, Q.1 - TP.HCM, ĐT : 8298914 - 8298129 - 8230101



SAIGONTOURIST

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI VIII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VIỆT NAM VIETNAM AIR SERVICES COMPANY

VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH HÀNG HÓA VÀ THUÊ CHUYỂN
TRANSPORT OF PASSENGERS / FREIGHT / CHARTER

FLIGHT SCHEDULE

(Effective from October, 95 to next notice date)

From HO CHI MINH CITY	Flight N°	ETD	ETA
To CA MAU Wednesday, Saturday	VF611	0730	0900
To CON DAO Tuesday, Thursday, Saturday	VF620	0830	0910

To HO CHI MINH CITY	Flight N°	ETD	ETA
From CA MAU Wednesday, Saturday	VF612	0930	1100
From CON DAO Tuesday, Thursday, Saturday	VF621	0930	1010

From SINGAPORE	Flight N°	ETD	ETA
To VUNG TAU Wednesday	VF501	0830	0945

From VUNG TAU	Flight N°	ETD	ETA
To SINGAPORE Wednesday	VF502	1430	1745

DỊCH VỤ BAY THUÊ CHUYỂN :

Thực hiện các chuyến bay thuê chuyển trên toàn lãnh thổ VN và các nước Đông Nam Á. Sẵn sàng phục vụ 24/24^h bằng các loại máy bay :

JET STREAM 31 - JET STREAM 41

KING AIRB 200

ANTONOV 30 - ANTONOV 2

* Booking offices :

- In HCMC : ♦ 114 Bach Dang St., Tan Son Nhat Int'l Airport, Tan Binh Dist., HCMC
☎ 445999 ; 422790 / 314 ; 443179 / 2883
- In Vung Tau : ♦ 4 Le Loi - Vung Tau
☎ (0164) - 56279
- In Ca Mau : ♦ 5A Bay Thien St. - Ca Mau
☎ (0178) - 36436 ; (0178) - 36410.
- In Con Dao : ♦ 3 Nguyen Hue - Con Dao
☎ (0164) - 30110 ; (0164) - 30157

Trong các giải pháp bay được chú trọng khai thác, các nhà lãnh đạo VASCO và đích thân TGD đã có những kế hoạch chắc chắn và bảo đảm hệ số an toàn cao nhất với các máy bay hiện đại hàng đầu thế giới về thông số kỹ thuật và tiện nghi cũng như các phi công đã qua thử thách tới gần 3000 giờ bay - VASCO với các chuyến bay du lịch taxi và đặc biệt bay cấp cứu kịp thời, nhanh và chuẩn xác - các chuyên gia giàu kinh nghiệm ở đây đã tiến hành thành công nhiều đợt trong các điều kiện thời tiết biến động và các biểu thời gian thất thường.

Với phương án tăng cường thuê chuyển và chế độ bảo hiểm - cả hành khách lẫn máy bay - VASCO đã tạo được các quan hệ đối tác tín nhiệm, cũng như mối yên tâm ở nhiều đơn vị và cá nhân khách bay. Đó là thời cơ thuận lợi cho VASCO những năm sau này...



CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN

Số 7 - Lê Minh Xuân -
Q. Tân Bình - TP HCM

ĐT : 8640800

Fax : 84-8-645085

VỐN KINH DOANH :
73.000.000.000 đ VN

VỐN PHÁP ĐỊNH :
46.400.000.000 đ VN



CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG :

Sản xuất quần áo may sẵn các loại :

- Sản lượng quy đổi sơ mi bình quân năm 15.000.000 chiếc
- Sản phẩm chủ yếu : áo sơ mi nam, nữ, quần tây, jacket
- Với 8.000 lao động và hơn 3.500.000 máy may các loại

CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC :

- Các xí nghiệp may : 12
- Xí nghiệp hợp tác sản xuất kinh doanh : 02
- Xí nghiệp liên doanh trong nước : 04

CÁC XN HỢP TÁC LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI : 07

- Liên doanh với Hồng Kông : 04
- Liên doanh với Đài Loan : 02
- Liên doanh với Anh : 01

THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ : Gồm 21 nước trên thế giới

- Các nước châu Á 37,45%
- Các nước châu Âu 61,85%
- Các nước Bắc Mỹ 0,70%

TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM - BỘ THƯƠNG MẠI GENERAL CORPORATION OF FOOD VIETNAM GENECOFOV

64 BÀ HUYỀN THANH QUAN - QUẬN 3 - TP. HCM

TEL : 230412 - 293366 - 293375

TELEX : 811420 - GECOFO VT. FAX : 84.8.295428

CHỨC NĂNG KINH DOANH :

- Chế biến và xuất khẩu : Nông sản, thủy hải sản đông lạnh, rau quả và các loại thực phẩm khác.
- Nhập khẩu : đường, sữa, bia, bánh kẹo, dầu ăn, vật tư, nguyên liệu phục vụ cho chế biến thực phẩm
- Bán buôn các mặt hàng nông sản thực phẩm, bia rượu, bánh kẹo ... được sản xuất trong nước với chất lượng cao.
- Dịch vụ nhà khách và ăn uống.
- Liên doanh đầu tư với nước ngoài, sản xuất và chế biến thực phẩm.

CÁC CƠ SỞ CHÍNH

- Chi nhánh tại Hà nội :

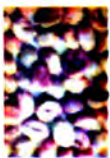
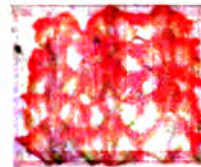
CHI NHÁNH BÁN BUÔN THỰC PHẨM

Địa chỉ : 210 - Trần Quang Khải - Hà nội

Tel : 01.4265415 - 01.4256089

Fax : 84.4.255354

- Các cửa hàng và trung tâm bán buôn bán lẻ tại TP. Hồ Chí Minh :



a/ CỬA HÀNG THỰC PHẨM HOA HỒNG

195 - Nam kỳ khởi nghĩa - Q3 TP. HCM

TEL : 291760 - 200344

b/ CỬA HÀNG C5 - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI LÝ THƯỜNG KIỆT QUẬN 10

TEL : 642345

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT LONG AN



Công ty xổ số kiến thiết Long An

GIÁM ĐỐC

Bà : Lê Thùy Liêm

Địa chỉ :

7C đường Cần Đốt
Phường 2 - Thị xã Tân an

Điện thoại :

(0.72) 8.26495 - 8.26441

- Công ty xổ số kiến thiết Long an là đơn vị có tầm hoạt động rộng ở các tỉnh phía Nam, lượng vé số phát hành hàng năm đều tăng, đạt kết quả kinh doanh tốt, đóng góp từ 25% đến 30% cho nguồn thu ngân sách địa phương và tạo việc làm cho nhiều lao động ở các nơi thông qua hoạt động tiêu thụ vé số.

Năm 1994 doanh thu Công ty đạt 142 tỉ, nộp ngân sách 51,149 tỉ đồng (119% kế hoạch), sang năm 1995 đạt doanh thu 171,38 tỉ đồng, nộp ngân sách 60,027% tỉ đồng.

- Công ty xổ số kiến thiết Long an thực hiện tốt các công tác xã hội ; từ thiện từ quỹ phúc lợi : xây 26 nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, nhận phụng dưỡng 11 bà mẹ Việt nam anh hùng, cứu trợ bị lũ lụt v.v.

- Từ những thành tích đạt được đ/c giám đốc và Công ty được nhận 2 huân chương lao động hạng thưởng xứng đáng và động viên cho đơn vị.



BƯU ĐIỆN

TỈNH

LONG AN

GIÁM ĐỐC :
Ông TRẦN TẠO



Thực hiện chương trình tăng tốc của ngành, trong 3 năm qua Bưu điện Long an đã đầu tư gần 100 tỉ đồng xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật chuyên ngành hiện đại đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin liên lạc "Trung tâm BCVT Long an" của nhân dân, các ngành kinh tế, kỹ thuật, an ninh quốc phòng v.v.

Đến năm 1993 Long an có 3324 máy điện thoại hiện nay phát hành 10.000 máy, đạt 0,91 máy/100 dân, đạt 100% số xã có điện thoại tự động.

Thực hiện kế hoạch tăng tốc giai đoạn 1 (1993 - 1995) tốc độ phát triển đã vượt năm cộng lại.

Thu qua các năm :

1990 : 1,163 tỉ đồng ; phát triển được 120 máy điện

1991 : 2,010 tỉ	"	255	"
1992 : 3,22 tỉ	"	618	"

1993 : 5,8 tỉ	"	1075	"
1994 : 12,16 tỉ	"	2836	"
1995 : 21,02 tỉ	"	3550	"

Với những thành tích đạt được, từ năm 1990 đến nay Bưu điện Long an đã nhận các phần thưởng : 9 cờ thi đua xuất sắc của Tổng cục Bưu điện và UBND Tỉnh, 7 bằng khen trong đó có bằng khen của Thủ tướng chính phủ về thành tích sản xuất.



Trung tâm bưu chính viễn thông Long an

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 11
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 07-08-96
Tạp chí công san : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam



11
6-1996

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ PETEC



TRỤ SỞ CHÍNH : 194 NAM KỶ KHỞI NGHĨA, Q3, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel : 8 299299/8 293633. Fax : 84-8-299686/225991. Tlx : 811251/811241 PET VT.
CHI NHÁNH HÀ NỘI : 26 TẦNG BẠT HỒ, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI.
Tel : 8 259839/8 256157. Fax : 84-4-266873. Tlx : 412411 PET HN.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH: XUẤT KHẨU :

- **GẠO** : Xuất khẩu trực tiếp các loại gạo có chất lượng cao (từ 5% đến 25% tấm). Công ty có hệ thống các xí nghiệp chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu hoàn chỉnh tại Cần Thơ, Long An và thành phố Hồ Chí Minh.
- **CÀ PHÊ** : Xuất khẩu trực tiếp các loại cà phê hạt. Nhận ủy thác, góp vốn đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị sản xuất và xuất khẩu cà phê trong cả nước trên lĩnh vực : trồng, chế biến và xuất khẩu cà phê.
- Các hàng hóa nông sản và hàng tiêu dùng khác.

NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI TRÊN TOÀN QUỐC:

- Các loại xăng dầu đạt tiêu chuẩn quốc gia : xăng (MOGAS 92RON, 83RON), dầu DO, dầu FO (hàm lượng lưu huỳnh thấp), dầu hỏa, dầu nhớt, khí đốt.
- Xi măng, sắt thép, phân bón, các sản phẩm hóa chất công nghiệp.
- Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ các ngành kinh tế.
- Công ty có hệ thống kho chứa (hóa chất, sản phẩm xăng dầu) và cầu cảng hoàn chỉnh có thể tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 tấn tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng.

ĐẦU TƯ :

- Góp vốn đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong nước về các lĩnh vực : Bảo hiểm, ngân hàng, vận chuyển hàng khách, vận chuyển xăng dầu...,



Trụ sở chính công ty PETEC tại TP. HCM

Xí nghiệp xăng dầu Cát Lái (thuộc công ty PETEC) tại TP.HCM.



PHƯƠNG CHÂM
KINH DOANH
HỢP TÁC
CHẤT LƯỢNG
HIỆU QUẢ



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 497

BỘ BIÊN TẬP : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII	VŨ OANH - Mấy vấn đề về xây dựng lý tưởng cho thanh niên hiện nay	3
	VĂN TIẾN DŨNG - Đôi điều rút ra từ thực tiễn lãnh đạo chiến tranh cách mạng của Đảng	7
	NGUYỄN KHẮC HIỀN - Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế	11
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HOÀNG CÔNG - Có thể giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường không ?	15
	DƯƠNG BÀ PHƯỢNG và NGUYỄN ĐÌNH LONG - Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội	18
	NGHIÊM HƯNG - Họ muốn gì khi đồng nhất vấn đề sở hữu với dân chủ và nhân quyền ?	23
	VŨ DUY THÔNG - Thơ kháng chiến - tài sản thơ dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng	26
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	BÙI QUANG HUY - Công cuộc đổi mới ở Trà vinh - Thành tựu và hướng phát triển	31
	*** Đảng bộ thành phố Nam định trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 (Phỏng vấn đồng chí Nguyễn Phú Hậu, bí thư Thành ủy Nam định)	34
	NGUYỄN HUY TÍNH - Hà Bắc với phong trào soạn thảo và thực hiện "Quy ước làng văn hóa"	39
ĐIỀU TRA	DOÃN CÔNG KHÁNH và NGUYỄN ĐỨC THẮNG - Thị trường nông sản ở Bắc bộ	43
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TRUNG THỰC - "Vô tình hữu đạo"	46
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	TRẦN TÔ TỬ - Đừng để sự "đối vốn" thay cho sự "đối nhân"	47
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN XUÂN SƠN - Sức sống của một phong trào	49
	PHAN HUYỀN TRẦN - Kể chuyện Mê-hi-cô : Người giàu cũng khóc	52
QUA SÁCH BẢO NƯỚC NGOÀI	* * * Mỹ la tinh : Tương lai trắc trở	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Viện trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị bàn về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ở các tỉnh Nam bộ	60

СОДЕРЖАНИЕ

К 8^{ому} Всенациональному Съезду Партийных Представителей. Ву Оань - Некоторые проблемы об орформлении идеалов для нынешней молодежи. Ван Тиен Зунг - Некоторые уроки, извлеченные С практики партийного руководства революционной Войной. Нгуен Хак Хиен - Совершенствование системы налогов. Исследование - Обмен мнениями Хоанг Конг - Удастся ли удерживать социалистическую ориентацию В рыночном механизме ? Зыонг Ба фыонг и Нгуен Динь Лонг - Отношение между экономическим развитием и социальной справедливостью Нгием Хынг - Чего желают когда оторже ствляють собственноть с демократией и правом человека ? Ву Зуй Тхонг - Поэзия, созданная Во время войн сопротивления - художественное Богатство нашего народа, руководимого партией Мур : Проблемы, события Нгуен Суан Шон - Жизнеспособность одной кампании. Фан Хуен Чан - Рассказ о Мехике : Даже Богатые нлачут.

CONTENTS

Towards the VIII National Delegate Congress of the Party. VU OANH - Some problems of building up the ideal for the present youth. VAN TIEN DUNG - Some lessons experienced from the reality of the Party leadership during the revolutionary war. NGUYEN KHAC HIEN - Improving the tax policy system. Research and exchange of opinion. HOANG CONG - Can the socialist orientation be preserved in the market economy mechanism ? DUONG BA PHUONG and NGUYEN DINH LONG - Relations between economic development and social justice. NGHIEM HUNG - What do they want when identifying problems of ownership with democracy and human right. VU DUY THONG - Resistance poem - a national poem property under the leadership of the Party. World : problems, events. NGUYEN XUAN SON - Vitality of a campaign. PHAN HUYEN TRAN - Telling a story of Mexico : Even the rich cry.

SOMMAIRE

Vers le VIII^e Congrès national du Parti. VŨ OANH - Sur l'éducation de l'idéal chez la jeunesse à l'heure actuelle. VÂN TIÊN DŨNG - Quelques leçons tirées de la pratique de la direction du Parti dans les guerres révolutionnaires. NGUYỄN KHẮC HIÊN - Perfectionner le système des politiques fiscales. Etudes - Echange de vues. HOÀNG CÔNG - Pouvons-nous maintenir l'orientation socialiste dans le mécanisme de marché ? DUƠNG BÁ PHƯƠNG et NGUYỄN ĐÌNH LONG - Le rapport entre le développement économique et la justice sociale. NGHIÊM HUNG - Que veut-on en identifiant la propriété avec la démocratie et les droits de l'homme ? VŨ DUY THÔNG - La poésie de résistance - patrimoine national sous la direction du Parti. Le monde : Problème, événements. NGUYỄN XUÂN SƠN - La force vitale d'un mouvement. PHAN HUYỀN TRẦN - Une histoire du Mexique : Les riches pleurent aussi.

SUMARIO

Hacia el VIII Congreso Nacional del Partido. VŨ OANH - Algunos problemas sobre la educación de la ideal para la juventud en la actualidad. VÂN TIÊN DŨNG - Algunas lecciones sacadas de la práctica de la dirección del Partido en las guerras revolucionarias. NGUYỄN KHẮC HIÊN - Perfeccionar el sistema de políticas de impuestos. Estudios - Intercambios. HOÀNG CÔNG - ¿Podemos mantener la orientación socialista en el mecanismo de mercado ? DUƠNG BÁ PHƯƠNG y NGUYỄN ĐÌNH LONG - La relación entre el desarrollo económico y la justicia social. NGHIÊM HUNG - ¿Qué se quiere al identificar la propiedad con la democracia y los derechos del hombre ? VŨ DUY THÔNG - La poesía de resistencia - patrimonio nacional bajo la dirección del Partido. El Mundo : Problemas y acontecimientos. NGUYỄN XUÂN SƠN - La fuerza vital de un movimiento. PHAN HUYỀN TRẦN - Una historia de México : Los ricos también lloran.

目錄

●迎接黨的第八次全國代表大會★★★武鶯：關於目前青年樹立理想的若干問題●文進勇：黨領導的革命戰爭實踐之所得●阮克賢：健全稅務政策體系●研究與討論★★★黃公：在市場機制中能否堅持社會主義定向？●楊伯鳳、阮庭龍：經濟發展和社會公平之間的關係●嚴興：他們混淆民主權、人權和所有權的企圖是什麼？●武維通：抗戰詩歌是黨領導下的民族詩歌財產●世界：問題與事件★★★阮春山：一個運動的生命力●潘玄珍：墨西哥故事〈富人也會哭〉

MẤY VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG LÝ TƯỞNG CHO THANH NIÊN HIỆN NAY

VŨ OANH *

I

Chuẩn bị hành trang cho thế hệ trẻ bước vào thời kỳ mới là một công việc cực kỳ to lớn, có ý nghĩa trọng đại. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) khẳng định: "Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước ta bước vào thế kỷ 21 có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không là tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ thanh niên. Công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, quyết định sự thành bại của cách mạng Việt nam". Rõ ràng vấn đề thanh niên và công tác vận động thanh niên mang tính chiến lược. Nó vừa cấp thiết, vừa cơ bản, vừa toàn diện và công phu. Nó bao gồm nhiều việc như nuôi dưỡng, giáo dục, rèn luyện, sử dụng, tức là phải chăm lo từ thể chất đến tinh thần, trí tuệ, nếp sống văn hóa cho thanh niên, để xây dựng một lớp trẻ hoàn thiện đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội. Vì vậy, xây dựng lý tưởng cho thế hệ trẻ là một việc quan trọng có ý nghĩa rất quyết định.

Lịch sử đã chứng tỏ rằng, thời đại nào cũng vậy, dân tộc nào cũng vậy, thế hệ đi trước luôn luôn coi việc xây dựng lý tưởng cho thế hệ đi sau là một công việc trọng đại. Dân tộc ta, ông cha ta có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này và những kinh nghiệm quý báu đó đã được Đảng ta nhân lên gấp bội, nhất là từ khi Đảng cầm quyền. Chính vì thế, từ năm 1930 đến nay, các thế hệ trẻ Việt nam luôn luôn có một lý tưởng cao cả vì độc lập của Tổ quốc, vì

tự do của dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội. Các thế hệ trẻ Việt nam đã hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, đấu tranh và công hiến qua các thời kỳ vận động cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội để thực hiện có hiệu quả lý tưởng cao đẹp đó. Hôm nay đất nước đã độc lập, thống nhất trọn vẹn và đang chuyển sang bước ngoặt mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, các thế hệ trẻ của các thời kỳ trước và hiện nay đã và đang đảm nhận trách nhiệm nặng nề trước đất nước, và phải tăng cường hơn nữa quá trình chuẩn bị cho các thế hệ tương lai.

Lý tưởng (đặc biệt với tuổi trẻ) có ý nghĩa quan trọng trong đời sống con người. Nó quyết định mục tiêu, con đường, phương pháp sống cho cả một đời người. Muốn có lý tưởng tốt đẹp, bản thân thế hệ trẻ phải chủ động học tập, rèn luyện, nhưng nếu thiếu sự nuôi dưỡng của gia đình, tập thể, bè bạn, xã hội, tức là thiếu sự chăm sóc của thế hệ đi trước, không tiếp nhận tốt truyền thống văn hóa dân tộc thì khó khăn nguy hiểm vô cùng. Bởi vậy toàn xã hội, toàn cộng đồng phải coi trọng và để nhiều công sức tâm huyết vào công việc này.

Vậy lý tưởng của tuổi trẻ Việt nam hiện nay ra sao? Có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh vấn đề này. Có người cho rằng thanh niên hiện nay hư hỏng nhiều quá, lý tưởng mờ nhạt, sống buông thả, chạy theo đồng tiền, chạy theo lối sống cá nhân. Lại có người cho

* Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng

rằng, không đến nỗi như thế, thanh niên hiện nay sống mạnh mẽ, họ đủ sức gánh vác các công việc của lịch sử giao phó... Hai loại ý kiến trên đều có phần đúng, song chưa phản ánh đầy đủ thực trạng và bản chất của tuổi trẻ hiện nay. Muốn đánh giá đúng cần có sự phân tích khoa học với thái độ bình tĩnh, thận trọng, phù hợp với đặc điểm tâm lý và hoàn cảnh sống của tuổi trẻ.

Trong số 72,7 triệu dân ở nước ta hiện nay, số người dưới 30 tuổi chiếm 69%, trong đó thanh niên (từ 15 đến 29 tuổi) có 20 triệu người, chiếm 27,5% ; thanh niên công nhân có khoảng 1,6 triệu, thanh niên nông thôn 15,5 triệu, thanh niên trí thức khoảng 250 000, thanh niên chiếm tới 85% trong lực lượng vũ trang, thanh niên là học sinh, sinh viên khoảng 1 288 nghìn người... Bước vào thời kỳ đổi mới, xóa bỏ cơ chế bao cấp, phát triển kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, thanh niên ta có nhiều thuận lợi, nhưng cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình vươn lên khẳng định và phát huy thế mạnh của tuổi trẻ. Trong bầu không khí chung của đổi mới, thừa hưởng truyền thống cách mạng của cha ông, được

Đảng, Nhà nước, xã hội, gia đình nuôi dạy có hệ thống, thanh niên hồ hởi, tin tưởng vào công cuộc đổi mới, tấm mình trong các mối quan hệ dân chủ, cởi mở. Nhưng mặt khác, chịu sự tác động mặt trái của kinh tế thị trường, một bộ phận không nhỏ thanh niên lúng túng, ngỡ ngàng trước ngưỡng cửa vào đời. Bởi vậy, nhìn nhận thanh niên, phong trào thanh niên và tổ chức chính trị của thanh niên trước tiên cần phải có cái nhìn sáng suốt, bình tĩnh và thông cảm.

Bước đầu phân tích tình hình tuổi trẻ chúng ta có thể rút ra một số nhận xét cơ bản là : tuyệt đại đa số thanh niên Việt nam hiện nay có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có trí thức, có sức khỏe, tin tưởng và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới đất nước. Lý tưởng cao đẹp mà thanh niên ta theo đuổi chính là lý tưởng cách mạng do Đảng vạch ra, là con đường đi tới tương lai của đất nước và dân tộc, đó là xây dựng một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa, giàu đẹp, vững mạnh, công bằng, văn minh. Nhờ vậy thanh niên ta đã vượt qua được nhiều thử thách khắc nghiệt để lập thân, lập nghiệp, để xây dựng và bảo vệ



Bộ đội binh đoàn Tây nguyên trồng cây cùng nhân dân địa phương

Ảnh : TTXVN

tổ quốc. Nhiều phẩm chất và tài năng của tuổi trẻ đã được xã hội cổ vũ, khuyến khích trên tất cả các lĩnh vực như an ninh, quốc phòng, khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh, y tế, giáo dục và văn hóa nghệ thuật... Những năm đầu đổi mới, nhất là những năm 1989 - 1991, trong lúc tình hình thế giới có nhiều đảo lộn, trong khi thanh niên và phong trào thanh niên Đông Âu và Liên xô (cũ) mất phương hướng, các tổ chức chính trị của thanh niên các nước ấy tan rã thì thanh niên ta về cơ bản vẫn vững vàng, và tự chủ. Phong trào thanh niên và tổ chức Đoàn thanh niên tuy có một số biểu hiện lúng túng trong việc tập hợp thanh niên và trong hoạt động thực tiễn nhưng quan điểm chính trị vẫn vững vàng, không dao động. Phải khẳng định, đây chính là một trong những thành công của việc xác định lý tưởng của tuổi trẻ Việt nam hôm nay. Tôi muốn nhấn mạnh điều này để khắc sâu thêm niềm tin yêu của toàn đảng, toàn dân, các thế hệ đi trước vào lớp trẻ hiện nay. Thanh niên hôm nay, họ không hề đứng ngoài chính trị. Công cuộc đổi mới đất nước đã cuốn hút họ vào đời sống chính trị. Thanh niên hôm nay quan niệm rất cụ thể và thiết thực về chí hướng của mình. Họ tước bỏ các từ ngữ hoa mỹ mà nói thẳng, nói rõ định hướng của mình là lập thân (tức là không ăn bám, dựa dẫm), lập nghiệp (tức là làm nên sự nghiệp cho bản thân, đất nước), bảo vệ độc lập tổ quốc, xây dựng tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tôi nghĩ rằng, lý tưởng đó, lẽ sống đó chính là lý tưởng mà Đảng và các thế hệ đi trước mong muốn trao lại cho thanh niên.

Cũng phải nói rằng, hiện nay vẫn còn một bộ phận thanh niên sống không có lý tưởng. Họ đã không hiểu hoặc xem nhẹ giá trị tốt đẹp của cuộc sống, của đạo lý, chạy theo lối sống tầm thường, dẫn tới những vi phạm thật đáng tiếc, hao phí tuổi thanh xuân, làm đau lòng gia đình và xã hội. Nhiều thanh niên chưa được tập hợp vào tổ chức, không được rèn luyện trong một môi trường tập thể, đồng đội, bạn bè tốt.

Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều, nhưng tựu trung có thể là do một số nguyên nhân sau đây :

- Về khách quan : Do có sự biến động phức tạp của tình hình quốc tế, do các thế lực thù địch tiến công bằng nhiều thủ đoạn, đặc biệt là thủ đoạn "diễn biến hòa bình". Mặt khác, mặt trái của cơ chế thị trường cũng tác động mạnh mẽ vào đời sống thanh niên.

- Về chủ quan : Đảng, Nhà nước ta mặc dầu đã có nhiều cố gắng phát triển kinh tế xã hội để có điều kiện chăm lo cho thanh niên, nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn chưa vượt qua được như : chưa lo đủ việc làm, chưa đáp ứng được yêu cầu rất mới, rất đa dạng, rất cao và việc học hành của thanh niên. Các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là Đoàn thanh niên còn nhiều lúng túng trong việc tập hợp thanh niên ; hoạt động mang nặng tính hình thức, coi nhẹ các nội dung sinh hoạt chính trị. Nhiều bậc phụ huynh còn khoán trắng việc giáo dục con em cho nhà trường và xã hội.

Việc chuẩn bị hành trang cho thế hệ trẻ hôm nay tiến vào tương lai còn nhiều điểm chưa thật tốt. Suy cho cùng, trước nhất trách nhiệm thuộc về tất cả chúng ta , thế hệ những người đi trước.

Từ nay đến năm 2000, tình hình thanh niên và công tác vận động thanh niên sẽ có nhiều chuyển động mới mẻ. Lao động trẻ được bổ sung liên tục hằng năm, do đó, trên tổng thể, lao động trẻ sẽ bị dư thừa. Sự dư thừa đó tập trung chủ yếu ở nông thôn. Chất lượng lao động trẻ cũng chưa thể đáp ứng kịp với nhịp độ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo bước tiến của xã hội, nhu cầu của tuổi trẻ phát triển đa dạng, phong phú và ngày càng cao. Tâm lý cá nhân phát triển theo hướng tự khẳng định. Sẽ có tình trạng phân hóa mạnh về thu nhập, lối sống, định hướng giá trị trong thanh niên. Nhiều vấn đề lớn đặt ra trong công tác giáo dục tuổi trẻ như : giáo dục bồi dưỡng kiến thức cơ bản, nghề nghiệp, việc làm, nâng cao thể lực, sức khỏe và chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh cho thanh niên... Tất cả những công việc ấy buộc chúng ta phải có những giải pháp mang tính chiến lược, khẩn trương và thận trọng.

II

Làm tốt công tác giáo dục lý tưởng sống cho thanh niên là một nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Có nhiều người cho rằng, cứ lo đủ việc làm cho thanh niên, cứ chăm sóc thanh niên no đủ là thanh niên sẽ sống tốt ngay. Quan niệm đó không đúng. Thực tiễn cho thấy, ở nhiều quốc gia, dù thanh niên có đủ việc làm, có ăn no mặc ấm nhưng không được giáo dục tốt thì vẫn hư hỏng, không thể nối nghiệp được cha ông. Cho nên giáo dục lý tưởng cho thanh niên bao giờ cũng là một công việc mang tính chiến lược.

Mục tiêu cơ bản của công tác giáo dục lý tưởng cho thanh niên hiện nay là hình thành một thế hệ con người mới có lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp. Lý tưởng đó không hề trừu tượng, xa vời mà nó đang được thực hiện từng bước, từng phần trong cuộc sống. Để giúp thanh niên vững tin vào lý tưởng sống đó, chúng ta cần chú ý một số vấn đề có tính nguyên tắc là :

1) Giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho thanh niên là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ chiến lược vận động thanh niên. Bởi vậy phải đặt nó trong các mối quan hệ giáo dục văn hóa, khoa học kỹ thuật, chăm lo việc làm, chăm lo các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi giải trí của thanh niên.

2) Phải giáo dục đầy đủ, có hệ thống cho thanh niên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm và đường lối cơ bản của Đảng ta về cách mạng Việt nam , đặc biệt là đường lối đổi mới của Đảng hiện nay. Có làm tốt nhiệm vụ này mới giúp cho thanh niên có nhận thức đúng, có hành động đúng trước sự tấn công của các thế lực thù địch, trước các cám dỗ của lối sống tầm thường.

3) Sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên và Đoàn thanh niên là nhân tố quyết định. Đổi mới chính sách thanh vận của Đảng ; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ; xây dựng Đoàn vững mạnh... phải được coi là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

4) Giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho thanh niên phải là nhiệm vụ của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, nhà trường và gia đình.

Theo mục tiêu và các nguyên tắc trên, trước mắt từ nay đến năm 2000, chúng ta cần tập trung vào *những nhiệm vụ cụ thể sau* :

- Ưu tiên chăm lo cho công tác giáo dục và đào tạo, đặc biệt chú trọng xóa mù chữ, giáo dục phổ thông, đào tạo nghề và đào tạo đại học. Toàn bộ ưu tiên này phải đạt được hiệu quả cao, tạo ra các điều kiện, mở ra các cơ chế và chính sách khuyến khích thanh niên học tập, phát triển tài năng. Phải coi trọng việc giáo dục chính trị và hoạt động chính trị trong nhà trường. Các bộ môn khoa học Mác- Lê-nin phải được tổ chức giảng dạy đồng thời ở tất cả các trường và coi như những môn văn hóa cơ bản.

- Việc làm cho thanh niên là quốc sách, vì vậy nhà nước cần có những chính sách, chủ trương cụ thể để tạo ra việc làm cho thanh niên, tăng thu nhập cho thanh niên.

- Xây dựng và hoàn thiện môi trường xã hội lành mạnh cho thế hệ trẻ, cho công tác thanh niên. Gia đình, làng xóm, khu dân cư, trường học, nơi vui chơi, nơi làm việc phải là môi trường lành mạnh mới góp phần phát huy vai trò năng động sáng tạo và hình thành nhân cách tốt của thanh niên.

- Thực sự tăng cường công tác Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Toàn bộ nỗ lực của công tác Đoàn thanh niên phải được tập trung vào mục tiêu giúp thanh niên làm theo khẩu hiệu mà Lê-nin nêu ra là : Học, học nữa, học mãi. Học văn hóa, học chính trị và lối sống xã hội chủ nghĩa. Đoàn thanh niên phải là nơi tập hợp thanh niên, lôi cuốn thanh niên vào các tổ chức xã hội do Đoàn sáng tạo, vào các chương trình cụ thể về phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ Tổ quốc, chống tiêu cực xã hội... Đảng, Nhà nước đầu tư thích đáng về tài chính, cơ sở vật chất và cán bộ cho Đoàn thanh niên và công tác thanh niên □

ĐÔI ĐIỀU RÚT RA TỪ THỰC TIỄN LÃNH ĐẠO CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG

Đại tướng **VĂN TIẾN DŨNG**

LỊCH sử Việt nam trong nửa thế kỷ qua chủ yếu là lịch sử của những cuộc chiến tranh cách mạng giữa một bên là các thế lực đế quốc phản động quốc tế lớn mạnh nhất, và một bên là dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Giữ vị trí chủ đạo trong những sự kiện sôi động, hào hùng đó, Đảng cộng sản Việt nam là đảng duy nhất có đủ ý chí và bản lĩnh, trí tuệ và sức mạnh dẫn dắt nhân dân thực hiện mơ ước ngàn đời của dân tộc : giành được hòa bình trong độc lập, tự do để lao động xây dựng cuộc sống mới theo con đường mình lựa chọn.

Lịch sử là vị quan tòa thông minh nhất. Nhìn lại chặng đường đấu tranh đã qua của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhớ lại những lực lượng, phương tiện và thủ đoạn mà kẻ địch đã sử dụng để chống phá ta, những tình huống hiểm nghèo "ngàn cân treo sợi tóc" ; những thác ghềnh, cạm bẫy mà cách mạng phải vượt qua ; con số hàng chục vạn đảng viên hy sinh hoặc bị tù đầy tra tấn, bắt cứ một ai có chút ý thức công bằng cũng phải thừa nhận Đảng cộng sản thật xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân mình. Chính một người Mỹ, ông Ga-bri-en Côn-cô, đã phân tích rằng, nguyên nhân thắng lợi của nhân dân Việt nam là có lãnh tụ Hồ Chí Minh thiên tài, có Đảng cộng sản rất có bản lĩnh, có đường lối đúng đắn. Ông viết : "Thành tựu của Đảng với tư cách là một lực lượng dẫn đường là hiếm có trong thế kỷ hai mươi" (1).

Thực tiễn 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nguồn gốc quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi. Và Đảng ta trong quá trình cách mạng đã không ngừng giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của mình trước những đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng.

Suốt 30 năm lãnh đạo chiến tranh cách mạng nói riêng và hơn 60 năm lãnh đạo cách mạng Việt nam nói chung, Đảng ta đã phải xử lý nhiều vấn đề to lớn, phức tạp và khó khăn, đã trải qua những cuộc chiến đấu oanh liệt và thu được nhiều thắng lợi vẻ vang. Đó là do Đảng ta luôn luôn giữ vững và giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vũ khí không gì thay thế được, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt nam, gắn liền với bối cảnh quốc tế trong những thời kỳ khác nhau để định ra đường lối, chính sách phù hợp với lợi ích của nhân dân và dân tộc mình, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội và xu thế của thời đại.

Một trong những đặc trưng nổi bật của sự lãnh đạo của Đảng ta trước hết là **tính kiên định cách mạng**. Về điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Đảng lao động Việt nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn

(1) Ga-bri-en Côn-cô : *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1991, t 2, tr 251

đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào dù nặng nề nguy hiểm đến mấy..." (2).

Chẳng những không sợ mà Đảng ta còn dám đánh, biết đánh và biết thắng những thế lực phản động quốc tế lớn mạnh nhất, kể cả tên đế quốc đầu sỏ, dám đảm đương những sự nghiệp to lớn chưa có tiền lệ trong lịch sử và biết tìm ra những giải pháp đúng để xử lý những thách thức. Khi chiến tranh phát triển thuận lợi cũng như trong những giờ phút nghiêm trọng nhất của đất nước, Đảng vẫn luôn kiên quyết, tinh táo, sáng suốt, kiên trì con đường đã lựa chọn, dù tình hình trong nước và thế giới có khó khăn và diễn biến phức tạp đến đâu.

Tính kiên định của Đảng là sự thống nhất giữa tinh thần dũng cảm và sự khôn ngoan ; giữa ý chí và lý trí, cách mạng và khoa học. Có nhiệt tình cách mạng nóng bỏng mới nhìn đúng, đặt trúng vấn đề ; có trí tuệ, bình tĩnh mới giải quyết đúng vấn đề.

Một đặc điểm xuyên suốt nữa là **tính độc lập tự chủ** của Đảng trong việc quyết định những vấn đề quan hệ đến sự sống còn của đất nước, của dân tộc.

Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh : đem sức ta giải phóng ta, có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do, Đảng ta đã chủ động lãnh đạo công cuộc tự giải phóng của dân tộc không chờ đợi cách mạng ở "chính quốc", tự mình tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, đi từ giải phóng dân tộc tiến lên giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đảng ta đã xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến trong kháng chiến chống Pháp, mối quan hệ giữa cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong kháng chiến chống Mỹ, mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế. Do phát huy được tinh thần độc lập tự chủ mà Đảng ta, nhân dân ta không khuất phục trước mọi sự đe dọa và sức ép, tự lực tạo dựng những nhân tố cơ bản làm nên chiến thắng.

Độc lập tự chủ là nhân tố quan trọng bảo đảm sự đúng đắn và sáng tạo. Trong quá trình

lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã luôn sáng tạo, kết hợp hữu cơ cách mạng và chiến tranh cách mạng, khởi nghĩa và chiến tranh, phương pháp cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh, vận dụng tổng hợp quy luật cách mạng và quy luật chiến tranh, tạo ra sức mạnh tổng hợp áp đảo quân thù. Đảng ta không tự bó mình trong nếp nghĩ và cách làm cũ kỹ khi điều kiện lịch sử đã thay đổi, luôn luôn tìm được nhận định đúng và những giải pháp thích hợp với hoàn cảnh cụ thể để thoát ra khỏi những tình huống hiểm nghèo. Sáng tạo lớn nhất được thể hiện rõ trong hai cuộc kháng chiến và chiến tranh nhân dân Việt nam, một kiểu chiến tranh cách mạng độc đáo, lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy nhân nghĩa thắng hung tàn. Đó là chiến tranh toàn dân, động viên, tổ chức, vũ trang toàn dân, kết hợp với nhân dân tự vũ trang, cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong, đánh địch toàn diện theo tư tưởng chiến lược tiến công, phát huy cao độ sức mạnh của từng người, từng tập thể, từng địa phương và sức mạnh chung của cả nước.

Điểm cơ bản nhất trong đường lối độc lập tự chủ, đúng đắn, và sáng tạo của Đảng là đã *gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*. Đảng đã "tự mình trở thành dân tộc", hiểu thấu nguyện vọng và lợi ích của dân tộc, coi độc lập dân tộc là mục tiêu hàng đầu của cách mạng. Điều đó đã được đúc kết trong lời tuyên bố bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Độc lập dân tộc được Đảng ta đặt trong mối quan hệ khăng khít với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội đem lại nội dung mới và bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Có độc lập dân tộc mới có chỗ đứng cơ bản để tìm ra con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc Việt nam, làm cho sự nghiệp đó trở thành sự nghiệp của cả dân tộc. Mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời có tính dân tộc, đậm

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 54

đa bản sắc dân tộc là đặc trưng của mọi thiết chế chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa... của Nhà nước ta. Tách rời dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân tộc và giai cấp là tự mình tước bỏ một nguồn sức mạnh to lớn đã đưa cách mạng và kháng chiến đến thành công.

Nhận thức sâu sắc trách nhiệm lịch sử của mình trước toàn dân, Đảng ta đã không ngừng phấn đấu, vươn lên ngang tầm đòi hỏi đối với một đảng cầm quyền lãnh đạo kháng chiến và kiến quốc - sự nghiệp trọng đại chưa có tiền lệ. Vấn đề xây dựng một đảng như thế được đặt ở trung tâm của sự chú ý của Bác Hồ và Đảng ta trong suốt hai cuộc kháng chiến. Sau khi đã đề ra đường lối kháng chiến kiến quốc đúng đắn, Đảng ta đi sát thực tế, bám chắc nhân dân, nên nắm bắt được những vấn đề bức thiết trước mắt, thấy được xu thế phát triển của tình hình trong từng giai đoạn, đề ra những định hướng chính xác, nhạy bén, được toàn đảng, toàn quân, toàn dân luôn đi đúng đường, đúng hướng. Đảng đã thực hiện phương châm ở đâu có quần chúng là ở đấy có tổ chức đảng lãnh đạo, và mỗi tổ chức cơ sở đảng là một bộ tham mưu, mỗi đảng viên là một chiến sĩ tiên phong của công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, Đảng ta coi chất lượng là vấn đề quyết định. Đảng đòi hỏi đảng viên phải không ngừng học tập, rèn luyện, tu dưỡng nâng cao đạo đức cách mạng, bởi vì trong điều kiện Đảng cầm quyền, đạo đức cũng là vấn đề chính trị. Phải "học để làm việc, học để làm người, học để làm cán bộ". Năm 1945, chỉ với 5 000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo 25 triệu dân cả nước làm cách mạng Tháng Tám thành công. Suốt những năm chống Pháp, rồi chống Mỹ, cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đảng ta cũng chỉ có mấy chục vạn người mà đã dẫn dắt toàn dân tộc làm nên những thắng lợi vang dội có ý nghĩa thời đại.

Chúng ta luôn tâm niệm lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm

nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa..."⁽³⁾, cho nên phải thường xuyên giữ gìn Đảng ta thật trong sạch. Đảng luôn quan tâm chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa bè phái, cục bộ bản vị..., dũng cảm tiến hành phê bình và tự phê bình khi có khuyết điểm và sai lầm. Kiên quyết sửa chữa, kiên quyết "quảng những phần tử phá hoại, cơ hội,ươn hèn, quan liêu, quân phiệt, bè phái ra ngoài bộ máy kháng chiến"⁽⁴⁾, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Chính vì đã làm như vậy, cho nên mặc dù sinh trưởng ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, giai cấp công nhân đại công nghiệp còn ít ỏi, Đảng ta vẫn giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, luôn gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm và thừa nhận là lực lượng lãnh đạo của cả dân tộc.

Trên chặng đường 30 năm chiến tranh cách mạng, đảng và dân đã kết thành một khối, ý đảng và lòng dân là một. Chính vì vậy mà những mưu toan đòi chia quyền lãnh đạo hoặc phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng đều bị thất bại và bị nhân dân quẳng vào sọt rác lịch sử. Chừng nào sự liên hệ gắn bó giữa đảng và nhân dân vẫn như máu thịt thì không một thế lực nào ngăn được chúng ta tiến tới mục đích đã định. Bởi vì, chúng ta đã biết "Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân"⁽⁵⁾.

Tuân theo quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "phải dựa vào dân, có dân là có tất cả, rời dân ra là nhất định thất bại", Đảng đã biết khơi nguồn lực lượng và sức sáng tạo vô tận của nhân dân, ra sức làm cho nhân dân có ý thức về vai trò và quyền làm chủ của mình, và trang bị cho họ những gì cần thiết nhất để sử dụng quyền đó. Trong hai cuộc

(3) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 2, tr 491

(4) Trường Chinh: *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1947, tr 45

(5) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 431

kháng chiến, nhân dân Việt nam là chủ thể tự giác và năng động của kháng chiến, là chủ nhân của mọi thành quả đạt được bằng nghị lực phi thường và sức sáng tạo vô tận của mình. Kế thừa truyền thống "cả nước đánh giặc", "trăm họ là binh" của tổ tiên ta, chúng ta đã sáng tạo ra chiến tranh nhân dân, một kiểu chiến tranh cách mạng mới mà có người Mỹ đã đặt ngang hàng với phát minh ra thuốc súng. Đó thực sự là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, đầy sáng tạo, sáng kiến, với những cách đánh phong phú, muôn hình vạn trạng của nhân dân ta để giành thắng lợi.

Cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt nam sở dĩ vô địch vì Đảng ta đã biết và khéo tập hợp lực lượng toàn dân tộc trong khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn dân tộc đoàn kết, trên dưới đoàn kết ; đoàn kết với các nước láng giềng anh em, đoàn kết với bầu bạn quốc tế và cả nhân loại tiến bộ, tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp, chúng ta đã tạo nên sức mạnh vĩ đại không gì phá nổi, mà trong đó hạt nhân là sự đoàn kết thống nhất của Đảng, sự gắn bó giữa đảng, chính quyền, quân đội và nhân dân.

Kinh nghiệm của hai cuộc kháng chiến cho thấy : công tác mặt trận và dân vận nhằm đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ chính trị của Đảng và chiến lược của cách mạng. Bởi vì toàn dân đoàn kết là điều kiện cốt tử để kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công. Muốn đoàn kết toàn dân phải thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận là một tổ chức rộng rãi nhằm tập hợp quần chúng, là nơi thể hiện của các quan điểm, lợi ích khác nhau, đồng thời là nơi cố gắng "cầu đồng tồn dị", vì đại nghĩa dân tộc, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta luôn tìm cách phát huy giá trị tích cực của tính đa dạng ấy, quy tụ nó vào một hướng thống nhất. Muốn đoàn kết được nhân dân, phải chống các bệnh hẹp hòi, biệt phái, quan liêu, quan cách, quan dạng, trừng trị những cán bộ làm mất uy tín của chính quyền và đoàn thể ; đồng thời không đoàn kết một chiều, mà đoàn kết trên

cơ sở đấu tranh có lý, hợp tình trong nội bộ mặt trận. Chăm lo cải thiện đời sống cho nhân dân, mở rộng quyền dân chủ của nhân dân, có cơ chế, có mối liên hệ giữa đảng, nhà nước và nhân dân, coi đó là điều kiện không thể thiếu để cổ kết nhân dân chung quanh đảng.

Đảng ta luôn luôn chăm lo tăng cường liên minh công nông, coi đó là nền tảng của mặt trận thống nhất dân tộc, nền tảng của chính quyền và quân đội nhân dân. Phải trên nền tảng đó mà củng cố khối đoàn kết toàn dân, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố quân đội "hiếu với dân" vì nhân dân phục vụ, kiện toàn sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn luôn chú trọng mở rộng sự đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của chúng ta ; đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Bằng chính cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ quyền dân tộc thiêng liêng của mình, Đảng ta, nhân dân ta đã góp phần củng cố tình đoàn kết quốc tế, đấu tranh có lý, có tình chống những nhân tố chia rẽ, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Ngày nay, Đảng ta đang lãnh đạo toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những bài học rút ra từ sự lãnh đạo của Đảng trong 30 năm chiến tranh cách mạng vẫn giữ nguyên giá trị.

Vận dụng những bài học ấy vào điều kiện thực tế hiện nay, chúng ta sẽ tạo ra sức mạnh mới để thực hiện lý tưởng, hoài bão chung của mọi người Việt nam yêu nước : "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa □

HOÀN THIÊN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ

NGUYỄN KHẮC HIỀN *

I

TỪ năm 1990 đến nay, trong quá trình triển khai thực hiện các luật thuế, pháp lệnh thuế, Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số luật thuế, pháp lệnh thuế cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Đối chiếu với mục tiêu, yêu cầu đề ra, hệ thống chính sách thuế hiện hành đã đạt những kết quả sau đây :

1 - Bảo đảm được nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Số thu về thuế đã chiếm phần chủ yếu trong tổng số thu trong nước của ngân sách nhà nước và tăng nhanh qua các năm, bảo đảm về cơ bản yêu cầu chi thường xuyên ngày càng tăng của ngân sách nhà nước, giảm tỷ lệ bội chi, góp phần kiềm chế lạm phát và đã dành một phần ngày càng tăng cho tích lũy.

2 - Bước đầu phát huy được tác dụng quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Việc áp dụng chung một hệ thống các luật thuế đối với các thành phần kinh tế góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa, đẩy mạnh xuất khẩu và khuyến khích sự hợp tác đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Góp phần củng cố và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (từ hơn 12 000 doanh nghiệp năm 1990 xuống còn 6 480 doanh nghiệp năm 1995), thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước tăng cường hạch toán kinh doanh, từng bước tính đủ đầu vào, khắc phục tình trạng "lãi giả, lỗ thật", kinh

tế quốc doanh được củng cố và tiếp tục phát triển.

3 - Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu đầu tư dẫn tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước (ưu đãi thuế đối với cơ sở sản xuất mới thành lập, cơ sở sản xuất đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng, khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài, khuyến khích vùng kinh tế chậm phát triển, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu ngành..).

4 - Về mặt xã hội, hệ thống thuế được áp dụng chung cho các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, bảo đảm sự bình đẳng và công bằng về nghĩa vụ nộp thuế. Những tổ chức, cá nhân cạnh tranh lành mạnh, làm ăn có hiệu quả kinh tế cao cần khuyến khích để họ đầu tư vốn, cải tiến công nghệ, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và chi phí dịch vụ.

5 - Về mặt pháp lý, các loại thuế được ban hành chủ yếu dưới hình thức luật, pháp lệnh nên tính pháp luật cao hơn. Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền, giải thích về thuế, nhận thức về nghĩa vụ và trách nhiệm nộp thuế của các đối tượng nộp thuế cũng ngày càng được nâng cao.

Nhìn chung, cơ cấu và nội dung hệ thống chính sách thuế hiện hành về cơ bản là phù hợp với cơ chế quản lý mới. Và nền kinh tế Việt nam trong thời gian đầu mới chuyển đổi thuế đã phát huy tác dụng tích cực, đạt kết quả tương đối khá.

* Chuyên viên kinh tế cấp cao

Tuy nhiên, trước yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2000 có nhiều vấn đề mới đặt ra, hệ thống chính sách thuế cũng như từng loại thuế đã bộc lộ rõ các nhược điểm, cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. Những nhược điểm chung của cả hệ thống thuế là :

Một là, chưa bao quát được hết các nguồn thu đã, đang và sẽ phát sinh trong quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường như lãi cổ phần, lãi tiền gửi tiết kiệm, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản ; chưa bao quát hết các hoạt động dịch vụ như kinh doanh chứng khoán, các hoạt động đầu tư vốn ra nước ngoài...

Hai là, hệ thống chính sách thuế vừa nhằm mục tiêu tạo nguồn thu cho ngân sách, vừa phải thực hiện nhiều chính sách kinh tế - xã hội khác nhau, lại rải đều cho tất cả các loại thuế, làm cho chính sách thuế phức tạp, nhiều thuế suất, nhiều ngoại lệ, nhiều trường hợp miễn giảm. Vì vậy không bảo đảm được tính trung lập của thuế, vừa khó khăn cho công tác quản lý thu, vừa tạo cơ sở cho người nộp thuế có cơ hội tránh thuế và trốn thuế.

Ba là, trong một sắc thuế còn thu chồng chéo, trùng lặp, thể hiện rõ nhất là thuế doanh thu. Tuy đã có xử lý bằng cách định thuế suất thấp, doanh thu tính thuế đối với hoạt động thương nghiệp là chênh lệch giữa giá bán và giá mua để tránh gây sức ép đẩy giá lên, nhưng vẫn chưa phù hợp được với nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần.

Bốn là, phạm vi đánh thuế còn hẹp, nhưng có khi lại gộp nhiều loại thuế, gây tâm lý là thuế suất nặng và không linh hoạt. Cụ thể :

- Thuế nhập khẩu bao gồm cả thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì không phải nộp thuế doanh thu.

Năm là, chính sách thuế bổ sung và sửa đổi thường xuyên để đáp ứng yêu cầu thực tế là cần thiết, nhưng lại gây ra tâm lý thiếu tin tưởng và thiếu an tâm đối với các đối tượng nộp thuế. Trong vòng 4 năm, chúng ta đã sửa đổi, bổ sung 3 lần đối với thuế doanh thu và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ; 2 lần đối với thuế tiêu thụ đặc biệt ; 1 lần đối với thuế lợi tức, thuế nhà đất và khoản thu sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Sáu là, sự phân biệt giữa thuế và lệ phí chưa rõ ràng. Có một số loại thuế mang tính chất lệ phí (như môn bài, sát sinh) ; có loại lệ phí lại mang tính chất thuế (như lệ phí trước bạ). Từng ngành, từng cấp cũng tự đặt ra các loại lệ phí một cách tùy tiện. Nhiều trường hợp người kinh doanh phải nộp nhiều loại lệ phí còn cao hơn cả thuế phải nộp.

Những nhược điểm nêu trên nếu không được sửa đổi một cách căn bản sẽ làm trở ngại cho việc phát triển kinh tế - xã hội và việc thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại mở cửa của nước ta, nhất là khi Việt nam tham gia khối các nước ASEAN và GATT/WTO.

II

Để cho hệ thống thuế đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới, theo tôi, vấn đề có tính quyết định là phải quán triệt những quan điểm cơ bản sau đây trong việc xây dựng chính sách thuế.

1 - *Hệ thống chính sách thuế phải bảo đảm nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi cần thiết của đất nước trên cơ sở thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.* Quan điểm này đối lập với quan điểm "thu đơn thuần", chỉ nghĩ đến thu cho thật nhiều, không quan tâm đến sản xuất, đến bồi dưỡng nguồn thu. Nhà nước không thể động viên nguồn thu với bất kỳ giá nào, mà phải căn cứ vào khả năng đóng góp của các đối tượng nộp thuế, bảo đảm lợi ích kinh tế cho họ, giải quyết

hài hòa lợi ích của nhà nước và của xã hội. Do đó, khi nghiên cứu các chính sách thuế, cần *lượng hóa* và giải quyết thỏa đáng mối quan hệ phân phối giữa nhà nước và đối tượng nộp thuế, có tỷ lệ động viên đúng đắn đối với từng lĩnh vực và tỷ lệ động viên chung của tổng giá trị sản phẩm do xã hội làm ra.

Vì vậy, việc điều tra, nghiên cứu phải rất cụ thể và thật chu đáo trước khi hoạch định một chính sách thuế. Khi thực hiện, nếu một sắc thuế nào đó thực sự là nguyên nhân gây ra một sự giảm sút mạnh về sản xuất, kinh doanh hoặc gây ra hiện tượng phát triển không theo định hướng của nhà nước, thì phải kịp thời xem xét và điều chỉnh lại mức động viên hoặc chính sách thuế cho phù hợp.

2 - *Phát huy tác dụng đồng bộ của cả hệ thống thuế. Các sắc thuế trong hệ thống thuế cần được thiết kế gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau.* Một hệ thống thuế không chỉ đơn thuần là con số cộng các loại thuế, mà phải có sự ăn khớp, phối hợp chặt chẽ giữa các sắc thuế với nhau để phát huy tác dụng đồng bộ của cả hệ thống thuế. Mỗi sắc thuế chỉ nên tập trung vào một hay hai mục tiêu chủ yếu nhằm sử dụng đúng đắn chức năng của từng loại thuế, làm cho từng sắc thuế phát huy được ưu điểm vốn có của nó, và có thể hỗ trợ cho các sắc thuế khác cùng phát huy tác dụng đồng bộ của cả hệ thống thuế. Ví dụ, như thuế doanh thu, đối tượng thu là mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ ; thuế tiêu thụ đặc biệt vừa huy động nguồn thu cho ngân sách, vừa hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng ; thuế nhập khẩu là để bảo hộ sản xuất trong nước ; thuế lợi tức và thuế thu nhập cá nhân nhằm điều hòa thu nhập. Để bảo đảm cho hệ thống thuế đạt được nhiều mục tiêu, như thu được nhiều về tài chính, thể hiện tính công bằng về nghĩa vụ nộp thuế, có tác dụng kích thích về kinh tế và đơn giản về nghiệp vụ,

cần sử dụng nhiều sắc thuế bổ sung cho nhau.

Khắc phục tình trạng đánh thuế chồng chéo, trùng lặp bằng cách áp dụng thuế TVA thay cho thuế doanh thu hiện hành và thực hiện giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt cao cấp là giá *chưa* có thuế. (Hiện nay giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của sản phẩm hàng hóa đã có thuế, làm đội chi phí sản xuất kinh doanh lên rất lớn, trong khi giá thị trường chỉ chấp nhận ở một mức độ nhất định). Phân biệt rõ chức năng, tính chất *gián thu* hay *trực thu* của từng sắc thuế : thuế gián thu đánh vào hàng hóa và dịch vụ được tính trong giá cả hàng hóa, dịch vụ ; thuế trực thu đánh vào thu nhập. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn kém phát triển, thuế trực thu chưa trở thành nguồn thu lớn của ngân sách nên phải coi trọng thuế gián thu để bảo đảm nguồn thu ổn định của ngân sách. Đồng thời cần nghiên cứu hoàn thiện các chính sách thuế thu nhập công ty (thay cho thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao) theo hướng mở rộng các khoản thu nhập chịu thuế (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và tiền thưởng có tính chất tiền lương, tiền công, thu nhập từ hoạt động nông nghiệp, kinh doanh nhỏ, thu nhập từ đầu tư và thu nhập khác ...) và đưa dần thuế này thành một loại thuế quan trọng trong thời gian tới.

3 - *Phát huy mạnh mẽ tác dụng quản lý, điều tiết vĩ mô, khuyến khích phát triển đúng hướng của hệ thống chính sách thuế.*

Cần xây dựng một hệ thống thuế tương đối hoàn chỉnh, bao quát được hết các đối tượng và các nguồn phải thu, bao quát được hết các khoản thu nhập, các hoạt động kinh tế mới nảy sinh và sẽ nảy sinh trong quá trình phát triển của cơ chế thị trường. Thuế không chỉ đánh vào tiêu dùng, thu nhập mà còn đánh cả vào tài sản. Thuế phải có tác dụng khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực và khu vực kinh doanh mà lợi nhuận bình quân thấp hơn các lĩnh vực và khu vực

khác, điều tiết những lợi nhuận siêu ngạch, khuyến khích xuất khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước, nhưng cũng đòi hỏi các xí nghiệp trong nước cải tiến công nghệ, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm để từng bước vươn lên cạnh tranh thắng lợi với các hàng ngoại.

Cán bộ nghiên cứu chính sách thuế không những cần có kinh nghiệm và kiến thức về thuế mà trước hết phải quán triệt các quan điểm cơ bản, nắm vững chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, định hướng và quy hoạch phát triển của đất nước trong từng thời kỳ, dự đoán được quá trình vận động của nền kinh tế thị trường ở Việt nam trong tương lai.

Tham khảo kinh nghiệm các nước là cần thiết, nhưng cần tránh giáo điều, rập khuôn, vì nền kinh tế của ta có những đặc thù riêng và là một nền kinh tế có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4 - Giảm bớt diện giảm, miễn thuế của các sắc thuế, nhất là đối với các loại thuế gián thu hoặc giảm, miễn thuế để thực hiện các chính sách xã hội. Mọi vấn đề mang tính chất xã hội (ưu đãi đối với người nghèo, gia đình liệt sĩ...) cần được xử lý dưới hình thức chi ngân sách, không nên gán yêu cầu này vào thuế rồi buộc chính sách thuế phải đáp ứng. Đồng thời, cần quy định cụ thể, rõ ràng về các tiêu chuẩn, trường hợp được ưu đãi, miễn hoặc giảm thuế. Việc quy định miễn, giảm thuế cần thực hiện theo những nguyên tắc chặt chẽ và nhất quán trong cả hệ thống thuế. Không nên biến việc ưu đãi, miễn, giảm thuế trở thành một thuế "trợ cấp" đặc biệt cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào đó và tạo điều kiện cho các hiện tượng tham nhũng phát triển.

5^a - Hệ thống thuế hoàn thiện phải thể hiện được sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác

nhau, giữa các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Không phân biệt đối xử về nghĩa vụ nộp thuế giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Việc thực hiện chế độ thuế ưu đãi đối với các nhà đầu tư nước ngoài là nhằm thu hút vốn. Song, trên thực tế, rất khó tính toán hiệu quả cụ thể. Bởi vì, người đầu tư nước ngoài không chỉ quan tâm đến việc ưu đãi thuế mà điều quan trọng hơn là họ chú ý đến tình hình pháp luật, kết cấu cơ sở hạ tầng, trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ của đội ngũ công nhân viên chức, cũng như môi trường đầu tư và điều kiện kinh tế - xã hội của nước mà họ đầu tư. Việc ưu đãi như vậy không thể không làm cho các doanh nghiệp trong nước bần khoản; từ đó dễ có phản ứng tiêu cực về mặt đóng góp cho nhà nước như liên doanh với nước ngoài để tránh thuế một cách hợp pháp.

Hiện nay, do các điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không giống nhau, luật pháp lại chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh và nhất quán nên trước mắt, để thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài, ta vẫn có thể tạm thời chấp nhận việc phân biệt ưu đãi thuế giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Song về lâu dài cần thu hẹp và tiến tới xóa bỏ sự phân biệt này nhằm tạo ra các điều kiện như nhau trong cạnh tranh giữa các đơn vị kinh tế, thúc đẩy việc thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như ngoài nước để phát triển kinh tế. Những quy định về thuế phải cụ thể, dễ hiểu, dễ làm, dễ quản lý. Đơn giản hóa hệ thống thuế đòi hỏi thực hiện cơ cấu thuế suất đơn giản, có ít loại thuế suất. Thu hẹp số lượng thuế suất của mỗi sắc thuế không có nghĩa là nâng cao mức thuế suất, mà cần định ra mức thuế vừa phải; đồng thời mở rộng diện thu thuế để bảo đảm cho nguồn thu ngân sách □

CÓ THỂ GIỮ ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG KHÔNG ?

HOÀNG CÔNG

BẤT chấp sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, bất chấp những tuyên truyền về sự vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản, chúng ta khẳng định rằng *có chủ nghĩa xã hội*, và đó là mục đích của chúng ta. Chúng ta quan niệm chủ nghĩa xã hội là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ ; có trình độ phát triển lực lượng sản xuất rất cao dựa trên chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu ; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, được phát triển tự do và hài hòa, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc ; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết cùng tiến bộ ; hữu nghị hợp tác với các quốc gia khác ⁽¹⁾.

Từ thực tiễn thành công cũng như thất bại của hơn 70 năm phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, từ kinh nghiệm của các quốc gia khác và của bản thân mình, chúng ta xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở một nước lạc hậu như nước ta không thể nào khác con đường *phát triển nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần* do đảng cộng sản lãnh đạo.

Lịch sử phát triển của nền kinh tế thị trường đã dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Đó là một bước tiến của loài người, song cũng là một quá trình đầy máu và nước mắt. Chúng ta không muốn sự phát triển kinh tế thị trường ở Việt nam lặp lại những đoạn đường khúc khuỷu mà chủ nghĩa tư bản đã đi qua với

bao hậu quả xã hội tiêu cực mà đến nay cũng chưa giải quyết được. Do đó, Đảng cộng sản Việt nam khẳng định cần có *định hướng xã hội chủ nghĩa* cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt nam. Cần phải làm cho nền kinh tế thị trường nhiều thành phần ở Việt nam có tính nhân đạo nhiều hơn, phục vụ cho con người nhiều hơn, để cùng với quá trình phát triển của lực lượng sản xuất, đồng thời giải quyết luôn những vấn đề xã hội nảy sinh mà chính các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất cũng khó giải quyết.

Liệu có thể làm được điều đó không hay chỉ là ảo tưởng ? Hoặc như nhiều người lo ngại (và không ít kẻ mong muốn) rằng nền kinh tế thị trường sẽ đưa chúng ta tới chủ nghĩa tư bản ? Bởi vì, theo họ, kinh tế thị trường *tất yếu* sẽ dẫn đến một cơ cấu kinh tế xã hội, trong đó sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chiếm ưu thế, từ đó dẫn đến một kiến trúc thượng tầng chính trị, pháp lý phục vụ số ít (tức nhà nước và pháp luật tư sản), một hệ thống các quan hệ xã hội do đồng tiền chi phối và các vấn đề xã hội gay gắt khác, như : người bóc lột người, bất công, bất bình đẳng, phân cực giàu nghèo, v.v..

Quả thật, đó là những điều chúng ta muốn tránh, bởi vì sự xuất hiện hay tăng lên của chúng chính là biểu hiện của cái mà ta có thể gọi là sự "chệch hướng". Và chúng ta khẳng

(1) Xem *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 8 - 9

định : chúng ta không những có thể tránh được những hậu quả xấu về mặt chính trị, kinh tế, xã hội do sự phát triển tự phát của nền kinh tế thị trường, mà hơn thế, nhờ vậy còn tạo được môi trường, điều kiện tốt cho sự phát triển lâu bền của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần ở nước ta (chứ không phải triệt tiêu nó như có người nghĩ). Cơ sở khách quan để khẳng định điều này là gì ? Theo tôi, có mấy căn cứ :

1 - Thời đại cho phép thực hiện phương thức mới : phát triển nền kinh tế thị trường mà không "tàn phá" tự nhiên và xã hội.

Công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa hoặc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo kiểu cũ đều có những mặt tiêu cực. Công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa ở các thế kỷ trước là sự tàn phá ghê gớm môi trường tự nhiên, là quá trình "cừu ăn thịt người", là sự tước đoạt và bần cùng hóa nông dân, là quá trình bóc lột giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối vừa tàn bạo, vừa tinh vi. Sự mù quáng chạy theo lợi nhuận làm tha hóa mọi quan hệ xã hội, dẫn đến "người với người là chó sói"... Còn công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo kiểu cũ lại tách rời với các quan hệ kinh tế thị trường, do đó không tạo được động lực thật mạnh mẽ cho sự phát triển.

Chúng ta khẳng định phải hội nhập nền kinh tế nước ta với nền kinh tế thế giới, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có nghĩa là không đi theo con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa kiểu cũ. Tất nhiên, chúng ta cũng không đi theo con đường công nghiệp hóa như ở các nước tư bản chủ nghĩa vào những thế kỷ trước. Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa đồng thời với hiện đại hóa. Phương châm là kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với tranh thủ cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học, công nghệ thế giới. Công nghiệp hóa và hiện đại hóa mà chúng ta tiến hành, không chỉ là đẩy nhanh nhịp độ và nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, mà còn là chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới

căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của nền kinh tế (2). Theo kinh nghiệm của nhiều nước công nghiệp hóa thành công, chỉ cần 20 - 30 năm có thể tạo nên một cơ cấu kinh tế hiện đại, một nền công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ ở trình độ cao. Điều đặc biệt là công nghiệp hóa theo quan điểm hiện đại, cho phép gắn kết hợp lý (chứ không phải là tách rời) giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa phát triển thành thị với phát triển nông thôn. Nó cho phép ngay từ đầu tạo ra cơ sở kinh tế hạn chế được hố ngăn cách giữa các tầng lớp, giai cấp trong xã hội do quá trình công nghiệp hóa. Đó chính là mục tiêu mà bấy lâu nay chúng ta phấn đấu.

2 - Xã hội Việt nam là xã hội Á Đông có bản sắc văn hóa độc đáo.

Từ thực tiễn của nhiều nước trên thế giới nói chung và ở châu Á nói riêng đi vào xã hội công nghiệp hiện đại, người ta đã rút ra kết luận : văn hóa là một nội lực của sự phát triển. Công nghiệp hóa có quy luật chung, nhưng nó được thực hiện ở các xã hội cụ thể khác nhau. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán v.v. luôn luôn là hoạt động của con người với những lối ứng xử và quan niệm rất riêng của mỗi dân tộc. Nói cách khác, cùng là một hoạt động kinh tế, nhưng ở người này có thể khác ở người kia do họ có những "triết lý" khác nhau bắt nguồn từ nền văn hóa khác nhau. Rốt cuộc, triết lý nào phù hợp hơn với lợi ích con người cả về vật chất lẫn tinh thần, thì nó sẽ thúc đẩy kinh doanh, sản xuất tốt hơn. Kinh tế thị trường là sự cạnh tranh, nhưng sự cạnh tranh ngày nay ngày càng văn minh hơn. Đó là sự cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật, với sự hợp tác, nương tựa lẫn nhau. Quan hệ sản xuất ngày nay ngày càng mang tính người hơn, nghĩa là không thể chỉ là lạnh lùng, tiền trao cháo múc. Yếu tố con người ngày càng được chú ý, thể hiện ở sự quan tâm lẫn nhau, ở tính tập thể, v.v.. Điều này được thừa nhận

(2) Xem Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII, 1994, tr 27

ở cả phương Đông lẫn phương Tây, ở cả các nước châu Âu lẫn các nước châu Á.

Nhưng văn hóa không chỉ là động lực cho sự phát triển với tư cách là yếu tố của hệ thống quản lý sản xuất và quản lý xã hội, với tư cách là triết lý chi phối quan hệ giữa người với người. Văn hóa còn là đối tượng của bản thân hoạt động kinh tế. Không có một nền văn hóa đặc sắc thì không thể có một ngành kinh tế du lịch phát đạt, mà trong cơ cấu kinh tế hiện đại, đây lại chính là ngành đem lại nguồn thu nhập rất to lớn.

Việt nam có một nền văn hóa mang nhiều đặc điểm Á Đông rất đặc sắc. Văn hóa Việt nam không những có nhiều yếu tố phù hợp với triết lý kinh doanh hiện đại và xứng đáng là đối tượng của kinh tế, mà còn có nhiều điều phù hợp với những chuẩn mực xã hội và đạo đức của chủ nghĩa xã hội. Đó là tính cộng đồng, lòng nhân ái, sự tôn trọng lợi ích tập thể, sự gắn bó gia đình...

Tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa nhân loại, trên nền tảng văn hóa truyền thống, chúng ta có thể đi tới chỗ có được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân, tập thể và xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, tâm linh của con người; giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là những điều cần thiết trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

3 - Một kiến trúc thượng tầng chính trị, pháp lý ổn định và ngày càng dân chủ.

Kiến trúc thượng tầng chính trị, pháp lý ở nước ta không phải như ở châu Âu là sản phẩm của cuộc cách mạng tư sản kiểu cổ điển, là kết quả phát triển tự phát của nền kinh tế thị trường. Kiến trúc thượng tầng ở nước ta là sản phẩm của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam lật đổ ách thống trị của thực dân và phong kiến. Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa trước kia và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện nay là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nền kinh tế thị trường nhiều thành phần hiện nay ở nước ta, trong đó có thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa, được khuyến khích phát triển trong khuôn khổ của

chế độ pháp luật và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam. Chính công nhân và nhân dân lao động nước ta chủ động phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa để phục vụ mình. Chúng ta đã có một hệ thống chính trị vững mạnh và các công cụ chuyên chính cần thiết. Nhưng điều quan trọng hơn là đã có một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện tạo nên khung pháp lý rộng rãi cho mọi thành phần kinh tế cùng phát triển, đáp ứng được các đòi hỏi của các thành phần kinh doanh khác nhau.

Mặt khác, các cơ sở kinh tế quan trọng nhất của đất nước như đường sắt, hàng không, dầu khí, các hệ thống ngân hàng, bưu điện, viễn thông v.v. đều do Nhà nước ta nắm. Như vậy chúng ta có đủ sức mạnh kinh tế để đứng vững và làm chủ đất nước. Do đó, sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần với sự xuất hiện của những tầng lớp xã hội mới không làm lung lay, mà ngược lại, còn là tiền đề không thể thiếu để củng cố kiến trúc thượng tầng chính trị, pháp lý hiện tại. Yêu cầu thực sự của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần hiện nay ở nước ta là sự ổn định về chính trị và pháp luật, chứ không phải là đảo lộn, xáo trộn nó.

Tất nhiên, ở mỗi giai đoạn lịch sử, cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, chế độ hành chính cần được cải tiến cho thích hợp. Mục đích là dân chủ nhiều hơn và thực chất hơn; chủ quyền của đất nước và lợi ích của nhân dân lao động được bảo vệ tốt hơn. Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội đã xác định phương hướng đầu tiên (cũng có thể coi là điều kiện quan trọng hàng đầu của "định hướng xã hội chủ nghĩa") là "xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân" (3).

(3) Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 9

4 - Đảng cộng sản Việt nam, đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam.

Để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, cần có một đảng cầm quyền trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Nhưng như vậy thôi chưa đủ. Đảng ấy còn phải có đủ trí tuệ để nhận thức được quy luật khách quan, con đường cần phải đi, những điều kiện khách quan và chủ quan cần thiết... Đảng phải có năng lực tổ chức, khả năng lôi cuốn quần chúng và xã hội nói chung vào việc thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội. Đảng cũng cần có bản lĩnh chính trị của người lãnh đạo, bởi vì điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của chế độ chính trị và nhà nước, qua đó ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội. Điều vừa nói có thể thấy rõ qua những kinh nghiệm ở Liên xô và Đông Âu.

Đảng cộng sản Việt nam đáp ứng được những yêu cầu này. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức và rèn luyện, Đảng cộng sản Việt nam đã trải qua gần 70 năm đấu tranh cách mạng, dẫn dắt nhân dân Việt nam giành chính quyền từ tay thực dân, đánh thắng các đế quốc to, bảo vệ độc lập, thống nhất cho Tổ quốc. Đảng đã có một thực tiễn phong phú trong việc lãnh đạo chính quyền phát triển kinh tế, xã hội. Đảng cộng sản Việt nam đã và đang là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc Việt nam. Có một Đảng như thế là một điều kiện khách quan thuận lợi, là nhân tố quyết định cho sự định hướng xã hội chủ nghĩa thành công. Do vậy, một trong những phương hướng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa là : "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta" (4). Đồng thời, "phải phòng và chống được những nguy cơ lớn : sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên" (5) □

(4) *Sđd.* tr 11

(5) *Sđd.* tr 6

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

DƯƠNG BÁ PHƯƠNG *
và **NGUYỄN ĐÌNH LONG ****

1- Phát triển kinh tế và công bằng xã hội.

Vào những năm 50 trên thế giới đã xuất hiện khái niệm các nước phát triển và chậm phát triển dựa trên ba chỉ tiêu chính : 1) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) hay tổng sản phẩm quốc dân (GNP) tính trên đầu người ; 2) Mức độ thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của xã hội ; 3) Cơ cấu của nền kinh tế. Đầu những năm 90, các chuyên gia của Ngân hàng thế giới đưa ra sự phân biệt giữa phát triển và tăng trưởng kinh tế : "Phát triển là nâng cao phúc lợi của nhân dân. Nâng cao tiêu chuẩn sống và cải tiến giáo dục, sức khỏe và bình đẳng về cơ hội là tất cả những thành phần cơ bản của phát triển kinh tế. Bảo đảm các quyền chính trị và công dân là một mục tiêu phát triển rộng hơn. Tăng trưởng kinh tế là một cách cơ bản để có thể có được phát triển, nhưng trong bản thân, nó là một đại diện rất không toàn vẹn của tiến bộ" (1). Như vậy, phát triển kinh tế bao hàm cả tăng trưởng kinh tế và các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cuộc sống của dân cư trong xã hội. Hiện nay, khái niệm phát triển được hiểu rộng thành "phát triển bền vững", nghĩa là nó phải đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm thương tổn đến tương lai, đề cao yếu tố môi trường sinh thái.

Công bằng xã hội là một phạm trù chính trị - xã hội thể hiện mối quan hệ giữa các thành

* PTS. Viện kinh tế học, Trung tâm KHXH và nhân văn quốc gia

** PTS. Viện kinh tế nông nghiệp, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

(1) World Bank, Development and Environment. World Development Report 1992, Oxford University Press 1992

viên trong xã hội dựa trên nguyên tắc thống nhất giữa cống hiến và hưởng thụ. Giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội có mối quan hệ biện chứng khăng khít. Phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết và căn bản để giải quyết công bằng xã hội. Công bằng xã hội vừa là mục tiêu phấn đấu của nhân loại, vừa là động lực quan trọng của sự phát triển. Trình độ phát triển xã hội chứa đựng một nội dung quan trọng là công bằng xã hội. Mức độ công bằng xã hội càng cao thì trình độ phát triển, trình độ văn minh của xã hội đó càng cao. Song khả năng giải quyết công bằng xã hội lại chịu sự chi phối bởi trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia. Một khi quốc gia, dân tộc đó đang ở trình độ kém phát triển, nghèo nàn, lạc hậu thì những yếu tố vật chất giúp cho việc giải quyết công bằng xã hội có nhiều hạn chế. Muốn có sự phát triển đặc biệt với tốc độ cao, cần phải ưu tiên đầu tư có trọng điểm vào một số ít chương trình, một số khu vực, một số vùng, một số bộ phận dân cư có tiềm năng phát triển thuận lợi. Những nơi này sẽ là những đầu tàu kéo các khu vực, vùng, bộ phận dân cư khác phát triển theo. Trong điều kiện đó, tất yếu phải "hy sinh" những nơi khác chưa được tập trung đầu tư và như vậy công bằng xã hội vẫn còn bị vi phạm. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về tài năng, sức khỏe, năng lực cống hiến, lao động giữa các thành viên là rất khác nhau. Cống hiến khác nhau thì hưởng thụ khác nhau, dẫn tới sự chênh lệch về thu nhập và phân biệt giàu - nghèo. Mặt khác, ở các nước nghèo, kém phát triển sẽ càng thiếu những điều kiện, yếu tố vật chất, kỹ thuật, kinh tế, xã hội cho phép đánh giá chính xác mức độ cống hiến của từng thành viên để trả công tương xứng. Điều đó cũng sẽ dẫn tới sự thiếu công bằng trong việc trả công, thù lao, hưởng thụ.

2 - Các phương thức giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội trong lịch sử.

Thời đại nguyên thủy giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội theo phương thức mọi người cùng làm, cùng hưởng ngang nhau, nó không tạo ra được động lực của xã hội nên tốc độ phát triển vô cùng chậm chạp. Xã hội nguyên thủy phân rã,

nhường chỗ cho những chế độ xã hội có sự phân chia đẳng cấp ra đời.

Trong chế độ nô lệ và phong kiến, những bất công và bất bình đẳng trong xã hội ngày một gia tăng làm cho sự phát triển kinh tế bị kìm hãm ghê gớm. Trong thời kỳ cách mạng khai sáng của chủ nghĩa tư bản, một số quốc gia, dân tộc, một số bộ phận dân cư đã đi tiên phong trên con đường tự do hóa kinh tế và kinh doanh. Nó đã tạo nên những động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng. Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra ngày càng mạnh và khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày một gia tăng. Điều đó phần nào cũng đã làm cho động lực phát triển bị hạn chế, kinh tế khủng hoảng, của cải bị lãng phí, môi trường bị hủy hoại. Trên phạm vi toàn cầu có sự phân chia thành các nước giàu và các nước nghèo, lạc hậu.

Trong thời kỳ hiện đại, một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã tiến hành công hữu hóa tư liệu sản xuất và thực hiện chế độ phân phối theo lao động. Song, do điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, thiết bị - công nghệ và cơ chế đánh giá mức độ cống hiến của từng thành viên thiếu chính xác, thực hiện chế độ tiền lương và phân phối thu nhập theo lối bình quân chủ nghĩa, thực chất cũng là thiếu công bằng, làm thui chột động lực khuyến khích lợi ích, làm cho quá trình phát triển kinh tế một thời bị đình trệ.

Gần đây, một số nước có nền kinh tế phát triển cao đã bằng các chiến lược ưu tiên phát triển, như đẩy mạnh công nghiệp hóa hướng ngoại, phát triển mạnh khu vực công nghiệp - dịch vụ nhỏ ở nông thôn để tăng khối lượng việc làm, thu nhập... vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế, vừa tăng yếu tố công bằng xã hội. Đồng thời, trên cơ sở phát triển kinh tế, thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô như thuế, lãi suất tín dụng, các chương trình giáo dục đào tạo, y tế, cứu tế xã hội... thực hiện cơ chế phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các tầng lớp dân cư, đã làm giảm bớt sự chênh lệch giữa người nghèo và người giàu. Tuy nhiên, những giải pháp trên của các nước đó cũng còn mang tính nửa vời, chưa thực sự giải quyết được vấn đề công bằng xã hội.

3 - *Quan điểm và phương pháp giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay và trong thời gian tới.*

Trước đây, các chính sách kinh tế kiểu hành chính - tập trung - bao cấp đã làm cho lợi ích cá nhân không được chú ý đúng mức, động lực khuyến khích người lao động bị thui chột, người tài không muốn cống hiến, người có sức lao động không muốn lao động. Công bằng, bình đẳng xã hội được biểu hiện ra thành sự chia đều cái nghèo cho mọi người trong xã hội. Nền kinh tế - xã hội lâm vào tình trạng khủng hoảng, động lực phát triển bị ngừng trệ. Cho đến cuối những năm 80, đầu những năm 90, nước ta vẫn chưa vượt qua cửa ải GDP/người/năm với mức 200 USD, là mức của những nước nghèo nhất thế giới.

Với chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước từ sau các Đại hội VI và VII, chúng ta quyết tâm chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, mở cửa hội nhập với quốc tế, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, phát huy quyền tự chủ của các địa phương, cơ sở và các sáng kiến cá nhân, tăng cường khuyến khích lợi ích vật chất... làm cho nền kinh tế nước ta bắt đầu có bước phát triển khá. Liên tục trong mấy năm liền (1990 - 1995), tốc độ tăng GDP hằng năm đạt khoảng 8 - 9%. Tình trạng lạm phát phi mã những năm trước đây đã bị chặn đứng và đẩy lùi. Tổng sản lượng lương thực tăng hằng năm trên dưới 1 triệu tấn và năm 1995 đạt 27,5 triệu tấn. Từ chỗ trước đây mỗi năm thường thiếu 1 triệu tấn lương thực, đến nay đã xuất khẩu khoảng 2 triệu tấn gạo/năm. Khu vực kinh tế nông thôn đang được phát triển, và ngày càng có nhiều "tỉ phú", "triệu phú". Cán cân thương mại và buôn bán quốc tế trở nên lành mạnh hơn và đã vượt qua cửa ải 4 tỉ USD xuất khẩu mỗi năm - một con số gấp 4 lần mơ ước của thời kỳ tập trung, bao cấp trước đây.

Tuy nhiên, bên cạnh sự hồi sinh lớn lao ấy, trong nhiều người còn có những nỗi lo âu. Có rất nhiều vấn đề mới nảy sinh, do cơ chế mới đang hình thành chưa hoàn thiện với nhiều chính sách chưa tính hết hậu quả về mặt xã hội, quan hệ thị trường đang như những bài toán

học búa đối với người lao động khi họ tự mình phải bươn chải. Chế độ lương mới đã có tác dụng kích thích các ngành, các doanh nghiệp, những người lao động hăng hái lao động, sản xuất - kinh doanh có năng suất và hiệu quả, song do cơ chế tổ chức quản lý và sản xuất của nhà nước đã và đang tạo cho một số ngành, cơ quan, doanh nghiệp có được những lợi thế độc quyền, dẫn đến có những nguồn thu nhập độc quyền cao, chênh lệch rất xa so với những ngành, cơ quan, doanh nghiệp khác. Thêm vào đó là sự yếu kém của một hệ thống luật pháp, của sự kiểm tra, giám sát, điều tiết của bộ máy quản lý nhà nước, tệ nạn tham nhũng, buôn lậu... tạo nên những bất công trong xã hội. Sự phân hóa giàu - nghèo diễn ra trên phạm vi toàn quốc ngày càng rõ nét. Mức chênh lệch thu nhập công khai giữa nhóm người giàu và nhóm người nghèo bình quân ở các địa phương từ 8 đến 10 lần, cá biệt có nơi gấp tới 15 lần và còn có xu hướng gia tăng. Một số ý kiến cho rằng, điều đó đã vi phạm nghiêm trọng sự công bằng xã hội. Đánh giá và giải quyết vấn đề này quả là một bài toán học búa đối với toàn đảng, toàn dân ta trong bước đường đi tới. Không thể có được một đáp số hoàn mỹ, mà chỉ có phương án tối ưu cho cả hai vấn đề đó trong điều kiện hiện nay. Vì vậy, theo chúng tôi, *cần phải có một số quan điểm đánh giá và giải quyết vấn đề trên* :

- Thế giới đang ở trào lưu phát triển mạnh mẽ, nước ta đang là một trong những nước nghèo và kém phát triển nhất, thì *mục tiêu ưu tiên hàng đầu là phải đạt tốc độ phát triển kinh tế ở mức cao và có hiệu quả bền vững*. Phương châm là tìm ra con đường phát triển để đuổi kịp các nước, tránh nguy cơ tụt hậu.

- Khi chúng ta chưa đạt tới trình độ phát triển vượt qua ngưỡng 1000 USD - GDP/người/năm, nghĩa là chưa vượt qua cửa ải của các nước nghèo, chậm phát triển (theo quy định của Liên hợp quốc năm 1982) thì tiềm lực kinh tế cho phép giải quyết sự nghèo khó và công bằng xã hội luôn gặp khó khăn. *Vì thế, nhiệm vụ phát triển kinh tế với tốc độ cao và ổn định phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm.*

- Qua mấy năm thực hiện công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu đáng mừng

về tốc độ phát triển kinh tế, thu nhập và đời sống của các tầng lớp dân cư tăng lên đáng kể. Thực hiện cơ chế sản xuất - kinh doanh - phân phối thông qua thị trường có sự quản lý của nhà nước, trên thực tế, đã bảo đảm được công bằng xã hội một cách khả dĩ nhất, và chúng đã tạo nên những động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh hơn. Bởi vậy, *kiến trì thực hiện công cuộc đổi mới, chuyển toàn bộ nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước để bảo đảm ưu tiên phát triển với tốc độ cao, đồng thời giải quyết được sự công bằng giữa cống hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội là một quan điểm cần nhất quán trong thời gian tương đối lâu dài.*

- Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra trong mấy năm gần đây ở cả nông thôn lẫn thành thị là sự phân hóa có tính chất tương đối. Phần đông những người giàu, đặc biệt ở nông thôn, là những người có thu nhập từ các nguồn làm ăn chính đáng, trước hết là do họ có tài năng, có sự năng động, sáng tạo trong kinh doanh, thêm vào đó là có những điều kiện vật chất như tiềm lực về vốn, sức lao động dồi dào hơn. Chỉ có một số ít người giàu nhờ có được địa vị kinh tế do cơ chế tạo nên, cho phép họ phát huy lợi thế và một số rất ít do làm ăn phi pháp. Ngược lại, những người nghèo, phần đông là lười lao động, không có kinh nghiệm làm ăn, có ít sức lao động lại đông con và thiếu nhiều điều kiện sản xuất - kinh doanh. Như vậy trong sự phân hóa giàu nghèo ở đây đã thể hiện được một phân nguyên tắc đúng đắn là : ai làm tốt, làm giỏi, làm nhiều thì được hưởng nhiều, còn ai làm kém, làm dở, làm ít thì được hưởng ít. Cho nên, *sự phân hóa giàu nghèo hiện nay so với thời kỳ bình quân chủ nghĩa trong chế độ tập trung, quan liêu, bao cấp là biểu hiện của việc công bằng xã hội đang được thiết lập lại, chứ không phải công bằng xã hội đang bị vi phạm* (loại trừ những trường hợp làm ăn phi pháp - những trường hợp này luật pháp cần phải trừng trị).

- Ngay trong bản thân các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng có thể thực hiện được các chương trình nhằm mở rộng sự công bằng xã hội. Nhiều nước trên thế giới đã đề ra những

chiến lược phát triển kinh tế tập trung đầu tư vào nguồn lực con người, hướng vào những ngành thu hút nhiều lao động, mở rộng chỗ làm việc với thu nhập ngày càng cao đã cho phép thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn. Vì vậy, *nếu chúng ta xây dựng và thực hiện được những chính sách phát triển đúng đắn, thích hợp, có tính đến yếu tố biện chứng giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội, thì cũng có thể vừa thực hiện được mục tiêu ưu tiên hàng đầu cho phát triển kinh tế, vừa thực hiện được những chương trình bảo đảm sự công bằng xã hội ngày càng tốt hơn.*

Các phương pháp hay chính sách kinh tế - xã hội đề giải quyết vấn đề nói trên, trong giai đoạn trước mắt cũng như trong vòng 10 - 15 năm tới ở nước ta, theo chúng tôi :

Một là, cần phải xây dựng những chiến lược phát triển thích hợp, tạo ra tốc độ phát triển cao, đồng thời nâng cao được đời sống nhân dân. Kinh nghiệm của các nước Đông A cho thấy, chiến lược phát triển cần nhiều lao động, hướng về xuất khẩu đã thúc đẩy tốc độ phát triển nhanh trên cơ sở lợi thế so sánh về giá nhân công rẻ, đồng thời có khả năng tạo ra nhiều chỗ làm việc, thúc đẩy tăng thu nhập, tăng công bằng xã hội. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, chính sách phát triển hướng về xuất khẩu sẽ gặp nhiều trở ngại so với thời điểm các nước Đông Á tiến hành, vì các quốc gia phát triển cạnh tranh với các nước chậm phát triển, đồng thời có nhiều nước cùng tiến hành trong những lợi thế tương tự như nhau. Bởi vậy, nên chọn *hướng xuất khẩu những ngành, nghề, lĩnh vực có lợi thế so sánh, cùng với chính sách phát triển hướng vào thị trường nội địa trên cơ sở mở rộng việc làm, tăng thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư, là biện pháp khôn khéo, vừa bảo đảm được mục tiêu phát triển, vừa giải quyết một bước sự công bằng xã hội.*

Hai là, trong điều kiện kinh tế - xã hội còn lạc hậu, với hơn 80% dân số sống ở nông thôn, đời sống khó khăn, thì chiến lược phát triển kinh tế hướng đầu tư vào cải biến cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tiến hành công nghiệp hóa khu vực kinh tế nông thôn, thúc đẩy giao lưu kinh tế giữa nông thôn với thành thị và với thị

trường thế giới, sẽ là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước ; đồng thời xóa dần khoảng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, tiến tới nâng cao tính công bằng xã hội. Chính sách phát triển và công nghiệp hóa nông thôn cũng như thúc đẩy giao lưu kinh tế cần có sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước và tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng, trước hết là đường giao thông, điện, thủy lợi ; đồng thời tạo thị trường vốn, công nghệ, giúp đỡ người nghèo..., hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ vừa và nhỏ, cũng như sản xuất hàng hóa ở nông thôn một cách có hiệu quả.

Ba là, sự hòa quyền biện chứng giữa các động lực phát triển và công bằng xã hội thông qua các biện pháp bảo đảm tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội đều có quyền và có khả năng về cơ sở vật chất và cơ hội ngang nhau để tham dự vào quá trình sản xuất xã hội, nâng cao thu nhập cho bản thân họ. Tiến hành giao đất, giao rừng cho nông dân và cho phép họ có toàn quyền sử dụng vào mục đích sản xuất. Thừa nhận sức lao động là hàng hóa, hình thành các thị trường lao động, kết hợp với tăng cường đầu tư cho giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng... để phát triển nguồn nhân lực có sức khỏe, có tri thức, kỹ năng lao động ngày càng cao và tương đối đồng đều. Trên cơ sở có các chiến lược phát triển tạo ra nhiều chỗ làm việc để có thể sử dụng hợp lý, có hiệu quả đội ngũ lao động được đào tạo ra hằng năm. Đây sẽ là nhân tố tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, đồng thời là biện pháp bảo đảm cho công bằng xã hội ngày càng tốt hơn.

Bốn là, đổi mới cơ chế tổ chức quản lý và sản xuất - kinh doanh theo hướng hạn chế sự độc quyền của một số ngành, cơ quan quản lý, doanh nghiệp nhà nước, nhằm thu hẹp những nguồn thu nhập độc quyền cao. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát phát hiện những nguồn thu nhập và phương thức phân phối bất hợp lý để điều tiết vào ngân sách, ngăn chặn tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế và làm ăn phi pháp. Đây là một trong những biện pháp quan trọng làm giảm sự bất

công trong xã hội phải được thực hiện kiên quyết và có hiệu quả.

Năm là, biện pháp dễ nhận thấy và có tác dụng tích cực đối với việc bảo đảm tính công bằng xã hội là thực hiện phân phối lại thông qua chính sách thuế, bảo hiểm xã hội, các chương trình cứu tế và phúc lợi xã hội... Đây là biện pháp bảo đảm giải quyết công bằng xã hội có hiệu quả nhất trong điều kiện nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường hiện nay. Song, cơ chế điều hòa phân phối thu nhập ấy có thực hiện được tốt hay không lại phụ thuộc vào tốc độ và trình độ phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác trong xã hội cao thì mức thuế và khối lượng thuế sẽ thu được nhiều, ngân sách quốc gia mới có đủ để mở rộng các chương trình xã hội, cứu tế và phúc lợi công cộng khác. Ở đây, cũng cần chú ý rằng, khi thực hiện các chính sách điều hòa phân phối thu nhập luôn phải tính đến việc ưu tiên hàng đầu cho phát triển. Các chính sách, công cụ thuế nếu đặt ở mức quá cao sẽ làm giảm xuống quá thấp mức tích lũy cho đầu tư phát triển của từng doanh nghiệp, hoặc nếu tiến hành điều hòa quá mức thu nhập của người có thu nhập cao sẽ làm thui chột các động lực khuyến khích lợi ích cá nhân, dẫn tới sự đình trệ và công bằng xã hội sẽ bị vi phạm.

Tóm lại, các biện pháp giải quyết công bằng xã hội và phát triển kinh tế có quan hệ mật thiết với nhau, vừa thống nhất vừa mâu thuẫn biện chứng. Song, những biện pháp giải quyết công bằng xã hội quan trọng và có hiệu quả nhất, xét đến cùng, vẫn luôn luôn dựa trên cơ sở của sự phát triển kinh tế nhất định. Mục tiêu của chúng ta là phải : "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ, người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước" ⁽¹⁾ như Bác Hồ đã từng mong muốn □

(1) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, 14, tr 287

THẾ giới hiện đại đang tiến lên, phần đầu ngày một tốt hơn cho dân chủ và nhân quyền. Đó là điều ít ai chối cãi được. Quả thật, nếu ngày nay chúng ta đang chứng kiến một tình hình là thế giới đang phát triển theo hướng đa phương, đa dạng, thì vấn đề dân chủ và nhân quyền mang tính đa dạng cũng là lẽ đương nhiên. Thế nhưng, điều này lại đang gây ra sự không hài lòng cho những ai đó muốn nhấn mạnh đến giá trị "loàn nhân loại" của dân chủ và nhân

quyền. Đứng trước thực tế trong cuộc sống, bởi vì "quyền" không có nghĩa nào khác là cái mà phạm vi luật pháp cho phép.

Đã nói đến quyền sở hữu, có lẽ cũng cần nói thêm : muốn có nó phải có một quyền nữa - *quyền chiếm hữu sản phẩm xã hội*. Gắn liền với quyền này là quá trình tích tụ của cải hay quá trình làm giàu. Về vấn đề này, cho đến bây giờ tư tưởng của Mác trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* vẫn đúng.

Ông nói : người cộng sản không cấm ai về quyền chiếm hữu sản phẩm xã hội (của cải vật chất), mà chỉ cấm ai sử dụng quyền đó để bóc lột, nô dịch con người trong xã hội.

Lẽ đương nhiên, đã công nhận quyền chiếm hữu thì phải công nhận quyền sở hữu. Chỉ có điều, đối với người cộng sản, quyền sở hữu nào gây tai

họa cho xã hội, cho con người, thì cần phải ngăn chặn, xóa bỏ. Chủ nghĩa tư bản đã cho thấy : sở hữu tư nhân khi đã phát triển tới đỉnh cao thì nó gây tai họa như thế nào cho loài người. Chính vì thế, sau khi phân tích tỉ mỉ chủ nghĩa tư bản, vạch trần sở hữu tư nhân chính là nguồn gốc của mọi sự bóc lột và nô dịch trong xã hội, dẫn loài người đến sự chém giết lẫn nhau, Mác đã tuyên bố : cần phải "xóa bỏ" sở hữu tư nhân. Còn xóa bỏ nó như thế nào, thì tùy nơi, tùy lúc, tùy hoàn cảnh cụ thể. Và xóa bỏ nó thì cũng là để khôi phục *sở hữu cá nhân* trên phạm vi toàn xã hội. Đây là ý tưởng sâu sắc mang tính quy luật tất yếu mà lịch sử phải tuân theo. Thế là một lần nữa ta lại thấy thiên tài của Mác. Một số người công kích, phản bác Mác về điều này, rõ ràng là họ không hiểu Mác, không hiểu hoặc cố tình không hiểu biện chứng của lịch sử.

Giờ chúng ta quay lại vấn đề "*dân chủ*" và "*nhân quyền*". Một xã hội muốn có dân

HỌ MUỐN GÌ KHI ĐỒNG NHẤT VẤN ĐỀ SỞ HỮU VỚI DÂN CHỦ VÀ NHÂN QUYỀN ?

NGHIÊM HUNG

quyền. Họ muốn về các vấn đề này, nước nào cũng phải nghĩ và làm đúng như họ, bằng không thì là "vi phạm" dân chủ và nhân quyền. Một trong những mưu toan, đồng thời là cơ sở lập luận của họ là đồng nhất dân chủ và nhân quyền với sở hữu ; và sở hữu, theo ý họ, là sở hữu tư nhân.

Vì sao như vậy ? Chúng ta thử cùng nhau tìm hiểu.

Trước hết, hãy nói về "*sở hữu*". Thực chất của vấn đề "sở hữu" là *quyền sở hữu* trong xã hội. Do vậy, ở đây khái niệm "sở hữu" được sử dụng với nghĩa là quyền sở hữu. Tiếp đó, cần phân biệt giữa quyền sở hữu *cá nhân* và quyền sở hữu *tư nhân*. Sở hữu cá nhân liên quan tới *vật phẩm tiêu dùng*, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của mỗi cá nhân ; còn sở hữu tư nhân liên quan tới *tư liệu sản xuất*, phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, kiếm lợi nhuận trong xã hội. Quyền sở hữu chỉ có ý nghĩa trong xã hội khi nó được luật pháp

chủ và nhân quyền thực sự, thì trước hết phải tôn trọng sở hữu cá nhân, không chỉ trên văn bản luật pháp mà cả trong thực tế cuộc sống. Khi đặt vấn đề xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản, Mác chủ trương xóa bỏ sở hữu tư nhân, trên cơ sở đó khôi phục sở hữu cá nhân ở *trình độ cao hơn* : trên phạm vi toàn xã hội. Như vậy rõ ràng chỉ có chủ nghĩa cộng sản khoa học do Mác sáng lập, mới giải quyết được vấn đề dân chủ và nhân quyền một cách triệt để.

Trong lịch sử, ta thấy chủ nghĩa xã hội hiện thực không chỉ đề ra mà còn thực hiện từng bước mục tiêu thỏa mãn các nhu cầu của cá nhân. Nhưng đáng tiếc ở đó có lúc đã nhầm lẫn, đánh đồng sở hữu cá nhân với sở hữu tư nhân, hoặc hết sức coi nhẹ sở hữu cá nhân. Tất cả những sai lầm đó đã phải trả giá. Ở đây, chỉ xin lưu ý một điều : khi đi vào lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nga, đúng là lúc đầu Lê-nin chú trọng sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, coi nhẹ các sở hữu khác, nhưng chỉ ít lâu sau đó, ông đã nhận ra sai lầm và sửa chữa sai lầm. Kết quả là sở hữu tư nhân đã từng bước được khôi phục. Tiếc thay, sau khi Lê-nin mất, vì nhiều lý do, những người kế nghiệp lại quay lại với ý tưởng lúc đầu của ông : chỉ chấp nhận sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, còn sở hữu tư nhân (thậm chí cả sở hữu cá nhân) thì bị đánh một đòn chí mạng. Sai lầm đó kéo dài, khiến cho chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô lâm vào khủng hoảng và cuối cùng bị sụp đổ như ta đã biết. Ngày nay, nhờ sửa chữa những sai lầm nêu trên, một số nước xã hội chủ nghĩa không những đứng vững mà ngày càng đạt được kết quả quan trọng.

Song song tồn tại với chủ nghĩa xã hội hiện thực, chủ nghĩa tư bản lại đồng nhất sở hữu cá nhân và sở hữu tư nhân theo một hướng khác. Các nhà lý luận tư sản coi sở hữu tư nhân, cũng như tự do cá nhân, là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Điều đó khác nào họ thừa nhận mỗi người có quyền

tự do dùng sở hữu của mình để chiếm đoạt sở hữu của người khác, nô dịch người khác. Cũng vì vậy sau Cách mạng tư sản Pháp đã hơn 200 năm, khẩu hiệu "tự do, bình đẳng, bác ái" do nó đề ra vẫn còn là cái gì xa với đối với đại đa số người nghèo không sở hữu.

Lúc Mác còn sống, lịch sử đã cho thấy : cùng với sự phát triển của sở hữu tư nhân, giai cấp các nhà tư bản đã xuất hiện và giàu lên như thế nào nhờ vào máu và mồ hôi của những người nô lệ làm thuê ở chính quốc và thuộc địa. Cũng do sự tiếp tục tồn tại và phát triển của sở hữu tư nhân mà ngày nay chúng ta thấy những hiện tượng cực kỳ phi lý : ở các nước giàu nhất, các nhà tư bản chỉ chiếm vài phần trăm dân số mà nắm trong tay hàng mấy chục phần trăm của cải vật chất trong xã hội ; trên thế giới, nợ của nước nghèo phải trả cho nước giàu ngày càng lớn, lớn đến nỗi cho dù được xóa nợ, thì nước nghèo cũng phải vay thêm nợ mới nếu như muốn tồn tại và phát triển... Lịch sử đầy đau khổ này rõ ràng chỉ có thể gột rửa trên cơ sở ý tưởng của Mác : xóa bỏ sở hữu tư nhân, khôi phục sở hữu cá nhân trên phạm vi toàn xã hội. Chỉ có như vậy mới xóa bỏ được sự phân cực giàu nghèo trong phạm vi một nước cũng như giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới, thực hiện bình đẳng, công bằng xã hội. Tiếc rằng, công cuộc gột rửa này như ta thấy, hoàn toàn không đơn giản và dễ dàng. Nó phải kinh qua cơn đau đớn lâu dài, gay go và phức tạp. Như vậy Mác cũng như chủ nghĩa xã hội khoa học đều phải chủ trương thủ tiêu sở hữu cá nhân như các học giả tư sản muốn làm cho mọi người làm tưởng. Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ chủ trương xóa bỏ sở hữu tư nhân, vì nó là cội nguồn của bao đau khổ tới nay mà nhân loại phải chịu đựng.

Không chỉ đồng nhất sở hữu cá nhân với sở hữu tư nhân, một số người còn *đồng nhất sở hữu với dân chủ và nhân quyền*. Họ nói thẳng thừng : "sở hữu là dân chủ và nhân quyền". Điều này thật ra cũng không có gì

là lạ, bởi vì quyền của con người về kinh tế gắn với sở hữu. Nhưng muốn tồn tại và phát triển, con người đâu chỉ cần có quyền về kinh tế. Chưa kể có nơi, có lúc, quyết định đối với con người lại không phải quyền kinh tế mà là quyền chính trị hoặc quyền văn hóa. Nói đến quyền *con người*, quyền của *một thực thể sinh học - xã hội*, thì phải nói đến *tất cả các quyền* : kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Không thể chỉ nói quyền này, mà lờ đi hoặc không nói đến quyền kia. Mọi ý định tuyệt đối hóa quyền sở hữu, đều méo mó, không khách quan. Nói như họ, thực tế là không muốn thừa nhận con người là một thực thể xã hội, một "tổng hòa các mối quan hệ xã hội" như Mác quan niệm.

Sở hữu thật ra chỉ là một mặt trong "tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Lấy một mặt của vấn đề rồi tuyệt đối hóa nó lên, ít nhất người ta đã phạm sai lầm về phương pháp. Trong lịch sử, người ta đã từng mắc sai lầm tương tự. Thời cổ đại, người ta coi con người là "động vật chính trị" ; nô lệ đứng ngoài chính trị, nên nô lệ đương nhiên không phải là "người". Đến chế độ phong kiến, thần quyền chiếm ưu thế, thì dân chủ và nhân quyền có lúc gần như đồng nhất với "phép thông công" của nhà thờ. Ngày nay, nếu như ai đó nói, sở hữu là "dân chủ" và "nhân quyền" thì rõ ràng "dân chủ" và "nhân quyền" chỉ dành cho những người có của. Đối với các nước đã đi theo con đường xã hội chủ nghĩa như nước ta, điều đó cũng có nghĩa : để có "dân chủ" và "nhân quyền", chỉ còn cách là quay về với chủ nghĩa tư bản. Thật vậy, chỉ có ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay mới có chuyện : cá nhân nào chiếm được nhiều của cải xã hội, nắm trong tay các tư liệu sản xuất chủ yếu thì sẽ có tất cả. "Dân chủ" và "quyền con người" theo kiểu của họ mới đầy đủ làm sao ! Nắm các mạch máu kinh tế, các cơ quan quyền lực chính trị, các phương tiện thông tin đại chúng... họ thỏa sức muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Còn dân nghèo thì cứ việc "tự do" sống trong cảnh khốn cùng,

thất học, thất nghiệp, bệnh tật, sa đọa... Cho nên cũng dễ hiểu vì sao các ông chủ sở hữu, các nhà tư bản, ghét cay ghét đắng cái gọi là "xóa bỏ sở hữu tư nhân" hay "công hữu hóa tư liệu sản xuất" mà các nhà mác xít chủ trương và các nước xã hội chủ nghĩa đang tiến hành. Họ hẳn học đả kích vấn đề sở hữu ở các nước xã hội chủ nghĩa, lấy đó làm mục đích, phương tiện cho việc thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình". Họ không ngừng la lối "xóa bỏ tư hữu" như Mác nói là sai ; rằng muốn có "dân chủ" và "nhân quyền" thì dứt khoát phải "tư nhân hóa" nền kinh tế quốc dân, "đa nguyên hóa" hệ thống chính trị... Tiếc rằng, một bộ phận lãnh đạo ở một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã không chịu nổi sức ép đó, từ bỏ con đường đã chọn, đi theo hướng này. Kết quả là ở các nơi ấy đã xảy ra hiện tượng cướp bóc thế kỷ : người ta đua nhau bán đồ, bán tháo tài sản nhà nước một cách vô tội vạ ; không ít kẻ cơ hội qua đó đã giàu lên nhanh chóng và trở thành nhà tư bản trong nháy mắt, còn đại đa số người lao động thì cũng chỉ trong gang tấc của thời gian bị đẩy vào cảnh thất nghiệp với cuộc sống dưới mức nghèo khổ, mất luôn quyền dân chủ, quyền con người mà trước đó họ từng được hưởng...

Đất nước ta đang từng giờ đổi mới và có nhiều thành quả tốt đẹp nhờ có đường lối đúng đắn, trong đó có sự chất lọc kinh nghiệm của các nước khác về lĩnh vực quyền con người và quyền sở hữu. Chúng ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, trong đó lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo, thực hiện cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu cho dân giàu nước mạnh, chú ý phát triển văn hóa xã hội hài hòa với tăng trưởng kinh tế, bảo đảm ngày càng đầy đủ dân chủ và quyền con người. Thực tế ngày càng cho thấy, đó là cách đi tốt nhất để đưa đất nước không ngừng tiến lên, tránh được những đau đớn mà lịch sử đã gặp phải □

Thơ kháng chiến tài sản thơ dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng

VŨ DUY THÔNG *

TRONG những thành tựu nghệ thuật dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn nửa thế kỷ qua, nhìn nhận khách quan, dễ thấy văn học luôn có vị trí hàng đầu về nhiều mặt. Trong nền văn học cách mạng đó, đầu tiên phải kể đến *thơ*. Thành tựu của thơ được thể hiện ngay ở đội ngũ sáng tác, tác phẩm và tầm ảnh hưởng xã hội của nó với công chúng nghệ thuật. Với thơ, nhất là thơ trữ tình, quá trình sáng tác là quá trình nhà thơ bộc lộ cái tôi chủ quan của mình trên mặt giấy như một thông điệp về quan niệm sống, về cảm nhận, rung động trước hiện thực khách quan. Thông điệp đó được gửi tới người đọc và người đọc lại tái hiện những xúc cảm thẩm mỹ qua tác phẩm thơ bằng chính xúc cảm và vốn sống của mình. Bởi vậy, khi nhà thơ và công chúng thơ là con người của một thời kỳ lịch sử nhất định, thì cái tôi trữ tình của nhà thơ cũng mang dấu ấn của thời kỳ lịch sử đó. Một bài thơ được tiếp nhận đối với người đọc là bài thơ cái tôi trữ tình của nhà thơ đồng thời cũng là cái ta của cả cộng đồng. Văn học phản ánh thời đại không chỉ là tấm gương thụ động sao chụp, ghi chép thực tiễn, mà còn phản ánh một cách chủ động hiện thực tâm trạng thời đại ; trong một tác phẩm, đại diện cho hiện thực đó, chính là tâm trạng tác giả.

Lâu nay, trong các công trình nghiên cứu, nhiều tác giả đã đi đến nhất trí : có một nền thơ cách mạng, một nền thơ xuất hiện từ trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc từ những năm 30 dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sau Cách mạng Tháng Tám, cùng với sự phát triển của cách mạng, nó là bộ phận của nền văn học chính thống, cho đến ngày nay. Như vậy, văn học cách mạng trong đó có thơ nửa thế kỷ qua là một giai đoạn trong tiến trình thơ của dân tộc có bề dày hàng nghìn năm lịch sử là điều không phải bàn luận. Nhưng khi đánh giá về thơ cách mạng, người ta thường chia ra hai bộ phận : đó là thơ phản ánh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thơ kháng chiến. Tuy hai chủ đề không phải lúc nào cũng

tách bạch, nhưng thuật ngữ "thơ kháng chiến", "văn nghệ kháng chiến" đã trở thành quen thuộc. "Thơ kháng chiến" dùng ở đây nhằm vào những tác phẩm trực tiếp miêu tả hiện thực tình cảm của nhà thơ trong sự nghiệp đánh giặc, cứu nước của nhân dân ta kéo dài suốt ba thập kỷ. Thơ kháng chiến cả về số lượng và chất lượng là dòng chảy lớn nhất, cuộn xiết nhất của thơ cách mạng nước ta. Hiện tượng văn học độc đáo đó khiến cho hầu hết các tác giả khi bàn về thơ cách mạng sau năm 1945 đều sử dụng những cứ liệu hoặc nêu ý kiến từ dòng thơ mang chủ đề hoặc đề tài này.

Đề tài cách mạng và kháng chiến còn là nguồn cảm hứng lâu dài của các văn nghệ sĩ nhưng giai đoạn thơ được sáng tác trong những năm đánh giặc thì đã có khoảng cách 20 năm, thời gian đủ để lùi xa, nhìn nhận. Khi đánh giá một thời kỳ văn học cần đặt các tác phẩm trong bối cảnh ra đời, đồng thời nghiên cứu nó với cách nghĩ của ngày hôm nay.

Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp, nhất là những năm đầu của thời kỳ này, văn học chưa tách ra thành một ngành nghệ thuật ; các nhà thơ dù đã từng chuyên nghiệp, đi vào cuộc chiến không phải với tư cách để

* Nhà thơ

chuyên làm nghề thơ. Họ vào bộ đội, viết báo, đi phục vụ chiến dịch, vận động thuế nông nghiệp, trừ gian, phá tề... Họ tự nguyện sử dụng tài năng và chút hiểu biết về thơ để làm những bài ca dao, hò, vè, tấu... tuyên truyền cho kháng chiến. Thơ trữ tình (nếu có) chủ yếu ghi trong sổ tay hoặc truyền miệng cho nhau. Việc xuất bản rất khó khăn bởi giấy và mực in rất thiếu, cần ưu tiên cho những nhu cầu cấp bách hơn thơ. Như vậy, thơ phong trào, thơ tuyên truyền sốt dẻo là một thực tế khách quan không hẳn chỉ vì sự gò bó, ép buộc. Gần cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước và nhất là trong quá trình chống Mỹ cứu nước, đội ngũ nhà thơ chuyên nghiệp mới dần dần hình thành. Họ là những nhà thơ Mới bừng sáng trở lại sau nhiều năm trầm trở "*từ thung lũng đau thương tới cánh đồng vui*" (Chế Lan Viên). Họ là lớp nhà thơ đã khẳng định mình từ trong phong trào sáng tác nghiệp dư thời kỳ đầu chống Pháp. Họ là lớp đông đảo những người được đào tạo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa, có ý thức nghề nghiệp "*ngờ không thơ thì không cả đời mình*" và hăm hở bước vào cuộc chiến với chất lãng mạn "*đường ra trận mùa này đẹp lắm*" (Phạm Tiến Duật) nhưng cũng đầy ý thức về mất mát, hy sinh đang chờ.

Từ trong "phong trào" thơ sáng tác với mục đích truyền cho nhau niềm tin vào chiến thắng, tăng thêm dũng khí chiến đấu trước vận nước nghiêng nghèo, nền thơ bác học đã ra đời. Thơ vận động theo quy luật của cái đẹp. Chỉ có tư tưởng đúng và nhiệt tâm chưa đủ để có thơ hay, hoặc chẳng cũng chỉ là sự thành công ngẫu nhiên, sự lóe sáng bất ngờ của bản năng sáng tạo. Thơ hay là sản phẩm của một quá trình lao động tự giác của tâm hồn, tài năng và tay nghề. Cho nên cũng dễ giải thích càng về cuối hai cuộc chiến tranh, đội ngũ thơ ngày càng đông đảo, số lượng cũng như chất lượng thơ cũng có những bước vượt lên rõ nét.

Nói đến vấn đề chất lượng nghệ thuật thơ kháng chiến, trước hết cần thỏa thuận một quan niệm : đã nói đến thơ cần nói đến những bài thơ hay, những bài thơ qua vài chục năm

vẫn còn lay động trái tim người đọc. Nếu chịu khó ghi chép tất cả những bài ca dao cổ trong dân gian, chắc không đủ giấy in, nhưng chỉ cần đọc vài trăm câu ca dao trong một tuyển tập khá quen thuộc đã đủ khiến ta mê đắm tài thơ của cha ông. Những bài thơ xuất hiện trong phong trào thơ Mới hẳn tới cả vạn nhưng di sản thơ Mới để lại cho thơ Việt nam chắc không vượt quá số trăm và thật hay chắc không quá số chục. Cũng như thế với thơ kháng chiến, dù thiên kiến hay khó tính đến đâu, khi khắc họa bức chân dung thơ Việt nam nửa cuối thế kỷ 20 lại không đặt lên vị trí hàng đầu các nhà thơ cách mạng và hàng trăm bài thơ sẽ còn mãi tới mai sau cho dù sự rơi rụng vẫn tiếp tục theo quy luật của nghệ thuật.

Vậy cái hay của thơ kháng chiến phải chăng chỉ ở chỗ nó *cần* và nó *đúng* ? Nói như vậy chỉ là cách làm giảm giá trị có thật của thơ kháng chiến bởi có nhiều điều *cần* và *đúng* trong chiến tranh sẽ không còn *cần* và *đúng* trong thời bình. Vấn đề là ở chỗ cùng với nhân sinh quan tiến bộ và trách nhiệm công dân của nhà thơ, thơ kháng chiến còn là một giai đoạn phát triển mới của nghệ thuật thơ Việt nam.

Sau một thời gian dài trì trệ, giữa những năm 30 của thế kỷ này, thơ Việt nam đã có một cuộc cách mạng, đó là phong trào thơ Mới. Cuộc cách mạng này có tầm ảnh hưởng sâu rộng không chỉ riêng với thơ mà còn với nhiều ngành nghệ thuật khác. Suốt thời kỳ trung cổ, trừ một số thiên tài vượt lên trên thời đại mình, cái tôi trong thơ bác học phong kiến hết sức ước lệ, mờ nhạt. Các nhà thơ Mới đã đưa cái tôi, cái bản ngã "*Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất*" (Xuân Diệu) trở thành nhân vật trữ tình trung tâm của thơ. Thơ Mới cũng đã đổi mới mạnh mẽ trong hình tượng, ngôn ngữ, nhịp điệu, nhạc tính cho thơ Việt. Các nhà thơ Mới tiêu biểu sau này phần lớn đều đến với cách mạng và một lần nữa họ lại trở thành những người đứng ở vị trí hàng đầu của thơ cách mạng, tự vượt lên chính mình về tư tưởng và nghệ thuật.

Đến đầu những năm 40 của thế kỷ này một lần nữa thơ lại rơi vào tình trạng bế tắc ;

ngay những nhà thơ tài năng nhất của thơ Mới cũng ngừng viết hoặc không vượt nổi những đỉnh cao của mình. Cách mạng đã mang đến cho thơ một chân trời mới, nơi gặp gỡ giữa khát vọng *chân - thiện - mỹ* của người nghệ sĩ và lý tưởng cao cả của toàn dân tộc. Xúc cảm thẩm mỹ đã thay đổi về chất, thơ cần tìm tới cách biểu đạt mới tương ứng. Cuộc hành trình vô cùng gian khổ và không chỉ một lần thất bại. Những bài thơ, thậm chí cả những trường ca hô hào ồn ã tỏ ra ít hiệu quả nghệ thuật. Tìm tới thi pháp của ca dao truyền thống, thành ra hò, về nông cạn. Tiếp cận với nghệ thuật biểu diễn, thơ thành những bài tấu trong những đêm lửa trại. Thí nghiệm thơ không vần, thơ văn xuôi nhưng công chúng quá vắng vẻ. Tiếp tục mạch "chính phủ", "cô lũ" của thơ Mới nhưng cũng không thể liên mạch, dài hơi. Từ những mò mẫm, thể nghiệm đó, xuất hiện nhiều tác phẩm đổi mới rõ nét về thi pháp, cho đến ngày nay vẫn còn là mẫu mực của nghệ thuật thơ Việt.

Về thể loại, thể thơ không hạn chế về số câu, số chữ với cách ngắt câu, ngắt đoạn phóng túng ta quen gọi là *thơ tự do* đã tự khẳng định như một thể thơ có tầm vóc xuất hiện cao. Mạnh nha của thể thơ này đã có ở *Nhớ rừng* (Thế Lữ), *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Ave Maria* (Hàn Mặc Tử) nhưng còn là những bước thể nghiệm, ít nhiều còn hơi hướng của niêm luật ; thì đến *Nhớ* (Hồng Nguyên), *Đèo ca*, *Màu tím hoa sim* (Hữu Loan), *Phá đường*, *Ta đi tới* (Tố Hữu), *Lửa đèn*, *Giù em cô thanh niên xung phong* (Phạm Tiến Duật) v.v. nó đã hoàn thiện, trở thành một thể thơ độc lập. Trước thơ kháng chiến, chưa từng có hiện tượng sử dụng nhiều thể thơ trong một tác phẩm, thí dụ như trong *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm), *Ta đi tới* (Tố Hữu), *Tết quân dân* (Lưu Quang Thuận) và nhiều sáng tác khác. Vào thời kỳ chống Mỹ, xuất hiện thể loại *trường ca trữ tình* khác xa những trường ca mà thực chất là truyện thơ, kịch thơ thời thơ Mới. Đó là những tác phẩm thơ dài, có chương tiết nhưng không có cốt truyện mà vận động theo mạch cảm xúc trữ tình. Có thể kể đến *Mặt đường khát vọng* (Nguyễn Khoa Điềm), *Đường đi tới biển*

(Thanh Thảo), *Đường tới thành phố* (Hữu Thỉnh), *Mặt trời trong lòng đất* (Trần Mạnh Hảo). Những tìm tòi nhằm phá vỡ cấu trúc thơ lục bát, thơ không vần, thơ văn xuôi, thơ hai câu... hiện nay cũng có nhiều hứa hẹn.

Chúng ta cũng dễ dàng tìm được trong thơ sau 1945 sự đổi mới về nhịp điệu thơ, ngôn ngữ thơ theo hướng tiếp cận với ngôn ngữ, cách biểu đạt đời thường. Có lẽ, ngôn ngữ bình dân thời kỳ thơ Mới chỉ thấp thoáng trong thơ Nguyễn Bính thì giờ đây ủa vào thơ :

*Đằng nó vợ chưa
Đằng nó ?
Tớ còn chờ độc lập
Cả lũ cười vang ruộng bắp*
(Hồng Nguyên)

*Bác ơi Bác chưa ngủ
Bác có lạnh lắm không*
(Minh Huệ)

*Không có kính không phải vì xe
không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*
(Phạm Tiến Duật)

Sự đổi mới về ngôn ngữ mang đến cho thơ diện mạo hiện đại khiến sau nửa thế kỷ vẫn không gây cảm giác gián cách về thời gian.

Một thành tựu nổi bật của thơ kháng chiến được nhiều người thừa nhận đó là *đã sáng tạo nên hệ thống hình tượng có sức truyền cảm sâu sắc*, có sự đổi mới về chất so với trước đó. Hình tượng thơ là kết quả đồng hiện của nội dung và hình thức, ở đó thể giới quan, tài năng, vốn sống nghệ thuật, cảm hứng, thi pháp của nhà thơ hòa quyện với nhau. Một giai đoạn văn học, nói hẹp hơn, một giai đoạn thơ để lại dấu ấn sâu sắc nhất thông qua những hình tượng thơ mà nó tạo dựng. Con cò, con bống trong ca dao cổ ; người quân tử trong thơ Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ ; người phụ nữ bạc phận bị bóp nghẹt quyền sống trong *Truyện Kiều*, *Cung oán ngâm*, *Chinh phụ ngâm*, thơ Hồ Xuân Hương ; những nhà nho bất đắc chí trong thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà ; cái tôi cô đơn, u uất không toại nguyện (yêu đời, yêu người,

yêu nước được biểu hiện cụ thể qua hình ảnh con hổ trong cũi sắt, khách chinh phu, khách tha hương, người mơ, người say, người điên...) thời kỳ thơ Mới là những hình tượng in đậm trong thơ Việt. Tiếp thu tinh hoa truyền thống và phát triển trên một bình diện mới, thơ kháng chiến đã sáng tạo nên những hình tượng chưa từng có hoặc có thì cũng thay đổi về căn bản trong xúc cảm thẩm mỹ.

Hình tượng Tổ quốc đã có trong văn học viết với *Nam quốc sơn hà* (Lý Thường Kiệt), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu và nhiều nhà thơ khác. Khi hào sảng, khi bi tráng, khi ẩn ức xa xôi, hình tượng Tổ quốc trong thơ Việt nam khá liên mạch và làm nên giá trị chủ yếu trong những tác phẩm tiêu biểu của văn học nước nhà. Tuy nhiên, chỉ trong thơ cách mạng, thơ kháng chiến, hình tượng Tổ quốc mới kết hợp được tình cảm yêu nước với tinh thần thời đại (*Hình của Đảng lồng trong hình của Nước* - Chế Lan Viên), giữa dân tộc với quốc tế (*Ta vì ta, ba chục triệu người. Cũng vì ba ngàn triệu trên đời* - Tố Hữu). Tình yêu Tổ quốc không dừng lại ở lòng tự tôn non sông gấm vóc, con rồng, cháu tiên và những thời vàng son quá khứ mà còn là niềm tự hào về hiện tại, niềm lạc quan về tiền đồ đất nước. Hình tượng Tổ quốc cũng được sáng tạo ở nhiều chiều kích phong phú:

- Thiên nhiên tươi đẹp:

*Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi
Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt*
(Tố Hữu)

- Lịch sử rạng rỡ:

*Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về*
(Nguyễn Đình Thi)

- Con người cần cù, đôn hậu, giàu khí phách:

*Những người vợ nhớ chồng góp cho
đất nước hòn núi Vọng Phu*

*Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên
hòn Trống Mái
Gót ngựa Thánh Gióng đi qua còn
trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình
dựng đất tổ Hùng Vương*
(Nguyễn Khoa Điềm)

Niềm tự hào chính đáng được nhân lên trong tư thế "rũ bùn đứng dậy sáng lòa" của người chiến thắng, ở tầm vóc của độc lập, tự do:

*Tổ quốc có bao giờ đẹp thế này chăng?
Chưa đâu, kể cả những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa
thành văn
Khi Nguyễn Huệ cười voi vào cửa Bắc
Hung Đạo diệt quân Nguyên trên
sông Bạch đằng*
(Chế Lan Viên)

Nếu hình tượng Tổ quốc được sáng tạo ở tầm kỳ vĩ thì hình tượng người lính - anh bộ đội Cụ Hồ - lại mang sắc thái mới mẻ khác. Họ là những người nông dân áo vải yêu đời, trái tim nặng tình yêu thương, đi vào cuộc chiến tranh đầy gian khổ, hy sinh với niềm lạc quan chiến thắng. Người lính hôm nay khác xa với người lính trong ca dao cổ hay người chinh phu mang chí lớn vu vơ, đầy mặc cảm thất bại trong thơ Mới (*Tổng biệt hành* - Thâm Tâm). Người lính cách mạng mang lòng căm thù quân xâm lược đã gây ra bao cảnh "*Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn*" (Hoàng Cầm). Trong lòng họ có cả nỗi ngậm ngùi (*Màu tím hoa sim* - Hữu Loan), nỗi đau mất đồng đội (*Nắm mộ và cây trầm* - Nguyễn Đức Mậu), niềm thương nhớ khôn nguôi người thân (*Đồng chí* - Chính Hữu), nỗi buồn, điều không thể thiếu được trong con người (*Tây Tiến* - Quang Dũng), có cả niềm day dứt đến ứa nước mắt:

*Anh ngược nhìn lên hai dốc núi
Hàng thông, bờ cỏ, con đường quen
Nặng lại bỗng dưng mờ bóng khói
Núi vẫn đôi mà anh mất em*
(Vũ Cao)

Nhưng vượt lên phần con người bình thường ấy là phẩm chất của người anh hùng kiêu mới. Từ anh vệ quốc hồn nhiên trong những ngày đầu đánh Pháp tới anh chiến sĩ giải phóng quân dày dạn kinh nghiệm chiến đấu, đội ngũ trùng điệp thời kỳ đánh Mỹ, anh bộ đội Cụ Hồ là hình ảnh tiêu biểu cho những thế hệ thanh niên cách mạng, là "*Dáng đứng Việt nam tạc vào thế kỷ*", như một câu thơ đầy hình tượng của Lê Anh Xuân.

Một hình tượng thơ khác để lại nhiều rung động trong lòng người đọc là những con người ở hậu phương, trong đó thành công nhất là gương mặt những người mẹ, người vợ, người chị, người yêu gắn bó thân thương với người ra trận. Khi đất nước lâm nguy "*Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*", khi giặc đi rồi, người phụ nữ thành nơi nương tựa, nơi lặng lẽ chất chiu từng tấm áo, bát gạo nuôi người lính. Họ là bà mẹ cấm từng cây mạ giữa mưa phùn gió rét, nỗi nhớ con tê tái ; mẹ đào hầm từ lúc tóc còn xanh đến khi đã phơ phơ đầu bạc ; mẹ lót ổ rơm cho người lính đêm hành quân (*Nơi ấm ổ rơm* - Nguyễn Duy), đốt ngọn lửa ấm mỗi chiều mỗi sớm (*Bếp lửa* - Bằng Việt). Họ thành những "giọt đèn", chia bình yên cho mỗi con đường (Hữu Thỉnh). Đất nước bị chia cắt hai mươi năm ròng rã, thế hệ này đến thế hệ khác nối nhau ra tiền tuyến nhưng tuổi xuân không dừng lại chờ ngày chiến thắng, biết bao người con gái như người phụ nữ trong trường ca *Đường tới thành phố* đã phải "chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền". Thơ kháng chiến khắc họa với thái độ trân trọng về người phụ nữ và cũng rất nhiều đồng cảm với người phụ nữ. Thơ Việt từ xưa luôn dành cho người phụ nữ những dòng thân thương nhất nhưng chưa bao giờ hình tượng người phụ nữ lại đáng yêu, cao đẹp như trong thơ kháng chiến.

Còn có thể kể ra nhiều hình tượng thơ đặc sắc được sáng tạo trong thơ kháng chiến. Hình ảnh những anh hùng có tên tuổi và không tên tuổi mà hình tượng người anh hùng dân tộc, người cộng sản Hồ Chí Minh là một minh chứng đặc sắc. Trừ đôi nét chấm phá về Lê Lợi trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi,

chưa từng xuất hiện một tiền lệ về một anh hùng dân tộc được khắc họa sát nguyên mẫu, với chất lượng nghệ thuật cao như trường hợp Hồ Chí Minh. Còn có thể kể thêm Nguyễn Văn Trỗi, Trần Thị Lý, mẹ Suốt, cô du kích núi Đồi, liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân v.v.. Từ những hình tượng thơ, một số đã được trình bày ở trên, phần nào đã trở thành mô-típ ổn định trong một thời gian dài, thơ kháng chiến đã góp phần làm phong phú thêm cuộc sống và con người Việt nam trong văn học, ở vào một giai đoạn rất quan trọng trong lịch sử cũng như trong tiến trình văn hóa dân tộc.

Nghệ thuật luôn vận động, đổi mới. Kháng định thành quả, đồng thời cùng tìm ra những mặt hạn chế, bất cập của thời kỳ đã qua, như chuẩn bị hành trang cho thời kỳ mới là đòi hỏi hợp lẽ tự nhiên. Bên cạnh những gặt hái không thể phủ nhận như vừa trình bày vài nét chính ở trên, thơ cách mạng nói chung hay thơ kháng chiến không tránh khỏi những mặt một chiều, dễ dãi, non nớt. Mạch hướng ngoại lấn át hướng nội. Xu hướng phổ cập hạn chế mong muốn nâng cao. Sự đồng điệu đến mức thái quá có phần ngăn trở sự tìm tòi, thể nghiệm riêng của người nghệ sĩ. Cái tôi trữ tình với nhiều cung bậc, nhiều trạng huống bị che khuất vì sự ưu tiên cho cái ta cộng đồng. Mặc dù vậy, không thể từ những hạn chế này (thực ra ngoài vai trò chủ quan còn do hoàn cảnh lịch sử quy định) mà phủ định nửa thế kỷ thơ giàu sức sáng tạo. Thơ kháng chiến đã kế thừa tài sản thơ nhiều thế kỷ, không những của dân tộc mà của cả nước ngoài. Giờ đây, kế thừa có chọn lọc thơ kháng chiến lẽ nào lại trái quy luật, đến nỗi phải chối bỏ theo cách "cưa đứt đục suốt" ? Con người có thể nóng hay vội vã nhưng thời gian không bao giờ nôn nóng. Mà chính thời gian tính bằng năm tháng, thời gian đo bằng ký ức và tâm hồn người đọc sẽ là phán quan cho những giá trị đích thực của nghệ thuật dù nó được viết ở đâu, vào thời gian nào. Còn hạnh phúc nào hơn được tự hào về nền văn học cách mạng thời gian qua và được quyền hy vọng vào những mùa quả sai trĩu hơn, ngọt ngào hơn trong xanh tươi khu vườn văn học Việt nam □

Công cuộc đổi mới ở Trà Vinh Thành tựu và hướng phát triển

BÙI QUANG HUY *

TỈNH Trà Vinh nằm ở đồng bằng sông Cửu Long (năm 1976 sáp nhập với tỉnh Vĩnh Long thành tỉnh Cửu Long ; tháng 5 - 1992, tách ra) với diện tích tự nhiên 2 371 km², đất nông nghiệp 164 591 ha (116 571 ha trồng lúa, rừng ngập mặn trên 20 000 ha), có 65 km bờ biển ; dân số năm 1995 là 977 800 người (30% là dân tộc Khơ me).

Tỉnh Trà Vinh khi tách ra kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, đời sống tụt hậu rất xa so với các tỉnh trong khu vực : 42 000 hộ nông dân sống dưới mức nghèo khổ, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, trình độ dân trí thấp, nhiều vấn đề bức bách về văn hóa, xã hội đặt ra chưa giải quyết được... Nhưng với xu thế phát triển chung của cả nước, đảng bộ, quân dân Trà Vinh phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, tự lực tự cường, vận dụng sát đúng đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn, tập trung tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, làm cho kinh tế của tỉnh 4 năm qua (1992 - 1995) đạt được nhịp độ tăng trưởng liên tục, khắc phục được một bước tụt hậu. Giá trị thu nhập quốc nội (GDP) tăng bình quân hằng năm 8,45% ; thu nhập bình quân đầu người năm 1992 là 233 USD, năm 1995 tăng lên 295 USD. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch tích cực, giá trị tỷ trọng công nghiệp dịch vụ không ngừng tăng lên. Kinh tế quốc doanh có 21 doanh nghiệp (hầu hết mới thành lập sau chia tỉnh) được bố trí ở các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, nhiều doanh nghiệp đang vươn lên làm ăn có hiệu quả, tăng được nguồn thu cho ngân sách. Kinh tế tập thể được củng cố và phát triển với nhiều hình thức

đa dạng, thích hợp, thúc đẩy tích cực quá trình sản xuất kinh doanh, mở mang ngành nghề, phân công hợp lý lực lượng lao động, tạo được bước chuyển biến mới trong quan hệ sản xuất ở nông thôn. Đã xây dựng được 22 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, giao thông vận tải ; 3 244 tổ hợp tác trong nông nghiệp ; 9 quỹ tín dụng nhân dân ; 206 tổ tương trợ vốn phát triển kinh tế gia đình... Kinh tế tư nhân được khuyến khích và phát triển rộng, mạnh. Đã có 235 doanh nghiệp tư nhân và trên 7 000 hộ kinh doanh cá thể trên lĩnh vực tiểu, thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Cùng với nhịp độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống nhân dân có nhiều tiến bộ, khắc phục được tình trạng hộ đói, giảm 50% hộ nghèo ; số hộ giàu và hộ khá không ngừng tăng lên. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng ngày càng nhiều hơn, bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công được triển khai thực hiện tốt. Đoàn kết nội bộ, đoàn kết dân tộc, lương giáo tiếp tục được phát huy ; an ninh chính trị ổn định ; kỷ cương luật pháp tốt hơn ; những tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội được khắc phục có hiệu quả ; lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố và tăng cường.

Thành tựu của tỉnh Trà Vinh tuy còn khiêm tốn, còn nhiều vấn đề kinh tế - xã hội chưa giải quyết tốt, nhưng đi lên trong điều kiện một tình mới, còn nhiều khó khăn thử

* Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh

thách ; đạt được những thành tựu đó là điều có ý nghĩa rất quan trọng. Điều đó cho thấy đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Trà Vinh đã vận dụng và thực hiện đúng đường lối đổi mới của Đảng, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được cơ sở cho sự phát triển ở chặng đường tiếp theo.

Từ những thành tựu và tồn tại trong những năm qua ở Trà Vinh, chúng tôi sơ bộ rút ra một số bài học như sau :

Một là, đoàn kết đảng bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc, lương giáo là nhân tố thường xuyên, quyết định thắng lợi. Đây là bài học truyền thống qua 2 cuộc kháng chiến cũng như trong thời kỳ xây dựng tỉnh Cửu Long trước đây và hiện nay đang được phát huy trong đảng bộ, nhân dân tỉnh Trà Vinh. Thực tế đã chứng minh khi nào phát huy tốt truyền thống đó thì khắc phục được khó khăn, tạo được sức mạnh, đưa phong trào từng bước phát triển đi lên.

Hai là, phát huy ý thức tự lực tự cường, khai thác tốt tiềm lực tại chỗ đi đôi với việc tranh thủ và sử dụng chi viện bên ngoài có hiệu quả thì kinh tế phát triển, xã hội ổn định. Nền kinh tế - xã hội của tỉnh còn có nhiều khó khăn, do đó phát huy ý chí tự lực tự cường, tinh thần trách nhiệm của từng địa phương, đơn vị, từng cá nhân cán bộ, đảng viên và nhân dân là vấn đề có ý nghĩa quyết định. Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, sự ủng hộ của bạn bè để phát huy khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của địa phương để thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và nâng dần đời sống của nhân dân.

Ba là, thường xuyên cảnh giác, tăng cường quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị. Do đặc điểm vị trí của tỉnh Trà Vinh, khi đặt nhiệm vụ kinh tế trọng tâm, phải thường xuyên tăng cường cảnh giác, củng cố quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị là hết sức quan trọng, chẳng những có ý nghĩa đối với tỉnh mà còn có ý nghĩa đối với cả khu vực. Thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng phải trên cơ sở phong trào quần chúng và biện pháp nghiệp vụ tốt, đấu tranh

và xử lý đúng người đúng tội, đúng chính sách dân tộc, tôn giáo, không để sơ hở, kẻ xấu lợi dụng kích động.

Bốn là, xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện đảng cầm quyền, vai trò lãnh đạo của đảng bộ là rất quan trọng. Để bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương phải coi trọng công tác xây dựng đảng cả về chính trị - tư tưởng, tổ chức và cán bộ, phải tự đổi mới, chỉnh đốn đảng ngang tầm với nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhất là đảng bộ cơ sở. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào đảng bộ trong sạch, vững mạnh, biết phát huy tính năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với cấp trên, với nhân dân thì đảng bộ thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình, các chủ trương, chính sách của Đảng được quần chúng đồng tình, tự giác thực hiện có hiệu quả.

Năm là, tập hợp quần chúng vào tổ chức, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Muốn có phong trào quần chúng hành động cách mạng, trước hết phải tập hợp quần chúng vào tổ chức, thông qua đó tuyên truyền, giáo dục quần chúng thông hiểu và nhất trí với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời với việc giải quyết những yêu cầu bức xúc, những lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đảng bộ tập hợp được quần chúng sẽ khơi dậy phong trào hành động cách mạng của quần chúng, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương và làm thất bại âm mưu của kẻ thù chia rẽ đảng và quần chúng. Ngược lại, nếu không làm tốt công tác vận động quần chúng, nhất là không tập hợp quần chúng vào các tổ chức, không nắm được quần chúng, quan liêu, cửa quyền thì sẽ bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo và kích động, gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, trong Báo cáo chính trị của đại hội tỉnh đảng bộ Trà Vinh lần thứ 6, đã đề ra mục tiêu phấn đấu từ nay đến năm 2000 là :

Thực hiện công nghiệp hóa nông - ngư nghiệp gắn với công nghiệp và dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến và phát triển tiểu, thủ công nghiệp địa phương, đưa tăng trưởng kinh tế (GDP) hằng năm tăng 12% - 13%, và đời sống của nhân dân trong tỉnh tăng hơn hai lần so với hiện nay. Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng tôi xác định phải tiến hành các biện pháp sau đây :

1 - Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần giá trị tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Phát huy đầy đủ tiềm năng hiện có về đất đai, lao động ; tập hợp và hướng dẫn để đại bộ phận vùng dân đi vào các hình thức hợp tác, làm cho nông nghiệp phát triển toàn diện ; đẩy mạnh cách mạng sinh học và khoa học công nghệ trong nông nghiệp, không ngừng cải tạo giống mới, cây con có chất lượng cao, tạo ra nhiều mặt hàng chế biến xuất khẩu đủ sức cạnh tranh với thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường năng lực sử dụng điện, từng bước điện khí hóa đi đôi với cơ khí hóa và thủy lợi hóa trong nông nghiệp, đưa tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân đạt từ 5,5% đến 6%.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành thủy sản, cả nuôi trồng và khai thác, chế biến, nhất là khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện khai thác ngày càng hiện đại. Tăng cường các biện pháp kỹ thuật bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu nuôi trồng, đưa sản lượng nuôi trồng, khai thác đạt 150 000 tấn vào năm 2000 ; tốc độ tăng trưởng thủy sản đạt từ 17% đến 18%/năm.

2 - Vận dụng tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế (kể cả ngoài tỉnh, ngoài nước) ; đầu tư phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến hải sản, đường, chế biến sản phẩm từ cây dừa, lúa gạo ở những khu vực tập trung theo quy hoạch và phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ ở địa bàn nông thôn, nhằm tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu nền kinh tế, đồng thời phục vụ tích cực cho yêu cầu phát triển nông

nghiệp toàn diện. Chỉ đạo các hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, du lịch thành những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, nhằm tạo nhanh nguồn vốn cho đầu tư phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng.

3 - Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về văn hóa - xã hội, xóa hộ đói, giảm hộ nghèo, trên cơ sở vận động các nguồn vốn giúp nông dân phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ, bảo đảm cho mỗi người trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định.

Vận động nhân dân triệt để tiết kiệm để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, nhất là các trạm điện hạ thế, cầu, đường, trường học, nước sạch...

Khẩn trương đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, trước hết là trong ngành nông nghiệp, thủy sản, tin học, bảo đảm đủ sức tiếp thu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

4 - Tiếp tục xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh nhất là đảng bộ cơ sở xã, phường, các đơn vị sản xuất kinh doanh, bảo đảm đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, kiến thức lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, lương giáo, tạo động lực cho sự phát triển, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hòa với xu thế chung của cả nước, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn đảng, toàn dân, tỉnh Trà Vinh nhất định sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu của đại hội tỉnh đảng bộ lần thứ 6 đề ra, đưa Trà Vinh ngày càng phát triển cùng cả nước trên con đường dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa □

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TRƯỚC NGƯỠNG CỦA THẾ KỶ 21

Vừa qua, nhóm phóng viên Ban xây dựng đảng của Tạp chí Cộng sản đã về khảo sát thực tế ở thành phố Nam định (tỉnh Nam Hà) và đã có buổi tiếp xúc, trao đổi ý kiến với đồng chí Nguyễn Phú Hậu, ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy, bí thư thành ủy. Dưới đây là những nội dung chính của buổi trao đổi đó.

• **PHÓNG VIÊN :** Các đồng chí vừa tiến hành Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố lần thứ XII. Xin đồng chí cho biết một số nét khái quát về những thành tựu và những tồn tại của khóa XI (1991 - 1995).

• **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ HẬU :** Vâng, chúng tôi vừa mới tiến hành thành công Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố lần thứ XII (nhiệm kỳ 1996 - 2000). Đại hội đã thảo luận, đánh giá nghiêm túc những thành tựu cũng như những thiếu sót, tồn tại của khóa XI; đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của khóa XII. Nếu nói một cách thật khái quát thì những thành tựu và những tồn tại chủ yếu của khóa XI là :

+ **Thành tựu :** Giá trị tổng sản lượng công nghiệp - tiểu công nghiệp thuộc Đảng bộ thành phố tăng hằng năm 18% trong đó tiểu công nghiệp tăng 21%. Tổng sản lượng lương thực vượt chỉ tiêu do Đại hội khóa XI đề ra là 20% (15 533 tấn). Dân gia súc, gia cầm tăng 21%. Các loại hình dịch vụ được mở rộng và phát triển. Số thu ngân sách được phân cấp năm 1995 tăng 2,91 lần so với năm 1991. Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng gần 6 lần. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,44% (giảm được 0,06% so với chỉ tiêu do Đại hội khóa XI đề ra). Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh năm 1995 tăng gấp đôi so với năm 1990 - 1991.

+ **Tồn tại :** Cơ sở hạ tầng tuy đã được chú ý đầu tư xây dựng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị. Nhiều người chưa có việc làm; đời sống của một bộ phận nhân dân còn

khó khăn. Các loại tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Công tác xây dựng đảng trong một số lĩnh vực chưa ngang tầm với đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ chính trị; tính tiên phong gương mẫu, ý thức đảng của một bộ phận đảng viên còn hạn chế..

• **PHÓNG VIÊN :** Thành phố Nam định gắn liền với ngành dệt. Vì thế từ hàng trăm năm nay nó đã được gọi là "thành phố dệt". Với tư cách là bí thư thành ủy, đồng chí nghĩ gì trước cảnh "tuềnh toàng rêu phong" của ngành dệt thành Nam ?

• **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ HẬU :** Xin thú thật, đồng chí hỏi điều đó là động vào nỗi đau của lãnh đạo tỉnh và thành phố nói chung và của cá nhân tôi nói riêng. Về vấn đề này, theo tôi, phải có sự đánh giá thật công tâm. Thành phố Nam định hiện nay rất cần sự công tâm ấy. Từ hàng trăm năm nay, thành Nam luôn gắn chặt với ngành dệt. Ngay khi ngành dệt nổi đình đám trong chiến tranh, trong cơ chế cũ, thì thành phố chúng tôi đã phải chịu cái cảnh "quá tải" về đường - trường - điện - nước. Nguồn thu của thành phố quá nhỏ bé so với yêu cầu chi thường xuyên và đầu tư cho hạ tầng cơ sở. Khi ngành dệt ở đây rơi vào cảnh "tuềnh toàng rêu phong" như đồng chí nói thì số người không có việc làm, số gia đình thiếu kế sinh nhai từ các nhà máy dệt buông ra, trở thành sức ép rất lớn đối với tỉnh và thành phố. Nhiều khóa lãnh đạo đảng, chính quyền nối tiếp nhau đã trăn trở, tìm tòi con đường ra, giải bài toán khó này cho thành phố. Không ai có thể phủ nhận những cố gắng vượt quá sức mình của đảng bộ giàu truyền thống cách mạng này.

Mặc dù vậy, Nam định vẫn không bớt lên được. Nó luôn luôn ở cái thế "thường thường bậc trung". Mà đã vậy thì nguy cơ tụt hậu so với các huyện, thị trong tỉnh rất có thể xảy ra. Trong hai ngày 26 và 27-3-1996, Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố lần thứ XII đã đề cao tự phê bình và phê bình, nhìn thẳng vào thực trạng, xây dựng quyết tâm vượt lên trở về với vị trí là trung tâm công nghiệp của khu vực. Các đại biểu tập trung trí tuệ tìm hướng đi lên cho thành phố. Hầu hết các ý kiến đều thống nhất rằng thế bay lên của thành phố không thể tách rời hướng ra của ngành dệt Nam định. Không thể để cho ngành dệt và đội ngũ công nhân ngành dệt thành Nam bập bênh, thoi thóp trong cái dòng chảy của cơ chế thị trường. Về vấn đề này chúng tôi xác định rất rõ trách nhiệm của mình. Nhưng phải nói thật là nhiều cái vượt quá tầm của chúng tôi. Trong việc tháo gỡ khó khăn, trung ương mà trước hết là Tổng công ty dệt may Việt nam, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam hà đều có trách nhiệm. Việc tháo gỡ đang được thực hiện và đã có kết quả ban đầu. Cái cần thiết, theo tôi, là phải "thoảng" hơn về cơ chế, về cách nghĩ, cách làm; phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí và gắn bó với nhau, nâng cao tầm trí tuệ và đổi mới đội ngũ cán bộ. Cùng với điều đó, đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành dệt. Đi đối với công nghiệp dệt, phát triển mạnh công nghiệp may, mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước, chú trọng đến thị hiếu và thời trang... Chỉ có như vậy, ngành dệt thành Nam mới thoát khỏi cảnh tượng như hiện nay.

• **PHÓNG VIÊN** : Để chuẩn bị tiền đề vững chắc bước vào thế kỷ 21, phương hướng chung và mục tiêu tổng quát của thành phố Nam định trong 5 năm 1996 - 2000 là gì ?

• **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ HẬU** : Quán triệt sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy Nam hà, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa... thành phố Nam định trong 5 năm tới sẽ tiếp tục phát triển kinh tế theo cơ cấu : công nghiệp - tiểu công nghiệp - thương mại - dịch vụ và nông nghiệp. Thành phố sẽ tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh, đẩy nhanh nhịp

độ tăng trưởng kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Gắn phát triển kinh tế với văn hóa - xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm nền quốc phòng địa phương vững mạnh. Đổi mới công tác xây dựng đảng, chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố trong thời kỳ mới.

Chúng tôi sẽ phấn đấu trong 5 năm tới đạt được một số mục tiêu chủ yếu sau đây :

1 - Tăng trưởng GDP hằng năm từ 12 đến 15%. Trong đó : công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 20 - 25% ; dịch vụ, thương mại tăng 15 - 20% ; kinh tế nông thôn tăng 15 - 17%, trong đó sản xuất nông nghiệp tăng 4 - 5%. Cải thiện môi trường để thu hút đầu tư vào thành phố. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo đảm đến năm 2000 đạt tỷ trọng : công nghiệp và tiểu công nghiệp 29% ; dịch vụ và thương mại 50,5% ; nông nghiệp 4% ; đầu tư xây dựng trên 10%.

2 - Tạo và khai thác các nguồn thu để thu ngân sách bình quân hằng năm tăng 25 - 30%.

3 - Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang thành phố theo quy hoạch. Phấn đấu xây dựng thành phố sạch, xanh, sáng, đẹp. Đưa diện năng tiêu thụ tăng 3 lần, nước sinh hoạt tăng 2 lần trên đầu người so với năm 1995.

4 - Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Giữ vững truyền thống dạy tốt, học tốt. Giành những đỉnh cao mới trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, giáo dục, thể dục thể thao. Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1,4%. Tạo thêm nhiều việc làm, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Phấn đấu thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1995.

5 - Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân.

• **PHÓNG VIÊN** : Để thực hiện phương hướng chung và mục tiêu tổng quát nêu trên, các đồng chí có những giải pháp cụ thể gì ?

• **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ HẬU** : Nhất định phải có những giải pháp cụ thể. Nói mạnh hơn

là những giải pháp thật cụ thể. Những giải pháp đó là :

1 - *Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Trước mắt là củng cố và phát triển công nghiệp dệt, may, cơ khí, điện tử, chế biến nông sản, thủy sản và vật liệu xây dựng. Đồng thời, khuyến khích mở rộng làng nghề, phát triển tiểu công nghiệp ở cả nội và ngoại thành. Tập trung đầu tư chiều sâu bằng công nghệ tiên tiến để vừa nâng cao năng lực sản xuất, vừa sản xuất ra nhiều sản phẩm mới, chất lượng cao, bảo đảm đủ sức cạnh tranh trên thị trường, đóng góp cho ngân sách. Từng bước đổi mới công nghệ sản xuất của ngành cơ khí, tạo bước phát triển mới, hướng vào sản xuất các mặt hàng kim khí tiêu dùng, cơ khí phục vụ nông nghiệp, giao thông, chế biến, lắp ráp xe máy. Đối với công nghiệp điện tử, đầu tư liên doanh hợp tác với nước ngoài và một số công ty mạnh trong nước để lắp ráp các thiết bị điện tử dân dụng, điện tử chuyên dùng, cải tiến công nghệ lắp ráp tủ lạnh. Tìm đối tác đầu tư để củng cố và xây dựng thêm một số doanh nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, cán kéo thép, bê tông đúc sẵn... Tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Kiên quyết chuyển hình thức sở hữu đối với những đơn vị sản xuất kinh doanh thua lỗ. Làm thử việc thực hiện cổ phần hóa. Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển lành mạnh theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện tốt luật khuyến khích đầu tư trong nước. Giải quyết dứt điểm những tồn tại của một số cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh, bảo đảm quyền lợi người lao động, góp phần ổn định sản xuất chung trên địa bàn thành phố.

2 - *Tạo sự chuyển biến mới về thương mại, dịch vụ, tài chính.* Trong những năm tới, phải tăng nhanh giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, đổi mới cơ cấu mặt hàng, tăng khả năng sản xuất trực tiếp, mở rộng các mặt hàng thu hút nhiều lao động... từng bước đưa thành phố trở thành trung tâm dịch vụ của tỉnh và phía Nam đồng bằng sông Hồng. Các doanh nghiệp nhà nước làm chức năng dịch vụ phải giữ được vai trò chủ đạo trên các lĩnh vực như : cung ứng lương thực, xăng dầu, xi măng, vận tải, bưu điện và một số hàng hóa tiêu dùng thiết

yếu. Tăng cường công tác quản lý thị trường, nâng cấp và sắp xếp lại các chợ, các phố kinh doanh, bảo đảm văn minh thương nghiệp. Thực hiện thu đúng, thu đủ, kịp thời các nguồn theo luật định. Bảo đảm chi theo kế hoạch ; tiết kiệm chi ; chống tư tưởng trông chờ bao cấp về tài chính. Phân đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2000 khoảng 224 tỉ đồng (tăng 3,2 lần so với năm 1995) ; các xã, phường có số thu từ 300 triệu đồng trở lên, trong đó 30% có số thu trên 500 triệu đồng.

3 - *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông nghiệp và nông thôn đạt kết quả cao, nông nghiệp mang nét đặc trưng của nông nghiệp ngoại thành.* Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Tập trung thâm canh, tăng sản lượng lương thực trên một đơn vị diện tích. Tận dụng ruộng đất, ao vườn để phát triển các cây, con có giá trị kinh tế cao. Củng cố hệ thống thủy nông, thủy lợi nội đồng, bảo đảm tưới, tiêu kịp thời và phòng chống lụt, bão, úng . Làm thử việc trồng rau theo công nghệ sạch. Gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển tiểu công nghiệp, khôi phục làng nghề truyền thống, mở mang những ngành nghề mới. Tiếp tục đổi mới quản lý đề hợp tác xã đảm nhận những việc mà từng hộ làm không có hiệu quả, như dịch vụ kỹ thuật, thực hiện quy trình công nghệ tiên tiến trong sản xuất... Cùng với chính quyền, đoàn thể chăm lo phúc lợi, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống, phấn đấu không còn hộ nghèo, các xã đều có trường cao tầng, có đường liên thôn rải đá, liên xã rải nhựa ; từng bước hình thành các khu trung tâm văn hóa xã, thị tứ.

4 - *Đẩy mạnh quản lý đô thị và đầu tư phát triển.* Đô thị hóa đang là xu thế của thời đại, của nền kinh tế mở. Do đó công tác đầu tư phát triển , quản lý đô thị là rất cấp bách. Trước mắt, chúng tôi sẽ tập trung quản lý quy hoạch tổng thể, xây dựng quy hoạch chi tiết trong từng phân khu chức năng như thương mại dịch vụ, công nghiệp, du lịch, văn hóa, chính trị và hai khu dân cư mới phía tây - bắc và phía đông - nam thành phố ; đồng thời, xây dựng quy hoạch chi tiết cho từng ngành trên địa bàn và chỉ đạo việc thực hiện theo đúng quy hoạch. Thiết lập một hệ thống hồ sơ địa chính mang đầy đủ tính khoa học, thực tiễn và tính pháp

lý. Quản lý chặt chẽ đất đai theo luật định ; sử dụng có hiệu quả quỹ đất hiện có. Kết hợp các biện pháp vận động tích cực với xử lý hành chính nghiêm minh để hình thành nhanh nếp sống văn minh và kỷ cương của người dân đô thị.

Còn về đầu tư phát triển, thành phố sẽ tập trung nâng cấp các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn. Cụ thể là :

- Cải tạo lưới điện thành phố để đáp ứng yêu cầu sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tổng số vốn đầu tư là 17,3 triệu USD. Hoàn chỉnh hệ thống đèn đường chiếu sáng công cộng.

- Nâng cấp và mở rộng các tuyến đường cửa ô. Khôi phục đường bờ sông, làm mới đường bao phía tây - bắc thành phố. Nhựa hóa đường giao thông nội thành, đường trục các xã ngoại thành. Vận động nhân dân đóng góp xây dựng đường liên thôn, xóm, ngõ, vĩa hè. Nâng cao năng lực bốc dỡ ở cảng Nam định, quản lý chặt chẽ các phương tiện vận tải, phân luồng đường nội thành, hoàn thành hệ thống tín hiệu đường giao thông, góp phần giảm bớt ách tắc, tai nạn.

- Quy hoạch lại mạng lưới các trường học ở thành phố. Phấn đấu đến năm 2000 về cơ bản các trường đều được xây dựng kiên cố, không dưới 3 tầng. Nâng cấp các phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh và các trạm y tế xã, phường.

- Đưa khả năng cấp nước sạch ở thành phố từ 50 lít lên 100 lít/người/ngày ; giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nước sinh hoạt. Chú trọng hơn nữa vệ sinh môi trường.

- Tạo điều kiện thuận lợi để bưu điện tỉnh hiện đại hóa mạng lưới thông tin. Phấn đấu đến năm 2000 có 8 máy điện thoại/100 dân.

5 - Chăm lo hơn nữa các vấn đề xã hội và chất lượng nguồn nhân lực. Trước hết phải đầu tư thích đáng để các ngành giáo dục đào tạo và y tế đạt được những đỉnh cao mới. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục thể thao, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhân đạo, từ thiện.

6 - Thực hiện tốt việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong sản xuất. Có chính sách khuyến khích

và động viên với đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, trong đó lấy Hội khoa học kinh tế làm nòng cốt để đầu tư chất xám, phục vụ sự phát triển trên các lĩnh vực của thành phố. Áp dụng những biện pháp thiết thực để chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường sống như : cải tiến việc thu gom, vận chuyển, xử lý phân, rác, nước thải, bụi, tiếng ồn. Phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức, của toàn dân đóng góp xây dựng thành phố trên các lĩnh vực.

7 - Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn đảng ; củng cố chính quyền vững mạnh ; đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tôi đưa vấn đề này xuống cuối cùng không có nghĩa là xem nhẹ vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng của nó, mà hoàn toàn ngược lại.

- Trong công tác xây dựng đảng, trước hết chúng tôi chú ý làm tốt những việc : Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng trong điều kiện mới. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng tổ chức cơ sở đảng, của từng đảng viên. Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, bố trí, sắp xếp bộ máy và cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của thành phố một cách khoa học. Từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Phát huy mạnh mẽ dân chủ trong đảng, đi đôi với tăng cường đoàn kết thống nhất nội bộ, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

- Trong công tác xây dựng chính quyền, chúng tôi chú ý nâng cao hiệu lực quản lý của các cấp từ thành phố đến phường, xã và các cơ quan cùng với cải cách một bước nền hành chính theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII). Hội đồng nhân dân thành phố và các phường, xã phải phát huy hơn nữa chức năng giám sát trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của hội đồng nhân dân. Các nghị quyết của hội đồng nhân dân phải sát thực tế, có tính khả thi và động viên được các tầng lớp nhân dân thực hiện. Hoạt động và nội dung công tác của ủy ban nhân dân thành phố cũng phải theo hướng bám sát thực tiễn và theo đúng pháp luật hiện hành. Xúc tiến gấp việc bố trí sắp xếp bộ máy, cán

bộ làm công tác chính quyền theo đúng tiêu chuẩn công chức nhà nước. Có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức và năng lực cần thiết cho đội ngũ cán bộ làm công tác này. Từng bước thực hiện quy chế viên chức.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từ thành phố đến cơ sở cũng cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình chung của cả nước, của tỉnh và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố. Phương hướng chung là phải sát cơ sở, hướng hoạt động của nhân dân vào các chủ đề : việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, nhân đạo từ thiện, xây dựng cuộc sống mới, nếp sống văn minh đô thị, đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

• **PHÓNG VIÊN** : Những phương hướng, mục tiêu và giải pháp nêu trên rất cụ thể. Nhưng theo đồng chí thì tính khả thi của nó đến mức nào ?

• **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ HẬU** : Tất cả những văn kiện trình Đại hội XII của đảng bộ thành phố đều là trí tuệ của tập thể, đã được toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố đóng góp ý kiến nhiều lần và cuối cùng, được Ban thường vụ Tỉnh ủy Nam Hà chỉ đạo thông qua sau nhiều cuộc thảo luận với thành

phố. Nó không phải là ý muốn chủ quan của bộ phận lãnh đạo, mà là ý chí, nguyện vọng của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố, là quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các ban ngành của tỉnh. Vì vậy, theo tôi, nó có tính khả thi. Tất nhiên, phải lường trước cả những rủi ro. Mà đã gặp rủi ro thì các nhiệm vụ, mục tiêu khó có thể thực hiện một cách trọn vẹn.

• **PHÓNG VIÊN** : Đối với các đồng chí, 5 năm của nhiệm kỳ khóa XII có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu nêu trên là tiền đề để các đồng chí bước vào thế kỷ 21 một cách tự tin. Với những thành tựu đã đạt được và với những truyền thống tốt đẹp sẵn có, chúng tôi tin tưởng dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, thành phố Nam định sẽ thật sự xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Nam Hà và khu vực nam sông Hồng.

• **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ HẬU** : Cảm ơn các đồng chí. Thay mặt Thành ủy Nam định, tôi cũng xin chúc *Tạp chí Cộng sản* mãi mãi xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng ta □

*Nhóm phóng viên Ban xây dựng đảng
(thực hiện)*

HÀ BẮC VỚI...

(tiếp theo trang 42)

- Việc phổ biến, tuyên truyền "Quy ước làng văn hóa" cũng cần rút kinh nghiệm để đưa ra phương thức hợp lý. Ở Hà bắc, sau khi bản quy ước được phê duyệt, đa số các làng đã tổ chức khá tốt việc tuyên truyền, phổ biến. Song điều đó chỉ kéo dài vài ba tháng đầu, còn sau đó hầu như bị lãng quên. Thực tế cho thấy, nhiều làng xã đã có cách làm hay như : quán triệt, phổ biến trong chi bộ, các đoàn thể nhân dân, các hội, câu lạc bộ ; đưa vào chương trình truyền thanh hoặc in ấn, phát cho từng gia đình ... Tiếc rằng các biện pháp đó không được tiến hành thường xuyên, đồng bộ, do đó "độ thấm" chưa đủ.

Từ thực tiễn phong trào xây dựng và thực hiện "Quy ước làng văn hóa" ở Hà bắc, có thể khẳng định : đây là một chủ trương tốt, xét về mục đích của nó, đây còn là một phong trào hợp hiến, hợp pháp, hợp đạo lý và hợp lòng dân nhằm xây dựng và phát triển nông thôn mới theo định hướng của Đảng. Phong trào đã thu được thành tựu bước đầu và phần nào đã có tác dụng đến sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội cũng như gìn giữ các truyền thống tốt đẹp của quê hương Hà bắc. Đây quả thật đang là những gợi mở cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách, các nhà lý luận và khoa học tiếp cận, nhìn nhận dưới các góc độ khác nhau các vấn đề về nông dân, nông nghiệp hiện nay. □

Hà bắc với phong trào sơ cấp khởi nghiệp "Quy ước làng văn hóa"

NGUYỄN HUY TÍNH *

TRONG lịch sử phát triển của đất nước ta, làng (thôn, bản) đóng một vai trò khá đặc biệt. Đây vừa là một đơn vị hành chính, vừa là một thực thể xã hội có độ cố kết rất bền vững trải mấy trăm năm dưới các triều đại phong kiến, nhất là ở các tỉnh phía bắc. Dưới chế độ mới, cùng với phong trào tập thể hóa nông nghiệp với vai trò nổi bật của các hợp tác xã, địa vị của làng có phần bị lu mờ. Đến cuối những năm 80, quá trình đổi mới trong cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp cùng chính sách khoán mới đã thổi một luồng gió mới vào nông thôn nước ta. Tình hình kinh tế - xã hội nông thôn có nhiều chuyển biến căn bản. Vai trò của làng được đề cao trong quản lý kinh tế - xã hội. Hầu hết các hoạt động kinh tế - hành chính - văn hóa - xã hội chuyển trọng tâm từ xã về làng. Tình hình trên đặt ra hàng loạt vấn đề mới trong quản lý nhà nước ở nông thôn. Tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII), ngày 3-6-1993 đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nói : "Nhà nước cần sớm đề ra quy chế thích hợp với chức năng, vai trò của xã, của thôn, xóm, làng, bản, trong tình hình mới. Trong khuôn khổ pháp luật và dựa vào những quy định này, xã có thể xây dựng "hương ước" để tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng... trên địa bàn".

Trong trào lưu chung đó, nông thôn Hà bắc với truyền thống văn hóa làng xã lâu đời của trấn Kinh bắc xưa đã có những bước đi tích cực. Ngay từ năm 1989, ở một số làng

trong tỉnh, nhân dân đã chủ động soạn thảo các bản quy ước của làng, coi đó là công cụ, là "cơ sở pháp lý" để quản lý đời sống cộng đồng. Qua kiểm nghiệm bước đầu, các bản quy ước này đã góp phần quản lý tốt các hoạt động kinh tế - xã hội ở cơ sở, tạo ra chuyển biến tích cực về nhiều mặt trong từng đơn vị cư dân truyền thống. Ngành văn hóa tỉnh đã phát hiện và nhân rộng cách làm này, sau đó đề ra "Kế hoạch xây dựng làng văn hóa" và từ tháng 8-1990 có "Hướng dẫn về việc xây dựng quy ước làng văn hóa". Từ một số ít làng khởi thảo "Quy ước làng" đầu tiên cho đến đầu năm 1993, việc soạn thảo "Quy ước làng văn hóa" và "Xây dựng làng văn hóa" được triển khai ở nhiều huyện trong tỉnh. Cuối năm 1991 toàn tỉnh có gần 400 làng, đến cuối năm 1992 đã có gần 500 làng xây dựng được "Quy ước làng văn hóa". Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh thấy rõ đây là một trong những vấn đề lớn nổi lên trong đời sống chính trị - xã hội ở nông thôn trong tỉnh, nên đã nắm bắt và chỉ đạo phong trào đi đúng hướng. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15, ngày 21-4-1993 đã ra nghị quyết "Xây dựng quy ước làng văn hóa" với ba nguyên tắc cơ bản :

- Tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Kế thừa phong tục, tập quán truyền thống và nền văn hóa cổ truyền tốt đẹp, loại bỏ các hủ tục mê tín.
- Phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi làng, nhưng không được gây phương hại đến lợi ích của làng khác.

Nghị quyết còn chỉ ra một số yêu cầu cụ thể về nội dung cần tiến hành trong quá trình xây dựng và thực hiện "Quy ước làng văn hóa" như : trách nhiệm và quyền lợi của mỗi công dân, mỗi gia đình và tổ chức trong việc tuân thủ pháp luật, bảo vệ phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp, bảo vệ di sản văn hóa, công trình kinh tế và môi trường ; xây dựng khối đoàn kết toàn dân, bảo vệ an ninh và trật

* Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Hà bắc

tự ; xây dựng nếp sống văn minh ở thôn xóm... Nghị quyết cũng đề cập đến quy trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy ước phải theo một trình tự thống nhất : trưởng thôn (hoặc trưởng bản) dự thảo ; lấy ý kiến nhân dân ; trình ủy ban nhân dân xã phê duyệt trên cơ sở hướng dẫn và kiểm tra của các cơ quan chức năng của huyện, thị xã. Để chỉ đạo tốt việc xây dựng và thực hiện quy ước, Nghị quyết nhấn mạnh tiếp tục củng cố và kiện toàn tổ chức quản lý ở thôn, bản (gồm trưởng thôn, trưởng bản và các tổ chức cộng đồng) và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng hướng dẫn thực hiện.

Thực hiện chủ trương trên, tỉnh đã có các văn bản hướng dẫn cuộc vận động này. Ban chỉ đạo nếp sống văn hóa tỉnh được kiện toàn, do đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách văn xã làm trưởng ban. Các thành viên của Ban như Sở văn hóa thông tin, Ban tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đoàn thanh niên... trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, đều có kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Ban văn hóa xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch theo dõi kiểm tra việc triển khai nghị quyết. Ngành văn hóa thông tin - cơ quan thường trực của ban chỉ đạo nếp sống văn hóa tỉnh - đã hướng dẫn các huyện, thị, cơ sở xây dựng "Quy ước làng văn hóa", dự thảo quy ước khung, định ra 8 tiêu chuẩn xét công nhận làng văn hóa, in bằng công nhận làng văn hóa, giấy chứng nhận "Gia đình văn hóa" để cung cấp cho các địa phương trong tỉnh... Ở cấp huyện, thị, xã, phường, các cấp ủy đảng hội đồng nhân dân đều ra nghị quyết chuyên đề hoặc có thông tư lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng "Quy ước làng văn hóa". Ban chỉ đạo nếp sống văn hóa các huyện, thị và các xã phường cũng được kiện toàn và đi vào hoạt động. Trong quá trình tổ chức và chỉ đạo, nhiều địa phương, nhất là ở thôn, bản, đã có những biện pháp tích cực, sáng tạo, phù hợp với điều kiện ở cơ sở. Tính đến tháng 8-1995 đã có hơn 1 000 chi bộ thôn, bản trực tiếp chỉ đạo xây dựng "Quy ước làng văn hóa". Các đoàn thể nhân dân như mặt trận,

hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân, các tổ chức quần chúng, các hội tự nguyện.. ở thôn xóm đã tham gia tích cực vào phong trào. Ban quản lý thôn, các trưởng thôn có vị trí quan trọng trong phong trào.

Đến tháng 8-1995 toàn tỉnh đã có 1 383 làng, khu phố xây dựng được "Quy ước làng văn hóa", "Quy ước khu phố văn hóa" (bằng 46% số thôn, bản, cụm dân cư toàn tỉnh), trong đó có khoảng 800 bản quy ước bảo đảm các nguyên tắc cơ bản. Hiện nay, 16/16 huyện thị trong tỉnh đều có các làng xây dựng xong "Quy ước làng văn hóa". Các huyện có nhiều làng xây dựng được quy ước là : *Yên phong* (89/89 làng), *Tiên sơn* (129/145 làng), *Gia lương* (121/181 làng). Nhiều làng công giáo thuộc các huyện Gia lương, Lạng giang cũng xây dựng được "Quy ước làng văn hóa". Có thể nói, "Quy ước làng văn hóa" ở nông thôn Hà bắc đang được nhân rộng ra ở các vùng miền trong tỉnh ; một thời gian ngắn nữa sẽ có thêm nhiều huyện đạt 100% số làng xây dựng xong "Quy ước làng văn hóa".

"Quy ước làng văn hóa" là "hương ước mới" của làng để quản lý và điều chỉnh các quan hệ phổ biến ở nông thôn hiện nay. "Quy ước làng văn hóa" là sự cụ thể hóa hiến pháp và các văn bản pháp luật cho phù hợp điều kiện, đặc điểm riêng có của mỗi làng... Qua các hội nghị sơ kết, tổng kết, nhất là các đợt đi kiểm tra khảo sát ở các làng điển hình xây dựng và thực hiện "Quy ước làng văn hóa", bước đầu có thể nhận thấy một số mặt tích cực của phong trào :

- Đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, chính sách của các cấp, các ngành được truyền tải xuống cơ sở nhanh và tốt hơn. Đặc biệt, những vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người nông dân, được nhân dân nắm bắt, nhận thức rõ và đầy đủ hơn. Việc tuân thủ pháp luật khá hơn, an ninh trật tự ở thôn xóm tiến bộ rõ. Các vụ vi phạm pháp luật, tình trạng lấn chiếm đất đai giảm nhiều ; việc sử dụng ruộng đất đúng mục đích được đa số nhân dân ủng hộ. Các

điểm nóng ở nông thôn, các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan giảm đi khá rõ.

- Kinh tế, sản xuất phát triển với xu hướng lành mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tiến bộ ; nhiều làng đã đề cập đến hiện đại hóa, công nghiệp hóa nông thôn, nông nghiệp và có những bước đi ban đầu đáng khích lệ. Ngành nghề truyền thống ở nhiều làng được khơi dậy và có những làng đã tạo ra được ngành nghề mới trên cơ sở địa - thế của mình. Phong trào xóa đói giảm nghèo có cả bề rộng và chiều sâu, được bà con nông dân đồng tình hưởng ứng, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên một bước vững chắc.

- Các chính sách xã hội được triển khai và thực hiện tốt hơn, đặc biệt là các lĩnh vực giáo dục, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục thể thao... thể hiện tính xã hội hóa khá cao ở cơ sở. Phong trào khuyến học phát triển mạnh mẽ với nhiều hình thức phong phú và tác dụng tốt đến từng gia đình, từng dòng họ. Các công trình phúc lợi được tôn tạo, các thiết chế văn hóa được củng cố. Nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, và lễ hội... có tiến bộ, văn minh. Tình đoàn kết trong xóm ngoài làng được giữ vững và củng cố ; nhiều việc làm tình nghĩa, tương thân tương ái xuất hiện ; phong tục tập quán tốt được kế thừa, phát huy. Truyền thống văn hóa và cách mạng của con người Kinh Bắc bước đầu được khơi dậy.

- Đời sống văn hóa tinh thần, thể dục thể thao được nâng lên một bước. Ngoài sự gia tăng các giá trị văn hóa tinh thần qua các kênh thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa giáo dục, thể dục thể thao có tính chất "nội sinh" từ mỗi làng xuất hiện khá nhiều. Ở rất nhiều làng, có các câu lạc bộ, hội tự nguyện hoạt động tốt như : hội vui tuổi già, hội bảo thọ, hội đồng tuế - đồng niên - đồng ngũ, hội thơ, hội cây cảnh, hội những người đọc sách, câu lạc bộ bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, cờ vua, cờ tướng, câu lạc bộ những người không sinh con thứ ba... Chính các hội và câu lạc bộ này với nhiều đối tượng, lứa tuổi tham gia, đã khiến cho cuộc sống tinh thần, tâm hồn của nhân dân ở cơ sở phát triển đa dạng.

- Vai trò, vị trí và sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng, chính quyền ở thôn, bản được nâng cao và có cơ sở pháp lý hơn. Hoạt động của các đoàn thể nhân dân ở từng làng có nội dung phong phú, thiết thực và hiệu quả. Ý thức tự giác, tự quản của người nông dân và mỗi xóm, thôn tăng lên rõ nét.

- "Quy ước làng văn hóa" bước đầu được cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở thôn, bản hưởng ứng và đồng tình cao và xem đó như là "bộ luật mới" của làng. "Quy ước làng văn hóa" không chỉ nhằm mục đích xây dựng "làng văn hóa" mà còn là phương tiện hữu hiệu để quản lý thôn, bản hiện nay và định hướng cho nông thôn, nông nghiệp phát triển đúng hướng, bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt được, mặt tích cực, phong trào xây dựng và thực hiện "Quy ước làng văn hóa" ở Hà Bắc cũng bộc lộ không ít **những tồn tại, nhược điểm**. Có thể khái quát một số điểm chính :

- Nhận thức vai trò, vị trí và tác dụng của "Quy ước làng văn hóa" chưa thật sự sâu sắc và chưa thống nhất. Một số tổ chức đảng, chính quyền, nhất là ở cấp xã, chưa chú trọng đúng mức đến việc xây dựng và thực hiện "Quy ước làng văn hóa". Tuy có chủ trương xây dựng "Quy ước làng văn hóa", song nhiều xã chưa đưa ra được các biện pháp tích cực để chỉ đạo, triển khai trên địa bàn. Sự phối hợp giữa các thành viên trong Ban chỉ đạo nếp sống văn hóa của tỉnh với các tổ chức liên quan ở các huyện, thị, xã, phường chưa thật tốt. Cơ chế, quy chế làm việc chưa được rõ nét. Ở một số nơi, phong trào chưa được duy trì thường xuyên, còn mang tính "thời vụ", "đầu voi, đuôi chuột".

- Một số ngành có cơ sở và điều kiện tốt đó có thể tham gia phong trào, còn đứng ngoài cuộc. Không ít người, trong đó có các nhà quản lý, còn cho đây là công việc riêng của ngành văn hóa...

- Phong trào giữa các vùng trong tỉnh không đều. Ở vùng đồng bằng, những nơi có xóm thôn tồn tại lâu đời, có truyền thống phong tục... thường sớm chú ý và tích cực xây

đựng "Quy ước làng văn hóa". Bởi vậy đến nay, trong khi có những huyện có từ 80 đến 100% số làng xây dựng xong "Quy ước làng văn hóa", thì có huyện lại chỉ có hơn chục phần trăm số làng xây dựng xong quy ước này; có những huyện đã có hàng chục làng được công nhận là làng văn hóa *cấp huyện*, hoặc đã có làng được công nhận là làng văn hóa *cấp tỉnh*, thì vẫn còn một số huyện chưa đề cập đến vấn đề này.

- Việc xây dựng "Quy ước làng văn hóa" ở nhiều nơi còn thiên về hình thức, thành tích, chưa chú ý đến chất lượng và hiệu quả thiết thực; công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đôn đốc, phát hiện và uốn nắn sai lệch cũng như động viên, khen thưởng, nhân điển hình, chưa được nghiêm túc, thường xuyên. Việc sử dụng "Quy ước làng văn hóa" để quản lý về mặt nhà nước và điều chỉnh các mối quan hệ phổ biến ở nông thôn, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và văn hóa còn hạn chế.

Một vấn đề thực sự còn đang gặp không ít lúng túng là việc xây dựng nội dung của "Quy ước làng văn hóa".

Thứ nhất, quy ước còn chung chung, nêu những điều có tính lý thuyết. Việc tiếp nhận dự thảo quy ước gợi ý của tỉnh còn máy móc, chưa thật căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng làng; việc nghiên cứu các hương ước xưa cùng các phong tục, tập quán... vốn có của mỗi làng chưa được là bao. Chính vì vậy khi đọc các bản quy ước, thấy na ná giống nhau, mặc dù các làng ở các vùng có nhiều mặt rất khác nhau.

- *Thứ hai*, nội dung của Quy ước quá rộng, đề cập hầu hết các mối quan hệ phổ biến ở thôn, xóm và nhiều lĩnh vực của nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Đây là điều cần suy nghĩ để xác định thật rõ quy ước cần hoặc không cần cái gì. Hơn nữa, có chương mục, điều khoản thật ra mới dừng ở quy định sơ khai; căn cứ và cơ sở pháp lý không rõ hoặc không có; hệ thống quy tắc xã hội, quy tắc sinh hoạt (đạo đức, tập quán, truyền thống tín ngưỡng tôn giáo...) chưa được sử dụng, vận dụng trong quy ước. Hiện nay, khi nhà nước ta đã ban

hành bộ luật dân sự những điều vừa nói cần được chú ý và giải quyết tốt.

Thứ ba, điều kiện khả thi còn ít và khó cả ở góc độ con người, phương tiện, kinh phí và phương pháp điều hành. Xử lý các mối quan hệ giữa tình và lý, giữa phép nước với tục lệ của làng... còn có những vấn đề chưa được đề cập và giải quyết thỏa đáng trong các bản quy ước hiện nay. Ngoài ra, một vấn đề khá nghiêm trọng là kiến thức pháp luật, văn hóa pháp lý thể hiện trong "Quy ước làng văn hóa". Nhiều bản quy ước có những điều khoản (nhất là phần hình phạt) trái pháp luật, khiến viện kiểm sát nhân dân ở một số huyện phải ra kháng nghị. Đây là điều cần sớm được khắc phục, vì nó dễ làm sống lại hủ tục "lệ làng to hơn phép nước". Không ít bản quy ước còn đề cập các vấn đề thuộc các lĩnh vực đã được các bộ luật của nhà nước điều chỉnh. Về soạn thảo văn bản, cũng còn không ít vấn đề: có làng bản quy ước được viết công phu, dài đến 15 - 20 trang, nhưng có làng chỉ sơ sài 4 - 5 trang; có làng bản quy ước được đánh máy, in ấn đẹp, trang trọng, nhưng ở nhiều làng nó vẫn chỉ ở dạng viết tay, khó đọc... Trình độ soạn thảo, về cơ bản không bằng các hương ước trước đây.

- Công tác phê duyệt, thẩm định cũng còn nhiều điểm cần được tiếp tục hoàn thiện. Nhiều xã rất lúng túng trong quá trình phê duyệt (đánh giá, góp ý, sửa chữa, bổ sung...). Sở dĩ có tình trạng như vậy, chủ yếu là do điều kiện, trình độ kiến thức, hiểu biết... của cấp xã còn có những hạn chế nhất định. Theo hướng dẫn quy định thì sau khi dự thảo xong quy ước, các làng phải đưa lên ủy ban nhân dân xã để phê duyệt, và trước khi phê duyệt, xã phải trao đổi với phòng văn hóa và phòng tư pháp huyện, song nhiều nơi không bảo đảm quy định này. Ngoài ra, vẫn có một vài huyện việc phê duyệt "Quy ước làng văn hóa" lại do Ủy ban nhân dân huyện đảm nhận. Rõ ràng, đây là điểm còn chưa thống nhất trong chỉ đạo của tỉnh.

(Xem tiếp trang 38)

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN Ở BẮC BỘ

DOÃN CÔNG KHÁNH *
và NGUYỄN ĐỨC THĂNG **

CHUYỂN sang nền kinh tế thị trường, việc phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm vẫn là một trong những mục tiêu hàng đầu mà Đảng và Chính phủ quan tâm. Trong *Dự thảo báo cáo chính trị* trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng nêu rõ: "Phát triển mạnh và toàn diện *nông, lâm, ngư nghiệp* theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn liền với chế biến sản phẩm bằng công nghệ ngày càng tiên bộ, hiện đại.

"Đặc biệt coi trọng phát triển sản xuất lương thực để bảo đảm an toàn lương thực cho đất nước trước mắt và lâu dài" ⁽¹⁾.

Bắc bộ là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của cả nước với diện tích là 115 475,3 km² (bằng 34,9% diện tích cả nước) và dân số 26 triệu (36,5% so với cả nước). Trong những năm vừa qua và dự báo trong những năm tới, thị trường nông sản vẫn chiếm vị trí rất quan trọng. Nhìn tổng thể cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở vùng Bắc bộ đang có những thay đổi. Thực tế cho thấy đã và đang hình thành các vùng chuyên canh về lúa, mía, chè, cây ăn quả... với quy mô khác nhau. Tuy vậy, kinh tế nông nghiệp và nông thôn Bắc bộ vẫn còn nhiều hạn chế và khó khăn:

- Chăn nuôi phát triển chậm và không cân đối với trồng trọt.

- Các yếu tố quan trọng của "đầu vào" sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu phụ thuộc nhiều vào bên ngoài. Đầu tư và bảo vệ cây trồng, vật nuôi chưa được chú trọng, công tác khuyến nông còn yếu.

- Cây công nghiệp trong những năm qua tuy đã phát triển nhưng thiếu ổn định, năng suất còn thấp. Cơ cấu cây công nghiệp phát triển còn mang tính tự phát và đang gặp khó khăn về nhiều mặt.

- Tỷ suất hàng hóa trong nông nghiệp thấp, các vùng và địa phương chưa phát huy được lợi thế so sánh của vùng và địa phương mình.

- Kinh tế nông thôn Bắc bộ đã hướng về xuất khẩu nhưng bình quân chỉ mới đạt trên dưới

400 USD cho một đầu người/năm là quá thấp. Sản phẩm hàng hóa xuất khẩu phần lớn ở dạng thô nên hiệu quả kinh tế thấp. Gần đây, chất lượng nông sản đang là vấn đề mang tính thời sự, gây nên tình trạng ứ đọng và khó tiêu thụ. Nhiều hợp đồng chào hàng của ta với nước ngoài không thực hiện được là do chất lượng kém hoặc có những hàng không đủ yêu cầu tối thiểu về số lượng (theo hợp đồng đã ký).

- Những năm vừa qua chỉ số giá lương thực, thực phẩm tăng cao so với chỉ số giá chung (trừ năm 1992) và xu hướng đó là có lợi cho nông dân. Tuy nhiên nó lại bất lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản và các doanh nghiệp kinh doanh nông sản, thực phẩm trên thị trường nội địa.

Nhìn bức tranh tổng quát về hoạt động xuất nhập khẩu nông sản trong mấy năm qua cho thấy mặt hàng này còn nhiều nổi trăn chuyên. Những năm trước đây hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu theo Nghị định thư sang Đông Âu và Liên xô cũ, dù chất lượng chưa cao nhưng vẫn tiêu thụ được. Khi thị trường khu vực này biến động, chuyển sang thị trường khu vực II thì không khỏi có những khó khăn bở ngỡ khi phải đối mặt với sự cạnh tranh nghiệt ngã. Bên cạnh đó với cách tính toán của các đơn vị kinh doanh nông sản, "nước lên, thuyền lên", khi giá lên cao thì tìm mọi cách để có hàng xuất khẩu, khi giá xuống thấp thì tìm mọi cách dìm giá, ép giá hoặc bỏ rơi người sản xuất nên người nông dân phải chịu nhiều thua thiệt.

Phân tích tình hình trên, chúng tôi thấy có một số nguyên nhân sau:

- Chúng ta chưa xây dựng được chiến lược về phát triển thị trường nông sản. Chính vì vậy mà các chính sách kinh tế vĩ mô đối với sản xuất

* Chuyên viên kinh tế, Bộ thương mại

** Ủy ban nhân dân tỉnh Lào cai

(1) "Dự thảo báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng", phụ trương báo *Nhân dân*, 10-4-1996, tr 5

và tiêu thụ nông sản còn thiếu và yếu, chưa có sự đồng bộ. Điều đó đã tạo nên những lực cản hạn chế sự phát triển thị trường nông sản, làm chậm quá trình phát triển nông nghiệp ở Bắc bộ theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Thiếu vốn để phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp. Tỷ trọng đầu tư cho nền nông nghiệp trong toàn bộ vốn đầu tư cho nền kinh tế quốc dân giảm từ 15% năm 1990 xuống còn 11% năm 1994. Mặt khác, đến năm 1994 mới có 137 dự án đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp với tổng số vốn là 541 triệu đô la, chỉ chiếm 4,6% tổng số vốn đầu tư nước ngoài ở Việt nam. Phần lớn số vốn đầu tư đó lại tập trung ở đồng bằng Nam bộ, vì ở đó nông sản hàng hóa phong phú hơn ở đồng bằng Bắc bộ. Số vốn và số dự án ít, số thực tế hoạt động còn ít hơn, trong khi tiềm năng và môi trường thu hút vốn đầu tư còn rất lớn. Nhà nước chưa có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư vào nông thôn, nông nghiệp, nên kết quả đạt được còn thấp so với tiềm năng.

- Khoa học, kỹ thuật và công nghệ lạc hậu là một nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự hạn chế trong phát triển thị trường nông sản. Đối với nông sản, vấn đề giống và chế biến có tầm quan trọng hàng đầu. Song, ở nước ta nói chung và Bắc bộ nói riêng, việc đổi mới giống và công nghệ chế biến nông sản hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường cả trong và ngoài nước. Do chất lượng gạo không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như gạo hạt tròn, bạc bụng nhiều lại không được đánh bóng (vì hệ thống xay xát thô sơ và quá cũ, 6/13 nhà máy xay xát các thiết bị từ năm 1960 về trước) nên năm 1993, các tỉnh phía Bắc còn dư 40 vạn tấn thóc và năm 1994 là 50 vạn tấn. Trước đây ở nước ta mỗi năm xuất khẩu 50 ngàn tấn rau quả tươi nhưng đến năm 1988 chỉ còn 17 066 tấn và năm 1991 là 6 792 tấn. Mấy năm gần đây, xuất khẩu rau quả của nước ta vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn tuy có khá hơn trước, nhưng nói chung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển thị trường nông sản. Điện cung cấp cho nông thôn, nông nghiệp chỉ chiếm 10% tổng sản lượng. Hiện nay vẫn còn khoảng 15% số xã chưa có đường ô tô.

Chuyển sang kinh tế thị trường có sự quản lý vĩ mô của nhà nước, thị trường trở thành nhân tố khuyến khích và quyết định sản xuất. Việc tạo lập và mở rộng thị trường là yêu cầu sống còn, là nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển.

Để mở rộng thị trường nông sản ở Bắc bộ cần thực hiện những giải pháp kinh tế, tổ chức và quản lý :

1 - Đầu tư xây dựng hoặc hỗ trợ đầu tư thông qua các dự án để tu bổ và phát triển hệ thống đường giao thông ở các khu vực có tỷ suất và khối lượng hàng hóa cao, cũng như các vùng có tiềm năng phát triển sản xuất hàng hóa nhằm tạo điều kiện cho việc giao lưu kinh tế, giảm bớt chi phí lưu thông, hao hụt trong quá trình vận chuyển, chế biến, bảo quản ; đồng thời góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác lợi thế từng vùng, tạo nguồn cung ứng sản phẩm cho thị trường.

2 - Nâng cao chất lượng nông sản đưa ra thị trường ngay từ khâu sản xuất nông nghiệp bằng các giải pháp về giống, kỹ thuật, công nghệ... và đi nhanh vào các sản phẩm chế biến với các hình thức :

- Phát triển chế biến quy mô lớn phục vụ xuất khẩu do các tổ chức kinh doanh lớn của nhà nước đảm nhiệm. Chiến lược này bao gồm cả việc gọi vốn đầu tư cho các dự án sản xuất, chế biến nông sản với trang thiết bị và công nghệ hiện đại, đầu tư cải tạo giống, cây, con và sản phẩm mới cho phù hợp với nhu cầu thị trường ngoài nước.

- Chế biến quy mô nhỏ, phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước. Để khuyến khích việc làm này, nhà nước phải thực thi việc bảo hộ và tăng cường hoạt động tiếp thị để khuyến khích các sản phẩm sản xuất trong nước.

- Gắn vùng sản xuất nguyên liệu với khu vực công nghiệp chế biến, thông qua hệ thống chính sách kích thích : giá khuyến khích, đầu tư ứng trước vốn sản xuất và hợp đồng bao tiêu sản phẩm, cung ứng vật tư phân bón... đi đôi với tiêu thụ, hỗ trợ về mặt khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích và hỗ trợ để hình thành ngày càng nhiều các nông trại với quy mô trung bình và lớn.

3 - Cần bảo trợ sản phẩm nông nghiệp vì đây là việc làm hết sức cần thiết nhằm tạo ra sự ổn định trong phát triển nông nghiệp cả nước nói chung và ở Bắc bộ nói riêng. Tuy nhiên vấn đề này phải căn cứ vào vai trò của mỗi loại nông sản trên thị trường, hiệu quả sản xuất mỗi loại sản phẩm đó và điều kiện tài chính để lựa chọn số loại sản phẩm cần bảo trợ.

Như vậy, cần phân loại sản phẩm nông nghiệp làm hai nhóm (nhóm tiêu dùng trong nước là chủ yếu và nhóm dùng để xuất khẩu là

chủ yếu) để áp dụng hình thức bảo trợ phù hợp (tín dụng ưu đãi, trợ giá, bù đắp bằng tài chính, miễn, giảm thuế nông nghiệp, giãn nợ hoặc xóa nợ).

Phụ thu hàng nông sản xuất khẩu là một chủ trương đúng, song việc thay đổi mức phụ thu nhiều lần trong năm đã gây ra phức tạp cho các doanh nghiệp và tâm lý bất ổn, hoang mang trong người sản xuất. Nên thu mức cố định theo đầu tấn và ổn định trong một thời gian dài. Mức thu chỉ nên thay đổi hai lần một năm hoặc cố định trong một năm. Khi giá thế giới xuống quá thấp thì bãi bỏ mức phụ thu. Như vậy, người sản xuất sẽ an tâm biết trước mức phụ thu và nhà xuất khẩu cũng có cơ sở để tính toán lỗ lãi trong các hợp đồng buôn bán lâu dài để ổn định bạn hàng và thị trường.

4 - Tổ chức và bảo đảm một hệ thống thông tin về giá cả, thị trường thường xuyên, chính xác, đặc biệt là các dự báo trung hạn và dài hạn để người sản xuất có thể định hướng, lựa chọn và bố trí hệ thống cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp. Các cơ quan điều hành vĩ mô có thể kịp thời ứng phó với những diễn biến của thị trường. Có thể xem đây là một biện pháp quan trọng để mở rộng thị trường.

5 - Xuất phát từ đặc điểm nông sản ở Bắc bộ sản xuất quy mô nhỏ là chủ yếu, nhu cầu đa dạng, lại tiếp xúc trực tiếp ngay với thị trường thế giới, nên phải đa dạng hóa các "kênh" lưu thông và các "cấp độ" lưu thông hàng hóa. Phải chú trọng các hình thức lưu thông vừa và nhỏ, tương ứng với quy mô cung - cầu, khuyến khích các kênh lưu thông trực tiếp từ sản xuất đến tiêu thụ, với các cấp độ từ thấp đến cao, các hình thức từ đại lý, ủy thác đến trực tiếp nhập khẩu. Bên cạnh đó, nhà nước có vai trò hướng dẫn, sắp xếp, quy tụ đầu mối nhằm hình thành các kênh lưu thông lớn nhằm nâng cao hiệu quả, khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán.

Nhìn toàn cảnh không gian thị trường theo "lát cắt" bổ dọc xuyên suốt từ thành thị đến nông thôn và miền núi ta sẽ hình dung trong tương lai một thị trường nhiều tầng, nhiều cấp độ, quy tụ các điều kiện giao lưu hàng hóa với các quy mô khác nhau trong tổng thể không gian thị trường thông suốt và thống nhất.

Để thị trường nông sản Bắc bộ phát triển mạnh cả bề rộng và bề sâu, theo chúng tôi những việc cần làm ngay là :

- Miễn, giảm thuế cho các doanh nghiệp hoạt động, kinh doanh trên địa bàn miền núi, hải đảo.

- Ban hành những chính sách ưu đãi cần thiết để thúc đẩy nhanh công nghiệp chế biến nông sản - thực phẩm (miễn, giảm thuế nhập khẩu công nghệ, thiết bị, nguyên, phụ liệu phục vụ chế biến, thuế lợi tức, cải thiện giá điện...) hấp dẫn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực này.

- Khi giá cả nông phẩm biến động, gây thua lỗ lớn có thể thực hiện việc bảo trợ trực tiếp qua thuế nông nghiệp (tránh việc phải xuất tiền ngân sách ra).

- Tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh thương nghiệp, công nghiệp và dịch vụ được tự do di chuyển đến các thị trấn, thị tứ, nơi gần đường giao thông để xây dựng cơ sở kinh doanh. Việc làm này vừa đáp ứng những yêu cầu trước mắt, vừa tạo ra những điều kiện tiền đề để hình thành các tụ điểm công nghiệp - thương nghiệp - dịch vụ ở nông thôn, cơ sở của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong giai đoạn 1996 - 2000 và những năm sau.

- Với những ngành nghề mới, những ngành sản xuất và sửa chữa nông cụ, những vùng sâu, vùng xa kinh tế chậm phát triển có thể thực hiện việc miễn thuế trong một thời gian nhất định.

Nhìn chung, thị trường nông sản Bắc bộ còn nhiều vấn đề nan giải. Dầu rằng đã bước đầu hình thành một nền nông nghiệp tổng hợp, đa dạng, nhưng chưa có vùng chuyên canh, chuyên môn hóa cao, trình độ sản xuất giữa các vùng, các khu vực kinh tế còn chênh lệch quá lớn. Đảng và Chính phủ cần có chính sách đầu tư khuyến khích đối với mặt hàng nông sản để Bắc bộ chuyển nhanh sang sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh xuất khẩu. Thực hiện "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế lãnh thổ trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của tất cả các vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng đều phát triển.

Đầu tư ở mức cần thiết cho các đô thị hạt nhân, các vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế " (2).

Nếu được Nhà nước chú trọng đầu tư, và gọi vốn đầu tư từ bên ngoài vào với các dự án lớn Bắc bộ sẽ là một thị trường nông sản phong phú, đa dạng về mặt hàng của nước ta và sẽ trở thành vùng sản xuất nông sản hàng hóa xuất khẩu, đáp ứng cho nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa □

"Vô thỉnh hữu đáo"

NGUYỄN TRUNG THỰC

TÔI là bạn chí cốt của T. - một quan chức đầu tỉnh. Có lẽ phải mở ngoặc để nói rõ hơn về chuyện này một chút, nếu không thì mọi người sẽ hiểu lầm cho rằng tôi "thấy người sang bắt quàng làm họ". Sở dĩ gọi là bạn chí cốt vì tôi và T. thân nhau từ thuở hàn vi, đã từng "bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng" từ những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

Vì là chỗ thân thiết nên tôi được vợ chồng T. mời đến để tham gia góp ý kiến cho việc tổ chức lễ thành hôn của cô "con gái rượu". Cuộc họp trừ bị lúc đầu chỉ có vợ chồng T. và tôi; nhưng sau để cho dân chủ, chúng tôi quyết định mời thêm cả đương sự là cô dâu tương lai nữa. T. trình bày hết nỗi băn khoăn của mình. Anh nói: "Mình là cán bộ lãnh đạo cấp cao của tỉnh, quan hệ rất rộng, bạn bè ở tỉnh cũng lắm, ở trung ương cũng nhiều. Mình lại có độc nhất một cô con gái, chẳng nhiều nhận gì cho cam. Hôm cưới cháu nếu tổ chức đơn giản quá, chẳng mời ai thì sợ họ hàng, bạn bè trách móc và cũng sợ cháu nó tủi thân. Nhưng tổ chức to, mời khắp lượt họ hàng, bạn bè thì mình lại sợ. Sợ mọi người không thông cảm, cho là mình có chức, có quyền, lợi dụng việc tổ chức lễ cưới cho con để thu "phong bì"; như thế chẳng khác nào một hình thức kinh doanh. Sợ dư luận cho rằng mình vênh váo, chơi ngông, muốn khoe khoang khuếch trương. Sợ bày vẽ ra mất thời gian và mệt mỏi. Vợ T. nói thêm: "Cơ quan em là cơ quan kinh tế, quan hệ cũng rộng, lại dính dáng

đến chuyện tiền, hàng nếu không cẩn thận thì thế nào cũng bị nhiều người hiểu nhầm; còn mệt mỏi và tốn kém thì em không lo". Thấy thế tôi bàn: "Mình đề nghị một phương án mà không sợ mọi người trách móc hoặc hiểu nhầm; đồng thời cũng để cháu nó thoải mái. Ta cứ tổ chức cưới cho cháu hết sức đơn giản, gọn nhẹ, không mời ai cả, chỉ làm vài mâm cỗ trong nhà. Sau đó sẽ in giấy báo hỷ thật lịch sự, trang trọng gửi khắp lượt họ hàng, bạn bè gần xa và xin lỗi vì điều kiện không cho phép nên hôm cưới cháu không mời tới dự được. Như thế có khi lại được mọi người ủng hộ. Còn đối với bọn trẻ thì sau ngày cưới, cho chúng nó ít tiền để tổ chức mời bạn bè ăn uống tại nhà hàng (không có họ hàng và bạn bè của bố mẹ tới dự). Như thế có khi nó lại thích". Thấy phương án của tôi có lý nên vợ chồng T. tán thành ngay. Còn cô dâu tương lai thì khỏi phải nói. Nó giơ cả hai tay, nhiệt liệt ủng hộ chú Nguyễn Trung Thực.

Nhưng sự đời không đơn giản như vậy. Chẳng hiểu sao rất nhiều người biết vợ chồng T. sắp gả chồng cho con. Họ còn biết rõ cả ngày cưới. Sắp đến ngày đó không thấy có thiệp mời, họ tới tập gọi điện thoại cho vợ chồng T. và trách móc: Biết anh chị sắp tổ chức lễ thành hôn cho cháu, mặc dù không được mời nhưng là chỗ thân thiết nên thế nào hôm đó tôi (em) cũng đến chia vui với gia đình. Các cụ xưa có câu: "Hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (tạm dịch: mời thì đến, không mời thì thôi -

NTT). Nhưng tư duy kiểu ấy cũ lắm rồi và nó mang đầy tính khách sáo. Đã là chỗ thân thiết thì dù có "vô thỉnh" (không mời) cũng "hữu đáo" (cứ đến) như vậy mới quý. Có phải thế không anh, chị ?!

Vợ chồng T. lại lúng túng và tôi lại được mời đến để tham mưu. Tôi bàn: Kiên quyết không gửi thiệp mời nhưng nếu ai biết mà đến thì càng quý. Và, như thế thì phải chuẩn bị thêm một phương án dự phòng là khách đến sau khi uống trà, hút thuốc thì mời sang nhà khách của ủy ban nhân dân tỉnh dự bữa cơm thân mật. Thế là đồng chí chủ nhiệm nhà khách của ủy ban được mời tới. Vợ chồng T. nhờ anh chuẩn bị sẵn cho một số mâm cỗ để khỏi "bị động" khi có khách không mời mà đến. Chủ nhiệm nhà khách vui vẻ nhận lời (và tất nhiên chẳng phải dặn gì thêm anh cũng lo rất chu đáo).

Đúng là "vô thỉnh" nhưng rất nhiều người "hữu đáo". Chẳng ai đưa tiền mừng cho vợ chồng T. mà họ trực tiếp đưa cho cô dâu, kèm theo đó là lời trách khéo: "Bố, mẹ không mời nhưng bác (chú, cô, anh, chị) cứ đến và mừng cho cháu (em) chứ không phải biểu bố mẹ dâu mà sợ". Đưa riêng cho cô dâu nhưng trên tất cả các phong bì đều ghi rõ họ tên và nơi công tác của người mừng.

Đám cưới của cô con gái rượu vợ chồng T. thế mà vui. Chủ, khách đều thông cảm và hiểu nhau. "Vô thỉnh hữu đáo" đúng là *tư duy mới*. Nhưng không hiểu sao tôi lại cảm thấy chạnh lòng. Đây là đối với vợ chồng T. thì họ xử sự như vậy. Còn cán bộ thuộc loại "vô danh tiểu tốt" như tôi mà có con cưới vợ, gả chồng, nếu cũng bắt chước vợ chồng T. mà "vô thỉnh" thì chắc chẳng có ma nào nó "hữu đáo" đâu □



Đừng để sự "đối vốn" thay cho sự "đối nhân"

TRẦN TÔ TỬ *

NƯỚC ta đang trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình này đã mang lại những thành tựu to lớn, song cũng đang nảy sinh không ít vấn đề cần được hết sức lưu tâm cả trong quản lý vĩ mô và vi mô.

Làm thế nào để tránh nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa ? Trên đường tiến tới chủ nghĩa xã hội, chúng ta còn phải giải quyết nhiều vấn đề - từ lý luận đến thực tiễn, từ *định danh*, *định tính*, *định hướng* đến *định lượng*. Tuy nhiên, thực tiễn cuộc sống, thực tiễn đổi mới và mở cửa đã cho thấy ít nhiều có những biểu hiện của sự chệch hướng theo kiểu chủ nghĩa tư bản - xét dưới góc độ là một lối sống, một nhân sinh quan trong việc xử lý các mối quan hệ kinh tế - xã hội. Một trong những biểu hiện đó là trong xã hội ta đang xuất hiện ngày càng rõ nét một cách xử lý các mối quan hệ xã hội dường như lấy sự "đối vốn" làm trọng hơn là sự "đối nhân".

Trong các mối quan hệ, sự "đối nhân" có thể được hiểu là tính chất cư xử lấy nhân thân, lấy đặc điểm của quan hệ giữa người với người trong truyền thống, lấy quan hệ giữa các cá thể trong cộng đồng làm căn cứ

để xử lý. Trong khi đó, sự "đối vốn" lại chỉ căn cứ theo đồng vốn, tức là lấy vốn, lấy đồng tiền làm cơ sở để chi phối quá trình xử lý các mối quan hệ đó.

Đã có một số người nhầm tưởng rằng sự "đối nhân" và "đối vốn" chỉ là những thuộc tính của các loại hình doanh nghiệp và chỉ đóng khung trong phạm vi hoạt động kinh doanh. Nhưng thật ra, *tính đối nhân* và *tính đối vốn* có thể biểu hiện trong các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa các thành viên trong một tổ chức, chúng không dừng lại ở tổ chức doanh nghiệp hay ở phạm vi kinh doanh. Hai quan điểm và hai cách xử lý nói trên có thể biểu hiện trong các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân như quan hệ bạn bè, quan hệ tình yêu - hôn nhân, quan hệ gia đình... Chẳng hạn, khi dựng vợ gả chồng, nếu lấy tính đối nhân làm trọng, thì những tiêu chuẩn lựa chọn được đưa ra sẽ liên quan đến nhân thân mà một đối tượng nào đó cần phải có, như : phẩm chất đạo đức, trình độ văn hóa, sở thích, hình dáng... Ngược lại, nếu đặt tính đối vốn lên hàng đầu, thì đối tượng sẽ được xét theo tiêu chuẩn giàu nghèo, được đánh giá theo năng lực tài chính của đối tượng. Từ đó, đồng tiền dần dần sẽ trở thành lực lượng ngự trị trong các quan hệ xã hội. Hoặc trong quan hệ giữa cha mẹ

với con cái cũng thế. Nếu bậc cha mẹ nào lấy sự "đối vốn" làm trọng, thì họ chỉ thương yêu những đứa con biết cách kiếm tiền mà không cần để ý đến nguồn gốc của đồng tiền. Trái lại, nếu sự thương yêu đó đặt trên cơ sở lấy đạo đức của con cái làm trọng, thì bậc cha mẹ đó đã dùng cách "đối nhân".

Rất tiếc là hiện nay, nhìn rộng ra ở phạm vi toàn xã hội, trong các mối quan hệ kinh tế - xã hội giữa cá nhân với cá nhân, một số người thường lấy tính đối vốn làm chuẩn mực xử lý các mối quan hệ, mà quên đi câu nói dân gian Việt nam thường khuyên nhủ : *hãy coi trọng cách đối nhân xử thế*.

Tính đối nhân và tính đối vốn cũng biểu hiện trong các mối quan hệ sản xuất ở các loại doanh nghiệp và đặc biệt là ở các chế độ xã hội khác nhau.

Từ cách hiểu về "đối vốn" và "đối nhân" nêu trên, chúng ta có thể thấy rằng chủ nghĩa tư bản thực chất như một thứ chủ nghĩa *đối vốn*, như một nhân sinh quan hoàn toàn mang tính đối vốn : xem đồng tiền, xem sự giàu có về tài chính như một chuẩn mực cơ bản, thậm chí như một chuẩn mực duy nhất để đối xử với nhau trong sinh hoạt, trong đời sống kinh tế - xã hội. Một người đã theo thứ chủ nghĩa này thì có thể bỏ qua tất cả những gì thuộc về nhân nghĩa, về đạo đức xã hội. Đặt đồng tiền lên trên tất cả, họ có thể sẵn sàng hy sinh quyền lợi chung để phục vụ cho quyền lợi riêng của họ.

Đối với đất nước ta hiện nay, nếu không nhận dạng rõ tính đối vốn, chúng ta có thể vô

* Viện kinh tế TP Hồ Chí Minh

tình rơi vào "chủ nghĩa đối vốn" giống như chủ nghĩa tư bản, mặc dù chúng ta muốn tránh xa nó.

Hãy lấy việc *cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* làm ví dụ. Chỉ thị 84/TTg về việc này đã đưa ra một chính sách rất có ý nghĩa : *bán chịu cổ phần cho công nhân viên chức đang làm việc tại doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa*. Chính sách này nhằm mục đích tốt đẹp là tạo điều kiện cho công nhân, viên chức sở hữu một phần tài sản doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa, từ đó thúc đẩy họ lao động tốt hơn vì sự thịnh vượng của công ty mà họ đang cùng làm chủ. Dưới góc độ kinh tế, việc bán chịu này còn biểu hiện mối quan hệ tín dụng giữa nhà nước với những người lao động đã từng cống hiến công sức cho doanh nghiệp, cho nhà nước. Đó là một cách cư xử đầy tình nghĩa (một số chủ doanh nghiệp tư nhân tốt bụng cũng thường làm như vậy đối với người làm công cho mình). Việc này cũng nhằm thắt chặt thêm mối quan hệ giữa những người cùng đi trên một chiếc thuyền doanh nghiệp, thực hiện những cuộc phiêu lưu trên biển cả thương trường đầy sóng gió cạnh tranh. Tuy nhiên, trong thực tế mục đích và ý nghĩa tốt đẹp của việc bán chịu đó đã bị giảm đi nhiều vì việc bán chịu này có phần coi trọng sự "đối vốn". Theo quy định : công nhân viên chức nếu có vốn riêng để mua bằng tiền mặt bao nhiêu cổ phần thì sẽ được nhà nước cho mua chịu bấy nhiêu cổ phần. Như vậy, cách bán chịu đó chỉ dựa trên một căn cứ, một tiêu chuẩn duy nhất là có vốn nhiều hay ít. Điều này sẽ dẫn đến một hệ quả là người giàu sẽ có điều

kiện làm giàu nhiều hơn người nghèo, và chưa tạo điều kiện để giúp người nghèo vượt qua ngưỡng cửa của sự nghèo khó.

Thật ra, chính sách này hoàn toàn có thể giữ được mục đích, ý nghĩa tốt đẹp, nếu quy định phương thức bán chịu mang tính đối nhân, tức là dựa trên những tiêu chuẩn thuộc về nhân thân của người công nhân viên chức để xét việc bán chịu. Chẳng hạn, ta có thể dựa vào tiêu chuẩn "thâm niên công tác" trong khu vực nhà nước để xét. Với tiêu chuẩn này, mối quan hệ giữa nhà nước với công nhân viên chức sẽ thắt chặt hơn, biểu hiện tình nghĩa với nhau nhiều hơn, vì ai cống hiến nhiều cho nhà nước, sẽ được nhà nước cho mua chịu nhiều cổ phần hơn.

Hiện nay, các chính sách và biện pháp về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đang được xem xét, điều chỉnh và bổ sung. Nhưng rất tiếc, trong các văn bản dự thảo liên quan, chưa thấy có sự thay đổi về phương thức bán chịu cổ phần cho công nhân, viên chức như đã nói ở trên. Theo tôi nghĩ, nguy cơ "chênh hướng xã hội chủ nghĩa" có thể bắt nguồn không phải đâu xa mà từ những sự việc nhỏ nhoi như vừa trình bày. Mới thoạt nhìn qua có thể không thấy có vấn đề gì cả, thậm chí còn bị nhầm tưởng như thể mới là công bằng. Nhưng một khi tình hình trên diễn ra với quy mô rộng lớn, tất sẽ nảy sinh những mâu thuẫn phức tạp, trước hết là trong đội ngũ công nhân viên chức. Chắc chắn nó sẽ làm giảm đi ý nghĩa xã hội to lớn của việc xóa đói giảm nghèo. Và rất có thể, do những sự việc tương tự nhỏ nhoi đó, tình trạng phân hóa giàu nghèo không giảm mà tăng.

Chính vì thế, tôi rất thấm thía với một trong những bài học kinh nghiệm đã được Đảng ta nhiều lần chỉ rõ là phải nhận thức thấu đáo tính 2 mặt của cơ chế thị trường, phải có những chính sách, chủ trương cụ thể bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong thực tế, cơ chế đó đã kích thích tăng trưởng kinh tế nhanh, nhưng cũng kích thích sản sinh nhiều thói hư, tật xấu trong các thành phần kinh tế, trái ngược với định hướng xã hội chủ nghĩa. Đã có những biểu hiện - ngay trong một số cán bộ đảng viên - tâm lý thực dụng, coi đồng tiền là tất cả, không quan tâm chế độ chính trị. Đó chính là miếng đất màu mỡ cho các thế lực thù địch khai thác thực hiện ý đồ làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành phải tỉnh táo nhận biết trong điều hành hoạt động hằng ngày, theo hướng : vừa thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển kinh tế, khuyến khích làm giàu chính đáng, vừa phải thực hiện xóa đói giảm nghèo, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, sự chênh lệch quá xa về thu nhập trong nội bộ.

Có thể khẳng định trong khi tạo lập các chính sách, chúng ta không có chủ đích đi theo con đường "chủ nghĩa đối vốn", nhưng cần lưu ý cảnh báo : nếu không nhận biết rõ về tính đối nhân và tính đối vốn, sẽ dễ đưa ra những phương thức thực hiện chính sách đi ngược lại những mục đích tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang theo đuổi □



SỨC SỐNG CỦA MỘT PHONG TRÀO

NGUYỄN XUÂN SON *

SAU sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu, so sánh lực lượng trong đời sống chính trị thế giới trở nên bất lợi cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tình trạng thoái trào, khủng hoảng niềm tin, rối loạn về tổ chức đã diễn ra đối với nhiều đảng cộng sản, nhất là những đảng chưa cầm quyền. Tuy nhiên, đây không phải là lần khủng hoảng đầu tiên, lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã chứng kiến một số lần khủng hoảng với những mức độ khác nhau. Nhưng qua mỗi lần như vậy, phong trào lại phát triển với tầm vóc lớn hơn.

Thất bại của Công xã Pa-ri, kéo theo nó là sự rối loạn về lý luận và tổ chức của phong trào cộng sản thời kỳ cuối thế kỷ XIX, thất bại của cách mạng 1905 - 1907 ở nước Nga là những lần tập dượt để cuối cùng giai cấp công nhân tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, giành chính quyền, lập nên nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển về chất của phong trào công nhân quốc tế. Sau Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa xã hội hiện thực - thành quả của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lại đứng trước những thử thách hết sức ngặt nghèo. Toàn bộ lực lượng đế quốc hiếu chiến nhất đã hùa nhau nhằm bóp chết nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Vào những năm 1941 - 1945, đã có lúc quân đội phát xít tiến sát đến ngoại ô Mát-xcơ-va và tuyên bố sẽ duyệt binh tại Quảng trường Đỏ, trước điện Krem-li để xóa sổ hoàn toàn chế độ xã hội do giai cấp công nhân quốc tế tạo dựng nên. Nhưng chúng đã thất bại. Toàn bộ sức mạnh của hệ tư tưởng cộng với tính ưu việt có được của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã đánh bại chủ nghĩa phát xít. Sau đó phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lại phát triển với một tốc độ và quy mô mới mạnh mẽ hơn nhiều. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ra đời. Phong trào giải phóng dân tộc bùng lên trên khắp thế giới và đã kết thúc sự nô dịch hàng mấy

thế kỷ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. Các phong trào dân chủ, phong trào đấu tranh cho hòa bình và các phong trào tiến bộ xã hội khác cũng phát triển mạnh mẽ. Tất cả đã hợp lực với nhau trong cuộc đấu tranh để hiện thực hóa ước mơ ngàn đời của con người là xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, xóa bỏ vĩnh viễn tình trạng người bóc lột người.

Vào thập kỷ 70, 80 thử thách mới lại đến. Lần này là sự đối mặt với cuộc đua trong kinh tế và khoa học kỹ thuật. Do những sai lầm chủ quan trong quá trình phát triển, phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới đã rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng dẫn đến bị sụp đổ một bộ phận lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa, và Liên xô, nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất cũng tan vỡ.

Sự kiện này đã gây chấn động lớn tới đời sống chính trị thế giới. Nhiều người trước đây đã từng tự hào với những giai đoạn phát triển rực rỡ của chủ nghĩa xã hội, giờ đây không khỏi lo lắng, hoài nghi về sự phát triển của nó. Nhưng cuộc sống thực tiễn trong những năm qua đã cho thấy mọi kết luận về "sự suy vong", "sự cáo chung", "sự phá sản" của phong trào là hoàn toàn thiếu căn cứ. Xét trên tiến trình hình thành một chế độ xã hội mới (xã hội xã hội chủ nghĩa, một xã hội chưa từng có tiền lệ trong lịch sử của nhân loại), thì sự thăng trầm trong quá trình phát triển của nó có thể coi là một biểu hiện có thể xảy ra.

Để có được kết luận khách quan và khoa học, không thể coi những thành công, hoặc thất bại ở một khu vực nào đó, vào thời gian nào đó để đưa ra những kết luận vội vã về số phận của một phong trào vốn có lịch sử phát triển gần 150 năm. Điều này có thể coi như một vấn đề có tính nguyên tắc trong phương pháp luận nghiên cứu về một phong trào xã hội.

Có thể nói rằng, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đã trải qua một cuộc khủng hoảng

* PTS. Chủ nhiệm khoa Quan hệ quốc tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

lớn và hiện nay đang bắt đầu quá trình phục hồi của nó. Các đảng cộng sản và công nhân cầm quyền cũng như chưa cầm quyền đang tìm tòi, rút kinh nghiệm điều chỉnh chiến lược, sách lược và xác định những mục tiêu thích hợp với bối cảnh quốc tế mới. Đây là sự phục hồi đầy khó khăn và phức tạp bởi lẽ những tư duy cũ, bài học cũ, mẫu hình cũ cần phải được sàng lọc để tránh được những sai lầm và tạo ra cho được một tốc độ phát triển mới. Cơ sở lý luận của phong trào là chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang được phát triển sáng tạo và hoàn thiện hơn, giải quyết những vấn đề mà thực tế đa dạng của thời đại cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang đặt ra.

Như vậy, nhiệm vụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay là cùng với việc tiến hành cuộc đấu tranh chống các lực lượng đối lập, các lực lượng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, là cuộc đấu tranh nội bộ, bên trong phong trào, nhằm chống chủ nghĩa cơ hội với các màu sắc khác nhau, chống chủ nghĩa bảo thủ, giáo điều đang trở thành vật chướng ngại, những tảng đá ngầm cản trở sự phát triển trong sự đổi mới của phong trào.

Các đảng cộng sản đang cầm quyền, ở Trung quốc, Việt nam, Cu ba... tuy phải đương đầu với không ít khó khăn, thách thức, nhưng với chính sách đổi mới, cải cách đúng đắn đã giành được nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Điều đó đã chứng minh một thực tế rằng : chủ nghĩa xã hội đích thực chỉ xuất hiện bởi kết quả của quá trình tìm tòi, khảo nghiệm và đổi mới. Và các nước xã hội chủ nghĩa hôm nay đã tạo nên cơ sở của một mô hình chủ nghĩa xã hội mới và có hiệu quả trong tương lai.

Ở khu vực châu Á, các đảng cộng sản và đảng công nhân chưa cầm quyền đang tiến hành củng cố lại đảng, điều chỉnh đường lối và phương thức hoạt động cho thích hợp với đòi hỏi mới. Đảng cộng sản Nhật bản không ngừng lớn mạnh, ngày càng có ảnh hưởng lớn trong đời sống chính trị của Nhật bản. Hai đảng cộng sản lớn ở Ấn độ đã tiến hành đại hội thành công trong năm 1995 và vẫn kiên trì chủ trương đoàn kết với các lực lượng cánh tả dân chủ trong nước, tập hợp lực lượng. Cả hai đảng cộng sản này vẫn tăng cường công tác phát triển đảng, CPI (48 vạn đảng viên), CPIM (59 vạn đảng viên), và xây dựng được các tổ chức quần chúng, công đoàn, thanh niên, sinh viên, phụ nữ

với số lượng khá lớn. Đảng cộng sản Nê-pan lần đầu tiên đã giành thắng lợi trong cuộc bầu cử tháng 11-1994 với 88/205 phiếu và được quyền thành lập chính phủ. Mặc dù chính phủ chỉ tồn tại trong 8 tháng, nhưng những chính sách của chính phủ đưa ra đã thể hiện sự quan tâm tới người lao động và gây được tiếng vang tốt trong xã hội Nê-pan. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng vì nó tương phản với sự khủng hoảng của phong trào cộng sản quốc tế và để lại những bài học về sách lược và kinh nghiệm đấu tranh nghị trường của những người cộng sản hiện nay.

Ở khu vực châu Phi, sau sự kiện sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu, tình hình các nước trở nên phức tạp. Thiếu đi sự đối trọng của Liên xô, các nước đế quốc tìm cách can thiệp sâu hơn vào tình hình nội bộ của châu Phi làm cho tình hình chính trị khu vực này thêm rối ren và cuộc đấu tranh chống đói nghèo, bệnh tật càng trở nên gay gắt. Ở đại lục này đã nổi lên vai trò của Đảng cộng sản Nam Phi. Trong liên minh chặt chẽ với Đảng Đại hội dân tộc Phi nhằm chống chủ nghĩa A-pác-thai, Đảng cộng sản Nam Phi đã có đóng góp lớn trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi. Trong tổng tuyển cử năm 1993, đảng đã giành thắng lợi lớn và giữ 3 ghế bộ trưởng. Số đảng viên của đảng không ngừng tăng lên, hiện nay là hơn 70 nghìn người. Sự phát triển của Đảng cộng sản Nam Phi là nguồn cổ vũ lớn đối với những người cộng sản châu Phi. Nó chứng tỏ rằng nếu đảng biết gắn bó với cuộc đấu tranh vì những giá trị tiến bộ của nhân dân thì nhân dân vẫn tin cậy và theo đảng.

Tại khu vực Mỹ la tinh, các đảng cộng sản và công nhân tiếp tục củng cố tổ chức, tìm những giải pháp hoạt động tích cực và thích hợp với tình hình mới. Vừa qua, Đảng mặt trận giải phóng dân tộc Xan-di-nô (FSLN) Ni-ca-ra-goa đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai nhằm chuẩn bị tham gia vào cuộc Tổng tuyển cử tháng 10-1996 ở Ni-ca-ra-goa. Thắng lợi của đại hội này đã có tiếng vang lớn đối với khu vực và phong trào chung.

Hầu hết các đảng cộng sản ở khu vực Tây Âu, đều tiến hành các đại hội bất thường để định hướng tư tưởng, củng cố tổ chức và xác định phương thức hoạt động. Một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đã diễn ra vừa qua ở I-ta-li-a là trong cuộc Tổng tuyển cử bầu quốc hội mới, các đảng cánh tả đã giành thắng lợi, chiếm đa số trong quốc hội. Ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu

(cũ) như Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, và đặc biệt là ở Ba lan, những người cộng sản đã đưa ra các chương trình tranh cử tiến bộ nên đã giành được thắng lợi to lớn trong các cuộc bầu cử.

Đảng cộng sản Liên xô trước đây, sau khi tan rã đã tách ra thành nhiều đảng mới với các tên gọi khác nhau và hơn 90% đảng viên đã ra khỏi đảng. Nhưng từ năm 1994 đến nay phong trào đang dần dần hồi sinh, những thử thách, khó khăn lớn nhất đã qua đi. Chủ nghĩa chống cộng về căn bản bị đẩy lùi. Vai trò của các đảng cộng sản ngày càng tăng lên trong đời sống chính trị của đất nước. Sự liên minh của những người cộng sản đã dẫn đến kết quả giành thắng lợi lớn trong bầu cử Đu-ma và các cấp chính quyền ở nhiều địa phương...

Nhìn lại sự vận động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trong mấy năm vừa qua, ta thấy rõ phong trào không hề bị tiêu vong như một số học giả phương Tây thường nói, mà hiện vẫn tồn tại và phát triển với những hình thức tổ chức năng động hơn, các khẩu hiệu đấu tranh thực tế và đa dạng hơn. Yếu tố cơ bản mà các đảng đề cập đến với mức độ khác nhau là sự tất yếu phải tìm tòi, đổi mới toàn diện cả về tổ chức và tư tưởng để tránh lặp lại những sai lầm trước đây, tránh rơi vào giáo điều, chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa bảo thủ.

Các đảng cộng sản và công nhân hiện nay đều nhấn mạnh vai trò của học thuyết Mác - Lê-nin nhưng quan trọng hơn là sự vận dụng học thuyết đó vào điều kiện từng nước, từng khu vực, khai thác những mặt tốt, tích cực của nền kinh tế thị trường... Sự nhận thức về tính năng động và đa dạng của chủ nghĩa xã hội đã phổ biến trong phong trào và do đó đã thúc đẩy tính tích cực của nhiều lực lượng hướng tới cuộc đấu tranh cho một chế độ xã hội công bằng, xóa bỏ các hình thức người bóc lột người. Đây là một đặc điểm mới đáng phấn khởi bởi vì nó đã thể hiện tính độc lập, tự chủ của các đảng trong việc khắc phục được những nhận thức vội vã, tả khuynh trước đây.

Sự phục hồi của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế diễn ra không đồng đều và với nhịp độ khác nhau ở các khu vực, các quốc gia. Cá biệt ở một số đảng, số đảng viên đang có xu hướng giảm đi, đảng có tình trạng phân hóa nghiêm trọng. Bởi vậy, bên cạnh việc đổi mới nhận thức lý luận, xác định đường lối, khẩu hiệu đấu tranh đúng đắn, một vấn đề cấp bách của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế là phải

nhANH chóng mở rộng cơ sở xã hội của đảng, liên kết với các lực lượng cánh tả khác, tăng cường phát triển đảng trong lực lượng thanh niên, sinh viên và trí thức, trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, dân chủ hóa trong sinh hoạt đảng. Thực tế cho thấy, đảng nào có những điều chỉnh đúng đắn và nhanh chóng thì có cơ hội phát triển, uy tín của đảng ngày càng tăng lên.

Một tồn tại không nhỏ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay là sự thiếu thống nhất. Ở một số nơi như khu vực Liên xô cũ, Nam Á... đang tồn tại tình trạng hàng chục đảng cộng sản cùng hoạt động trong một nước : Ấn độ có 10 đảng cộng sản lớn nhỏ ; ở Liên bang Nga có 6 đảng hoặc liên đoàn của những người cộng sản, nếu tính thêm các đảng cộng sản ở các nước cộng hòa thuộc Liên xô cũ thì con số đó lên đến trên 20 ; ở Tây ban nha có 4 đảng cộng sản... Sở dĩ có tình hình trên là do vẫn còn các sự khác biệt về nhận thức, đường lối, mục tiêu, và phương pháp đấu tranh... giữa các đảng. Thực tế này đã ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc đấu tranh chung, nhằm khẳng định vị trí của những người cộng sản trong điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia.

Có thể nói, từ sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã gặp phải những thách thức nghiêm trọng nhưng đến nay đã bước vào một thời kỳ phát triển trở lại. Những dấu hiệu phục hồi ban đầu đang làm phần chấn gai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới. Sự đổ vỡ và khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội đã để lại cho những người cộng sản nhiều bài học quý báu. Các đảng đều nhận thức rằng, phong trào không thể phát triển nếu không tiến hành đổi mới toàn diện và triệt để. Một lý tưởng, một học thuyết, một đường lối nào cũng đều có mục tiêu là thực tiễn, và thực tiễn sẽ là nơi khảo nghiệm công bằng và khắt khe đối với mọi thứ lý luận. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô vừa qua chính là một lần khảo nghiệm đối với đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội xét về nhiều phương diện, kể cả đường lối cải tổ của những năm cuối thập niên 80. Biết đấu tranh kiên trì bảo vệ những thành quả cách mạng chân chính và nhận thức được những sai lầm cần tránh để định hướng cho tương lai là những điều kiện quan trọng nhất tạo ra sự lành mạnh và phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay □

KỂ CHUYỆN MÊ-HI-CÔ : NGƯỜI GIÀU CŨNG KHÓC

PHAN HUYỀN TRẦN

O Việt nam ta, nói đến Mê-hi-cô là ai cũng biết đến bộ phim truyền hình nhiều tập "Người giàu cũng khóc". Đó là một tác phẩm hay, nhất là đối với người nước ngoài. Cho đến nay đã có 40 nước mua bộ phim này. Nữ diễn viên chính trong phim là Vê-rô-ni-ca Ca-xơ-rô được đón tiếp ở một nước còn linh đình hơn là một tổng thống. Điều nghịch lý là trong lúc các nước hoan nghênh bộ phim "Người giàu cũng khóc" như vậy thì ở Mê-hi-cô xem ra không phải ai cũng thích phim này. Thậm chí có người nói một cách nghiêm túc : Thật sự tôi không hiểu được tại sao các bạn lại thích nó đến thế. Đó không phải là đề tài của bài viết này. Ở đây tôi muốn bàn xem có thật ở Mê-hi-cô "người giàu cũng khóc" không.

Mê-hi-cô giành được độc lập khỏi bàn tay thực dân Tây ban nha năm 1821. Trong 50 năm đầu sau ngày độc lập, Mê-hi-cô sống trong tình trạng chính trị và kinh tế không ổn định và liên tiếp bị nhiều cuộc xâm lược của nước ngoài, trong đó cuộc xâm lược đem lại tổn thất nặng nề nhất cho Mê-hi-cô là mất hơn một nửa lãnh thổ (hai triệu km²) cho nước láng giềng phía bắc. Tuy nhiên, Mê-hi-cô chỉ thực sự trở thành một nhà nước hiện đại từ sau cuộc nội chiến đẫm máu 1911 - 1919. Di sản thắng lợi của cuộc nội chiến này đầy mâu thuẫn và nghịch lý. Một mặt, những người chiến thắng trong cuộc nội chiến đã thông qua một hiến pháp tiến bộ (Hiến pháp năm 1917). Nhiều điều khoản của hiến pháp này không khác mấy so với hiến pháp các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, những người chiến thắng và những tổng thống kế tiếp, trên thực tế vẫn tiếp tục tiến hành ở Mê-hi-cô một chế độ cai trị không khác gì với chế độ độc tài của Poóc-phi-ri-ô Đi-át (Porfirio Diaz) (1875 - 1911), tức là vẫn nhấn mạnh tính liên tục của quyền lực trung ương và vai trò của sở hữu tư nhân trong phát triển kinh tế. Mê-hi-cô lại tiếp tục rơi vào tình hình không ổn định với các vụ ám sát chính trị và các cuộc bạo động của Thiên chúa giáo. Tình hình kéo dài mất 10 năm cho đến giai đoạn Tổng thống Plu-tác-cô Ê-li-át Can-lét (Plutarco Elias Calles) cầm quyền. Để ổn định quyền cai trị, năm 1929 Can-lét thành lập Đảng dân tộc cách mạng (PNR), tiền thân của Đảng cách mạng thể chế (PRI) hiện nay, nhằm đoàn kết tất cả các lực lượng chính trị dưới một cương lĩnh chung.

Bốn điểm chính trong chương trình của Can-lét, cho đến nay vẫn được thực hiện tuy đã được điều chỉnh, là :

1 - Mỗi tổng thống chỉ được cầm quyền một nhiệm kỳ, không được tái cử. Trước khi mãn nhiệm, phải chỉ định người thay thế để ra tranh cử.

2 - Bộ máy nhà nước nắm quyền chỉ huy đối với quân đội và đảng cầm quyền. Về phần mình, quân đội có nhiệm vụ bảo vệ an ninh, còn đảng có nhiệm vụ động viên sự ủng hộ của quần chúng đối với bộ máy chính quyền trung ương, và không được làm điều gì để hạn chế hành động của chính quyền trung ương.

3 - Cơ sở pháp lý để tồn tại của chế độ là trung thành với những di sản cách mạng của các lực lượng tả cũng như hữu.

4 - Cốt lõi của chế độ chính trị Mê-hi-cô là sự liên minh không tuyên bố giữa nhà nước và tư bản tư nhân. Điểm này mới được bổ sung sau này.

Trong nhiệm kỳ tổng thống của mình (1934 - 1940) La-da-rô Các-đê-nát (Lazaro Cardenas) đã triển khai một số chính sách cụ thể nhằm đưa nền chính trị Mê-hi-cô đi vào ổn định. Tổng thống Các-đê-nát cho đến nay vẫn được xem là một trong những tổng thống xuất sắc của Mê-hi-cô. Ông đã lập ra những bộ máy nhằm gắn liền nhà nước, đảng với nông dân và giai cấp công nhân, bảo đảm lợi ích của hai giai cấp này. Ông đã cho đẩy mạnh công cuộc cải cách ruộng đất, đặc biệt ủng hộ quyền sở hữu của cộng đồng đối với đất công ở nông thôn, bảo vệ quyền lao động, và tiến hành việc quốc hữu hóa công nghiệp dầu mỏ năm 1938.

Nhờ tình hình chính trị tương đối ổn định và sự hưởng ứng của giới tư bản trong nước, kinh tế Mê-hi-cô phát triển khá mạnh trong hai thập kỷ 50 và 60. Người ta bắt đầu nói đến sự "thần kỳ của Mê-hi-cô". Trong thời gian từ 1940 đến 1970, kinh tế Mê-hi-cô phát triển với tốc độ bình quân 6,35% một năm, thu nhập đầu người tăng 3% một năm. Trong 15 năm đầu của thời kỳ này, lạm phát tăng trên 10% một năm, nhưng trong 15 năm sau chỉ ở mức dưới 5% một năm.

Tuy nhiên, từ cuối những năm 60, do nền kinh tế Mê-hi-cô phát triển quá nhanh, nhất là do công nghiệp

hóa và đô thị hóa một cách ồ ạt, xã hội Mê-hi-cô bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu khủng hoảng. Về mặt kinh tế, công cuộc công nghiệp hóa của Mê-hi-cô ngày càng gặp khó khăn do thâm hụt thương mại ngày càng lớn và do chính sách bảo hộ khắt khe. Uy tín của chính quyền của Tổng thống Đi-át Ốc-đát (Diaz Ordaz) (1964 - 1970) gần như mất hẳn. Mặc dù các chính quyền Mê-hi-cô nối tiếp nhau tìm mọi cách lấy lại sự thần kỳ đã mất, nhưng Mê-hi-cô ngày càng lâm vào khủng hoảng. Để ra khỏi khủng hoảng, Mê-hi-cô đã vay nợ bên ngoài. Những điều đó đã không giúp được gì cho Mê-hi-cô mà cuối cùng còn kéo theo cả toàn Mỹ la tinh vào cuộc khủng hoảng. 12 năm, từ năm 1970 đến năm 1982, được xem như là 12 năm thảm khốc của Mê-hi-cô.

Nhiệm kỳ 6 năm của Tổng thống Mi-ghe-n Đơ-la Ma-đrit (Miguel De la Madrid) (1982 - 1988) trùng với "thập kỷ bị mất" của phần lớn các nước Mỹ la tinh. Kinh tế Mê-hi-cô liên tục giảm sút trong lúc dân số không ngừng tăng lên làm cho thu nhập bình quân đầu người sụt xuống. Khủng hoảng kinh tế cộng với sức ép phải trả nợ nước ngoài là những nguyên nhân chính làm cho thâm hụt ngân sách ngày càng nặng nề và nạn lạm phát phi mã. Cuối nhiệm kỳ của Tổng thống Ma-đrit, thâm hụt chiếm khoảng 20% GDP. Lạm phát lên đến 180% (1988). Vốn nước ngoài tiếp tục rút khỏi Mê-hi-cô. Thời gian này, Mê-hi-cô lại gặp một tai họa lớn : trận động đất tháng 9/1985 giết chết hàng ngàn người ngay ở thủ đô, thiệt hại bằng 2% GDP. Chưa kể năm 1986 giá dầu sụt 50% làm cho thu nhập của Mê-hi-cô trong xuất khẩu đã mất đi khoảng bằng 6% GDP. Chính quyền mất uy tín nghiêm trọng. Nội bộ Đảng cách mạng thể chế, đảng cầm quyền, chia rẽ sâu sắc. Tổng thống kế nhiệm sau đó là ông Các-lốt Xa-li-nát đơ Goóc-ta-ri (Carlos Salinas de Gortari). Trong 6 năm cầm quyền của ông Xa-li-nát, nền kinh tế Mê-hi-cô đã có sự chuyển biến lớn được quốc tế thừa nhận. GDP bình quân hằng năm tăng 2,8%. GDP tính theo đầu người lên đến 3 470 đô la Mỹ (theo giá 1992). Lạm phát từ 180% (1988) giảm xuống còn 7% (1994). Tỷ lệ thất nghiệp 3%. Cán cân thanh toán từ thâm hụt bằng 12,5% GDP năm 1988, nay chuyển sang dư thừa (0,5% năm 1992 và 0,7% năm 1993). Dự trữ ngoại tệ của Mê-hi-cô tính đến ngày 31-10-1994 là 17 242 triệu đô la Mỹ. Uy tín của ông Xa-li-nát lên cao đến nỗi vào giữa nhiệm kỳ đã có ý kiến cho rằng cần thay đổi hiến pháp để bầu ông Xa-li-nát làm tổng thống một nhiệm kỳ nữa. Năm 1993 tạp chí *Time* của Mỹ đã xem ông Xa-li-nát là nhân vật xuất sắc trong năm ở Mỹ la tinh. Hoa kỳ ủng hộ mạnh mẽ việc ông Xa-li-nát ứng cử vào chức tổng giám đốc *Tổ chức thương mại thế*

giới (WTO). Ngoài việc tham gia NAFTA, Mê-hi-cô được kết nạp vào APEC và OECD.

Bên cạnh những thành tựu kinh tế đó, trong báo cáo cuối cùng của mình trước Quốc hội ngày 1-11-1994 ông Xa-li-nát cũng thừa nhận năm 1994, năm cuối cùng nhiệm kỳ tổng thống của ông, ở Mê-hi-cô đã xảy ra một số sự kiện bi thảm từ trước đến nay chưa hề có. Đó là cuộc nổi dậy ngày 1-1-1994 ở Chi-a-pát ; vụ ám sát ứng cử viên tổng thống của đảng cầm quyền, Lu-ít Đơ-nan-đô Cô-lô-xi-ô (Luis Donaldo Colosio) ngày 23/3/1994 ; vụ ám sát tổng bí thư đảng cầm quyền Hô-xê Phran-xi-xô Ru-ít Mát-xi-ô (Jose Francisco Ruiz Massieu) ngày 28/9/1994 ; và một số vụ bắt cóc, tổng tiền khác.

*
* *

Nhìn chung, mặc dù có chỗ này chỗ nọ chưa thật tốt, nhưng nền kinh tế Mê-hi-cô dưới chính sách cải cách của ông Xa-li-nát được mệnh danh là *Xa-li-na-xơ-rô-i-ca* (nhằm đối lập với *Pê-rê-xơ-rô-i-ca* của ông Goóc-ba-trốp), là một nền kinh tế mạnh, một sự thần kỳ của Mỹ la tinh, và có thể là một mô hình phát triển đối với các nước Đông Âu vừa ra khỏi cơ chế kinh tế tập trung bao cấp. Do đó, nhiều người đã sững sốt trước việc ngày 20/12/1994 (tức chỉ sau 20 ngày nhậm chức của chính quyền mới và 5 ngày sau Hội nghị thượng đỉnh các nước châu Mỹ thông qua kế hoạch mở rộng khu vực buôn bán tự do ra toàn Tây bán cầu), chính phủ Mê-hi-cô tuyên bố phá giá đồng pê xô 40% so với đồng đô la Mỹ (trước đó 1 pê xô = 0,29 đô la ; sau khi phá giá, 1 pê xô = 0,17 đô la), và kêu gọi cộng đồng quốc tế giúp Mê-hi-cô cứu vãn nền kinh tế. Một ngày sau đó, chính phủ Mê-hi-cô lại tuyên bố thả nổi tỷ giá hối đoái đồng pê xô. Người ta đã ví tình hình này với hình ảnh nền kinh tế Mê-hi-cô như chiếc máy bay đang cất cánh bỗng nhiên đâm sầm xuống đất. Một lần nữa, nền kinh tế Mê-hi-cô lại lao vào khủng hoảng sau 6 năm phát triển khá ngoạn mục. Cuộc khủng hoảng lần này có mặt phức tạp hơn, do nó xảy ra trong bối cảnh nền chính trị Mê-hi-cô đang tích tụ nhiều sự kiện bi thảm chưa từng có và đến nay vẫn chưa được giải quyết. Điểm đạt được duy nhất là Mê-hi-cô đã tránh được tình trạng vỡ nợ nhờ có khoản tín dụng 50 tỉ đô la của Mỹ và các tổ chức tài chính quốc tế cung cấp, nhờ việc xuất siêu do giá pê xô hạ so với đô la (đến nay lại hạ 130% so với tháng 12/1994). Thâm hụt cán cân thanh toán cũng hạ còn 7,4%.

Tuy nhiên, tình hình Mê-hi-cô vẫn bi đát. Nợ nước ngoài của Mê-hi-cô nay vượt quá 200 tỉ USD. Cho đến nay

đồng pê xô vẫn tiếp tục mất giá. Nếu trước ngày phá giá, 1 đô la bằng 3,46 pê xô, và sau ngày phá giá bằng 6 pê xô thì nay có lúc vượt quá 8 pê xô. Theo những đánh giá bảo thủ nhất thì GDP năm 1995 là âm 6%. Lạm phát ít nhất lên đến 60%, và thất nghiệp từ 3,6% tăng lên xấp xỉ 10%. Khủng hoảng kinh tế kèm theo với các vụ ám sát, bất cóc, động đất và bão lụt liên miên, tai nạn máy bay trong ngày quốc khánh (4 máy bay quân sự đã đâm vào nhau làm chết 6 sĩ quan, trong đó có 1 thiếu tướng), v.v. làm người dân ở thủ đô Mê-hi-cô ngừng cổ kêu trời : không biết tình hình rồi còn sẽ đi đến đâu nữa !

*
* *

Vậy những nguyên nhân nào đã dẫn đến cuộc khủng hoảng lần này ? Có thể nêu một số nguyên nhân cơ bản sau :

Một là, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, bên cạnh thị trường lao động rẻ có sẵn, chính phủ Mê-hi-cô tập trung chống lạm phát nhằm tạo ra một đồng tiền mạnh và ổn định. Điều này không có gì sai cả. Cái sai là người ta đã dùng các biện pháp giả tạo để cố định tỷ giá hối đoái của đồng pê xô trong một thời gian quá dài. Từ năm 1990 đến quý 1/1994 người ta cố giữ để đồng pê xô chỉ được hạ giá 13% so với đồng đô la. Mỗi ngày đồng pê xô chỉ được phép giảm 0,0004 so với 1 đô la Mỹ kể từ khi hiệp ước NAFTA có hiệu lực. Trong thời gian 1990 - 1994, giá hàng tiêu dùng ở Mê-hi-cô tăng 63% trong lúc ở Mỹ rất đắt cũng chỉ tăng 12%. Tình hình đó làm cho hàng hóa Mê-hi-cô xuất sang Mỹ rất bất lợi. Trái lại, hàng Mỹ nhập vào Mê-hi-cô giá rất rẻ nên rất có ưu thế. Người ta đổ xô nhập hàng ngoại và khuyến khích tiêu thụ hàng ngoại ; sản xuất hàng nội địa do đó bị đình đốn. Chính sách tài chính tiền tệ nói trên cuối cùng đã biến Mê-hi-cô thành một xã hội tiêu thụ. Tích lũy bên trong ngày càng giảm, từ 22% GDP năm 1988 tụt xuống còn dưới 16% năm 1994. Nếu quan sát kỹ, ngay từ năm 1993 (tức là lúc Mê-hi-cô tỏ ra rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài), nền kinh tế Mê-hi-cô đã bắt đầu trì trệ. Vốn nước ngoài đổ vào Mê-hi-cô năm 1993 là hơn 30 tỉ đô la, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong thời kỳ này chỉ ở mức 2,5%/năm, tức là thấp hơn tỷ lệ tăng dân số. Theo tính toán của các nhà kinh tế, mỗi năm thị trường lao động Mê-hi-cô tăng thêm 1 triệu người, muốn đáp ứng công ăn việc làm cho số đó, GDP của Mê-hi-cô hằng năm phải tăng khoảng từ 5 - 6%.

Năm 1994 là năm bầu cử tổng thống. Xuất phát từ yêu cầu chính trị, chính quyền của Đảng cách mạng thể

chế không thể phá giá đồng pê xô trong lúc lại có yêu cầu đẩy sản xuất lên. Trước tình hình đó người ta đã chọn biện pháp "uống thuốc độc để giải khát", tức là bơm nền kinh tế lên bằng việc tăng chi tiêu nhà nước. Kết quả là cán cân thanh toán thâm hụt trầm trọng. Để có tiền chi, người ta đã lợi dụng việc đổi đồng pê xô cũ ra đồng pê xô mới để tung ra thị trường một số lượng lớn pê xô. Năm 1993 số pê xô in thêm bằng 0,6% lượng pê xô đang chu chuyển, thì năm 1994 tăng lên 8,1%. Hành động này tuy được giấu kín, nhưng nó đã làm cho lượng pê xô chu chuyển trên thị trường tăng nhiều lần so với lượng đô la. Mặt khác, để bù cho sự thâm hụt, người ta còn dùng những nguồn vay nóng của nước ngoài. Tuy nhiên, tình hình không sao cứu vãn. Tính đến ngày 30-11-1994, cán cân thanh toán văng lơi của Mê-hi-cô vẫn thiếu hụt gần 30 tỉ đô la, trong lúc khả năng thanh toán của Mê-hi-cô chỉ còn trên dưới 3 tỉ đô la.

Hai là, chính sách đối với đầu tư nước ngoài đã không được cân nhắc kỹ. Do lãi suất cho vay ở Mê-hi-cô cao, các nhà tư bản nước ngoài đổ xô đầu tư vào thị trường chứng khoán. Rất ít vốn nước ngoài được đầu tư vào các ngành sản xuất, cho nên khi có biến động chính trị, vốn nước ngoài rút khỏi Mê-hi-cô rất nhanh. Chính việc các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn ở ạt khỏi Mê-hi-cô vào những ngày đầu năm 1995 đã đẩy Mê-hi-cô tới bờ sụp đổ về tài chính và sản xuất.

Báo cáo của tổng thống Mê-hi-cô còn cho thấy một nhân tố khác góp phần tạo ra khủng hoảng là việc Mê-hi-cô xây dựng một loạt công trình dài hạn bằng các khoản vay nóng ngắn hạn làm cho số tiền lãi hằng năm lên rất cao.

Tình hình trên đã khiến các nhà kinh tế Mê-hi-cô cũng như nước ngoài dự đoán không sớm thì muộn, cuộc khủng hoảng ở Mê-hi-cô cũng sẽ xảy ra. Chính sự biến động về chính trị trong năm 1994 đã làm cho cuộc khủng hoảng nổ ra sớm hơn người ta tưởng.

Ba là, cuộc khủng hoảng hiện nay ở Mê-hi-cô còn bắt nguồn từ chiến lược phát triển kinh tế dựa trên cái gọi là "chủ nghĩa tự do mới" đang rất thịnh hành ở nhiều nước Mỹ la tinh. Nội dung cơ bản của nó là : tư nhân hóa đến mức tối đa, giảm sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế đến mức tối thiểu, và thực hiện một nền mậu dịch tự do. Chiến lược này không phải là không có những mặt tích cực. Nó không những tạo lối thoát cho cuộc khủng hoảng ở Mê-hi-cô trong thập kỷ 80, mà còn làm cho nền kinh tế nước này bắt đầu cất cánh trong những năm đầu thập kỷ 90. Nhưng chiến lược này cũng đầy mâu thuẫn. Trước hết, nó phân hóa ghê gớm xã hội Mê-hi-cô ; không chỉ phân hóa giữa người giàu và người nghèo, mà còn phân hóa

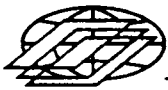
ngay nội bộ tầng lớp trung lưu. Nếu năm 1988 Mê-hi-cô mới có 2 tỉ phú (đô la), thì đến năm 1994 đã có 24 tỉ phú (sau vụ phá giá đồng pê xô, số tỉ phú hiện nay giảm xuống còn 10 người). Sự chênh lệch về thu nhập trong số người ăn lương nhà nước cũng rất cao. Nếu tính theo tỷ giá hối đoái từ khi đồng pê xô bị phá giá, thì lương một giáo viên trung học là 400 đô la/tháng, trong lúc đó lương của ông Ra-un Xa-li-nát (Raul Salinas), anh trai tổng thống Xa-li-nát, một giám đốc công ty quốc gia phân phối các sản phẩm cơ bản thuộc Bộ phát triển xã hội, là 16 000 đô la/tháng. Dân số Mê-hi-cô hiện nay ước tính trên 90 triệu thì khoảng 40 triệu đang sống dưới mức nghèo đói (trong đó 20 triệu sống trong tình trạng cùng cực). Sự phân hóa giàu nghèo do chiến lược phát triển kinh tế chạy theo sự tăng trưởng, không tính đến công bằng xã hội, là nguyên nhân gây nên tình trạng bất ổn định và bạo loạn ở Mê-hi-cô. Đồng thời nó làm tăng thêm mâu thuẫn trong giới cầm quyền. Trong số dân nghèo ở Mê-hi-cô, cơ cực nhất là 7 triệu người da màu. Do đó, không có gì lạ khi cuộc khởi nghĩa vũ trang của các lực lượng quân đội giải phóng Da-pa-ti-xta đã nổ ra ở bang Chi-a-pát, bang nghèo nhất ở Mê-hi-cô. Nội bộ Đảng cách mạng thể chế cũng đang phân hóa. Sự kiện mới nhất là việc ông Ca-ma-chô Xô-lít (Camacho Solis) sau một thời gian nằm im đã bắt đầu hoạt động trở lại, tuyên bố ly khai khỏi đảng đó và đang hoạt động để thành lập một mặt trận đối lập, chuẩn bị cho cuộc bầu cử vào năm 2000. Nguyên là thị trường một thành phố 22 triệu dân, nên việc ông ra khỏi đảng chắc sẽ kéo theo ông hàng triệu đảng viên khác.

Ở Mê-hi-cô người ta đã khẳng định gần như công khai rằng các vụ ám sát chính trị trong năm 1994 là do mâu thuẫn nội bộ giới cầm quyền Đảng cách mạng thể chế. Ông Ra-un Xa-li-nát, anh trai cựu tổng thống Xa-li-nát, đang bị bắt giam, chờ ngày xét xử vì bị buộc tội là chủ mưu vụ sát hại tổng bí thư Đảng cách mạng thể chế. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, chưa ai đưa ra được bằng chứng cụ thể. Cựu tổng thống Xa-li-nát hiện nay đã tự ra nước ngoài sống lưu vong. Từ đỉnh cao nhất của danh vọng và quyền lực, ông Xa-li-nát ngày nay bị người dân Mê-hi-cô xem như là nguyên nhân của mọi tai họa đang đổ xuống đầu họ.

Bốn là, cũng như ở nhiều nước khác, nạn tham nhũng, hối lộ ở Mê-hi-cô đã góp một phần đáng kể vào sự phân hóa này. Mê-hi-cô có điểm giống với các nước khác là nạn tham nhũng chỉ diễn ra trong giới có chức có quyền hoặc có ô dù. Còn điểm khác giữa Mê-hi-cô và một số nước khác ở Mỹ là tình là sự thoái hóa của một bộ phận công chức (kể cả cấp cao) và lực lượng bảo vệ trị an

thường liên quan tới hoạt động của các tổ chức tội phạm dính liền với các đường băng buôn lậu ma túy. Điều này cũng dễ hiểu. Về vị trí địa lý, Mê-hi-cô 3/4 nằm ở Bắc Mỹ và 1/4 nằm ở Trung Mỹ. Mê-hi-cô nằm trên con đường trung chuyển ma túy từ Cô-lôm-bi-a và một số nước khác ở Nam Mỹ đến Mỹ. Riêng tập đoàn ma túy vùng vịnh Mê-hi-cô đã rất lớn, có tài sản tới trên 30 tỉ đô la. Bọn buôn lậu ma túy sẵn sàng bỏ tiền ra với bất cứ giá nào để mua các quan chức có quyền lực và lực lượng bảo vệ an ninh Mê-hi-cô. Thời gian qua hàng ngàn nhân viên cảnh sát đã bị thanh lọc do nhận hối lộ của bọn buôn lậu ma túy. Nhiều quan chức cao cấp của chính phủ đang bị điều tra về số tài sản bị nghi ngờ là có được nhờ con đường làm ăn bất chính, kể cả qua việc nhận hối lộ của bọn buôn lậu ma túy.

Do đặc điểm trên mà vấn đề tham nhũng, hối lộ ở Mê-hi-cô không còn đơn thuần là vấn đề xã hội, mà nó đe dọa cả nền an ninh chính trị và chủ quyền của nước này. Người dân Mê-hi-cô có những lý do chính đáng để lo ngại cho nền an ninh và chủ quyền dân tộc của họ trước chính sách tư nhân hóa trong chiến lược kinh tế của chính quyền. Người Mê-hi-cô vốn có tinh thần dân tộc rất cao. Hơn 90% số dân Mê-hi-cô theo công giáo, nhưng câu nói của miệng của người Mê-hi-cô là: "Với chúng tôi, Chúa ở quá xa, còn Mỹ thì ở quá gần!". Do đó, họ không có con đường nào khác là phải cùng sống hòa bình và hợp tác với Mỹ. Tuy nhiên, họ không muốn bị phụ thuộc vào Mỹ. Trong lúc đó, chiến lược phát triển kinh tế của chính phủ với chủ trương tư nhân hóa gần như toàn bộ nền kinh tế (hiện nay ở Mê-hi-cô chỉ còn công nghiệp khai thác dầu mỏ vẫn do nhà nước nắm) và chính sách mậu dịch tự do, thực tế lại đang tạo điều kiện cho tư bản nước ngoài, đặc biệt là tư bản Mỹ, trở thành những người chủ thực sự của nền kinh tế Mê-hi-cô. Người Mê-hi-cô không phản đối chủ trương tư nhân hóa nếu như nó chỉ được áp dụng cho những ngành kinh tế không có tính chất huyết mạch; đó là điều nên làm vì nó giúp cho nhà nước có thể tập trung làm tốt các ngành kinh tế then chốt, tăng thêm sức mạnh của nhà nước trong việc quản lý nền kinh tế nói chung. Người Mê-hi-cô cũng không phản đối chính sách mậu dịch tự do vì nó là xu hướng chung của nền thương mại thế giới hiện nay. Nhưng đối với các nước đang phát triển, đây là con dao hai lưỡi, cần phải hết sức thận trọng, đi từng bước một. Cho nên, không phải ngẫu nhiên ở Mê-hi-cô lực lượng vũ trang giải phóng Da-pa-ti-xta đã chọn ngày 1/1/1994, ngày hiệp ước NAFTA bắt đầu có hiệu lực, để nổi dậy □



MỸ LA TINH : TƯƠNG LAI TRẮC TRỞ *

TỪ đầu thập kỷ 90 trở lại đây, rất nhiều nhà phân tích cho rằng, các chính sách kinh tế mới đã làm thay đổi toàn bộ nền kinh tế Mỹ la tinh. Tuy nhiên, nhiều người không đồng ý với nhận định đó. Theo họ, các thành tựu đạt được như kiềm chế lạm phát, ổn định đồng tiền, xử lý thành công tình trạng đình đốn và xuất khẩu thấp, chỉ là thành tựu trên bề nổi. Các chính phủ Mỹ la tinh vẫn chưa giải quyết thành công một số khó khăn cơ bản, như sự bất bình đẳng về thu nhập, khả năng cạnh tranh quốc tế yếu, hiệu quả thấp, v.v..

Sự phát triển đầu thập kỷ 90

Đầu thập kỷ 90, những thay đổi to lớn đã diễn ra ở Mỹ la tinh nhờ có sự đổi mới về kinh tế. Tự do hóa thương mại đã cải thiện tình hình tài chính và thúc đẩy các công ty ở đây hoạt động có hiệu quả hơn. Thời kỳ 1985 - 1989, chi phí cho khu vực công cộng ở Mỹ la tinh đã vượt quá các khoản thu của chính phủ khoảng 5% GDP. Nhưng, từ năm 1990, nhờ cắt giảm chi tiêu và cải thiện việc thu thuế, Mỹ la tinh đã gần như cân bằng được ngân sách. Hiện tại, 17 trong số 22 nước Mỹ la tinh đã giảm được mức lạm phát xuống chỉ còn một con số. Lạm phát trung bình ở khu vực này (không tính Bra-xin mới điều chỉnh kế hoạch trong năm 1994) từ 130% năm 1989 đã giảm xuống còn 14% năm 1994.

Nhờ tự do hóa thương mại rộng rãi, mức thuế đã hạ từ hơn 50% trong thập kỷ 80 xuống còn khoảng 15% vào giữa thập kỷ 90. Với một quan điểm mới về thế giới, được nhân dân ủng hộ, lại sẵn sàng uống một liều thuốc đắng để đương đầu với nguy cơ sụp đổ kinh tế đang đến gần, các chính thể mới ở Mỹ la tinh đã cố gắng đưa tự do hóa thương mại vào các chương trình ổn định chính sách kinh tế vĩ mô của họ.

Khu vực thương mại tự do phát triển đột ngột, buôn bán giữa các nước láng giềng

tăng lên, điều đó đã trở thành một động lực quan trọng cho tăng trưởng. Ác-hen-ti-na và Chi-lê trong 3 năm qua đã tăng gấp ba mức buôn bán của họ với các nước khác. Bra-xin cũng tương tự như vậy, và hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Ác-hen-ti-na. Ở quy mô lớn hơn, xuất khẩu trong nội bộ khu vực thời kỳ 1986- 1992 đã tăng khoảng 135%. Trong những năm 1991 - 1994, thương mại giữa 11 nền kinh tế lớn nhất khu vực đã tăng 50%.

Thương mại tự do cũng tạo ra làn sóng đầu tư xuyên quốc gia chưa từng có. Năm 1991, đầu tư của Chi lê vào Ác-hen-ti-na chưa tới 100 triệu đô la, đến năm 1994 đã là 2,7 tỉ đô la. Đầu tư của Bra-xin vào các nước láng giềng cũng tăng lên ; đầu tư tư nhân giữa Vê-nê-du-ê-la và Cô-lôm-bi-a, giữa Chi-lê và Pê-ru luôn luôn cao. Nắm lấy cơ hội, các nước đã ký các hiệp ước hội nhập và tăng cường liên kết kinh tế mới. Hiện đã có khoảng 30 hiệp ước thương mại tự do giữa hai nước hoặc nhiều nước.

Trong tất cả những thay đổi về kinh tế, sự bùng nổ đầu tư nước ngoài là một hiện tượng dễ thấy nhất và quyết liệt nhất. Trong thập kỷ 80, đầu tư nước ngoài chiếm chưa đến 1% GDP của khu vực ; sang thập kỷ 90, nó đã chiếm 6% GDP. Toàn bộ đầu tư tư nhân đã tăng từ 13,4 tỉ đô la năm 1990 lên tới 57 tỉ đô la năm 1994. Riêng đầu tư trực tiếp đã tăng 68%, năm 1991 đạt 14 tỉ đô la, và năm 1994 đạt 22 tỉ đô la. Tăng trưởng kinh tế trung bình thời kỳ 1985 - 1989 là 1,5%. Kể từ năm 1990, tăng trưởng hàng năm là 3,5%.

Khởi điểm của sự bùng nổ

Diễn biến kinh tế ở Mỹ la tinh trong thập kỷ 90 phụ thuộc vào những thay đổi

* Xem bài "Mỹ la tinh, buổi sáng hôm sau" (Latin America : The morning after) và bài "Mỹ la tinh : Thế hệ tiếp theo" (Latin America : The next Generation) trong tạp chí Mỹ Công việc đối ngoại (Foreign Affairs) số 7 - 8, năm 1995

trên thị trường tài chính quốc tế cũng như những đổi mới kinh tế trong khu vực. Tự do hóa thương mại ở đây trùng hợp với việc các nước công nghiệp có xu hướng mua bán cổ phiếu hơn là gửi tiền tiết kiệm. Riêng năm 1993, các nhà đầu tư Mỹ đã mua ở nước ngoài khoảng 68 tỉ đô la cổ phiếu, nghĩa là lớn hơn so với toàn bộ thập kỷ 80. Một phần vốn đầu tư này đi vào các thị trường tài chính đã mở cửa với lãi suất cao. Việc nới lỏng hoặc loại bỏ việc kiểm soát đối với tỷ giá hối đoái đã tạo điều kiện cho các nhà đầu tư chuyển tiền ra nước ngoài một cách dễ dàng. Từ năm 1990, đầu tư tư nhân vào Mỹ la tinh đã tăng 5 lần. Điều đó làm tăng giá cổ phiếu, khiến cho các thị trường mới trở nên hấp dẫn hơn. Năm 1993, giá cổ phiếu ở các thị trường này đã tăng 64%. Từ đó, các thị trường chứng khoán ở Mỹ la tinh trở thành những ngôi sao trong thị trường tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, với tự do hóa thương mại, với sự khôi phục tăng trưởng kinh tế và sự tiêu dùng tăng lên, ở Mỹ la tinh đã diễn ra một làn sóng nhập khẩu không cân bằng với xuất khẩu. Năm 1994, xuất khẩu chỉ tăng 9%, trong khi nhập khẩu tăng 12%. Như vậy, đầu tư nước ngoài đã trở thành một thứ dầu bôi trơn về chính trị và kinh tế. Không có đầu tư nước ngoài, việc thâm hụt mậu dịch sẽ tiếp tục tác động xấu do số dân tăng nhanh, do tỷ giá hối đoái không hợp lý, do lạm phát giảm chậm, và rốt cuộc là nhịp độ tăng trưởng kinh tế sẽ chậm lại. Ngược lại với Đông A, nơi đầu tư nước ngoài được sử dụng phần lớn cho đầu tư sản xuất, ở Mỹ la tinh nó được dùng vào mục đích mở rộng tiêu thụ là lĩnh vực bị kiểm chế suốt thập kỷ 80. Đây chính là nguyên nhân và là sự khởi phát của thảm kịch kinh tế ở Mỹ la tinh.

Đối diện với thách thức

Có 46% dân số Mỹ la tinh là người nghèo. Năm 1994, cứ 5 người dân thì có 1 người không đủ tiền cho cuộc sống tối thiểu hằng ngày. Song, Mỹ la tinh không phải là khu vực nghèo nhất. Thời kỳ 1950 - 1970, trước cuộc khủng hoảng nợ và đổi mới thị

trường, thu nhập của người dân nghèo đã suy giảm. Đầu thập kỷ 90, sự bất bình đẳng trong thu nhập càng tăng: 10% số hộ gia đình giàu nhất chiếm 40% tổng thu nhập, trong khi 20% số hộ nghèo chiếm chưa đến 4%. Có nhiều lý do để giải thích sự nghèo khổ và bất bình đẳng. Song lạm phát, đình đốn, thất nghiệp... là những nhân tố chính. Gần đây, tốc độ lạm phát giảm cùng với sự khôi phục tăng trưởng kinh tế đã ngăn chặn một phần sự bành trướng đói nghèo mà khu vực phải chịu đựng trong suốt thập kỷ 80. Tuy nhiên, mức độ tăng trưởng chưa đủ để giảm đi sự nghèo khổ. Năm 1993, thu nhập bình quân đầu người thấp hơn năm 1980 là 5%. Theo Ngân hàng thế giới, số người nghèo tăng lên hàng năm trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giảm xuống dưới 3,4%. Hơn nữa, không tính đến tốc độ tăng trưởng cao thì cũng có ít hy vọng đạt được tiến bộ xã hội, trừ phi chi phí xã hội tăng lên đột ngột.

Để duy trì tốc độ tăng trưởng cần phải tăng nhanh mức tiết kiệm. Ở các nước Đông Á, tỷ lệ tiết kiệm trung bình là 35% GDP. Mức độ tiết kiệm của khu vực Mỹ la tinh hiện nay chỉ bằng khoảng một nửa tỷ lệ đó và là mức thấp nhất kể từ thập kỷ 60. Xu hướng mới về ổn định giá cả, cân bằng ngân sách, đổi mới tài chính và tư nhân hóa quỹ trợ cấp đã báo trước một điều tốt cho việc tăng dần tỷ lệ tiết kiệm. Tuy nhiên, trong lúc đó, tăng trưởng kinh tế vẫn tiếp tục phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài, khiến cho các nền kinh tế không ổn định trước những thay đổi trên thị trường tài chính quốc tế.

Mức tiết kiệm thấp đi đôi với mức đầu tư thấp. Khu vực cần một lượng đầu tư to lớn trong nhiều lĩnh vực. Chỉ tính nhu cầu về nước, vệ sinh công cộng, truyền thông, năng lượng và giao thông vận tải, đã cần một khoản đầu tư 60 tỉ đô la một năm cho 6 năm tới - khoảng hơn 1 tỷ đô la một tuần. Đầu tư vào nông nghiệp và chế biến để đổi mới công nghệ và tăng cường hiệu quả cũng rất to lớn. Số tiền cần thiết chỉ có thể đến từ sự

kết hợp giữa đầu tư nước ngoài và tiết kiệm cao trong nước.

Hiệu quả thấp là khó khăn lớn nhất đối với việc sản phẩm xuất khẩu để duy trì nhịp độ tăng trưởng cao. Trong khi đó mới rõ ràng đã làm cho khu vực mang tính cạnh tranh cao hơn, nhưng các nhà xuất khẩu vẫn còn vấp phải những trở ngại lớn về cơ cấu. Ở Xin-ga-po, chỉ cần 20 phút để làm thủ tục hải quan và khoảng vài giờ để bốc, xếp hàng cho một con tàu. Ở phần lớn các cảng Mỹ la tinh, quá trình này kéo dài hàng ngày, thậm chí hàng tuần.

Trong thập kỷ 50, khu vực chiếm 12,5% xuất khẩu thế giới. Năm 1990 chỉ chiếm chưa đến 3,5%, thấp nhất trong thế kỷ, và hiện nay cũng chỉ chiếm chưa tới 5%, thấp hơn cuối thập kỷ 70.

Sau hàng thập kỷ thực hiện chính sách bảo hộ, hiện nay các nước Mỹ la tinh đang đặt cược tương lai của họ vào xuất khẩu. Họ hy vọng việc mở rộng xuất khẩu ra ngoài khu vực trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do với các nước phát triển sẽ trở thành động lực ổn định cho tăng trưởng. Tuy nhiên, công việc này còn phải chờ đợi vì việc mở rộng xuất khẩu sang Mỹ, châu Á và châu Âu cũng phải có điều kiện và cần có thời gian.

Hiện nay, tất cả các nước trong khu vực vẫn đứng trước những thách thức cơ bản : vừa phải bảo đảm sự ổn định kinh tế vĩ mô, vừa phải giảm thiểu nhanh chóng sự nghèo khổ và bất bình đẳng. Thành tựu đạt được trong việc ổn định chính sách kinh tế vĩ mô đầu thập kỷ này đã hỗ trợ to lớn cho các chính phủ đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kéo dài. Song trong giai đoạn sau điều chỉnh, các phép mâu kinh tế vĩ mô vẫn chưa đủ để khôi phục lòng tin của nhân dân. Dân-chủ hóa đang làm cho khu vực gặp nhiều khó khăn hơn bao giờ hết trong việc kiềm chế sự bất bình đẳng trong một xã hội truyền thống. Sự kiên nhẫn của người nghèo đang bị bào mòn bởi tiến bộ chậm chạp về mặt xã hội. Cuộc nổi dậy ở bang Chi-a-pát (Mê-hi-cô) và các cuộc nổi dậy ở

Vê-nê-du-ê-la mới đây đã khiến cho các nhà chính trị phải nhớ lại hậu quả của việc không giải quyết nhanh chóng các bất bình đẳng xã hội.

Đi về đâu ?

Mặc dù đã có những biểu hiện tích cực, các nước Mỹ la tinh vẫn gặp phải một số khó khăn không dễ khắc phục. Về chính trị, khu vực đang chuyển động rất chậm với những tiến trình cải cách nhằm củng cố và làm sâu sắc thêm nền dân chủ so với kinh tế. Ở nhiều nước, các hệ thống luật pháp và tòa án vẫn phải được đổi mới. Thế hệ các nhà lãnh đạo tiếp theo nhận ra rằng, họ cũng phải tạo ra sự tiến bộ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, chấm dứt sự nghèo khổ, phân phối lại tài sản và thu nhập một cách công bằng hơn. Hội nghị thượng đỉnh châu Mỹ ở Mai-a-mi tháng 12-1994 là bước đi đầu tiên. Thêm vào đó, ngoài việc đạt được các hiệp định mậu dịch khu vực, hội nghị đó còn có các hiệp định về củng cố dân chủ, cải thiện quyền con người ; về đấu tranh chống tham nhũng và buôn bán ma túy ; về giảm bớt nghèo khổ, cải thiện giáo dục và bảo vệ môi trường. Giải quyết các vấn đề chính trị, xã hội này là một nhiệm vụ rất khó khăn. Song với tiến trình cải cách kinh tế đang diễn ra tốt đẹp ở nhiều nước, người ta hy vọng có thể tìm ra những giải pháp hữu hiệu.

Nếu thế hệ mới ở Mỹ la tinh thành công, họ có thể đưa ra được một quan hệ mới với Hoa kỳ trên cơ sở hợp tác nhiều hơn là phụ thuộc, chấm dứt chu kỳ chuyển tiếp từ độc tài sang dân chủ, và ngược lại. Nhưng họ có thể chấm dứt được chu kỳ tăng giá - phá sản cũng như các cuộc khủng hoảng đã tàn phá khu vực trong nhiều năm nay hay không, thì đó vẫn còn là một câu hỏi lớn. Tương lai của khu vực cũng đã mở ra nhưng còn nhiều trắc trở □

TRỊNH CUỒNG
(tổng thuật)



VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA). ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI (FDI)

● **VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA - Official Development Assistance)** là hình thức chuyển giao nguồn vốn (tiền tệ, vật chất, công nghệ...) từ các tổ chức tài chính quốc tế, từ các nước công nghiệp phát triển cho các nước đang phát triển và chậm phát triển.

Trước đây có hai hệ thống ODA : ODA của các nước xã hội chủ nghĩa và ODA của các nước tư bản chủ nghĩa. Ngày nay, về cơ bản, chỉ còn một hệ thống ODA.

Theo nghị quyết của Liên hợp quốc, các nước giàu cần trích 0,7% tổng sản phẩm quốc dân (GNP) của mình để thực hiện nghĩa vụ đối với các nước nghèo. Tuy nhiên, trên thực tế, chỉ có một số ít nước thực hiện hoặc vượt được định mức này, như số liệu năm 1990 cho thấy : Na uy : 1,14% GNP ; Đan mạch : 0,96% GNP ; Thụy Điển : 0,92% GNP ; Hà lan : 0,88% GNP (trong khi đó Mỹ chỉ trích : 0,17% GNP, Nhật : 0,33% GNP).

Cơ cấu ODA phụ thuộc vào nước hoặc tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế tài trợ. Thông thường gồm hai phần : phần không hoàn lại và phần hoàn lại với điều kiện ưu đãi. Phần không hoàn lại lớn hay nhỏ tùy thuộc vào hảo tâm của chủ tài trợ, trung bình là 15% tổng số ODA (tỷ lệ cao là 35% ODA). Phần hoàn lại với điều kiện ưu đãi (lãi suất thấp, thời hạn dài...) chiếm phần lớn ODA. Nước nhận ODA phải trả dần phần này cả gốc lẫn lãi theo hiệp định đã thỏa thuận.

Một số tổ chức của Liên hợp quốc như FAO, UNDP, UNESCO cũng thực hiện ODA. Phần lớn ODA của các tổ chức này là viện trợ nhân đạo, cứu tế, hỗ trợ giáo dục, dân số..., tuy nhiên khối lượng không lớn.

ODA có hai loại : không điều kiện và có điều kiện. Trên thực tế, rất ít nước viện trợ không điều kiện (có lẽ chỉ có Thụy Điển). Còn các nước viện trợ thường gắn với các điều kiện cụ thể về chính trị, kinh tế...

ODA có nhiều hình thức : viện trợ qua con đường nhà nước, theo thỏa thuận của hai hay nhiều bên ; viện trợ qua Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác ; viện trợ của các tổ chức phi chính phủ ; viện trợ theo hình thức mới là mở rộng hạn ngạch nhập khẩu cho nước được tài trợ (như Mỹ bao tiêu sản phẩm cho Đài loan).

Tại 3 hội nghị quốc tế về ODA cho Việt nam ở Pa-ri trong 3 năm qua, các nhà tài trợ đã cam kết viện trợ cho Việt nam 6 tỉ USD. Tính đến hết năm 1995, Việt nam đã ký được nhiều dự án với 4,6 tỉ USD viện trợ. Các nước và tổ chức viện trợ lớn nhất cho Việt nam là Nhật bản, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á.

● **ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI (FDI)** là một trong những hình thức đầu tư quốc tế.

Đầu tư quốc tế là hình thức di chuyển vốn (tư bản) từ nước này sang nước khác nhằm mục đích kiếm lợi nhuận.

Vốn đầu tư có nhiều dạng : tiền (nội, ngoại tệ), tư liệu sản xuất, sức lao động, công nghệ, bằng sáng chế phát minh...

Đầu tư quốc tế có thể là đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI - Foreign Direct Investment) là hình thức đầu tư trong đó vốn của chủ đầu tư nước ngoài bỏ vào các cơ sở sản xuất hoặc dịch vụ, đạt tới mức cho phép người đó có thể trực tiếp tham gia điều hành các cơ sở nói trên. Hình thức này hiện đang đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta.

Đầu tư gián tiếp của nước ngoài là hình thức đầu tư trong đó vốn của chủ đầu tư nước ngoài chỉ bó hẹp ở một số cổ phần nhất định, không đủ để người đó có thể trực tiếp tham gia điều hành các cơ sở sản xuất hoặc dịch vụ mà họ có cổ phần.

Nếu đầu thế kỷ này đầu tư quốc tế chủ yếu hướng vào các nước đang phát triển và chậm phát triển thì hiện nay nó lại chủ yếu hướng vào các nước tư bản phát triển. Đầu tư quốc tế vào các nước đang phát triển và chậm phát triển tuy có giảm nhưng vẫn còn lớn. Mức độ đầu tư đổ ở mỗi nước nhiều hay ít tùy thuộc vào sự ổn định của môi trường đầu tư và chính sách thu hút vốn đầu tư. Để tránh rủi ro và bất trắc, khi đầu tư vào các nước này, chủ đầu tư thường chọn những dự án đầu tư nhỏ, có khả năng thu hồi vốn nhanh, hoặc tập trung khai thác những tài nguyên chiến lược như dầu khí, sắt thép...

Đầu tư quốc tế vào Việt nam có xu hướng ngày càng tăng. Tính đến đầu năm 1996 đã có 1 606 dự án đầu tư của nước ngoài được cấp giấy phép với số vốn trên văn bản là 18,8 tỉ USD. Cả số lượng và quy mô đầu tư đều tăng. Đầu tư quốc tế ở ta năm 1988 mới có 366 triệu USD thì năm 1995 đã lên tới 7,4 tỉ USD, như vậy bình quân mỗi năm tăng 50%. Quy mô trung bình của một dự án ở ta năm 1990 là 3,5 triệu USD, năm 1994 lên 10 triệu USD và năm 1995 đạt 16,38 triệu USD. Cơ cấu và hình thức đầu tư cũng có sự chuyển dịch và thay đổi đáng kể. Mấy năm đầu, vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào các ngành dầu khí (34,2%) và kinh doanh khách sạn (20%). Nhưng từ năm 1991, vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp và lĩnh vực khác đã tăng nhanh. Năm 1993, vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp chiếm khoảng 50% tổng số vốn đầu tư. Sau 8 năm, khoảng 64,6% số vốn đầu tư là thuộc các ngành sản xuất vật chất, trong đó hơn 60% dự án thuộc loại đầu tư chiều sâu. Việc phân bổ vốn đầu tư trên địa bàn cả nước cũng ngày càng hợp lý và cân đối hơn □

HỘI NGHỊ BÀN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỐNG MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở CÁC TỈNH NAM BỘ

Trong hai ngày 13 và 14-5-1996, tại TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã diễn ra *Hội nghị bàn về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống mù chữ và phổ cập tiểu học ở các tỉnh Nam bộ*, do Ban khoa giáo trung ương, Bộ Giáo dục và đào tạo, Ủy ban quốc gia chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học phối hợp tổ chức. GS Nguyễn Đình Tứ, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban khoa giáo trung ương và GS Trần Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo chủ trì hội nghị. Tham gia dự Hội nghị còn có lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và ngành giáo dục của 16 tỉnh Nam bộ và đại diện một số ban ngành có liên quan như: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam, Hội nông dân Việt nam, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ tài chính, Bộ kế hoạch và đầu tư, Ủy ban văn hóa - giáo dục của Quốc hội, Ban tổ chức chính phủ, Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng, v.v..

Khu vực Nam bộ gồm 16 tỉnh, thành phố với diện tích khoảng 62 746 km² và số dân khoảng 22 triệu người (chiếm gần 32% số dân cả nước) có một vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển chung của đất nước. Ở đây có "tam giác kinh tế động lực" TP Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (một trong điểm đầu tư trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa) và khu vực đồng bằng sông Cửu Long (gồm 11 tỉnh) có vai trò quyết định đối với chiến lược an toàn lương thực chung của cả nước.

Tình hình phát triển kinh tế và thu nhập ở Nam bộ mấy năm qua cho thấy những dấu hiệu rất lạc quan, nhưng trình độ dân trí và thực trạng giáo dục - đào tạo ở đây lại rất đáng lo ngại.

Toàn khu vực chỉ mới có TP Hồ Chí Minh vừa được công nhận đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ và phổ cập tiểu học (trong khi cả nước có 15 tỉnh, thành đã được công nhận). Số người mù chữ ở độ tuổi 15 - 35 trong 5 năm qua tuy có giảm nhưng giảm không đáng kể, cá biệt có địa phương (như An Giang, Cần Thơ) còn tăng. Tính chung, cả Nam bộ hiện còn trên nửa triệu người ở độ tuổi (cả nước là 1,8 triệu) bị mù chữ, gần nửa triệu trẻ em từ 6 - 14 tuổi thất học (chiếm gần 20% số trẻ em trong độ tuổi). Tỷ lệ học sinh tiểu học lưu ban, bỏ học còn cao. Cơ sở vật chất của các trường lớp tiểu học ở Nam bộ rất yếu; vẫn còn đến 30% số phòng học xây dựng tạm bợ. Đội ngũ giáo viên vừa thiếu, vừa yếu (vẫn thiếu 11 000 giáo viên tiểu học).

Trong 5 năm qua, công tác chống mù chữ, phổ cập tiểu học ở Nam bộ tuy có rất nhiều cố gắng nhưng kết quả còn thấp, tiến độ chậm và rất không đồng đều giữa các địa phương. Thực trạng này nếu để kéo dài sẽ trở thành lực cản kéo lùi bước tiến của các tỉnh Nam bộ trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, cần có ngay những biện pháp cấp bách, kiên quyết và mạnh mẽ thúc đẩy phong trào chống mù chữ, phổ cập tiểu học ở các tỉnh Nam bộ với mục tiêu đạt chuẩn quốc gia trước năm 2000 như nghị quyết của Đảng đã đề ra.

Trong bối cảnh đó, sau khi nghe hai bản báo cáo của đồng chí Nguyễn Đình Tứ và đồng chí Trần Hồng Quân, các đại biểu tham dự hội nghị đã tập trung thảo luận về thực trạng công tác chống mù chữ và phổ cập tiểu học, rút ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, đặc biệt là tìm giải pháp và lối ra. Những ý kiến phát biểu tại hội nghị đã cho thấy rõ *những nguyên nhân khách quan* không thể bỏ qua. Đó là cơ sở hạ tầng yếu kém, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa (đến hơn 30% số xã ở Nam bộ chưa có điện và đường ô tô); đời sống một bộ phận nông dân còn thấp, phải đi làm thuê, làm mướn; có đến gần 1,4 triệu đồng bào thiếu số (như Khơ me, Hoa, Chăm...); trong nhân dân còn khá nặng tư tưởng ỷ lại, trông chờ thiên nhiên, "không cần học vẫn đủ ăn"... Tuy nhiên, quyết định vẫn là *những nguyên nhân chủ quan*. Các cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức thật sâu sắc vai trò và vị trí của giáo dục, vì vậy chưa quan tâm đầy đủ, chỉ đạo và lãnh đạo sát sao, ráo riết đối với công tác chống mù chữ, phổ cập tiểu học; chưa tạo được sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp các ngành, gây thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Một số địa phương còn mang nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại cấp trên, chưa thật sự chủ động, dựa vào sức mình là chính. Đúng là điều kiện kinh tế rất quan trọng, nhưng thực tế ngay ở khu vực đã cho thấy: một số địa phương làm tốt công tác chống mù chữ và phổ cập tiểu học như Bến Tre, Tiền Giang (dự kiến đạt chuẩn quốc gia vào năm 1997) lại không phải là những tỉnh khá về kinh tế, nếu không nói là vào loại nghèo (như Bến Tre). Ngược lại, một số tỉnh giàu như Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ, An Giang lại đang đứng ở tốp cuối. Nói cách khác, điều kiện kinh tế - xã hội ở các địa phương làm tốt, hoàn toàn không thuận lợi hơn các địa phương làm kém.

Hội nghị cũng đề cập việc gắn công tác chống mù chữ, phổ cập tiểu học với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương để tạo nên hiệu quả lâu bền, chống nguy cơ tái mù chữ, kích thích nhu cầu học tập trong nhân dân, thu hút sự tham gia rộng rãi của mọi lực lượng xã hội, xã hội hóa các nguồn lực cho công tác chống mù chữ, phổ cập tiểu học...

Phát biểu kết thúc hội nghị, đồng chí Nguyễn Đình Tứ nhấn mạnh: Mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập tiểu học toàn quốc vào năm 2000 được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) và sẽ được Đại hội VIII khẳng định, qua mấy năm thực hiện đã được thực tế chứng minh là hoàn toàn có tính khả thi. Đó là mặt bằng dân trí tối thiểu để đưa đất nước bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các cấp ủy và chính quyền địa phương có nghĩa vụ phải thực hiện bằng được, không bán lùi. Qua hội nghị này, từ thực tế điển hình của các xã, các huyện đã làm tốt công tác chống mù chữ và phổ cập tiểu học, cần khẳng định: mục tiêu nêu trên cũng có thể thực hiện được ở các tỉnh Nam bộ. Vấn đề còn lại là ở trách nhiệm của lãnh đạo và ý thức của người dân trên cơ sở dựa vào sức mình là chính □

CÔNG TY XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SÀI GÒN 5 (SFCC)

SAIGON FIVE CONSTRUCTION COMMERCE CORPORATION

Đ/C : 744A Trần Hưng Đạo, Q5, TP Hồ Chí Minh - ĐT : 350770 - 350336



SẴN SÀNG LIÊN DOANH, LIÊN KẾT HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC KINH DOANH ĐỊA ỐC

CHUYÊN DOANH :

- Xây dựng sửa chữa và kinh doanh phát triển nhà.
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, san lấp mặt bằng, thi công mặt đường bộ, trang trí nội thất.
- Thiết kế xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
- Buôn bán hàng tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng.
- Nhập khẩu, kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng.

**KINH TẾ • DOANH NGHIỆP - KINH TẾ - DOANH NGHIỆP
NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC
CHẤT LƯỢNG . CHỦ ĐỘNG. TÍN NHIỆM. AN TOÀN**

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI VIII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM !

SCTV

CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP SAIGÒN TOURIST

MMDS - CATV - MATV

Sàigòn Tourist cable. television Company

- Văn phòng 17A8 Lê Thánh Tôn
Q1. TP Hồ Chí Minh
ĐT : 228008 - 244351
Fax : 84.8.244225
Mobile phone : 019086403

- Office : 17A8 Le Thanh Ton St.
Dist 1. Ho Chi Minh City
Tel : 228008 - 244351
Fax : 84.8.244225
Mobile phone : 019086403

CÔNG TY XÂY LẮP III

(BỘ THƯƠNG MẠI)

VĂN PHÒNG : 232 NGUYỄN TẤT THÀNH - Q.4 - TP. HỒ CHÍ MINH

ĐIỆN THOẠI : 8722602 - 8722606

GIÁM ĐỐC : NGUYỄN THÀNH HOÀNG

● TỔNG THẦU XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH XĂNG DẦU BAO GỒM :

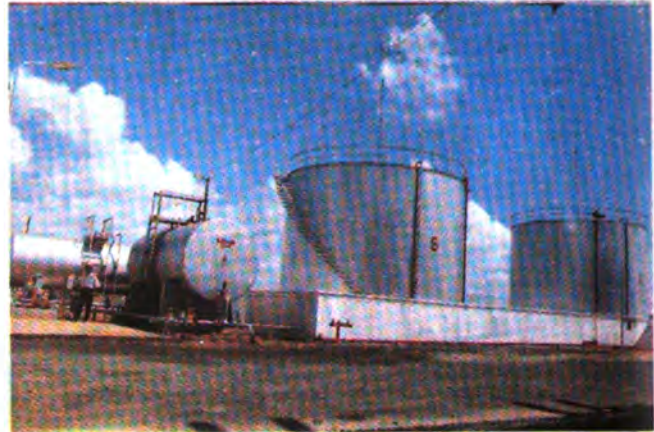
- Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật.
- Thi công xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa các kho tàng, đường ống công nghệ, bồn bể chứa và trạm bán lẻ...

● TỔNG THẦU XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP ; SAN LẤP MẶT BẰNG, BẾN BÃI, XỬ LÝ NỀN MÓNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP FRANKI.

+ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH :

- Gia công các loại bồn bể thép, van, mặt bích, đóng mới xe bồn, sửa chữa các loại cột bơm.
- Sản xuất và cung ứng đá xây dựng, gạch bông, ván ép, sơn chống gỉ, accu...
- Xuất nhập khẩu hàng hóa và các thiết bị vật tư chuyên ngành xăng dầu và xây dựng.

*Hân hạnh đón tiếp
2NH KHÁCH*



Công trình kho nhiên liệu nhà máy điện Hiệp phước
(khu chế xuất Tân thuận)



Công nghệ bến xuất kho C tổng kho XD Nhà bè



Thi công công trình xưởng dếp hài Biti' (Đồng nai)



Công trình SHINCHO - VINA (Sông bé)

Chào mừng ĐẠI HỘI VIII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



CÔNG TY MAI LINH KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH *An Khang Thịnh Vượng*

MAI LINH TAXI 6.000 đồng/Km
Từ km thứ 61 giá chỉ còn 3.200 đồng/Km.

Điện thoại công cộng phục vụ trên xe,
Quý khách được bảo hiểm.

An toàn - Nhanh chóng
Mọi lúc - Mọi nơi

GIÁM ĐỐC HỒ HUY

MAI LINH Co., Ltd.

SAIGON TAXI 44 88 88

CHOLON TAXI 22 66 66

GIADINH TAXI 22 66 99

Khách hàng là tất cả
"Customer means everything"

Digitized by Google



CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

Sản phẩm VINAMILK đa dạng và phong phú, đảm bảo các giá trị dinh dưỡng cao. Đặc biệt được bổ sung thêm các Vitamin các loại.



Địa chỉ : 36 - 38 Ngõ Đức Kế - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - ĐT : 299377 - Fax : 84-8-294845
25B Phan Đình Phùng - Quận Ba Đình - Hà Nội - ĐT : 284187

VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK VINAMILK

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

- Địa chỉ : xã Xuân lập - Huyện Long khánh - Đồng nai
- ĐT : (0.61) 877467 - 877126 ; Fax : 84.61.877934
- * VPDD tại TPHCM : 39. Bến Vân đồn, Q4 - TPHCM
- ĐT : (08) 8223345 - Fax : 84.8.8296874



Đ/C NGUYỄN THÀNH CHÂU
Giám đốc Công ty



Văn phòng Công ty Cao su Đồng nai

Công ty Cao su Đồng nai là một đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt nam. Công ty có gần 40.000 ha cây cao su, khu vực đã được khai thác kinh doanh khoảng 29.800 ha, khu vực cây tơ gồm 10.000 ha. Công ty có 5 nhà máy chế biến và 2 xí nghiệp. Sản lượng của Công ty đến năm 2.000 ước tính sẽ là 39.700 tấn. Những loại cao su chính là cao su khối định chuẩn và mủ cô đặc (Latex Concentrate). Công ty cao su Đồng nai sẵn sàng liên doanh và quan hệ hợp tác thương mại với tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để mở rộng sản xuất, phát triển các mặt hàng mới và cải tiến chất lượng sản phẩm



Vườn cây cao su tơ





■ Xe bơm bê tông



■ Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn



■ Trạm trộn bê tông công suất $70\text{m}^3/\text{giờ}$

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 CÔNG TY XÂY DỰNG số 14



XÍ NGHIỆP BÊ TÔNG

KM7 - XA LỘ HÀ NỘI - H. THỦ ĐỨC,
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐT : 962002 - 784347

ĐT : 8962002 - 8784347

- ❖ Cung ứng bê tông tươi đến tận chân công trình
- ❖ Bơm bê tông xa 150m - cao 50m
- ❖ Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn
- ❖ Xây dựng công trình quy mô vừa và nhỏ

HÀN HANH ĐUỐC
PHẠC VU ZUỠ KHÁCH

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 12
MAIN

Tạp chí Công sản

5728



The Library - UC Berkeley
Received on: 07-16-96
Tạp chí công sản : C quan lý
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

12
6-1996

SỐ CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG



Đại hội VIII của Đảng - đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân !

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước !

**Tất cả vì
dân giàu, nước mạnh,
xã hội công bằng,
văn minh !**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM !



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 498

BỘ BIÊN TẬP : 1. Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

ĐẢNG CỦA TRÍ TUỆ VÀ NIỀM TIN	Bác Hồ nói về Đảng ta	3
	Các Đại hội của Đảng	5
	Các Tổng bí thư của Đảng nói về xây dựng Đảng	9
	PHAN ĐĂNG PHÚ - Một số bài học về xây dựng Đảng trong những năm đổi mới	10
	LÊ THẾ LẠNG - Đảng cộng sản Việt nam - Vì sao thắng lợi ?	16
	LÊ VĂN YÊN - Đảng cộng sản Việt nam - hiện thân của tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	19
TRƯỚC THÊM ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	*** Tổng hợp ý kiến đóng góp vào Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng (gửi qua Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản)	22
	BÙI NGỌC TRINH - Hồi âm vang vọng của một văn kiện dự thảo	27
	XUÂN HẢI - Mấy cảm nhận về đại hội các cấp vừa qua của Đảng	33
	NHẬT TÂN - Suy nghĩ trước thêm Đại hội	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN ĐÌNH TỨ và PHẠM TẮT DONG - Trí thức và công tác trí thức của Đảng	40
	NGUYỄN DY NIÊN - Tiếp tục đổi mới và mở cửa vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	46
	HÀ THỊ KHIẾT - Một số suy nghĩ bước đầu về vận dụng đường lối đổi mới của Đảng ở Tuyên quang	50
	VŨ XUÂN KIỀU - Tham nhũng và chống tham nhũng ở nước ta	56
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ LÂN - Cái khó của sự trong sạch	60
BẠN ĐỌC GÓP Ý VỚI TẠP CHÍ CỦA ĐẢNG	- Hội nghị cộng tác viên và bạn đọc Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh Bắc Trung bộ	62
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Một số mô hình kinh tế thị trường	64
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thời đại, thời đại ngày nay	66
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo khoa học : "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong sự nghiệp đổi mới hiện nay"	67
	- Hội thảo khoa học : "Hình tượng người cộng sản Việt nam trên sân khấu"	67

СОДЕРЖАНИЕ (Специальный номер посвященный 8^{ому} Съезду Партии)

Партия разума и веры. Президент Хо Ши Мин о нашей партии. Съезды нашей партии. Генеральные секретаря Партии о партийном строительстве. ФАН ДАНГ ФУ - Некоторые уроки о партийном строительстве в годы обновления. ЛЕ ТХЕ ЛАНГ - Коммунистическая Партия Вьетнама - Почему она победила? ЛЕ ВАН УЕН - Коммунистическая Партия Вьетнама - Воплощение идеи о тесной связи национальной независимости и социализма. Накануне 8^{ого} Съезда Партии. *** - Обзор мнений, внесенных в проект политического доклада к 8^{ому} Съезду Партии (через редакцию журнала "Коммунист"). БУЙ НГОК ЧИНЬ - Резонанс одного документа (проектного варианта). СУАН ХАЙ - Впечатления о партийных съездах разных уровней. НЯТ ТАН - Раздумья на пороге Съезда Партии. Практика, опыт. НГУЕН ДИНЬ ТЫ и ФАМ ТАТ ЗОНГ - Интеллигентия и работа Партии с ней. НГУЕН ЗИ НИЕН - Дальнейшее исполнение политики обновления и открытых дверей во имя индустриализации и модернизации страны. ХА ТХИ ХИЕТ - Первоначальные размышления над применением политики обновления партии в провинции Туен куанг. ВУ СУАН КИЕУ - Коррупция и борьба с ней в нашей стране.

CONTENTS (*Special edition devoted to welcoming the 8th Party Congress*)

The Party of wisdom and confidence. President Ho Chi Minh speaking about our Party. Our Party Congresses. Party's general secretaries speaking about party building. PHAN DANG PHU - Some lessons on party building during the years of renovation. LE THE LANG - The Communist Party of Vietnam - why she prevailed. LE VAN YEN - The Communist Party of Vietnam - embodiment of the idea of independence closely combined with socialism. *On the threshold of the 8th Party Congress.* *** - Summary of opinions contributed to the political report's project for submitting to the 8th Party Congress (via the Editors board of the journal "Communist"). BUI NGOC TRINH - Reverberations of a document on the project. XUAN HAI - Some impressions from Party congresses at different levels. NHAT TAN - Thinking on the threshold of the Party Congress. *Practice - Experience.* NGUYEN DINH TU and PHAM TAT DONG - Intelligentsia and the Party's work with them. NGUYEN DY NIEN - Further implementation of the policy of renovation and open doors for the sake of the country's industrialisation and modernisation. HA THI KHIET - Initial thoughts on the application of the Party's policy of renovation in Tuyen Quang province. VU XUAN KIEU - Corruption and the struggle against it in our country.

SOMMAIRE (*Numéro spécial en l'honneur du VIIIe Congrès national du PCV*)

Un Parti de l'intelligence et de la confiance. L'Oncle Ho parle de notre Parti. Les Congrès de notre Parti. Les Secrétaires généraux du Parti parlent de l'édification du Parti. PHAN DANG PHU - Quelques leçons sur l'édification du Parti pendant les années de renouveau. LE THE LANG - Le Parti communiste du Vietnam - par quoi s'explique sa victoire? LE VAN YEN - Le Parti communiste du Vietnam - incarnation de la pensée de l'indépendance nationale liée au socialisme. *Au seuil du VIIIe Congrès national du Parti.* *** - Les avis apportés au projet du Rapport politique présenté au VIIIe Congrès du Parti (envoyés à la Rédaction de la Revue du Communisme). BUI NGOC TRINH - La répercussion d'un projet de document. XUAN HAI - Quelques réflexions sur les Congrès du Parti à différentes instances. NHAT TAN - Réflexions au seuil du Congrès. *Pratique - Expériences.* NGUYEN DINH TU et PHAM TAT DONG - Les intellectuels et le travail du Parti à l'intention de l'intelligentsia. NGUYEN DY NIEN - Continuons le renouveau et l'ouverture pour l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. HA THI KHIET - Quelques réflexions sur l'application de la politique de renouveau du Parti à Tuyen Quang. VU XUAN KIEU - La corruption et la lutte contre la corruption dans notre pays.

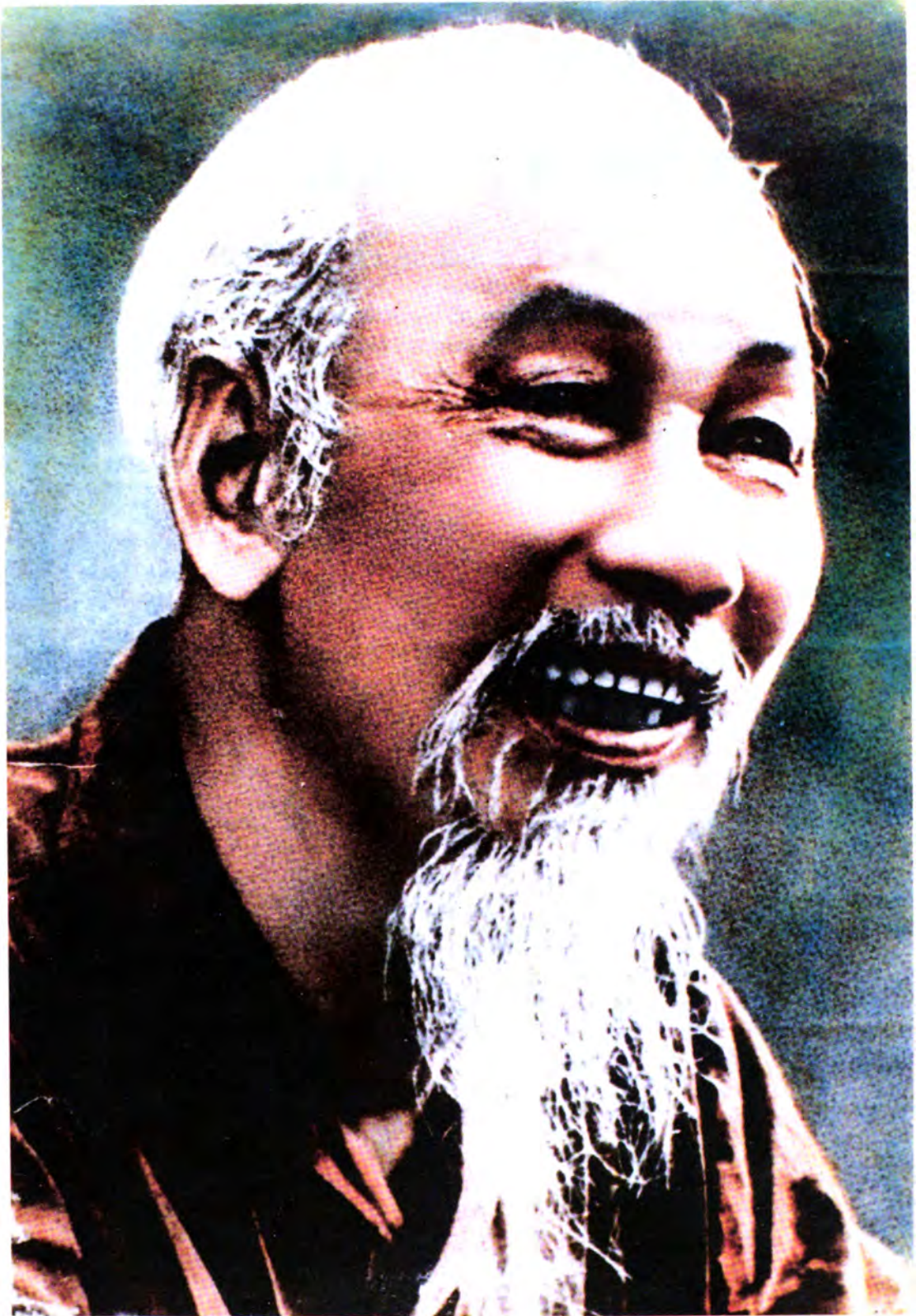
SUMARIO (*Numero especial en honor del Octavo Congreso nacional del Partido*

Comunista de Vietnam)

El Partido de la inteligencia y de la confianza. El Tío Ho habla sobre nuestro Partido. Los Congresos de nuestro Partido. Los secretarios generales del Partido hablan sobre la edificación del Partido. PHAN DANG PHU - Algunas lecciones sobre la edificación del Partido en los años de renovación. LE THE LANG - El por qué de la victoria del Partido Comunista de Vietnam. LE VAN YEN - El Partido Comunista de Vietnam - personificación del pensamiento de la independencia nacional ligado al socialismo. *Al umbral del Octavo Congreso Nacional del Partido.* *** Chequeos de los aportes al proyecto del Informe Político presentado al Octavo Congreso Nacional del Partido (enviado a la Redacción de la Revista del Comunismo). BUI NGOC TRINH - La repercusión de un proyecto de documentos. XUAN HAI - Algunas reflexiones sobre los congresos del Partido a diferentes instancias. NHAT TAN - Reflexiones al umbral del Congreso. *Prácticas - Experiencias* NGUYEN DINH TU y PHAM TAT DONG - Los intelectuales y el trabajo del Partido a la intención de la intelectualidad. NGUYEN DUY NIEN - Continuar la renovación y la apertura por la obra de industrialización y de modernización del país. HA THI KHIET - Algunas reflexiones sobre la aplicación de la renovación del Partido en Tuyen Quang. VU XUAN KIEU - La corrupción y la lucha contra la misma en Vietnam.

目錄 (慶祝越共八大召開期號)

●智慧和信念的黨★★★胡伯伯論我黨●我黨歷代大會●各位黨總書記論黨的建設●潘登富：關於更新時期黨的建設的若干經驗●黎勢諒：越南共產黨——為何取得勝利？●黎文安：越南共產黨——民族獨立與社會主義緊密結合思想的化身●越共八大前夕★★★讀者寄給共產主義雜誌編輯部的關於越共八大政治報告草案的意見匯集●裴玉程：文獻草案引起的反響●春海：越共各級黨代會的若干認識●日新：越共八大前的思考●實踐一經驗★★★阮庭賜和范必容：知識份子與黨的知識份子工作●阮頤年：為國家工業化和現代化而繼續開放與更新●何氏潔：宜光省貫徹黨的更新路線的若干初步思考●武春橋：我國的貪污(現象)與反貪污鬥爭



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
NGƯỜI SÁNG LẬP, GIÁO DỤC VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA

ĐẢNG CỦA TRÍ TUỆ VÀ NIỀM TIN

BÁC HỒ NÓI VỀ ĐẢNG TA

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Người đã trọn đời hy sinh phần đầu cho sự nghiệp của Đảng và hạnh phúc của nhân dân. Người đã để lại cho chúng ta rất nhiều bài nói và bài viết quan trọng về Đảng và công tác xây dựng Đảng. Trong không khí toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta nô nức chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, chúng ta không khỏi bồi hồi xúc động tưởng nhớ tới công lao trời biển của Người, ôn lại những lời căn dặn của Người. Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu một số đoạn trong bài nói của Người tại Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng (năm 1960).

Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại !

Đảng ta vĩ đại thật. Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị dày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra.

Từ ngày mới ra đời, Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Máu đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong.

- Ăn quả phải nhớ người trồng cây. Trong cuộc tương bình vui vẻ hôm nay, chúng ta phải nhớ đến những anh hùng, liệt sĩ của Đảng ta, của dân ta.

Trong 15 năm đấu tranh trước Cách mạng Tháng Tám và trong tám, chín năm kháng chiến, biết bao đảng viên ưu tú và quần chúng cách mạng đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh một cách cực kỳ oanh liệt. Chỉ riêng trong cấp Trung ương của Đảng đã có 14 đồng chí bị đế quốc Pháp bắn, chém, hoặc đập chết trong nhà tù. Máu đào của các liệt sĩ ấy đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ, và chúng ta phải luôn luôn học tập tinh thần dũng cảm của các liệt sĩ để vượt tất cả mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ đã chuyển lại cho chúng ta.

- Nhân đây, tôi muốn nhắc lại rằng : Trong 31 đồng chí hiện nay là Ủy viên Trung ương ta, trước ngày khởi nghĩa đã được đế quốc Pháp tặng cho 222 năm tù đầy. Đó là không kể những án tử hình vắng mặt và những cuộc vượt ngục trước khi hết hạn ở tù. Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nỏ rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua.

- Đảng ta vĩ đại thật. Một thí dụ : Trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gậy tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn hàng vạn anh hùng nơi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm vông đánh thực dân Pháp.

Những thắng lợi quốc và phong kiến là tương đối dễ ; thắng hẳn cường và lực hậu còn khó hơn nhiều. Ngày nay ở miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng. Đảng đoàn kết và lãnh đạo nhân dân ta thi đua kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống vui tươi, no ấm và mỹ tục thuần phong. Hễ con có một người Việt nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho nên Đảng vừa lo tính công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành một nền kinh tế và văn hóa tiên tiến, đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương và muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân. Cho nên Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả nước, đồng thời vì nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta.

- Đảng ta vĩ đại vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác.

- Nhiệm vụ hiện nay của Đảng ta là lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

...

Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù, lại được các nước anh em hết lòng giúp đỡ. Chúng ta phải có quyết tâm học tập và theo kịp các nước anh em.

Kết quả tốt đẹp của đợt thi đua lấy thành tích chào mừng Đảng đã chứng tỏ rằng sáng kiến và lực lượng của nhân dân ta rất dồi dào và to lớn. Khi tư tưởng đã thông suốt thì khó khăn gì cũng vượt được, công việc to lớn mấy cũng làm được.

Trang ương kêu gọi toàn thể đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động, bất kỳ ở cương vị nào, làm công việc gì đều phải trau dồi đạo đức cách mạng, tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân, cố gắng học tập chính trị, văn hóa và khoa học, kỹ thuật, làm tốt công tác kinh tế tài chính, gương mẫu trong mọi việc làm. Phêi đoàn kết và học hỏi những anh em ngoài Đảng và ngoài Đoàn, để cùng nhau tiến bộ.

Hồi khởi nghĩa, Đảng ta chỉ có hơn 5 000 đảng viên mà lãnh đạo được nhân dân cả nước làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi. Ngày nay, hàng ngũ Đảng ta đã tăng gần 190 lần, nghĩa là độ nửa triệu đảng viên. Chúng ta lại có hơn 69 vạn đoàn viên Đoàn thanh niên lao động. Chính quyền nhân dân ta vững chắc, quân đội nhân dân hùng mạnh. Mặt trận dân tộc rộng rãi. Công nhân, nông dân và trí thức ta được rèn luyện thử thách và tiến bộ không ngừng. Nói tóm lại : lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất định thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà và góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ hòa bình ở châu Á và thế giới.

Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,

Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình.

Đảng ta là đạo đức, là văn minh,

Là thống nhất, độc lập, là hòa bình âm no.

Công ơn Đảng thật là to.

Ba mươi năm, lịch sử Đảng ta là cả một pho lịch sử bằng vàng. ▴

CÁC ĐẠI HỘI CỦA ĐẢNG

HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất Đảng đã họp tại Cửu long, gần Hương cảng (Trung quốc). Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) chủ trì Hội nghị. Hội nghị đã nhất trí hợp nhất Đông dương cộng sản Đảng và An nam cộng sản Đảng để lập ra một đảng duy nhất lấy tên là Đảng cộng sản Việt nam và ngày 24-2-1930 đã tiếp nhận Đông dương cộng sản liên đoàn vào Đảng.

Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng và các điều lệ vắn tắt của các tổ chức quần chúng do đồng chí Hồ Chí Minh soạn thảo.

Nhân dịp này, Người đã ra lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh sĩ, thanh niên, học sinh và toàn thể quần chúng bị áp bức bóc lột.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt nam có ý nghĩa như một đại hội thành lập Đảng cộng sản Việt nam.

Hội nghị lần thứ nhất BCHTU (10-1930) đã thông qua *Luận cương chính trị*, đổi tên Đảng thành Đảng cộng sản Đông dương, bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng bí thư của Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ I CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 27 đến 31-3-1935 tại Ma cao (Trung quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu thuộc các đảng bộ trong nước và tổ chức của đảng hoạt động ở nước ngoài. Đại hội đánh giá những thắng lợi trong việc khôi phục và phát triển phong trào đấu tranh của quần chúng, đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu của Đảng trong thời gian trước mắt là : củng cố và phát triển đảng ; đẩy mạnh cuộc vận động thụ phục quần chúng ; mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh... Đại hội đã bầu BCHTU gồm 13 đồng chí. BCHTU đã cử đồng chí Nguyễn Ái Quốc làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế cộng sản.

Tại Hội nghị Trung ương tháng 3-1938, đồng chí Nguyễn Văn Cừ được cử làm Tổng bí thư của Đảng.

Tại Hội nghị TƯ tháng 5-1941, đồng chí Trường Chinh được cử làm Tổng bí thư của Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 11 đến 19-2-1951 tại xã Vinh quang, huyện Chiêm hóa, tỉnh Tuyên quang.

Dự đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết thay mặt hơn 766 nghìn đảng viên cả nước.

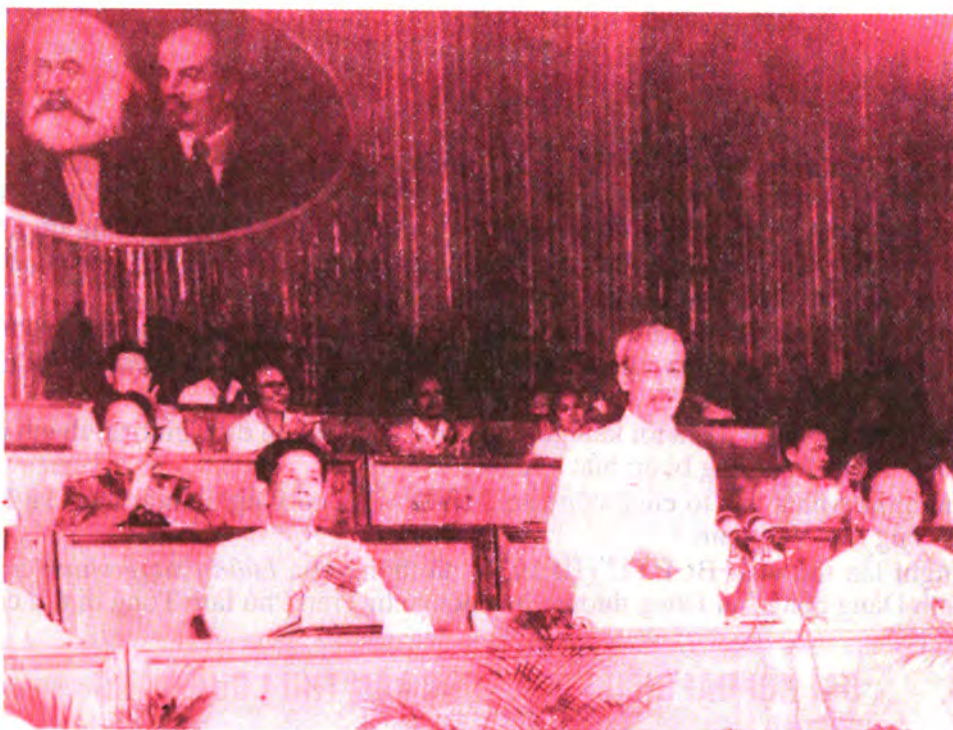
Đại hội quyết định xây dựng Đảng lao động Việt nam kế thừa truyền thống quang vinh của Đảng cộng sản Việt nam, Đảng cộng sản Đông dương. Đại hội nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt nam là : tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.

Đại hội đã bầu BCHTU gồm 19 đồng chí ủy viên chính thức, 10 đồng chí ủy viên dự khuyết. BCHTU đã cử ra Bộ chính trị gồm 7 ủy viên chính thức và một ủy viên dự khuyết ; bầu Ban bí thư TƯ Đảng để giải quyết công việc hằng ngày của Đảng.

Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng.

Đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG



Họp từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960 tại Hà nội.

Dự đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt hơn 500 nghìn đảng viên cả nước. Gần 20 đoàn đại biểu quốc tế đến dự đại hội.

Trong lời khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát : "Đại hội lần này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

Đại hội bầu BCHTƯ gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết.

BCHTƯ bầu Bộ chính trị gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban bí thư Trung ương Đảng gồm 7 đồng chí.

Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng.

Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất BCHTƯ Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 14 đến 20-12-1976 tại Hà nội. Dự đại hội có 1008 đại biểu thay mặt hơn 1,55 triệu đảng viên trong cả nước. Đến dự đại hội có 29 đoàn đại biểu quốc tế. Đại hội lần này là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, là đại hội tổng kết những bài học lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ; là đại hội thống nhất Tổ quốc ; là đại hội đưa cả nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành Đảng cộng sản Việt nam. Đại hội bầu BCHTƯ gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết.

BCHTƯ bầu Bộ chính trị gồm 14 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban bí thư Trung ương Đảng gồm 9 đồng chí.

Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ V CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 27 đến 31-3-1982 tại Hà nội. Dự đại hội có 1033 đại biểu thay mặt hơn 1,727 triệu đảng viên. Đến dự đại hội có 47 đoàn đại biểu quốc tế.

Đại hội vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội 1981 - 1985 và những năm 80, đề ra hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội bầu BCHTƯ gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết.

BCHTƯ bầu Bộ chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết ; bầu Ban bí thư Trung ương Đảng gồm 10 đồng chí.

Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng bí thư của Đảng.

Ngày 14-7-1986 BCHTƯ Đảng họp phiên đặc biệt bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư thay đồng chí Lê Duẩn từ trần ngày 10-7-1986.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG

Họp từ ngày 15 đến 18-12-1986 tại Hà nội. Dự đại hội có 1129 đại biểu thay mặt gần 1,9 triệu đảng viên. Đến dự đại hội có 32 đoàn đại biểu quốc tế.

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.

Đại hội vạch ra phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1986 - 1990, đề ra ba chương trình kinh tế lớn : lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Đại hội "khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học", kế thừa và quyết tâm đổi mới.

Đại hội đã bầu BCHTƯ gồm 124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết. BCHTƯ bầu Bộ chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và một ủy viên dự khuyết ; bầu Ban bí thư Trung ương gồm 13 đồng chí.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ được cử làm Cố vấn BCHTƯ Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG



Tiến hành từ ngày 24 đến 27-6-1991 tại Hà nội. 1176 đại biểu thay mặt 2,155 triệu đảng viên cả nước về dự đại hội. Nhiều đoàn đại biểu các đảng anh em đã đến dự.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng : Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2000, Báo cáo chính trị của BCH TƯ về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu 5 năm 1991 - 1995, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng ; thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Đại hội lần thứ VII của Đảng là đại hội tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã bầu 146 đồng chí vào BCH TƯ Đảng, BCH TƯ đã bầu 13 đồng chí vào Bộ chính trị, bầu 9 đồng chí vào Ban bí thư ; cử ba đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công làm cố vấn BCH TƯ Đảng.

Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ (KHÓA VII) CỦA ĐẢNG



Họp từ ngày 20 đến 25-1-1994 tại Hà nội. Các đồng chí Cố vấn Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công và 647 đại biểu của 64 đảng bộ trong cả nước dự hội nghị.

Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trình bày Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên, đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng thể hiện sự đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc, ra sức khai thác thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Hội nghị đã thảo luận và ra nghị quyết thông qua Báo cáo chính trị, bầu bổ sung 20 đồng chí vào BCH TƯ theo quy định của Điều lệ Đảng □

CÁC TỔNG BÍ THƯ CỦA ĐẢNG NÓI VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ :

"Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lê-nin làm gốc."

Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, tr 21

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN CỪ :

"*Phải cần làm cho các đảng viên giác ngộ rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình, biết xoay phương hướng trong những hoàn cảnh khó khăn nghiêm trọng, biết tự chỉ trích đúng và kịp thời những khuyết điểm sai lầm ; đồng thời Đảng phải tìm cách củ soát một cách thiệt sự hơn những hoạt động của mỗi đảng viên.*"

Tự chỉ trích, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, tr 21

ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH :

"Đảng phải giữ vững và tăng cường những truyền thống cách mạng tốt đẹp đã bồi dưỡng được trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt nam : luôn luôn trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc ; đoàn kết, nhất trí, đấu tranh gian khổ, anh dũng và liên tục, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ, gần gũi quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ quần chúng."

Tiến lên dưới lá cờ của Đảng, Nxb Sự thật, Hà nội, 1961, tr 35

ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN :

"Có đường lối đúng là điều quan trọng có tính quyết định, nhưng chưa đủ. Cần phải có công tác tổ chức rộng lớn để huy động và tận dụng mọi lực lượng xã hội, mọi khả năng vật chất cũng như tinh thần hướng vào giải quyết các nhiệm vụ cụ thể."

Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng... Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr 145

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN LINH :

"Đảng làm giàu trí tuệ của mình bằng cách không ngừng nâng cao trình độ lý luận, nắm vững và vận dụng sáng tạo những luận điểm cơ bản và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải không ngừng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sinh động, từ phong trào cách mạng của quần chúng."

Đổi mới để tiến lên, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, t 4, tr 172

ĐỒNG CHÍ ĐỖ MƯỜI :

"Phải đổi mới và chỉnh đốn Đảng để đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân về mọi mặt ; xây dựng và kiện toàn Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ; nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế- xã hội của Nhà nước, tạo cơ sở để vừa khai thác được mặt tích cực, vừa hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đưa công cuộc đổi mới tiến lên vững chắc."

Về xây dựng Đảng, Nxb Chính trị quốc gia, 1994, tr 20

MỘT SỐ BÀI HỌC VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

PHAN ĐĂNG PHÚ

MƯỜI năm qua, trong hoàn cảnh đất nước có muôn vàn khó khăn, thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, trong tình thế khó khăn có lúc đến mức hiểm nghèo tưởng chừng không vượt qua nổi, Việt nam chẳng những đứng vững mà còn vươn lên, tiến hành đổi mới có kết quả, kinh tế có bước phát triển, chính trị ổn định, đối ngoại mở rộng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thành tựu đó rõ ràng là to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng. Nó chứng tỏ Đảng ta có khả năng lãnh đạo phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ đất nước ngay cả trong những tình huống phức tạp nhất.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta một lần nữa thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, năng lực trí tuệ, phẩm chất cách mạng và phong cách khoa học của mình ; đồng thời cũng bộc lộ một số nhược điểm và khuyết điểm. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới ; đồng thời chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục và tiếp tục tiến lên.

Từ thực tiễn hoạt động phong phú và sôi động của Đảng ta, nhân dân ta trong 10 năm qua, cả thắng lợi, thành tựu và những thiếu sót khuyết điểm, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm gì về xây dựng Đảng để tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới ? Dựa vào kết quả nghiên cứu tổng kết của Tiểu ban tổng kết

xây dựng Đảng, có thể rút ra mấy vấn đề sau đây :

1 - Trong quá trình đổi mới, Đảng luôn luôn nắm chắc vai trò lãnh đạo, đồng thời tích cực tự đổi mới, tự chỉnh đốn một cách có hiệu quả.

Với bản lĩnh chính trị vững vàng, tính kiên định cách mạng, tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, Đảng ta đã tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống vẻ vang, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt và tổng kết được những hoạt động thực tiễn sáng tạo của quần chúng, kịp thời đề ra chủ trương đổi mới đúng đắn, khơi dậy và phát huy tiềm năng to lớn của nhân dân.

Thực tế cho thấy, muốn tiến hành đổi mới thành công, trước hết phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, coi đây là vấn đề nguyên tắc. Bởi vì sự lãnh đạo của đảng cộng sản là nhân tố bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc vững chắc, không có quyền làm chủ thật sự của nhân dân, không có nhà nước của dân, do dân, vì dân, và càng không có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường vai trò lãnh đạo của Đảng đã rất quan trọng, ở những bước chuyển giai đoạn thì vai trò đó càng đặc biệt quan trọng.

Không phải ngẫu nhiên mà suốt mấy chục năm qua, nhất là mấy năm gần đây, các thế lực chống cộng không ngừng tiên công vào đảng cộng sản, cô vũ cho con đường phát triển "kinh tế thị trường tự do", "tư nhân hóa", "đa nguyên đa đảng", tìm mọi cách để thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Trước những yêu cầu nhiệm vụ mới rất phức tạp, trước những đòn tiên công phá hoại của các thế lực thù địch, chúng ta càng

không được chấp chừa, dao động về vấn đề này. Trái lại, phải hết sức kiên định, củng cố và nâng cao những nhận thức đúng đắn, uốn nắn những lệch lạc, đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái. Ngay từ cuối năm 1988 đầu năm 1989 (lúc đó Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chưa sụp đổ), với sự nhạy bén chính trị đặc biệt, Đảng ta đã đề ra 6 nguyên tắc đổi mới, trong đó có nguyên tắc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, và khẳng định dứt khoát chúng ta không chấp nhận "đa nguyên đa đảng". Sự lãnh đạo của Đảng là một đòi hỏi khách quan và xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta, là sứ mạng thiêng liêng do nhân dân và dân tộc giao phó, là thành quả to lớn của cách mạng, là nhân tố bảo đảm ổn định chính trị, tạo sức mạnh thống nhất để đưa đất nước đi lên. Vì vậy không có lý do gì để chấp nhận "đa nguyên đa đảng".

Dương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức mạnh về mọi mặt. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của đảng. Là đảng duy nhất cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện mới hết sức phức tạp, Đảng ta ý thức sâu sắc về sự đổi mới, chỉnh đốn đảng. Ngay từ Đại hội VI, Đảng đã đề ra chủ trương phải *đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách công tác*. Đến Hội nghị Trung ương sáu (tháng 3-1989), Đảng tiếp tục chỉ rõ phải *đổi mới phương thức lãnh đạo*, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đại hội VII (tháng 6-1991), đề ra chủ trương *tự đổi mới, tự chỉnh đốn*. Hội nghị Trung ương ba (tháng 6-1992) đã cụ thể hóa chủ trương đó và nhấn mạnh: lúc này xây dựng kinh tế là *trung tâm* và xây dựng Đảng là *then chốt*. Chỉ có chăm lo đầy đủ công tác xây dựng đảng, thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn đảng mới nâng cao được sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới và con đường đi lên đúng đắn của dân tộc.

Trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn, Đảng chủ trọng giữ vững định hướng và không xa rời nguyên tắc; kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí

Minh về xây dựng Đảng. Chống các khuynh hướng: bảo thủ, dao động, cơ hội, cực đoan. Đổi mới nhưng không phủ nhận thành tựu của quá khứ; không dao động trên những vấn đề nguyên tắc; không lẫn lộn những vấn đề chiến lược và sách lược. Mặt khác, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc nhưng đổi mới sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt nam.

Đổi mới và chỉnh đốn đảng là nhằm xây dựng và bảo vệ đảng, bảo đảm thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chính trị, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững ổn định chính trị, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, nó phải gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, trước hết là với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động cách mạng của quần chúng, khơi dậy và phát huy trí sáng tạo của nhân dân.

Xây dựng đảng là vấn đề xây dựng tổ chức, xây dựng con người, rất nhạy cảm về chính trị, cho nên không thể nôn nóng, giản đơn. Phải tiến hành tích cực, không né tránh, đồng thời có bước đi và phương pháp thích hợp; hết sức chú trọng tự phê bình và phê bình, đồng thời vận động, tổ chức để quần chúng tham gia xây dựng đảng.

2 - Giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.

Từ trước đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng vấn đề tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Bởi vì đây chẳng những là vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc đối với tất cả các đảng mác xít-lê nin nít chân chính, mà còn xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của Đảng ta - một đảng ra đời và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân còn rất thấp. Hiện nay Đảng ta lại đang hoạt động trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa giao lưu quốc tế, môi trường xã hội rất phức tạp, bên cạnh mặt thuận lợi và thời cơ, Đảng đang đứng trước nhiều nguy cơ và thách thức. Vấn đề giữ cho Đảng không biến chất, trước sau đều mang bản chất của

giai cấp công nhân, là vấn đề hết sức quan trọng và quyết định.

Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng trước hết là phải kiên định quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc ; phân đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dù tình hình thế giới và trong nước khó khăn, phức tạp đến đâu, Đảng phải luôn luôn vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng đó.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Trong tình hình hiện nay, phải kiên định chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể nước ta để hoàn chỉnh cương lĩnh, đường lối ; và từ thực tiễn mà tổng kết, khái quát, bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm học thuyết cách mạng và khoa học đó. Thực tế lúc nào máy móc rập khuôn, không giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo là lúc đó chúng ta gặp khó khăn.

Bản chất giai cấp công nhân đòi hỏi Đảng phải được tổ chức chặt chẽ và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong đảng. Mọi sự chia rẽ, bè phái, buông lỏng kỷ luật đều trái với bản chất giai cấp công nhân của đảng.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân và dân tộc, lãnh đạo xây dựng và làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân. Bản chất giai cấp công nhân không tương dung với chủ nghĩa phường hội, cục bộ, bản vị, phân tán. Trái lại, nó đòi hỏi phải có tư tưởng thống nhất, hành động thống nhất, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân và tập thể, bộ phận và toàn cục.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân ; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa của nhân loại.

Như vậy, bản chất giai cấp công nhân của đảng được thể hiện trước hết ở thế giới quan, lập trường, quan điểm, đường lối

chính trị, nguyên tắc tổ chức,... của giai cấp công nhân.

Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, tính giai cấp gắn bó chặt chẽ với tính nhân dân và tính dân tộc, lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và lợi ích dân tộc. Đảng chẳng những giữ vững và nâng cao bản chất giai cấp công nhân, mà còn tiếp thu, phát triển tinh hoa và truyền thống dân tộc, giữ vững và phát huy bản sắc Việt nam. Sức mạnh của đảng được tăng cường nhờ sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa truyền thống dân tộc.

Là người lãnh đạo, là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp, đồng thời là lãnh tụ chính trị của cả dân tộc, hơn ai hết đảng phải có trí tuệ cao, có tính tiên phong.

Trí tuệ tiên phong thể hiện trước hết và tập trung ở việc xây dựng cương lĩnh, đường lối chính trị của đảng. Vừa qua, Đảng ta đề ra và tổ chức thực hiện có kết quả đường lối đổi mới là do Đảng đã kế thừa và phát huy được những truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc, đổi mới tư duy một cách đúng đắn, vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý lý luận, tổng kết thực tiễn, mở rộng dân chủ, phát huy được trí tuệ của toàn đảng, toàn dân, nắm bắt được những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống.

Trong khi kiên định mục tiêu lý tưởng, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, Đảng ta đồng thời nhấn mạnh phải có ý thức sáng tạo, dám từ bỏ những cái cũ không còn thích hợp, cả trên lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực xã hội, giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, thêm bạn bớt thù, tập trung sức cho công cuộc xây dựng đất nước. Nói cách khác, Đảng ta đã nắm vững nguyên tắc và phương pháp biện chứng duy vật, không từ cực này nhảy sang cực kia.

3 - Kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong đảng.

Chuyển sang thực hiện cơ chế mới, Đảng ta kịp thời có những chủ trương, đúng đắn về xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức của đảng, của nhà nước, đoàn thể, cùng các tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh. Hướng

kiện toàn tổ chức là gọn nhẹ, năng động, đáp ứng được yêu cầu của cơ chế thị trường, không gò bó, cứng nhắc, đồng thời giữ đúng nguyên tắc, chặt chẽ, bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt. Đặc biệt, Đảng khẳng định và có biện pháp chấn chỉnh việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, uốn nắn những lệch lạc về cả hai phía : *tập trung quan liêu* hoặc *dân chủ cực đoan*. Đảng ta cho rằng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là nhân tố quyết định bảo đảm cho sức mạnh thống nhất của đảng. Hiện nay, hơn lúc nào hết, càng phải bảo vệ, phát triển và làm phong phú thêm nội dung, phương thức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhận thức đúng và thống nhất nội dung, bản chất của tập trung dân chủ, mối quan hệ biện chứng giữa hai mặt *tập trung* và *dân chủ* ; đồng thời cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy chế, quy định, quy trình cụ thể, nhất là trong việc dân chủ thảo luận ra quyết định và trong công tác cán bộ. Dân chủ là cơ sở của tập trung, phải phát huy mạnh mẽ dân chủ trong đảng ; đồng thời dân chủ phải có lãnh đạo, dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương.

Đoàn kết thống nhất là một truyền thống quý báu của Đảng ta, và là một nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng nước ta. Thực tế ở những bước ngoặt của cách mạng, trong những lúc khó khăn, nguy hiểm, sự đoàn kết thống nhất trong đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo cao nhất, có ý nghĩa quyết định sự thành bại của cách mạng. Sự đoàn kết thống nhất trong đảng phải được xây dựng trên cơ sở đường lối chính trị đúng đắn, tình cảm cách mạng trong sáng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ; đồng thời thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện chính sách cán bộ một cách nhất quán, công bằng.

Không nên đồng nhất việc trong đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong đảng cần có thảo luận, tranh luận. Đây là sinh hoạt bình thường và lành mạnh trong đảng, phản ánh bước trưởng thành của đảng. Nếu mọi cán bộ, đảng viên đều nghiêm túc chấp hành nghị quyết của tổ

chức, đồng thời biết lắng nghe tôn trọng ý kiến của nhau, có việc phải chờ đợi nhau, giải quyết có lý có tình, không vội vàng quy chụp, thì sẽ giữ gìn được sự đoàn kết.

Kinh nghiệm ở nhiều nơi cho thấy, muốn khắc phục được tình trạng mất đoàn kết phải phân tích đúng nguyên nhân và có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần : nắm vững và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ ; có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ (nhất là về công tác cán bộ) ; thường xuyên tự phê bình và phê bình ; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc, cũng như đầu óc cục bộ, bản vị ; bố trí đúng cán bộ chủ chốt, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp ; xây dựng tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích chung ; và khi đã xảy ra mất đoàn kết thì phải phát hiện sớm, tập trung giải quyết, xử lý kịp thời.

4 - Thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực gánh vác nhiệm vụ cách mạng.

Thực tiễn 10 năm qua càng chứng minh sâu sắc chân lý : cán bộ đóng vai trò quyết định ; công tác cán bộ là công tác đặc biệt quan trọng nhưng cũng rất phức tạp, khó khăn. Cả thành tựu và thiếu sót đều phản ánh chất lượng của đội ngũ cán bộ. Là đảng cầm quyền, trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng càng phải đặc biệt chăm lo công tác cán bộ ; chăm lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, cho toàn xã hội, trên tất cả các lĩnh vực.

Trong công tác cán bộ, Đảng ta coi trọng xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ cấp chiến lược vĩ mô và cấp cơ sở. Đổi mới cả quan niệm và phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng dân chủ, tập thể kết hợp với tập trung thống nhất theo một quy trình chặt chẽ.

Trên cơ sở nắm vững quan điểm giai cấp, có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ ở tất cả các thành phần kinh tế, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước. Thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đồng thời kết hợp tốt ba độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển trong đội ngũ cán

bộ. Biết khai thác mặt mạnh của mỗi loại cán bộ để bổ sung cho nhau.

Đạo tạo bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về phẩm chất, trình độ và năng lực ; cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là các cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị. Trong tình hình hiện nay, phải coi trọng cả đức và tài, trong đó *đức là gốc, tài có ý nghĩa quan trọng*. Mọi cán bộ phải thường xuyên rèn luyện, trau dồi phẩm chất cách mạng, gương mẫu trong đạo đức và lối sống, kết hợp hài hòa giữa lợi ích riêng và lợi ích chung ; khi lợi ích riêng mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải biết đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết. Chính đây là cái tạo nên uy tín của cán bộ, tạo nên uy tín của Đảng. Vừa qua, có tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên không được quần chúng tín nhiệm, phần nhiều là do không chỉ đạo thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị của đơn vị, cán bộ không gương mẫu, phẩm chất sa sút.

Trong điều kiện hòa bình xây dựng, lo làm ăn kinh tế, quan hệ trực tiếp với người nước ngoài, nhiều cán bộ tiếp xúc với tiền, với hàng, rất dễ bị lợi ích vật chất, tiền tài quyến rũ. Kẻ địch thực hiện "âm mưu diễn biến hòa bình", mua chuộc, lôi kéo, khống chế cán bộ, hòng phá vỡ ta từ bên trong, từ chính đội ngũ cán bộ hoặc con em cán bộ. Vì vậy, phải đề cao cảnh giác, có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ cán bộ. Các cấp ủy và tổ chức đảng cần phát huy sức chiến đấu của mình, chủ động làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ.

5 - Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, bảo vệ lợi ích thiết thực và quyền làm chủ của nhân dân.

Những năm đổi mới vừa qua sở dĩ chúng ta củng cố được niềm tin của nhân dân, tăng cường được mối liên hệ giữa đảng và nhân dân chính là nhờ Đảng ta đã có những chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát huy dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, với các phong trào "xóa đói giảm nghèo", "đền ơn đáp nghĩa", phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt nam anh hùng"... Đảng đã khơi dậy được các tiềm năng, tạo ra được những nguồn sinh lực mới của cách

mạng. Thực tế cho thấy, ở đâu và lúc nào tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thường xuyên chăm lo cho lợi ích của dân, thì ở đó đảng và dân có mối quan hệ tốt đẹp, cán bộ đảng viên được dân tin, dân phục, dân theo. Trái lại, ở đâu và lúc nào tổ chức đảng, cán bộ đảng viên xa dân, quay lưng lại với dân, quan liêu, thậm chí trù dập, ức hiếp dân thì ở đó sẽ bị dân oán ghét, chê trách.

Hiện nay, trước yêu cầu mới của cách mạng, trước những âm mưu của các thế lực thù địch tìm mọi cách để lôi kéo, kích động, chia rẽ đảng với dân, tách dân ra khỏi ảnh hưởng của đảng, yêu cầu củng cố và tăng cường mối liên hệ giữa đảng với dân càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết.

Mỗi tổ chức đảng và đảng viên có nhận thức sâu sắc vấn đề này để có nhiều biện pháp tích cực, thiết thực thì mới tăng cường được mối liên hệ giữa đảng và nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó nòng cốt là khối liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức. Đặc biệt chú ý việc định ra chủ trương, chính sách hợp lòng dân, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân ; phát huy quyền làm chủ thực sự của dân, tạo động lực phát triển xã hội. Đấu tranh có kết quả chống quan liêu, tham nhũng, ức hiếp quần chúng ; xây dựng và củng cố các cơ quan nhà nước trong sạch vững mạnh ; đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể ; chỉnh đốn đội ngũ và tổ chức của đảng, làm cho tổ chức đảng, mọi cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu, tiên phong, xứng đáng với niềm tin cậy của quần chúng. Có cơ chế để dân giám sát và kiểm tra các hoạt động của đảng, của cán bộ, đảng viên (như đề cao vai trò trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân). Đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng đối với toàn xã hội.

Quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc", các cấp ủy đảng cần động viên, tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng đảng. Khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" cần được cụ thể hóa, thể chế hóa để thực hiện có hiệu quả. Có kế hoạch thông tin và tổ chức để nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng các nghị quyết, chủ trương công tác của Đảng ; giám sát phê bình cán bộ đảng

viên ; giới thiệu những người xứng đáng để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của đảng ; giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào đội ngũ của đảng ; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn tiêu cực khác, v.v..

6 - Đổi mới phương thức lãnh đạo và hoạt động của Đảng, coi đây cũng là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

Từ cơ chế cũ chuyển sang cơ chế mới đặt ra rất nhiều vấn đề về phương thức lãnh đạo và phong cách công tác, đặc biệt là xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng và Nhà nước, coi đây là vấn đề mấu chốt trong đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Thuật ngữ "*hệ thống chính trị*" và "*phương thức lãnh đạo*" được chính thức đưa vào các văn kiện của Đảng từ cuối những năm 80 và được dùng phổ biến trong những năm gần đây.

Đảng ta xác định rằng, trong giai đoạn hiện nay, Đảng phải đặc biệt chăm lo xây dựng nhà nước mạnh - một nhà nước thể hiện tập trung quyền làm chủ của nhân dân và là công cụ xây dựng, bảo vệ và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Có chính quyền nhà nước, Đảng có điều kiện cực kỳ quan trọng để tổ chức thực hiện đường lối, cương lĩnh của mình. Vì vậy, Đảng đã lãnh đạo xây dựng hiến pháp mới và kiện toàn bộ máy nhà nước theo hướng thật sự dân chủ, kỷ cương, hiệu lực. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước thật sự là của dân, do dân và vì dân, theo đúng đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo điều kiện để nhà nước hoàn thành tốt nhất mọi nhiệm vụ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cho Đảng làm đúng chức năng lãnh đạo, phát huy mạnh mẽ vai trò của cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế và các đoàn thể. Các cấp ủy đảng không bao biện làm thay công việc thuộc chức năng quản lý, điều hành của chính quyền. Đảng lãnh đạo không phải là đảng thay thế nhà nước quản lý điều hành các công việc nhà nước hoặc thay thế nhân dân làm chủ nhà nước, mà là

để khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân, giác ngộ và tổ chức nhân dân xây dựng nhà nước của mình, và dùng nhà nước đó để xây dựng xã hội. Cả Đảng, cả Nhà nước đều có trách nhiệm bảo đảm và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đều phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, theo chức năng và phương thức riêng của mình. Không được tách rời hoặc đối lập Đảng với Nhà nước, cũng như không đồng nhất tổ chức đảng với bộ máy nhà nước.

Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt phát triển của đất nước và chịu trách nhiệm trước toàn xã hội. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở việc xác định phương hướng, mục tiêu, con đường, giải pháp đi lên của đất nước, sự hưng thịnh của dân tộc. Từ đó lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và guồng máy xã hội, trước hết là nhà nước, tổ chức thực hiện bằng được các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra ; lãnh đạo thể chế hóa, luật pháp hóa các nghị quyết của Đảng ; thiết kế tổ chức bộ máy ; đào tạo, bố trí cán bộ, quản lý và rèn luyện cán bộ ; kiểm tra thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng ; tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận cách mạng, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách... Tất cả đều nhằm bảo đảm *định hướng chính trị đúng đắn* trên con đường đi lên của đất nước và sự phát triển của dân tộc.

Đảng lãnh đạo nhà nước không chỉ bằng đường lối, mà bằng cả tổ chức ; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên ; kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc. Đảng lãnh đạo cụ thể, sát sao, theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Bản thân tổ chức đảng cũng cần đổi mới cách sinh hoạt theo hướng dân chủ, kỷ cương, năng động, hiệu quả hơn. Khắc phục lối sinh hoạt nghèo nàn, hình thức.

Để những quan điểm, nguyên tắc nêu trên được quán triệt và thực hiện có kết quả trong thực tế cuộc sống, điều quan trọng là phải cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy chế, quy trình, luật pháp và có biện pháp kiểm tra chặt chẽ, kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm □

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - VÌ SAO THẮNG LỢI ?

LÊ THỂ LANG *

Đã có biết bao nhiêu công trình nghiên cứu về lịch sử Đảng ta, nhưng đến nay vẫn còn không ít vấn đề chưa được nhận thức tương xứng với tầm vóc của nó.

Bài viết này chỉ nêu ra một vấn đề không mới nhưng rất bức xúc và sự nghiệp đổi mới đòi hỏi phải nâng cao nhận thức hơn trước. Đó là nguồn gốc những thắng lợi vĩ đại của Đảng ta trong 66 năm lãnh đạo cách mạng Việt nam. Tiếp cận vấn đề này, tôi muốn nêu và trả lời một số câu hỏi lớn :

1 - Vì sao Đảng cộng sản Việt nam ngay từ khi ra đời đã trở thành một đảng Mác - Lê-nin chân chính ?

Đảng ta ra đời trong một nước thuộc địa nửa phong kiến nghèo nàn và lạc hậu ; tuyệt đại bộ phận dân cư là nông dân với trình độ sản xuất tự cấp tự túc ; giai cấp công nhân chỉ chiếm hơn 1% dân số, công nhân hiện đại chiếm tỷ lệ không đáng kể, trình độ văn hóa lại càng thấp ; tầng lớp trí thức cũng còn ít ỏi, trong đó đa số là tiểu tư sản trí thức... Theo cách hiểu thông thường, đó là những yếu tố khó tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách khoa học và càng là những yếu tố khó thành lập một đảng cộng sản điển hình như Mác, Lê-nin đã nêu.

Đảng ta có những điều kiện thuận lợi cho việc thành lập đảng Mác - Lê-nin. Đó là: truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phong trào yêu nước lên cao, phong trào công nhân phát triển... Đồng thời lại có thiên tài trí tuệ của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người đã tiếp thu và truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta. Dân tộc nào cũng có thiên tài của mình và thời đại nào có anh hùng ấy. Thiên tài Nguyễn Ái Quốc thể hiện rất rõ trong việc sáng lập và rèn luyện Đảng cộng sản Việt nam để ngay từ đầu đã là một đảng cộng sản mác xít - lê nin nít chân chính. Vấn đề có thể đặt nghiã được là : cùng hoạt động trong hoàn cảnh phong trào cộng

sản và công nhân quốc tế còn tồn tại khá nặng nề chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế II, chủ nghĩa Tơ-rốt-xki, chủ nghĩa xét lại..., trong khi nhiều lãnh tụ cộng sản khác, nếu không bộc lộ công khai thì cũng tiềm ẩn những hạn chế, những lệch lạc, sai lầm, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc của Việt nam vẫn trong sáng như ánh nắng mặt trời. Nguyễn Ái Quốc đã "đi bất biến" để "ứng vạn biến" một cách thành công.

Mặt khác, thiên tài Nguyễn Ái Quốc chỉ có thể xuất hiện và phát huy tác dụng khi có một lực lượng quần chúng như dân tộc Việt nam làm cơ sở. Nhân dân Việt nam được truyền bá và tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin như là một sự kỳ ngộ tất yếu và chính điểm này trở thành nền tảng cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam. Vậy nhân dân Việt nam có những yếu tố gì để nắm bắt và sử dụng sắc bén vũ khí Mác - Lê-nin trong hoàn cảnh tưởng như không đủ trình độ để tiếp thu ? Dân tộc Việt nam có gì khác các dân tộc anh em ? Đặc điểm tư duy Việt nam có gì đặc biệt để vượt qua những hạn chế của chính mình, để vượt qua những thử thách hết sức quyết liệt trong đấu tranh dân tộc và giai cấp ? Thực tiễn cho thấy rằng khả năng sai lầm khi tiếp thu và vận dụng các luận thuyết tư tưởng đều có thể xảy ra ở tất cả các giai cấp, các tầng lớp, ở tất cả các nước trong mọi giai đoạn, từ nhà chính trị dày dặn kinh nghiệm, đến các nhà trí thức, đến cả công nhân, nông dân và những người lao động khổ cực nhất. Dĩ nhiên, mức độ và tỷ lệ có khác nhau, nhưng rõ ràng không ai được chủ quan. Đối với Việt nam, sự vững vàng của Đảng cộng sản là một sự thật lịch sử.

Từ những thắng lợi của công cuộc đổi mới và từ hoàn cảnh quốc tế hôm nay, nhìn

* PGS, Phó giám đốc Phân viện báo chí tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

lại quá khứ thì sự cất nghĩa có giá trị trước đây cần phải được tiếp tục bổ sung thì mới tương xứng với sự thật lịch sử đã có.

2 - Vì sao Đảng cộng sản Việt nam đã lãnh đạo nhân dân Việt nam làm nên những thắng lợi vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ ?

Chúng ta đã bàn nhiều về những thắng lợi vĩ đại, về ý nghĩa dân tộc và thời đại, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Cách mạng Tháng Tám, của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nhưng cất nghĩa nguồn gốc của thắng lợi ấy, suốt mấy chục năm qua, mặc dù tồn biết bao nhiêu bút mực, bao nhiêu cuộc hội thảo, vẫn chưa thấy bằng lòng.

Cuộc đo sức mà tương quan lực lượng chênh lệch như "châu châu đá voi", như "trứng chọi đá" ấy đã làm cho thế giới không hiểu nổi vì sao thắng lợi lại thuộc về kẻ tưởng như là yếu ! Cuộc đo sức này không chỉ diễn ra một lần, hai lần, ba lần, mà trong suốt cả lịch sử tồn tại và phát triển của dân tộc, nên đã quá đủ để đúc kết thành những quy luật khách quan. Thế giới đã gọi cuộc chiến đấu của nhân dân Việt nam chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc kháng chiến "thần thánh" và gọi cuộc chiến tranh chống Mỹ là "huyền thoại" của thế kỷ XX.

Về phía mình, chúng ta thường cất nghĩa rằng, để chiến thắng, chúng ta đã sử dụng sức mạnh tổng hợp, sức mạnh của khối đại đoàn kết... Chung quy vẫn là sức mạnh của con người. Trong đó sức mạnh quyết định đầu tiên là trí tuệ. Nếu không thông minh, sáng tạo, chúng ta sẽ không tồn tại nổi (chưa nói đến chiến thắng) trước số lượng bom đạn của đế quốc Mỹ gieo xuống đất nước ta (gấp 3 lần bom đạn trong chiến tranh thế giới thứ II và chiến tranh Triều tiên cộng lại).

Kẻ thù đã sử dụng đến mức cao nhất năng lực trí tuệ để hòng khuất phục ta. So sánh điều kiện, khả năng, sức mạnh thông thường thì rõ ràng địch hơn hẳn ta, thế lợi không thuộc về ta. Nhưng tại sao trí tuệ của dân tộc ta, một dân tộc còn lạc hậu lại vượt lên trên chủ nghĩa đế quốc hiện đại, có đội ngũ những nhà chiến lược, những nhà khoa

học "siêu trí thức" hoặc có "bộ óc điện tử"...?

Giải thích như thế nào về sự kỳ diệu đó?

Chúng ta đã khẳng định rằng, mấu chốt của vấn đề là chúng ta đã có vũ khí vô địch của thời đại : Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là kết luận được đúc kết từ vô vàn những hy sinh gian khổ của dân tộc ta. Nhưng không phải cứ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin là có ngay thắng lợi. Bởi vì, cùng thời gian ấy, có những đảng với bề dày am hiểu về Mác - Lê-nin hơn ta, nhưng họ vẫn phạm phải những sai lầm với các mức độ khác nhau. Từ lý luận đến thực tiễn còn phải bổ sung những yếu tố khác, cần có quá trình vận động gian khổ và phức tạp mới tạo được lực lượng vật chất để chiến thắng. Cái cuối cùng vẫn là lực lượng vật chất. Từ nền tảng tư tưởng, từ kim chỉ nam đến lực lượng vật chất là một quá trình thử thách gay gắt, có khả năng thành công và cũng dễ có khả năng sai lầm hay thất bại giữa chừng.

Ở Việt nam, chính chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Đảng cộng sản vận dụng sáng tạo, nhân dân Việt nam trân trọng bảo vệ, giữ gìn, coi đó là cơ sở lý luận, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Do vậy, lý luận đã trở thành lực lượng vật chất to lớn của dân tộc. Từ sức mạnh ấy, chúng ta đã và đang làm nên bao điều kỳ diệu.

3 - Vì sao có sự nghiệp đổi mới và đổi mới đạt thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

Tuy còn hơi sớm, nhưng vẫn có thể nói rằng những thắng lợi của sự nghiệp đổi mới ở Việt nam không chỉ có ý nghĩa đối với lịch sử Việt nam mà còn có giá trị thời đại. Chúng ta cảm nhận được điều đó nhưng cất nghĩa nguồn gốc và ảnh hưởng của nó một cách lộ gích thì không đơn giản chút nào, mặc dầu chúng ta là những nhân chứng lịch sử, là những con người tự giác góp phần làm nên quá trình lịch sử ấy.

Điều kiện thời gian chưa đủ để làm sáng tỏ rằng : vì sao từ một nước nghèo nàn, kém phát triển, xếp vào loại một trong những nước nghèo nhất thế giới, lại có lúc bị rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng chúng ta đã tiến hành đổi mới bước

đầu có kết quả trong khi Liên xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ ? Yếu tố nào đã giúp ta tìm ra con đường đổi mới đúng đắn, và sức mạnh nào, một lần nữa giúp ta thoát khỏi nguy cơ tưởng như không vượt nổi ấy ?

Không những thế, sự nghiệp đổi mới đưa lại những thắng lợi làm nhiều người ngạc nhiên : khắc phục lạm phát, xuất khẩu lương thực đứng hàng thứ ba trên thế giới, phát triển kinh tế thị trường nhưng vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống... Đây là kết quả của cuộc chiến đấu cùng một lúc trên hai mặt trận : chống một cuộc chiến tranh xâm lược không tiếng súng đầy nguy hiểm, và chống nghèo nàn lạc hậu để thực hiện chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Cốt nghĩa ngay những thắng lợi này là điều không phải dễ dàng. Bởi vì, sự nghiệp đổi mới do chính chúng ta làm ra, nhưng thực tiễn ấy phong phú hơn sức hiểu biết của chúng ta hiện nay. Phải chăng có thể nêu 4 điều cốt yếu tạo nên thắng lợi của cách mạng Việt nam : *Độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của cách mạng Việt nam ; Đảng cộng sản Việt nam là người lãnh đạo sự nghiệp cách mạng ; và đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết !*

Những điều đó chứa đựng nội dung phong phú về tư tưởng, lý luận và thực tiễn, đồng thời luôn luôn vận động, phát triển theo quy luật khách quan của lịch sử. Nhận thức và thực hiện thành công qua từng bước đi của cách mạng là sự nỗ lực không ngừng của toàn đảng và toàn dân.

Khoa học lịch sử phải phản ánh một cách chi tiết cả tư tưởng và thực tiễn, phải đúc kết thành lý luận để góp phần thúc đẩy cách mạng tiếp tục đi lên. Sự nghiệp đổi mới hiện nay đang đòi hỏi tính tự giác cao của những con người làm nên lịch sử. Vì vậy phải cung cấp tri thức lịch sử được tổng kết một cách khoa học.

Có thể rút ra một số kết luận :

- Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng đã đánh dấu son vào lịch sử dân tộc và lịch

sử thời đại. Dù ai xuyên tạc kiểu gì cũng không thể làm phai mờ được nó.

- Khi trình độ tư tưởng được nâng cao cũng là khi có điều kiện để nhận thức sâu sắc thêm một bước bản chất của lịch sử. Những vấn đề nêu trên, nếu được lý giải tường tận và tìm ra bí quyết thành công thì trở thành bộ phận tri thức quan trọng góp phần đào tạo, bồi dưỡng những con người có sức sáng tạo trong hoạt động thực tiễn ; đồng thời cũng góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng đảng viên.

- Nếu xác định lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì những tri thức lịch sử được đúc kết thành quy luật, thành nguyên tắc, thành quy trình công nghệ, thành thao tác cụ thể... càng có vai trò quan trọng và càng trở nên bức thiết, vì nó giúp vào việc xây dựng nguồn lực con người một cách tích cực. Xây dựng sức mạnh tinh thần của con người bằng lịch sử là hết sức quan trọng. Lịch sử bao giờ cũng rất cần thiết đối với hiện tại. Trong hoàn cảnh hiện nay, sự cần thiết ấy lại càng tăng lên, nhất là việc giải thích những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng cũng như lịch sử cách mạng Việt nam.

- Không có gì đáng ngạc nhiên khi những người chống đối cách mạng Việt nam, chống đối con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt nam "hăng hái" xuyên tạc, phủ định hoặc bôi đen lịch sử cách mạng Việt nam. Họ "đánh giá" lại đường lối của Đảng ; đòi tính lại thiệt - hơn, lỗ - lãi của những năm tháng chống xâm lược như tính toán giá cả ngoài chợ ; họ đổ tội cho Đảng ta vì quá hăng hái trong chiến đấu chống ngoại xâm nên để đất nước nghèo nàn và lạc hậu. Thực chất là họ muốn phủ định con đường xã hội chủ nghĩa. Họ nhân danh khoa học để phản lại khoa học, để thực hiện ý đồ chính trị chống lại con đường cách mạng của dân tộc.

Nhưng mọi sự chống đối một cách hằn học đó không lừa bịp được nhân dân Việt nam. Nhân dân ta tin vào Đảng cộng sản, tin vào con đường đang đi tới, vì sự nghiệp cách mạng Việt nam từ trước đến nay là của dân, do dân và vì dân □

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN THÂN CỦA TƯ TƯỞNG ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

LÊ VĂN YÊN *

LÀM rõ tính đúng đắn về định hướng xã hội chủ nghĩa là nội dung rất cơ bản của công tác lý luận và tư tưởng hiện nay. Vấn đề này được nhiều người nhất trí, song không phải là không có những ý kiến nói ngược, nhất là trong bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng và phức tạp như hiện nay. Đặc biệt là từ sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô, thì những thế lực chống cộng và không ít kẻ "ăn theo" được thể lu loa đủ điều : chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã hết thời ; chủ nghĩa xã hội đã chết ; lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đã cáo chung v.v..

Ở nước ta, mấy năm nay cũng xuất hiện những luận điệu như vậy. Có người cho rằng, con đường mà Hồ Chí Minh đã chọn là con đường tốn xương máu cho cả dân tộc, nếu đi con đường khác thì đã có thể tránh được mấy cuộc chiến tranh tàn khốc (!) Có người rêu rao rằng, Hồ Chí Minh đem chủ nghĩa Mác - Lê-nin về Việt nam quá sớm và dường như đó là nguồn gốc chậm tiến, lạc hậu của Việt nam, nếu không thì Việt nam đã là nước giàu mạnh (!) Không ít kẻ đòi Đảng ta phải xem xét lại con đường mà nhân dân ta đang đi.

Thực chất của những luận điệu nêu trên là muốn chúng ta từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Bằng thực tiễn lịch sử những năm bốn ba tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa xã hội khoa học và quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin tiến tới thành lập Đảng cộng sản Việt nam của lãnh tụ Hồ Chí Minh, chúng ta có đủ căn cứ khoa học để bác bỏ những luận điệu nêu trên ; đồng thời củng cố

niềm tin vững chắc vào con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc ta.

Quá trình đến với chủ nghĩa xã hội khoa học và quá trình vận động thành lập Đảng là quá trình chọn lựa để xác lập quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt nam và con đường cứu nước theo phương hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Sinh ra và lớn lên ở đất nước bị đế quốc Pháp xâm chiếm, dân tộc bị chìm đắm trong vòng nô lệ, từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã được tiếp thu truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam và đã "có chí đuổi thực dân, giải phóng đồng bào". Người chứng kiến các phong trào yêu nước chống Pháp bị đàn áp dã man, biết rút kinh nghiệm thất bại của các con đường giành độc lập theo quan điểm cũ để đi tìm con đường mới. Người quyết định đi sang phương Tây, nơi có khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái" để tìm con đường cứu nước theo phương hướng mới rồi "trở về giúp đồng bào". Đây là quyết định sáng suốt, thể hiện tư duy sắc bén và đầy trách nhiệm trước vận mệnh và tương lai của dân tộc Việt nam. Như vậy, *độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào* là điểm xuất phát, là động lực thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm chân lý cách mạng. Và, trong quá trình đi tìm chân lý ấy, Người đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trong gần mười năm bốn ba khắp các châu lục, Hồ Chí Minh đã thấy rõ sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và cuộc sống cực khổ của những người lao động thuộc mọi màu da. Từ đó, ở Người dần dần

* PTS khoa học lịch sử

hình thành ý thức và lập trường của giai cấp công nhân. Trong cuộc hành trình này, Người đã đến ba nước đế quốc lớn là Mỹ, Anh, Pháp, do đó có điều kiện tìm hiểu, nghiên cứu kỹ cuộc Cách mạng Mỹ (1776), và Cách mạng Pháp (1789). Người rút ra nhận xét : Cách mạng Mỹ và Cách mạng Pháp tuy nêu cao khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái", nhưng không đưa lại tự do, bình đẳng, bác ái thật sự cho quần chúng lao động ; tiếng là cộng hòa, dân chủ, nhưng ở trong nước thì ra sức tước đoạt quyền lợi của công nông, còn ở bên ngoài thì tăng cường áp bức dân tộc thuộc địa. Người khâm phục ý chí đấu tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân Pháp, nhưng Người cho rằng đó đều là những cuộc cách mạng "không đến nơi". Sau này, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người viết : "Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai" (1), còn Pháp thì "cách mệnh đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hồng thoát khỏi vòng áp bức" (2). Như vậy, Người cho rằng, việc giải phóng dân tộc không thể đi theo con đường cách mạng tư sản, mà phải đi theo con đường cách mạng khác. Nhận xét đó xuất phát từ lập trường giai cấp vô sản, thể hiện tư duy xét đoán sáng suốt của Hồ Chí Minh. Cuộc hành trình gần mười năm khắp các châu lục, lặn lội trong cuộc sống của các dân tộc bị áp bức là cơ sở thực tiễn để Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười và việc thành lập Quốc tế cộng sản có ảnh hưởng quan trọng đến tư tưởng và hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, đặc biệt là "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lê-nin đã làm bừng sáng lên trong Người những nhận thức mới. Bởi vì Luận cương đã giải quyết trọn vẹn một vấn đề rất cơ bản mà Người đặc biệt quan tâm, đó là vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa được đặt ra trong quỹ đạo của cách mạng xã hội chủ nghĩa, chứ không phải trong quỹ đạo của cách mạng tư sản. Người tiếp thu Luận cương với niềm cảm động, phấn khởi

và tin tưởng biết bao và Người khẳng định : "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (3), và "Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới" (4). Trên diễn đàn Đại hội Đảng xã hội Pháp (S.F.I.O) ở Tua năm 1920, Người cất cao tiếng nói yêu cầu Đảng xã hội "phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong các thuộc địa". Với trái tim nồng cháy vì độc lập tự do và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, Người gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia quá trình thành lập Đảng cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt nam đầu tiên. Sự kiện này là cột mốc đánh dấu sự kết hợp các nhân tố dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh. Đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định để Người chuyển hẳn từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc đến với giai cấp công nhân và nhân dân lao động quốc tế, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội khoa học, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường giành độc lập cho Việt nam, tiếp nối vĩ đại sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt nam trên cơ sở sức mạnh mới, sức mạnh của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mở ra từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười. Như vậy, về khách quan, đó là phản ánh xu thế tất yếu của cách mạng Việt nam trong thời đại mới : *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* ; về chủ quan, đó là phát hiện khoa học của Hồ Chí Minh. Thiên tài của Người là trong bối cảnh chủ nghĩa đế quốc thống trị toàn cầu, chủ nghĩa xã hội còn xa lạ với nhiều dân tộc trên thế giới và cách mạng Việt nam đang ở trong tình hình đen tối như

(1) (2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t 2, tr 192, 197

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 701

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 162

không có đường ra, mà Người đã nhận thức được chân lý đó.

Tìm ra con đường cứu nước theo phương hướng xã hội chủ nghĩa là công lao vĩ đại đầu tiên của Hồ Chí Minh. Kể từ đây, Người thực hiện một quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học về Việt nam, tiến tới thành lập Đảng cộng sản Việt nam để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Bởi vì lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học đã chỉ ra rằng : "Trong cuộc đấu tranh của mình chống quyền lực liên hợp của các giai cấp có của, giai cấp công nhân chỉ khi được tổ chức thành một chính đảng độc lập, đối lập với tất cả các chính đảng cũ do các giai cấp có của lập nên, thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp" (5). Trong những năm 20, trong một số bài viết, Người nhiều lần đề cập đến sự cần thiết phải thành lập đảng cộng sản theo chủ nghĩa xã hội khoa học. Người nêu rõ : **"Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?**

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy" (6). Những năm 20, giữa lúc trên thế giới có nhiều trào lưu cách mạng, nhiều khuynh hướng tư tưởng, Hồ Chí Minh đã khẳng định vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng đảng là phải theo chủ nghĩa xã hội khoa học. Với nhận thức lý luận đó, sinh hoạt trong Đảng cộng sản Pháp, trực tiếp tìm hiểu Đảng cộng sản Liên xô, Đảng cộng sản Trung quốc và các đảng anh em khác, Người đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về xây dựng một đảng cách mạng. Năm 1925, Người tổ chức ra "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội". Người dẫn dắt những thanh niên Việt nam yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội khoa học tạo tiền đề cho việc thành lập đảng của giai cấp công nhân Việt nam.

Được học tập lý luận kết hợp với hoạt động thực tiễn dưới sự hướng dẫn của Hồ Chí Minh, các thành viên của "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội" khi trở về nước đã đóng vai trò nòng cốt trong việc truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học và

những tư tưởng cách mạng của Người trong những người Việt nam yêu nước và thu được nhiều kết quả tốt. "Hội thanh niên" đi sâu phát triển tổ chức trong công nhân, nông dân ở các trung tâm công nghiệp, đô thị, hầm mỏ, nông thôn. Ảnh hưởng của Hội ngày càng lan rộng, đẩy phong trào đấu tranh chống đế quốc ở trong nước dâng lên mạnh mẽ, có bước phát triển mới, đáp ứng yêu cầu của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Thời kỳ từ năm 1924 - 1929 là thời kỳ chuyển biến của phong trào cách mạng Việt nam, cũng là thời kỳ xuất hiện nhiều tổ chức và khuynh hướng chính trị khác nhau. "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội", một mặt phải đấu tranh chống lại luận điệu bịp bợm của đế quốc Pháp và tay sai ; mặt khác, đấu tranh với những quan điểm sai trái của chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi do giai cấp tư sản, tiểu tư sản đề xướng, nhằm xác lập hệ tư tưởng chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Qua cuộc đấu tranh, lập trường đúng đắn, cách mạng của "Hội" đã thắng lập trường tư sản và tiểu tư sản. Thực tế trên chứng tỏ chủ nghĩa xã hội khoa học và những tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh thông qua những học trò của Người đã thật sự thâm nhập vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước, tạo nên làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ, dẫn tới sự thành lập của ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau (từ tháng 6-1929 đến tháng 1-1930), tạo điều kiện chín muồi cho sự ra đời của một Đảng cộng sản (ngày 3-2-1930). Như vậy, từ cuối năm 1924 đến đầu 1930, Hồ Chí Minh đem hết sức mình chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc ra đời của Đảng cộng sản Việt nam, đưa phong trào cách mạng Việt nam đi vào quỹ đạo của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

Sự kiện Đảng cộng sản Việt nam ra đời (ngày 3-2-1930) với Cương lĩnh cách mạng

(Xem tiếp trang 26)

(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 4, tr 207

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 188 - 189

TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG

(Gửi qua Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*)

S AU hơn một tháng, kể từ khi bản *Dự thảo báo cáo chính trị* của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội VIII của Đảng được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng, các cán bộ, đảng viên, và các tầng lớp nhân dân. Hầu hết các thư và bài gửi về bày tỏ sự nhất trí cao đối với bản *Dự thảo* và góp thêm nhiều ý kiến chân thành, sâu sắc, đầy tâm huyết.

Chúng tôi thực sự xúc động khi được đọc, được nghe những ý kiến đóng góp gửi đến Bộ biên tập, và đã chuyển ngay tất cả những ý kiến ấy tới Ban dự thảo văn kiện của Trung ương để kịp thời nghiên cứu, chọn lọc và tiếp thu.

Có đồng chí (Đỗ Huy Đăng ở Vũng tàu) gửi cả một bản kiến nghị viết tay dài 34 trang. Hay như đồng chí Vũ Duy Kỷ (ở thị xã Vĩnh yên) "là một cán bộ nghỉ hưu đã lâu", "xin được phép suy nghĩ chân thực như thế nào thì viết như thế", đã nắn nót gửi tới Bộ biên tập một bản viết tay dài 18 trang với nét chữ run run, nhưng rõ ràng. Trung úy, kỹ sư Trần Đình Bá (ở Vũng tàu) gửi đến cả một bản đánh máy dài 33 trang giấy khổ lớn có tiêu đề "công trình khoa học chào mừng Đại hội VIII Đảng cộng sản Việt nam". Công trình mang tên "*Chiến lược tổng lược khai thác tài nguyên quốc gia*", trong đó đồng chí viết :

"Kính tặng Tổ quốc Việt nam anh hùng.

Kính tặng Đảng cộng sản Việt nam quang vinh.

Kính tặng các bà mẹ Việt nam anh hùng".

Cụ Phan Huy Kính, cán bộ lão thành (ở Mai sơn, Sơn la), viết thư góp ý cho *Dự thảo báo cáo chính trị* đúng vào ngày kỷ niệm 21 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4). Các đồng chí Nguyễn Thanh Nhân (ở thị xã Plây cu, tỉnh Gia lai), Lê Trung Tự, Đặng Cầu, Bạch Ngọc Đài, Trần Phận (ở Quảng Ngãi), Trương Đức Chử (ở Đà nẵng), Nguyễn Tiến Lợi (ở Cẩm bình, Hải hưng), Lê Thanh, Lê Như Cơ, Phạm Hoàng Bắc (ở Hà nội), Xuân Đồng (ở TP Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn Xứng, Đỗ Chí Thành (ở Hải phòng), Nguyễn Hoan (ở Đồng nai)... đều nói lên những lời rất tâm huyết. Trong số đó có những người đã nghỉ hưu, có nhiều người đang làm việc. Có người lao động chân tay, trình độ văn hóa bình thường, có người là tiến sĩ. Có người hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội (tiến sĩ Hoàng Trọng Phiến), có người trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (Nguyễn Thanh Giang). Có cán bộ hoạt động ở phường, xã, có đồng chí công tác ở cơ quan tỉnh... Một số đồng chí gửi hai lần bằng thư bảo đảm (vì sợ thất lạc) ; cũng có đồng chí gửi đến hai bản, với hai nội dung góp ý khác nhau, rất cụ thể. Một số đồng chí cán bộ về hưu ở Hà nội đang điều trị ở bệnh viện cũng đã có thư góp ý kiến. Nhiều đồng chí trực tiếp đến tận tòa soạn để trình bày ý kiến của mình... Hầu hết những ý kiến đóng góp là của các cá nhân, nhưng cũng có những bài và thư do nhiều đồng chí ký tên, hoặc đó là ý kiến của cả một tập thể chi bộ được đồng chí bí thư tập hợp, đánh

máy gửi đến (chi bộ A5 b, phường Giảng võ, Ba đình, Hà nội)...

Về thành tựu của công cuộc đổi mới, trong những thư và bài góp ý, tuy độ dài ngắn khác nhau, từ ngữ không giống nhau, nhưng tất cả đều thể hiện một tinh thần trách nhiệm và sự nhất trí cao đối với nội dung của *Dự thảo báo cáo chính trị*. Đồng chí Đỗ Chí Thành ở Hải phòng viết : "Tôi hoàn toàn nhất trí với Dự thảo báo cáo chính trị của Trung ương Đảng sẽ trình Đại hội VIII. Tôi rất phấn khởi với thành công của công cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, được toàn dân đồng tình và thực hiện". Tiến sĩ Hoàng Trọng Phiến (Đại học quốc gia Hà nội) mở đầu bản "*Góp ý kiến*" như sau : "Tôi đã đọc nhiều lần dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng. Tôi cảm nhận được nhiều điều mới mẻ. Nội dung báo cáo chính trị phản ánh khá trung thành bức tranh hiện thực của đất nước ta đang khởi sắc trên con đường chấn hưng đất nước". Đồng chí Chế Linh ở Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi cho biết : "Chúng tôi rất phấn khởi và hoan nghênh Ban bí thư Trung ương công bố bản Dự thảo báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII cho nhân dân góp ý. Đó là việc làm dân chủ, tập trung trí tuệ và sức mạnh lòng dân, để bản Dự thảo trở nên sinh động thực tiễn hơn. Nhìn chung, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với bố cục, tiêu đề và văn phong của bản Dự thảo". Một đồng chí khác ở Plây cu, tỉnh Gia lai viết : "Lần này qua nghiên cứu Dự thảo báo cáo chính trị được phát hành trên báo Nhân dân ngày 10-4-1996, tôi nhận thức đây là công trình của trí tuệ tập thể Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị và công sức của các nhà khoa học và của toàn đảng. Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội VIII của Đảng đã khái quát khá đầy đủ và cũng rất rõ tình hình đất nước sau 10 năm đổi mới, nêu lên những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng, những mục tiêu đến năm 2020 và năm 2000, những định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu và phương hướng nhiệm vụ xây

dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới."

Các ý kiến đều bày tỏ niềm tin tưởng sâu sắc đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự thành công của Đại hội VIII ; khẳng định kết quả to lớn, toàn diện của sự nghiệp cách mạng mà dân tộc ta đã giành được trong hơn 60 năm qua và đặc biệt là trong 10 năm đổi mới gần đây. Trong "*Thư đề đạt ý kiến đảng viên*" của tập thể chi bộ A5 b thuộc đảng bộ phường Giảng võ, Ba đình, Hà nội có đoạn viết : "Chi bộ chúng tôi nhất trí : sau 10 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng ; nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất của số đông nhân dân được cải thiện, giữ vững ổn định chính trị, phát triển mạnh mẽ quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, phá thế bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Đó là thắng lợi rất to lớn của Đảng ta, nhân dân ta". Đồng chí Nguyễn Hoan (ở Biên hòa, Đồng nai) bày tỏ : "Tôi vô cùng phấn khởi thấy cả nước ta thực hiện đường lối đổi mới của Đảng hơn 10 năm qua đã đưa đất nước ta phát triển đi lên hết sức nhanh chóng và toàn diện, nhất là kinh tế và ngoại giao. So với lịch sử của đất nước thì 10 năm thật là quá ngắn ngủi, nhưng bước tiến lên của đất nước lại hết sức nhanh chóng, mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử, làm cho cả nước phấn khởi, thế giới khâm phục, thật tự hào và xứng với lịch sử anh hùng của tổ tiên và dân tộc. Rõ ràng nhờ có đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo vững vàng của Đảng mà đất nước ta vượt qua những cơn thử thách nghiêm trọng do những khó khăn chủ quan trong nước và tình hình diễn biến phức tạp của thế giới ập đến, từng bước đưa đất nước tiến lên như ngày nay là vô cùng tự hào."

Thư góp ý của nhiều đồng chí gửi đến cũng đã đi sâu phân tích và nêu lên những dẫn chứng cụ thể.

Đánh giá về bốn nguy cơ, nhiều ý kiến cho rằng cần phải có nhiều cuộc thảo luận để làm rõ hơn nữa, nêu bật tác hại của từng nguy cơ đối với sự nghiệp xây dựng đất nước ta. Nếu không hạn chế và đẩy lùi các nguy

cơ đó, thì công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ gặp khó khăn nghiêm trọng, làm mất bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Các nguy cơ "chệch hướng xã hội chủ nghĩa", "quan liêu tham nhũng" và "diễn biến hòa bình" được đặc biệt chú ý. Về vấn đề này, có thư viết : "Để chống tụt hậu về kinh tế phải nỗ lực vươn lên bằng một quyết tâm rất phi thường của toàn đảng, toàn dân. Song không thể ngày một ngày hai mà phải trong nhiều thập kỷ. Còn chệch hướng xã hội chủ nghĩa và tham nhũng cùng với diễn biến hòa bình thì đang diễn ra rất quyết liệt hằng ngày - thậm chí từng giờ - và là mối đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tham nhũng đang là mảnh đất màu mỡ để "diễn biến hòa bình" có cơ hội phát triển nhanh". Có đồng chí nhận xét: một trong những nguyên nhân làm cho việc chống tham nhũng chưa có hiệu quả là "việc đánh giá về bản chất, nguồn gốc của tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức".

Không chỉ phân tích sự nguy hại của các nguy cơ, nhiều ý kiến còn nêu ra một số giải pháp cụ thể để góp phần hạn chế và từng bước đẩy lùi các nguy cơ đó. Đồng chí Nguyễn Tiến Lợi, hội viên Hội cựu chiến binh, quê ở Hải hưng đề nghị bổ sung vào *Dự thảo* biện pháp chống tham nhũng như sau : "Nghiên cứu *cấp bách* ban hành và thực hiện chế độ khai báo thu nhập của công chức. Đồng thời *khẩn trương* ban hành văn bản pháp luật về công khai hóa tài sản công chức một cách chặt chẽ, nghiêm túc. Ngăn ngừa sự phân tán của công chức, và thời gian tiền hành việc này không quá nửa nhiệm kỳ." Có đồng chí đề nghị sắp xếp lại thứ tự của bốn nguy cơ, để tỏ rõ mức độ nghiêm trọng và từ đó có sự tập trung các giải pháp tốt nhất. Có ý kiến ghi rõ : "đề nghị cần đặc biệt chú trọng, thường xuyên cảnh giác với nguy cơ chệch hướng, tham nhũng, cần đưa những nguy cơ này lên trên và lên trước".

Về định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu, các ý kiến phần lớn đều đồng tình với bản *Dự thảo báo cáo chính trị*. Có ý kiến đề nghị đưa thêm một số nội dung để làm rõ hơn các phương hướng. Như ở

trong phần "Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa", có đồng chí đề nghị nên chia làm hai phần để làm rõ hơn nội dung, vì phần này rất quan trọng. Cụ thể "Phần 1 : Quan điểm chính về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; phần 2 : Các lĩnh vực và bước đi cụ thể." Nhiều ý kiến nhấn mạnh rằng, chúng ta nên tập trung vào việc phát huy nhân tố con người và vốn trong nước, như tri thức con người, tài nguyên thiên nhiên, lấy đây làm quan điểm chỉ đạo quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cần mở rộng quan hệ với nước ngoài, tranh thủ thời cơ đưa đất nước phát triển nhanh chóng, song phải có nguyên tắc ; chú ý học tập những mặt tốt của họ vận dụng vào nền kinh tế và xã hội Việt nam, đồng thời giữ gìn bản sắc và truyền thống của dân tộc. Việc phân bổ vốn đầu tư cũng cần hợp lý, cân đối hơn, sao cho đạt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, không có sự mất cân đối giữa các vùng, các ngành, tránh để xảy ra hiện tượng "những ốc đảo nghèo nàn lạc hậu".

Cần coi trọng các cơ sở sản xuất nhỏ ở địa phương, vì đây cũng là một động lực góp phần thúc đẩy mọi mặt kinh tế - xã hội. Trình độ dân trí cũng từ đó được nâng cao, có thể mới thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Về phương hướng phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, các ý kiến đều nhất trí cho rằng, phát triển giáo dục và đào tạo là cái gốc bảo đảm mọi thành công và tiến bộ của khoa học kỹ thuật, của nền kinh tế - xã hội nước nhà. Khoa học và giáo dục, đào tạo phải chú ý tính hiệu quả, bảo đảm mặt bằng chung cho cả xã hội, đồng thời nâng đỡ, tạo điều kiện để các nhân tài phát huy hết khả năng đóng góp cho đất nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của trí tuệ và nhân cách của những lớp người sẽ làm chủ đất nước, gánh vác trách nhiệm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhiều đồng chí đề nghị cần có chính sách hợp lý

đối với lực lượng lao động trẻ và đội ngũ những người làm công tác giáo dục đào tạo.

Những người làm công tác giáo dục đào tạo cần được quan tâm chăm sóc chu đáo. "Không nên ghi : đãi ngộ đúng công sức với tinh thần "ưu đãi nghề dạy học" mà phải ghi: đãi ngộ đúng mức vì tầm vóc quan trọng của nó".

Một số ý kiến khẳng định giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn xã hội, nó đòi hỏi phải có sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn thể nhân dân, nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả và mở rộng quy mô. "Trong khi đổi mới và phát triển kinh tế (theo cơ chế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần) cần phải đồng thời xây dựng con người mới (theo định hướng xã hội chủ nghĩa) là chủ thể của xã hội hướng đến tương lai (xã hội xã hội chủ nghĩa)".

Vấn đề xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới, nhiều ý kiến cho rằng : Để xây dựng Đảng vững mạnh, trước hết phải tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng. "Cần khôi phục vị trí và tăng cường vai trò chính trị của giai cấp công nhân đối với toàn xã hội và mỗi doanh nghiệp, trước hết là trong các cơ sở quốc doanh". Đồng chí Nguyễn Văn Xứng (Hải phòng) viết : "Vì theo cơ chế thị trường cho nên công tác đảng cần phải được đề cao một cách thật sự".

Việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở được đặc biệt quan tâm và phản ánh nhiều trong các thư góp ý. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở là nơi trực tiếp với dân, truyền đạt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước cho nhân dân và tổ chức nhân dân thực hiện. Nhân dân hiểu, nghe theo Đảng, đi theo Đảng và tin ở Đảng là thông qua những việc làm cụ thể của tổ chức đảng, chính quyền và của cán bộ, đảng viên trực tiếp ở cơ sở. Nhưng, như nhiều thư phản ánh, còn không ít cán bộ đảng viên phẩm chất đạo đức, năng lực không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, mất lòng tin trong nhân dân. Thậm chí không ít người tham ô tài sản của tập thể, làm thất thoát của nhà nước nhiều tiền của. Có thư nêu tên cụ thể một số cán

bộ, đảng viên đó và đề nghị Trung ương cần phải kiểm tra và có biện pháp xử lý thích đáng để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, củng cố niềm tin trong nhân dân. Đồng chí Nguyễn Hoan (Đồng nai) viết : "Bộ phận thoái hóa biến chất, tham nhũng, ô dù bao che cho nhau, ăn chơi sa đọa, làm giàu bất chính, lợi dụng sơ hở làm trái chủ trương của Đảng... vẫn còn ở trong Đảng là một nguy cơ lớn làm mất lòng tin trong nhân dân, là cái hố ngăn cách giữa đảng và dân và làm cho Đảng không trong sạch - vững mạnh được. Do đó, tôi hết sức thiết tha mong Đại hội có quyết định xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh, được dân tin, dân mến, làm cho mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và dân gắn bó keo sơn, loại trừ cho kỳ được những phần tử xấu xa ra khỏi Đảng, dù bất cứ chúng ở cương vị nào." Một đồng chí ở Hải hưng đề nghị *Dự thảo* nên viết rõ : "*Kiên quyết xử lý một bộ phận cán bộ đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, làm giàu phi pháp, tham nhũng, buôn lậu, kèn cựa, cục bộ quan liêu, độc đoán, lợi dụng chức quyền... làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng*".

Để chỉnh đốn tổ chức đảng tốt hơn, nhiều ý kiến đề nghị : cần làm tốt công tác tổ chức cán bộ, sử dụng vũ khí phê bình và tự phê bình một cách hiệu quả, thiết thực. Sử dụng cán bộ đảng viên đúng tiêu chuẩn, bảo đảm cả "tài" và "đức" ; rèn luyện người đảng viên phải luôn luôn xứng đáng danh hiệu đó, nhất là trong giai đoạn Đảng cầm quyền và thực hiện cơ chế thị trường như hiện nay. Các ý kiến gửi đến đều khẳng định : "Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới phải được coi là nhiệm vụ then chốt". Đảng và mỗi đảng viên phải thường xuyên vươn lên về mọi mặt. Tất cả các ý kiến đều bày tỏ niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và khẳng định Đảng cộng sản Việt nam nhất định sẽ tiếp tục làm tốt sứ mệnh của mình trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhiều ý kiến đóng góp cho *Dự thảo báo cáo chính trị* rất cụ thể, theo từng phần của bản *Dự thảo*, có nhận xét, đánh giá, bổ sung, nêu rõ ưu điểm, thiếu sót và giải pháp khắc phục. Có thư góp ý lại đi vào một vấn đề như "Về bài học của đổi mới" (của Xuân Đồng,

TP Hồ Chí Minh), "Thế nào là định hướng đúng" (của Nguyễn Thanh Giang, Hà nội), "Triệt tận gốc bọn tham nhũng" (của Lê Như Cơ, Hà nội)...

Không chỉ đi sâu góp ý về nội dung, nhiều bản góp ý còn quan tâm cả **cách trình bày, cách sử dụng từ ngữ**, câu chữ và cách sắp xếp từng phần, từng ý trong *Dự thảo*. Một số ý kiến đề nghị nên có sự cân nhắc, chọn lọc kỹ hơn khi dùng các từ để làm tăng ý nghĩa và sự chính xác của vấn đề, và để toàn dân hiểu rõ hơn nội dung. Có ý kiến đề nghị sửa câu "Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội" và "chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã hoàn thành về căn bản" thành : "Nước ta đã bắt đầu ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội" và "những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được tạo ra". Hay câu "các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình" được đề nghị bỏ chữ "trong", vì "cùng tồn tại hòa bình" là một thuật ngữ chính trị với ý

tổ "cùng" làm phụ tố. Cả tổ hợp này làm định ngữ cho "các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau". Có thư đề nghị : "Ngôn từ cần phải trang trọng, chính xác". Ví dụ : nên thay từ "bung ra" bằng các từ khác cho phù hợp với văn phong báo cáo (chính luận trang trọng). Hoặc nên thay câu : "đổi mới mà không đổi màu" ; trong mục "củng cố Đảng về tổ chức" không nên dùng câu : "có việc phải chờ nhau", v.v..

Có thể nói, những ý kiến đóng góp của nhân dân vào bản *Dự thảo báo cáo chính trị* trình Đại hội VIII của Đảng rất phong phú. Trong khuôn khổ bài tổng thuật này, chúng tôi không thể nêu lên hết được. Điềm qua một số nét chủ yếu, chúng tôi muốn giúp bạn đọc hiểu thêm phần nào tấm lòng, tình cảm, trách nhiệm và niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng ta trong đợt sinh hoạt chính trị dân chủ, rộng lớn và có ý nghĩa hết sức quan trọng này □

BAN BẠN ĐỌC
Tập chí Cộng sản

Đảng cộng sản Việt nam...

(Tiếp theo trang 21)

đúng đắn của Đảng đã kết thúc thời kỳ khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt nam. Cương lĩnh của Đảng chỉ rõ : "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản", tức là tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ, mở đường tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là chủ trương cách mạng triệt để, là sự vận dụng sáng tạo học thuyết cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh Việt nam, một nước thuộc địa, nửa phong kiến.

Cách mạng Việt nam từ đây có người lãnh đạo đúng đắn là Đảng cộng sản Việt nam, có vũ khí tư tưởng sắc bén là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học. Quá trình lựa chọn, xác định mục tiêu của cách mạng Việt nam là quá trình đấu tranh gian khổ. Bản thân phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt nam phải trải qua

cuộc đấu tranh trong nội bộ chống lại tư tưởng, tâm lý tiểu tư sản như tự do, tản mạn; đồng thời phải đấu tranh gay go, ác liệt với kẻ thù. Nhiều chiến sĩ cách mạng đã phải vào tù, phải đầu rơi máu chảy trên máy chém, trước mũi súng của đế quốc, nhưng vẫn vững tin vào mục tiêu, lý tưởng và chủ nghĩa mà mình đã chọn.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn, là sự lựa chọn sáng suốt có ý nghĩa thời đại, thể hiện trí tuệ anh minh, linh khiếu chính trị tuyệt vời, tình cảm giai cấp và dân tộc sâu sắc của Hồ Chí Minh. Mục tiêu và con đường đó được Đảng cộng sản Việt nam nhận thức và vận dụng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể với những nhiệm vụ và phương pháp phù hợp. Thực tiễn cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng 66 năm qua là quá trình thực hiện và hoàn thiện dân mục tiêu và con đường mà Hồ Chí Minh đã vạch ra. Những thắng lợi của cách mạng Việt nam đã chứng minh tư tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Người là đúng đắn □

HỒI ÂM VANG VỌNG CỦA MỘT VĂN KIẾN DỰ THẢO

BÙI NGỌC TRÌNH

DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội VIII của Đảng, được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, đã thổi một luồng gió mới vào đời sống chính trị và tinh thần của đất nước ta.

Khắp nơi, từ nam chí bắc, từ các đô thị, đồng bằng đông dân đến miền núi cao, hải đảo, đều đón nhận văn kiện quan trọng này với niềm phấn khởi, tin tưởng, hy vọng nhiều vào tương lai của dân tộc, của bản thân và gia đình mình.

Ý kiến của đồng chí, đồng bào cả nước, và cả kiều bào ta hiện sống ở nước ngoài đóng góp vào văn kiện trên, được báo chí đăng tải và đài phát thanh, truyền hình phản ánh liên tục mấy tháng nay, thật phong phú, chân thành và đầy tâm huyết. Không chỉ nhất trí rất cao với nội dung văn kiện, công nhận quá trình soạn thảo văn kiện này là rất công phu, cách thể hiện trong các chương mục là hợp lý, súc tích và rất sáng tỏ, các ý kiến còn đề cập đến nhiều khía cạnh thực tế diễn ra trong công cuộc đổi mới ở địa phương, đơn vị, hay trên cương vị công tác của mình.

Đại hội đảng bộ các cấp từ cơ sở đến quận, huyện, tỉnh thành và các khối ở trung ương diễn ra sôi nổi từ tháng giêng tới tháng 5 - 1996, đã bước đầu ghi nhận, tiếp thu những ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và quần chúng ngoài đảng ở các đơn vị thuộc địa bàn lãnh thổ hoặc các cơ quan thuộc khối ngành mình. Đồng thời, đại biểu dự các đại hội trên cũng đã tập trung nghiên cứu để quán triệt hơn nữa nội dung văn kiện và đóng góp thêm nhiều ý kiến sâu sắc, có giá trị trên tất cả các mặt.

Đợt lấy ý kiến đóng góp vào Dự thảo báo cáo chính trị lần này thực tế đã trở thành một biểu tượng đẹp của sự gặp gỡ giữa

ý đảng và lòng dân, giữa trí tuệ tỉnh táo và lòng nhiệt thành, giữa ý tưởng, ước mơ và ý chí quyết tâm tạo ra vị thế mới cho cả dân tộc ta, đất nước ta bước vào thiên niên kỷ mới.

Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin thông qua một góc nhìn hạn hẹp để nêu lên một đôi điều thu nhận được qua các ý kiến đóng góp vào các phần của Dự thảo báo cáo chính trị, chủ yếu là Phần thứ nhất, Phần thứ hai và Phần thứ ba.

KHẲNG ĐỊNH MẠNH MẼ NHỮNG
THÀNH TỰU LỚN ; NHÌN NHẬN
ĐÚNG MỨC NHỮNG MẶT YẾU
KÉM, KHUYẾT ĐIỂM

Trong Phần thứ nhất của Dự thảo báo cáo chính trị, tình hình đất nước sau 10 năm đổi mới được phản ánh một cách rất khách quan, chân thực. Hầu hết các ý kiến đều đánh giá rất cao sự khởi sắc của đất nước trong mười năm qua. Đặc biệt thời gian từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, bộ mặt nhiều đô thị và làng xã đổi thay nhanh đến bất ngờ. Dễ hiểu thôi, bởi các thể chế công dân hôm nay đều đã sống qua những ngày xóa bao cấp với các cơn sốt giá, lương, tiền và những cảnh đói kém sau mỗi trận lũ lụt. Bây giờ, phố phường vắng vẻ, chợ búa thiếu hàng bày bán ; ruộng đồng nhiều nơi bị người nông dân bỏ hoang, bỏ hóa ; xung đột biên giới kéo dài ; các thế lực đế quốc thù địch thì cấm vận, bao vây, cô lập. Bây giờ, ước vọng lớn nhất của đại đa số nhân dân ta là làm sao thoát ra khỏi sự khó khăn đến cùng quẩn mà ta thường gọi là khủng hoảng kinh tế - xã hội. Niềm hy vọng đối với nhiều người dân lúc đó có khi chưa phải là điện Hòa bình hay những tín hiệu mới về khả năng khai thác nguồn dầu khí giữa biển khơi, mà là kết quả của những chuyển đi

công tác của các đồng chí đại diện Chính phủ ta sang các nước anh em để thương nghị "khoản viện trợ nóng" về lương thực, xăng dầu, - những thứ vốn đã cạn kiệt trong kho của chúng ta.

Còn giờ đây... những thành tựu đổi mới mà Trung ương khái quát thành 5 điểm trong **Dự thảo báo cáo chính trị** là một bức tranh hết sức sáng sủa. Một số nhà quan sát trên thế giới đặt tên cho bức tranh đó là "*bước tiến thần kỳ*", "*hiện tượng thần kỳ*", hay "*một bất ngờ mới sau chiến tranh lạnh*", v.v..

Quả là những năm vừa qua, Đảng ta, nhân dân ta, đã nỗ lực rất lớn, để vượt qua cơn khủng hoảng, quyết tâm *đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội*, nên lần đầu tiên đã hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm. Nếu 5 năm 1991 - 1995 nhịp độ tăng bình quân cả nước về GDP hằng năm là 8,2% (trong khi kế hoạch chỉ dự kiến 5,5 đến 6,5%) thì mức tăng này ở Sóc Trăng là 18,28%, Bà Rịa-Vũng Tàu 16,4%, Đồng Nai 13%, Tiền Giang 12,88%, TP Hồ Chí Minh 12,6%, Hải Phòng 12,4%, Hà Nội 11,9%, Lào Cai 11,8%, Cần Thơ 10,91%, An Giang 9,9%, Đồng Tháp 9,7%, Đắk Lắk 9,65%, Gia Lai-Kon Tum, Hải Hưng 9,3%, Thừa Thiên-Huế 8,9%... Theo các báo cáo trình bày tại các đại hội tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cả nước có khoảng 40% số tỉnh, thành đạt mức tăng GDP hằng năm cao hơn mức tăng trung bình của cả nước. Phân nửa số tỉnh thành còn lại có mức tăng xấp xỉ với mức tăng trung bình này. Một số tỉnh gặp nhiều khó khăn, thường được coi là những tỉnh nghèo, mức tăng trung bình hằng năm trong 5 năm qua cũng cao hơn nhiều so với 5 năm trước đó.

Tăng trưởng đồng bộ trên các lĩnh vực : sản xuất nông nghiệp và công nghiệp ; kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân. Tăng xuất khẩu và nhập khẩu. Tăng đầu tư cơ bản, hình thành các trọng điểm kinh tế lớn của các vùng, miền trong cả nước. Tăng các nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và thực hiện chính sách xã hội. Đời sống nhân dân đã cải thiện một bước khá rõ rệt... Tất cả những thực tế trên làm cho không ít chính khách trên thế giới phải ngạc nhiên. Các thế lực chống phá cách mạng Việt nam tuy hăm hực, tìm cách xuyên

tạc, nhưng thực trong lòng không thể không thừa nhận và khâm phục.

Phải khẳng định mạnh mẽ những thành tựu đạt được trong 10 năm đổi mới ! Đó là tiếng nói chung của nhân dân và cũng là ý kiến được phát biểu khá tập trung trong đại hội các tỉnh, thành.

Bên cạnh thành tựu về kinh tế xã hội, dư luận rộng rãi cũng đặc biệt nhấn mạnh tới việc Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua đã *tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị và củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh*, làm cho nhân dân được an cư lạc nghiệp. Giờ đây, qua những bài học phải trả bằng xương máu và bao nỗi bất hạnh ở Liên xô cũ, Đông Âu và một số nơi trên thế giới, người dân thường ở nước ta cũng hiểu rằng : không giữ được ổn định về chính trị, không củng cố vững chắc an ninh, quốc phòng, thì sự yên bình để sống cảnh bản hàn đàm bạc cũng không có được, nói chi đến giàu sang, hạnh phúc. Không chút ngần ngại để nói rằng, dân ta rất cảm ơn Đảng ta đã dũng cảm và kịp thời đổi mới tư duy, kiên quyết đổi mới cơ chế kinh tế, giải phóng năng lực sản xuất, để tạo ra sự tăng trưởng cao và liên tục. Và bằng bản lĩnh chính trị đặc biệt vững vàng, bằng kinh nghiệm lãnh đạo rất dày dặn, Đảng đã giữ cho cách mạng nước ta không đi chệch đường ray, chèo lái con thuyền nước ta vượt qua cơn dông bão lớn của thời cuộc, mà không gây nên đảo lộn, xung đột, đổ vỡ, - trái lại, còn củng cố thêm khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp thêm được nhiều bạn bè mới khắp năm châu, trong đó có không ít người ngày hôm qua còn ở phía đối nghịch với ta. Tại đại hội đảng các cấp, nhiều ý kiến cũng nhấn mạnh đến sự đóng góp vĩ đại của nhân dân. Cảm ơn nhân dân ta thông minh và chung thủy, đã sáng tạo ra những mầm mống mới trong khoán sản phẩm nông nghiệp, phân chia lợi ích ở các xí nghiệp quốc doanh... để Đảng hình thành ý tưởng đổi mới, thể nghiệm dân, đúc kết dần, rồi kết hợp với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà xây dựng nên đường lối đổi mới đúng đắn. Đảng ta cũng rất cảm ơn nhân dân ta đã một lòng ủng hộ và tin tưởng vào sự

lãnh đạo của Đảng, hăng hái tham gia công cuộc đổi mới, sẵn sàng chấp nhận khó khăn trong cơn "tái tạo - sinh thành" và đặc biệt sẵn sàng bảo vệ Đảng và Nhà nước, bảo vệ những thành quả của cách mạng.

Thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng của công cuộc đổi mới 10 năm qua không chỉ là những định lượng vật chất có thể căn đo lường được. Chúng ta rất có cơ sở để khẳng định mạnh mẽ cái mà Lép Tôn-xtôi trước đây gọi là "*tinh thần xã hội*", còn Mác và Ăng-ghe-nhê thì gọi là "*sự thức tỉnh của hàng triệu quần chúng lao động*", hay sự thống nhất về tư tưởng giữa Đảng lãnh đạo với giai cấp và dân tộc. Quả thực, trước thêm Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, chúng ta đang chứng kiến một sự thống nhất rất cao về mặt *tư tưởng - tinh thần xã hội*. Đúng như **Dự thảo báo cáo chính trị** của Trung ương đã nhận định: qua thực tiễn đổi mới, lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước được nâng lên, nhân dân ta càng gắn bó hơn với Đảng và Nhà nước của mình.

Còn mặt *khuyết điểm, yếu kém*? Chúng ta quan niệm khuyết điểm, yếu kém cùng với thành tích, thành tựu, là hai mặt của một quá trình vận động phát triển. Thông thường khi thành tựu đã nổi bật trở thành mặt chủ yếu thì khuyết điểm, yếu kém tất nhiên sẽ ít đi, và có thể trở thành thứ yếu. Thế nhưng, khi nghiêm túc nhìn lại 10 năm đổi mới, Trung ương khái quát các mặt thành tựu vào 5 điểm lớn thì đồng thời cũng tự nhận xét còn 5 khuyết điểm, yếu kém không phải nhỏ. Đây là cách nhìn thẳng vào sự thật, với tinh thần tự phê phán, tự phê bình cao cả, mà chỉ những đảng cầm quyền vững mạnh, một lòng một dạ phục vụ nhân dân như Đảng ta mới nêu lên một cách công khai.

Nhân dân rất đồng tình với tinh thần đó của Đảng, tuy nhiên nhiều ý kiến tâm huyết vẫn muốn bàn kỹ hơn về những yếu kém và kiến nghị với Đảng, Nhà nước xử lý hàng loạt vấn đề đang tồn tại. Có người cho rằng, 5 khuyết điểm và yếu kém mà Trung ương nêu trong **Dự thảo báo cáo chính trị** tuy đã bao quát, ôm chứa được các mặt tồn tại lớn, nhưng chưa phản ánh hết mức độ nghiêm trọng và nguyên nhân sâu xa của nó như nó đã diễn ra trong đời sống thường ngày.

Xã hội ta vừa trải qua cuộc chiến tranh giải phóng ba chục năm trời. Sau đó, lại trải qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế kéo dài hơn 15 năm. Gần nửa thế kỷ ấy, người Việt nam ta hầu như ai cũng phải sống trong sự ức chế tối đa về những nhu cầu vật chất, tinh thần. Phải chăng vì thế nên khi cơ chế mới cởi mở ra một chút, nền kinh tế tăng trưởng lên một chút, thì hầu như ai cũng biết, *có tiền*, nếu đem đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ắt là sinh lợi, nhưng nhiều người vẫn cứ ném vào nhậu nhẹt và xài sang các thứ tiện nghi ngoại nhập đắt tiền, như để bù đắp lại sự chịu đựng thiếu thốn, hy sinh trong quá khứ. Hàng ngũ cán bộ, đảng viên, hầu như ai cũng biết tham ô, thụt két là xấu, xà xẻo vào đồng tiền mồ hôi nước mắt của người dân làm lũ đóng góp cho nhà nước và tập thể là bất lương, tội lỗi. Ấy thế nhưng không ít kẻ bị mặt trái của đồng tiền lôi cuốn, hễ có cơ hội là không ngần ngại góp phần tạo nên "quốc nạn". Họ đem những đồng tiền ăn cắp được của dân đi sấm sanh, đua đòi, nhậu nhẹt, hoặc đầu tư vào những dịch vụ đầu cơ nhà cửa, đất đai. Có kẻ lợi dụng chức vụ nhận hối lộ lớn của các doanh nghiệp nước ngoài, tham gia buôn lậu quốc tế, hoặc lập hồ sơ giả, chứng từ giả lừa dối Đảng và Chính phủ để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, của công dân. Chúng ta quyết ăn cho được một quả đậm, rồi khi bị phát giác, pháp luật sờ mó đến thì sẵn sàng "hy sinh đời bố, củng cố đời con" không ăn hận (!)

Cơ chế thị trường còn sơ khai, vai trò quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế còn yếu đã tạo ra mảnh đất tốt cho tham nhũng, hối lộ và bao tệ nạn khác hoành hành.

Dư luận mong muốn Đại hội toàn quốc của Đảng kỳ này đưa ra lời cảnh báo thật mạnh mẽ và soi sáng thêm về những nguyên nhân nặng nề, sâu xa của hiện trạng này để có giải pháp khắc phục thật hiệu quả.

Dư luận cũng đặc biệt quan tâm đến khuyết điểm thứ 4 nêu trong **Dự thảo báo cáo chính trị**: "*sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng lên*", nhất là những người nghèo, vùng nghèo, phân đông lại là những cơ sở của cách mạng và kháng chiến, những người có công với nước, với dân, những đối tượng chính sách xã hội.

Sự doãng rộng ra về mức sống và khoảng cách giàu nghèo, *một mặt* cho thấy hiệu ứng của việc bước sang cơ chế mới, già từ cơ chế bao cấp cũ vốn kìm hãm tính chủ động, sáng tạo : nhờ năng động, tài trí, biết làm ăn, một bộ phận dân cư đã giàu lên nhanh chóng. *Mặt khác*, nó cũng cho thấy sự điều tiết của nhà nước còn non kém, không kiểm soát được nạn tham nhũng, để một bộ phận không nhỏ nhanh chóng giàu lên bằng những nguồn thu bất chính.

Việc buông lỏng lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới, để cho hàng loạt hợp tác xã tan rã hoặc chỉ tồn tại trên danh nghĩa, để cho nhiều cơ sở quốc doanh làm ăn thua lỗ kéo dài hoặc kém hiệu quả, bị tư thương lấn lướt và có nơi, có lúc làm chủ thị trường... cũng là nguyên nhân đẩy nhanh sự doãng rộng khoảng cách về mức sống giữa các vùng, miền và các bộ phận dân cư. Để rút ngắn khoảng cách giàu nghèo trong xã hội, không thể chỉ thực hiện xóa đói giảm nghèo. Tất nhiên, đây là việc làm rất cần thiết, có tác dụng trực tiếp. Muốn thu hẹp được khoảng cách đó một cách căn bản, hợp lý trong sự tăng trưởng và phát triển, thì đồng thời phải khắc phục cả 5 khuyết điểm yếu kém mà Trung ương nêu trong **Dự thảo báo cáo chính trị**.

Khắc phục đồng thời cả 5 khuyết điểm, yếu kém là chuyện không đơn giản. Nó đòi hỏi phải kiên quyết, khẩn trương, nhưng cũng phải có thời gian nhất định. Ai cũng biết việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, tìm mô hình thích hợp cho các thành phần kinh tế và quản lý tốt các thành phần đó, cũng như việc xây dựng một hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách *thật đầy đủ, đồng bộ và nhất quán* để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, là công việc không thể hoàn thành trong thời gian ngắn. Coi nhẹ, lừng chừng, thiếu kiên quyết khắc phục những khuyết điểm yếu kém đã nêu là không đúng. Nhưng nếu thiếu bình tĩnh, sửa chữa một cách chấp vá, vội vàng bằng những mệnh lệnh cứng nhắc, chủ quan, thì cũng không đạt hiệu quả mong muốn, thậm chí có khi còn mắc thêm những khuyết điểm mới.

MỤC TIÊU CAO CẢ VÀ HẤP DẪN ĐÒI HỎI CHÚNG TA PHẢI NẮM LẮY THỜI CƠ, ĐẨY LÙI NGUY CƠ, VƯỢT QUA THỬ THÁCH

Chưa bao giờ mấy tiếng "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" lại ngân vang mạnh mẽ trong lòng cán bộ đảng viên và nhân dân ta như lần này. Ngay từ năm 1960, Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đặt công nghiệp hóa thành một nhiệm vụ trung tâm, trọng đại ; các kỳ đại hội kế tiếp sau đó đều không quên đặt công nghiệp hóa ở một trong những vị trí chiến lược. Nhưng do hoàn cảnh chiến tranh và khủng hoảng kinh tế - xã hội sau chiến tranh cùng những đảo lộn trên trường quốc tế, tiến trình công nghiệp hóa ở nước ta trong những năm qua đã diễn ra không suôn sẻ tuy đã tạo ra được một số cơ sở vật chất quan trọng bước đầu. Giờ đây, khi công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng ; nhiệm vụ của Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản ; nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội ; nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã hoàn thành về cơ bản, thì việc Trung ương nêu mục tiêu : "*Tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*" là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của thực tế khách quan.

Nằm trong số vài chục quốc gia nghèo nhất thế giới, nước ta hiện nay vẫn còn là nước nông nghiệp chậm phát triển. Dầu biết nông nghiệp là mặt trận vô cùng quan trọng, bảo đảm nhu cầu sống cho toàn xã hội, nhưng nếu không đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì bản thân nông nghiệp cũng không thể phát triển thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, mà đất nước cũng không thoát khỏi vị thế yếu kém và phụ thuộc của một nước nghèo. Đã nghèo, ắt là không đủ mạnh để giữ vững chủ quyền quốc gia, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh thế giới mới, và do đó cũng không thể mang lại mức sống cao, cuộc sống hạnh phúc cho đông đảo nhân dân lao động.

Cho nên, hầu hết ý kiến phát biểu ở diễn đàn đại hội các cấp và trên báo chí đều nhất trí với các quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Trung ương nêu trong **Dự thảo báo cáo chính trị** ; coi đó là những quan điểm gốc, cần được quán triệt và vận dụng tốt trong thực tiễn. Rất phần khởi thấy Trung ương xác định : "*Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*"

Trong vài ba chục năm, từ nay đến khoảng năm 2020, ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp."

Để đạt mục tiêu này, nhiều người đã góp những ý kiến hay và rất cụ thể. Có ý kiến đề nghị Đảng đặc biệt quan tâm đến nông dân, bởi đây là lực lượng đông đảo nhất tham gia quá trình công nghiệp hóa, nhưng có thể chính họ cũng là đối tượng dễ gặp "rủi ro" trong quá trình này. Có ý kiến đề nghị Đảng và Nhà nước làm lại cuộc cải cách giáo dục, khắc phục tình trạng ngày càng ít con em của công nhân, nông dân, dân tộc ít người có điều kiện học lên bậc đại học ; khuyến nghị với chính phủ tiêu chuẩn hóa, công khai hóa việc tiến cử và tuyển chọn nhân tài, hoặc ban hành những quy định nghiêm ngặt hơn để giữ lại cảnh quan các khu di tích lịch sử, các khu phố cổ, bảo vệ văn hóa truyền thống dân tộc. Hàng loạt ý kiến đề nghị những vấn đề cụ thể về kinh tế, như : nên vay nợ và quản lý nợ nước ngoài như thế nào để phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa mà không rơi vào tình cảnh vỡ nợ, bị phụ thuộc, hoặc để lại gánh nợ quá nặng cho con cháu sau này ; nên xây dựng một hệ thống chính sách nhất quán, đồng bộ như thế nào để huy động nguồn vốn rất lớn còn nằm trong dân, giảm bớt việc vay nợ nước ngoài ; v.v. và v.v..

Về mục tiêu năm 2020 và năm 2000, dư luận xã hội rất phần chấn khi Trung ương chỉ rõ : "*Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt*

khoảng 9 - 10%. Tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45- 46% GDP". Trên cơ sở tăng GDP, kết quả của việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, chuyển dịch cơ cấu, chỗ làm việc được tạo ra sẽ nhiều hơn số lao động tăng thêm hằng năm, giảm đáng kể nạn thất nghiệp ; xóa đói, tiếp tục giảm nghèo ; cải thiện điều kiện ăn ở, học hành, chữa bệnh, đi lại ; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đặc biệt đối với các vùng nông thôn, miền núi. Đến năm 2020, lực lượng sản xuất nước ta đạt tới trình độ tương đối toàn diện, GDP bình quân đầu người tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990 ; quan hệ sản xuất được củng cố vững chắc, kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng trong nền kinh tế, chiếm tỷ trọng khoảng 60% GDP. Lúc đó nhân dân ta có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hóa khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh.

Những mục tiêu trên đây là những phác thảo thăm dò tinh thần nhân văn cao cả của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và truyền thống văn hóa dân tộc. Những mục tiêu này cũng rất sáng tỏ, khoa học, bởi nó xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn 10 năm đổi mới ; và cũng vì vậy có sức cổ vũ, động viên toàn đảng, toàn dân quyết tâm nắm lấy thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách để biến nó thành hiện thực.

Đối với thời cơ, thuận lợi. Mọi ý kiến đều tán thành nhận định của Trung ương : "Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới cả bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa đã được tạo ra. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới mở rộng hơn bao giờ hết. Khả năng giữ độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Đó là thời cơ lớn."

Quả đúng như vậy. Nhìn lại lịch sử Đảng, vấn đề công nghiệp hóa được đặt ra liên tục trong 5 kỳ đại hội (từ Đại hội III đến Đại hội VII). Nhưng như thực tế cho thấy, chưa bao giờ chúng ta gặp những điều kiện

chủ quan, khách quan thuận lợi như bây giờ. Thời cơ có cái do chúng ta chủ động tạo ra, có cái do những vận động ngẫu nhiên từ bên ngoài đến. Lúc này, nỗ lực tự thân vận động của chúng ta bắt gặp được bối cảnh thuận lợi của thế giới, một thế giới trong đó xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác đang phát triển có lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Không nắm lấy thời cơ, bỏ lỡ cơ hội lịch sử này sẽ là sai lầm, và cái giá phải trả có thể sẽ là rất đắt.

Còn mất nguy cơ ? Hầu hết ý kiến đều cho rằng, đi đôi với thời cơ là nguy cơ ; nguy cơ rình rập, đối mặt, thách thức hằng ngày. Mọi người đều nhất trí với Trung ương, đó là *bốn nguy cơ* mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1 - 1994) đã nêu lên. Nhưng khi thảo luận về *mức độ nghiêm trọng của từng nguy cơ* một, có ý kiến muốn Trung ương *sắp xếp lại thứ tự* để nhấn mạnh nguy cơ trực tiếp nhất, nóng bỏng nhất, so với các nguy cơ khác ít trực tiếp hơn, hoặc tạm thời ít nóng bỏng hơn. Thực ra, đây chỉ là sự sốt ruột trước những vấn đề bức xúc đang đặt ra trong xã hội ta. Sự sắp xếp thứ tự cũng quan trọng, nhưng ý nghĩa sâu xa phải tìm ở mối liên hệ, tác động qua lại giữa các nguy cơ, và giữa nguy cơ với thời cơ. Cho nên, phần đông các ý kiến đều rất tán thành và tâm đắc với cách phân tích của Trung ương trong **Dự thảo báo cáo chính trị** : "Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau và cùng tác động tới chiều hướng phát triển. Tinh thần chủ đạo của ta là phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới ; đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới có thể nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng. Cần lưu ý đến những nhân tố có thể làm mất thời cơ. Nếu chúng ta sơ hở hoặc phạm sai lầm trong quan hệ đối ngoại ; nếu quản lý kinh tế xã hội kém, giải quyết không kịp thời và đúng đắn các mâu thuẫn trong nhân dân ; nếu đội ngũ cán bộ không được đào tạo và bồi dưỡng nhanh, không vươn lên ngang tầm ; nếu đề tệt tham nhũng tràn lan không khắc phục được, gây ra sự mất ổn định chính trị, xã hội thì đó chính là những nhân tố làm mất thời cơ và tăng thêm nguy cơ."

Sự phân tích như vậy thật là chí lý.

Tuy nhiên, bàn sâu hơn nữa vào các nguy cơ, một số ý kiến muốn phân chia nó thành *hai loại* : loại nguy cơ *từ phía khách quan tới*, như âm mưu "diễn biến hòa bình", những mầm mống gây mất ổn định trong khu vực... ; và loại nguy cơ *từ phía chủ quan chúng ta*, như nạn tham nhũng, hối lộ, phân hóa quá đáng mức độ giàu nghèo, tích tụ bất công trong xã hội... Trong hai loại nguy cơ đó, loại từ bên ngoài đến là rất quan trọng, không thể coi thường, mất cảnh giác với nó; nhưng nguy hiểm nhất, dễ để mất thời cơ nhất, thậm chí đổ vỡ, chính là những nguy cơ gây nên từ bên trong. Không ít ý kiến có tâm trí tuệ và nhiệt tình xây dựng, muốn Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng cảnh báo mạnh mẽ loại nguy cơ từ bên trong này. Bởi "họa phúc hữu môi phi nhất nhật", cái phúc cái họa của dân tộc không phải tự nhiên mà đến trong một buổi, một ngày; tất cả đều có căn nguyên. Nếu gọi thành tựu đổi mới hôm nay là "cái phúc lớn" của đất nước ta, nó đã hình thành và phát triển trong thực tiễn và lý luận nước ta ít nhất từ Đại hội V của Đảng tới nay ; thì cũng có thể gọi những tiêu cực trong xã hội ta hiện nay là "cái họa", nó xuất hiện lúc đầu còn rời rạc, nhỏ nòi, nhưng rồi với thời gian, nó đã lớn lên theo quy luật riêng của nó. Không kịp thời ngăn chặn, xóa bỏ tận gốc những điều kiện khiến nó hình thành và phát triển, thì từ chỗ gặm nhấm xã hội, được sự khuyến khích và tiếp tay của các thế lực bên ngoài, nó có thể đưa nước ta đến thảm họa như kinh nghiệm Liên xô và Đông Âu cho thấy. Đây thực sự là những thách thức trực tiếp hằng ngày đối với sự nghiệp đổi mới của chúng ta.

Nhân dân ta rất mong chờ và tin tưởng ở Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng. Với trí tuệ sáng suốt và bản lĩnh kiên cường, chắc chắn Đảng sẽ đưa ra được những quyết định có hiệu lực nhất, đúng với tâm vóc của một đại hội đảng toàn quốc, bảo đảm cho nước ta vượt qua mọi nguy cơ và thách thức, đạt được những mục tiêu đề ra cho năm 2000 và 2020, như đã nêu trong **Dự thảo báo cáo chính trị** của Trung ương Đảng □

MÃY CẢM NHẬN VỀ ĐẠI HỘI CÁC CẤP VỪA QUA CỦA ĐẢNG

XUÂN HẢI

ĐẠI HỘI đảng các cấp được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 1-1996 đến tháng 5-1996. Trong khoảng thời gian đó (cũng có thể nói sớm hơn, từ quý IV-1995) đất nước ta từng bước bước vào một mùa xuân mới, mùa xuân hân hoan đón mừng những thành tựu của 10 năm đổi mới, đặc biệt là thành tựu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, kế hoạch 5 năm đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu tăng trưởng quan trọng, làm thay đổi sâu sắc bộ mặt đất nước, tạo ra cho nước ta vị thế mới trên trường quốc tế ; một mùa xuân mở đầu thời kỳ mới với nhịp độ phát triển cao hơn. Những tháng đầu năm 1996 dù còn phải đương đầu với nhiều vấn đề nóng bỏng, song về cơ bản tình hình kinh tế - xã hội của đất nước vẫn ổn định và phát triển liên tục, toàn diện. Sản xuất tiếp tục tăng trưởng, thị trường và giá cả ổn định, ngân sách nhà nước thu tăng so với cùng kỳ năm trước, việc thiết lập trật tự an ninh công cộng, nếp sống văn hóa được tăng cường, công tác đối ngoại tiếp tục được mở rộng, đời sống mọi mặt của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Trong bối cảnh thuận lợi và phấn khởi ấy, hưởng ứng chỉ thị của Ban bí thư trung ương Đảng, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, chính quyền và các ngành, các cấp đã có chương trình công tác cụ thể, thiết thực nhằm phát động toàn dân thi đua vượt mọi khó khăn, phát huy mọi tiềm năng và sức lực, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Cùng với phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng, các tầng lớp nhân dân trong cả nước đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức làm chủ, tham gia góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của đại hội đảng các cấp, đặc biệt là dự thảo văn kiện Đại hội VIII của Đảng. Cán bộ chủ chốt các ngành các giới, đại diện quần chúng tiêu biểu, các chuyên gia đầu ngành có uy tín đã được mời đóng góp ý kiến. Qua các ý kiến đóng góp của nhân dân (ở hội nghị, trên báo chí, thư gửi cấp ủy hoặc gặp trực tiếp) đã cho thấy niềm tin tưởng và sự yêu

mến của nhân dân với Đảng, đòi hỏi ngày càng cao của nhân dân về trách nhiệm của Đảng với sự nghiệp đổi mới đất nước, và niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và dân tộc đã lựa chọn ; đồng thời bày tỏ sự đồng tình và nhất trí cao đối với nội dung của Dự thảo báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) trình Đại hội VIII của Đảng.

Trong bối cảnh nói trên, đại hội đảng các cấp đã được tiến hành, chuẩn bị tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng. Đây thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của toàn đảng, toàn dân, tăng thêm mối quan hệ gắn bó giữa Dân với Đảng. Những ngày qua thật sự là những ngày hội lớn.

NHÌN lại đại hội các cấp vừa qua của Đảng, bước đầu chúng tôi có một vài cảm nhận sau đây :

1 - Đại hội các cấp lần này là đại hội tiếp tục phát huy tinh thần dân chủ và **tập hợp được trí tuệ của toàn dân, toàn đảng**. Nhờ được nghiên cứu kỹ các quan điểm cơ bản của Đảng về những vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhờ đi sâu đi sát tình hình thực tế của địa phương, cơ sở và ngành, nên các cấp ủy đã chuẩn bị tốt các dự thảo văn kiện của đại hội, đồng thời sớm cung cấp tư liệu, thông tin giúp cho đảng viên và các đại biểu dự đại hội hiểu rõ những nội dung cơ bản của các văn kiện, nêu ra những vấn đề cơ bản đang còn có những ý kiến khác nhau để mọi người cùng suy nghĩ, đóng góp ý kiến. Ở đại hội các cấp kỳ này đã bớt đi các hiện tượng kẻ lẻ thành tích mà thấy rõ trách nhiệm nặng nề của mình trước yêu cầu của thời kỳ mới. Hầu hết các vấn đề cơ bản về quan điểm đường lối, về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, về xây dựng đảng được trình bày trong các báo cáo, đặc biệt là Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII, được gợi mở, thảo luận sâu sắc, bổ sung nhiều luận điểm, luận cứ, luận chứng phong phú. Xin nêu một số ví dụ cụ thể :

- Về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề được hầu hết các đại hội nêu ra và thảo luận. Các ý kiến đều nhấn mạnh rằng, muốn phát triển lực lượng sản xuất phải đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ phát triển. Trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa, phải thận trọng lựa chọn hình thức, bước đi phù hợp, xác định rõ các lĩnh vực công nghệ phù hợp với từng địa phương, từng ngành và đất nước mình. Trong thay đổi cơ cấu kinh tế, phải xác định rõ ngành nào là mũi nhọn, ngành nào là cơ bản, vùng nào cần chú trọng, vùng nào cần đi trước v.v.. Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, đồng thời phải quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Về chủ trương đẩy mạnh phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, ý kiến của đại biểu ở nhiều đại hội cho rằng thời gian qua chúng ta chưa nâng cao được hiệu quả và vai trò của kinh tế quốc doanh như mong muốn, chưa có các biện pháp phát huy toàn diện vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Các thành phần kinh tế này có những đòi hỏi gay gắt phải đổi mới, đang có nhiều hình thức đa dạng, nhưng chưa được tổng kết về thực tiễn sáng tạo của quần chúng từ cơ sở. Kinh tế cá thể và tư nhân chưa được sự hướng dẫn, trợ giúp và kiểm soát đúng mức của nhà nước. Thực tiễn phát triển kinh tế nhiều thành phần những năm qua đã mang lại nhiều nhận thức mới mẻ cho cán bộ, đảng viên về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nước ta trên nhiều khía cạnh : tầm quan trọng, quá trình phát triển, những đặc điểm và mối quan hệ biện chứng của nó với lực lượng sản xuất.

- Về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Đây cũng là vấn đề được các đại hội quan tâm. Các ý kiến phê phán mạnh mẽ và chỉ ra nhiều vấn đề chưa được giải quyết tốt trong phát triển kinh tế - xã hội, như tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi, tình trạng buôn lậu và tham nhũng không giảm ; sự đói nghèo và lạc hậu ở vùng sâu vùng xa, miền núi còn nặng nề ; tài nguyên và môi trường ở một số nơi bị hủy hoại ; đòi hỏi về việc làm còn gay gắt ; giáo dục và y tế xuống cấp, tình trạng chảy máu "chất xám" đang diễn ra. Vấn đề đặt ra là sắp tới cần xử lý các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và xã hội như thế nào cho hợp lý, làm sao để phát huy nhân tố con người, thực hiện tốt công bằng xã hội.

- Vấn đề cải cách bộ máy nhà nước cũng là một trong những chủ đề được thảo luận sôi nổi ở đại hội các cấp. Khẳng định cải cách một bước bộ máy nhà nước phải gắn với quá trình đổi mới và chỉnh đốn đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng, các ý kiến kiểm điểm, liên hệ khá cụ thể, vạch rõ năng lực quản lý của nhà nước, của bộ máy chính quyền còn nhiều mặt bất cập so với sự phát triển của đất nước, đặc biệt trên các phương diện : quy hoạch phát triển, quản lý kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực trong nước và bên ngoài, phát triển và mở rộng thị trường, quản lý kinh tế đối ngoại, phát triển nguồn nhân lực và phúc lợi xã hội, quản lý xã hội bằng pháp luật, đẩy lùi các tệ nạn, tiêu cực.

- Vấn đề xây dựng đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới được thảo luận khá thẳng thắn và tâm huyết. Các vấn đề được nhấn mạnh nhiều nhất trong lĩnh vực này là : Bản chất giai cấp công nhân của đảng đang bị xói mòn ở những mặt nào ? Để tăng cường bản chất giai cấp công nhân chúng ta phải kiên định lập trường cách mạng, kiên định đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Phải làm tốt công tác phát triển đảng, công tác đảng viên, công tác cán bộ, công tác kiểm tra và công tác tư tưởng. Đánh giá cán bộ hiện nay phải coi trọng cả đạo đức và tài năng, trong đó đức là gốc... Trọng quá trình thảo luận ở các đại hội, các ý kiến đều nhất trí cao, khẳng định giai đoạn vừa qua Đảng ta có bước trưởng thành rõ rệt, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của Đảng, xứng đáng là một đảng cầm quyền có trí tuệ, có uy tín, được nhân dân tin yêu. Toàn đảng đều ý thức sâu sắc rằng song song với việc lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh Tổ quốc, chăm lo xây dựng đảng vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, có tính quyết định đến toàn bộ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Quá trình thảo luận, có nhiều vấn đề được thảo luận kỹ, và được làm rõ. Vấn đề chưa rõ thì được giải thích. Tự trung lại về cơ bản đều đồng tình, nhất trí cao với các quan điểm của Trung ương. Sự nhất trí này hoàn toàn không phải do cảm tính mà thực sự xuất phát từ nhận thức một cách có căn cứ khoa học. Chẳng hạn như ở đại hội đảng bộ khối công nghiệp nhẹ Hà nội và nhiều đảng bộ khác ở Hà nội, khi nhất trí với dự thảo Điều lệ Đảng sửa đổi quy định đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân và không bóc lột, đã đưa ra các lý do

của sự nhất trí đó là : kinh tế tư bản tư nhân về cơ bản là bóc lột, nó trái với mục tiêu và lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta. Do đặc điểm của thời kỳ quá độ (thời kỳ này còn dài) chúng ta cho phép thành phần này phát triển, nhưng đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân. Còn kinh tế tư nhân nếu không có sự quản lý của nhà nước sẽ tự phát chuyển sang kinh tế tư bản tư nhân. Vì vậy, kinh tế tư nhân phải phát triển trong khuôn khổ pháp luật, phải chú ý thực hiện tốt Luật lao động và Luật công đoàn. Đảng viên được làm kinh tế tư nhân, nhưng không được phát triển thành kinh tế tư bản tư nhân mà nên chuyển sang kinh tế tư bản nhà nước hay kinh tế hợp tác xã cổ phần...

2 - Đại hội các cấp kỳ này là đại hội đoàn kết, tập trung dân chủ, phấn khởi tin tưởng và kỷ cương.

Khảng định là đại hội đoàn kết thống nhất, bởi lẽ quá trình chuẩn bị đại hội, các cấp ủy đã tổng kết một bước cuộc vận động đổi mới chính đôn đảng, kịp thời động viên những cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, những đảng viên đi đầu trong công cuộc đổi mới. Mặt khác, các cấp ủy cũng chú trọng giải quyết dứt điểm nhiều cơ sở yếu kém, giải quyết tốt các bất đồng nội bộ, các trường hợp nội cộm. Hầu hết các cơ sở đều tiến hành đại hội điểm để rút kinh nghiệm, rồi trên cơ sở đó mới tiến hành đại trà, bởi vậy tránh được những sai sót đáng tiếc. Việc chuẩn bị dự thảo báo cáo chính trị làm kỹ từng bước, tranh thủ trí tuệ của đảng viên và nhân dân, đề ra các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình địa phương, đáp ứng kịp thời nguyện vọng của nhân dân. Các ban chấp hành đều có bản tự kiểm điểm nêu được những ưu điểm và nghiêm khắc với những khuyết điểm, thiếu sót, không cường điệu thành tích. Ý kiến thảo luận ở đại hội sôi nổi, thẳng thắn và không có hiện tượng lợi dụng để đả kích cá nhân. Những vấn đề chưa nhất trí được dừng lại thảo luận kỹ.

Các đại hội đều đã giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều đó được thể hiện ở chỗ từ khâu chuẩn bị đến khâu tiến hành đại hội, các cấp ủy đều mở rộng dân chủ, tranh thủ được sự đóng góp của đảng viên vào dự thảo báo cáo chính trị, vào công tác nhận sự. Trong đại hội, mọi người được phát biểu thảo luận dân chủ (bằng lời và cả bằng văn bản gửi chủ tịch đoàn). Các ý kiến đúng đều được tiếp thu, ý kiến chưa rõ được giải thích, không có hiện

tượng quy chụp. Khi biểu quyết, bỏ phiếu thì tập trung cao. Hầu như các đại hội chỉ tiến hành bầu cử một lần là có đủ số lượng cấp ủy mới, đủ số lượng đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Khảng định là đại hội phấn khởi, tin tưởng và kỷ cương vì các đại hội đều được cán bộ, nhân dân quan tâm, hưởng ứng. Nhiều huyện, thị và tỉnh thành đã đưa tin một cách đầy đủ, kịp thời quá trình đại hội trên báo chí, truyền thanh, truyền hình để nhân dân theo dõi. Đại hội các cấp kỳ này khắc phục được bệnh hình thức tốn kém, hạn chế lãng phí tiền của và thời gian. Những nơi tổ chức đại hội toàn thể thì gần như 100% đảng viên dự đại hội. Những nơi tổ chức đại hội đại biểu thì gần như 100% đại biểu được triệu tập đều có mặt.

3 - Công tác nhận sự đại hội các cấp đã được các cấp ủy chuẩn bị chu đáo, thận trọng, bảo đảm dân chủ, giữ vững các nguyên tắc, theo đúng các quy trình. Việc bầu cấp ủy và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên tiến hành nhanh gọn và đạt kết quả tốt. Quyền ứng cử và đề cử được tôn trọng. Nhiều đồng chí cấp ủy cao tuổi đã tự nguyện rút khỏi danh sách đề cử và giới thiệu các đồng chí trẻ, có đạo đức tốt, có năng lực công tác vào cấp ủy. Nhiều đồng chí ứng cử đã trúng cử.

Phân tích số liệu tập hợp ban đầu của các tỉnh, thành, các khối cơ quan trung ương, chúng tôi thấy cơ cấu cấp ủy các cấp kỳ này được trẻ hóa và trình độ mọi mặt được nâng lên rất nhiều. Cấp ủy viên mới tham gia lần đầu chiếm khoảng 30%. Tuổi đời bình quân các khóa trước thường từ 42 trở lên, khóa này là 40, ở một số cơ sở dưới 40. Cấp ủy viên là nữ khoảng 10%. Cấp ủy viên là người dân tộc khoảng 19%. Trình độ học vấn cấp 3 xấp xỉ 51%, trình độ cao đẳng và đại học khoảng 22%. (Ở các cơ sở đảng thuộc các ngành kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế và một số tỉnh, thành phố lớn, tỷ lệ này cao hơn nhiều). Đa số các cấp ủy viên đều có trình độ trung, cao cấp chính trị, trong đó trình độ cao cấp lý luận chính trị đạt tỷ lệ trên 40%.

Các đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên đều là những cán bộ, đảng viên ưu tú, có tín nhiệm, có trình độ. Cơ cấu các đoàn đại biểu phù hợp với tình hình đặc điểm kinh tế - xã hội của đơn vị, có đại diện của những ngành kinh tế mũi nhọn, của các cơ sở tiên tiến và các cơ sở trọng điểm...

Bước đầu có thể rút ra nhận xét là : cấp ủy các cấp kỳ này vừa bảo đảm tính kế thừa vừa có sự phát triển, bổ sung nhiều cấp ủy viên mới theo đúng yêu cầu của quy hoạch cán bộ, phản ánh được sự phát triển và trưởng thành của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

KẾT quả của đại hội các cấp vừa qua có ý nghĩa rất quan trọng, nó góp phần khẳng định rằng Đại hội VIII của Đảng lần này đã được toàn đảng, toàn dân chuẩn bị kỹ từ cơ sở. Những quan điểm cơ bản, những nội dung quan trọng trong Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng đã được toàn đảng, toàn dân thảo luận, góp ý kiến, đồng thời thể hiện sự nhất trí, đồng tình, tạo tiền đề rất quan trọng để Đại hội VIII của Đảng đạt kết quả tốt.

Tất nhiên trong quá trình đại hội các cấp không thể tránh khỏi một số thiếu sót. Có nơi văn kiện của Trung ương và của đảng bộ cấp trên đưa xuống chậm, ảnh hưởng đến tiến độ chuẩn bị. Một số nơi văn kiện chuẩn bị chưa kỹ, thiếu tính chủ động sáng tạo, rập khuôn theo báo cáo của cấp trên hoặc sơ sài. Việc thảo luận trong các đại hội, đây đó còn có hiện tượng xuôi chiều, chung chung, ít đề cập tới những vấn đề thiết thực của cơ sở. Việc vận dụng các quan điểm cơ bản của Đảng vào phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn lúng túng. Cá biệt có nơi chưa gắn chặt công tác nhân sự với nhiệm vụ chính trị.

Một số cấp ủy nắm chưa chắc các nguyên tắc và quy trình tổ chức đại hội, thiếu kiểm tra chặt chẽ, cụ thể. Một số nơi trong cấp ủy chưa tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc.

Có nhiều nguyên nhân tạo nên những chuyển biến tích cực trong quá trình tiến hành đại hội các cấp, theo chúng tôi tựu trung lại là do :

- Trong quá trình đổi mới tiến lên của đất nước, Đảng ta đã làm tốt vai trò lãnh đạo của mình, xứng đáng là lãnh tụ chính trị của giai cấp và dân tộc, bởi vậy được nhân dân tin yêu. Mỗi kỳ đại hội Đảng, nhân dân đều bày tỏ cảm tình chân thành và nhiệt huyết của mình với Đảng. Kỳ đại hội này diễn ra trong bối cảnh mới, đất nước sau nhiều năm đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn rất quan trọng, khích lệ toàn dân, tăng thêm niềm tin yêu của nhân dân với đảng. Mặt khác, trình độ dân trí ngày một cao, giác ngộ chính trị của nhân dân đã vươn lên tầm cao mới, cho nên những tư

tưởng, quan điểm của Đảng về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta được nhân dân đón nhận một cách thuận lợi, nó đang thấm đượm vào mỗi người và trở thành sức mạnh vật chất.

- Về phía nội bộ đảng, nó báo hiệu sự trưởng thành một bước về chính trị, lý luận và tổ chức thực tiễn, về ý chí chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giai cấp, về tinh thần đoàn kết thống nhất, ý thức tổ chức kỷ luật trong toàn đảng, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa đảng và nhân dân.

- Một nguyên nhân rất quan trọng nữa là sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, cụ thể của Ban chấp hành trung ương mà trực tiếp là Bộ chính trị và Ban bí thư. Sự chỉ đạo đó được thể hiện rõ nhất ở những quan điểm, những vấn đề quan trọng mà Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 9 (khóa VII) thông qua, và Chỉ thị 51 của Ban bí thư cùng nhiều văn bản khác. Nhiều đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng đã về dự và trực tiếp chỉ đạo đại hội ở cơ sở thuộc các vùng, các ngành tiêu biểu, nghe và đối thoại trực tiếp với cán bộ đảng viên, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

- Góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực của đại hội các cấp còn là sự đóng góp của đội ngũ cán bộ các cấp của đảng. Các cấp ủy kỳ này đã thực hiện nghiêm túc sự hướng dẫn của Trung ương, đã coi đây là công việc trọng tâm, là đợt sinh hoạt chính trị lớn của Đảng, đã chủ động, sáng tạo trong điều hành tiến trình đại hội. Qua đây cũng có thể khẳng định thêm rằng trong những năm đổi mới vừa qua, đội ngũ cán bộ đã bước đầu trưởng thành và có ít nhiều kinh nghiệm tổ chức sinh hoạt chính trị trong đảng cũng như cho toàn dân.

Những lúng túng, thiếu sót trong quá trình tổ chức đại hội, theo chúng tôi có thể do một số nguyên nhân sau đây. Một số cấp ủy nhận thức chưa đầy đủ đặc điểm hoạt động của Đảng trong tình hình mới, trong khi đó vẫn áp dụng cách làm cũ mang tính hình thức và thiếu cụ thể. Mặt khác, một số do trình độ chưa đáp ứng với tình hình mới, việc tiếp thu các quan điểm cơ bản của Đảng chưa kỹ, chưa sâu và chưa chắc, cho nên khi quán triệt còn hời hợt. Một bộ phận nhỏ cấp ủy ở một số nơi vẫn còn tư tưởng cục bộ, cá nhân, thiếu dân chủ và kém đoàn kết nội bộ, làm chưa tốt việc tự phê bình và phê bình trong nội bộ □

SUY NGHĨ TRƯỚC THỀM ĐẠI HỘI

NHẬT TÂN

luôn lấy thực tiễn làm thước đo kiểm nghiệm lý luận, chủ trương đường lối của mình. Khi thấy có sai lầm, thiếu sót, Đảng không ngần ngại, dũng cảm nhận khuyết điểm và

quyết tâm tìm những giải pháp có hiệu quả nhất để sửa chữa.

Trong suốt chặng đường cách mạng gần 70 năm qua, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ của mình; đặc biệt, trong những lúc khó khăn hoặc ở những khúc quanh của lịch sử, khi mà vận mệnh của đất nước như "ngàn cân treo sợi tóc", bản lĩnh và trí tuệ ấy càng ngời sáng.

Trong kháng chiến cũng như trong hòa bình, Đảng luôn luôn giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện xuất sắc hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với đường lối đúng đắn, Đảng ta đã phát huy và kết hợp được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, chuyên không thành công, biến yếu thành mạnh, lần lượt chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh có nhiều tiềm lực như phát xít Nhật, thực dân Pháp, và đế quốc Mỹ..., phá thế bao vây cấm vận của địch, mở rộng quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trên thế giới theo nguyên tắc hợp tác, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi. Đặc biệt là Đảng ta đã và đang thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa bị tan vỡ, phong trào công nhân thế giới đi vào thoái trào... Thắng lợi của chúng ta đã làm cho nhiều người trên thế giới phải ngạc nhiên khâm phục và thốt lên lời khen "kỳ diệu". Sự kỳ diệu này chỉ có thể bắt nguồn từ sức mạnh của toàn dân có trí tuệ sáng suốt của một đảng mác xít chân chính lãnh đạo.

2 - Đảng đã tập trung được trí tuệ của toàn dân

Sự nghiệp cách mạng của Đảng cũng là sự nghiệp của toàn dân. Vì vậy, Đảng ta coi công việc đại hội của Đảng cũng là công việc của nhân dân. Để tập trung được trí tuệ của toàn dân, đóng góp vào sự thành công của Đại hội, Đảng đã công bố Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân tham gia

HÀ NỘI ngàn năm văn hiến, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước trong những ngày tháng sáu sôi động và rục rịch này, một lần nữa lại được chứng kiến một sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc: *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt nam.*

Cả nước ta, đồng bào trong nước cũng như đồng bào sống ở nước ngoài, và đông đảo bạn bè của chúng ta trên thế giới đang hướng về Hà Nội. Tại đây, Đại hội VIII sẽ đánh giá tình hình đất nước trong những năm đổi mới, nhận định chiều hướng phát triển của cách mạng nước ta nói chung và nêu ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng nước ta từ nay đến năm 2000 và 2020. Với phương pháp tư duy khoa học, với cách nhìn khách quan, lô gích, sáng sủa khi đánh giá tình hình thế giới đang có nhiều chuyển biến và tình hình đất nước đang có nhiều năng động khởi sắc, chắc chắn rằng Đại hội sẽ đề ra được những quyết sách quan trọng trong giai đoạn tới, giúp cho dân tộc Việt nam ta tiếp tục giành được thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới, vững bước tiến vào thế kỷ XXI, hòa vào dòng chảy lớn của thời đại, xây dựng đất nước giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói Đại hội VIII là **đại hội của trí tuệ** vì:

1 - Đảng ta là một đảng trí tuệ

Đảng ta bao gồm những người con ưu tú nhất của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, luôn luôn đi đầu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ hoạt động lý luận đến hoạt động thực tiễn. Đảng ta được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, luôn luôn phấn đấu cho hạnh phúc của toàn dân. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Với phương pháp luận đúng đắn và lập trường chính trị vững vàng, Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta, luôn

đóng góp. Mặc dù *Dự thảo báo cáo chính trị* đã được BCH TƯ Đảng, Bộ chính trị, Ban bí thư và các cơ quan tham mưu của đảng chuẩn bị công phu và đã qua sự đóng góp ý kiến của đại hội Đảng các cấp, qua các cuộc hội thảo có sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn, các bậc lão thành của các tổ chức, đoàn thể. Chỉ sau một tháng rưỡi sau khi công bố *Dự thảo báo cáo chính trị* trên các phương tiện thông tin đại chúng, chỉ riêng báo *Nhân dân* cũng đã nhận được gần 300 bài, thư góp ý kiến. Nếu tính cả các cơ quan như : Ban tư tưởng văn hóa trung ương, Tạp chí Cộng sản, các cấp ủy địa phương... thì số thư, bài gửi đến có tới hàng vạn. Qua địa chỉ của bài, thư gửi đến cho thấy : nhân dân ở mọi miền của tổ quốc thuộc các thành phần và tầng lớp xã hội : công nhân, nông dân, trí thức, bộ đội, văn nghệ sĩ, thanh niên, sinh viên, các bậc lão thành cách mạng, cán bộ về hưu, người dân tộc thiểu số, người sống ở tận huyện đảo Trường sa và người Việt nam sống ở nước ngoài... đều tham gia góp ý kiến. Có người là đảng viên, có người không phải đảng viên, nhưng tất cả đều bày tỏ tâm huyết của mình đối với Đảng, nhất trí cao với nội dung của *Dự thảo báo cáo chính trị*. Đa số các ý kiến này đều đã được nung nấu, suy nghĩ sâu sắc ở mỗi cá nhân, mỗi tập thể, mỗi chi bộ, mỗi đảng bộ suốt gần một năm nay. Những bài và thư góp ý đều đã được chuyển về Ban dự thảo nội dung các văn kiện của đại hội và đều được nghiên cứu một cách đầy đủ, nghiêm túc. Nhiều thư còn được giới thiệu trên các phương tiện thông tin. Với cách làm dân chủ như vậy, nên bản Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng chắc chắn là kết quả trí tuệ tập thể của toàn đảng, toàn dân ta.

3 - Các đại biểu tham dự Đại hội là những người tiêu biểu cho trí tuệ của các tổ chức đảng các cấp

Cũng như những Đại hội trước, Đại hội VIII lần này bao gồm các đại biểu là những đảng viên ưu tú, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được tuyên lựa, đại diện cho các tổ chức đảng trong cả nước. Khi thảo luận, cân nhắc, chốt lọc những ý kiến của toàn đảng toàn dân bằng trí tuệ sáng suốt của mình, chắc chắn các đại biểu sẽ tìm ra được những phương sách hay nhất để tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

Với những yếu tố trên, chúng ta có cơ sở để tin rằng những vấn đề được thảo luận và

quyết định ở Đại hội VIII nhất định sẽ mang một hàm lượng trí tuệ cao.

Đại hội VIII cũng là đại hội của niềm tin vì :

1 - Những vấn đề nêu ra trong các văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng đều rất đúng đắn và sáng suốt, mang tính khả thi

Những vấn đề được Đại hội VIII lần này thảo luận và quyết định sẽ góp phần hoàn chỉnh đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải xây dựng đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, lựa chọn đội ngũ cán bộ lãnh đạo tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, có đủ đức, đủ tài để thực hiện đường lối đưa đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, có đời sống vật chất và tinh thần cao, có sự tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội ; bảo đảm an ninh quốc phòng vững chắc. Đến năm 2000 đất nước ta phải vượt qua tình trạng nghèo khó, kém phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế được nâng cao, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Tất cả những vấn đề đó đều bức xúc, nảy sinh từ thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tất cả đều là ý chí của toàn đảng, toàn dân, là sự phản ánh trung thực lợi ích của dân tộc, trước hết là lợi ích của giai cấp công nhân giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và những người lao động. Những vấn đề này đã được mạnh mẽ bắt nguồn từ khi cách mạng mới phôi thai. Trải qua những tháng năm thử thách khắc nghiệt, qua những đau thương mất mát và đặc biệt là qua những phong ba bão táp của thời cuộc, những vấn đề đã được lý luận và thực tiễn cách mạng nước ta kiểm nghiệm bổ sung, hoặc điều chỉnh, đến nay đã được thể hiện ra thành câu chữ trong Báo cáo chính trị và văn kiện Đại hội VIII của Đảng.

2 - Đại hội mang tính dân chủ cao

Đảng ta luôn luôn đề cao dân chủ và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Đảng ta chủ trương xây dựng một nhà nước dân chủ thực sự của nhân dân, mọi việc làm đều dân chủ. Chẳng hạn hiến pháp và pháp luật của nhà nước ta sau khi dự thảo đều được phổ biến rộng rãi ra toàn dân trong một thời gian tương đối dài để lấy ý kiến đóng góp, sau đó tiếp tục chỉnh lý và đưa ra Quốc hội thảo luận, biểu quyết mới trở thành văn bản chính thức để thi hành. Điều này ít thấy trên thế giới. Lần này, với việc công bố *Dự thảo báo cáo chính trị*, Đảng ta lại phát huy quyền dân chủ hết sức rộng rãi. Trên thế giới cũng ít có một đảng nào, một tổ chức chính trị nào làm như vậy. Với bản chất và truyền thống dân chủ của Đảng, nhất định ở Đại hội VIII dân chủ sẽ càng được phát huy và những vấn đề đưa ra thảo luận sẽ tập trung được trí tuệ của toàn dân để có những kết luận xác đáng, khoa học.

Chúng ta biết kẻ thù của dân tộc và của chủ nghĩa xã hội đang tìm mọi cách để xuyên tạc, phá hoại Đại hội của Đảng; họ thường rêu rao chúng ta không có dân chủ, đảng cộng sản độc đoán chuyên quyền. Nhưng thực tế bác bỏ những luận điệu vu cáo của họ.

3 - Đại hội VIII diễn ra trong bối cảnh đất nước và quốc tế có nhiều chuyển biến có lợi cho cách mạng nước ta.

Trong nước, những năm vừa qua nhiều khó khăn đã dần dần được tháo gỡ. Lạm phát được đẩy lùi từ 3 con số xuống 2 con số rồi 1 con số và hiện nay giữ ở mức trên dưới 12%. Quan hệ sản xuất có nhiều tiến bộ. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển. Mọi tiềm năng của đất nước đang được khai thác tốt hơn. Sản xuất phát triển và bước đầu có tích lũy. Đời sống vật chất và tinh thần của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, tỷ lệ số hộ nghèo giảm xuống. Cơ sở hạ tầng cả ở thành thị và nông thôn đều được cải thiện đáng kể, nhiều nhà ở, đường giao thông được cải tạo và xây dựng mới. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, ngăn chặn dịch bệnh có tiến bộ. Thể dục thể thao có bước phát triển mới. Phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn dân hưởng ứng. Phong trào xóa đói giảm nghèo và phòng chống các tệ nạn xã hội đang trở thành những nét đẹp trong xã hội. Quan hệ ngoại giao, buôn bán với các nước được mở

rộng chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Với phương châm: Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đến nay ta đã có quan hệ ngoại giao với 162 nước, quan hệ buôn bán với hơn 100 nước, quan hệ đầu tư phát triển với trên 50 nước và vùng lãnh thổ. Nhiều chính phủ, nhiều đảng cầm quyền và tổ chức quốc tế đã giành cho ta những viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Lần đầu tiên đất nước ta đã đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995). Đất nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy có một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc. Lòng tin của nhân dân vào chế độ, vào tương lai của đất nước vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước được tăng lên rõ rệt.

Ngoài nước, sau sự kiện Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa bị tan vỡ, phong trào cộng sản thế giới đi vào thoái trào..., cách mạng các nước và lực lượng tiến bộ trên thế giới gặp những khó khăn to lớn. Nhưng thực tiễn những năm qua làm cho nhiều nước, nhiều người đã nhận ra rằng: thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay chỉ có đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì mới giữ vững được ổn định chính trị cho đất nước, mới làm cho sản xuất phát triển, đời sống của người dân mới được bảo đảm và cải thiện. Tại các nước xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ vừa qua, đảng cộng sản đang lấy lại uy tín của mình, giành lại ưu thế, làm nòng cốt cho các lực lượng cánh tả khôi phục lại đất nước.

Trong bối cảnh đất nước và quốc tế có nhiều thuận lợi, với bản chất khoa học, cách mạng, với bản lĩnh chính trị vững vàng cộng với tính năng động sáng tạo của Đảng đã được kiểm nghiệm trong suốt gần hai phần ba thế kỷ qua, chúng ta tin tưởng rằng Đại hội VIII sẽ là *đại hội của trí tuệ và niềm tin*. Đảng ta sẽ bổ sung vào hành trang của dân tộc những chỉ dẫn sáng suốt, tạo điều kiện cho cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới ngày càng to lớn hơn nữa □

TRÍ THỨC VÀ CÔNG TÁC TRÍ THỨC CỦA ĐẢNG

NGUYỄN ĐÌNH TỬ * và PHẠM TẮT DONG **

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng đội ngũ trí thức và công tác xây dựng đội ngũ trí thức. Nhờ có những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nửa thế kỷ qua, đội ngũ trí thức nước ta đã phát triển nhanh và có những đóng góp xứng đáng vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Đến nay, nước ta có một lực lượng trí thức khá đông đảo, đang lao động sáng tạo trong các lĩnh vực lãnh đạo - quản lý, kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - văn nghệ, an ninh - quốc phòng, đối ngoại... Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, chúng ta cần đánh giá đầy đủ tình hình đội ngũ trí thức nước ta, đồng thời đổi mới và hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ, tiếp tục xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh và phát huy cao nhất năng lực của đội ngũ đó, bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tính đến nay, cả nước có khoảng 4 000 000 lao động kỹ thuật ; trong đó có trên 1 200 000 người có trình độ trung cấp ; trên 800 000 người có trình độ đại học, cao đẳng ; gần 10 000 tiến sĩ, phó tiến sĩ và thạc sĩ. Tuy nhiên, số cán bộ khoa học đầu ngành có trình độ cao còn rất ít. Đặc biệt, chúng ta đang thiếu những cán bộ giỏi về kinh tế, quản lý, tài chính, ngân hàng ; thiếu nhiều cán bộ am hiểu công nghệ cao. Lực lượng trí thức có trình độ cao trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn còn mỏng. So với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh,

quốc phòng của đất nước trước những thách thức của thế kỷ XXI, đội ngũ trí thức nước ta còn nhiều bất cập, cả về số lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ.

Trí thức người dân tộc thiểu số còn chiếm tỉ lệ quá nhỏ trong tổng số người có trình độ đại học, cao đẳng của cả nước. Nữ trí thức còn ít so với trí thức đã được đào tạo. Trong tổng số người có trình độ đại học và cao đẳng, nữ chiếm 38% ; trong số người có trình độ trên đại học, nữ chỉ chiếm 15%. Phần lớn những người có học hàm học vị cao, những người giữ những vị trí quan trọng trong các ngành khoa học, giáo dục, văn hóa, văn nghệ đều đã lớn tuổi.

Hiện nay, ở nhiều trường đại học và viện nghiên cứu đang có hiện tượng hẫng hụt thế hệ thay thế. Trong những năm gần đây, khi chuyển sang cơ chế kinh tế mới, số trí thức giỏi thuộc cơ quan nhà nước chuyển sang làm ở các cơ sở kinh tế tư nhân có xu hướng ngày càng nhiều. Số đông cán bộ có trình độ cao thường tập trung ở các cơ quan trung ương và ở các tỉnh, thành phố lớn. Nhiều tỉnh, đặc biệt là trung du và miền núi, đồng bằng sông Cửu long, còn thiếu cán bộ khoa học, kỹ thuật một cách trầm trọng.

Mặt mạnh cơ bản của trí thức nước ta là giàu lòng yêu nước và gắn bó với Đảng, với nhân dân. Trước Cách mạng Tháng Tám, nhiều trí thức đã sớm giác ngộ cách mạng, gia nhập Đảng cộng sản Đông dương và các tổ chức quần chúng của Đảng, nêu gương sáng về lòng trung thành với Đảng,

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban khoa giáo trung ương

** Phó Ban thường trực Ban khoa giáo trung ương

với Tổ quốc và nhân dân. Từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều trí thức trong nước và một số trí thức Việt kiều đã tự nguyện từ bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi, chấp nhận gian khổ, hy sinh để tham gia kháng chiến, kiến quốc. Tuy phải làm việc với những điều kiện cực kỳ khó khăn, gian khổ, đội ngũ trí thức cách mạng đã có những công hiến rất xứng đáng trong lĩnh vực hoạt động.

Trong kháng chiến chống Mỹ và trong hòa bình xây dựng, bên cạnh trí thức lớp trước còn có đội ngũ trí thức mới khá đông đảo, được đào tạo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Nhìn chung, đại bộ phận lớp trí thức này xuất thân từ công nông, được giáo dục và rèn luyện qua thực tiễn chiến đấu và xây dựng đất nước đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng trung thành và đức tính tận tụy vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Một số người đã có những sáng tạo và đóng góp quan trọng trên nhiều lĩnh vực và ngày nay đang đứng ở vị trí đầu ngành tiêu biểu hoặc giữ những cương vị quan trọng. Sau ngày 30-4-1975, hàng vạn trí thức yêu nước ở các tỉnh, thành phố phía nam mới giải phóng đã nhanh chóng hòa vào khối đại đoàn kết dân tộc và hăng hái tham gia xây dựng đất nước, tăng cường sức mạnh của đội ngũ trí thức nước ta.

Những thành tựu to lớn rất quan trọng của công cuộc đổi mới và chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng đã giúp đội ngũ trí thức nước ta tăng thêm niềm tin vào thắng lợi của đường lối đổi mới của Đảng và có những đóng góp đáng kể vào thành tựu chung của toàn đảng, toàn dân.

Trí thức nước ta có tiềm năng trí tuệ to lớn, thông minh và ham hiểu biết, rất nhạy bén với cái mới, với xu thế thời cuộc, có khả năng nhanh chóng tiếp cận trình độ tiên tiến của khoa học, công nghệ và văn hóa thế giới. Mấy năm gần đây, nhiều người đã chủ động tìm cách bổ sung kiến thức và nâng cao trình độ của mình, nhanh chóng nắm được những kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, những kiến thức mới về nhiều ngành khoa học. Một nhân tố mới đang hình thành ngày càng rõ

nét trong sinh viên ngày nay là ý thức lập nghiệp và năng động.

Tuy nhiên, trí thức nước ta cũng còn bộc lộ *một số mặt yếu* cần được khắc phục : trong đội ngũ, ở chỗ này hay chỗ khác, có những biểu hiện khó đoàn kết, khó hợp tác với đồng nghiệp. Nhược điểm này không thuộc bản chất của trí thức nước ta, nếu có chính sách đánh giá, sử dụng và đãi ngộ công bằng, dân chủ thì sẽ có thể hạn chế và khắc phục được.

Khi chuyển sang cơ chế kinh tế mới hiện nay, ở một số trí thức có sự hẫng hụt về kiến thức và năng lực thực hành. Do được đào tạo theo chuyên ngành hẹp, nên khó dịch chuyển từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác. Trình độ ngoại ngữ còn yếu, không đáp ứng yêu cầu mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế.

Đội ngũ trí thức nước ta chưa có nhiều cơ hội và điều kiện tiếp cận với những thành tựu mới của các nước phát triển nên thiếu kiến thức sâu ở nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ hiện đại. Một số trí thức thiếu hiểu biết thực tiễn, do đó, cách nhìn nhận còn phiến diện. Có những trí thức còn chưa thật năng động trong cơ chế kinh tế mới, chưa thoát khỏi tâm lý thụ động, ỷ lại vào nhà nước và tập thể.

Trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội, có những trí thức đã tỏ ra hoang mang dao động, giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa xã hội. Một số khác lại mơ hồ về chính trị, phủ nhận thành tựu cách mạng, bài bác chủ nghĩa Mác - Lê-nin, có những biểu hiện tự do vô chính phủ, dân chủ cực đoan. Đã có một số văn nghệ sĩ muốn tách văn nghệ khỏi sự lãnh đạo của Đảng ; nói xấu Đảng; xúc phạm anh hùng, vĩ nhân của dân tộc, bài viết của họ tác động tiêu cực đến người đọc. Tuy số người này không nhiều, nhưng không thể xem thường vì các thế lực thù địch có thể lợi dụng nhằm thực hiện những âm mưu đen tối của họ.

Nhìn chung, đời sống của trí thức nước ta còn nhiều khó khăn. Thu nhập của phần đông trí thức, kể cả những giáo sư, tiến sĩ, còn thấp. Các chế độ nhuận bút, chế độ phụ

cấp, chế độ khen thưởng vật chất... trong sáng tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh, đang ở trong tình trạng lúng túng, hoặc chưa tương xứng với công sức bỏ ra. Nhiều giáo viên, bác sĩ, cán bộ nghiên cứu... phải làm việc thêm để kiếm sống, kể cả những việc ít dùng đến học vấn của họ. Một số người đã thôi việc nhà nước để đi làm cho tư nhân do họ trả lương cao hơn. Một số người giỏi cũng bỏ việc để đi làm cho các liên doanh, các văn phòng đại diện của nước ngoài hoặc xin ra nước ngoài thực tập, hợp tác khoa học để kiếm sống. Nhìn chung, tinh lực của cán bộ khoa học chưa được dành nhiều cho việc nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn. Xét theo góc độ đó, có thể nói chất xám đang bị lãng phí rất nghiêm trọng, đồng thời bị "rò rỉ" tại chỗ và ra nước ngoài.

Một số trí thức có trình độ chuyên môn cao, rất gần bó với ngành nghề, nhưng chưa phát huy mạnh mẽ năng lực của mình trong nhiệm vụ được giao, vì thiếu điều kiện làm việc : trang thiết bị của phòng thí nghiệm cũ kỹ, lạc hậu, thông tin khoa học lại thiếu, kinh phí thì hạn hẹp.

Trước những thành tựu rất to lớn của công cuộc đổi mới, đại đa số trí thức đều tin tưởng và phấn khởi, đồng thời cũng còn nhiều băn khoăn đối với hiện tượng sa sút về văn hóa, đạo đức, lo lắng trước xu thế chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần, bất chấp đạo lý, truyền thống dân tộc ; tổ thái độ bất bình về nạn tham nhũng cũng như về trật tự kỷ cương xã hội bị vi phạm nghiêm trọng. Họ thiết tha mong muốn được Đảng tin dùng và đối xử thật sự công bằng, dân chủ, tạo môi trường thuận lợi để mọi trí thức có thể tự do sáng tạo, có cơ hội tốt đóng góp nhiều nhất cho công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Số đông trí thức Việt nam định cư ở nước ngoài có nguyện vọng góp phần mình vào việc xây dựng đất nước, nhưng vẫn còn mặc cảm, e ngại bị phân biệt đối xử và chưa được tin dùng. Nhiều người cho rằng chính sách đúng đắn của Đảng đối với trí thức trong nước sẽ là yếu tố quan trọng để động viên trí thức định cư ở nước ngoài trở về xây

dựng đất nước. Trí thức trẻ (sinh viên mới tốt nghiệp) tha thiết mong muốn có việc làm ổn định và được trưởng thành về nghề nghiệp.

Trong những năm qua, Đảng ta đã có nhiều chính sách đúng đắn, phù hợp nhằm phát huy vai trò to lớn của tầng lớp trí thức nước ta. Những chính sách đó thể hiện trong việc *đánh giá cao vai trò của trí thức trong sự nghiệp cách mạng, quý trọng và tin cậy trí thức ; coi trí thức là vốn quý của đất nước và là lực lượng bổ sung quan trọng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng*. Đảng luôn chủ trương đại đoàn kết dân tộc, tập hợp rộng rãi đội ngũ trong mặt trận dân tộc thống nhất vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại hội II (năm 1951) của Đảng đã khẳng định : "Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nông và lao động trí thức làm nòng cốt và do giai cấp công nhân lãnh đạo..." Từ bấy đến nay, Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình cách mạng, ngày càng nhận thức rõ hơn vai trò to lớn của đội ngũ trí thức. Đặc biệt từ sau Đại hội VI, VII và Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Đảng đã xác định : "Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa , nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo". Có thể nói, thành công lớn nhất trong công tác trí thức của Đảng ta là bắt nguồn từ chính sách đại đoàn kết dân tộc. Đông đảo trí thức tiêu biểu của đất nước đã tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng, nhiều người đã có cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, được giao những trọng trách của Đảng và Nhà nước trong các lĩnh vực công tác khác nhau ở các cấp.

Đảng ta chủ trương sử dụng trí thức theo tiêu chuẩn đức - tài ; phát huy tự do tư tưởng và trách nhiệm chính trị - xã hội của trí thức trong nghiên cứu, sáng tạo. Có thể nói, ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám, với một đội ngũ trí thức còn rất nhỏ bé nhưng vô cùng quý giá, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã hết sức trân trọng, sắp xếp công việc cho từng người nhằm sử dụng tốt nhất tài năng của giới trí thức phục vụ cho sự

nghiệp chung của dân tộc. Đại hội VI của Đảng đã khẳng định : "Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển" (1), đồng thời cũng đòi hỏi người trí thức "phải có cống hiến cho đất nước bằng những sáng chế, bằng kết quả đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, bằng việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội" (2). Đảng ta chủ trương khuyến khích sáng tạo và tranh luận khoa học, phát huy dân chủ, chống độc tôn, độc quyền trong khoa học. Một trong những tư tưởng chỉ đạo quan trọng của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, văn nghệ là : "Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại" (3). Những nghị quyết đó của Đảng đã huy động được đội ngũ trí thức tham gia tích cực vào quá trình hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; thu hút họ đi sâu vào các hoạt động thực tiễn, vào sự nghiệp đổi mới mọi lĩnh vực của đời sống đất nước.

Chú trọng tạo điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết ; đãi ngộ trí thức ngày càng thỏa đáng hơn, phù hợp với khả năng của đất nước. Ngay trong thời kỳ kháng chiến gian khổ và những năm đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế, Đảng ta đã động viên đội ngũ trí thức nêu cao tinh thần đồng cam cộng khổ với công nhân, nông dân và bộ đội ; đồng thời, quan tâm chăm lo đời sống và tạo điều kiện làm việc để trí thức có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Đặc biệt là từ sau Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã từng bước hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy mạnh mẽ vai trò của tầng lớp trí thức trong công cuộc đổi mới. Đầu tư của nhà nước cho các lĩnh vực hoạt động của trí thức đã tăng đáng kể. Chính sách đãi ngộ đối với lao động của trí thức cũng được đổi mới một bước. Thu nhập của số đông trí thức đã được nâng lên. Cũng cần nhận thức rằng, việc xóa bỏ chế độ bình quân trong chính sách phân phối là một tất yếu khách quan, nhưng phải thực hiện từng

bước, không thể làm một lần là xong. Điều đó hoàn toàn không phải là Đảng ta đánh giá thấp giá trị lao động sáng tạo của trí thức mà chủ yếu do điều kiện lịch sử cụ thể quy định.

Đào tạo và bồi dưỡng trí thức, xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Từ những năm kháng chiến chống Pháp, Đảng và Nhà nước ta đã mở các trường đại học ở vùng tự do, gửi lưu học sinh đi đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa. Sau năm 1954, với tầm nhìn xa trông rộng, Đảng và Nhà nước ta đã phát triển giáo dục đại học theo quy mô lớn ; cùng với việc phát triển nhanh các trường phổ thông, đã mở thêm nhiều trường bổ túc văn hóa công nông và phổ thông lao động, tạo nguồn đề ngày càng có đông đảo công nông và bộ đội được vào đại học ở trong nước và được gửi đi đào tạo ở nước ngoài. Có thể nói việc đào tạo và bồi dưỡng trí thức, xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng là một trong những thành quả to lớn rất đáng tự hào của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Đổi mới cơ chế và tổ chức trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của trí thức. Nhằm khắc phục từng bước, tiến tới xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa tổ chức và hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả, gắn chặt với yêu cầu phát triển đất nước, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) đã chủ trương "chuyển một số trường công sang bán công. Khuyến khích mở các trường, lớp dân lập. Cho phép mở trường, lớp tư thục ở giáo dục mầm non, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục đại học... Khuyến khích mở rộng các loại hình đào tạo không chính quy". Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục : "Người đi học phải đóng học phí, người sử dụng lao động qua đào tạo phải đóng góp chi phí đào tạo". Đối với lĩnh vực y tế, "Nhà nước cho phép tổ chức bệnh viện, phòng khám và các

(1) (2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr 77 - 78

(3) Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TW khóa VII, tr 54

dịch vụ y tế tư nhân, và có quy chế quản lý chặt chẽ". Về văn hóa, Đảng chủ trương "Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ của nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Khắc phục tình trạng "hành chính hóa" các tổ chức văn hóa, nghệ thuật và xu hướng "thương mại hóa" trong lĩnh vực này".

Trong chính sách khoa học và công nghệ, Đảng ta đề ra yêu cầu : đổi mới cơ chế quản lý khoa học, thoát ra khỏi phương thức hành chính, bao cấp ; nhà nước giao đề tài nghiên cứu theo phương thức đặt hàng, đấu thầu. Các cơ sở nghiên cứu khoa học ký hợp đồng trực tiếp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ; sản phẩm khoa học và công nghệ là một loại hàng hóa đặc biệt được trả giá xứng đáng ; các tổ chức và cá nhân đều có quyền nghiên cứu, làm dịch vụ khoa học và công nghệ theo pháp luật ; có chính sách và quy chế tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài ; bảo đảm điều kiện cho cán bộ khoa học chuyên tâm vào công việc nghiên cứu. Đặc biệt Hội nghị Trung ương bảy (khóa VII) gần đây về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã đề ra nhiều chủ trương cụ thể có liên quan đến việc tiếp tục đổi mới cơ chế và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ.

Những đổi mới về cơ chế trong kinh tế và trong các lĩnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục... đang tạo ra những điều kiện và môi trường xã hội mới đối với phần lớn trí thức, đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đối với mỗi người để tự khẳng định mình. Điều đó chắc chắn sẽ tạo những động lực mới để phát huy tài năng của trí thức.

Nhìn chung, từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, các chính sách của Đảng đối với trí thức đã không ngừng được phát triển, hoàn thiện, và là nhân tố quyết định để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp cách mạng. Tuy nhiên, trước những yêu cầu của giai đoạn hiện nay, chính sách của Đảng đối với trí thức và việc thực hiện những chính sách đó đang có những hạn chế cần được khắc phục. Ở đây, trước hết phải xác

định **những quan điểm cơ bản** làm cơ sở để thống nhất nhận thức và hành động về trí thức và công tác trí thức.

Trí thức là vốn quý của dân tộc, là lực lượng tiêu biểu cho trình độ trí tuệ của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân tộc ; là bộ phận hợp thành của khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, nền tảng của nhà nước do Đảng lãnh đạo. Sự khẳng định này nói lên quan điểm của Đảng coi trí thức là lực lượng đồng minh chiến lược của giai cấp công nhân. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, vai trò của trí thức đã quan trọng ; trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội vai trò của trí thức càng quan trọng. Không có trí thức, không có nhân tài thì không thể tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Lao động của trí thức là lao động trí óc, sáng tạo và truyền bá những giá trị văn hóa, khoa học và công nghệ ; đó là loại lao động có khả năng tạo ra những giá trị rất to lớn ; là nguồn tài nguyên vô tận ; là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, mở ra khả năng cho nước ta "đi tắt, đón đầu" để đạt mức tăng trưởng cao, nhanh chóng thoát khỏi tình trạng nghèo và lạc hậu. Sản phẩm lao động của trí thức là một loại hàng hóa đặc biệt, cần tạo lập thị trường để sản phẩm đó được lưu thông và trả giá tương xứng với giá trị ; nhà nước có trách nhiệm tổ chức, quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sáng tạo của trí thức và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của trí thức.

Động lực để phát huy tiềm năng trí tuệ, thúc đẩy năng lực sáng tạo của trí thức là một hệ thống đồng bộ nhiều yếu tố, trong đó các yếu tố quan trọng là : tin cậy và sử dụng "đúng người, đúng việc" ; bảo đảm tự do cho tư duy độc lập sáng tạo ; bảo đảm những lợi ích chính đáng về vật chất và tinh thần, đánh giá đúng và đãi ngộ xứng đáng đối với những thành quả lao động của trí thức, chống bình quân ; phát huy vai trò trách nhiệm của đội ngũ trí thức đối với đất nước ; tổ chức hợp lý và tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất kỹ thuật, về thông tin, về giao

lưu trong nước và với các nước để trí thức làm việc có hiệu quả.

Đầu tư cho việc xây dựng đội ngũ trí thức, cho các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - văn nghệ, là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, cần được ưu tiên. Bởi vì đó chính là đầu tư cho việc phát triển nguồn nhân lực, phát triển tiềm năng trí tuệ của dân tộc - những nhân tố quyết định tốc độ và kết quả của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, chỉ có đầu tư đúng mức cho lĩnh vực này, chúng ta mới có thể tạo ra được nội lực để phát triển bền vững và bảo đảm độc lập tự chủ.

Mục tiêu công tác trí thức của Đảng trong giai đoạn hiện nay là : tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để sử dụng và phát huy cao nhất năng lực của đội ngũ trí thức hiện có ; đồng thời mở rộng đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ ; đặc biệt coi trọng đào tạo và bồi dưỡng nhân tài ; nhanh chóng hình thành đội ngũ trí thức đông đảo, tương đối đồng bộ về trình độ và ngành nghề, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí phấn đấu cao, thực sự trở thành lực lượng nòng cốt và động lực mạnh mẽ của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện được những mục tiêu đó, cần tổ chức thực hiện tốt các chính sách và biện pháp sau đây :

Một là : tiếp tục quán triệt và thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Mọi trí thức yêu nước, dù ở trong nước hay ở nước ngoài, có tài có đức và có nguyện vọng góp phần xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, đều được trọng dụng và tạo điều kiện thuận lợi để làm việc. Cùng cố và tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật và Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, để các tổ chức này thật sự là mặt trận tập hợp, đoàn kết trí thức. Hình thành một số hình thức tổ chức cần thiết để tập hợp lực lượng trí thức Việt kiều. Xây dựng và thiết kế những chính sách **quy tụ được đội ngũ nhân tài**, bộ phận tinh hoa của

giới trí thức. Các tổ chức đảng và nhà nước các cấp nên trực tiếp có quan hệ thường xuyên với các trí thức tiêu biểu, các chuyên gia đầu ngành để qua đó tổ chức tập hợp cả đội ngũ trí thức đông đảo. Khắc phục tư tưởng định kiến, hẹp hòi đối với trí thức. Tạo điều kiện và phương tiện để giúp trí thức hiểu biết đầy đủ về đường lối, chính sách của Đảng, được tiếp cận với thực tiễn của đất nước, nâng cao giác ngộ chính trị và ý thức trách nhiệm đối với dân tộc, vạch trần và đấu tranh chống âm mưu của các thế lực phản động lôi kéo trí thức.

Hai là : tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho trí thức làm việc có hiệu quả. Phát huy tư duy độc lập của mỗi cá nhân trong quá trình tìm tòi chân lý và sáng tạo ; khuyến khích tranh luận và tạo bầu không khí dân chủ, cởi mở trong tranh luận ; trân trọng những kiến giải khác nhau về học thuật ; ngăn chặn và chống việc lợi dụng tự do, dân chủ để thực hiện những ý đồ xấu về chính trị. Bảo đảm cho trí thức có điều kiện được lựa chọn nơi làm việc đúng với ngành nghề đào tạo, phù hợp với sở trường và nguyện vọng của từng người.

Đổi mới cơ chế quản lý của các cơ quan khoa học và đào tạo để bảo đảm sử dụng và đãi ngộ trí thức theo đúng đức - tài, theo cống hiến thực tế, chống bình quân ; khuyến khích trí thức phát triển bằng con đường đi sâu vào lĩnh vực chuyên môn của mình. Thực hiện chế độ thi tuyển vào các vị trí làm việc ; đấu thầu các chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ, các đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp ; đánh giá định kỳ đối với hoạt động của cán bộ khoa học để có đãi ngộ xứng đáng với người có công ; thực hiện tốt pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ ; sắp xếp và tăng cường các cơ sở nghiên cứu, trang thiết bị, thông tin tư liệu của các trường đại học và các viện nghiên cứu ; mở rộng quan hệ hợp tác về khoa học với các nhà khoa học, các viện nghiên cứu, các trường đại học của các nước.

Ba là : tăng mức đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho các lĩnh vực hoạt động của trí thức. Hằng năm nhà

nước tăng mức đầu tư cho các lĩnh vực "quốc sách hàng đầu" là khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo từ nguồn ngân sách và một phần vốn vay của nước ngoài. Huy động thêm các nguồn đầu tư cho khoa học - công nghệ từ các thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế phân bổ, cấp phát vốn đầu tư cho khoa học ; đề cao trách nhiệm của người sử dụng vốn trước pháp luật, thực hiện việc giám sát nghiêm ngặt và đánh giá công khai về hiệu quả sử dụng vốn.

Bốn là : đãi ngộ xứng đáng về vật chất và tinh thần đối với lao động của trí thức. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương. Nâng các chế độ phụ cấp chuyên môn và phụ cấp khu vực trong hoạt động của trí thức. Đãi ngộ đặc biệt đối với những tài năng và những trí thức đã có cống hiến xuất sắc cho đất nước. Coi trọng các hình thức động viên về chính trị và tinh thần, như xét và trao giải thưởng quốc gia về văn hóa, khoa học ; tặng thưởng huân chương, tuyên dương công trạng đối với những trí thức có công...

Năm là : đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng trí thức. Tổ chức tốt đào tạo trên đại học, nhanh chóng hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành có trình độ cao, trước hết là các ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn. Mở rộng đào tạo cán bộ khoa học ở ngoài nước và các hình thức "du học tại chỗ" bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau ; khuyến khích du học và trở về xây dựng Tổ quốc. Bồi dưỡng và nâng cao trình độ đội ngũ trí thức hiện có, trước hết là bộ phận trí thức lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các cấp, các ngành, các giám đốc doanh nghiệp và cán bộ khoa học công nghệ ở các ngành mũi nhọn. Đa dạng hóa các hình thức học tập và các loại hình trường lớp đại học ; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo, đưa nhanh học vấn đại học đến với thanh niên và người lao động ; mở rộng đào tạo trí thức đối với dân tộc thiểu số. Xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng trí thức đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện một bước đến năm 2000 □

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ MỞ CỬA VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN DY NIÊN *

DỰ thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội VIII của Đảng, trong phần điểm lại những thành tựu và hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, đã có một kết luận rất xác đáng :

"Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá bỏ thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

Những thành tựu mười năm đổi mới hoạt động đối ngoại

Thật vậy, nếu so sánh hoàn cảnh và vị trí quốc tế của nước ta lúc bắt đầu đổi mới và sau 10 năm đổi mới, sẽ thấy rõ chúng ta đã tiến xa như thế nào trong lĩnh vực đối ngoại.

Năm 1986, Việt nam còn nằm trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nặng nề, vị thế của ta trên trường quốc tế lúc bấy giờ không những không tạo được thuận lợi cho

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao

việc khắc phục khủng hoảng mà còn có phần làm tăng thêm khó khăn. Các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với Liên xô (cũ) và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng yếu dần, cùng với sự suy sụp và đi tới tan rã của các nước đó. Trong khu vực, phần lớn các nước láng giềng vì lý do này hoặc lý do khác, đều không có quan hệ thân thiện với ta. Các tổ chức tài chính quốc tế lớn như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế hầu như không có quan hệ gì với Việt nam. Có thể nói đó là thời kỳ chúng ta bị bao vây và cấm vận tứ phía, là một trong những thời kỳ khó khăn nhất của đất nước, dân tộc.

Trong những điều kiện ngặt nghèo bên trong và bên ngoài như vậy, Đảng ta đã đề ra đường lối đối mới mọi mặt để bảo vệ độc lập, chủ quyền và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó đổi mới những hoạt động đối ngoại là một khâu hết sức quan trọng. Từ sau Đại hội VI của Đảng, trên thực tế, chúng ta đã có sự nhận thức lại thế giới và nhận thức lại thực trạng tình hình đất nước. Có thể khẳng định rằng sự khởi động này có ý nghĩa then chốt đối với quá trình đổi mới những hoạt động đối ngoại sau này.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Dĩ bất biến, ứng vạn biến", với sự nhạy cảm chính trị của mình, Đảng và Nhà nước đã đưa ra phương châm đối ngoại theo định hướng mới là "đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế", chủ động tạo ra những điều kiện thuận lợi để dần dần phá bỏ thế bị bao vây và cấm vận của nước ta. Lúc đó hai vấn đề cấp bách và mang tính chất "đột phá" đã được quyết định : tạo điều kiện để từng bước rút khỏi Cam-pu-chia, tích cực đóng góp cho một giải pháp hòa bình vấn đề Cam-pu-chia, soạn thảo và thông qua Luật đầu tư nước ngoài có sức thu hút mạnh mẽ.

Nghị quyết 13 của Bộ chính trị (5-1988) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới đã phát triển tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, khẳng định quyết tâm chiến lược "giữ vững hòa bình, tranh thủ điều kiện bên ngoài thuận lợi và tranh thủ thời gian tập trung những cố gắng đến mức cao nhất nhằm từng bước ổn định và tạo cơ

sở cho bước phát triển về kinh tế trong vòng 10 - 15 năm tới".

Sự chuyển hướng mạnh mẽ của chúng ta về tư duy và thực tiễn của hoạt động đối ngoại chưa phải đã mang lại ngay những kết quả mong muốn. Trong mấy năm đầu, từ 1986 đến 1991, chúng ta phải đương đầu với vô vàn khó khăn về mặt đối ngoại, đặc biệt là với sự thay đổi chế độ xã hội của Liên xô và một loạt các nước Đông Âu. Tuy nhiên, về cuối thời gian này, chúng ta đã gặt hái được một số thành quả khả quan bước đầu. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết có lợi cho hòa bình và ổn định khu vực. Các công ty nước ngoài bắt đầu bước vào làm ăn với chúng ta với số vốn đầu tư ngày càng tăng. Những dấu hiệu cải thiện quan hệ với các nước ASEAN và Tây Bắc Âu đã xuất hiện ngày càng rõ. Thế bao vây được nới lỏng ở một mức độ quan trọng. Quan hệ Việt nam - Trung quốc dần dần được bình thường hóa.

Đại hội VII của Đảng (7-1991), đã đưa phương châm "đa phương hóa, đa dạng hóa" hoạt động đối ngoại lên tầm cao hơn : "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Mấy năm tiếp sau, những cố gắng tích cực và chủ động của chúng ta lại dẫn tới những thành công mới, có ý nghĩa quyết định, đặc biệt là ba thành công nổi bật : Việt nam gia nhập ASEAN với tư cách là thành viên chính thức, bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, và ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu.

Như vậy là sau gần 10 năm đổi mới các hoạt động đối ngoại, chúng ta đã tạo được một vị thế hoàn toàn mới của Việt nam trên thế giới nói chung và trong khu vực nói riêng. Có thể mô tả vắn tắt vị thế mới ấy bằng hai đặc điểm :

Thứ nhất, lần đầu tiên trong lịch sử đối ngoại của nước ta từ ngày tuyên bố thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa năm 1945, Việt nam đã có quan hệ ngoại giao đầy đủ với hầu hết các nước trên thế giới, trong đó có tất cả những nước lớn là Ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, với các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Nhật bản (được coi như ba trung tâm kinh tế lớn nhất

thế giới hiện nay), với tất cả các nước của "thế giới thứ ba", với các "nước công nghiệp mới".

Thứ hai, hoạt động đối ngoại của chúng ta đã đạt được hiệu quả thiết thực trong môi trường và lĩnh vực mới. Nếu trước đây, hiệu quả đó chủ yếu đạt được ở việc huy động sức mạnh quốc tế vào sự ủng hộ và giúp đỡ cho công cuộc giải phóng dân tộc, thì trong 10 năm qua, hiệu quả ấy chủ yếu được thể hiện ở chỗ tạo ra những điều kiện thuận lợi để khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển của đất nước.

Với những thành quả rất quan trọng ấy, lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, chúng ta tạo được một khuôn khổ để hội nhập khu vực và hội nhập thế giới. Với khuôn khổ mới này, Việt nam gần như hội đủ những điều kiện cần thiết để đi sâu hơn vào các quá trình hội nhập với tư cách một đất nước có bản sắc dân tộc và chủ quyền đầy đủ.

Công tác đối ngoại trước những cơ hội và thách thức

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng đã phân tích các đặc điểm và những xu thế chủ yếu của các quan hệ quốc tế hiện nay, và đưa ra nhận định: "Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến cho chúng ta những thuận lợi lớn và cả những khó khăn lớn".

Trong hoàn cảnh thế giới đầy biến động hiện nay, quả là chúng ta đứng trước những thời cơ và những thách thức chưa từng thấy. Hoạt động đối ngoại, do đó, phải được nâng lên một tầm cao mới, phù hợp với hoàn cảnh mới của thế giới cũng như với những yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn tới.

Với tất cả những thành tựu của công cuộc đổi mới trong 10 năm qua, trong đó có những thành tựu về hoạt động đối ngoại, chúng ta chưa thể yên tâm và càng chưa thể thỏa mãn với vị thế hiện nay của đất nước ta trên thế giới và trong khu vực.

Về mặt địa - chính trị, chúng ta ở trong một khu vực vừa năng động nhất về tăng trưởng và phát triển kinh tế, nhưng lại vừa tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn

định và không loại trừ khả năng dẫn tới xung đột. Hơn nữa, hiện nay một số thế lực thù địch vẫn âm mưu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta bằng diễn biến hòa bình; những hành động lấn chiếm biên giới, lãnh thổ, thêm lục địa, lãnh hải, biển, đảo vẫn còn là những thách thức đối với chúng ta; về mặt trình độ phát triển, nước ta về cơ bản vẫn còn là một nước nghèo về kinh tế, lạc hậu về kỹ thuật và công nghệ. Đã thế, nguy cơ tụt hậu không những không bị đẩy lùi, mà còn có thể ngày càng tăng lên. Trong bối cảnh như vậy, hoạt động đối ngoại của chúng ta phải là "củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" (*Dự thảo Báo cáo chính trị*). Việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này phụ thuộc nhiều vào cố gắng của chính bản thân chúng ta, từ việc nghiên cứu kỹ những diễn biến đang có và có thể có trong khu vực và trên thế giới, hoạch định những chủ trương đối ngoại lớn một cách thích hợp và nắm bắt đúng thời cơ, đến việc thực hiện năng động những chủ trương đó với một đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại có chất lượng ngày càng cao.

Kinh nghiệm lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và cả kinh nghiệm đổi mới trong 10 năm qua cho chúng ta một bài học lớn: hoạt động đối ngoại có thể và phải tạo thêm những sức mạnh cần thiết cho đất nước, tiếp sức cho các mặt hoạt động khác. Nói cách khác, hoạt động đối ngoại theo đúng hướng, đúng mục tiêu mà Đảng đã đề ra thì có thể phát huy tác dụng "xúc tác", hay có thể có vai trò "đòn bẩy" đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhưng cũng cần thấy rõ, như kinh nghiệm hơn 50 năm vừa qua đã chỉ ra, hoạt động đối ngoại chỉ giành được những thành quả tối ưu khi đất nước phát huy hết "nội lực" của mình. Vấn đề đặt ra là: hiện nay, trong điều kiện một nước nghèo về kinh tế như nước ta, "nội lực" ấy được tạo ra từ đâu? Chắc chắn "nội lực" ấy không chỉ xuất phát từ vật chất. Về mặt này, nước ta còn thua nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Ngay cả khi trong

tương lai nước ta đạt tới một trình độ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đáng kể, thì xét một cách tương đối, sức mạnh vật chất của nước ta vẫn còn ở trình độ thấp. Hơn nữa, để tạo ra được "nội lực", trong một thời gian dài nữa, chúng ta vẫn còn phải được sự hỗ trợ thêm từ bên ngoài (vốn, thị trường, công nghệ và thông tin...). Như vậy, xét cho cùng, "nội lực" ấy phải được tạo ra, trước hết, bằng sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước, trong quá trình hội nhập khu vực và hội nhập thế giới của nước ta. Đó là đường lối độc lập tự chủ, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, từ nhân dân ở trong nước đến đồng bào ta ở nước ngoài, có khả năng huy động những giá trị tinh thần và sức mạnh vật chất để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự gắn bó của các tầng lớp xã hội, thậm chí của từng người dân, với những mục tiêu phát triển đất nước là bảo đảm quan trọng nhất về mặt này. Chẳng hạn, về vấn đề vốn, nếu chúng ta không tạo ra được nguồn vốn bên trong ở mức cần thiết, thì việc gọi vốn từ bên ngoài ngày càng nhiều có thể có những hậu quả bất lợi, dẫn tới nguy cơ phụ thuộc vào bên ngoài. Về mô hình phát triển cũng vậy, chúng ta không rập khuôn theo những mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ngoài, dù đó là những mô hình thành công của một số nước xung quanh ta. Bởi lẽ, không thể có khuôn mẫu sẵn cho bất kỳ mô hình phát triển nào. Mỗi dân tộc cần tự tạo và tự điều chỉnh những hướng đi trên con đường riêng của mình, đồng thời tiếp thu những bài học quý báu của các nước khác. Trong quá khứ, cha ông chúng ta đã liên tục thực hiện các cuộc "tiếp biến văn hóa" để tạo nên bản sắc dân tộc của mình. Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, việc thực hiện những cuộc "tiếp biến văn hóa" mới càng đòi hỏi chúng ta phải tự tin, năng động và sáng tạo hơn nhiều. Với vốn kiến thức và kinh nghiệm quốc tế thu thập được, nền ngoại giao Việt nam có nhiệm vụ đóng góp cho các vấn đề lý luận của chiến lược công nghiệp hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những điều kiện trong khu vực và trên thế giới.

Đảng ta đã đề ra những mục tiêu cụ thể cho giai đoạn phát triển đất nước từ nay đến năm 2000 và những định hướng cho đến năm 2020. Nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm ra những biện pháp thực hiện phù hợp với các điều kiện lịch sử và xã hội, với truyền thống và tiềm năng vật chất và tinh thần của đất nước ta, để có cái gì đó làm "vốn" khi trao đổi với bên ngoài. Bởi vì, nói cho cùng, chính những giá trị lớn do mỗi dân tộc tự tạo ra cho mình mới là "nội lực" quan trọng nhất, làm nền tảng vững chắc cho vị thế quốc tế của mỗi nước, mỗi dân tộc. Bác Hồ đã từng nói : "Thực lực là cái chuông, ngoại giao như cái tiếng, chuông có to thì tiếng mới lớn". Làm được như vậy, hội nhập mới không bị hòa tan. Hơn thế nữa, mới tạo ra được phong cách đối ngoại tự tin và linh hoạt trong môi trường vừa hợp tác vừa đấu tranh và tạo ra được những khả năng ứng phó có hiệu quả với mọi tình huống bất trắc có thể xảy tới ở trong khu vực và trên thế giới.

*

* *

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một sự nghiệp vĩ đại, đòi hỏi toàn đảng, toàn dân nỗ lực phấn đấu để trong vài ba chục năm tới có thể biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trên phương diện quốc tế, sự nghiệp này càng thúc đẩy các quá trình tham gia của Việt nam vào dòng chảy chung của nền văn minh nhân loại. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang đặt ra những yêu cầu mới cho phát triển và các lĩnh vực khác, trong đó chính trị đối ngoại và các hoạt động đối ngoại xuất hiện như một lực đẩy đáng kể trước mắt cũng như về lâu dài. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đổi mới và mở cửa, thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa, cũng như thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực và hội nhập thế giới, là những điều kiện không thể thiếu, nhằm tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi bảo đảm cho việc triển khai sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được thực hiện thắng lợi □

TÂN trào, ATK (an toàn khu) và rất nhiều địa danh khác của Tuyên quang đã in đậm dấu ấn trong lịch sử cách mạng, trong thơ ca, nhạc, họa, trong tâm lòng của người dân Việt nam. Tuyên quang rất tự hào và vinh dự được mang tên là "Quê hương cách mạng".

Một số suy nghĩ bước đầu về vận dụng đường lối đổi mới của Đảng ở Tuyên quang

Trong giai đoạn cách mạng mới, làm thế nào để Tuyên quang thoát được nghèo nàn lạc hậu và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân để nhanh chóng hội nhập với sự phát triển chung của đất nước? Đó là câu hỏi, là nỗi trăn trở của cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc tỉnh chúng tôi mà không chỉ một sớm một chiều có thể tìm ra được câu trả lời thỏa đáng.

Sau khi được tách ra từ tỉnh Hà tuyên (tháng 10/1991), Tuyên quang bắt đầu tiếp tục một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn có nhiều vận hội thuận lợi, song cũng không ít khó khăn. Thị xã Tuyên quang và nhiều vùng dân cư nằm dọc các triền sông Lô, sông Gâm, về mùa mưa lũ thường bị ngập lụt. Khí hậu khắc nghiệt, khô hạn, rét đậm kéo dài ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đời sống. Tổng diện tích của tỉnh là 5 800 km² thì có tới 73% là đất lâm nghiệp. Mật độ dân trí của 22 dân tộc anh em nói chung còn thấp; tâm lý, tập quán sản xuất nhỏ vẫn còn khá nặng nề...

Quán triệt đường lối đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII, Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XI (tháng 1-1992) và Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã xác định mục tiêu, phương hướng, giải pháp thích hợp, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, ổn

định đời sống nhân dân, củng cố và giữ vững sự ổn định chính trị, tạo ra những tiền đề quan trọng để tiến tới đưa tỉnh Tuyên quang nhanh chóng thoát khỏi tình nghèo, sớm hòa nhập với bước phát triển của cả nước, thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xứng đáng với truyền thống quê hương cách mạng có Tân trào lịch sử.

HÀ THỊ KHIẾT *

Có thể nói, với ý chí tự lực tự cường, sự nỗ lực to lớn của đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, với sự quan tâm, động viên giúp đỡ của trung ương, các ngành, các cấp, các địa phương trong cả nước, 5 năm qua, đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tuyên quang đã đoàn kết phấn đấu thực hiện tốt những mục tiêu kinh tế - xã hội - chính trị của địa phương. Nền kinh tế đã có bước tăng trưởng và phát triển khá ; các vấn đề văn hóa - xã hội được quan tâm giải quyết có hiệu quả ; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố và giữ vững. Đời sống nhân dân các dân tộc ổn định và cải thiện một bước. Niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước không ngừng được nâng lên. Mối quan hệ máu thịt *đảng vì dân, dân tin đảng* ngày càng được củng cố và tăng cường.

Đến hết năm 1995, Tuyên quang đã hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản mà Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh đề ra. Trong 5 năm, từ năm 1991 đến 1995, tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GDP) tăng bình quân 12,3%/năm ; GDP bình quân đầu người tăng 8,72%/năm ; sản lượng lương thực tăng bình quân 11,87%/năm ; lương thực bình quân đầu người tăng 8,94%/năm. Sản xuất nông nghiệp đã bước đầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi ; hình thành rõ nét một số vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Tổng sản lượng lương thực, tổng số đàn gia súc, gia

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên quang

cầm đã đạt và vượt mức chỉ tiêu đề ra. Đến năm 1995 đã có 1 700 ha mía giống mới, bảo đảm giống nhân trên diện rộng chuẩn bị đủ nguyên liệu sản xuất cho các nhà máy đường. Thâm canh cây chè đạt 50 tạ/ha ; sản lượng tinh dầu sả đạt 240 tấn, tăng 10,6 lần so với năm 1991. Diện tích cây ăn quả tăng 122%. Phát huy thế mạnh của một tỉnh miền núi, Tuyên quang đã chủ trương phát triển chăn nuôi đại gia súc và gia cầm. Năm 1995 đàn trâu tăng 5,6% ; bò tăng 18,4% ; lợn tăng 5,7% (so với năm 1991). Đã xuất hiện nhiều điển hình về gia đình làm kinh tế giỏi từ rừng - vườn - ao - chuồng, thu nhập ngày càng cao.

Sản xuất lâm nghiệp đã có bước chuyển biến rõ nét. Đã ngăn chặn cơ bản tình trạng đốt phá rừng làm nương rẫy và khai thác lâm sản trái phép. Kinh tế đồi rừng có bước chuyển biến tích cực. Từ năm 1992 đến hết năm 1995, toàn tỉnh đã khoán 171 000 ha rừng cho 21 000 hộ gia đình và đơn vị lâm nghiệp nhà nước chăm sóc, bảo vệ, trồng được hơn 37 600 ha rừng, đưa độ che phủ tăng từ 26% (năm 1991) lên 34% (năm 1995).

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng cũng có những tiến bộ cơ bản. Tỉnh chú trọng đầu tư, đổi mới máy móc, thiết bị cho một số doanh nghiệp quốc doanh đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo. Một số nhà máy chế biến nông sản, với công suất và sản lượng lớn đang được xúc tiến xây dựng. Tất cả các trung tâm huyện, thị trấn và nhiều xã của tỉnh đã có điện lưới quốc gia. Hệ thống điện thoại điện tử

kỹ thuật số đã hòa mạng thông tin giữa các huyện, thị trấn của tỉnh với trong nước và quốc tế. Các tuyến đường giao thông đô thị, liên thôn, liên xã đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp. Đường giao thông đi lại thuận lợi hơn. Với phương châm "nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ", đến hết năm 1995 đường ô tô đã đến được tất cả trung tâm các xã.

Cùng với phát triển kinh tế, tỉnh đặc biệt quan tâm đến chính sách đầu tư cho con người để từ đó tạo ra những nguồn lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn với nhiều giải pháp và cách làm, bước đi phù hợp. Đến tháng 9/1995 Tuyên quang là tỉnh thứ 9 trong cả nước được công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, trong đó có thị xã Tuyên quang đạt phổ cập trung học cơ sở. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm và có cải thiện đáng kể. Tất cả các xã, phường đều có trạm y tế được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, các thôn bản thuộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa đều có y tá thôn bản. Các phòng khám đa khoa khu vực và các bệnh viện được củng cố, tăng cường. Vì vậy mấy năm nay, ở Tuyên quang không có dịch lớn xảy ra. Bệnh sốt rét và bướu cổ đang được tập trung khống chế đẩy lùi. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được coi trọng đúng mức. Hằng năm tỷ lệ sinh bình quân giảm 0,06%. Trong tỉnh có 74% số trạm y tế thực hiện được các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; 76% số xã được cấp kinh phí mua thuốc ban đầu phục vụ người bệnh.



Học sinh phổ thông trung học Tuyên quang

Đến nay, Tuyên quang đã cơ bản giải quyết được tình trạng du canh, du cư, thoát được đói triền miên. Số hộ đói, nghèo giảm từ 23,3% (năm 1991) xuống còn 14% (năm 1995) ; số hộ có mức sống trung bình là 64% và số hộ khá giả chiếm 22% (năm 1991 số hộ khá giả 10,4%). Các tệ nạn xã hội : cờ bạc, số đề, nghiện hút, mại dâm... đã được ngăn chặn.

Các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ ; đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân được cải thiện. Hiện nay 100% số xã trong tỉnh đã được xem phim vi-đê-ô từ 2 đến 4 lần/năm ; 85% số xã được xem biểu diễn nghệ thuật, 100% số huyện, thị và một số khu vực có trạm thu phát truyền hình..., số lượng báo chí phát hành tại tỉnh ngày càng tăng. Báo *Nhân dân*, báo *Tuyên quang*, bản tin *Miền núi và dân tộc* phát hành đến tận các chi bộ đảng và thôn, bản. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc đã được chú ý sưu tầm, bảo tồn, khai thác và phát triển.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội không ngừng được củng cố và giữ vững. Đã xây dựng được các khu vực phòng thủ vững chắc, củng cố và nâng cao chất lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Kết hợp chặt chẽ thể trận quốc phòng với an ninh, phòng chống có hiệu quả những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Do chủ động phòng ngừa và giải quyết kịp thời, dứt điểm những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở cho nên tình hình an ninh chính trị được ổn định, không có những đột biến xấu xảy ra, tạo môi trường tốt cho phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở ngày càng được củng cố. Khối đại đoàn kết các dân tộc, các tầng lớp nhân dân được tăng cường ; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn. Đó chính là nguồn lực giúp cho tỉnh vượt qua được những khó khăn thử thách để đi lên.

Những thành tích bước đầu mà đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tuyên quang đạt được là kết quả của một quá trình quán triệt, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Đó cũng là kết quả

của quá trình mày mò, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc. Bước đường vừa qua cũng giúp chúng tôi có thêm những kinh nghiệm quý báu để đi tiếp những chặng đường tiếp theo. Những kinh nghiệm đó là :

1 - Xây dựng được một tập thể đoàn kết, thống nhất trong đảng là hạt nhân đoàn kết toàn dân.

Bài học kinh nghiệm về đoàn kết thống nhất trong đảng làm hạt nhân đoàn kết toàn dân là truyền thống cực kỳ quý báu của đảng bộ. Chúng tôi ý thức được rằng, trách nhiệm của lớp người hiện nay là phải luôn luôn giữ gìn, phát huy truyền thống đó ; đánh mất truyền thống đoàn kết đó là có tội với quê hương. Qua kinh nghiệm thực tiễn, chúng tôi thấy muốn đoàn kết thống nhất phải trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương, tìm mọi cách để làm giàu cho quê hương, cải thiện đời sống của nhân dân, tạo ra một khí thế mới trong công cuộc xây dựng quê hương ngày càng phát triển. Muốn thế, ngay trong quá trình xây dựng nghị quyết, cần phát huy mạnh tinh thần dân chủ, trí tuệ, năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân, và khi đã thành nghị quyết thì mọi người phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc để đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình, xây dựng tình đồng chí trong sáng, tôn trọng và thương yêu nhau. Ở Tuyên quang có nhiều lớp cán bộ thuộc nhiều dân tộc, từ nhiều địa phương, chúng tôi càng đặc biệt chú ý vấn đề này. Và trên thực tế, đảng bộ Tuyên quang đã xây dựng được sự đoàn kết theo tinh thần đó. Nhìn chung, chúng tôi đã sắp xếp, bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt, bảo đảm được sự đoàn kết, thống nhất, nhất là giữa bí thư cấp ủy và người đứng đầu chính quyền. Đây thật sự là những người "đứng mũi chịu sào", gắn bó với dân, được nhân dân tín nhiệm.

2 - Nắm vững đường lối đổi mới của Đảng, xác định đúng đắn chiến lược phát

triển kinh tế - xã hội, chỉ ra được những nhiệm vụ trọng tâm có tính đột phá để tập trung chỉ đạo thực hiện.

Đối với một tỉnh miền núi, trình độ dân trí nói chung còn nhiều hạn chế, việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhất là các cấp ủy, quán triệt đúng đắn nghị quyết của Trung ương và đề ra biện pháp thực hiện ở địa phương là một vấn đề hết sức quan trọng. Vì vậy chúng tôi rất chú ý khâu truyền đạt nghị quyết của Đảng đối với cán bộ chủ chốt từ xã trở lên. Khi triển khai nghị quyết của Trung ương, chúng tôi thường triệu tập đến tận bí thư đảng ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân xã về tỉnh để nghiên cứu, quán triệt; cố gắng biến các nghị quyết chỉ thị của cấp trên thành chương trình hành động cụ thể, thích hợp với điều kiện của địa bàn. Trong chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chúng tôi yêu cầu phải xác định rõ kế hoạch, thời gian hoàn thành. Đồng thời nhất thiết phải có chỉ đạo điểm, có kiểm tra, xây dựng mô hình tốt, bổ khuyết kịp thời những thiếu sót, lệch lạc; đặc biệt, cấp ủy các cấp phải làm tốt việc phân công các ủy viên thường vụ, cấp ủy viên phụ trách các đơn vị, địa bàn trọng yếu.

Trong mấy năm qua, Tuyên quang đạt được những thành tích đáng phấn khởi, một phần rất quan trọng là do tỉnh đã xác định đúng những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Cụ thể là:

Cơ sở hạ tầng, giao thông là khâu huyết mạch để phát triển kinh tế - xã hội đã được đầu tư thích đáng. Những trục đường chính trong tỉnh, đường vào huyện vùng cao, vùng xa như: đường đi huyện Nà hang, phà Bợ qua sông Lô đã được làm. Chúng tôi cũng cho kiểm tra, khảo sát, tu sửa, xây dựng mới các trường học, trạm y tế đáp ứng nhu cầu học tập, khám chữa bệnh của nhân dân.

Trong nông nghiệp, chúng tôi lấy khâu giống, vốn và vật tư làm trọng tâm. Tỉnh đã trích từ ngân sách hàng chục tỷ đồng để trợ giá giống lúa, ngô lai cho nhân dân, chú trọng chỉ đạo các huyện làm điểm đưa vào sản xuất các loại giống mới có năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế cao, hình thành mạng lưới khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở và lập hệ thống cung ứng vật tư trên địa bàn toàn tỉnh, (bao gồm 150

điểm/135 xã) để bán phân bón, thuốc trừ sâu, giống cho nhân dân. Địa chỉ các điểm cung ứng vật tư, giá cả từng loại hàng hóa được thống nhất thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Ngân hàng thông qua hệ thống cung ứng này phối hợp với cán bộ thôn, xã để cho nhân dân vay vốn bằng vật tư chứ không bằng tiền mặt, giúp nhân dân đẩy mạnh, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo.

Nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong công nghiệp là đổi mới thiết bị, xây dựng một số xí nghiệp trọng điểm: xây dựng mới dây chuyền sản xuất xi măng, nâng công suất từ 4 vạn tấn/năm lên 12 vạn tấn/năm; dây chuyền chế biến chè 700 tấn/năm; dây chuyền in ốp sếp 8 000 trang/giờ; dây chuyền sản xuất ba rít 15 000 tấn/năm; nhà máy đường Tuyên quang 750 tấn mía/ngày; nhà máy đường Sơn dương 1 000 tấn mía/ngày và đang chuẩn bị các điều kiện xây dựng nhà máy đường Chiêm hóa 1 000 tấn mía cây/ngày, dây chuyền sản xuất gạch tuy nen 20 triệu viên/năm; chuẩn bị dự án tiền khả thi nhà máy xi măng công suất 1,2 đến 1,5 triệu tấn/năm...

Đổi mới, chỉnh đốn đảng, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên luôn luôn được chúng tôi coi là khâu then chốt có tính quyết định trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cơ sở. Trong đợt thực hiện Nghị quyết lần thứ 3 của Trung ương (khóa VII), chúng tôi đã tiến hành rà soát các chi bộ và đảng viên ở các thôn, bản và thấy còn 500 thôn, bản chưa có đảng viên. Chúng tôi tổ chức làm điểm ở huyện Sơn dương sau đó nhân rộng ra trong tỉnh, nhanh chóng khắc phục tình trạng không có đảng viên ở thôn, bản. Chúng tôi cũng xây dựng mô hình về việc điều hành giữa chính quyền xã và thôn, bản; thực hiện chủ trương "thôn bản là cánh tay dài" của chính quyền xã. Đến nay vai trò của tổ chức đảng các cấp ngày càng được nâng lên, chính quyền hoạt động có hiệu lực, chất lượng đảng viên được nâng cao.

3 - Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, huy động sức mạnh của toàn dân vượt khó vươn lên.

Là một tỉnh miền núi còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn lại hay bị thiên tai, phần lớn

kinh phí hoạt động của tỉnh phụ thuộc vào trung ương. Do vậy, nếu không xác định rõ tinh thần trách nhiệm, không làm tốt công tác tư tưởng sẽ nảy sinh tư tưởng ỷ lại chờ đợi cấp trên. Đảng bộ Tuyên quang xác định : thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh là nhiệm vụ trung tâm của cán bộ, đảng viên và nhân dân từ tỉnh, huyện đến cơ sở. Không ai được xem mình là người ngoài cuộc. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tự hỏi mình đã đem lại lợi ích gì cho dân chứ không nên nghĩ đã xin gì của trên đưa về. Không nên để diễn ra tình trạng cơ sở chờ xin huyện, huyện chờ xin tỉnh, tỉnh cầu xin trung ương. Vậy thì trung ương xin ai ?

Từ nhận thức đó, chúng tôi cố gắng phát huy cao nhất thể mạnh về tự nhiên, con người của tỉnh trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Bên cạnh sự giúp đỡ của trung ương, của các ngành, các cấp, tỉnh chúng tôi cố gắng phát huy cao nhất thể mạnh về tự nhiên, con người trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội để vượt khó vươn lên.

Đợt lũ lụt tháng 8-1995 đã gây thiệt hại nặng nề cho tỉnh. Để khắc phục kịp thời hậu quả lũ lụt, nhanh chóng ổn định đời sống đồng bào vùng bị lụt, chúng tôi đã mạnh dạn xin vay trung ương 10 tỷ đồng với lãi suất thấp (1,2%/tháng). Nguồn cứu trợ của trung ương và tỉnh bạn chúng tôi dành vào việc khắc phục các công trình phúc lợi bị lũ lụt làm hư hỏng. Còn việc giúp đỡ các gia đình quá khó khăn do hậu quả lũ lụt chúng tôi vận động nhân dân trong tỉnh quyên góp với tinh thần "lá lành đùm lá rách".

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông, đường điện... chúng tôi đưa ra phương châm : "nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ". Cụ thể như : trong việc làm đường giao thông, nhân dân đóng góp công sức và những vật tư sẵn có, nhà nước cấp sắt thép và thuốc nổ mìn. Trong việc đưa điện lưới quốc gia về các thôn xã, nhân dân tự bỏ tiền, công sức xây dựng đường dây hạ thế, tự tạo cột điện, nhà nước giúp đỡ một phần vốn và hướng dẫn về kỹ

thuật, ngân hàng cho vay tiền với lãi suất vừa phải được tỉnh điều tiết. Với cách làm đó tỉnh đã huy động được vốn trong dân cần kiệm để đầu tư. Trong sự nghiệp giáo dục cũng vậy, nếu ỷ lại, trông chờ thì đến nay Tuyên quang chưa thể hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ. Năm 1992, sau khi chia tỉnh, chúng tôi thiếu khoảng 3 000 giáo viên các cấp và rất thiếu lớp học. Tỉnh đã nhanh chóng chỉ đạo việc mở lớp đào tạo giáo viên "cấp tốc" cho những người có trình độ từ lớp 5 đến lớp 7, tạo đội ngũ giáo viên bù cho sự thiếu hụt. Đồng thời, sử dụng đội ngũ cán bộ, giáo viên đã nghỉ hưu tham gia dạy học. Thiếu trường, lớp thì mượn nhà dân, trụ sở cơ quan nhà nước làm lớp học, tỉnh giúp đỡ một phần kinh phí để dân xây dựng trường học. Phương châm của chúng tôi là : "người biết chữ dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít".

Thực tế, càng cho thấy sức mạnh của lòng dân, nếu biết dựa vào dân, làm lợi cho dân thì "khó vạn lần dân liệu cũng xong".

4 - Chú trọng "chiến lược con người", thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ một cách hợp lý.

Tỉnh ủy xác định, để tránh nguy cơ tụt hậu, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định là phải chú trọng "chiến lược con người". Nơi nào chú trọng thích đáng đến con người, coi con người là trung tâm của phát triển thì nơi đó dần dần xây dựng được một đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, những người lao động tiếp thu nhanh chóng khoa học, công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội đạt hiệu quả. Hiện nay tuy tỉnh còn nghèo, kinh phí cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, phục vụ con người còn khó khăn, eo hẹp, nhưng chúng tôi vẫn cố gắng đầu tư cho sự nghiệp "trồng người", và từ đó đã thật sự làm chuyển biến trong nhận thức của các cấp ủy, chính quyền các cấp coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Chúng tôi cho rằng càng nghèo, càng khó khăn thì càng phải chú trọng đầu tư cho con người đi trước một bước, để từ đó mới có đội ngũ cán bộ đủ tầm làm việc cho

sự nghiệp đổi mới, mới hy vọng sớm thoát được nghèo nàn, lạc hậu, nhanh chóng hòa nhập với cả nước đi lên. Từ nhận thức đó trong mấy năm qua, chúng tôi đã có sự chuyển biến tích cực trong công tác cán bộ từ nhận thức, quan niệm đến phương pháp đào tạo, sử dụng. Tỉnh đã có quyết định số 151 về phân cấp quản lý cán bộ từ tỉnh đến huyện và cơ sở, thực hiện nguyên tắc cấp ủy đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ; tập trung dân chủ trong việc ra các quyết định về cán bộ; chú ý việc bố trí, sắp xếp cán bộ chủ chốt, nhất là bí thư cấp ủy và người đứng đầu chính quyền, cơ quan; chú ý cán bộ nữ, cán bộ trẻ và cán bộ người các dân tộc.

Trong dịp đại hội đảng bộ các cấp vừa qua, đội ngũ cán bộ được đổi mới và trẻ hóa một bước. Đại hội đảng bộ, chi bộ cơ sở đã đổi mới 29,5% số cấp ủy viên, trong đó đổi mới 38,03% ủy viên ban thường vụ, 30,41% số bí thư cấp ủy; tuổi đời bình quân của cấp ủy giảm từ 42,37 xuống 41,84 tuổi. Đại hội đảng bộ cấp huyện, thị đã đổi mới 37,4% số cấp ủy viên, 41,77% số ủy viên ban thường vụ, 55,5% số bí thư cấp ủy. Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XII vừa qua đã đổi mới 26,7% số ủy viên ban chấp hành, 30,8% ủy viên ban thường vụ; số tỉnh ủy viên là nữ trên 22%. Trong ban thường vụ cán bộ nữ là 23%, dân tộc 51%. Tuổi đời bình quân của tỉnh ủy chưa đến 50.

Về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng gắn với sử dụng cán bộ, nhất là các cán bộ lãnh đạo đảng, quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh. Đến nay hầu hết các ngành và các cấp đã xây dựng được quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo đến năm 2000. Công tác cán bộ nữ cũng được chúng tôi đặc biệt quan tâm. Qua việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 44 của Ban bí thư trung ương Đảng (khóa V), chúng tôi đã rút được kinh nghiệm trong công tác này là: Phải chỉ đạo làm tốt công tác phát triển đảng để tạo nguồn cán bộ nữ; quan tâm đến quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và chỉ đạo chặt chẽ tỷ lệ cơ cấu nữ... Kết quả là, tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là nữ tăng từ 15,6% (năm 1990) lên 27,91% (năm 1994), trong HĐND tỉnh là 39,6%, trong lãnh đạo chủ

chốt ở ban, ngành cấp tỉnh là 14%; cán bộ khoa học là nữ chiếm 43,1%.

Ba năm qua, tỉnh chúng tôi đã chỉ đạo việc thực hiện chính sách đối với cán bộ. Đã quyết định phụ cấp cho cán bộ trong biên chế đi học tại các trường đảng, đoàn thể ở trung ương là 50 000đ/tháng; cán bộ học tại trường chính trị của tỉnh 30 000 đ/tháng, (trong đó cán bộ nữ được gấp đôi). Đối với cán bộ xã đi học

được phụ cấp 85 000đ/tháng... Các bí thư chi bộ, trưởng thôn bản mỗi tháng được trợ cấp 40 000đ, tạo thêm điều kiện và góp phần động viên cán bộ tham gia học tập và công tác đạt hiệu quả cao hơn

*
* *

Tuy có đạt được một số kết quả bước đầu, nhưng từ nay đến năm 2000 Tuyên quang còn phải làm rất nhiều việc, phấn đấu đạt một số mục tiêu cơ bản: tập trung phát triển mạnh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông - lâm - công nghiệp - dịch vụ - du lịch; thực hiện công bằng xã hội và chăm lo tốt hơn các vấn đề văn hóa - xã hội; không ngừng giữ vững ổn định chính trị; đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Cố gắng bảo đảm nhịp độ tăng tổng sản phẩm của tỉnh bình quân hằng năm từ 9% trở lên. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 10 triệu USD/năm. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 60% mức chi thường xuyên của tỉnh. Bảo đảm ổn định về lương thực; phấn đấu đạt trên 24,8 vạn tấn lương thực, trong đó lúa và ngô là 23,5 vạn tấn. Giảm số hộ đói nghèo xuống dưới 5%. Giảm số người mắc bệnh bướu cổ xuống dưới 10%, thanh toán bệnh bại liệt, bệnh phong, bệnh sốt rét...

Đó là những nhiệm vụ hết sức nặng nề và khó khăn, đòi hỏi nhân dân và đảng bộ Tuyên quang chúng tôi phải phát huy tốt những truyền thống và kinh nghiệm đã có, nêu cao tinh thần đoàn kết thống nhất, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng quê hương đất nước. Đặc biệt, đảng bộ phải phấn đấu vươn lên để ngày càng xứng đáng với vai trò và trọng trách lãnh đạo mà nhân dân giao phó □

THAM NHƯNG VÀ CHỐNG THAM NHƯNG Ở NƯỚC TA

VŨ XUÂN KIỀU

THAM nhũng, theo từ điển tiếng Việt, là "lợi dụng quyền hành để nhũng nhiễu dân và lấy của" (1). Tham nhũng là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử.

Dưới chế độ phong kiến, đất đai, tài nguyên thiên nhiên và mọi của cải vật chất của xã hội đều thuộc về nhà vua. Nhà nước phong kiến là nhà nước của vua, do vua và vì vua, cho nên tham nhũng là tất yếu. Bọn quan chức phong kiến từ trên xuống dưới đều là một lũ "mọt dân", đàn áp, bóc lột, vơ vét của dân. Đó là bản chất vốn có của bọn quan lại phong kiến. Ông cha ta đúc kết "cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan".

Nhà nước tư sản tuy có tiến bộ hơn nhưng về bản chất nó vẫn là nhà nước của giai cấp tư sản, do giai cấp tư sản và vì lợi ích của giai cấp tư sản. Tình trạng quan liêu tham nhũng của bộ máy nhà nước tư sản diễn ra không thô bạo, trắng trợn như nhà nước phong kiến, nhưng thủ đoạn và kỹ năng, kỹ xảo của nó thì tinh vi hơn; quy mô mức độ tham nhũng không hề thua kém các nhà nước trước đó. Gần đây, do sức ép đấu tranh của quần chúng, các nước như Mỹ, I-ta-li-a, Nhật bản, Hàn quốc... đã phanh phui một số vụ tham nhũng bắt nguồn từ những nhân vật chớp bu. Tuy nhiên, do bản chất của nhà nước tư sản với bộ máy quan liêu bao gồm các quan chức luôn chạy theo danh vọng, chạy theo đồng tiền, tham lam, vì kỷ nên tình trạng tham nhũng ở các nước này chỉ có thể giảm bớt một phần chứ không thể chấm dứt được.

Bản chất của Nhà nước ta khác hẳn với bản chất của nhà nước phong kiến, tư sản. Vị cơ sở kinh tế của Nhà nước ta là dựa trên chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Nhân dân lao động từ địa vị làm thuê trở thành người làm chủ đích thực các tư liệu sản xuất, và mọi của cải vật chất của xã hội. Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và

vì lợi ích của nhân dân mà phục vụ. Bởi vậy, ngay từ những ngày đầu lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khuyên bảo cán bộ, đảng viên làm việc trong bộ máy chính quyền các cấp là : "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật" (2). Người nhấn mạnh : Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư là bản chất không thể thiếu được đối với bất cứ người nào làm trong bộ máy của đảng và nhà nước.

Tuy nhiên, ở nước ta bệnh tham ô, lãng phí đã len lỏi vào bộ máy của đảng và nhà nước ngay từ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Và cũng chính từ trong thời kỳ này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề chống tham ô, lãng phí như một nhiệm vụ cấp bách để làm trong sạch đội ngũ cán bộ đảng và nhà nước. Người nói : "Tham ô, lãng phí, quan liêu dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân phong kiến, là một thứ giặc trong lòng", "giặc nội xâm". Tham nhũng đã gây nên những hậu quả khôn lường cả về mặt kinh tế, chính trị và xã hội. "Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính... Mà những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phi phạm sức lực, tiêu hao của cải của chính phủ và của nhân dân. Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi vi phạm gian, mật thám" (3). Vì lẽ đó chống tham ô, lãng phí, quan liêu cũng

(1) Từ điển tiếng Việt, Nxb Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà nội, 1992, tr 895

(2) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 36

(3) Hồ Chí Minh : Sdd, t 6, tr 256

quan trọng, khẩn trương như đánh giặc ngoài mặt trận.

Những tư tưởng về chống tham ô, lãng phí của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nêu ra cách đây hơn 40 năm. Liên hệ với tình hình thực tế tham nhũng đang diễn ra ở nước ta hiện nay, chúng ta càng thấy những lời dạy của Người là hết sức sáng suốt, mang tầm chiến lược và có giá trị thực tiễn vô cùng sâu sắc.

Tình hình tham nhũng ở nước ta hiện nay đang diễn ra ở cả chiều rộng lẫn chiều sâu và sức công phá của nó không phải chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế mà cả chính trị, xã hội. Và "... trên phương diện đối nội tình trạng tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy nhà nước là nguy cơ lớn nhất đe dọa mọi thành quả cách mạng của chúng ta" (4).

Trong những năm qua, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chủ trương, nghị quyết về chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực, nhưng nhìn chung tình hình vẫn chưa suy giảm. Trong dự thảo *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng có đoạn viết: "Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, đảng và đoàn thể, nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu và cả trong hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật... nghiêm trọng kéo dài" (5).

Vậy nguyên nhân nào khiến cho tình trạng tham nhũng ngày càng lún sâu và trở thành thách thức đối với Đảng và Nhà nước ta?

Có thể có nhiều nguyên nhân, song *nguyên nhân thứ nhất*, nguyên nhân sâu xa là xuất phát từ chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, từ sự thoái hóa, biến chất của một số cán bộ, đảng viên. Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" viết vào tháng 10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Bệnh tham lam - những người mắc phải bệnh này thì đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, do đó mà chỉ "tự tư tự lợi". Dừng của công làm việc tư. Dựa vào thế lực của Đảng để theo đuổi mục đích riêng của mình.

Sinh hoạt xa hoa, tiêu xài bừa bãi. Tiền bạc đó ở đâu ra? Không xoay của Đảng thì xoay của đồng bào. Thậm chí làm chợ đen

buôn lậu. Không sợ mất thanh danh của Đảng, không sợ mất danh giá của mình" (6).

Trong điều kiện đảng cầm quyền, nhà nước quản lý, nếu cán bộ, đảng viên nằm trong bộ máy nhà nước mà nghiêm minh, trong sạch, toàn tâm, toàn ý vì lợi ích của nhân dân, thì dù trong cơ chế thị trường chẳng nữa, tình trạng tham nhũng, tiêu cực cũng khó có thể xảy ra một cách đáng buồn như hiện nay.

Nguyên nhân thứ hai là kỷ cương phép nước chưa nghiêm, những hành vi lộng quyền, tham nhũng của một số cán bộ, đảng viên chưa được xử lý kỷ luật và trừng trị kịp thời, thích đáng. Từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, chúng ta còn thiếu nhiều bộ luật cần thiết cho việc quản lý đất nước là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng xảy ra ở nhiều nước trên thế giới không hoàn toàn do các nước này thiếu những luật lệ quy định. Và sự không tôn trọng pháp luật, coi thường kỷ cương phép nước và tham nhũng, tiêu cực ở các nước này bao giờ cũng bắt nguồn từ các quan chức nhà nước, từ các nhân vật chóp bu (hoặc trực tiếp, hoặc đồng lõa).

Ở nước ta, tệ tham nhũng cũng bắt nguồn từ sự thoái hóa biến chất của một số cán bộ có chức, có quyền và một số người làm công vụ trong bộ máy của đảng và nhà nước. Họ trực tiếp chiếm đoạt tài sản của nhân dân làm của riêng mình hoặc dung túng, tiếp tay, làm ngơ cho con cháu, người thân làm trong bộ máy nhà nước hoặc lợi dụng bộ máy nhà nước... làm ăn phi pháp. Khi bọn này bị sa lưới pháp luật thì có người lại ra tay bao che, ô dù bảo lãnh để bọn chúng thoát tội hoặc giảm nhẹ tội. Mặc dù Đảng và Nhà nước đã có nhiều văn bản tố thái độ kiên quyết ngăn chặn, trừng trị thích đáng bọn tham nhũng, buôn lậu, bọn làm ăn phi pháp, nhưng thực tế, câu hỏi ai tham nhũng và ai là người chống tham nhũng vẫn chưa phân biệt rõ ranh giới và chưa có câu giải đáp rõ ràng. Một số cơ quan chức năng,

(4) Bài phát biểu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa IX, báo *Nhân dân* số ra ngày 13-3-1996

(5) *Tạp chí Cộng sản*, số 8 (tháng 4-1996), tr 8

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 470

khi đi chống tham nhũng ở cơ quan khác thì bề ngoài tỏ ra rất hăng hái nhưng những hiện tượng tiêu cực xảy ra ở chính cơ quan mình thì lại làm ngơ hoặc bao che, ngấp ngừng khó xử. Một số cơ quan gọi là mầu mực "cầm cân nảy mực" thì cũng lao vào kinh doanh, dùng vốn và tài sản của nhà nước để làm lợi cho cá nhân, trốn thuế, lậu thuế, thậm chí còn bao che, tiếp tay cho bọn gian thương trong và ngoài nước làm ăn phi pháp. Tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi" như vậy làm sao có thể nói đến lập lại kỷ cương phép nước. Đây chính là nguyên nhân trực tiếp làm cho căn bệnh tham nhũng vốn đã trầm trọng lại càng trầm trọng thêm.

Nguyên nhân thứ ba là công tác tổ chức cán bộ tách rời công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nhận định : "Những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong công tác *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng" (7). Qua mười năm tiến hành đổi mới, công tác tổ chức cán bộ tuy có thu được một số kết quả đáng kể, nhưng nhìn chung cho đến nay vẫn đề nhận thức về mối quan hệ giữa nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn với việc giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng cho những người làm công vụ trong bộ máy của đảng và nhà nước chưa được chú ý đúng mức, và chưa có sự gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong một chừng mực nhất định có thể nói là chúng ta đã buông lỏng, hoặc lẩn tránh khi nói đến giáo dục lý tưởng vì Tổ quốc, vì nhân dân mà phục vụ. Có người còn cho rằng trong cơ chế thị trường mà nói đến lý tưởng, đến hy sinh là cổ hủ. Khuynh hướng cơ hội, vụ lợi, chạy theo chức quyền, chạy theo đồng tiền đang là chất xúc tác cho tệ tham nhũng, lối sống thực dụng và các tệ nạn xã hội khác cộng hưởng với nhau phá hoại truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Tìm ra nguyên nhân như thầy thuốc bắt mạch tìm đúng căn bệnh. Đây chính là cơ sở để có thể đưa ra những giải pháp chống tham nhũng mang tính khả thi :

1 - Trước hết cần chỉ rõ bản chất của tham nhũng là tham lam, vụ lợi và những nhiều, hạch sách ; là hành vi chiếm đoạt tài sản của công làm của riêng mình. Vì vậy, để chống tham nhũng một cách toàn diện và

triệt để, *phải dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân*. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : Phải : "*phát động tư tưởng của quần chúng*, làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu ; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp" (8). Để làm việc này quần chúng không thể tự phát mà phải có sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Thực tế cho thấy, nếu chỉ hô hào chung chung là mọi ngành, mọi cấp, mọi người phải tham gia chống tham nhũng thì không khó, nhưng khi đi vào cụ thể vạch mặt, chỉ tên những kẻ tham nhũng thì lại là việc hết sức khó khăn, ít ai xung trận.

Theo kinh nghiệm của một số nước, những người khởi xướng và thực hiện một cách kiên quyết chương trình chống tham nhũng, trước hết phải là những cán bộ chủ chốt anh minh, trong sạch trong các cấp lãnh đạo. Cũng như người chỉ huy trên mặt trận, muốn các chiến sĩ xông lên trước bom đạn kẻ thù thì bản thân họ phải xông lên trước. Muốn phát động tư tưởng quần chúng, lôi kéo quần chúng vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng và tiêu cực thì bản thân và gia đình cán bộ, đảng viên (nhất là cán bộ lãnh đạo) phải thật sự gương mẫu, liêm khiết, trung thực.

Cán bộ, đảng viên gương mẫu đi đầu sẽ tạo niềm tin lôi kéo quần chúng tự giác tham gia, và như vậy thì dù những kẻ tham nhũng có mưu mô, xảo quyệt như thế nào chăng nữa cũng không thể thoát khỏi mạng lưới của pháp luật.

2 - *Xiết chặt kỷ cương phép nước, xử lý kịp thời thích đáng những kẻ tham nhũng*. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng, ban hành và hoàn thiện nhiều bộ luật và các văn bản dưới luật làm cơ sở pháp lý cho việc đấu tranh chống tham nhũng và tiêu cực trong xã hội. Tuy nhiên, để có thể chặn đứng tệ nạn này, Nhà nước cần sớm ban hành và hoàn

(7) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr 213

(8) Hồ Chí Minh : *Thực hành tiết kiệm, và chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tr 44

thiện các bộ Luật hành chính ; Luật chống tham nhũng, tiêu cực và tệ nạn xã hội ; Luật công khai hóa tài sản ; nhanh chóng cụ thể hóa Luật ngân sách... Có biện pháp kiên quyết tách tất cả các tổ chức kinh doanh ra khỏi cơ quan Đảng và Nhà nước. Ngăn chặn tình trạng sử dụng kinh phí hành chính và tài sản của cơ quan Đảng và Nhà nước làm vốn kinh doanh, trốn thuế, lậu thuế để thu lợi riêng cho đơn vị và cá nhân.

Nhà nước đã ban hành Bộ Luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là hai bộ luật cơ bản tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý các tranh chấp dân sự. Để cho hai bộ luật này (cũng như các bộ luật khác đã ban hành) thực sự đi vào cuộc sống, cần tổ chức cho nhân dân học tập và đẩy mạnh công tác tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng trong nhân dân. Cán bộ, đảng viên và nhân dân có nắm được những điều căn bản trong luật thì họ mới có thể đấu tranh chống lại những hành vi làm trái pháp luật.

Các ngành chức năng cần phối hợp chặt chẽ với nhau thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội VII của Đảng : "Xử nghiêm những vụ tham nhũng, những vụ vi phạm pháp luật đã được phát hiện, tội trạng đã rõ đến đâu thì xử lý đến đó, không chần chờ. Mọi hành vi gây tổn hại đến lợi ích của nhân dân và của xã hội đều phải được xem là tội ác, phải được xử lý nghiêm khắc theo luật pháp nhà nước không miễn trừ bất kỳ ai" (9).

Việc điều tra, truy tố và xét xử kịp thời, nghiêm minh với những hình phạt thích đáng cũng chính là một biện pháp quan trọng để cải tạo, giáo dục, phòng ngừa tội phạm và những kẻ đang có chủ tâm dấn thân vào con đường làm ăn phi pháp, tham nhũng, đồi trụy.

3 - Chấn chỉnh công tác tổ chức cán bộ gắn liền với việc giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng. Nói đến công tác tổ chức cán bộ là nói đến chế độ giáo dục, đào tạo và sử dụng con người trong bộ máy của đảng và nhà nước. Để thực hiện nghiêm túc vấn đề này phải có sự đánh giá khách quan đội ngũ cán bộ, nhân viên hiện đang làm việc trong các cơ quan của đảng và nhà nước. Xây dựng một quy chế đánh giá thật sự khoa học, dân chủ, công khai và đối thoại ; phải xem xét toàn diện cả quá khứ,

hiện tại và tương lai (khả năng phát triển) của mỗi cán bộ (nhất là cán bộ cao cấp). Trên cơ sở đánh giá, phân loại cán bộ mà sắp xếp lại bộ máy tổ chức sao cho gọn nhẹ và có hiệu lực. Kiên quyết gạt bỏ những phần tử cơ hội, tham nhũng, thoái hóa biến chất ra khỏi bộ máy của đảng và nhà nước. Đồng thời có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cả về nghiệp vụ chuyên môn và phẩm chất đạo đức cho từng đối tượng cán bộ, nhân viên các cấp.

Vấn đề đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn phải gắn liền với giáo dục tinh thần hy sinh quên mình, vì lợi ích của nhân dân mà phục vụ. Kinh nghiệm của Xin-ga-po cho thấy, Chính phủ và Đảng hành động nhân dân rất chú ý quản lý chặt chẽ các thành viên trong bộ máy nhà nước. Cụ thể tướng Lý Quang Diệu từng nói rằng : "Để làm một nhân viên, công vụ, anh phải có tinh thần cống hiến ; nếu anh muốn kiếm tiền thì hãy đi buôn. Nếu ai làm mất thanh danh của đảng ta thì người đó sẽ bị nghiêm trị, nếu không, đảng sẽ bị tan vỡ" (10). Việc giáo dục lý tưởng và đức hy sinh quên mình cho cán bộ, đảng viên là vấn đề hàng đầu phải được đặc biệt coi trọng. Chúng ta bác bỏ quan niệm cho rằng, trong cơ chế thị trường mà nói đến lý tưởng, đến hy sinh là điều cổ hủ, duy ý chí. Bất cứ người nào, dù làm cán bộ to hay nhỏ mà chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, ích kỷ, vụ lợi (chứ chưa nói đến tham nhũng, hủ bại...) cũng chỉ là phường "giả áo túi cơm", không xứng đáng đứng trong bộ máy của đảng và nhà nước.

Lối sống thực dụng và xu hướng chạy theo đồng tiền đang như cơn lốc cuốn hút những phần tử cơ hội hám danh, hám lợi... chui vào bộ máy của đảng và nhà nước, đó cũng là tác nhân dẫn đến tệ tham nhũng nghiêm trọng hiện nay. Nếu không có một đội ngũ cán bộ, đảng viên trung thành với lý tưởng, dám chịu đựng gian khổ hy sinh, vì lợi ích của Đảng, của nhân dân mà phục vụ, thì rõ ràng đó là nguy cơ lớn nhất của một đảng cầm quyền □

(9) Đảng cộng sản Việt nam : Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 145

(10) Tạp chí Cộng sản, số 10 - 1993, tr 59

Cái Khó của sự trong sạch

VU LAN

TRƯỚC khi vào buổi làm việc, tôi nửa đùa nửa thật nói với đồng chí chủ tịch UBND tỉnh : có người nói "lính ủy ban hơn quan bên đảng". Cái nghề của chúng tôi thường đi theo "ngạch" các ban đảng, ít khi được làm khách của ủy ban. Hôm nay rất vinh hạnh được "quan" của ủy ban tiếp chứ không phải : "lính" ủy ban, chắc là có nhiều điều thú vị lắm đây !

Anh vỗ vai tôi thân mật : Ở tỉnh chúng tôi, khách của tỉnh ủy hay của ủy ban đều như nhau. Có điều phải phân công rõ ràng, khách nào thì ủy ban tiếp, khách nào thì tỉnh ủy tiếp cho tiện công việc. Mà các anh cũng nên dành thời gian nghe chúng tôi chút ít chứ. Tôi thì lại đang muốn làm chuyên viên bình thường của một ban đảng còn chưa được đây !

Biết mình đã "bấm trúng huyệt" của chủ tịch, tôi "kích" thêm : Anh nói nghe lạ quá. Chả mấy người đang đường đường là một chủ tịch tỉnh, quyền cao chức trọng lại ao ước làm một chuyên viên ban đảng.

Anh quả quyết và hẹn tôi : Được rồi, để tối nay, nếu ông không có chương trình gì khác, sang chỗ tôi, chúng ta cùng trò chuyện.

Và tối đó, bỏ xem văn nghệ, tôi sang chỗ anh. Chúng tôi ngồi trên ban công tầng 2 nhìn xuống một dãy đồi thoải thoải, vừa uống nước chè vừa trò chuyện. Câu đầu tiên anh hỏi tôi : Ông có biết cái khó nhất của chủ tịch một tỉnh hiện nay là gì không ? Tôi trả lời : là đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, là làm sao có vốn để đầu tư phát triển, là đầu ra của sản phẩm hàng hóa, là giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, là vấn đề dân chủ và công bằng xã hội, v.v... Anh lắc đầu : Những điều mà ông nêu ra là khó khăn chung của nhiều địa phương chứ không phải là cái khó riêng của chủ tịch. Theo tôi, cái khó nhất đối với tất cả các chủ tịch

tỉnh và những người nắm chức, nắm quyền, nắm tiền, nắm hàng là làm sao *giữ được sự trong sạch* trong cơ chế thị trường. Đây ông xem, vấn đề chống tham nhũng của ta đạt kết quả chưa cao là do đâu ? Ai tham nhũng và ai chống được tham nhũng ? Tất cả đều là cán bộ có chức có quyền. Dân có tham nhũng đâu, mà họ có muốn cũng không tham nhũng được. Có mấy cán bộ lãnh đạo bị xử lý kỷ luật, bị truy tố là do bất tài hay kém năng lực đâu, mà hầu hết là do bị tha hóa về phẩm chất đạo đức. Cụ Hồ thường căn dặn là phải luôn Cần, Kiệm, Liêm, Chính, chí công, vô tư. Theo tôi cán bộ ta cứ nhớ và làm được đúng như 8 chữ Cụ dạy thì chắc không ai bị cách chức, bị kỷ luật đâu.

Trầm ngâm một lát rồi đồng chí chủ tịch nói tiếp : Đúng là giữ cho được sự trong sạch quả là khó. Thí dụ :

- Không biết từ lúc nào ở nước ta nảy sinh ra cơ chế *xin* và *cho*. Trước đây, "thời bao cấp" xin 10 là được cả 10, không bị hao hụt phần nào và cũng không phải đi lại nhiều. Mấy năm nay đi lại dăm lần, bảy lượt để xin nhưng nhiều khi vẫn không được. Mà có xin được 10 thì chỉ đem về được 9, 8 hoặc 7 bởi vì người đi xin phải chi trước, hoặc sau đó phải "lại quả" cho người có quyền *cho* và người môi giới. Có chấp nhận "cơ chế xin và cho" đó thì mới có được tiền, được của về cho tỉnh, tạo được cơ sở vật chất và công ăn việc làm cho người lao động. Nhưng như thế nghĩa là phải chấp nhận "luật chơi", nếu không chấp nhận thì "hãy đợi đấy" và tỉnh sẽ không được gì, còn bản thân anh thì mang tiếng là "kém năng động". Nhiều vị đã phải tính đến "bài toán kinh tế" : thả mất 1 hoặc 2, thậm chí có phải "lại quả" nhiều hơn cũng chấp nhận vì còn hơn là không được gì.

- Trong cơ chế thị trường hiện nay, đồng tiền có sức mạnh chi phối mãnh

liệt mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và cái "luật bất thành văn" đó vẫn cứ được thực hiện. Ký kết một hợp đồng kinh tế : có phong bì ; chấp thuận một dự án đầu tư : anh có phần hậu hĩnh ; tiêu thụ được một lượng hàng lớn : anh được trả công thỏa đáng ; liên hệ tìm được việc làm cho một công ty xây dựng : anh được hưởng số phần trăm "lại quả" của bên B v.v.. Chữ ký của anh thật có giá vì ký ra tiền ra bạc. Và không phải chỉ có anh, dưới anh là đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ đều có phần của mình cả. Vì vậy, chỉ cần một lúc quên chữ *thanh liêm* tức khắc anh bị mua chuộc và cán bộ dưới quyền anh cũng làm theo. Dần dần, không cưỡng nổi sức hút của đồng tiền và quyền lực, anh sẽ tự đánh mất mình và mất cả cán bộ dưới quyền mình.

- Với mức lương trên dưới một triệu đồng/tháng của cấp chủ tịch tỉnh như tôi hiện nay thì giới làm cũng chỉ đủ nuôi sống bản thân và một phần cho gia đình. Như thế là nghèo. Đã nghèo thì bị vợ, con kêu ca phàn nàn đủ thứ. Cái sức ép của gia đình không nhỏ đâu, nó ghê gớm lắm. Mà cũng không thể trách vợ, con mình được, bởi vì cũng là cán bộ, nhưng hiện nay có những người có chức, có quyền ở nhiều nơi, nhiều cấp, nhiều ngành họ "phất" lên nhanh chóng. Họ có nhà lầu, trang trại, phương tiện sinh hoạt đắt tiền. Nhiều người có tới mấy dinh cơ, chưa nói đến cửa chim của nỏ, mang tên người này, núp danh người khác. Con cái họ thì ăn diện ngất trời, muốn gì có nấy, thay xe máy như thay quần áo và "coi trời bằng vung". Dù có biện bạch thế nào đi nữa thì loại cán bộ như thế cũng *thiếu sự trong sạch* rồi. Ấy vậy mà họ vẫn nhớn nhác. Cái khó đối với những anh muốn giữ cho mình trong sạch là ở chỗ ấy.

Qua buổi trò chuyện với đồng chí chủ tịch tỉnh, tôi thấy những điều anh nói đều có lý. Đúng là khó thật ! Trước đây giữ cho mình trong sạch đã khó. Ngày nay, trong cơ chế thị trường với bao sự cám dỗ, giữ cho mình trong sạch lại càng khó hơn. Khó, nhưng nếu có ý thức giữ gìn và quyết tâm giữ gìn thì vẫn được. Trong cuộc sống thiếu gì những gương như thế □



HỘI NGHỊ CÔNG TÁC VIÊN VÀ BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CÔNG SẢN Ở CÁC TỈNH BẮC TRUNG BỘ



NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 106 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và trong không khí toàn đảng, toàn dân ta sôi nổi thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội VIII của Đảng, vừa qua tại thị xã Cửa Lò (Nghệ an), Bộ biên tập Tạp chí công sản cùng tỉnh ủy Nghệ an phối hợp tổ chức Hội nghị công tác viên và bạn đọc Tạp chí của Đảng ở khu vực Bắc Trung bộ.

Đến dự Hội nghị có các đồng chí : Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Công sản ; Nguyễn Bá, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ an ; Đặng Duy Bái, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh ; Đỗ Hữu Thích, Ủy viên ban thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh hóa ; Lê Tùng, Ủy viên ban thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh ; Trương Công Anh, Ủy viên ban thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo tỉnh Nghệ an và một số đồng chí tỉnh ủy viên tỉnh Nghệ an ; thường vụ thành ủy Vinh ; các đồng chí bí thư và trưởng ban tuyên giáo các huyện Nam đàn, Nghi lộc, Hưng nguyên, Yên thành, Diễn châu, Quỳnh lưu, thị xã Cửa Lò, bí thư đảng ủy trường đại học Vinh, Giám đốc khu di tích Kim liên, đại diện Sở giáo dục đào tạo, Hội cựu chiến binh tỉnh... (Nghệ an) ; các đồng chí bí thư huyện ủy các huyện Thạch hà, Nghi xuân, thị xã Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) ; các đồng chí lãnh đạo và cán bộ Ban tuyên giáo, Ban giám đốc trường chính trị tỉnh, Ban giám đốc Sở bưu điện các tỉnh Thanh hóa, Nghệ an, Hà Tĩnh ; một số cán bộ của Bộ biên tập Tạp chí Công sản. Các đồng chí đại diện thường trú báo Nhân dân, Việt nam thông tấn xã tại Nghệ an, Ban giám đốc đài

phát thanh, truyền hình Nghệ an và Tổng biên tập báo Nghệ an... cũng tham gia Hội nghị.

Sau phát biểu mở đầu của đồng chí Nguyễn Bá, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã điểm lại một số nét chính trong hoạt động của Tạp chí Công sản thời gian qua và phương hướng nội dung của Tạp chí trong thời gian tới, nêu vấn đề đề các đại biểu thảo luận, góp ý kiến phê bình Tạp chí.

Đồng chí Nguyễn Bá nhận xét : "Mười năm qua, trong tiến trình đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng, báo chí nước ta đã có bước khởi sắc. Các cơ quan thông tin đại chúng đã nhạy bén, sáng tạo, tự đổi mới cả về nội dung và hình thức, góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới của Đảng. Tạp chí Công sản là một điển hình như thế. Tạp chí luôn luôn thể hiện chuẩn mực về tính định hướng tư tưởng của Đảng trên các lĩnh vực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tạp chí đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc thể hiện đường lối đổi mới của Đảng, là người đồng chí, người bạn thân thiết không thể thiếu của các cấp ủy, chính quyền, của đồng đảo cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, Tạp chí Công sản đã góp phần tích cực và đi đầu trong việc bảo vệ những quan điểm, đường lối của Đảng, định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái, phủ nhận, xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những luận điệu phủ nhận thành quả cách mạng. Mười năm qua, Tạp chí có nhiều bài viết sinh động, thuyết

phục, có tính chiến đấu cao. Nhiều chuyên mục phong phú, hấp dẫn, để lại ấn tượng tốt như : *Nghiên cứu - Trao đổi, Thực tiễn - Kinh nghiệm, Sinh hoạt tư tưởng, Thế giới: Vấn đề, sự kiện v.v..* Số bài viết của cộng tác viên chiếm một tỷ lệ thỏa đáng. Nhiều kinh nghiệm phong phú, bổ ích của các ngành, địa phương, cơ sở được phản ánh đậm nét. Những năm qua, Tạp chí không ngừng cải tiến về nội dung và hình thức nhưng vẫn giữ được chuẩn mực của một cơ quan lý luận và chính trị của Đảng.

Tuy một năm qua, Tạp chí ra 2 kỳ một tháng nhưng ở Nghệ an số lượng Tạp chí Cộng sản được phát hành vẫn không ngừng tăng, đến quý II/1996 là 1 650 cuốn/kỳ. Các cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên ở Nghệ an coi Tạp chí Cộng sản là điểm tựa tin cậy về chính trị tư tưởng, là người hướng dẫn về phương pháp luận trong quá trình nghiên cứu, học tập, chỉ đạo thực tiễn. Tăng cường mối quan hệ, gắn bó hơn nữa giữa Tạp chí Cộng sản với bạn đọc, trước hết là với các cấp ủy đảng ở địa phương là một việc rất quan trọng, cần thiết và bổ ích. Về phía tỉnh ủy Nghệ an, tuy đã quan tâm chỉ đạo, có chế độ chính sách để đưa báo chí của Đảng, trong đó có Tạp chí Cộng sản, đến với bạn đọc, đặc biệt là ở vùng núi, vùng dân tộc, vùng công giáo, nhưng chúng tôi cũng cần bổ sung quy chế, quy định để việc phát hành và sử dụng Tạp chí Cộng sản được rộng rãi và có hiệu quả hơn nữa. Qua hội nghị này, chúng tôi học tập các tỉnh bạn, rút kinh nghiệm để làm tốt hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình đối với Tạp chí lý luận của Đảng.

Trong điều kiện thông tin đa dạng, phong phú hiện nay, Tạp chí Cộng sản một mặt cần xác định rõ đối tượng bạn đọc cơ bản của mình, mặt khác cần nghiên cứu để mở rộng đến các đối tượng khác trong xã hội. Tăng cường mối quan hệ, hợp tác, gắn bó giữa Tạp chí với cấp ủy đảng địa phương, nhất là trong việc tổng kết thực tiễn các mô hình, điển hình, rút ra bài học kinh nghiệm, là việc làm rất cần thiết và bổ ích trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Những cuộc hội nghị như thế này cần được quan tâm tổ chức thường xuyên hơn nữa, góp phần gắn bó giữa Tạp chí lý luận của Đảng với các tỉnh, huyện và cơ sở trên các vùng đất nước".

Đồng chí **Đặng Duy Bái** khẳng định : "Trong thời gian qua, nhất là từ khi ra 2 kỳ một tháng, Tạp chí Cộng sản đã có bước đổi mới cả về nội dung về hình thức theo chiều hướng tích cực, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công tác lý luận, chính trị của Đảng, tuyên truyền, giáo dục một cách có cơ sở lý luận về thực tiễn các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng đảng v.v." Đồng chí đề nghị Tạp chí

cần tăng cường hơn nữa việc nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn để góp phần làm rõ hơn những mô hình tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, và tăng thêm lượng bài viết cho các mô hình đó. Tạp chí cũng cần đăng những bài có tính chất tư liệu, thêm các tranh, ảnh minh họa phù hợp để thêm phần hấp dẫn, đồng thời mở thêm các hình thức tuyên truyền khác.

Đồng chí **Đỗ Hữu Thích** nhận xét : "Tạp chí Cộng sản là cầu nối quan trọng giữa lý luận và thực tiễn, giữa khoa học và cuộc sống. Sự hấp dẫn của Tạp chí trước hết là ở nội dung phong phú, sinh động trên hầu hết các lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa đến những vấn đề dân tộc, tôn giáo... mà người đọc có thể tìm ở đó sự lý giải khoa học xác đáng. Sự định hướng chính trị và tính trí tuệ cao chính là thành công và làm nên sự hấp dẫn của Tạp chí." Đồng chí hoan nghênh Tạp chí đã cùng tỉnh Thanh hóa tổng kết mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước, cụ thể là Công ty mía đường Lam sơn. Từ mô hình này, Thanh hóa đang nhân rộng ra các doanh nghiệp nhà nước khác trên địa bàn của mình, đặc biệt là trên các lĩnh vực sản xuất, chế biến nông - lâm - hải sản. Tạp chí Cộng sản đã giúp Thanh hóa có thêm cơ sở khoa học và thực tiễn để thực hiện nghị quyết của Trung ương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong lúc các loại hình hợp tác xã đang có nhiều lúng túng trong việc xác định vị trí, vai trò và hướng phát triển thì gần đây Tạp chí Cộng sản lại cùng tỉnh Thanh hóa tổ chức hội thảo về đổi mới mô hình hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn Thanh hóa. Hội nghị này đã giúp Thanh hóa rút ra được những kết luận và những giải pháp cấp bách là : xác định các hình thức hợp tác xã và bước đi thích hợp, gấp rút nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng và vai trò quản lý của chính quyền ở cơ sở... Đồng chí cho biết : "Những bài viết về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh được đăng trong Tạp chí vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn, tính thuyết phục. Những bài viết này giúp chúng tôi nâng cao nhận thức, trình độ lý luận để chống lại những quan điểm sai trái. Ở Thanh hóa, bản tin nội bộ của Ban tuyên giáo tỉnh ủy (ra hàng tháng) cũng như các kỳ họp báo cáo viên, đã chọn nhiều bài quan trọng trong Tạp chí để định hướng tư tưởng và làm tài liệu sinh hoạt cho các chi bộ trong toàn tỉnh." Đồng chí khẳng định những hình thức phối hợp giữa Tạp chí Cộng sản và các địa phương như trên là rất cần thiết, bổ ích, cần được duy trì mở rộng.

Các đồng chí lãnh đạo thành ủy Vinh, Bí thư đảng ủy đại học Vinh, Giám đốc khu di tích Kim liên, Giám đốc Sở bưu điện Thanh hóa, Giám đốc trường chính trị Hà Tĩnh, Bí thư các huyện Thạch hà, Nam Đàn, thị xã Hồng Lĩnh... đã

đóng góp nhiều ý kiến quý báu xây dựng Tạp chí. Có thể tóm tắt các ý kiến đó trên một số mặt chủ yếu sau đây :

- Về nội dung, chất lượng Tạp chí. Các đại biểu đều nhất trí với các ý kiến nêu trên và nhấn mạnh thêm : Mấy năm qua, Tạp chí đã có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức, từng bước đáp ứng yêu cầu của bạn đọc. Kể từ khi Tạp chí ra 2 kỳ một tháng, chất lượng Tạp chí vẫn được bảo đảm, có mặt còn tiến bộ rõ rệt. Tạp chí Cộng sản xứng đáng là Tạp chí "hàng đầu về tư tưởng, lý luận" ở nước ta hiện nay. Một số đại biểu coi Tạp chí là "sách gối đầu giường", là "cuốn sách giáo khoa", là "người thầy trong lĩnh vực lý luận", "người đồng chí, người bạn gần gũi và thân thiết" v.v.. Đồng chí Trưởng ban tuyên giáo huyện Nghi Lộc (Nghệ an) nhấn mạnh : "Tạp chí Cộng sản đã thực sự trở thành người thầy tin cậy, người bạn chí cốt, không thể thiếu được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn". Thành công của Tạp chí trong mấy năm đổi mới vừa qua là ở chỗ bám sát thực tiễn cuộc sống, đi vào những vấn đề lý luận và thực tiễn cần tháo gỡ, phân tích lý giải khoa học, có tính trí tuệ. Gần đây một loạt bài viết về định hướng xã hội chủ nghĩa, về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đổi mới hợp tác xã, về định hướng văn hóa và giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc, xây dựng mô hình làng văn hóa... được nhiều bạn đọc hoan nghênh là vì nó định hướng kịp thời và có tác dụng chỉ đạo thực tiễn ở địa phương, cơ sở.

Nhiều đại biểu đề nghị Tạp chí cần tăng bài trong mục *Thực tiễn - Kinh nghiệm*, lý giải những vấn đề đang còn vướng mắc như đổi mới hợp tác xã, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn, miền núi, cổ phần hóa doanh nghiệp, kinh nghiệm đi lên của các nước xung quanh v.v.. Một số đại biểu đề nghị Tạp chí có bài về vị trí, vai trò của cấp huyện trong tình hình hiện nay.

- Về các chuyên mục trên Tạp chí : Nhiều đại biểu cho rằng đề như hiện nay là hợp lý. Các chuyên mục được bạn đọc quan tâm là : *Nghiên cứu - Trao đổi, Thực tiễn - Kinh nghiệm, Sinh hoạt tư tưởng, Qua sách báo nước ngoài, Tìm hiểu khái niệm...* Một số ý kiến đề nghị tăng lượng bài cho các mục *Thực tiễn - Kinh nghiệm, Sinh hoạt tư tưởng, Tìm hiểu khái niệm...* Có ý kiến đề nghị mở thêm mục : *Rèn luyện tư cách đảng viên*. Cũng có ý kiến đề nghị nên có sự cân đối số trang cho các chuyên mục.

- Về đối tượng của Tạp chí : Các ý kiến đều thống nhất cho rằng đối tượng chủ yếu của Tạp chí Cộng sản phải là các cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu giảng dạy, cán bộ làm công tác tuyên giáo, tức là những người có trình độ nhất định. Cũng có thể nói đối tượng của Tạp chí là những cán bộ thuộc "kênh cấp I" trong việc chuyển tải quan điểm, tư tưởng của Đảng vào cuộc sống. Tuy nhiên, hiện nay trình độ của cán bộ, đảng viên ngày càng cao,

Tạp chí Cộng sản phải mở rộng hơn nữa đối tượng phục vụ của mình. Bộ Biên tập Tạp chí nên nghiên cứu để làm thế nào phục vụ cho tốt cả cho đối tượng có trình độ cao, và cho đối tượng ở trình độ bình thường. Nên chăng Tạp chí xuất bản 2 loại: một loại cho cán bộ có trình độ lý luận cao và một loại cho cán bộ, đảng viên bình thường. Có đồng chí đề nghị Tạp chí cần phiên âm những danh từ, khái niệm của nước ngoài ra tiếng Việt để bạn đọc dễ hiểu. Nhân đây có đại biểu kiến nghị Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với các địa phương, cơ sở khảo sát, điều tra về bạn đọc để Tạp chí có những thông tin khoa học, chính xác về bạn đọc của mình (ý kiến của Giám đốc Sở bưu điện Thanh hóa).

- Vấn đề phát hành Tạp chí Cộng sản cũng được nhiều đại biểu quan tâm và có những thông tin cụ thể bổ ích. Theo một số đồng chí lãnh đạo các sở bưu điện và ban tuyên giáo các huyện cho biết, đến nay số lượng Tạp chí Cộng sản phát hành ở khu vực này không giảm mà có phần tăng so với các năm trước, kể cả khi Tạp chí ra 2 kỳ một tháng. Tuy nhiên, khó khăn chung của các địa phương là số lượng cơ sở đảng đông, địa bàn rộng, nguồn ngân sách ở nhiều cơ sở rất eo hẹp, phương thức phát hành có những điểm chưa hợp lý cho nên việc đưa báo chí của Đảng nói chung và Tạp chí Cộng sản nói riêng còn có những hạn chế. Mặc dù các cấp ủy đảng đã quan tâm, ngành bưu điện có nhiều cố gắng, nhưng nhiều cơ sở đảng, nhiều chi bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, chưa có Tạp chí Cộng sản. Một số đồng chí nêu lên những kinh nghiệm, những sáng kiến, những điển hình tốt trong việc phát hành, giới thiệu, tuyên truyền và sử dụng Tạp chí Cộng sản. Nhiều đại biểu cho rằng, qua những hội nghị như thế này sẽ giúp các địa phương, cơ sở hiểu hơn về Tạp chí lý luận của Đảng, học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc tổ chức đọc Tạp chí của Đảng và làm cho Tạp chí Cộng sản gần bó hơn nữa với bạn đọc. Có đồng chí đề nghị : "Tạp chí Cộng sản có một đội ngũ cộng tác viên hùng hậu, tầm cỡ ; chính họ đã nổi dài cánh tay của Tạp chí. Nên chăng hàng năm Tạp chí có hình thức khen thưởng thích đáng những cộng tác viên viết cho Tạp chí những bài có chất lượng cao."

Kết thúc hội nghị, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, thay mặt Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến sâu sắc, thiết thực của các đại biểu, nhất là về những mặt còn hạn chế. Đồng chí Tổng biên tập cũng đã nêu lên một số nội dung, hướng hoạt động sắp tới của Tạp chí và mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, cộng tác ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả của các cấp ủy địa phương cũng như của các cộng tác viên và đồng đảo bạn đọc □

P.V.



MỘT SỐ MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG *

KINH tế thị trường của các nước tư bản chủ nghĩa tuy có đặc trưng cơ bản giống nhau, vì chủ yếu đều dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân, nhưng lại có nhiều mô hình khác nhau. Những mô hình đó càng khác hơn so với mô hình kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội. Để làm rõ điều này, xin nêu một số mô hình kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa tư bản và mô hình kinh tế thị trường ở Trung quốc.

● **Mô hình kinh tế thị trường có kế hoạch của Nhật bản.** Đây là mô hình mà trong đó, có sự kết hợp chức năng điều tiết của thị trường và chức năng kế hoạch của chính phủ. Trong cơ chế này, có cạnh tranh tự do, hàng triệu doanh nghiệp lớn nhỏ tự quyết định đầu tư sản xuất kinh doanh theo tín hiệu thị trường. Tuy nhiên, tại Nhật bản, các tập đoàn lớn có thế lực kinh tế rất mạnh, có ảnh hưởng quyết định trên thị trường. Do đó cơ chế cạnh tranh tự do bị hạn chế và bị tác động bởi các tập đoàn lớn... Nhà nước áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế sự cạnh tranh độc quyền của các tập đoàn lớn, bảo vệ tự do cạnh tranh.

Vai trò điều hành của chính phủ được thực hiện bằng các kế hoạch 5 năm, 10 năm, các dự báo kinh tế hằng năm, chính sách cơ cấu sản xuất, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ. Phần lớn các chính sách và biện pháp kinh tế đều được thể hiện thành luật. Các dự báo kinh tế của chính phủ mang tính chất "chỉ đạo hành chính". Đó không phải là pháp lệnh, cũng không có căn cứ về mặt pháp luật. "Chỉ đạo hành chính" là kết quả của sự hiệp thương giữa cơ quan chính quyền và dân sự nhằm hướng dẫn và khuyến cáo các doanh nghiệp. Nói chung các doanh nghiệp đều thực hiện sự chỉ đạo hành chính, vì đằng sau cái gọi là "chỉ đạo hành chính" thường tiềm ẩn các biện pháp kinh tế nhằm thưởng phạt các doanh nghiệp.

Có thể thấy, tại Nhật bản, người lao động tận tâm với cộng đồng doanh nghiệp; chính phủ tận tâm với lợi ích cộng đồng dân tộc, ra sức bảo vệ kinh tế dân tộc, bảo vệ lợi ích quốc gia. Đó là động lực mạnh mẽ đã tạo nên cái gọi là "thần kỳ Nhật bản" nổi tiếng một thời sau chiến tranh.

● **Mô hình kinh tế thị trường xã hội của Đức:** Mục tiêu cơ bản của mô hình này là ổn định giá trị đồng tiền, ổn định tăng trưởng kinh tế, việc làm đầy đủ, cân bằng cán cân thanh toán quốc tế. Trong đó, việc ổn định giá trị đồng tiền là then chốt, vì nếu để đồng tiền mất giá, sẽ không thể chặn đứng được lạm phát, sẽ gây ảnh hưởng nguy hại đến sản xuất và toàn bộ thị trường. Chính phủ Đức thực hiện chính sách tiền tệ rất chặt chẽ, kiên quyết khống chế số lượng phát hành tiền. Đồng thời ban hành chính sách tài chính hữu hiệu. Ngân hàng trung ương Đức có tư cách độc lập với chính phủ trong việc

phát hành và khống chế đồng马克. Như vậy, cho đến nay, đồng马克 trở thành một trong số ít đồng tiền mạnh trong thế giới phương Tây.

Kinh tế thị trường xã hội Đức vừa chống độc quyền, vừa chống tự do vô chính phủ. Chính phủ có trách nhiệm tổ chức và hình thành một "trật tự kinh tế" trong đó mọi hoạt động kinh tế được tự do và mọi thành viên xã hội có thể phát huy tối đa vai trò tích cực của mình. Đó là "trật tự kinh tế thị trường xã hội". Nó vừa bảo đảm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy tiến bộ xã hội và cạnh tranh tự do của các cá nhân. Phân phối lần I (bao gồm thu nhập tiền lương và thu nhập ngoài lương như lợi tức, tiền thuê bao, lợi nhuận...) được thực hiện bằng cơ chế thị trường tùy theo hiệu quả kinh tế. Phân phối lần II (thuế thu nhập, các khoản trợ cấp và cứu tế của nhà nước, chi bảo hiểm xã hội) do chính phủ thực hiện, nhằm giảm bớt chênh lệch giàu nghèo. Chức năng chủ yếu của nhà nước trong quản lý kinh tế là đưa ra luật pháp và chính sách nhằm hạn chế độc quyền và những hoạt động cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm trật tự cạnh tranh bình thường trên thị trường, bảo vệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chú trọng lợi ích của tầng lớp trung lưu, hết sức tránh xung đột lợi ích giữa các cộng đồng xã hội.

● **Mô hình kinh tế thị trường Mỹ.** Đây là mô hình có nét đặc thù là nếu xem xét về cơ cấu sở hữu, sở hữu nhà nước rất ít, chỉ chiếm 2% giá trị sản lượng và số người làm. Trong kinh tế Mỹ, các tập đoàn tư bản lũng đoạn khổng lồ giữ vị trí chủ đạo. Năm 1982, 55 công ty lớn nhất chiếm 2/3 số công nhân viên chức, 3/4 lợi nhuận. 50 ngân hàng lớn nhất chiếm trên 60% toàn bộ vốn ngân hàng. Bên cạnh các hãng sản xuất lớn là hàng hà số doanh nghiệp nhỏ. Năm 1980, có 16,2 triệu doanh nghiệp nhỏ, có số vốn từ 100 000 USD trở xuống, số này sản xuất khoảng 40% GDP. Trong mô hình này, vai trò điều tiết của thị trường rất rộng rãi. Giá cả lên xuống tùy theo biến động của cung cầu, đồng thời giá cả tác động trở lại cung cầu. Quan hệ giá cả và cung cầu trên thị trường điều tiết hướng đầu tư tái sản xuất, điều tiết sự di chuyển sức lao động, mức tiền lương, hướng nghiệp, phương hướng sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, do sự tồn tại những tập đoàn tư bản lũng đoạn lớn với thực lực hùng mạnh, chúng lũng đoạn thị trường. Vì vậy, trên thực tế, không có cạnh tranh tự do trên thị trường Mỹ. Về phía nhà nước, chính phủ có can thiệp vào thị trường nhưng can thiệp vào mục đích bảo vệ kinh tế tư nhân, bảo vệ sự điều tiết của thị trường, giảm bớt và khắc phục những tác

* Nguồn: Tạp chí *Kinh tế thế giới*, số 10, 1993; *Nhân dân nhật báo* ngày 2-9-1993 và 31-12-1993; *Quang minh nhật báo* các số có liên quan

động tiêu cực mang tính chất chu kỳ do sự điều tiết của thị trường gây nên. Chính quyền Hoa kỳ không thừa nhận việc đặt kế hoạch và điều hành bằng kế hoạch, cho rằng thực hiện kế hoạch có nghĩa là mở rộng và tăng cường vai trò của nhà nước trong hoạt động kinh tế. Theo họ, việc đề cao vai trò nhà nước là trái với chế độ tư hữu, đề cao vai trò nhà nước là tổn hại đến sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Có thể gọi kinh tế thị trường Mỹ là "mô hình do độc quyền giữ vai trò chủ đạo"

● **Mô hình kinh tế thị trường hỗn hợp Bắc Âu.** Mô hình này có một số thuộc tính giống như mô hình kinh tế thị trường xã hội nhưng hướng tới công bằng xã hội nhiều hơn và phúc lợi xã hội cao hơn. Tất nhiên, "mô hình hỗn hợp" vẫn dựa trên nền tảng kinh tế tư hữu tư bản chủ nghĩa, trong đó, kinh tế tư nhân 90%, kinh tế nhà nước 10%, các thành phần kinh tế mua cổ phần của nhau, phụ thuộc và lồng ghép vào nhau. Kinh tế nhà nước tồn tại dưới các hình thức: Vốn của nhà nước 100%, công ty trách nhiệm hữu hạn trong đó vốn nhà nước 100%, công ty cổ phần trong đó có cổ phần của nhà nước (không chế hoặc không không chế). Kinh tế nhà nước thường thuộc các ngành quan trọng như gang thép, than, mỏ, điện, bưu chính, viễn thông, hàng không, đường sắt, bến cảng, muối, một số ngành kỹ thuật cao, công nghiệp quốc phòng. Các công ty kinh tế nhà nước đều phải đăng ký và hoạt động theo đúng pháp luật. Nhà nước thi hành chính sách thống nhất về thuế và lãi suất đối với mọi thành phần kinh tế, không cho phép ai ngoại lệ. Trong "mô hình hỗn hợp", việc nhà nước nắm một số ngành then chốt, chủ yếu nhằm chống lại sức ép và sự không chế của tư bản nước ngoài, nhất là của các công ty siêu quốc gia.

● **Mô hình kinh tế thị trường bốn con rồng châu Á.** Đây là một trong những mô hình thành công nhất trên thế giới và mang đậm màu sắc văn hóa phương Đông (không kể Hồng Kông). Đặc trưng của mô hình này là sự kết hợp giữa quản lý tập trung cao với phát huy cơ chế kinh tế thị trường. Trong đó, một chính quyền mạnh, ổn định, có ý thức rất sâu sắc về phát triển và về thị trường, có quyền uy, làm chức năng điều hành vĩ mô, cân đối và không chế tổng cung và tổng cầu, dự báo và kiểm tra. Biện pháp chủ yếu là hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh tế, chính sách cơ cấu sản xuất, chính sách tài chính tiền tệ, tiền lương để chỉ đạo các hoạt động thị trường. Chính phủ hướng toàn bộ nền kinh tế theo mục tiêu và chiến lược chung đã được xác định. Kinh tế thị trường bốn con rồng dựa trên *bốn trụ cột*: 1 - *Cơ cấu sở hữu*: Kinh tế tư nhân là chính. Nhà nước sở hữu những ngành quan trọng nhất thông qua hình thức cổ phần không chế. Những cơ sở kinh tế của nhà nước đều phải đăng ký và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. 2 - *Cơ cấu động lực*: Chính phủ và doanh nghiệp phối hợp để huy động mọi yếu tố tích cực của cơ chế thị trường nhằm kích thích tính tích cực sáng tạo của cá nhân và tập thể, thúc đẩy kinh tế xã hội không ngừng phát triển. 3 - *Cơ cấu ra quyết định* (quyết sách): cơ chế này vừa bảo đảm quyền tự

chủ kinh doanh của các doanh nghiệp với tư cách pháp nhân, vừa có sự quản lý tập trung thống nhất của chính phủ. 4 - *Cơ cấu thông tin*: Hệ thống thông tin (và báo chí) luôn luôn thông suốt từ trên xuống và từ dưới lên trong phạm vi trong nước và liên hệ quốc tế, luôn đổi mới và hiện đại hóa theo kịp trình độ quốc tế.

● **Mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung quốc.** Đặc trưng chủ yếu của mô hình này là: kinh tế công hữu, kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác là chủ thể, kinh tế quốc hữu là chủ đạo. Chủ thể là nói về quy mô, định lượng là chính. Chủ đạo là nói về vai trò dẫn đường, định tính là chính. Kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh cùng kinh tế doanh nhân nước ngoài, được coi như là thành phần kinh tế bổ sung cần thiết. Về phân phối, thực hiện phân phối theo lao động là chính, các hình thức phân phối khác là bổ sung; ưu tiên áp dụng những hình thức phân phối nào có tác dụng thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, đồng thời chú ý sự công bằng trong thu nhập. Mở rộng một cách hợp lý khoảng cách trong thu nhập, nhưng không thể phân hóa hai cực, từng bước thực hiện mục tiêu cùng nhau giàu có.

Tất cả những lĩnh vực kinh tế nào thấy có thể được thì để cho thị trường điều tiết, cần phóng tay thả nổi để cho thị trường kích thích sức sống. Đặc biệt là những ngành mang tính chất cạnh tranh, những ngành này cần để cho thị trường phân bổ tài nguyên là chủ yếu. Đối với các ngành thuộc cơ sở hạ tầng cũng cần tham gia cơ chế cạnh tranh thị trường.

Đặc điểm của việc xây dựng kinh tế thị trường ở Trung quốc là rất mạnh dạn tìm tòi và học tập kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản, đổi mới tư duy, đột phá về lý luận và thực tiễn, triệt để xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp. Có thể thấy, về mặt chiến lược, Trung quốc không hề sợ tự do cạnh tranh của thị trường, chấp nhận để cho thị trường điều tiết phân bổ tài nguyên. Nhưng Trung quốc rất coi trọng quản lý vĩ mô của nhà nước. Tháng 11-1993, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung quốc thông qua *50 điểm về chế độ kinh tế thị trường Trung quốc*, coi đó là "cương lĩnh hùng vĩ tiền sang thế kỷ 21", trong đó đặt trọng tâm vào việc hình thành một hệ thống các doanh nghiệp hiện đại, có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Chương trình này đặt mục tiêu hình thành cơ chế thị trường đồng bộ vào cuối thế kỷ này, trong đó yêu cầu cơ bản là phát huy vai trò điều tiết sản xuất, quyết định phân bổ tài nguyên của cơ chế thị trường. Trung quốc cũng đặc biệt chú trọng việc xây dựng văn hóa đạo đức trong kinh tế thị trường. Ngay từ năm 1986, Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc đã có nghị quyết về vấn đề này, coi xây dựng văn minh tinh thần có tầm chiến lược như xây dựng văn minh vật chất. Nhờ đó, văn hóa, văn nghệ Trung quốc nhiều năm qua không có lệch lạc lớn, không bị đồng tiền "đất mũi", mà ngược lại có nhiều tác phẩm nổi tiếng.

Như vậy, có thể thấy kinh tế thị trường là một tổ chức phức tạp, được quy định bằng pháp chế khoa học. Sự vận hành của kinh tế thị trường là tuân theo những quy luật khách quan như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... Chủ nghĩa tư bản ngày nay đã đạt tới trình độ cao trong việc vận dụng các quy luật đó. Nhưng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, do bản chất bóc lột và quy luật lợi nhuận tối đa, nên đã dẫn tới sự phân hóa hai cực giàu nghèo, bất công xã hội trầm trọng và nảy sinh nhiều tiêu cực khác, dẫn đến xung đột xã hội ngày càng gay gắt. Tất cả những bệnh hoạn đó là do bản chất của chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản gây nên. Điều đó chỉ chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản không thể là xã hội lý tưởng của

loài người. Chủ nghĩa tư bản tự phủ định là xu thế tất yếu. Mặt khác, qua việc khái lược về mô hình kinh tế thị trường ở Trung quốc hiện nay, chúng ta có thể thấy rằng, việc tồn tại và phát triển của nền kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội là tất yếu. Cũng là kinh tế thị trường, nhưng mô hình kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội khác về chất so với chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội là những mô hình đang hình thành và phát triển, nó còn phải không ngừng sáng tạo để ngày càng hoàn thiện □

LÊ TỊNH

(Tổng thuật)



Tìm hiểu khái niệm

THỜI ĐẠI. THỜI ĐẠI NGÀY NAY

● **THỜI ĐẠI** là khái niệm chỉ một khoảng thời gian tương đối dài với những nội dung, đặc trưng xác định trong lịch sử phát triển xã hội loài người.

Việc phân chia các thời đại thường căn cứ vào đặc điểm nổi bật hay xu hướng vận động chính của xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử.

Các khoa học, xuất phát từ góc độ nghiên cứu của mình, có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau về đặc điểm hay xu thế nổi bật, có ý nghĩa đặc trưng cho mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, do đó có cách gọi khác nhau về thời đại. Cùng là lịch sử xã hội loài người, *khảo cổ học* có các khái niệm: thời đại đồ đá, thời đại đồ đồng, thời đại đồ sắt; còn *khoa học lịch sử* lại có các khái niệm: thời cổ đại, thời trung đại, thời cận đại và thời hiện đại. Để chỉ sự tiến bộ chung của con người, người ta có các khái niệm: thời đại mông muội, thời đại dã man và thời đại văn minh. Để chỉ các trình độ văn minh, lại có khái niệm thời đại văn minh nông nghiệp, thời đại văn minh công nghiệp, thời đại văn minh tin học.v.v..

Như vậy, cách hiểu về thời đại là tùy theo góc độ và phương pháp tiếp cận; nó tương đối linh hoạt. Điểm mốc của mỗi thời đại cũng rất tương đối vì nó chỉ phản ánh một vài khía cạnh của đời sống xã hội.

Song dù là tương đối, sự phân chia thời đại là cần thiết. Về phương diện lịch sử, nó cần thiết để nhận thức quá khứ, từ đó rút ra những quy luật chi phối sự vận động, tiến hóa của xã hội loài người. Về phương diện *thực tiễn* nó cần thiết để hoạch định chiến lược, sách lược con đường hướng tới tương lai. Do vậy, việc phân chia và nhận thức thời đại vừa có tính khoa học, vừa mang tính giai cấp. Điều này đặc biệt rõ khi phân chia thời đại từ góc độ *lịch sử chính trị - xã hội*.

Chủ nghĩa Mác - Lênin phân chia thời đại từ góc độ lịch sử chính trị - xã hội nhưng với quan điểm *duy vật biện chứng*, nghĩa là gắn với sự tiến bộ của loài người qua các phương thức sản xuất. Do vậy, thời đại theo quan điểm mác-xít, phù hợp với các hình thái kinh tế - xã hội gắn với các chế độ chính trị - xã hội từ thấp lên cao: thời đại cộng sản nguyên thủy, thời đại chiếm hữu nô lệ, thời đại phong kiến, thời đại tư bản chủ nghĩa, thời đại cộng sản chủ nghĩa. Cách phân chia và nhận thức thời đại như vậy là khoa học. Nó đã và đang được các khoa học xã hội - nhân văn mác-xít vận dụng trong việc phân chia thời đại.

● **THỜI ĐẠI NGÀY NAY.** Căn cứ vào đặc điểm và xu thế nổi bật trong lịch sử chính trị - xã hội của loài người từ sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười năm 1917 ở Nga và phù hợp với quan điểm duy vật lịch sử, Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân họp ở Mát-xcơ-va tháng 11-1957 đã nêu nhận định về thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp đó, Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân họp ở Mát-xcơ-va tháng 11-1960 lại khẳng định mạnh mẽ hơn về nội dung thời đại hiện nay: "Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới" (1).

Cho đến nay, từ sự nghiên cứu, phân tích khoa học bản chất những sự kiện chính trị - xã hội gần đây trên thế giới, phân tích những xu hướng, những mâu thuẫn lớn trong xã hội loài người dưới tác động của sự phát triển của lực lượng sản xuất trên toàn thế giới, Đảng ta đã nhận định: "Chế độ xã hội chủ nghĩa Liên xô và các nước ở Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại - loài người vẫn ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội" (2). Đây là một nhận định hoàn toàn chính xác □

(1) *Văn kiện Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân quốc tế tại Mát-xcơ-va tháng 11-1960.* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr 17

(2) *Dự thảo báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng khóa VII trình Đại hội VIII của Đảng*

● HỘI THẢO KHOA HỌC : "VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY"

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 106 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5), và kỷ niệm lần thứ 85 ngày Người ra đi tìm đường cứu nước (5-6), Phân viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại TP Hồ Chí Minh cùng với Cơ quan thường trú của Tạp chí Cộng sản ở phía Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong sự nghiệp đổi mới hiện nay".

Tham gia Hội thảo có các giáo sư, tiến sĩ, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của một số cơ quan trung ương, của Phân viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản và các cơ quan nghiên cứu của TP Hồ Chí Minh, đại diện các Ban tuyên giáo, Trường chính trị các tỉnh phía Nam, đại diện báo Nhân dân, Đài truyền hình trung ương, các báo, đài truyền hình thành phố.

35 bản tham luận và nhiều ý kiến phát biểu tại Hội thảo đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra đối với công tác cán bộ hiện nay.

Các tham luận đã đề cập nhiều vấn đề cơ bản như : Cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ ; tiêu chuẩn cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ trí, sử dụng và chính sách cán bộ v.v... Cùng với việc phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ, các nhà nghiên cứu phân tích, làm rõ những tư tưởng đó được vận dụng vào thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, đồng thời đưa ra những giải pháp, những kiến nghị đổi mới công tác tổ chức và cán bộ trong thời gian tới.

Những báo cáo thực tiễn của đại biểu các tỉnh : Lâm đồng, Tiền giang, Bà Rịa - Vũng tàu, Cần thơ... cung cấp những thông tin về thực trạng của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ ở các địa phương, trong đó nêu rõ hạn chế lớn nhất của cán bộ ta hiện nay là sự non yếu về trình độ lãnh đạo - quản lý cũng như nghiệp vụ chuyên môn. Vấn đề cấp bách đang đặt ra là phải gấp rút bồi dưỡng, đào tạo cán bộ để sớm khắc phục sự non yếu nói trên.

Hội thảo đã dành khá nhiều thời gian và có nhiều ý kiến trao đổi về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ giữa đức và tài. Phần lớn ý kiến cho rằng, trong điều kiện hiện nay, sử dụng cán bộ phải chú ý đến tài năng, nhưng lại phải đặc biệt chú ý tới đạo đức, vì đây là cái gốc của người cán bộ. Thực tế vừa qua đã có lúc, có nơi buông lơi hoặc xem nhẹ việc giáo dục đạo đức, dẫn đến không ít cán bộ bị tha hóa, biến chất, lạm dụng chức quyền tham nhũng, mưu lợi ích riêng, kết cục những cán bộ được coi là có tài năng cũng không giúp ích cho nước, cho dân, và chúng ta đã mất cán bộ.

Về việc vận dụng chính sách cán bộ theo quan điểm của Bác Hồ vào tình hình hiện nay Hội thảo cũng có nhiều ý kiến thảo luận. Nội dung các ý kiến phát biểu và tham luận rất phong phú, nhưng có ba điểm đáng chú ý, đó là : Vấn đề đổi mới chính sách cán bộ, công tác tổ chức và cán bộ cho phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới hiện nay ; Vấn đề khắc phục tình trạng phân hóa và những bất công xã hội tồn tại ngay trong đội ngũ cán bộ của đảng và nhà nước ta ; vấn đề quy hoạch cán bộ để bảo đảm cả tính kế thừa và tính phát triển của đội ngũ cán bộ.

● HỘI THẢO KHOA HỌC : "HÌNH TƯỢNG NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM TRÊN SÂN KHẤU"

Nhân kỷ niệm lần thứ 106 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Viện sân khấu tổ chức Hội thảo khoa học "Hình tượng người cộng sản Việt nam trên sân khấu" nhằm đánh giá thành tựu, rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc thể hiện hình tượng người cộng sản Việt nam trên sân khấu 5 thập kỷ vừa qua, đồng thời trao đổi về hướng tiếp tục thể hiện đề tài này trong thời gian tới.

Tới dự Hội thảo có đồng chí Hà Đăng, ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban tư tưởng - văn hóa trung ương ; các đồng chí lãnh đạo Bộ văn hóa thông tin và lãnh đạo một số ngành ; nhiều nhà khoa học, chuyên gia sân khấu và nhiều tác gia, nhiều nghệ sĩ có tên tuổi ; giám đốc sở văn hóa một số tỉnh miền Bắc và miền Trung. Đoàn cải lương "Bông sen trắng" của tỉnh Nghệ an cũng ra dự và biểu diễn phục vụ Hội thảo.

Sau lời khai mạc của đồng chí Nguyễn Phan Thọ là báo cáo đề dẫn của đồng chí Hoàng Chương, Viện trưởng Viện sân khấu. Bản báo cáo nêu ra 4 vấn đề để các đại biểu thảo luận. Đó là sự tiếp nối cái truyền thống tới cái hiện đại trong việc phản ánh những nhân vật anh hùng ; việc xây dựng hình tượng lãnh tụ ; việc tái hiện người cộng sản có quan hệ đến tính đảng, tính chiến đấu trong các tác phẩm sân khấu ; một số đề xuất nhằm duy trì những vở diễn hay về đề tài người cộng sản.

Sau khi biểu dương Viện sân khấu có sáng kiến tổ chức cuộc hội thảo khoa học này, đồng chí Trần Hoàn, ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ văn hóa thông tin nhấn mạnh : chúng ta cần đi sâu vào hình tượng người cộng sản Việt nam, chứ không phải người cộng sản nói chung ; họ có nét gì khác so với những người cộng sản trên thế giới ? Đồng chí bộ trưởng đã khẳng định những cố gắng và thành tích của ngành sân khấu đã đạt được và mong ngành tiếp tục có được những tác phẩm sân khấu mới, thật hay mà hình tượng người cộng sản luôn là trung tâm của vở diễn. Nhà nước sẵn sàng đầu tư thích đáng cho những công trình nghệ thuật có tầm vóc đó. Các nhà nghiên cứu, các nghệ sĩ và các nhà quản lý nghệ thuật nên tìm ra những phương sách và biện pháp tốt nhất để trên sân khấu ngày càng có nhiều hình tượng đẹp về người cộng sản, tạo nguồn cổ vũ trực tiếp cho quần chúng.

Nhiều bản tham luận có chung một nhận định : chúng ta có một hiện thực phong phú, sinh động trong đó có sự đóng góp to lớn của những bậc anh hùng, những người cộng sản. Đó là nguồn sáng tạo vô tận của nghệ thuật nói chung và nghệ thuật sân khấu nói riêng. Chúng ta đã đạt được những kết quả nhất định : Nhiều người cộng sản trong quá trình đấu tranh cách mạng, chống ngoại xâm, cũng như trong xây dựng đất nước đã được tái hiện trên sân khấu. Họ là những con người bình thường, giản dị, song ở họ lại có lý tưởng và tình cảm cao đẹp, đã từng để lại dấu ấn không bao giờ phai mờ trong lòng người xem. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, việc xây dựng hình tượng người cộng sản còn nhiều hạn chế. Trước hết, đó là sự xuất hiện ít ỏi những hình tượng người cộng sản, ngay cả trong thời kỳ hưng thịnh của sân khấu, chứ chưa nói đến những giai đoạn gần đây, khi sân khấu có chiều hướng thương mại hóa, coi nhẹ việc giáo dục chính trị cho cộng chúng. Hình tượng người cộng sản trong một số vở còn mờ nhạt, chưa được khắc họa một cách sống động, có máu thịt, có hơi thở của thời đại. Nhiều hình tượng người cộng sản quá giống nhau, chưa có những tính cách và số phận riêng. Trong một số vở, người xem có cảm giác hình ảnh người cộng sản dường như được nặn theo một khuôn mẫu có sẵn, khô cứng, thậm chí có lúc méo mó, xuyên tạc. Ngành sân khấu cần kịp thời rút ra những bài học thích đáng làm cho sân khấu ngày càng vươn lên phản ánh chân thật và hấp dẫn hơn, tạo ra những hình tượng nghệ thuật sâu sắc và cảm hóa đối với người xem.

Hào hứng và sôi nổi, thượng tướng Nguyễn Nam Khánh cho rằng : "Hiện thực to lớn và sinh động của cuộc sống và chiến đấu của toàn quân, toàn dân ta trong chống Pháp và chống Mỹ, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã mở ra chân trời mới, một trường lực hấp dẫn đối với những nhà hoạt động sân

khẩu... Hiện thực đó là cái nguồn, là sự thật, đồng thời là định hướng tư tưởng có sức hấp dẫn đối với sản khẩu cách mạng, làm cho nó trở nên dồi dào sức sống".

Nhà nghiên cứu Hà Xuân Trường nhấn mạnh: "Trên sản khẩu nước ta, về đề tài cách mạng và chiến đấu gần như không có một tác giả nào, một tác phẩm nào xa rời hình tượng người cộng sản. Nó là nhân vật trung tâm của sản khẩu trong một thời gian dài bao gồm những nhân vật bình thường đến những nhân vật là cán bộ lãnh đạo, là lãnh tụ của dân tộc. Phải chăng đó là một đặc điểm của sản khẩu nước ta cũng như của văn học nước ta, phản ánh hiện thực của một thời kỳ cả nước lớn dậy "ra ngõ gặp anh hùng", một thời kỳ vàng son của của chủ nghĩa anh hùng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta".

Xoay quanh vấn đề khắc họa hình tượng người cộng sản, giáo sư Nguyễn Đức Lộc viết: "Trong khi ca ngợi người cộng sản kiên trung, bất khuất, trước mọi thử thách, trước mọi kẻ thù, sản khẩu đã dành cho họ một vị trí trang trọng, dành cho họ những phẩm chất cao quý của một lớp người đi tiên phong trong thời đại đấu tranh cách mạng, sản khẩu cũng nói về khía cạnh tiêu cực của một số ít người, hoặc vì cơ hội, hoặc vì hèn nhát, đã phản bội, đi ngược lại quyền lợi dân tộc, sinh ra ích kỷ, chăm lo cho bản thân, tham nhũng... để cảnh tỉnh người đời".

Nhà nghiên cứu sản khẩu Nguyễn Văn Thành nêu rõ: "Người cộng sản thuộc phạm trù con người mới của thời đại hiện nay, do đó nền sản khẩu của chúng ta không thể không dành cho hình tượng này vị trí trung tâm". Ông Lý Khắc Cung nghiêm khắc chỉ ra thiếu sót về: "Hình tượng nhân vật của các vở kịch còn sơ lược, kể lể dài dòng, có nhiều điểm vụn vặt, đối thoại rườm rà. Nhiều vở chỉ là những hoạt cảnh, thiếu tính triết học, thiếu sự khái quát. Mặc dù trong chúng cũng có những hạt ngọc lấp lánh chưa được gia công nghệ thuật...".

Nói đến việc khắc họa hình tượng người cộng sản cao đẹp nhất, vĩ đại nhất là Bác Hồ, nhà nghiên cứu sản khẩu Thành Đăng Khánh mạnh dạn nêu lên những nhược điểm, yếu kém của một số tác giả. Nhưng sau đó nhà xã hội học Nguyễn Phan Thọ bằng những dẫn chứng cụ thể về ý kiến của đồng bào công chúng khán giả thuộc nhiều tầng lớp và đối tượng khác nhau đối với chương trình *Hình tượng Bác Hồ* đã nhận xét: "Chương trình *Hình tượng Bác Hồ* do Viện sản khẩu tổ chức và dàn dựng là đỉnh cao trong việc xây dựng hình tượng người cộng sản trên sản khẩu. Đó là hình tượng tiêu biểu nhất, tập trung mọi phẩm chất cao đẹp, mọi ý tưởng trong sáng, cao cả của người cộng sản Việt nam, của dân tộc Việt Nam - được tái tạo bằng nghệ thuật đã trở nên hấp dẫn, cuốn hút đến bất ngờ người xem...".

Ông cho biết: "Làm sống lại hình ảnh người cộng sản Hồ Chí Minh - một con người vĩ đại mà từ lâu đã trở thành kinh yếu, gần gũi và thân quen với mọi người là điều cực khó. Đưa đến cho người xem cái đáng vẻ và phong độ, cái thiên tài và sức mạnh của Bác, dù là phần nhỏ thôi cũng là một thắng lợi. Việc công chúng chấp nhận hình tượng đó rõ ràng là điều khẳng định sự thành công của những vở diễn".

Vấn đề kịch bản là mảng có nhiều đại biểu đề cập. Nhà viết kịch lão thành Học Phi, người có nhiều tác phẩm viết về người cộng sản, tâm sự: "Ở cái tuổi ngoài 80 thì không biết cái chết bắt đầu từ lúc nào. Tôi chỉ biết cố gắng viết với tất cả tâm lòng của mình đối với Đảng, với nhân dân, đất nước; còn hay dở thế nào đã có xã hội phân xét. Nhưng dù khen chê, dù thành công hay thất bại, tất cả rồi cũng qua đi, chỉ có tác phẩm là còn lại".

Đồng chí Mịch Quang, nhà lý luận kiêm tác gia Tuồng đã khẳng định: "Tuồng có khả năng xây dựng những hình tượng người cộng sản như các kịch chủng khác, mặc dù nó có những đặc trưng và hạn chế riêng".

Một trong những con chim đầu đàn của ngành chèo, giáo sư Hà Văn Cầu kết luận: "Tất cả mọi hình tượng người cộng sản, trong đó, tiêu biểu nhất là Bác Hồ, đều có thể đưa lên sản khẩu, miễn là làm sao không xa rời thực tế lịch sử, phù hợp với lòng mong đợi và niềm tin của khán giả cùng thời với chúng ta". Nhà viết kịch Hoài Giao nêu ý kiến: "Nếu nhiệm vụ sản khẩu là tôn vinh cái cao cả, phê phán cái thấp hèn, nếu sản khẩu muốn cổ vũ lòng yêu nước, tinh thần hy sinh chiến đấu, thì nhân vật chính của nó còn gì hơn là hình tượng đảng viên cộng sản...".

Cùng một dòng tâm sự của người sáng tác, nhà viết kịch Thanh Hương bày tỏ sự trưởng thành của mình là nhờ vào việc lăn lộn, tìm tòi và hòa mình trong quần chúng, nhờ sự tiếp cận với các anh hùng, với nhiều đảng viên cộng sản.

Tác giả chèo Trần Đình Ngón, sau khi nêu lên những khó khăn, khúc khuỷu trong quá trình sáng tác những vở có nhân vật trung tâm là người cộng sản, ông kết luận: "Như vậy, thực tiễn sản khẩu chèo cho thấy hình tượng người cộng sản xuất hiện ở hai mảng đề tài lớn: đề tài đấu tranh cách mạng và đề tài hiện đại, với con số ước đoán có tới hơn trăm vở và hàng trăm nhân vật là đảng viên cộng sản".

Đi sâu vào bộ môn chèo, giáo sư - đạo diễn Trần Bảng nhận xét: "Nói về sự phát triển của dòng nghệ thuật này là để chứng minh rằng, vấn đề hình tượng người cộng sản cũng như tư tưởng cộng sản đã chiếm một vị trí to lớn, quan trọng như thế nào trên sản khẩu chèo trong những năm chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc". Ông nói tiếp: "Chúng ta đều biết, trong những năm tháng ấy, cuộc chiến đấu và xây dựng đất nước ta đã diễn ra hàng ngày dưới sự lãnh đạo của Đảng, với những người cộng sản hoặc mang tư tưởng cộng sản vậy thì tác phẩm nghệ thuật nào viết hoặc diễn về cuộc sống hào hùng ấy lại có thể bỏ qua được loại nhân vật trung tâm ấy".

Đi sâu vào từng kịch chủng, các nhà nghiên cứu sản khẩu Cát Diên, Tuấn Giang, Hà Diệp, Hoàng Kim Dung... đã phác họa nên bức tranh về quá trình xây dựng hình tượng người cộng sản trong 50 năm qua, đồng thời đưa ra một số nhận xét theo yêu cầu nặng của từng loại hình sản khẩu.

Trong Hội thảo không chỉ có tiếng nói của các nhà lý luận, các tác gia, mà còn có cả tiếng nói của các nghệ sĩ biểu diễn. Đó là những lời phát biểu có minh họa của các nghệ sĩ nổi tiếng Đàm Liên, Lê Chúc, Trọng Thủy, Thanh Văn...

Đặc biệt, để góp tiếng nói của địa phương với Hội thảo, nhạc sĩ Hồ Hữu Thới, giám đốc Sở văn hóa thông tin tỉnh Nghệ an, PTS Nguyễn Đình Nhã, giám đốc Sở văn hóa thông tin tỉnh Hải Hưng đã viết những bản tham luận công phu, nói lên quá trình xây dựng và biểu diễn những vở có nhân vật trung tâm là người cộng sản.

Trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, giám đốc Hồ Hữu Thới nêu rõ: "Đề tài về người cộng sản là một trong những nguồn cảm hứng lớn của các nghệ sĩ cách mạng, trong đó rất vinh dự cho quê hương Nghệ an là một số chiến sĩ cộng sản xứ Nghệ đã trở thành giá trị vĩnh hằng và là di sản chung của dân tộc, được các tác giả sớm quan tâm xây dựng thành các hình tượng cộng sản tiêu biểu của nghệ thuật như Tôn Thị Quế, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong...".

Tự hào về quê hương giàu truyền thống cách mạng, giám đốc Nguyễn Đình Nhã nói: "Sản khẩu Hải Hưng không đi ngoài guồng lối cuốn ấy, từ mảnh đất đồng chiêm, quê hương chiêm chèo Đông, chúng tôi - những người làm sản khẩu đã cho ra đời nhiều tác phẩm nghệ thuật đích thực, giàu xúc động thể hiện bản lĩnh, tâm hồn người cộng sản quê mình trong chiến tranh và cả khi xây dựng quê hương đổi mới."

Tổng kết cuộc Hội thảo, Viện trưởng Hoàng Chương mong ước và tin tưởng từ nay trên sản khẩu Việt nam có thêm nhiều tác phẩm viết về Đảng, về người cộng sản - những người đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp cao cả của dân tộc, của đất nước. Và muốn thể hiện thành công hình tượng người cộng sản, ngoài lương tâm, trách nhiệm và tài năng của người nghệ sĩ, còn phụ thuộc vào sự quan tâm của những người quản lý nghệ thuật. Việc tạo nên một lớp công chúng mới, có trình độ thẩm mỹ cũng là yếu tố vô cùng quan trọng. □

PHAN NGUYỄN (thực hiện)



TAPACK

CÔNG TY BAO BÌ NHỰA

TÂN TIẾN

Địa chỉ : 177/2 Hương Lộ 14 - Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh

Tel : 8552176 - 8554279 - 8565998. Fax : 84.8.8560641

Chào Mừng Đại Hội Đại Biểu Ngành Toàn Quốc Lần Thứ 8



VĂN PHÒNG CÔNG TY

CHUYÊN SẢN XUẤT :

- Bao bì cho ngành sản xuất, Bột gia vị, bột ngọt, thực phẩm đông lạnh.
- Bao bì cho ngành dược phẩm, hóa chất nông nghiệp.
- Bao bì cho ngành bánh kẹo đường.
- Bao bì cho ngành hải sản.
- Bao bì cho ngành may mặc.
- Nhãn chai nước giải khát, nước suối v.v...
- Bao bì cho ngành hóa mỹ phẩm, bột giặt.





VIỆT HOA NGÂN HÀNG

VIET HOA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

越華銀行

LUÔN XỨNG ĐÁNG LÀ NGÂN HÀNG TIN CẬY CỦA QUÝ VỊ

HỘI SỞ KINH DOANH

Số 203 Phùng Hưng, Quận 5, Điện thoại : 8554231 - 8554232 - 8570041 - 8570042 Fax : 84.8.554244

Thực hiện mọi nghiệp vụ Ngân hàng thương mại :

- + Nhận tiền gửi dưới mọi hình thức bằng tiền đồng Việt nam và ngoại tệ.
- + Cho vay ngắn, trung và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân.
- + Hùn vốn liên doanh.
- + Tài trợ các công trình xây dựng.
- + Tài trợ tín dụng xuất nhập khẩu, cung cấp các dịch vụ giao dịch đối ngoại khác.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

- Chi nhánh Trần Hưng Đạo Fax : 84.8.553607
Số 172 - 174 Trần Hưng Đạo, Q.5, ĐT : 8553140
- Chi nhánh Phùng Hưng
Số 131 - 133 Phùng Hưng Q.5 - ĐT : 8558473
Fax : 84.8.553855
- Chi nhánh PHỦ ĐỔNG Fax : 84.4.556195
Số 209-122 Lương Nhữ Học Q.5 ĐT : 8554564 - 8566915
- Chi nhánh BÌNH TÂY
Số 33-35 Tháp Mười Q.6 ĐT : 8552713
Fax : 84.8.559099
- Chi nhánh SÔNG BÉ Fax : 01.65.24397
Số 97 Đoàn Trần Nghiệp - Thủ Dầu Một - Sông Bé
ĐT : 824398 - 24399 - 24676
- Chi nhánh ĐÀ LẠT
Số 14 Nguyễn Văn Cừ, TP. Đà Lạt - Lâm Đồng
ĐT : 823263 - 823265
Fax : 01.63.23264
- Chi nhánh HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG
114-116 Hải Thượng Lân Ông, Q.5,
ĐT : 8575819 - 8558888 Fax : 84.5.557888
- Chi nhánh TÂN THÀNH
Số 208^{DE} Hùng Vương Q.5 ĐT : 8550514 - 8566829 - 8557667
Fax : 84.8.554160
- Chi nhánh ĐỒNG KHÁNH
Số 47- 49 Châu Văn Liêm, Q.5 ĐT : 8551810 - 8560086 - 8564526
- Chi nhánh AN DƯƠNG VƯƠNG Fax : 84.8.553877
Số 60-62 An Dương Vương Q.5 - ĐT : 8350423
- Phòng giao dịch TÂN THUẬN ĐT : 8729015
70/4 - 70/5 Liên tỉnh lộ 15 xã Tân Thuận Đông, huyện Nhà Bè
- Phòng giao dịch AN ĐỒNG
34-36 Tăng hám chợ An Đồng, ĐT : 8351188



CÔNG TY DỆT - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI

QUYẾT THẮNG

Số 304 - Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh

Tel : 8944546 - 8946158 - 8941143 Fax : 84-8-940339

NĂNG LỰC KINH DOANH : với 02 chi nhánh : 1 tại Quảng nam - Đà Nẵng ; 1 tại Hà nội, 7 cửa hàng tại các chợ đầu mối cùng hàng trăm đại lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, mỗi năm công ty tiêu thụ được :

- 6000 tấn sợi - 20.000.000 mét canh - 4.000.000 mét vải - 1000 tấn thun các loại.

- 300.000 sản phẩm may các loại

NĂNG LỰC SẢN XUẤT : với 2 nhà máy và 3 phân xưởng trực thuộc cùng hàng ngàn máy dệt là vệ tinh, mỗi năm công ty sản xuất được

- 1000 tấn sợi OE, 4.500.000 mét vải, 26.000.000 mét canh các loại.

- 1.500 tấn vải thun thành phẩm. 500.000 sản phẩm áo chemise các loại.





CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

Sản phẩm VINAMILK đa dạng và phong phú, đảm bảo các giá trị dinh dưỡng cao. Đặc biệt được bổ sung thêm các Vitamin các loại.



Địa chỉ : 36 - 38 Ngô Đức Kế - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - ĐT : 299377 - Fax : 84-8-294845
25B Phan Đình Phùng - Quận Ba Đình - Hà Nội - ĐT : 284187



Bí thư Đảng ủy, Giám đốc mỏ
KS. NGUYỄN TỬ MINH

Nhà điều hành sản xuất ▶



MỎ THAN VÀNG DANH

ĐỊA CHỈ TIN CẬY CỦA KHÁCH HÀNG

Địa chỉ : Phường Vàng danh, thị xã Uông bí - Quảng ninh
ĐT : 033.853111/138/104 Fax : 033.853120

MỎ THAN VÀNG DANH LÀ ĐƠN VỊ SẢN XUẤT THAN HÀM LỎ, NẴM Ở MIỀN TÂY TỈNH QUẢNG NINH, SẢN LƯỢNG THAN THƯƠNG PHẨM TRUNG BÌNH ĐẠT TỪ 350.000 ĐẾN 460.000 TẤN/NĂM.

TRONG NHỮNG NĂM QUA MỎ ĐÃ PHẤN ĐẤU NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA MẶT HÀNG, GIỮ VỮNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TIÊU THỤ ĐỂ PHỤC VỤ NGÀY MỘT TỐT HƠN. RIÊNG NĂM 1995, MỎ ĐÃ TIÊU THỤ ĐƯỢC GẦN 450.000 TẤN THAN CÁC LOẠI, ĐẠT TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN 140% SO VỚI NĂM 1994. RIÊNG SẢN XUẤT KHẨU TĂNG GẤP 4 LẦN, VỚI ĐÀ ĐÌ LÊN, BƯỚC VÀO NĂM 1996, NGAY TRONG QUÝ MỞ ĐẦU, MỎ ĐÃ TIÊU THỤ ĐƯỢC 131.000 TẤN, DOANH THU HƠN 40,6 TỶ ĐỒNG ; SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 1995 TĂNG GẤP 1,5 LẦN ĐẾN 1,6 LẦN.

ĐÃ TỪ LÂU, THAN VÀNG DANH LÀ NGUYÊN LIỆU THÍCH HỢP ĐỂ SẢN XUẤT PHẦN LÂN NUNG CHẤY THAY THAN CỐC NHẬP NGOẠI VÀ DÙNG TRONG CÔNG NGHỆ ĐÚC THÉP, GANG MẠC CAO. ĐỒNG THỜI LÀ SẢN PHẨM QUEN THUỘC CUNG CẤP CHO CÁC NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN, XI MĂNG LÒ ĐÚNG, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TIÊU DÙNG SINH HOẠT... THAN VÀNG DANH CUNG ĐÃ LẦN LƯỢT CÓ MẶT VÀ ĐỨNG VỮNG TRÊN CÁC THƯƠNG TRƯỜNG QUỐC TẾ NHƯ : HÀN QUỐC, PHÁP, BỈ, NHẬT BẢN, TRUNG QUỐC, HỒNG KÔNG, CU BA...

HIỆN NAY BÊN CẠNH CÁC LOẠI THAN NHIỆT LƯỢNG CAO NHƯ : THAN CỤC QUA TUYỀN VỚI 11 CỖ HẠT KHÁC NHAU TỪ 6 ĐẾN TRÊN 100 MM, THAN CẨM SỐ 3, CẨM 4A... MỎ CÒN CÓ CẢ THAN CỤC XỎ CỖ HẠT TRÊN 15 MM KHÔNG QUA TUYỀN, THAN CỤC TRUNG GIAN, THAN BÙN..., SẴN SÀNG ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ MỌI YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG.

BẰNG TÂM LÒNG MẾN KHÁCH, BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM THAN CHẤT LƯỢNG CAO, GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG VÀ UY TÍN PHỤC VỤ ĐÃ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH, MỎ THAN VÀNG DANH LUÔN LUÔN LÀ ĐỊA CHỈ TIN CẬY CỦA BẠN HÀNG.



Sử dụng sắt thu hồi làm củi lợn trong lò chợ



Trung tâm phục hồi chức năng lao động

Ảnh trang này : Ngọc Anh

Ảnh bìa 4 : Mừng đất nước nở hoa

Ảnh : TTXVN

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN

CHỈ SỐ : 1265-ISSN 0866-7276 GIÁ : 3000Đ



13 3715

U. C. BERKELEY LIBRARIES



C058696444

